SIGMUND FREUD

PHÂN TÂM HỌC

nhập môn

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

SIGMUND FREUD

Người dịch: **NGUYỄN XUÂN HIẾN**

NHẬP MÔN PHÂN TÂM HỌC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu:

SIGMUND FREUD- NHÀ TÂM LÝ HỌC CỦA CÕI VÔ THỨC

Phần thứ nhất

NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC 3

1. Nhập đề 4
2. Những hành vi sai lạc 17
3. Những hành vi sai lạc (tiếp theo) 35
4. Những hành vi sai lạc (tiếp theo và hết 59

Phần thứ hai

GIẤC MƠ 85

5. Những khó khăn đầu tiên 86
6. Những điều kiện và kỹ thuật của sự giải thích 107
7. Nội dung rõ ràng và những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ 123
8. Những giấc mơ của trẻ con 138
9. Sự kiểm duyệt giấc mơ 151
10. Tính cách tượng trưng trong giấc mơ 165
11. Sự xây dựng giấc mơ 190
12. Phân tích một vài ví dụ về giấc mơ 205

13. Những điểm cố lỗ, tính cách ấu trĩ trong giấc mơ 223
14. Sự thực của ham muốn 239
15. Những điều mơ hồ về phê bình 257

Phần thứ ba

THUYẾT TỔNG QUÁT VỀ CHỨNG BỆNH THẦN KINH

270
16. Phân tâm học và thần kinh học 272
17. Ý nghĩa các triệu chứng 286
18. Vô thức có thể coi như một tác động gây thương tích 303
19. Chống đối và dồn ép 318
20. Đời sống và tình dục của người đàn ông 335
21. Sự phát triển của sự khát dục (Libido) và những tổ chức tình dục 354
22. Phương diện của sự phát triển và sự tụt lùi căn bệnh học 377
23. Những phương sách thành lập triệu chứng 399
24. Tinh thần bất an 422
25. Sự lo sợ phạm phồng 440
26. Thuyết khát dục và bệnh thần kinh Narcissisme" 463
27. Sự hoán chuyển 487
28. Phương pháp trị liệu phân tâm học 509

Lời giới thiệu

SIGMUND FREUD
TÂM LÝ GIA CỦA CÕI VÔ THỨC

Trong tất cả các ngành khoa học, người ta thường thừa nhận tâm lý học là môn khoa học bí hiểm và tối tăm nhất, và khó có thể chứng minh bằng khoa học hơn bất cứ bộ môn nào khác. Bản chất của những sự vật ở đây luôn luôn có sự hư hư thực thực và bất ngờ, vì nhà tâm lý học phải nghiên cứu về một hiện tượng tự nhiên bí mật nhất, đó là cuộc sống tâm lý của con người. Một lý thuyết hóa học hay vật lý có thể được chứng minh hay bác bỏ những phương pháp kỹ thuật trong phòng thí nghiệm, nhưng đối với giá trị của một lý thuyết tâm lý học, rất có thể không sao chứng minh một cách minh bạch, cho nên nhiều cuộc tranh luận bão táp đã nổi lên xung quanh Sigmud Freud và khoa phân tâm học suốt sáu chục năm ròng.

Dầu sao, có thể chứng minh được hay không thì học thuyết của Freud cũng đã có một ảnh hưởng vô song đối với tư duy hiện đại. Ngay Einstein cũng không kịch thích trí tưởng tượng

hay thâm nhập vào đời sống của người đương thời bằng Freud. Nhờ tìm tòi nghiên cứu những thứ chưa bao giờ ai hiểu biết về trí não con người mà Freud đã đưa ra được những ý tưởng và những từ ngữ mà ngày nay đã chan hòa vào cuộc sống thường nhật của chúng ta. Thực vậy, tất cả mọi lĩnh vực tri thức của con người như văn chương, nghệ thuật, tôn giáo, nhân chủng học, giáo dục, luật pháp, xã hội học, luật học, sử học và những môn học về xã hội hay cá nhân khác đều chịu ảnh hưởng của học thuyết Freud.

Tuy nhiên học thuyết này lại quá khô khan và ít sáng sủa. Một nhà phê bình khá hài hước đã nhận xét rằng:

> "Đối với người đời thì do sự phổ biến học thuyết này, Freud đã nổi bật lên như một kẻ phá bĩnh vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ông đã biến đổi sự giễu cợt và những niềm vui nhẹ nhàng của con người thành những hiện tượng dồn nén, bí hiểm và sầu thảm, đã tìm thấy sự hằn thù trong nguồn gốc yêu thương, ác ý ngay trong lòng sự âu yếm, loạn luân trong tình thương yêu giữa cha mẹ và con cái, tội lỗi trong thái độ đại lượng và trạng thái của sự căm uất bị "dồn nén" của mọi người cha như là một thứ được lưu truyền của nhân loại".

Tuy nhiên nhờ Freud mà ngày nay người ta đã có những ý nghĩ rất khác nhau về chính mình. Họ chấp nhận các khái niệm của Freud như: ảnh hưởng của tiềm thức đối với ý thức, nguồn gốc tính dục của bệnh thần kinh, sự hiện hữu và tầm quan trọng của tính dục trẻ thơ, tác dụng "mặc cảm Ơ-đíp" vào các giấc mộng, tình trạng "dồn nén" vân vân và vân vân. Những khuyết điểm của con người như lỡ lời, nhớ mặt quên tên

và quên lời hứa đều mang một ý nghĩa mới xét theo quan điểm của Freud. Hiện nay khó mà xác định được hết những định kiến mà Freud phải chống lại để truyền bá học thuyết của ông. Những định kiến này còn cố chấp hơn cả những định kiến mà Copernicus và Darwin đã vấp phải.

Khi Freud chào đời ở Freiberg thuộc miền Moravia, tác phẩm ***Nguồn gốc các chủng loài*** *chưa xuất hiện. Năm đó là năm 1985. Cũng như Karl Marx, tổ tiên Freud có nhiều người là pháp sư đạo Do Thái. Ông được đưa tới thành Vienna thủ đô nước Áo vào năm lên bốn tuổi, và đã sống gần suốt cả tuổi trưởng thành tại đây. Theo Ernest Jones, người viết tiểu sử chính của Freud thì ông đã được thừa hưởng của cha ông là một nhà buôn len, "tính hoài nghi sâu sắc về những tai biến bất thường của cuộc đời, thói quen dùng giai thoại Do Thái để châm biếm các quan điểm đạo đức, không tín ngưỡng những vấn đề tôn giáo". Bà mẹ Freud sống tới năm năm mươi chín tuổi, bản tính năng động và nhanh nhẹn. Sigmund là đứa con cưng đầu lòng của bà. Sau này Freud đã viết "một người đã từng là con yêu đặc biệt của một bà mẹ thì suốt đời người ấy có cái cảm giác là một kẻ đi chinh phục, và chính cái lòng tin chiến thắng ấy luôn đem lại thành công thực sự".*

Vào những năm đầu của cuộc đời, Freud rất tin vào thuyết của Darwin vì ông thấy rằng "Những lý thuyết ấy làm cho người ta có thể hy vọng vào những bước tiến phi thường trong việc tìm hiểu thế giới". Dự định sẽ trở thành thầy thuốc, ông đã theo học trường Đại học Y khoa thành Vienna. Và ông đã đỗ

bác sĩ năm 1881. Là một thầy thuốc trẻ tuổi của bệnh viện đa khoa, chữa trị đủ mọi loại bệnh, ông tiếp tục nghiên cứu môn thần kinh bệnh học và giải phẫu thần kinh. Ít năm sau, số mệnh xoay chiều và bất thần làm tên tuổi của ông nổi tiếng khắp thế giới. Một bạn đồng nghiệp của ông đã đi Paris và ông bèn đi theo sang thành phố này. Tại đây ông cùng làm việc với Jean Charcot, lúc ấy đã là một nhà bệnh lý học và thần kinh học người Pháp nổi tiếng. Ở đây lần đầu tiên ông được tiếp xúc với công trình của Charcot về bệnh loạn thần kinh và cách dùng phương pháp thôi miên để điều trị bệnh này. Freud đã thỏa mãn khi thấy Charcot chứng minh được "bệnh loạn thần kinh thật mà đàn ông thường hay mắc, và cách dùng thôi miên để gây ra trạng thái loạn thần kinh giả", và ông chứng kiến các hiện tượng gần giống nhau của bệnh loạn thần kinh thật và loạn thần kinh giả do dùng thôi miên tạo ra.

Nhưng khi trở lại thành Vienna, Freud không làm thế nào để thuyết phục được các bác sĩ đồng nghiệp: họ không tin là phương pháp chữa bệnh loạn thần kinh bằng thôi miên lại có cơ sở khoa học. Và người ta còn trừng phạt những ý nghĩa quá táo bạo của ông bằng cách đuổi ông ra khỏi phòng thí nghiệm giải phẫu thần kinh. Từ đấy Freud tách khỏi môi trường đại học và không còn tiếp tục tham dự những buổi họp của giới trí thức ở Vienna nữa. Trong lúc hành nghề bác sĩ tư, ông tiếp tục dùng phương pháp thôi miên để thí nghiệm trong nhiều năm nữa, nhưng dần dần ông đã bỏ phương pháp điều trị này vì chỉ ít người hợp với lối chữa bằng thôi miên và cũng vì đôi khi thôi

miên có những hiệu quả không hay với nhân cách người bệnh. Thay vào đó, Freud bắt đầu phát triển một phương pháp mới, ông đặt tên là "tự do liên tưởng", về sau kỹ thuật này đã trở thành một tiêu chuẩn thực hành của khoa học phân tâm học.

Freud hẳn là người sáng lập ra môn thần kinh bệnh học, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Trước ông, các nhà thần kinh bệnh học chỉ quan tâm đến những triệu chứng của bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và chứng tâm thần suy giảm *(lẩm cẩm), cần phải giam lại trong bệnh viện. Ngay từ khi chữa chứng dồn nén và chứng thần kinh tương khắc, Freud đã đi tới kết luận là không phải chỉ riêng con bệnh mà cả những người lành mạnh bình thường cũng mang trong mình những xung khắc tâm thần tương tự. Đi xa hơn nữa, bệnh tâm thần không phải là bệnh theo nghĩa thông thường được chấp nhận mà là trạng thái tâm lý của trí não. Vấn đề quan trọng là làm thế nào điều trị những chứng rối loạn tâm thần đang lan tràn rộng rãi ấy. Căn cứ vào những quan sát, thí nghiệm và kinh nghiệm thực hành khi điều trị cho nhiều người bệnh ở Vienna, Freud đã xây dựng cơ sở cho khoa phân tâm học vào khoảng cuối thế kỷ 19.*

Freud là một trong những nhà khoa học đã sáng tác nhiều hơn hết trong thời đại chúng ta. Sự phong phú về những đề tài mới mẻ cùng những phần đóng góp về tâm lý do ngòi bút của ông đem lại không thể thu gọn trong bất cứ một cuốn sách hay tờ báo nào. Theo ông, thì chắc chắn cuốn sách quan trọng ra đời sớm nhất của ông mà cũng được ông yêu thích nhất là cuốn Đoán Mộng xuất bản năm 1900. Sách này gồm hầu hết những

quan sát cơ bản và những suy luận của ông. Trong cuốn Nghiên cứu về chứng loạn thần kinh xuất bản sớm hơn (tức là vào năm 1895), ông đã bộc lộ niềm tin rằng "yếu tố chính trong sự rối loạn về tính dục là sự suy yếu gây ra cả bệnh tâm thần (neuroes) lẫn bệnh tâm thần suy nhược (psychoneuroses)". Đó là nền tảng của thuyết phân tâm. Vài năm sau đó, Freud hoàn chỉnh được lý thuyết của ông về sức đối kháng, hiện tượng chuyển biến tính dục tuổi thơ, mối tương quan giữa những ký ức bất mãn và ảo tưởng, giữa cơ chế tự vệ (defense mechanism) và sự dồn nén.

Một bản tóm lược những luận đề chính sẽ cho ta thấy được phần nào tính phức tạp của thuyết phân tâm. Trước hết, thần kinh bệnh học và phân tâm học không phải là hai từ đồng nghĩa. Phân tâm học có thể được coi như một ngành của thần kinh bệnh học và chỉ áp dụng cho những trường hợp khó khăn nhất là rối loạn nhân cách. Cho nên, phân tâm học có thể được định nghĩa như một phương pháp dùng để trị những bệnh rối loạn tâm lý và thần kinh. Theo một bản tường trình mới đây thì ở Hoa Kỳ chỉ có 300 trên 4000 các bác sĩ thần kinh được tín nhiệm là những nhà phân tâm học mà thôi.

Hoạ hoằn lắm Freud mới chú ý tới việc điều trị cá nhân. Những trường hợp cá nhân không bình thường chỉ được coi là những triệu chứng xáo trộn về kinh tế, xã hội và văn hóa của thế giới ngày nay. Mục đích của ông là trị bệnh tận gốc.

Nhiều nhà phê bình đã đồng ý là thành mà Freud đã đạt được chủ yếu dựa trên công trình phát giác và khảo sát về lĩnh vực vô thức của con người.

So sánh tâm linh con người với một tảng băng, mà tới tám chín phần mười tảng băng này chìm dưới nước biển, Freud cho rằng phần chính tâm lý con người cũng được ẩn giấu trong cõi vô thức. Bên dưới lớp vỏ ngoài, vì những lý do nào đó, những cảm giác và những mục đích mà một cá nhân đã không những giấu kín người khác mà còn tự giấu ngay chính bản thân mình nữa. Trong tâm lý học của Freud, cõi vô thức là tối thượng và mọi hoạt động ý thức chỉ có một vị trí phụ thuộc. Nếu hiểu được cái thầm kín bí mật xâu xa của cõi vô thức ắt chúng ta hiểu được bản chất nội tâm của con người. Freud tuyên bố là chúng ta thường suy nghĩ một cách vô thức và chỉ thỉnh thoảng suy tư của chúng ta mới có tính chất ý thức. Tâm linh vô thức là nguồn gốc chính là nguồn gốc gây bệnh tâm thần, vì bệnh nhân thường cố gắng gạt ra ngoài cõi ý thức mọi ký ức khó chịu, mọi ước vọng bị "dồn nén" vô hiệu, nhưng kết quả là anh ta tích tụ ngày càng nhiều những ký ức, những ước vọng, để dồn thành bệnh.

Freud phân loại mọi hoạt động tinh thần của mỗi nhân con người được thể hiện ra thành ba cấp độ được ông gọi là Tự Ngã (Id. Soi); Bản Ngã (ego moi) và Siêu ngã (Superego, Surmoi). Quan trọng số một là cái Id, Freud bảo: Phạm vi của Id là phần nhân cách tối tăm và không thể đi đến được của chúng ta. Bản thân ta chỉ biết chút ít về cái Id qua nghiên cứu

các giấc mộng và qua sự biểu hiện các triệu chứng bên ngoài của bệnh tâm thần Id là nơi trú ngụ các bản năng nguyên thủy và các xúc cảm đi ngược lên tới cái quá khứ xa xưa khi mà con người còn là một con thú. Id có tính chất thú vậy à bản chất của nó là thuộc về dục tính (sexual in nature), nó vốn vô thức. Freud viết tiếp: Cái Id bao gồm tất cả những gì do di truyền, có ngay từ lúc sinh ra được kết tụ lại trong sự cấu thành. Id mù quáng và độc ác. Mục đích độc nhất của nó là thỏa mãn các ham muốn bản năng và các khoái cảm, không cần biết đến các hậu quả. Nó theo Thomas Mann thì : "Nó không biết gì đến giá trị, thiện hay ác, và cả đạo đức nữa".

Đứa bé sơ sinh là Id được nhân cách hóa. Dần dần cái Id phát triển lên thành cái Ego (bản ngã Moi). Khi đứa bé lớn lên. Thay vì được hoàn toàn dẫn dắt bằng nguyên lý khoái lạc, cái Ego bị chi phối bởi nguyên lý "thích ứng với thực tại". Ego biết được thế giới bên chung quanh, nhận ra rằng phải kìm hãm những khuynh hướng phạm pháp của cái Id để ngăn ngừa mọi xung đột với luật lệ của xã hội. Như Freud viết, cái Ego là viên trọng tài" giữa những đòi hỏi bạt mạng của cái Id và sự kiểm soát của thế giới bên ngoài". Vì vậy Ego thực sự hành động như một nhân viên kiểm duyệt, cắt xén, sửa đổi những thúc giục của cái Id làm cho những thúc giục này phù hợp với tình hình thực tế, biết rằng việc tránh khỏi bị xã hội trừng phạt và cả để tự bảo toàn hay là ngay cả đến sự tự bảo tồn, đều phải tùy thuộc vào những "dồn nén". Tuy nhiên cuộc đấu tranh giữa cái Ego và Id có thể gây ra những bệnh tâm thần, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhân cách cá nhân.

Sau hết, còn có một thứ yếu tố thứ ba trong quá trình sinh hoạt tinh thần gọi là Superego (Siêu Ngã). Siêu Ngã này có thể được định nghĩa một cách đại khái là "lương tâm". Học trò chính của Freud ở Hoa Kỳ là A.A.Brill đã viết:

"Cái Superego là sự phát triển tinh thần cao hơn hết mà con người có thể đạt tới được và bao gồm lẫn lộn mọi sự cấm đoán, mọi quy tắc cư xử do cha mẹ tạo ra nơi đứa trẻ. Tri giác lương tâm hoàn toàn tùy thuộc vào sự phát triển của cái Superego.

Cũng như cái Id, cái Superego cũng nằm trong vô thức và cả hai đều luôn ở thế tương tranh, trong khi cái Ego hoạt động ở giữa như một trọng tài. Lý tưởng đạo đức và quy tắc cư xử đều nằm trong Superego. Khi ba cái Id và Superego tương đối hòa hợp thì cá nhân lúc ấy ở trạng thái điều hòa và hạnh phúc. Nếu cái Ego để cho cái Id vi phạm các luật lệ, cái Superego sẽ gây ra lo lắng, cảm giác có tội và mọi biểu lộ khác của lương tâm.

Lý thuyết về tính dục, hay còn gọi là nhục dục (Libido) là một khái niệm khác được ghép chung với Id và do Freud tạo ra. Ông dạy rằng tất cả những xúc cảm của Id đều là hình thức thể hiện của "năng lượng tính dục" (sexual). Thuyết tính dục đã từng được gọi là "cái lõi của phân tâm học". Mọi sáng tạo văn hóa của con người: nghệ thuật, luật pháp, tôn giáo vân vân... đều được coi là sự phát triển của tính dục. Khi nói "năng lực tính dục" (sexual energy), thì ở đây chữ "tính" (sexual) được dùng theo nghĩa rộng, ở đứa trẻ, bản năng tính dục bộc lộc qua

những hành động như mút tay, bú sữa chai và bài tiết. Những năm sau đó, năng lượng tính dục có thể được truyền cho người khác qua hôn nhân, mang hình thức một hư hỏng thuộc về "tính" hay được thể hiện ra qua hoạt động sáng tạo nghệ thuật, văn chương hay âm nhạc - đó là một phương pháp được gọi là "dịch chuyển". Theo Freud thì bản năng tính dục (sex instinct) là nguồn gốc của mọi công trình sáng tạo vĩ đại nhất.

Thật vậy, Freud đã tuyên bố: "Các bệnh tâm thần, không chừa một bệnh nào, đều là những rối loạn của đời sống sinh lý". Nếu luận thêm, không thể cho rằng bệnh tâm thần là do những cuộc hôn nhân thất bại hay những mối tình lỡ làng gây ra; trái lại có thể tìm thấy dấu vết tất cả những bệnh này ở thời kỳ ấu thơ với các mặc cảm tính dục. Freud đã áp dụng lý thuyết của ông sang lĩnh vực nhân chủng học trong tác phẩm Vật tổ và cấm kỵ. Ông kết luận rằng bản tính và huyền thoại tôn giáo của con người cổ xưa là sản phẩm của những mặc cảm của con trai đối với mẹ hoặc con gái đối với cha. Ông tin rằng ngay tôn giáo cũng chỉ là biểu hiện của mặc cảm tính dục. Sau khi phân tích kỹ lưỡng từng chi tiết hàng trăm trường hợp bệnh nhân đến chữa bệnh, Freud đã nâng bản năng tính dục và thèm khát nhục dục lên thành yếu tố đầu tiên và mạnh mẽ nhất trong việc tạo thành nhân cách mỗi con người, đồng thời là nguyên nhân sâu xa của mọi bệnh tâm thần. Đó là một phán đoán mà một số các nhà phân tâm học nổi tiếng khác đã bác bỏ như sẽ nói sau đây.

Vì xã hội buộc mỗi con người phải kiềm chế nhiều ham muốn, theo cách nói của Freud thì mỗi cá nhân đã vô tình tích trữ được rất nhiều "dồn nén". Bình thường thì ý thức con người vẫn thành công trong việc ngăn trở, không cho những "sức mạnh vô thức đen tối" bị dồn nén kia xuất hiện. Nhưng sự kiểm soát ấy có thể làm cho những con bệnh tâm thần trải qua những giai đoạn xúc cảm bị rối loạn sâu xa. Freud cho công việc chữa bệnh của nhà phân tâm học là "làm bộc lộ và thay thế những dồn nén bằng những hành động phán đoán có thể đưa đến, hoặc sự chấp nhận hoặc sự loại bỏ những gì đã bị khổ, nên người bệnh thường cố tìm cách ngăn không cho những dồn nén ấy bộc lộ ra. Sự cố gắng che đậy ấy Freud gọi là "sức đối kháng". Nhiệm vụ của thầy thuốc là loại bỏ sức đối kháng này, để người bệnh "bộc lộ" ra các "dồn nén" kia.

Kỹ thuật do Freud phát minh ra để giải toả với mọi dồn nén và loại bỏ đối kháng là phương pháp "gợi tự do liên tưởng": Những lời nói thao thao bất tuyệt có ý thức của người bệnh khi nằm trên cái giường của nhà phân tâm học trong một căn phòng đèn sáng mờ mờ, nhà phân tâm học kích thích, khêu gợi để người bệnh không nghĩ một cách có ý thức về bất cứ chiều hướng nào", Freud cho rằng phương pháp "kích thích tự do liên tưởng" là phương pháp duy nhất hữu hiệu để chữa bệnh tâm thần. Ông cũng chủ trương là phương pháp ấy "hoàn thành được điều mà người ta trông đợi, nghĩa là đưa những mong muốn bị sức đối kháng dồn nén từ xưa ra lĩnh vực ý thức". Brill đã mô tả cách Freud chữa bệnh như sau: "Ông thuyết phục con

bệnh gạt mọi suy nghĩ có ý thức, tự buông thả mình vào một trạng thái tập trung bình thản, tự phó mặc theo những cảm xúc và ý nghĩ nảy sinh, rồi thuật lại tất cả những điều đó cho ông biết. Nhờ phương pháp ấy, ông đưa dần bệnh nhân tới trạng thái "tự do liên tưởng"; và nhờ nghe người bệnh tự do liên tưởng, mà thầy thuốc có thể tìm ra được nguồn gốc sâu xa của các triệu chứng". Sự việc đã quên rồi nay lại được bệnh nhân kéo ra khỏi cõi vô thức, có khi phải sau hàng tháng trời điều trị bằng phương pháp phân tâm. Nguồn gốc thường là một sự việc nào đó đau đớn, khó chịu, đáng sợ, hay nói cách khác, đáng ghét, từ trong quá khứ của bệnh nhân. Đó chính là những "Kỷ niệm" mà người bệnh hoàn toàn không muốn nhớ lại một cách có ý thức.

Trong quá trình tự do liên tưởng, những hồi tưởng lông bông ấy không tránh khỏi tạo ta một mớ lộn xộn, rối rắm những sự kiện lờ mờ không rõ, và tưởng như vô ích. Vì vậy người thầy thuốc, như nhiều nhà phê bình cho biết, gần như có vô vàn cách giải thích những dự kiện ấy. Vì thế nhà phân tâm học phải rất sáng suốt và có tài khéo léo.

Trong khi chữa bệnh bằng phương pháp phân tâm, Freud phát hiện ra được cái mà ông gọi là "một yếu tố quan trọng khó thể nào lường được" một giây liên lạc tình cảm nồng nhiệt giữa con bệnh và nhà phân tâm học. Cái đó được gọi là "chuyển dịch".

"Bệnh nhân không thoả mãn nếu chỉ coi nhà phân tâm như là người giúp đỡ và cố vấn cho họ... Ngược lại con bệnh lại nhìn

thấy qua nhà phân tâm học một hình ảnh quan trọng trong thời thơ ấu hay quá khứ của họ hiện lại. Và vì thế họ sẵn sàng bộc lộ mọi tình cảm và phản ứng mà chắc chắn là đã được dành cho hình ảnh ấy "dịch chuyển" sang phía nhà phân tâm

Sự dịch chuyển "có thể thay đổi giữa hai thái cực, từ một tình yêu hoàn toàn xác thịt và cuồng nhiệt tới một thái độ nghi ngờ chua chát và oán hờn không kiềm chế được".

Trong tình trạng ấy, nhà phân tâm "như được đặt vào địa vị của cha mẹ người bệnh". Freud coi sự kiện dịch chuyển như "công cụ tốt hơn hết để chữa bệnh theo phương pháp phân tâm", nhưng ông cũng cho biết "tuy nhiên việc sử dụng phương pháp này là phần khó khăn và quan trọng hơn hết trong kỹ thuật phân tâm". Freud xác nhận là việc này "được thực hiện bằng cách thuyết phục con bệnh là họ đương sống lại những mối liên hệ tình cảm phát sinh từ thuở ấu thơ".

Một phương pháp hữu hiệu khác để nghiên cứu những xung đột và cảm xúc nội tâm được Freud khai triển thêm là phân tích các giấc mộng. Trong lĩnh vực này, Freud cũng lại là một nhà tiên phong. Trước ông, người ta coi giấc mộng là vô nghĩa hoặc không có mục tiêu. Tác phẩm Đoán mộng của ông là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu về hiện tượng nằm mộng. Ba mươi mốt năm sau khi tác phẩm này được ấn hành, Freud nhận ra rằng: "Theo nhận xét của tôi ngày nay thì tác phẩm này chứa đựng tất cả những phát kiến có giá trị nhất mà tôi đã may mắn tìm ra". Theo Freud thì "chúng ta đã có lý khi cho rằng giấc mộng là sự biến dạng của một ước vọng bị dồn nén". Mỗi giấc mộng đều biểu hiện một bi kịch trong thế giới

nội tâm của con người. Freud xác nhận rằng: "Giấc mộng bao giờ cũng là sản phẩm của một cuộc tranh chấp" và "mộng bảo vệ cho giấc ngủ". Nhiệm vụ của giấc mộng là trợ giúp chứ không phải là phá rối giấc ngủ. Giấc mộng làm tan đi cảm giác căng thẳng do những ước mong không đạt được gây ra.

Theo quan điểm của Freud thì giấc mộng thuộc phạm vi chi phối của vô thức, của Id và mộng rất quan trọng đối với nhà phân tâm học vì nhờ nó nhà phân tâm học đi vào được cõi vô thức của con bệnh. Trong cõi vô thức có tất cả những ước vọng đầu tiên và những ham muốn thuộc cảm xúc đã bị hai cái Ego và Superego gạt ra khỏi ý thức. Những ham muốn thú tính luôn luôn nằm ngay bên dưới cái vỏ ngoài ý thức, và tự thúc đẩy tiến vào thế giới mộng mị. Tuy nhiên ngay trong giấc mộng, Ego và Superego vẫn có mặt để canh chừng, kiểm duyệt. Vì lẽ đó ý nghĩa của giấc mộng không luôn rõ ràng, những ý nghĩa này được biểu lộ bằng những hiện tượng và thầy thuốc cần giải thích chúng một cách lão luyện. Vì mang tính ký hiệu cho nên ý nghĩa của giấc mộng ta không hiểu được theo nghĩa đen, ngoại trừ những giấc mộng đơn giản của trẻ thơ. Trong tác phẩm Đoán Mộng có nhiều thí dụ được Freud dùng phương pháp phân tâm phân tích.

Độc nhầm, nói lỡ lời và những biểu hiện dãng trí lặt vặt khác đều là những dấu hiệu cho biết hoạt động ngầm của vô thức. Freud viết: "Đã biết dùng phép đoán mộng để đi vào cõi vô thức thì phân tâm học cũng sử dụng những lầm lỡ của con người nhằm mục đích đó. Những lầm lỡ ấy nhà phân tâm học

gọi là những triệu chứng hoạt động". Vấn đề này còn được Freud nghiên cứu vào năm 1904 trong cuốn Tâm thần Bệnh Lý học của đời sống thường ngày (The Psychopathology of Everyday life). Trong tác phẩm này, ông vẫn chủ trương "những hiện tượng đó không phải ngẫu nhiên... chúng có một ý nghĩa và ý nghĩa đó có thể diễn giải ra được. Và người ta có lý khi từ những hiện tượng đó suy ra được sự hiện hữu của những xúc động và mong muốn bị dồn nén, ngăn cấm". Quên tên ai có thể có nghĩa mình không ưa gì người mang tên ấy. Một người lỡ tầu vì nhầm lẫn bảng giờ tầu chạy, có thể có nghĩa là người ấy không muốn đi chuyến tầu ấy. Một người chồng đánh mất hay quên chìa khóa nhà có thể vì người ấy cảm thấy đã phải sống khổ sở trong gia đình và không muốn về nhà. Nghiên cứu những lầm lẫn như vậy có thể đưa nhà phân tâm học đi vào cõi vô thức đầy rối rắm của con người.

Người ta còn tự giải thoát được những gì bị dồn nén nhờ biết giễu cợt. Giễu cợt đã được Freud mệnh danh là "cái nắp xả hơi tối tăm và an toàn nhất mà con người đã dần dần tạo ra được" vì chính nhờ giễu cợt mà chúng ta tạm thời thoát ra khỏi những dồn nén mà cái xã hội lễ giáo này đòi hỏi chúng ta phải che dấu đi.

Có thể vì những phản ứng chung quanh hoặc vì càng ngày càng bất mãn hay bi quan, khi về già Freud tỏ ra lo lắng về cái chết (bản năng đi đến cái chết). Có lần ông quan niệm "bản năng chết" này quan trọng ngang với bản năng tính dục. Freud cho rằng có một "bản năng đi đến cái chết" thúc đẩy tất cả

những thứ đang sống trở về trạng thái vô cơ (không sống). Bản năng này cũng làm biến dạng mọi vật. Theo quan điểm ấy, con người luôn luôn bị xâu xé giữa nhu cầu cần sống tức bản năng sinh lý và một sức mạnh đối kháng, sự thôi thúc của hủy diệt, hay là bản năng tử vong. Lẽ dĩ nhiên là cuối cùng thì bản năng tử vong chiến thắng. Bản năng này gây ra chiến tranh và những thú đê hèn đối bại như gây tổn hại cho dòng giống và giai cấp, gây ra niềm thích thú hạ đẳng khi xem những vụ xử tội phạm, đấu bò rừng, và xử lăng trì tùng xẻo.

Tóm lại, những điều vừa nói trên là những khía cạnh của học thuyết Freud. Các nhà phân tâm học ngày nay chia ra làm hai, hay hơn nữa, phe phái chống đối nhau, một phe chống lại và một phe hùa theo Freud. Alfried Adler, một trong những học trò đi theo Freud ngay từ đầu đã tách ra khỏi nhóm Freud vì ông tin rằng Freud đá quá quan trọng hóa bản năng tính dục. Và đây là học thuyết của Adler đối lại Freud. Theo Adler thì niềm mong muốn tỏ ra mình hơn đồng loại là động lực chính trong thái độ cư xử của mỗi con người. Ông đã mở rộng ý tưởng về "mặc cảm tự ti". Mặc cảm này thúc giục mỗi cá nhân con người cố gắng có một vài hoạt động để người khác thừa nhận mình. Một nhà ly khai nổi danh khác là Karl Jung ở Zurich cũng đã cố gắng làm giảm bớt tầm quan trọng về vai trò của tính dục (sex). Jung chia nhân loại ra làm hai loại tâm lý: loại hướng ngoại và loại hướng nội, mặc dù ông vẫn thừa nhận rằng mỗi cá nhân đều là một hỗn hợp của hai loại tâm lý đó. Khác với Freud, Jung nhấn mạnh vào yếu tố di truyền trong sự phát triển nhân cách. Nói chung, những người phê phán Freud đã

tách rời khỏi Freud vì những bất đồng như: Freud quá nhấn mạnh vào ý nghĩa khởi đầu của bệnh tâm thần thơ ấu, Freud tin rằng chính những bản năng dữ dội, tối sơ đã giám sát con người. Cũng có một số người không đồng ý với Freud tin rằng "tự do liên tưởng" là một kỹ thuật không thể sai lầm trong việc thám hiểm cõi vô thức của con người. Họ đặc biệt nêu ra những khó hăn trong việc giải thích những dữ kiện do phương pháp ấy đem lại.

Tuy nhiên, một nhà tâm thần bệnh học, đã nhận xét lại:

> "Những biến đổi và phát triển trong sáu chục năm qua đã không hề làm giảm giá trị tinh thần hay ảnh hưởng của Freud. Ông đã phát hiện ra cõi vô thức. Ông đã cho biết vô thức ấy giúp tạo thành cái "tôi" như thế nào và ta phải làm thế nào để đạt tới nó. Các nhà phân tâm học sau đó đã thay đổi nội dung nhiều ý tưởng và khái niệm của Freud dưới ánh sáng của những kinh nghiệm sâu xa hơn. Quý độc giả có thể bảo rằng các nhà phân tâm học này đã viết được một cuốn Tân ước về tâm thần bệnh học, còn Freud thì viết cuốn Cựu ước. Tác phẩm của Freud vẫn sẽ là tác phẩm nền móng".

Đa số thái độ hiện nay của chúng ta đối với bệnh điên đều do Freud mà có. Hiện nay có khuynh hướng cho rằng "Bệnh nhân tâm thần đều giống y như chúng ta, chỉ khác là họ đã giống nhiều hơn mà thôi". Alexander Reid Martin nhấn mạnh: "Dù thừa nhận hay chối bỏ học thuyết Freud thì hiện nay tất cả những bệnh viện tâm thần đều sử dụng những yếu tố và những nguyên lý cơ bản trong khoa tâm lý học của Freud. Cái mà trước đây được coi như một thế giới bí hiểm, cấm ngăn, kỳ cục,

không đâu vào đâu, vô nghĩa thì qua Freud, đã trở thành sáng sủa đầy ý nghĩa, không những được y học mà còn được tất cả các khoa học xã hội thừa nhận và chú ý tới".

Ảnh hưởng của học thuyết Freud đối với văn học và nghệ thuật cũng đáng chú ý không kém. Trong tiểu thuyết, thơ, kịch và các hình thức văn chương khác, những ý tưởng chính của Freud đã được phát hiện trong ít năm gần đây. Bernard do Voto đã miêu tả quan niệm là "chưa có một nhà khoa học nào khác có một ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng rãi đến văn học như Freud". Ảnh hưởng của Freud trong hội hoạ, điêu khắc và thế giới nghệ thuật nói chung cũng sâu xa không kém.

Tóm tắt lại, đánh giá sự đóng góp phức tạp của thiên tài Freud là việc vô cùng khó khăn vì phạm vi ông quan tâm quá rộng và vì tính chất mâu thuẫn trong những khám phá của ông. Một nhà văn Anh, Robert Hamilton đã cố gắng làm công việc ấy, ông đánh giá như sau:

> "Freud đã vẽ bản đồ khoa học tâm lý học. Ông là một nhà tiên phong vĩ đại và phần lớn những thành công của ông là nhờ ở cái mới lạ cùng bút pháp của ông. Mặc dù phương pháp này có mặt đáng hoài nghi, nhưng chưa bao giờ có một phương pháp nào lý thú hơn và mới lạ hơn, ngay cả về mặt bút pháp nếu không kể loại thuần túy văn chương, cũng chưa bao giờ có một bút pháp nào quyến rũ hơn của Freud. Ông đã buộc thế giới phải suy tư theo kiểu tâm lý học, đó là một nhu cầu cốt yếu của thời đại chúng ta. Ông cũng đã buộc con người phải tự đặt cho mình những câu hỏi liên quan đến hạnh phúc của loài người. Đánh đổ

luận thuyết tâm lý khô khan, cầu kỳ của thế kỷ mười chín, Freud đã đưa ra phản luận "phân tâm" chứa đầy rối ren".

Một nhà tâm thần bệnh học Hoa Kỳ nổi tiếng là Frederic Wertham đã đứng trên một quan điểm khác để nhận định về trường hợp Freud như sau:

"Phải thừa nhận rằng ngoài một số lớn sự kiện bệnh lý của các bệnh nhân mà ông quan sát được, Freud đã đem lại ba thay đổi cơ bản trên con đường nghiên cứu về nhân cách và tâm thần bệnh lý. Điều thứ nhất là ít ra ông đã nói về những phương pháp tâm lý, và đã suy từ những phương pháp ấy với cách luận lý của khoa học tự nhiên. Điều đó chỉ thực hiện được khi mà Freud đưa ra khái niệm thực tế về cõi vô thức và những phương pháp thực tiễn để khảo sát nó. Điều thứ hai là Freud đã tìm ra một khía cạnh mới cho môn tâm thần bệnh lý học. Đó là tuổi thơ. Trước Freud, khoa tâm thần bệnh học đã chữa trị theo cách coi mỗi bệnh nhân như một Adam, con người chưa bao giờ sống qua tuổi thơ. Điều thứ ba, ông đã mở đầu sự hiểu biết về sự di truyền của tính dục. Phát hiện thực sự của ông ở đây là bản năng tính dục ở dạng tiềm ẩn nhiều hơn là trẻ con có đời sống tính dục".

Một sự đánh giá tương tự đã được A.G. Tansley diễn tả trong bài kỷ niệm Freud viết cho Hội Khoa học Hoàng gia Luân Đôn:

"Tính cách mạng trong những kết luận của Freud sẽ trở thành dễ hiểu nếu chúng ta nhớ lại rằng ông đã thám hiểm một lĩnh vực hoàn toàn chưa ai thám hiểm, lĩnh vực của trí não con người mà trước ông chưa ai bước vào. Những hiện tượng rõ rệt của lĩnh vực trí não này, vốn bị coi là không thể giải thích được hay bị coi như những thác loạn thần kinh, hoặc bị bỏ qua vì

những hiện tượng này thuộc về những cấm kỵ nghiêm khắc nhất của con người. Sự tồn tại của lĩnh vực này trước kia không được thừa nhận. Freud buộc lòng phải khẳng định cõi vô thức của trí não là có thực để rồi cố gắng thám hiểm, khám phá miền đất đó".

Sau hết, Winfred Overholser đã nhận định: "Có nhiều lý do để nói rằng từ một năm nay Freud được đặt ngang hàng với Copernicus và Newton và là một trong những vĩ nhân đã mở ra những chân trời mới cho tư tưởng con người. Một điều chắc chắn là ở thời đại chúng ta chưa ai lại đem nhiều ánh sáng dọi vào sự hoạt động của trí não con người bằng Freud".

Những tháng cuối cùng trong cuộc đời dài dằng dặc của Freud đã diễn ra trong tình trạng lưu đày. Sau khi Đức Quốc xã chiếm đóng nước Áo, ông buộc phải rời Vienna vào năm 1938. Nước Anh chấp nhận ông cư ngụ, nhưng chưa được một năm sau thì ông đã mất vì bệnh ung thư miệng, vào khoảng tháng Chín năm 1939.

Theo ***Jostein Gaarder***

(Những luận thuyết nổi tiếng thế giới

NXB Grasset - Paris)

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC

1. NHẬP ĐỀ

Không biết bao nhiêu người trong các bạn đã đọc sách hay nghe nói đến môn phân tâm học. Nhưng vì đầu đề của những bài học này là: **"Nhập môn phân tâm học"** nên tôi bị bó buộc phải cho rằng các bạn chưa hề biết gì về vấn đề đó và cần được hướng dẫn trong những bước đi chập chững lúc đầu.

Nhưng chắc chắn bạn cũng biết môn phân tâm học là một phương pháp y học chữa trị những bệnh thần kinh. Nhưng tôi muốn chứng tỏ bằng một thí dụ là ở đây sự việc không những không xảy ra như ở các ngành khác trong y học mà còn xảy ra theo một đường lối khác hẳn. Thông thường mỗi khi đem một phương pháp mới trị cho người bệnh, chúng ta hãy cố gắng giấu không cho người đó biết những bất tiện của phương pháp đó và thuyết phục là chúng ta có nhiều may mắn để thành công. Nhưng khi đem phương pháp phân tâm học ra điều trị, chúng ta phải làm khác hẳn. Chúng ta phải cho người bệnh biết những nỗi khó khăn, thời gian chữa chạy lâu dài, và những sự cố gắng và hi sinh mà chúng ta đòi hỏi ở họ; về kết quả cuối cùng chúng ta không thể nào hứa trước là phương pháp có kiến hiệu hay không một phần lớn nhờ vào thái độ, sự thông minh, sự vâng lời và lòng kiên nhẫn của người bệnh. Tất nhiên chúng ta có nhiều lý do để giải thích thái độ bất thường đó mà sau này các bạn sẽ hiểu hết tầm quan trọng của nó.

Chắc hẳn các bạn sẽ không phật lòng với tôi khi tôi bắt đầu bằng cách coi ngay các bạn là những người mắc bệnh thần

kinh. Tôi không khuyên các bạn nên trở lại giảng đường này một lần thứ hai nữa. Tôi sẽ phải làm cho các bạn quen với những điều còn khiếm khuyết trong việc giảng dạy môn phân tâm học, với những khó khăn sẽ gặp nếu muốn có một ý niệm cá nhân về môn đó. Tất cả những điều bạn đã học được từ trước, tất cả những thói quen suy nghĩ của bạn sẽ làm cho bạn trở thành người thù địch môn phân tâm học. Bạn sẽ biết là phải làm gì để vượt qua được ý tưởng chống đối tự nhiên đó. Tất nhiên tôi không thể nói trước rằng bạn sẽ biết những gì về môn phân tâm học khi tham dự vào những buổi diễn giảng này, nhưng có điều chắc chắn là việc đến đây để học hỏi không thôi chưa đủ để các bạn có thể khảo cứu hay điều trị theo phương pháp phân tâm. Nếu trong các bạn có người nào không muốn dừng lại ở những bước đầu mà muốn đi xa hơn nữa, tôi sẽ khuyên họ không nên làm thế. Bởi vì trong tình trạng hiện thời, người nào chọn môn phân tâm học làm sự nghiệp của đời mình sẽ không bao giờ nổi tiếng trong trường Đại học và khi ra trường để hành nghề. Người đó sẽ gặp ngay trong xã hội chung quanh mình những người vì không hiểu mô tê gì về vấn đề, sẽ nhìn họ bằng con mắt nghi ngờ, thù địch, sẵn sàng làm đủ mọi điều để phá phách họ. Chỉ cần nghĩ đến những điều để xảy đến cùng với những cuộc chiến tranh, bạn sẽ hiểu số người lòng ma dạ quỷ đó đông như thế nào.

Nhưng dù sao cũng có những người bị lôi cuốn bởi những ý tưởng mới mẻ, bất chấp đến những sự bất tiện vừa được trình bày. Nếu có những bạn nào thuộc dạng người đó và muốn trở lại đây một lần thứ hai nữa bất chấp những lời báo trước của tôi thì họ sẽ được hoan nghênh. Nhưng dù sao các bạn cũng cần

biết đến những khó khăn đó là những khó khăn nào và đấy là những điều mà tôi sắp nói cho các bạn nghe.

Khó khăn thứ nhất gắn liền ngay vào việc giảng dạy môn phân tâm học. Trong khi học y khoa, các bạn đã quen được nhìn thấy, ví dụ như những chuẩn bị về cơ thể học, những chất hiện ra sau một phản ứng hoá học, sự co rút của một bắp thịt khi gân bị kích thích. Sau này bạn sẽ được quan sát người bệnh, những dấu hiệu bệnh hoạn của người này, và trong nhiều trường hợp bạn còn được tận mắt nhìn thấy những vi trùng bệnh nữa. Về môn giải phẫu bạn sẽ tham dự vào những lần mổ xẻ, và có khi chính bạn cũng làm những công việc đó. Và ngay cả trong các bệnh về tinh thần các bạn cũng đứng trước một người bệnh, theo dõi những sự thay đổi trên nét mặt họ, và bạn sẽ có dịp quan sát nhiều điều làm cho bạn bị xúc động và ghi nhớ mãi mãi. Vì thế, một vị giáo sư đại học chỉ giữ địa vị một người hướng dẫn, một thông dịch viên đi theo bạn để giải thích như dẫn bạn vào trong viện bảo tàng của ông ta, trong khi bạn trực tiếp với những sự việc mà bạn cho là mới mẻ.

Khổ một điều là trong môn phân tâm học sự việc xảy ra khác hẳn. Khi điều trị một người bệnh trong môn này, người thầy thuốc chẳng làm gì khác hơn là trò chuyện với người bệnh. Người bệnh nói, kể cho bạn nghe những biến cố xảy ra trong quá khứ trong đời họ, những cảm tưởng hiện thời, những ý muốn, những sự cảm động trong đời họ. Người thầy thuốc để ý hướng dẫn tư tưởng của người bệnh, nhắc nhở cho anh ta nhớ lại, hướng sự chú ý của anh ta về một hướng nào đó, giải thích cho anh ta nghe, quan sát xem anh ta có hiểu hay không những phản ứng gây cho anh ta. Vì những người bệnh thường thường

là vô học, chỉ quen với những điều mắt thấy tai nghe, hay sờ mó được, y như đi xem chiếu bóng nên không bao giờ ngần ngại gì mà không tỏ vẻ nghi ngờ sự kiến hiệu của một lối trị bệnh chỉ bằng những lời nói có vẻ như đầu Ngô mình Sở. Sự nghi ngờ chỉ trích này không hợp lý chút nào. Không phải rằng chính những người bệnh đó cũng biết rằng có những người bệnh lúc nào cũng tưởng rằng mình có những triệu chứng này hay triệu chứng khác ư? Trong thời cổ xưa những lời nói được coi như những trò phù thủy và bây giờ cũng vẫn còn giữ được những quyền lực như ngày xưa. Chỉ cần nói một tiếng là một người có thể làm cho một người khác sung sướng hay đẩy họ đến chỗ tuyệt vọng. Vị giáo sư dùng tiếng nói để truyền những hiểu biết cho học trò, nhờ những tiếng nói mà một diễn giả đã lôi cuốn được thính giả. Chính những tiếng nói đã gây ra những xúc động và là những phương sách mà loài người thường dùng để gây ảnh hưởng đối với đồng loại. Vì những lẽ đó, chúng ta không nên tìm cách giảm bớt giá trị của những lời nói trong môn trị liệu về tinh thần, và chúng ta chỉ nên tham dự với tính cách bàng thính vào những cuộc nói chuyện giữa người thầy thuốc và người bệnh trong phân tâm học.

Nhưng dù chỉ muốn tham dự với tính cách bàng thính thôi cũng không được. Câu chuyện giữa những người bệnh và thầy thuốc không thể để cho người ngoài nghe và không thể dùng để biểu diễn. Tất nhiên trong những giờ giảng dạy, người ta có thể đưa ra trước các sinh viên một người bệnh thần kinh để họ nói cho nghe những điều đáng phàn nàn và những triệu chứng bệnh hoạn của họ. Nhưng chỉ có thế thôi. Chỉ khi nào giữa người bệnh và người thầy thuốc có một sự thông cảm đặc biệt thì người bệnh mới cho người thầy thuốc biết những điều người

này cần biết. Mỗi khi thấy một người lạ, dù chỉ là một người không tỏ ra tò mò, người bệnh cũng im ngay không nói nữa. Bởi vì những điều cần biết này là những điều thầm kín trong đời người bệnh, những điều họ cần giấu không cho người khác biết và sau là những điều mà họ cũng không thú với chính họ nữa.

Vì vậy dù chỉ muốn tham dự như một bàng thính thôi vào một lần trị bệnh về phân tâm, bạn cũng không làm được. Bạn chỉ có thể nghe nói về phương pháp đó thôi và muốn nói cho thật đúng bạn chỉ có thể nghe người khác nói lại thôi. Chính vì chỉ được nghe qua một người thứ hai mà bạn khó lòng phán đoán được cho chính xác. Tất cả đều phụ thuộc vào chỗ bạn có thể tin cậy vào người nói cho bạn nghe những điều đó tới mức nào.

Ví dụ: không phải bạn đang ngồi nghe một bài học về môn phân tâm mà là một bài học sử ký về đời sống và sự nghiệp của Đại đế Alexandre. Bạn có những lý do gì để tin rằng những điều giáo sư sử học đang giảng dạy là đúng với sự thực? Mới nghe ra có vẻ như ông giáo sư sử học còn ở trong một tình trạng không đáng tin bằng ông giáo sư phân tâm học, bởi lẽ ông giáo sư sử học chưa từng được tham dự vào sự nghiệp của Đại đế Alexandre trong khi ông giáo sư phân tâm học ít nhất cũng nói cho bạn nghe những điều do chính ông ta nhận thấy. Nhưng có một sự việc làm cho chúng ta có thể tin cậy nơi ông giáo sư sử học được. Ông giáo sư sử học có thể yêu cầu bạn đọc những bài của các nhà văn đồng thời với những việc xảy ra trong lịch sử hoặc cũng khá gần với những sự việc đó, nghĩa là những cuốn sách của Plutarque, Diodore, Artien.v.v..; nhà sử học cũng có

thể đưa cho các bạn xem những bản chụp các đồng tiền, những pho tượng các vị vua hay một bức hình thời Pompée hoạ trận đánh Issos. Nói thực ra tất cả những tài liệu đó chỉ chứng tỏ rằng có nhiều thế hệ trước đã tin tưởng là có Đại đế Alexandre thực và những chiến công của ngài cũng có thực luôn, và những nhận xét này có thể mở đường cho bạn trong công việc phê bình sử liệu. Bạn sẽ có thể kết luận là những điều người ta nói về Đại đế Alexandre không đáng tin cho lắm và nhất là không thể được kể lại với mọi chi tiết cần thiết; vậy mà tôi không tin rằng bạn có thể rời phòng diễn thuyết ra về mà vẫn nghi ngờ rằng có lẽ Đại đế Alexandre không có thực. Sự lý luận của bạn dựa trên hai điểm chính sau đây: điểm thứ nhất: diễn giả không có lý do gì để khuyến khích bạn tin vào những điều mà chính ông ta không cho là đáng tin; điểm thứ hai: tất cả những sách về sử học mà chúng ta có trong tay đều nói giống nhau hay gần giống nhau về những điều diễn giả đã trình bày. Nếu bạn khảo cứu đến những nguồn gốc cũ kỹ hơn nữa, bạn cũng sẽ để ý đến những yếu tố vừa kể nghĩa là những lý do đã thúc đẩy các nhà sử học và sự phù hợp giữa những lời chứng nhận của họ. Trong trường hợp Đại đế Alexandre thì kết quả làm bạn yên tâm hơn hẳn trường hợp của Moise hay Nemrod chẳng hạn. Còn về những điểm nghi ngờ và tự hỏi xem những phúc trình của một nhà phân tâm học đáng tin cậy đến mức nào thì sau đây bạn sẽ có nhiều dịp để phán đoán.

Bây giờ bạn có quyền hỏi tôi là nếu không có tiêu chuẩn nào để xét đoán về giá trị của môn phân tâm học, nếu chúng ta không có cách nào để biểu diễn một trường hợp phân tâm học thì chúng ta làm thế nào để học môn đó được và nhất là để xác nhận giá trị của những điều mà môn này khẳng định. Việc học

hỏi tất nhiên không phải là điều dễ, có rất ít người theo học môn này một cách có hệ thống nhưng dù sao chúng ta vẫn có những cửa ngõ để đi vào sự học hỏi đó. Trước hết chúng ta học môn phân tâm học bằng cách khảo cứu ngay chính mình. Không hẳn rằng đó là một sự tự quan sát, nhưng nếu cần đến chúng ta sẽ phải làm việc đó. Có cả một số hiện tượng tinh thần xảy ra luôn luôn được nhiều người biết đến, chúng ta có thể khảo cứu ngay trong người mình nếu được chỉ dẫn về phương tiện chuyên môn. Làm như thế chúng ta sẽ tiến được tới lòng tin tưởng là sự việc diễn ra trong môn phân tâm học là đúng và những điều môn này quan niệm không phải là sai. Tôi phải nói rằng người ta không thể chờ đợi ở phương pháp tự khảo cứu những tiến bộ sâu xa về môn học. Chúng ta sẽ tiến bộ mau hơn nhiều bằng cách để cho một nhà chuyên môn về phân tâm học phân tích mình, từ mình thí nghiệm về kết quả của sự phân tích này đối với chính mình, rồi lợi dụng cơ hội để thấu hiểu rõ ràng về phương diện chuyên môn. Khỏi cần phải nói rằng cách học hoàn hảo này bao giờ cũng chỉ dùng cho một người thôi chứ không thể dùng được trong những cuộc hội họp nhiều người.

Ngoài ra, lúc mới bước chân vào môn này, bạn còn gặp một khó khăn nữa, khó khăn này không gắn liền vào chính môn học đó, chính bạn là nguồn gốc của sự khó khăn đó do những điều bạn đã học trong những ngày trước khi học về y khoa. Những điều đã học từ trước tới nay đã in sâu vào trí óc bạn một chiều hướng tư tưởng làm cho bạn xa rời môn phân tâm học. Bạn đã quen lối gán cho những sự hoạt động của cơ thể và những sự rối loạn trong cơ thể này những nguyên nhân thuộc về giải phẫu, bạn đã quen đứng về phương diện hoá học hay vật lý học để cắt nghĩa, quen quan niệm sự việc theo sinh lý học trong

khi chưa bao giờ bạn chú ý đến đời sống tinh thần dạt dào trong cơ thể được cấu tạo một cách thực là hoàn hảo. Vì thế chỏ nên bạn xa lạ hẳn với lối tư tưởng về tinh thần, có thói quen nhìn những tư tưởng này bằng con mắt nghi ngờ, không chịu cho rằng những tư tưởng đó có thể có tính cách khoa học chỉ đáng dành riêng cho những con người phàm tục không hiểu biết, những nhà thi sĩ, những triết gia của thiên nhiên của môn thần bí học. Tất cả những giới hạn đó chắc chắn có hại cho sự hoạt động của bạn trong môn phân tâm học bởi vì theo lệ thường trong tất cả những sự giao thiệp giữa người với người, người bệnh bao giờ cũng bắt đầu bằng cách trình bày cho bạn xem phương diện tinh thần của anh ta. Tôi chỉ sợ bạn sẽ bị buộc phải bỏ ra một bên những phương pháp trị liệu vẫn thường dùng cho những anh chàng phàm tục hay thần bí.

Tôi không phải là không biết giá trị của những điều người ta đưa ra để bào chữa cho những sự thiếu sót trong công việc giáo dục bạn về phương diện y khoa. Chúng ta hãy còn thiếu cái khoa học có tính cách triết học phụ thuộc có thể dùng vào những mục tiêu do những hoạt động y khoa đặt ra. Môn học triết lý học thuần tuý cũng như môn Tâm lý mô tả hay Tâm lý học thực nghiệm liên quan đến môn sinh lý học về các giác quan. Không môn nào theo lối người ta dạy các bạn ở trường có ích về những liên quan giữa thể xác và tâm hồn cũng như giúp cho bạn hiểu được bất cứ một sự rối loạn thần kinh nào. Ngay trong khuôn khổ của y học, môn chữa bệnh tinh thần quả cũng có mô tả những sự rối loạn và tinh thần quan sát được và tập trung chúng lại trong những bảng dùng trong bệnh viện. Nhưng ngay cả trong những lúc dễ chịu nhất, các nhà chuyên môn về tinh thần chắc cũng tự hỏi không biết những sự thu xếp của họ

quả có xứng đáng được gọi là có tính cách khoa học hay không? Chúng ta không hề biết nguồn gốc, sự diễn biến cũng như những dây liên lạc hỗ tương của các triệu chứng ghi được trong các bản phân loại về bệnh lý: người ta chưa từng chứng minh được rằng giữa những triệu chứng đó với linh hồn có một sự tương ứng nào không, và nếu có một sự thay đổi nào trong linh hồn thì những sự thay đổi này không cắt nghĩa được gì về các triệu chứng nhận thấy. Những rối loạn thần kinh này chỉ có thể được trị liệu như những biến chứng phụ thuộc của một bệnh nào đó trong cơ thể.

Sự thiếu sót này, môn phân tâm học nhất định san bằng. Phân tâm học muốn hiến cho môn bệnh lý về tinh thần cái căn bản mà môn này thiếu sót, hy vọng tìm ra được một môi trường hoạt động chung cho sự gặp gỡ giữa một sự rối loạn cơ thể và sự rối loạn tinh thần và làm cho sự gặp gỡ này trở lên dễ hiểu. Muốn đạt được mục đích đó, môn phân tâm học phải bỏ rơi hết mọi tiên kiến về cơ thể học, hoá học hay sinh lý học, mà chỉ chăm chú vào những khái niệm tâm lý thuần tuý thôi: tôi sợ rằng bạn sẽ cho những điều này là kỳ lạ.

Còn một khó khăn thứ ba nữa là kẻ chịu trách nhiệm không phải là bạn cũng như những điều bạn học từ trước. Trong những điều kiện tiên quyết của môn phân tâm học có hai điều làm cho mọi người khó chịu và bị hầu hết mọi người bác bỏ. Một điều là do thành kiến về tri thức, một điều là do thành kiến về luân lý và nghệ thuật. Chúng ta đừng coi thường những thành kiến đó; đó là những cái có nhiều quyền lực lắm, những cái còn sống sót lại qua những giai đoạn phát triển rất có lợi, có

khi cần thiết nữa của nhân loại. Những thành kiến này được bảo tồn bằng những sức mạnh về tình cảm và rất khó đánh bại.

Theo điều tiên thuyết thứ nhất thì những hoạt động tinh thần thường thường là vô thức; khi có một hoạt động nào có ý thức thì đó chỉ là những hoạt động lẻ loi, một phần nhỏ nào đó của đời sống tinh thần nói chung thôi. Về điểm này, bạn hãy nhớ lại là chúng ta, trái lại, coi những hoạt động này là có ý thức, coi ý thức như một cái gì đặc biệt biểu thị, như một định nghĩa của tinh thần và tâm lý học chính là môn học về những gì chứa đựng trong ý thức. Sự đồng hoá giữa tinh thần và ý thức có vẻ tự nhiên đến nỗi nếu có người tỏ vẻ nghi ngờ là chúng ta phản đối ngay. Vậy mà môn phân tâm học không thể nào không nghi ngờ về sự đồng hoá này được. Phân tâm học định nghĩa tinh thần như một cái gì gồm có những diễn biến chung cho cả tình cảm, tư tưởng và ý chí. Phân tâm học còn khẳng định có một tư tưởng và một ý chí vô thức. Nhưng định nghĩa và khẳng định như thế, môn học này sẽ làm mất cảm tình của những người bạn, làm cho họ nghi ngờ rằng có lẽ đó chỉ là một khoa học thần bí, quái đản, muốn xây dựng trong bóng tối và thả câu nhờ nước đục. Tất nhiên bạn chưa hiểu tại sao tôi lại có thể coi là thành kiến một lời nói trừu tượng như câu khẳng định rằng "tinh thần tức là có ý thức". Nhưng bạn cũng chưa thể hiểu được sự tiến triển của môn học đã đưa ra quan điểm rằng làm gì có vô thức (cứ cho rằng vô thức có thực đi) cũng như bạn chưa hiểu được khi quan niệm như chúng ta có lợi những gì. Thảo luận về vấn đề tìm hiểu xem có nên đồng hoá tinh thần và ý thức không, hay nên mở rộng tinh thần ra ngoài giới hạn của ý thức có vẻ như chỉ muốn chơi chữ, nhưng tôi có thể quả quyết với bạn rằng, sự công nhận rằng có những sự hoạt động tinh

thần vô thức sẽ mở cho khoa học một hướng đi mới có tính chất quyết định.

Cũng thế, bạn không thể ngờ rằng những điều tôi vừa nói trên với những điều tôi sắp nói lại có thể có một dây liên lạc chặt chẽ đến thế. Điều phát minh thứ hai của môn phân tâm học là khẳng định rằng, những rạo rực về tình dục, dù hiểu theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng, cũng giữ một địa vị vô cùng quan trọng mà cho đến nay người ta vẫn chưa hiểu rõ đúng mức trong đời sống tinh thần, chúng chính là nguyên nhân của nhiều bệnh về thần kinh và tinh thần. Hơn thế nữa, phân tâm học còn khẳng định rằng, những rạo rực về tình dục tham dự một phần không nhỏ vào công việc sáng tạo của trí óc loài người, về phương diện văn hoá nghệ thuật và đời sống xã hội.

Theo kinh nghiệm của tôi thì sự thù ghét do sự phát minh này của môn phân tâm học gây nên chính là lý do quan trọng nhất làm cho mọi người không chịu chấp nhận môn học đó. Bạn có muốn tôi cắt nghĩa sự kiện đó như thế nào không? Chúng tôi tin rằng văn hoá đã được sáng tạo dưới sự thúc đẩy của sự cần thiết trong cuộc sống và nhiều khi lấn át cả các sự đòi hỏi của bản năng, và rồi hết đời nọ đến đời kia văn hoá cứ được sáng tạo như thế mãi vì mỗi cá nhân nào khi vào đời đều phải vì những lợi ích chung mà hy sinh bản năng của mình. Trong những bản năng bị kìm hãm không được thoả mãn đó, những sự rạo rực về tình dục chiếm một vị trí vô cùng quan trọng: Những bản năng tình dục không bị chế ngự hẳn hoi và mỗi cá nhân nào tham dự vào công việc sáng tạo văn hoá cũng có thể gặp sự hiểm nguy là bản năng của mình sẽ chống trả lại sự kìm hãm đó. Nền văn hoá của một xã hội không có sự đe

doạ nào nặng nề hơn là nhìn thấy sự xa đoạ của văn hoá trước sự phóng túng của bản năng muốn quay trở về tình trạng bán khai cổ xưa. Vì thế cho nên xã hội không muốn nhắc nhở cho mình biết là mình đang đứng dựa trên những nền móng không có gì là vững chắc; xã hội không có lợi gì trong việc phải công nhận sức mạnh của các bản năng tình dục, sự quan trọng của đời sống tình dục: Xã hội đã theo một phương pháp giáo dục có mục đích làm cho mọi người không để ý đến những vấn đề đó. Vì thế xã hội không chịu đựng được những kết quả mà môn phân tâm học đã đạt được; xã hội sẵn sàng xua đuổi những thành quả đó và cho rằng chúng đáng kinh tởm về phương diện mỹ thuật, đáng kết tội về phương diện luân lý và nguy hiểm về mọi phương diện. Nhưng người ta không thể dùng những lời trách móc loại đó để tiêu huỷ một kết quả khách quan có tính khoa học. Những người chống đối nếu muốn người khác tán thành mình phải đứng về phương diện trí thức. Nhưng trí óc loài người thường sẵn sàng coi những gì mình không thích là bất công, vì thế nên họ có chống đối mình cũng là điều dễ hiểu. Do đó xã hội biến những điều họ không thích thành những điều bất công, chống đối môn phân tâm học không phải bằng những lý lẽ hợp lý và cụ thể mà toàn bằng những lý lẽ tình cảm, dùng thành kiến của mình mà bo bo giữ những ý kiến chống đối không thèm nghe những lời biện bác.

Nhưng tôi cần nói rằng, khi đưa ra vấn đề nói trên tôi không muốn trình bày một khuynh hướng nào cả. Mục đích duy nhất của chúng tôi là trình bày một sự việc nhận thấy sau bao nhiêu công trình khảo cứu đầy khó khăn. Một lần nữa chúng tôi phản đối đưa những nhận xét trong đời sống thường

ngày vào trong công việc khảo cứu khoa học, không cần xem xét những điều người ta lo sợ có hợp lý hay không.

Đó là một.vài khó khăn mà bạn sẽ gặp nếu bạn theo học môn phân tâm học. Bắt đầu như thế quả cũng là nhiều rồi. Nếu bạn không thấy ngại ngùng thì chúng ta có thể tiếp tục.

2. NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC

Chúng ta không bắt đầu bằng những giả dụ mà bằng một sự tìm tòi khảo cứu về những sự kiện được nhiều người biết nhưng không được hiểu đến nơi đến chốn, những sự kiện không liên quan gì đến tình trạng đau ốm bởi lẽ người ta có thể quan sát được nơi những người khoẻ mạnh. Những hiện tượng này chúng ta gọi bằng một cái tên là "những hành vi sai lạc". Những hành vi này là của người nói hay viết, dù có biết như thế hay không, một chữ hay một tiếng khác hẳn một tiếng định dùng (nói lỡ lời); của những người đọc sách lại đọc lầm chữ khác (đọc sai); của những người nghe người khác nói mà lại nghe lầm sang tiếng khác trong khi các cơ quan về thính giác không hề bị trục trặc (nghe sai). Một loại hiện tượng nữa có liên quan đến sự "quên" quý hồ như một sự quên kéo dài, sự quên trong chốc lát, ví dụ như trong trường hợp một người không thể nhớ một cái tên mà người ta nhớ rất rõ, mà chỉ ít lâu sau lại nhớ lại ngay, hay trong trường hợp quên làm một điều dự định sẵn từ trước nhưng về sau lại nhớ lại, nghĩa là chỉ quên trong chốc lát thôi. Loại hiện tượng thứ ba là loại mất cái điều kiện nhất thời, ví dụ như lúc nào người ta không tìm ra một vật gì mà người thường xếp sẵn một chỗ; cũng thuộc vào loại này, trường hợp bị mất tương tự như thế. Đó là những sự quên lãng mà người ta coi là khác những sự quên khác, làm cho người ta ngạc nhiên, bực mình trong khi đáng lẽ phải coi là tự nhiên mới

phải. Cũng được sắp xếp vào loại này là những sự "lầm lẫn" trong đó điều kiện nhất thời lại xuất hiện, ví dụ như khi người ta tin tưởng vào một điều gì biết rõ nhưng sau này mới biết là không đúng như mình tưởng. Cùng những trường hợp này, người ta thêm vào rất nhiều điều khác nữa tương tự được gọi bằng nhiều tên khác nhau.

Đó là những sự bất bình có liên lạc chặt chẽ với nhau, với đặc biệt là tất cả những tiếng hay chữ dùng để chỉ những hiện tượng đó đều bắt đầu bằng vần *ver* (trong tiếng Đức) (1), những sự kiện xảy ra bất thường chẳng có nghĩa lý gì hết, phần lớn chỉ thoáng qua trong chốc lát và cũng chẳng có gì quan trọng trong đời sống con người. Trong rất ít trường hợp, ví dụ như mất vận dụng, những việc này có một tính chất quan trọng trong thực tế. Vì thế cho nên không ai để ý đến, không ai làm ai xúc động cả.

Tôi muốn nói chuyện với các bạn về vấn đề đó nhưng tôi tưởng như các bạn lầu nhầu : "Trong đời sống mênh mông bên ngoài cũng như trong đời sống tinh thần chật hẹp có nhiều điều bí ẩn to tát, trong đời sống tinh thần rối loạn còn có bao nhiêu sự việc kỳ lạ đang chờ giải thích và đáng được giải thích mà không làm, lại đi làm những chuyện chẳng có nghĩa lý gì, như thế chẳng mất thì giờ vô ích sao? Nếu giáo sư có thể cắt nghĩa cho chúng tôi nghe tại sao một người có đôi mắt và đôi tai hoàn hảo ban ngày ban mặt trông thấy những điều thực ra không có, tại sao những người này tự nhiên lại có cảm tưởng rằng đột nhiên bị những người thân yêu khác hành hạ, hay theo đuổi những mơ màng mà một đứa trẻ con cũng cho là vô lý thì lúc đó khoa phân tâm học mới đáng theo đuổi. Nhưng nếu môn phân tâm học không thể làm gì khác hơn là tìm hiểu xem tại

sao vào một hôm nào đó, một diễn giả trong một bữa tiệc lại nói một câu hay một chữ đáng lẽ không định nói, hay tại sao một bà chủ gia đình lại không tìm thấy chìa khoá, hay những điều vô tích sự tương tự thì chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi cần để thì giờ làm những việc khác quan trọng hơn".

Tôi sẽ trả lời : "Khoan đã. Bạn chỉ trích sai rồi. Đúng thế, môn phân tâm học chỉ để ý đến những trường hợp vô tích sự đó thôi. Nhưng thực ra những sự quan sát của môn này dựa trên những sự kiện không rõ rệt mà các khoa học khác coi là vô nghĩa lý. Nhưng trong khi chỉ trích, bạn đừng lầm sự quan trọng của các vấn đề với bề ngoài của các dấu hiệu. Bạn không thấy là có nhiều điều rất quan trọng mà chỉ xuất hiện dưới những hình thức hay dấu hiệu rất lờ mờ trong một vài điều kiện và trong một vài lúc nào đó sao? Tôi có thể dễ dàng kể cho bạn nghe một vài ví dụ. Hỡi các bạn thanh niên, có phải nhiều khi chỉ bằng một vài dấu hiệu không nhận thấy được rõ ràng mà bạn dự đoán rằng mình đã chiếm được cảm tình của một người con gái không? Bạn có chờ đợi là cô gái đó sẽ tỏ tình với bạn hay nhảy xổ lên ôm lấy cổ bạn không? Có phải là bạn chỉ chờ đợi một cái nhìn rất nhanh, một cử chỉ phác hoạ, hoặc một cái bắt tay hơi lâu một chút không. Rồi khi làm nhiệm vụ thẩm phán điều tra về một vụ án mạng, bạn có nên chờ tên sát nhân để lại tại nơi xảy ra án mạng bức hình hay địa chỉ của nó không? Hay là bạn chỉ mong chờ những dấu hiệu rất lờ mờ nhỏ nhoi để tìm ra căn cước của nó? Vậy bạn đừng nên coi thường những dấu hiệu nhỏ bé. Những dấu hiệu tầm thường này thường dẫn chúng ta đến những con đường cực kỳ quan trọng. Tôi cũng nghĩ như các bạn là các bạn phải để ý đến những vấn đề quan trọng của thế giới và của khoa học. Nhưng chỉ khi mới dự định

bắt tay vào một việc nào quan trọng và to tát thôi cũng chẳng có ích gì vì bạn chưa hề biết mình sẽ phải đi về hướng nào. Trong công việc khảo cứu khoa học nhiều khi hợp lý hơn nếu chúng ta bắt tay ngay vào công việc có trước mặt mình, vào những công việc tự nhiên đến cho chúng ta tìm tòi. Nếu chúng ta làm việc đó với một tinh thần đúng đắn, không có thành kiến, không có hy vọng hão huyền, và nếu may mắn ra nhờ có sự liên quan của những sự việc lớn nhỏ, những ảnh hưởng hỗ tương, công việc làm đó có thể dẫn chúng ta đến một công việc to tát hơn nào đó".

Đó là những điều tôi muốn nói với các bạn để làm cho các bạn chú ý đến khi tôi nói đến những hành vi sai lạc, bề ngoài thực vô nghĩa lý của những con người khoẻ mạnh bình thường. Bây giờ chúng ta nói đến một người hoàn toàn xa lạ với môn phân tâm học và hỏi xem họ cắt nghĩa ra sao với những sự việc trên vừa kể.

Chắc chắn là thế nào ông ta cũng trả lời:"Chả cần cắt nghĩa gì cả, bởi vì đó là những việc chẳng nghĩa lý gì". Ông ta định nói gì vậy? Có phải ông ta cho rằng có những sự việc không nghĩa lý gì, ở ngoài hẳn mọi sinh hoạt của thế giới và nếu không xảy ra thì cũng chẳng sao hay không? Nhưng ngay cả khi người ta phá bỏ thuyết tiền định được mọi người công nhận dù chỉ ở một điểm thôi, người ta cũng làm đảo lộn hết quan niệm khoa học về thế giới. Chúng ta sẽ chứng tỏ cho ông ta thấy rằng một quan niệm tôn giáo về thế giới sẽ hợp lý với chính mình hơn khi cho rằng một con chim sẻ không thể rơi từ trên trời xuống mà không có sự can thiệp đặc biệt của ý chí Thượng đế.

Tôi đồ rằng người bạn của chúng ta đáng lẽ phải đưa ra hậu quả của lời giải thích thứ nhất của mình sẽ nói lại là ông ta có thể dễ dàng tìm thấy câu trả lời. Đó là một sự lệch lạc trong một cơ quan nào đó, sự sai lạc trong hoạt động của một cơ quan tinh thần, việc tìm ra sự lệch lạc đó không có gì là khó khăn. Một người lúc thường ăn nói thận trọng có thể nhầm lẫn khi: 1) ông ta bị mệt mỏi; 2) bị xúc động quá mức; 3) quá chú trọng đến sự việc khác. Những lời xác định này rất dễ được công nhận. Người ta thường nói lỡ lời khi trong người bị mệt, nhức đầu hay sốt nóng lạnh. Những trường hợp quên tên cũng thế. Có những người mỗi khi thấy mình quên như thế là biết ngay rằng mình sắp bị nhức đầu. Cũng như thế, khi bị xúc động người ta thường nhầm điều này với điều nọ, tiếng này với tiếng nọ.

Khi người ta đãng trí, nghĩa là lúc người ta tập trung vào những điều khác thì người ta rất dễ quên những điều dự định, hay làm những công việc không cố ý. Một trường hợp rất quen thuộc là trường hợp một vị giáo sư quên mang ô và đội mũ của người khác bởi vì trí óc ông ta đang tập trung vào những vấn đề sắp được đem trình bày trong cuốn sách của ông ta. Còn những thí dụ về những điều dự định hay những lời hứa mà bị quên lãng xảy ra khi có những biến cố làm cho người ta phải chú ý đến những sự việc khác thì các bạn có thể tìm thấy ngay nơi mình.

Những điều vừa nói có vẻ như dễ hiểu và không thể bác bỏ được. Có lẽ cũng chẳng hay ho gì, hay ít nhất cũng chẳng hay ho như người ta tưởng. Chúng ta hãy xem xét thực kỹ những lời giải thích trên về những hành vi sai lạc. Những điều kiện mà

người ta cho có tính cách quyết định để cho những sự đó xảy ra không phải đều có tính chất giống nhau. Những sự khó chịu trong việc tuần hoàn xảy ra là vì sự rối loạn trong một sự hoạt động thường thường, những sự rối loạn trong sinh lý. Những xúc động quá mức, mệt mỏi, đãng trí đều là những yếu tố có tính cách khác hẳn, vừa về tâm lý vừa về sinh lý. Những yếu tố này người ta có thể dễ dàng viết thành những lý thuyết. Sự mệt mỏi, đãng trí làm cho người ta hoang mang không còn tập trung tư tưởng được nữa, như thế có nghĩa rằng cơ quan tập trung tư tưởng không còn nhận được một sự chú ý đủ dùng nữa nên bị rối loạn và không còn hoạt động với một mức độ chính xác đủ dùng nữa. Một sự khó chịu, những sự thay đổi trong việc tuần hoàn diễn ra trong cơ quan trung ương về tinh thần cũng có những kết quả tương tự có ảnh hưởng đến một yếu tố quan trọng là sự tập trung tư tưởng. Vậy tất cả những trường hợp này đều thuộc trường hợp theo sau ngay những sự rối loạn trong việc chú ý, dù rằng những rối loạn này có thể có những nguyên nhân trong cơ thể hay trong tinh thần.

Tất cả những điều nói trên cũng không kích thích được sự chú ý của chúng ta về môn phân tâm học và chúng ta vẫn có thể có ý tưởng bỏ rơi môn học này. Tuy nhiên khi xem xét một cách chăm chú hơn những hiện tượng hành vi sai lạc, chúng ta sẽ thấy rằng không phải mọi sự đều phù hợp với cái thuyết nói trên về sự chú ý, hay ít nhất cũng không phải từ đó mà phát sinh ra. Chúng ta sẽ thấy là những hành vi sai lạc này, những sự quên lãng này cũng xảy ra đối với những người không hề mệt mỏi, đãng trí hay bị xúc động quá mức chút nào, trái lại còn tỏ ra bình thường về mọi phương diện, và chỉ về sau này khi sự việc xảy ra xong rồi chúng ta mới gán cho họ những sự rối loạn

nói trên mà chính họ cũng không công nhận. Thực là một sự khẳng định quá giản dị khi cho rằng khi nào người ta chú ý nhiều thì một cơ quan mới hoạt động đầy đủ, còn khi người ta kém chú ý đi thì cơ quan đó hoạt động không điều hoà. Có rất nhiều hành vi mà người ta làm như máy, hay lơ đãng không hề bớt chính xác đi tí nào. Người đi dạo tuy không hề để ý đến con đường mình đi mà vẫn về đến nơi đến chốn như thường. Một nhạc sỹ dương cầm dù không để ý vẫn đánh được những nốt đàn chính xác. Người này cũng có khi lầm, nhưng nếu khi cho rằng lối chơi đàn như máy là lối chơi hay đưa đến lầm lẫn nhất thì những tay danh cầm chuyên luyện đến nỗi đã trở thành hoàn toàn máy móc lại là người hay lầm nhất. Trái lại, chúng ta thấy rằng có rất nhiều hành vi thành công đặc biệt khi người ta không chú ý đến và chính lúc người ta chú ý đến chúng nhất, nghĩa là lúc sự chú ý được đưa đến tột độ thì lại xảy ra nhiều lầm lỡ nhất. Chúng ta có thể cho rằng sự lầm lẫn chính là kết quả của sự náo nức. Nhưng tại sao sự náo nức lại không làm giảm sự chú ý với một hành vi mà người ta chăm chú để ý đến như thế? Khi trong một bài diễn văn hay trong một cuộc nói chuyện thường có người nói lỡ lời, nói những điều không định nói hay nói trái hẳn ý mình thì người đó đã có một sự nhầm lẫn rất khó cắt nghĩa bằng thuyết tâm sinh lý hay thuyết về sự chú ý.

Chính ngay những hành vi sai lạc cũng kèm theo những hành vi phụ thuộc mà không ai hiểu nổi dù đã cố cắt nghĩa. Ví dụ như chúng ta quên một chữ, chúng ta tỏ vẻ khó chịu, tìm hết cách để nhớ lại và đứng ngồi không yên cho tới khi nhớ lại được mới thôi. Tại sao con người lại bực mình như thế rất ít khi tìm lại được chữ quên, không làm sao nhớ lại một chữ mà anh

thường cho là ở ngay trên đầu lưỡi mình đến nỗi nếu có người nào khác nói đến chữ đó là anh ta nhớ lại liền. Ngoài ra còn những trường hợp trong đó những hành vi sai lạc chồng chất lên nhau, quấn chặt vào nhau, thay chỗ cho nhau. Lần đầu tiên chúng ta quên một buổi hẹn. Lần sau đó chúng ta nhất định không quên nữa nhưng không may là chúng ta ghi nhầm giờ hẹn. Trong khi người ta dùng đủ mọi cách để nhớ lại một chữ bị quên thì người ta lại quên luôn một chữ thứ hai trong khi chữ này có thể giúp mình nhớ lại chữ kia; rồi trong khi người ta cố tìm lại chữ thứ hai này thì người ta lại quên một chữ thứ ba và cứ như thế mà tiếp diễn. Những sự rối loạn này thường xảy ra cho những người thợ sắp chữ có thể coi như những hành vi sai lạc. Một sự lầm lẫn thuộc loại này cứ xảy đi xảy lại mãi trong một tờ báo của đảng xã hội dân chủ. Trong báo đó, khi tường thuật lại buổi biểu tình, người ta đọc thấy như sau: "Trong số những người tham dự có cả ông Kronrpinz (đáng lẽ phải là ông Kronprinz (Đông cung thái tử)". Hôm sau tờ báo cải chính, xin lỗi độc giả và viết: "Chúng tôi định viết ông Knorprinz (chứ không phải là ông Kronprinz)". Người ta nói trong những chuyện như thế hình như có ma hay có quỷ trong việc xếp chữ. Dù là ma hay là quỷ thì những chữ này cũng vượt quá giới hạn của một thuyết tâm lý sinh lý của những sự nhầm lẫn trong việc xếp chữ.

Chắc bạn cũng biết là chúng ta có thể dùng cách ám thị để làm cho người ta lỡ lời. Về điểm này có câu chuyện như sau: Một diễn viên mới vào nghề một hôm phải đóng một vai trong vở Pucelle d' Ocléans, anh ta có phận sự báo cho vua là ông Connétable đưa trả lại thanh kiếm (Shwert). Nhưng trong lúc tập, một người nhắc vở đùa anh ta bằng cách nhắc cho anh ta

nói là: Ông Confortable trả lại con ngựa (Pferd). Và anh chàng hay đùa nghịch đó đạt được mục đích: anh diễn viên khốn khổ này của chúng ta quả nhiên nói lỡ lời ngay theo câu nói được nhắc sai và rồi cứ nhầm như thế mãi dù đã được cảnh cáo bao nhiêu lần, có khi lại càng lầm vì những lời cảnh cáo đó.

Tất cả những điểm đặc biệt về những hành vi sai lạc vừa được trình bày không thể cắt nghĩa được bằng thuyết cho rằng sự chú ý đã bị đánh lạc. Điều đó không có nghĩa là thuyết này sai. Nói cho đúng ra thì thuyết này phải được bổ túc. Nhưng ngoài ra, nhiều khi có những hành vi sai lạc cần được hiểu theo một phương diện khác.

Ví dụ như những hành vi sai lạc thường được chúng ta chú ý đến nhất: đó là những sự lỡ lời (lapsus). Chúng ta có thể chọn những sự sai lầm về đọc sách hay viết cũng được. Chúng ta cần chú ý đến điểm sau đây: là từ trước đến nay chúng ta chỉ tự đặt mỗi một câu hỏi là chúng ta đã lỡ lời trong những điều kiện nào và khi nào. Chúng ta mới chỉ trả lời có một câu hỏi đó. Nhưng chúng ta có thể xét đến hình thức một sự lỡ lời và hậu quả của sự lỡ lời đó. Chắc các bạn đoán ra rằng, một khi chúng ta chưa trả lời được câu hỏi sau này, một khi chưa cắt nghĩa được hậu quả của sự lỡ lời thì về phương diện tâm lý hiện tượng này vẫn chỉ còn là tai nạn bất thường ngay cả khi người ta đã cắt nghĩa được về phương diện sinh lý. Tất nhiên khi tôi lỡ lời, tôi có thể lỡ lời bằng ngàn cách; tôi có thể thay thế tiếng nói đúng bằng ngàn tiếng khác hay nói một tiếng đó mà thay đổi đi bằng ngàn cách khác. Và khi tôi hỏi tại sao trong bao nhiêu tiếng có thể lỡ lời được tôi lại chỉ lỡ lời đặc biệt với một tiếng thôi? Trong trường hợp đó thì sự lỡ lời đó có nguyên nhân gì

quyết định không hay chỉ là do một sự tình cờ, một vấn đề không sao giải đáp hợp lý được?

Hai tác giả, ông Maringer và ông Mayer (người trên là một triết gia trong khi người dưới là một nhà trị bệnh tinh thần) năm 1985 đã khảo về những sự lỡ lời. Hai ông đã tập trung được nhiều trường hợp trong đó hai ông chỉ đứng về phương diện mô tả thôi. Hai ông không tìm cách cắt nghĩa nhưng trong thực tế đã mở đường cho người sau cắt nghĩa. Những sự lỡ lời được xếp loại như sau:

a) nói lộn ngược;

b) nói lẫn lộn chữ nọ với chữ kia (Vorlang),

c) nói một chữ dài ra mà không có lợi gì cả (Nachklang),

d) nói lầm chữ nọ với chữ kia (chữ nọ giây ra chữ kia),

e) thay chữ nọ vào chữ kia.

Tôi kể cho các bạn nghe những thí dụ của mỗi loại. Có lộn ngược khi người ta nói Milô Vệ nữ trong khi phải nói Thần Vệ nữ ở Milô. Có chữ nọ đè lên chữ kia khi nói: Es war mir anf der Schwest... auf der Brust so scbwer (Có nghĩa là Tôi thấy cái gì đè nặng lên ngực. Chữ schwer (nặng) đè lên một phần chữ Brust (ngực). Có nói kéo dài vô ích hay nhắc lại vô ích trong câu chúc tụng sau đây: "Ich fordere sie auf, auf das Wohl unseres Chefs aufzustossen" (Xin các ngài *ợ lên* để chúc cho ông Chủ được thịnh vượng, trong khi đáng lẽ muốn nói *uống* để chúc cho ông Chủ v.v...). Ba hình thức lỡ lời trên không thường xảy ra. Nhưng trường hợp lỡ lời vì một sự liên tưởng hay một sự rút ngắn lời nói thì thấy dễ hơn. Ví dụ như một ông gặp một bà

ngoài phố và nói: "Nếu cô cho phép tôi xin thất lễ với cô". Sự thực thì ông ta muốn nói: "Nếu cô cho phép tôi sẽ xin đi cùng" nhưng ông ta đã lầm chữ begleiten (đi cùng) với beleidigen (thất lễ) nghĩa là đã rút ngắn chữ nọ thành chữ kia. Tôi cần nói là có lẽ anh chàng này không được cô kia hoan nghênh thì phải. Về lối thay chữ nọ vào chữ kia thì có ví dụ sau đây: Meringer và Mayer nói: "Tôi cho những thứ thuốc này vào thùng thư (Briefkasten) thay vì trong lò hấp (Brutkasten)".

Hai nhà khảo cứu trên đã tìm cách cắt nghĩa những thí dụ này, nhưng theo tôi thì những cách đó còn thiếu sót nhiều. Họ cho rằng những thanh âm và những vần trong chữ có những giá trị khác nhau, và khi người ta nghĩ đến một vần hay một thanh âm nào có giá trị cao hơn thì sự suy nghĩ này có ảnh hưởng rối loạn đến những vần hay những thanh âm có giá trị ít hơn. Điều nhận xét này cùng lắm chỉ có giá trị đối với những trường hợp ít xảy ra thuộc loại thứ hai và thứ ba: trong những trường hợp dù cho rằng có những yếu tố này có giá trị hơn yếu tố khác chăng nữa thì sự quan trọng hơn hay kém của những thanh âm hay vần không đóng vai trò gì cả. Những sự lỡ lời hay xảy ra hơn cả là trường hợp thay chữ này bằng một chữ khác hao hao giống và sự giống hao hao này đủ để cắt nghĩa rồi. Ví dụ như một vị giáo sư trong một bài học khai mạc nói: "Tôi không sẵn sàng (geneigt) phán đoán về giá trị của vị giáo sư dạy trước tôi một cách đúng mức" trong khi muốn nói: "Tôi không dám cho mình một sự hiểu biết đủ dùng để phán đoán v.v... (geeignet)". Hay một vị giáo sư khác : "Về bộ phận sinh dục của đàn bà mặc dầu những sự cám dỗ (tentions, Versuchungen), xin lỗi những mưu toan (tentatives, Versuche)".

Nhưng sự lỡ lời hay xảy ra nhất, làm cho người ta chú ý đến nhiều nhất là trường hợp nói ra những điều hoàn toàn trái hẳn với điều định nói. Tất nhiên trong trường hợp này, những liên quan về thanh âm cũng như những sự giống nhau chỉ đóng một vai trò rất nhỏ; để thay vào những yếu tố này người ta có thể cho rằng giữa những tiếng trái ngược nhau có một sự phù hợp rất gần trong sự liên tưởng về tâm lý. Chúng ta có những ví dụ lấy trong lịch sử về loại này. Một ông Chủ tịch hạ nghị viện đã khai mạc buổi họp bằng câu sau đây: "Thưa các ngài tôi thấy có sự hiện diện của... nghị sĩ và tuyên bố bế mạc buổi họp".

Bất cứ một liên tưởng nào có khả năng xuất hiện một cách bất chợt như thế cũng có thể đưa đến kết quả tương tự. Ví dụ như người ta kể lại rằng trong một bữa tiệc cưới của hai con nhà Helmholtz và Siemens, nhà sinh lý học nổi danh đã kết thúc bài diễn từ của ông bằng câu sau đây: "Hoan hô sự kết hợp mới mẻ giữa Siemens và Halske". Tất nhiên khi nói câu đó, ông ta đã nghĩ đến nhà Halske vì sự liên tưởng giữa hai nhà Siemens và Halske rất quen thuộc với người dân thành Berlin.

Vì những lẽ đó ngoài những liên quan về thanh âm và sự giống nhau của các tiếng, chúng ta phải thêm vào sự liên tưởng giữa các tiếng nữa. Nhưng như thế cũng chưa đủ. Có nhiều trường hợp mà muốn cắt nghĩa một sự lỡ lời chúng ta phải để ý đến những lời đã nói hay đã nghĩ từ trước. Đó là những trường hợp tác dụng từ xa cũng thuộc loại do Meringer kể lại nhưng có phạm vi rộng lớn hơn. Nhưng đến đây tôi phải thú thực với các bạn là ngay lúc này hơn lúc nào chúng ta càng ngày càng thấy các sự lầm lẫn trong việc nói năng càng khó hiểu.

Nhưng tôi có thể nói là mình không lầm khi cho rằng các công trình khảo cứu nói trên đã gây ra một cảm giác mới đáng cho chúng ta để ý đến. Trước hết chúng ta xét tới những điều kiện phát sinh ra một sự lỡ lời, rồi sau đó xét đến những ảnh hưởng làm cho tiếng nói bị sai lạc đi. Nhưng chúng ta chưa nói đến hậu quả của những sự lỡ lời. Nếu định xét đến vấn đề đó chúng ta phải có can đảm nói rằng: Trong tất cả những sự lỡ lời đó, sự sai lạc của các tiếng có một ý nghĩa. Ta hiểu câu có một ý nghĩa như thế nào? Biết đâu hậu quả của một sự lỡ lời lại chẳng có quyền được coi như một hành vi hoàn hảo của tinh thần có mục đích nhất định, như một phát biểu với một nội dung và ý nghĩa đặc biệt. Từ trước tới nay chúng ta nói tới những hành vi sai lạc nhưng có vẻ như những hành vi sai lạc này lại là những hành vi hoàn toàn đứng đắn, chỉ xuất hiện ra với mục đích thay thế cho hành vi mà người ta muốn làm hay đang chờ đợi.

Ý nghĩa đen của hành vi sai lạc này trong một vài trường hợp có vẻ như không thể nào chối cãi được. Nếu ngay trong những tiếng đầu tiên mà ông chủ tịch đã nói ngay đến hai chữ "bế mạc' trong khi ý ông là muốn nói đến hai chữ "khai mạc" thì chúng ta là người biết rõ những điều kiện phát sinh của sự lỡ lời này, chúng ta có thể gán cho hành vi sai lạc này một ý nghĩa. Ông chủ tịch thực ra không chờ đợi viện dân biểu làm được một việc gì hay ho nên muốn cho nó bế mạc luôn đi. Chúng ta có thể dễ dàng tìm ra ý nghĩa của sự lỡ lời này. Khi một bà, được biết là một người có nhiều nghị lực, kể cho chúng ta nghe rằng: "Chồng tôi vừa đi khám bác sĩ để bác sỹ chỉ cho phải ăn uống như thế nào thì bác sĩ bảo anh chẳng phải kiêng gì

cả, anh cứ việc ăn những gì *tôi muốn*" thì chúng ta thấy ngay rằng đó là một sự lỡ lời, nhưng cũng thấy ngay rằng bà ta đã nói ra những điều bà dự định sẽ làm, nghĩa là bắt ông chồng ăn theo ý kiến bà.

Nếu chúng ta cho rằng những sự lỡ lời có một ý nghĩa không phải là một ngoại lệ và trái lại, lại luôn luôn xảy ra thì ý nghĩa này đối với chúng ta có thể gạt bỏ mọi thứ khác vào trong hậu trường. Bây giờ chúng ta có thể gạt bỏ tất cả những yếu tố sinh lý, hay vừa tâm lý vừa tâm sinh lý mà chỉ để ý đến những yếu tố tâm lý thôi để tìm hiểu xem những hành vi sai lạc có ý nghĩa gì và nói lên những gì về ý nghĩa của người lỡ lời. Vì thế cho nên chúng ta sẽ xét nhiều trường hợp nữa.

Nhưng trước khi đi vào con đường đó, tôi mời các bạn đi vào một con đường khác hẳn. Có nhiều nhà thi sĩ đã từng sử dụng một sự lỡ lời hay một hành vi sai lạc nào khác để diễn tả ý thơ của mình. Sự kiện này tự nó cũng đủ chứng tỏ cho ta biết rằng nhà thi sĩ coi những hành vi sai lạc và đặc biệt sự lỡ lời không phải là không có ý nghĩa vì ông ta đã cố ý làm những hành vi sai lạc đó. Không ai tin rằng nhà thi sĩ lầm lẫn trong khi viết rồi cứ để nguyên không sửa chữa sự sai lầm của mình, và sự sai lầm này sẽ trở thành một sự lỡ lời từ miệng một người nào đó. Bằng sự lỡ lời này nhà thi sĩ muốn diễn tả một ý nghĩ gì có vẻ như ông ta muốn báo cho ta biết là con người đó đãng trí, mệt mỏi hay sắp bị nhức đầu. Nhưng nếu nhà thi sĩ dùng một sự lỡ lời như một tiếng có ý nghĩa thì chúng ta trái lại không nên gán cho sự việc đó một mức quá đáng. Sự thực, một sự lỡ lời có thể không có ý nghĩa gì hết, có thể chỉ là một tai nạn bất thần của tinh thần hay nếu có một ý nghĩa gì thì chỉ trong trường

hợp thực đặc biệt thôi. Tuy nhiên, chúng ta không thể cấm nhà thi sĩ gán cho chúng một ý nghĩa để dùng vào tác phẩm của ông ta. Vì thế các bạn sẽ không ngạc nhiên khi thấy tôi nói rằng các bạn muốn tìm hiểu về vấn đề này nên khảo cứu các nhà thi sĩ hơn là các nhà ngôn ngữ học và chữa bệnh tinh thần.

Trong vở ***Wallenstein*** (Piccolomini, Hồi thứ nhất) ta thấy có một loại lỡ lời như thế. Trong cảnh trước Piccolomini đã hăng say bênh vực ông quận công bằng cách ca tụng những lợi ích của hoà bình, những lợi ích mà anh ta đã biết trong cuộc du hành cùng cô con gái Wallenstein. Sự bênh vực này làm cho cha anh và sứ giả của nhà vua sửng sốt. Cảnh đó tiếp diễn như sau:

Questenberg - *Nguy quá chúng ta hiện đi đến đâu đây? Chúng ta có nên để cho nó đi với ý tưởng điên rồ đó mà không cảnh cáo nó và mở mắt nó ra không?*

Octavio (đang suy nghĩ giật mình) - *Mắt tôi mở to lắm rồi và điều tôi trông thấy không làm tôi vui thích tí nào.*

Questenberg - *Điều gì vậy bạn?*

Octavio - *Cuộc du hành đó thực bất lợi quá.*

Questenberg - *Tại sao? Có gì vậy?*

Octavio - *Đi cùng tôi đi, tôi phải theo gót nó ngay, phải chính mắt tôi nhìn thấy ... Nào đi đi.*

(Anh muốn kéo Questenberg đi cùng).

Questenberg - *Bạn làm sao thế? Bạn muốn tôi đi đâu?*

Octavio - *Đến gặp nàng.*

Questenberg - *Gặp ai?*

Octavio - (Sực nhớ lại) *Gặp Quận công. Nào ta đi...*

Octavio muốn nói đến gặp ông quận công nhưng anh đã lỡ lời và nói gặp nàng, do đó chúng ta hiểu rằng anh chàng đã hiểu rõ những ảnh hưởng nào đã làm cho chàng chiến sĩ trẻ tuổi mơ đến những lợi ích của hoà bình.

O.Rank cũng đã tìm ra ở Shakespeare một thí dụ cùng loại. Đó là trong vở "Người lái buôn thành Vơnidơ" trong cảnh mà anh chàng si tình phải chọn giữa ba hộp đồ. Tôi muốn đọc cho các bạn nghe đoạn anh viết về điểm đó.

"Trong vở "Người lái buôn thành Vơnidơ" của Shakespeare (Hồi III cảnh II) có một sự lỡ lời rất đáng chú ý về phương diện văn chương và kỹ thuật; cũng như thí dụ do Freud kể lại trong Wallenstein, điều đó chứng tỏ rằng các nhà thi sĩ hiểu rõ về những sự lỡ lời và cho rằng khán giả cũng hiểu rõ. Bị cha bắt buộc rút thăm để chọn một người chồng, nàng Portia từ trước tới nay vẫn thoát khỏi tay những anh chàng mà nàng không thích do một sự ngẫu nhiên may mắn. Đến khi thấy anh chàng Bansanio hợp ý mình, nàng chỉ sợ anh chàng rút phải một lá thăm tồi thôi. Nàng muốn nói cho anh nghe là dù có rút phải một lá thăm tồi chăng nữa anh cũng nên tin chắc rằng nàng yêu anh nhưng vì đã trót hứa nên không dám nói ra. Trong khi đang tan nát cả cõi lòng, nàng được nhà thi sĩ làm cho nói những câu sau đây với người yêu:

"Em xin anh! Anh ở lại đi, ở lại một hai ngày đi, trước khi rút thăm, bởi lẽ nếu anh rút không trúng lá thăm cần rút thì em sẽ không được gặp anh nữa, Anh hãy chờ ít lâu đã. Có một điều

gì (điều đó không phải tình yêu đâu) làm cho em thấy rằng em sẽ hối tiếc nếu mất anh... Em có thể hướng dẫn anh, chỉ cho anh biết phải chọn như thế nào, nhưng em sẽ lỗi lời thề và em không muốn lỗi lời thề. Anh có thể không lấy được em; anh sẽ làm cho em hối hận vì đã không chịu lỗi lời thề. Chao ôi, những ánh mắt đã làm em nôn nao cả cõi lòng chia em làm hai người: *một người thuộc về anh, một thuộc về anh... ồ không phải thế, em muốn nói thuộc về em.* Nhưng nếu người đó thuộc về em thì cũng thuộc về anh luôn, như thế có nghĩa là cả người em thuộc về anh"

"Điều mà nàng chỉ muốn ám chỉ đến thôi bởi vì đáng lẽ nàng không được nói ra, nghĩa là nàng muốn cho chàng biết là ngay trước khi rút thăm nàng đã thuộc về anh rồi và nàng yêu anh. Tác giả rất sành tâm lý đã làm cho nàng lỡ lời nói cho người yêu biết để cho chàng yên tâm và luôn thể cất cho khán giả một nỗi lo ngại trong việc dự đoán xem nàng sẽ chọn ai".

Chúng ta hãy để ý việc nàng Portia đã khéo léo như thế nào để dung hoà hai lời thú nhận của nàng trong sự lỡ lời đó bằng cách xoá bỏ sự mâu thuẫn giữa hai tình trạng, tuy vẫn giữ được lời thề mà vẫn nói lên được những điều mình nghĩ: "nhưng nếu nó thuộc về em thì nó cũng thuộc về anh, nghĩa là cả người em đều thuộc về anh".

Chỉ bằng một nhận xét giản dị như thế, một người không hề biết gì về y khoa, do một sự ngẫu nhiên may mắn đã tìm được ý nghĩa của một sự lỡ lời, một hành vi sai lạc mà không cần cắt nghĩa gì khác nữa. Chắc các bạn cũng biết nhà trào phúng tài ba Licktenberg (1742-1799) mà mỗi lời nói đều chứa đựng cả một vấn đề (theo lời Goethe). Lickterberg kể lại rằng

vì đọc nhiều Homere quá nên bất cứ ở chỗ nào có viết chữ "angenommen" (nghĩa là chấp nhận) ông đều đọc thành Agamemnon. Đó chính là thuyết về sự lỡ lời.

Trong bài sau chúng ta sẽ xét đến vấn đề chúng ta có thể đồng ý với các nhà thi sĩ về quan niệm của họ về các hành vi sai lạc không?

3. NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC (TIẾP THEO)

Lần trước chúng ta đã xét những hành vi sai lạc không phải về phương diện liên quan giữa chúng với cơ năng ý muốn, mà về phương diện đối với chính hành vi đó thôi. Có vẻ như hành vi sai lạc trong một vài trường hợp có mang một vài ý nghĩa đặc biệt. Chúng ta đã tự nhủ là nếu có thể khẳng định được điều đó trên một quy mô rộng lớn hơn thì ý nghĩa của những hành vi này đối với chúng ta sẽ có ý nghĩa hơn là những trường hợp phát sinh ra những hành vi đó.

Một lần nữa chúng ta phải đồng ý với nhau về những điều chúng ta hiểu khi ta nói đến ý nghĩa của một sự hoạt động tinh thần. Đối với chúng ta, "ý nghĩa" đó không có gì khác hơn là diễn tả một ý muốn và địa vị của nó trong đời sống tinh thần. Trong các công trình khảo cứu của chúng ta, chúng ta có thể thay chữ "ý nghĩa" bằng chữ "ý muốn" hay "khuynh hướng". Nay thì ta tự hỏi không biết cái "ý muốn" đó có phải chỉ là một bề ngoài lừa dối hay một điều quá đáng có tính cách thi văn không?

Vậy chúng ta hãy xét những trường hợp lỡ lời và khảo cứu những sự quan sát liên can đến những trường hợp đó. Chúng ta sẽ tìm ra hàng loạt những sự lỡ lời có ý nghĩa. Thoạt tiên là những sự lỡ lời trong đó người ta nói ra những điều trái hẳn với những điều muốn nói. Ông chủ tịch nói trong diễn văn khai

mạc: "Tôi tuyên bố bế mạc buổi họp". Chả còn có gì để người khác hiểu lầm được. Lời nói đó chứng tỏ rằng ông chủ tịch trong thâm tâm muốn bế mạc buổi họp. Thì chính ông nói ra miệng mà, chúng ta cứ việc tin lời ông nói. Đến đây các bạn đừng làm tôi lúng túng bằng cách cãi lại rằng sự thực không thể nào như thế được vì chúng ta biết rằng ông ta muốn khai mạc chứ không phải bế mạc, nhất là khi hỏi lại ông ta đã trả lời là chính ông muốn khai mạc. Chúng ta đừng quên rằng chúng ta đã quyết định là chỉ khảo cứu hành vi sai lạc với tính chất của nó thôi, còn chuyện nó có liên quan nào với ý muốn mà nó đã làm rối loạn hay không thì đó lại là chuyện khác sẽ được nói đến sau. Làm khác đi, chúng ta sẽ phạm một lỗi lầm bất hợp lý, làm sai lạc hẳn vấn đề đang khảo cứu.

Trong trường hợp khác trong đó người ta không nói hẳn những điều trái với ý muốn nhưng sự lỡ lời vẫn diễn tả một ý nghĩa trái ngược. Ich bin nicht geneigt die Verdienste meines Vorgagers zu wurdigen. Chữ Geneigt không phản nghĩa với chữ geeignets (sẵn sàng và được quyền); nhưng đó là một lời thú nhận trước công chúng trái hẳn với địa vị của diễn giả.

Trong những trường hợp khác sự lỡ lời thêm một ý nghĩa mới vào ý nghĩa định nói. Mệnh đề đó xuất hiện như một sự co rút, rút ngắn hay dung hoà nhiều mệnh đề lại. Đó là trường hợp của con người giàu nghị lực nói trong những dòng trên. "Chồng tôi có thể ăn uống những món gì tôi muốn". Có vẻ như bà ta muốn nói: "Chồng tôi muốn ăn uống gì tùy ý anh muốn. Nhưng anh cần gì phải muốn. Chính tôi muốn thay cho anh!". Nhưng sự lỡ lời luôn luôn cho người ta cái cảm tưởng rút ngắn thuộc loại sau đây. Ví dụ: Một giáo sư về cơ thể học sau khi giảng

xong một bài về lỗ mũi, hỏi các sinh viên là họ có hiểu không. Sau khi họ trả lời là họ hiểu, giáo sư nói tiếp: "Tôi không tin như thế vì số người hiểu được sự cấu tạo của lỗ mũi, trong một thành phố một triệu người có thể đếm trên đầu một ngón tay... chết nỗi, trên các đầu ngón tay". Câu nói rút ngắn này có nghĩa: giáo sư muốn nói chỉ có mỗi một người hiểu được sự cấu tạo của lỗ mũi thôi.

Cạnh những trường hợp vừa kể, trong đó ý nghĩa của sự lỡ lời hiện ra rõ ràng, còn có những trường hợp lỡ lời không có ý nghĩa gì cả và do đó trái hẳn với những điều chúng ta chờ đợi. Khi một người nói sai một danh từ riêng hay phát ra những âm thanh chẳng có nghĩa gì hết cả thì tất nhiên những hành vi sai lạc này chẳng có nghĩa gì hết. Nhưng khi xét kỹ người ta sẽ thấy những tiếng hay những câu ngay cả khi sự khác biệt giữa những trường hợp còn nghi ngờ với những trường hợp thực rõ ràng không to tát như người ta đã tưởng.

Có người hỏi thăm sức khoẻ của con ngựa của một người, người này trả lời: "Ja das draut... das dauert..." ông ta muốn nói: "Bệnh nó có thể kéo dài một tháng". Hỏi ông nói draut nghĩa là gì (mà ông suýt nữa đã dùng thay chữ dauert) ông trả lời là, vì cho rằng việc con ngựa ốm đối với ông là điều rất buồn (traurig) ông đã dùng lầm hai chữ dauert và traurig và ông lỡ nói ra chữ draut.

Một người khác nói về một vài lối làm việc làm cho ông phẫn nộ đã nói: "Dann aber dind Tatsachen zum Vorwwchein gekommen" (người ta tìm ra những sự việc...). Nhưng vì trong thâm tâm ông cho các lối làm việc như thế là đồ con heo (cochonneries, Schweinerrein) nên vô tình lẫn hai chữ

Vorschein và Schweinerein. Do đó ông nói lỡ lời ra Vorschein. (Meringer và Mayer).

Bạn hẳn còn nhớ trường hợp anh chàng muốn đi cùng với một bà chưa quen biết bằng chữ begleigt - digen. Chúng ta đã phân chữ đó thành hai chữ begleiten (đi cùng) và beleidigen (kính trọng). Chúng ta cho là cách giải thích như thế là đúng lắm rồi nên chúng ta không thấy cần kiểm lại. Các bạn thấy rõ là ngay cả những trường hợp lỡ lời không được rõ ràng lắm cũng có thể cắt nghĩa được bằng sự trùng phùng của những phát biểu của hai ý muốn. Sự khác biệt độc nhất giữa các trường hợp đó là ở chỗ đối với một số trường hợp như trong các sự lỡ lời bằng sự trái ngược thì một ý muốn này được thay hẳn bằng một ý muốn khác, còn trong một số trường hợp nữa thì một ý muốn chỉ thay đổi một ý khác thôi. Do đó có một số chữ có hai hay nhiều nghĩa.

Chúng ta tưởng như đã vén được màn bí mật với một số lượng lớn những sự lỡ lời. Và bây giờ vẫn bằng lối lý luận đó chúng ta có thể hiểu được nhiều loại còn bí mật hơn nhiều. Ví dụ như trong trường hợp đọc sai các tên riêng, chúng ta không thể cho rằng nguyên nhân của chúng là sự có mặt của hai tiếng vừa khác nhau lại vừa giống nhau. Nhiều khi sự sai lầm diễn ra không liên can gì đến sự lỡ lời cả. Bằng cách đó người ta tìm cách nói lên một danh từ kêu sai hay gán cho nó một thanh âm làm cho người ta nhớ lại một vật gì rất tầm thường. Đó là một lối chửi rủa rất quen thuộc mà những người lịch sự không dám dùng tuy nhiều khi trong thâm tâm cũng muốn dùng lắm. Lời chửi bới này thường làm cho người ta có vẻ thông minh nhưng là cái thông minh hạ cấp. Vậy chúng ta có thể cho rằng sở dĩ có

sự lỡ lời đó là vì trong thâm tâm người ta muốn chửi bới bằng cách nói sai chữ dùng. Nói rộng thêm ra, chúng ta có thể dùng cách giải thích đó với những trường hợp lỡ lời rất buồn cười hay khó hiểu: "Xin mời các ngài ợ lên để chúc thọ ông chủ của chúng ta" (trong khi muốn nói: uống mừng aufstossen và anstossen). Ở đây quang cảnh trang nghiêm bị phá rối bằng một tiếng gợi lên một cảm giác khó chịu. Trong trường hợp này quả có một khuynh hướng muốn xuất hiện trái hẳn với dáng điệu cung kính bề ngoài của diễn giả. Thực ra diễn giả muốn nói: các bạn đừng tin lời tôi, tôi không muốn nói như thế đâu, tôi chỉ muốn nhạo ông chủ thôi v.v... Đó cũng là trường hợp của những sự lỡ lời trong đó những tiếng rất thường biến thành những tiếng thô tục.

Khuynh hướng biến đổi hay đọc sai này thường thấy có ở những người muốn đùa chơi hay muốn tỏ ra mình thông minh. Và mỗi khi gặp trường hợp này chúng ta thường phải tìm hiểu xem có phải là người nói câu đó muốn pha trò hay không hay chính đó là một sự lỡ lời thực sự.

Như vậy tức là chúng ta đã giải quyết được một cách tương đối dễ dàng những điều bí mật của những hành vi sai lạc. Đó không phải là một sự bất thường mà là những hành vi tinh thần đúng đắn, có ý nghĩa phát sinh ra do sự trùng hợp hay nói đúng hơn sự phải trái giữa hai ý muốn khác nhau. Nhưng tôi đoán trước rằng nhiều bạn sẽ nghi ngờ và sẽ hỏi nhiều câu mà tôi phải trả lời trước khi có thể hài lòng về kết quả đầu tiên này. Tôi không hề có ý đưa bạn đến chỗ quyết định hấp tấp. Chúng ta hãy thảo luận từng điểm một theo thứ tự một cách bình tĩnh.

Bạn sẽ hỏi gì tôi? Tôi cho rằng những lời giải thích nói trên có giá trị đối với mọi trường hợp hay chỉ đối với một số trường hợp không thôi? Một quan niệm như thế có đúng với mọi hành vi sai lạc không như: đọc sai, viết sai, quên, lầm, không tìm lại được một vật mà mình đã cất v.v... Trước tính chất tinh thần của những hành vi sai lạc này thì sự mệt nhọc, sự kích động, sự đãng trí, sự rối loạn trong sự chú ý giữ những vai trò nào? Người ta nhận thấy rằng trong hai khuynh hướng kình địch nhau, có một khuynh hướng là hiển nhiên còn khuynh hướng kia thì không. Làm thế nào cho khuynh hướng này rõ rệt ra và trong trường hợp làm được, làm sao chứng tỏ được rằng khuynh hướng sau này, dù không xác thực là thái độ độc nhất phát sinh ra được? Các bạn còn hỏi gì tôi nữa không? Nếu không thì chính tôi cũng còn nhiều câu đặt ra nữa. Tôi nhắc lại rằng những hành vi sai lạc tự chúng đối với chúng ta chẳng có lợi lộc gì nhưng chúng ta chỉ muốn dựa vào đó mà tìm ra được những kết quả có thể đem áp dụng vào môn phân tâm học thôi. Vì thế nên tôi đặt câu hỏi như sau: những ý muốn, những khuynh hướng có thể làm rộn những ý muốn và khuynh hướng khác là thế nào và giữa một khuynh hướng bị gây rối và một khuynh hướng gây rối có những liên quan gì? Như thế tức là chỉ sau khi giải đáp tất cả những câu hỏi này thì công việc thực sự của chúng ta mới bắt đầu.

Vậy: sự giải thích của chúng ta có giá trị với mọi trường hợp lỡ lời hay không? Tôi tin là có vì mỗi lần xét đến một sự lỡ lời chúng ta lại quay trở lại lối giải thích đó. Nhưng không có gì chứng tỏ rằng không có những sự lỡ lời phát sinh từ những lối khác. Có thể được. Nhưng đứng về phương diện lý thuyết thì dù có những sự đó nữa thì cũng chẳng quan hệ gì mấy, bởi lẽ

những điều kết luận của chúng ta trong những dòng trên vẫn còn nguyên giá trị ngay cả khi những sự lỡ lời phù hợp với quan niệm của chúng ta chỉ là số ít, nhưng sự thực không phải như thế. Còn về câu hỏi sau đó là chúng ta có nên đem những kết quả thu lượm được về những sự lỡ lời áp dụng vào những hành vi sai lạc khác không, câu trả lời của tôi là có. Các bạn sẽ thấy tôi làm thế là phải khi chúng ta xét đến những thí dụ về viết sai, tội đề nghị cùng các bạn hãy tạm gác vấn đề đó lại cho đến khi xét xong vấn đề lỡ lời.

Và bây giờ đến các sự mệt mỏi, kích động, đãng trí, rối loạn trong sự chú ý và tuần hoàn đóng những vai trò gì trong sự hoạt động tinh thần? Vấn đề này cần được xem xét cẩn thận. Chúng ta không hề phủ nhận những điều các môn khác khẳng định; thường thường môn này chỉ đưa thêm vào những điều khẳng định đó những yếu tố mới, và trong nhiều trường hợp những điều đưa thêm vào này lại là những điều cần thiết. Ảnh hưởng của các sự kiện sinh lý do những sự khó chịu, những sự rối loạn trong bộ máy tuần hoàn, những tình trạng cơ thể suy đồi gây ra đối với sự phát sinh các sự lỡ lời phải được công nhận hoàn toàn không dè dặt. Những kinh nghiệm bản thân của bạn đủ để bạn công nhận ảnh hưởng đó. Nhưng giải thích như thế là giải thích quá ít. Trước hết, những trạng thái vừa kể không phải là những điều kiện cần thiết cho những hành vi sai lạc. Ngay cả những người khoẻ mạnh bình thường cũng lỡ lời. Những yếu tố cơ thể này chỉ có giá trị khi chúng làm dễ dàng cho sự phát sinh của những sự lỡ lời. Để chứng minh sự có liên quan đó, có một lần tôi đã dùng một sự so sánh và ngày nay lại phải đem dùng lại vì không còn sự gì tốt hơn. Ví dụ như một

hôm đi chơi ban đêm trong một nơi vắng vẻ tôi bị kẻ gian chặn lại trấn lột đồng hồ và túi tiền, tôi đến đồn cảnh sát trình rằng sự vắng vẻ và bóng tối đã trấn lột đồng hồ và tiền bạc của tôi thì chắc chắn ông cảnh sát sẽ trả lời rằng: "Ông không thể cắt nghĩa một cách máy móc như thế được. Nếu ông muốn, tôi sẽ giải thích như sau: vì được bóng tối và sự vắng vẻ che chở, một tên cướp vô danh đã cướp của ông những vật đáng giá. Theo ý tôi điều cần đối với ông là tìm được tên cướp; và chỉ lúc đó chúng ta mới có hy vọng tìm lại được những đồ đã mất".

Những yếu tố vừa tâm lý vừa sinh lý như sự kích động, sự đãng trí, sự rối loạn trong sự chú ý, tất nhiên không có ích gì trong việc cắt nghĩa những hành vi sai lạc. Đó chỉ là một cách nói, những bình phong không làm cho chúng ta không nhìn được. Người ta có thể tự hỏi: trong một trường hợp đặc biệt nào đó, nguyên nhân của sự kích động, sự lệch lạc trong sự chú ý là gì? Ngoài ra những ảnh hưởng của thanh âm, giống nhau của lời nói, những sự liên tưởng quen thuộc của tiếng nói cũng có một vài phần quan trọng. Tất cả những yếu tố đó làm dễ dàng cho sự phát sinh của sự lỡ lời bằng cách chỉ đường cho hươu chạy. Nhưng có phải trước mắt tôi có sẵn một con đường là chắc chắn tôi phải theo con đường đó không? Cần phải có một lý do gì, một động lực nào thúc đẩy tôi. Vậy những liên quan về âm thanh, những sự giống nhau về chữ dùng, cũng như những yếu tố về cơ thể chỉ phụ hoạ vào sự phát minh ra các sự lỡ lời thôi chứ không cắt nghĩa được. Ngay khi tôi đương nói chuyện với các bạn, trong đa số trường hợp, bài nói chuyện của tôi không hề bị rối loạn bởi sự kiện là các chữ tôi dùng có thể giống các chữ khác về thanh âm hay liên lạc chặt chẽ với các tiếng phản nghĩa hay gây ra những sự liên tưởng thường dùng.

Cần đến người ta có thể nói như Wundt rằng sự lỡ lời xảy ra khi sau một cơn suy đồi của cơ thể, khuynh hướng liên tưởng át hẳn các khuynh hướng khác trong việc nói năng. Lời giải thích này sẽ hoàn toàn đúng nếu không có những thí nghiệm trái lại cho rằng nhiều khi trong những sự lỡ lời không hề có bóng dáng của những yếu tố cơ thể hay những sự liên tưởng.

Nhưng tôi thấy câu hỏi của bạn về phương sách người ta nhận thấy hai khuynh hướng có liên quan với nhau. Có lẽ các bạn không ngờ rằng tuỳ theo câu trả lời như thế nào mà câu hỏi đó sẽ đưa đến những kết quả vô cùng quan trọng có thể xảy ra được. Về những khuynh hướng bị rối loạn thì không còn có thể nghi ngờ gì nữa: người nào có một hành vi sai lạc thường cho rằng mình bị rối loạn thực. Những điều nghi ngờ chỉ có thể xảy ra đối với những khuynh hướng gây ra rối loạn thôi. Tôi đã trình bày và hẳn các bạn cũng chưa quên: có rất nhiều trường hợp trong đó những khuynh hướng này rất rõ ràng. Sự có mặt của khuynh hướng này tỏ rõ với kết quả của sự lỡ lời. Ông viện trưởng đã nói những điều trái hẳn với điều muốn nói. Ông muốn khai mạc hội nghị, nhưng điều rõ ràng là nếu có thể bế mạc được thì ông cũng không lấy gì mà khó chịu. Điều này quá rõ ràng đến nỗi không cần lời giải thích gì khác nữa. Nhưng trong trường hợp khuynh hướng gây ra sự rối loạn chỉ làm sai lạc đi một chút khuynh hướng sơ khởi thì chúng ta làm thế nào để cho nó thoát khỏi sự lệch lạc đó được?

Trong một loại thứ nhất chúng ta có thể làm công việc đó một cách dễ dàng y như đối với những khuynh hướng bị rối loạn. Ví dụ như trong trường hợp đã kể về người có con ngựa đau sau khi lỡ lời đã nói lại chữ đáng lẽ được đem dùng. Khi

được hỏi tại sao lại dùng chữ draut thì người đó trả lời: người đó định nói câu chuyện đó là câu chuyện buồn (trauring) nhưng ông ta vô tình đã liên tưởng tới những chữ traurig và draut, do đó lỡ lời nói ra chữ draut. Đó là trường hợp mà khuynh hướng làm rối loạn được chính người lỡ lời nói ra. Trường hợp chữ Voschwein (xem Chương 2) cũng thế. Trong trường hợp này chính khuynh hướng gây quan trọng chẳng kém gì khuynh hướng bị rối. Tôi đem các trường hợp nói trên ra dẫn chứng, tuy rằng không phải do tôi hay các đệ tử của tôi tìm ra, không phải là không có ý. Trong cả hai trường hợp muốn giải thích được dễ dàng phải có sự can thiệp nào đó. Chúng ta đã phải hỏi những đương sự tại sao họ lại lỡ lời như thế và ý kiến họ về vấn đề này ra sao? Nếu không hỏi có lẽ họ sẽ bỏ qua không để ý gì đến những sự lỡ lời đó. Khi được hỏi họ đã trả lời bằng ý kiến đầu tiên hiện ra trong óc họ. Các bạn thấy chưa: sự can thiệp và kết quả lượm được chính là môn phân tâm học đó, đó chính là môn phân tâm học thu nhỏ.

Có phải là tôi quá đa nghi không khi cho rằng ngay trong lúc môn phân tâm học xuất hiện ra trước mặt các bạn thì sự chống đối của các bạn lại càng trở nên mạnh mẽ hơn. Biết đâu các bạn lại chẳng muốn nói rằng những bằng chứng do các người nói trên đưa ra không có gì chắc chắn. Các bạn nghĩ rằng những người đó cố nhiên sẽ giải thích theo lời mời của nhà phân tâm học và nói lên ý tưởng đầu tiên hiện ra trong óc họ nếu họ cho rằng ý đó cắt nghĩa được sự lỡ lời. Điều đó không chứng tỏ rằng sự lỡ lời thực có ý nghĩa như thế. Có thể có nghĩa như thế nhưng có thể có nghĩa khác. Họ cũng có thể có trong đầu họ những ý khác.

Tôi ngạc nhiên khi thấy các bạn không hề dành cho các sự kiện tinh thần những sự kính trọng cần thiết. Các bạn có tưởng tượng rằng có một người làm một phân tích hoá học về một chất nào đó ra một số lượng nào nhất định, ví dụ như mấy miligam. Từ một số lượng đó người ta có thể đưa ra một số kết luận. Có nhà hoá học nào lại dám phủ nhận những kết luận đó bằng cách nói rằng biết đâu số lượng đó lại không đúng không? Mọi người đều công nhận rằng số lượng lấy ra chính là số lượng thực và người ta không hề ngần ngừ một giây để dựa vào đó mà đưa ra những kết luận. Vậy mà đứng trước một sự kiện về tinh thần gây nên do một ý tưởng nhất định của một người được hỏi đến, người ta không áp dụng quy luật đó nữa và cho rằng người được hỏi có thể có ý kiến khác. Các bạn có ảo tưởng là mình tự do và không muốn rời bỏ tự do đó. Tôi tiếc là không thể đồng ý với bạn về vấn đề đó.

Cũng có thể là các bạn nhượng bộ về điểm này nhưng lại chống đối ở điểm khác. Các bạn sẽ nói: "Chúng tôi hiểu rằng kỹ thuật của môn phân tâm học là làm sao tìm được giải đáp cho các vấn đề bằng cách hỏi ngay những người đem ra thí nghiệm. Nhưng ta thử xét lại trường hợp của người diễn giả trong bữa tiệc mời mọi người ợ lên để chúc mừng ông chủ. Ông cho rằng trong trường hợp này khuynh hướng gây rối là một khuynh hướng chửi rủa, phản đối lại khuynh hướng kính trọng. Nhưng đó chỉ là lối giải thích riêng của ông thôi, lối giải thích này dựa trên những dấu hiệu bề ngoài của sự lỡ lời. Ông hãy hỏi người đã nói ra sự lỡ lời đó xem, không đời nào người đó lại thú nhận là có ý muốn chửi bới, trái lại ông ta sẽ chối và chối một cách cương quyết. Trước những lý luận chính xác như thế

tại sao ông lại cứ giữ mãi lối giải thích của mình khi không có gì chứng minh được".

Lần này thì lý lẽ của bạn có vẻ vững chắc. Tôi hình dung ra con người đó, biết đâu anh chàng chẳng là phụ tá được quý mến của ông chủ, đó là một anh chàng trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn về tương lai. Tôi sẽ hỏi anh xem anh có khó chịu khi người ta nói những lời cung kính đối với ông chủ không? Nhưng tất nhiên tôi không được đón tiếp nồng hậu. Anh sẽ tỏ vẻ khó chịu và giận dữ: "Xin ông đi đi, ông đừng hỏi lôi thôi nữa. Tôi bắt đầu bực mình rồi, vì những câu hỏi của ông sẽ làm tiêu tan sự nghiệp của tôi. Tôi đã dùng chữ aufstossen (ợ) thay vì anstossen (uống) là vì trong một câu tôi đã hai lần dùng tiếp đầu ngữ auf rồi. Đó là điều mà Meriger gọi là Nachklang và không cần giải thích gì hơn nữa. Ông đã hiểu chưa? Tôi tưởng như thế là quá đủ rồi". Trời ơi, sao mà ông này nổi giận ghê vậy? Tôi thấy là chả có thể khai thác gì hơn được và anh chàng này có vẻ cũng muốn cho người ta đừng gắn cho sự lỡ lời của anh một ý nghĩa gì cả. Có lẽ các bạn sẽ nghĩ rằng anh chàng này đã tỏ ra thô lỗ trước một sự tìm hiểu lý thuyết thuần tuý nhưng chắc là anh ta biết mình định nói gì và không muốn nói gì. Đúng vậy hả? Đó là điều còn cần phải xét.

Lần này chắc là bạn cho là tôi chịu thua rồi. Tôi như nghe tiếng bạn nói: đó, kỹ thuật của ông như thế đó. Khi một người nói lỡ lời, nói một vài lời gì hợp ý ông thì lập tức ông tuyên bố rằng sự phán đoán của người đó có tính cách quyết định, bởi vì chính mồm ông nói ra mà. Nhưng nếu lời nói không hợp lý ông thì ông bảo là cách giải thích của người đó không có giá trị gì cả, không đáng tin tí nào.

Sự việc tất nhiên xảy ra theo thứ tự đó. Nhưng tôi trình bày một trường hợp tương tự trong đó sự việc xảy ra cũng kỳ lạ như thế. Khi một người ra trước toà thú thực tội trạng mình, ông quan toà tin ngay, nhưng khi anh ta chối tội thì ông quan toà không tin. Nếu sự việc không xảy ra như thế thì làm sao xử kiện được, cho nên dù đã có nhiều sự lầm lẫn người ta vẫn bị bó buộc phải theo cách đó.

Nhưng bạn có phải là ông quan toà không? Và người nói lỡ lời có phải là người ra toà không? Sự lỡ lời có phải là một tội không?

Có lẽ chúng ta không thể không nói tới sự so sánh này được. Nhưng bạn có thấy là ngay khi đi sâu vào những vấn đề có vẻ như không có gì quan trọng của những hành vi sai lạc là lập tức thấy ngay những sự khác biệt giữa hai lối lý luận trên không, những khác biệt mà chúng ta chưa khắc phục được. Tội đề nghị bạn hãy tạm giữ nguyên sự so sánh giữa môn phân tâm học và việc xử án. Bạn phải công nhận với tôi rằng khi chính người làm một hành vi sai lạc mà nói ra thì chúng ta không còn điều gì nghi ngờ về ý nghĩa của sự sai lạc đó nữa. Trái lại tôi công nhận rằng, khi người làm hành vi sai lạc không chịu nói chuyện hay khi người đó không có mặt để nói chuyện thì chúng ta không thể có bằng chứng trực tiếp về ý nghĩa của hành vi đó được. Chúng ta đành phải làm như trong một cuộc điều tra về vụ án, nghĩa là tìm các dấu hiệu làm cho sự quyết định của chúng ta có vẻ sát sự thực tuỳ theo trường hợp. Vì lý do thực tế, một toà án phải tuyên bố một người bị đưa ra toà là có tội tuy chỉ có những bằng chứng dự đoán mà thôi. Chúng ta không cần phải làm điều đó, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không

dùng các dấu hiệu. Thực là một điều sai lầm khi cho rằng một khoa học chỉ gồm toàn những luận đề đã được chứng minh và chúng ta sai lầm khi bắt buộc như thế. Đòi hỏi như thế là sự đòi hỏi của những người muốn có uy quyền, muốn thay những giáo điều tôn giáo bằng những giáo điều khác dù là giáo điều khoa học. Giáo điều khoa học chỉ gồm có một số rất ít vấn đề có tính chất giáo điều: phần lớn những sự khẳng định của khoa học đều có tính cách không hoàn toàn xác thực tới một mức nào đó, điểm đặc biệt của khoa học là có thể tiếp tục công cuộc tìm kiếm được dù nhiều khi thiếu những bằng chứng quyết định.

Nhưng trong trường hợp chúng ta không có được những lời xác nhận của người có hành vi sai lạc thì chúng ta dựa vào đâu mà giải thích và tìm đâu ra những dấu hiệu này để chứng minh. Những điểm tựa và những dấu hiệu này đến từ nhiều nguồn lắm. Trước hết bằng cách so sánh với những hiện tượng không liên quan gì đến các hành vi sai lạc, ví dụ như việc nói sai một danh từ trong một hành vi sai lạc cũng có tính chất chửi bới như trong việc cố ý nói sai. Sau nữa, bằng cách xét tình trạng tinh thần phát sinh ra hành vi sai lạc, hiểu rõ tính nết của người làm hành vi này, khảo sát những cảm tưởng của người đó trước khi hành vi xảy ra và phản ứng của người này sau khi có hành vi sai lạc. Trước hết chúng ta đưa ra những phương thức giải thích hành vi sai lạc bằng cách dựa vào những nguyên tắc có tính chất chung. Điều thu lượm được trong trường hợp này chỉ là điều ước đoán, một dự định thích hợp cần được khẳng định bằng cách xét tình trạng tinh thần. Nhiều khi chúng ta phải chờ đợi những sự diễn biến tiếp theo của hành vi sai lạc mới có thể khẳng định được.

Không phải là tôi có thể dễ dàng cung hiến các bạn những bằng chứng về những điều nói trên nếu tôi cứ trì trệ mãi trong phạm vi những sự lỡ lời, dù rằng ngay trong phạm vi này cũng có nhiều thí dụ rất tốt. Anh chàng trai trẻ đề nghị với một bà để "begleitdigen" (liên hợp giữa hai chữ begleiten (đi cùng) và belidigen (thất lễ) bà ta, quả là một anh chàng nhút nhát. Người đàn bà muốn chồng ăn uống những thứ mình muốn chính là một người đầy nghị lực biết nắm quyền cai quản trong nhà. Còn trường hợp này nữa: một hội viên trẻ tuổi của hội Concordia đọc một bài diễn văn lời lẽ rất mạnh mẽ, trong đó anh ta gọi ban giám đốc là ban "cho vay" (Vorschuss) trong khi đáng lẽ phải gọi là "ban chỉ huy" (Vorstand) hay uỷ ban (ausschuss). Anh chàng đã vô tình liên kết hai chữ Vor – stand và Aus – schuss. Người ta có thể ước đoán rằng sự phản đối của anh ta là do một khuynh hướng gây rối có dính dáng tới một chuyện vay mượn. Sau này chúng tôi biết rằng anh ta cần tiền ghê lắm và đã nạp đơn xin vay tiền. Chúng ta có thể thấy nguyên nhân của khuynh hướng gây rối là ở chỗ: mày cần phải thận trọng trong việc phản đối vì mày đang nói chuyện với những người có thể quyết định cho mày vay tiền hay không?

Tôi sẽ hiến cho bạn nhiều thí dụ về những dấu hiệu bằng chứng này khi nói đến những hành vi sai lạc khác.

Khi một người quên một người nào đó và mặc dù đã cố gắng hết sức cũng không nhớ lại được một cái tên rất quen, ta có quyền dự đoán rằng người đó có điều gì khó chịu với người có tên đó cho nên không nghĩ đến anh ta. Bây giờ chúng ta hãy suy nghĩ về những điều dưới đây về một trạng thái tinh thần trong một hành vi sai lạc.

Ông Y yêu một bà nhưng không được yêu lại. Bà này lấy ông X. Dù ông Y rất quen ông X từ lâu và đã giao dịch buôn bán với ông này nhiều lần, vậy mà không bao giờ ông Y nhớ được tên ông X, lúc nào cần viết thư cho ông này, ông Y vẫn phải hỏi các người quen rồi mới nhớ ra.

Rõ ràng là ông Y không muốn biết gì về người đã thắng ông trên phương diện ái tình. Đúng như Heine đã viết trong câu thơ: "Ta hãy xoá hẳn đi trong trí nhớ của chúng ta".

Hay trong trường hợp này nữa: một bà nói chuyện với một vị bác sĩ về một người bạn gái mà hai người đều quen nhưng bao giờ cũng chỉ gọi bạn bằng tên thời con gái, còn tên chồng bạn thì bà quên mất từ lâu. Hỏi thì bà trả lời rằng bà ta rất khó chịu về chuyện lấy chồng của bạn và không chịu được ông chồng bạn.

Chúng ta còn nhiều điều muốn nói nữa về sự quên tên. Điều quan trọng đối với chúng ta ở đây là trạng thái tinh thần trong lúc người ta quên.

Thường thường người ta hay quên những điều dự định vì có một làn sóng gì trái lại làm cho những điều dự định không thực hiện được. Đó không những là ý kiến của các nhà phân tâm học mà là của cả mọi người trong đời sống thường ngày kể cả những người không công nhận môn phân tâm học.

Người giám hộ xin lỗi người con đỡ đầu của mình vì quên không thoả mãn lời yêu cầu, không phải vì thế mà được người này tha thứ ngay vì hắn nghĩ: ông ta nói không thực đâu, ông chỉ không muốn giữ lời hứa với mình thôi. Vì thế cho nên trong đời sống thường ngày người ta không được phép quên, và về

điểm này giữa quan niệm của mọi người và quan niệm của các nhà phân tâm học không còn khác nhau nữa. Bạn cứ tưởng tượng xem một bà chủ nhà nói với người khách mình mời đến ăn cơm như sau: "Thế nào, tôi mời anh hôm nay sao? Tôi quên mất là đã mời anh đến xơi cơm hôm nay". Liệu có được không? Một thí dụ nữa: một anh chàng đang yêu mà quên không đến chỗ hẹn với người yêu: anh ta sẽ không nhận rằng mình đã quên mà sẽ bịa đặt ra hàng bao nhiêu lý lẽ chứng tỏ rằng anh ta không đến được và cũng không có cách nào báo cho người yêu biết. Trong đời sống nhà binh người ta không có quyền quên và dù có quên thực cũng vẫn bị phạt như thường: đó là điều ai cũng biết, và cho là làm thế là phải vì ai cũng nhận là trong đời sống nhà binh, một vài hành vi sai lạc có ý nghĩa và trong đa số trường hợp chúng ta biết rõ ý nghĩa đó là thế nào. Vậy tại sao người ta lại không đem áp dụng lối lý luận đó cho mọi hành vi sai lạc khác để công nhận các hành vi đó không còn dè dặt gì nữa. Tất nhiên về vấn đề này người ta vẫn trả lời được.

Nếu ý nghĩa của sự quên các điều dự định không còn gì đáng nghi ngờ đối với những người ngoài phố nữa thì các bạn sẽ càng ngạc nhiên hơn khi thấy các nhà thơ nhà văn thường dùng những hành vi sai lạc đó trong thơ văn của mình. Trong các bạn nếu đã có người nào xem trình diễn vở kịch César và Cléopâtre của B. Shaw chắc hẳn còn nhớ cái cảnh cuối cùng trong đó César trước khi ra đi bị ray rứt về một điều gì mà ông ta không nhớ ra được. Sau đó chúng ta thấy dự định của ông ta là từ biệt Cléopâtre. Bằng xảo thuật nhỏ bé đó, kịch sĩ muốn gán cho César một tấm lòng cao thượng mà ông không có và không hề muốn có. Bạn hẳn biết rõ là theo các tài liệu lịch sử thì César đã cho đưa Cléopâtre về La Mã và nàng ở đó với con

trai César cho tới khi César bị ám sát, rồi sau đó mới trốn khỏi thành phố.

Những trường hợp quên các điều dự định rõ ràng đến nỗi chúng ta không thể dùng vào mục đích của chúng ta được, nghĩa là không thể tìm ra trong trạng thái tinh thần những dấu hiệu gì có dính dáng đến ý nghĩa của hành vi sai lạc. Vì thế nên chúng ta sẽ đi tìm một hành vi không rõ ràng một tí nào, không thể hiểu lầm được: đó là sự mất các đồ vật, không thể nào tìm lại được những đồ vật đã được xếp có thứ tự. Điều bạn sẽ không thể nào cho là có thực là ý muốn của chúng ta lại có thể đóng một vai trò gì trong công việc đánh mất những đồ vật làm cho chúng ta bực mình hết sức. Nhưng có rất nhiều điều được nhận thấy thuộc loại sau đây: một anh chàng trẻ tuổi đánh mất một cái bút chì mà anh ta rất thích, ngay chiều hôm trước anh ta nhận được một bức thư của người anh rể trong đó có viết: "Tôi không có thì giờ mà cũng chẳng muốn khuyến khích sự nhẹ dạ và sự lười biếng của cậu". Thế mà cái bút chì bị mất lại chính là cái bút chì do ông anh rể biếu. Nếu không biết rõ trường hợp này, tất nhiên chúng ta không thể cho rằng ý muốn vứt bỏ một thứ đồ vật nào đó lại có thể đóng một vai trò gì trong việc đánh mất đồ đó. Sự đánh mất loại này xảy ra luôn. Chúng ta đánh mất đồ đạc khi chúng ta bất hoà với người đã cho chúng ta đồ vật đó, và khi chúng ta không muốn nghĩ đến chúng nữa. Tất nhiên khi chúng ta không thích chúng ta có thể có ý muốn vứt bỏ, bẻ gãy đồ đó đi. Ví dụ như một cậu học sinh đánh mất đồ đạc của mình, hay tìm cách huỷ bỏ chúng trước ngày sinh nhật của mình, hành động này có phải là ngẫu nhiên không?

Những người thấy bực mình hết sức khi đánh mất không tìm lại được một món đồ do chính tay mình đã cất không bao giờ chịu công nhận là trong việc mất mát đó có ý muốn của anh ta tham dự vào. Vậy mà những trường hợp mất đồ trong một lúc hay mãi mãi không phải là hiếm. Tôi thuật lại với các bạn câu chuyện sau đây được coi là trường hợp tốt đẹp nhất từ trước tới nay.

Một hôm, có một anh chàng còn trẻ kể cho tôi nghe rằng cách đây vài năm vợ chồng anh ta hiểu lầm nhau tai hại: "Tôi thấy vợ tôi lạnh lùng quá, chúng tôi sống bên nhau mà chẳng có gì nồng nàn, nhưng điều đó không ngăn cản tôi công nhận rằng nàng có nhiều đức tính. Một hôm nàng đi chơi về đưa cho tôi một cuốn sách nàng mua cho tôi vì tưởng rằng tôi thích. Tôi cảm ơn nàng, bảo là tôi sẽ đọc cuốn sách đó nhưng rồi để đâu quên mất. Tôi đã cố tìm trong nhiều tháng nhưng không làm sao tìm ra được. Sáu tháng sau mẹ tôi mà tôi rất quý mến bị ốm, nàng rời nhà đi săn sóc mẹ chồng. Bệnh của mẹ tôi khá nặng và đó là dịp để nàng chứng tỏ rằng nàng có nhiều đức tính đáng quý. Một hôm tôi trở về nhà lòng rộn ràng vì biết ơn về những điều nàng đã làm cho mẹ tôi. Tôi lơ đãng mở một cái ngăn kéo, chẳng có mục đích gì nhất định và điều đầu tiên trông thấy trong ngăn kéo đó là một cuốn sách bị mất từ lâu".

Khi không còn lý do gì nữa thì đồ vật sẽ không còn là một thứ không tìm thấy nữa.

Tôi có thể kể mãi không hết những trường hợp như thế này nhưng tôi không làm. Trong cuốn **Tâm lý đời sống thường ngày** của tôi, các bạn sẽ tìm thấy rất nhiều trường hợp để khảo sát các hành vi sai lạc. Kết luận chung cho tất cả các trường

hợp đó là như sau: Những hành vi sai lạc bao giờ cũng có một ý nghĩa gì, và chỉ cho chúng ta biết cách dựa vào ý nghĩa đó để tìm hiểu xem các hành vi đó đã xảy ra trong trường hợp nào? Hôm nay tôi sẽ nói ngắn hơn vì chúng ta chỉ có ý muốn tìm thấy trong việc khảo sát này những yếu tố để sửa soạn đưa các bạn vào con đường của phân tâm học. Vì thế nên tôi chỉ nói cho các bạn nghe về hai loại quan sát thôi: những quan sát về hành vi sai lạc chồng chất lên nhau và kết hợp vào nhau, và sự xác nhận các điều giải thích của chúng ta bằng các biến cố xảy ra sau đó.

Những hành vi sai lạc chồng chất và kết quả thực là những trường hợp dồi dào nhất trong loại này. Nếu chỉ cần chứng tỏ rằng những hành vi sai lạc có ý nghĩa thôi thì có thể từ lúc đầu chúng ta chỉ cần nói đến chúng ta là đủ rồi bởi vì ý nghĩ đó quá rõ ràng ngay cả đối với những bộ óc ương ngạnh nhất, ưa phê phán nhất, việc có nhiều hành vi sai lạc liên tiếp xảy ra chứng tỏ rằng đó không phải là những sự ngẫu nhiên mà chính là có ý muốn hẳn hoi. Sau cùng sự thay thế một hành vi sai lạc này bằng một hành vi sai lạc khác chứng tỏ rằng điều quan trọng và cần thiết trong các hành vi này không phải là hình thức cũng như những phương cách đem dùng mà chính là ở trong ý muốn mà những hành vi này muốn thoả mãn, và ý muốn này có thể được thực hiện bằng những phương cách rất khác nhau. Tôi thuật lại cho các bạn nghe trường hợp quên liên tiếp: E. Jones kể lại rằng một hôm, vì lý do gì ông ta không biết, đã để lại trên bàn trong một vài ngày một bức thư viết xong. Rồi một hôm ông gửi bức thư đó đi nhưng bị gửi trả lại vì quên không viết địa chỉ trên phong bì. Viết xong địa chỉ, ông lại đi gửi nhưng lần

này quên dán tem. Mãi lúc đó ông mới chịu thú nhận với mình là ông không hề muốn gửi thư đó đi.

Trong một trường hợp khác chúng ta có sự liên kết giữa việc cầm nhầm một đồ vật rồi không sao tìm ra được nữa. Có một bà đi du lịch cùng ông em chồng sang La Mã, ông này là một nhà danh hoạ. Ông này được các người Đức ở La Mã mời ăn uống tiệc tùng luôn và được biếu một cái huy chương cổ bằng vàng. Bà bực mình khi thấy ông em chồng không biết rõ giá trị của món đồ biếu đó. Lúc người em gái đến thay mình ở La Mã, bà ta về nhà và lúc mở rương ra thấy cái huy chương nằm trong đó mà chẳng hiểu sao. Bà báo ngay cho ông em và nói rằng ngay ngày hôm sau sẽ gửi trả lại cái huy chương đó. Nhưng hôm sau cái huy chương được cất kỹ đến nỗi không sao tìm được và do đó không thể gửi đi được. Đúng lúc đó bà ta mới hiểu tại sao bà ta lại đãng trí như thế: thì ra bà ta muốn giữ cái huy chương đó làm của riêng.

Trong những dòng trên, tôi đã kể cho bạn nghe trường hợp trong đó có sự kết hợp giữa một sự lầm lẫn và một sự quên: đó là một trường hợp của một người đã trót lỡ hẹn một lần, nhất định không lỡ hẹn lần thứ hai nữa, nhưng trong lần thứ hai này lại đến sai giờ. Một người bạn tôi vừa khảo cứu khoa học vừa viết văn kể cho tôi nghe về một trường hợp tương tự của chính bản thân ông. Ông kể: "Cách đây vài năm tôi nhận gia nhập một hội văn chương vì tin rằng hội đó có thể giúp tôi trong việc trình diễn một vở kịch của tôi. Thứ sáu nào tôi cũng tham dự vào các cuộc hội họp của uỷ ban mà chẳng lấy gì làm thích lắm. Cách đây vài tháng tôi được người ta cho biết là một vở kịch của tôi sẽ được đem diễn và ngay sau đó tôi quên phắt

không dự các phiên họp nữa. Nhưng khi đọc các bài của anh viết về vấn đề đó tôi thấy xấu hổ tự trách rằng mình đã không thèm đi dự các phiên họp khi không cần đến họ nữa, và tự nhủ là thế nào cũng phải quay trở lại cuộc họp như trước. Tôi suy nghĩ mãi về vấn đề cho đến khi đứng trước phòng họp và ngạc nhiên thấy phòng họp đóng cửa chẳng có ma nào cả. Thì ra phiên họp đã khai diễn từ hôm qua là thứ sáu ngày họp thường lệ. Tôi đã lầm ngày họp và đến vào hôm thứ bảy".

Nếu có thêm nhiều quan sát nữa có lẽ cũng hay nhưng thôi. Tôi muốn trình bày cùng các bạn một loại trường hợp khác trong đó muốn xem mình giải thích có đúng không, chúng ta phải chờ các biến cố sau đó xác nhận.

Khỏi phải nói là điều kiện cần thiết của những trường hợp này là chúng ta không hề biết đến tình trạng tinh thần trong lúc này hay là tình trạng đó ở ngoài tầm khảo sát của chúng ta. Sự giải thích của chúng ta vì thế chỉ có giá trị một sự dự đoán mà chúng ta không cho là quan trọng. Nhưng sau đó có một sự việc xảy ra chứng tỏ rằng cách giải thích đầu tiên của chúng ta là đúng. Một hôm, trong một cuộc đi thăm một cặp vợ chồng, tôi được người vợ vừa cười vừa kể cho nghe rằng ngay sau hôm đi trăng mật trở về, nàng dẫn người em gái đi sắm sửa, người em gái này chưa có chồng. Trong khi đó chồng nàng đi việc riêng. Hai chị em đang đi đột nhiên trông thấy một người đàn ông đi bên kia đường, nàng bảo em gái: "Kìa ông X"... Nàng không hề thấy rằng người đàn ông đó chẳng ai khác hơn là chồng nàng vừa mới cưới được chừng vài tuần. Câu chuyện đó gây cho tôi một cảm giác khó chịu, nhưng tôi không muốn tin vào điều mình nghĩ về vấn đề. Chỉ vài năm sau tôi mới nhớ lại câu

chuyện vì được tin rằng cuộc hôn nhân giữa hai người đã đưa đến kết quả tai hại.

A. Maeder kể chuyện một bà trước hôm cưới quên không đi thử áo cưới và mãi đến tối mới nhớ lại. Ông ta cho rằng việc này và sự ly dị giữa hai người sau đó có liên quan với nhau. Tôi biết có một bà tuy đã có chồng nhưng vẫn ký những tài liệu về quản trị tài sản của mình bằng tên thời con gái, rồi sau đó ly dị với chồng. Tôi biết một bà đã đánh mất nhẫn cưới trong thời kỳ trăng mật, những biến cố sau đó đã chứng tỏ là sự việc đó có một ý nghĩa đặc biệt không sao lầm được. Lại còn trường hợp một hoá học gia danh tiếng người Đức quên cả giờ cử hành đám cưới của mình và đáng lẽ phải ra nhà thờ thì lại đi thẳng vào phòng thí nghiệm. Sau đó ông ta đổi ý và chết già trong cảnh độc thân.

Chắc các bạn cũng muốn rằng, trong tất cả các trường hợp đó những hành vi sai lạc thay thế cho linh tính của người xưa. Mà đúng thế, nhiều khi những linh tính đó chỉ là những hành vi sai lạc, ví dụ như khi người ta vấp ngã. Nhiều trường hợp khác lại có tính chất khách quan chớ không chủ quan. Nhưng bạn không thể tưởng tượng được rằng thực rất khó phân biệt xem một biến cố thuộc vào loại nào. Nhiều khi hành vi sai lạc lại đeo cái mặt của một biến cố có tính cách tiêu diệt.

Những người nào trong các bạn có ít nhiều kinh nghiệm đủ dùng có lẽ cũng tự nhủ là mình sẽ tránh cho mình được nhiều điều thất vọng và ngạc nhiên đau đớn và nếu có can đảm nhìn vào sự thực giải thích những hành vi sai lạc trong sự giao thiệp giữa loài người như là những linh tính báo trước, dùng những linh tính này để tìm hiểu những ý muốn còn trong vòng bí mật.

Nhiều khi người ta không dám làm việc đó. Người ta sợ rằng mình quay trở lại tin dự đoán, vượt qua mặt khoa học. Không phải là linh tính nào cũng thành sự thực và khi các bạn hiểu rõ những thuyết của chúng ta hơn, bạn sẽ thấy là không cần gì các linh tính đó phải thực hiện hết.

4. NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

Những hành vi sai lạc là những hành vi có ý nghĩa: đó là kết quả của những sự phân tích trong các dòng trên và là điều chúng ta dùng làm căn bản cho những cuộc khảo sát sắp tới. Chúng ta cần xác nhận lại một lần nữa: chúng ta không hề khẳng định là một việc luôn luôn xảy ra. Chúng ta chỉ cần cho rằng phần nhiều những hành vi này có ý nghĩa là đủ rồi. Vả lại ngay về phương diện này cũng có nhiều sự khác biệt khi chúng ta đi từ hành vi này qua hành vi khác. Những sự lỡ lời, viết sai v.v.. đều có một văn bản thuần tuý sinh lý. Điều này không được chắc chắn trong các hình thức khác nhau của sự quên lãng (quên tên, quên dự định, không tìm lại được những đồ vật mà mình đã cất v.v...) trong khi trong sự đánh mất đồ đạc thì có lẽ không có một ý muốn nào dính dáng vào đó. Chúng ta cần thêm rằng những sự lầm lẫn trong đời sống thường ngày cũng chỉ dính dáng vào môn phân tâm học về một vài khía cạnh nào đó thôi. Lúc này cũng nên nhớ luôn luôn đến những sự giới hạn đó bởi vì từ nay trở đi chúng ta sẽ bắt đầu từ ý niệm cho rằng hành vi sai lạc là những hành vi tinh thần, kết quả của sự liên kết giữa hai ý muốn.

Đó là kết quả thứ nhất của môn phân tâm học. Tâm lý học chưa bao giờ để ý đến những hiện tượng theo sau đó. Vì vậy chúng ta đã mở rộng biên giới của thế giới tinh thần ra rất nhiều, và thêm vào môn tâm lý học nhiều hiện tượng trước kia không có trong đó.

Chúng ta hãy dừng lại một chút trước sự khẳng định rằng những hành vi sai lạc là những hành vi tinh thần. Khẳng định như thế có phải là chúng ta cho rằng những hành vi tinh thần là những hành vi có ý nghĩa hay không? Hay chúng ta còn ngụ một ý gì khác nữa. Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên mở rộng phạm vi của những hành vi này ra.

Tất cả những điều gì quan sát được trong đời sống tinh thần sẽ gọi là những hiện tượng tinh thần. Vấn đề chỉ là xét xem một sự phát biểu tinh thần nào đó có phải là kết quả trực tiếp của những hình ảnh về cơ thể, của các cơ năng hay có tính chất thể xác và trong trường hợp này chúng không thuộc phạm vi môn Tâm lý học; hay nó là hậu quả trực tiếp của những hoạt động tinh thần. Chúng tôi nghĩ đến điều sau này mỗi khi nói đến những hoạt động về tinh thần. Vì thế cho nên chúng ta sẽ hợp lý hơn nếu phát biểu ý nghĩa dưới hình thức sau đây: hiện tượng có ý nghĩa, nghĩa là cho ta biết nó có một ý muốn hay một khuynh hướng và giữ một địa vị nào trong những hoạt động tinh thần.

Cũng có những hiện tượng khác rất gần với những hành vi sai lạc nhưng không thể gọi như thế được. Chúng ta gọi những hiện tượng đó là những hành vi bất thường hay triệu chứng. Tất cả những hành vi này đều có đủ những tính cách của một hành vi không có lý do, vô nghĩa lý, không quan trọng và nhất là

chẳng ích lợi gì. Nhưng điều làm cho hành vi này khác với những hành vi sai lạc là trong những hành vi này không có sự tham dự của một ý muốn đối nghịch, làm rối loạn trái với ý muốn nguyên thuỷ. Những hành vi sai lạc này lại thường nhập vào những cử chỉ và dáng điệu dùng để diễn tả sự cảm động. Thuộc vào loại những hành vi sai lạc đặc biệt này là những cử chỉ bề ngoài chẳng có mục đích gì như vân vê tà áo, lấy tay sờ soạng vào chân tay hay mình mẩy, hay những đồ vật để gần tay mình; những bài hát chúng ta hát nho nhỏ, chúng ta bắt đầu hát hay thôi hát vào những lúc bất thần mà chúng ta không để ý, chẳng có lý do gì rõ ràng cả. Vậy mà tôi không ngần ngại gì không khẳng định rằng những hành vi đó đều có ý nghĩa, cũng có thể giải thích như những hành vi sai lạc khác, đó là những dấu hiệu chứng tỏ một tình trạng tinh thần khác. Quan trọng hơn, rằng đó là những hành vi tinh thần đầy đủ nhất. Nhưng tôi không có ý nói nhiều về sự mở rộng phạm vi cửa những hành vi tinh thần này: tôi thích tiếp tục những sự phân tích các hành vi sai lạc đặt ra trước mắt chúng ta những vấn đề quan trọng nhất của môn phân tâm học.

Những vấn đề thích thú nhất mà chúng ta đã đặt ra và chưa được trả lời là những vấn đề sau đây: chúng ta đã nói rằng những hành vi sai lạc là kết quả của sự liên kết giữa hai ý muốn khác nhau, một ý muốn bị rối. Ý muốn kia gây rối; nhưng nếu với các ý muốn bị rối không có vấn đề gì đặt ra cả thì trái lại, đối với những ý muốn gây rối loạn chúng ta cần tự hỏi xem những ý muốn có thể gây rắc rối các ý muốn khác là những ý muốn nào và liên quan giữa hai loại nói trên ra sao?

Tôi xin phép dùng những sự lỡ lời để trả lời câu hỏi thứ hai trước.

Trước hết giữa những ý muốn bị rối, và những ý muốn gây rối có một sự liên quan về nội dung. Trong trường hợp này ý muốn gây rối phản trái với ý muốn bị rối, thay đổi ý đó hay bổ túc cho nó. Hay là giữa hai loại ý muốn đó không hề có một sự liên quan nào về nội dung, trường hợp này trở thành tăm tối hơn nhưng cũng thú vị hơn.

Những trường hợp chúng ta xét đến từ trước đến nay và những trường hợp tương tự làm cho chúng ta hiểu dễ dàng liên quan thứ nhất về nội dung. Gần như trong mọi trường hợp trong đó người ta nói ra những điều trái lại với điều định nói thì bao giờ cũng có một ý muốn gây rối diễn tả một sự chống đối với ý kiến bị rối và hành vi sai lạc là hình ảnh của sự xung đột giữa hai ý muốn này . "Tôi tuyên bố khai mạc buổi họp nhưng trong thâm tâm tôi muốn bế mạc buổi họp đó". Đó là ý nghĩa sự lỡ lời của ông chủ tịch. Một tờ báo chính trị bị tố cáo là tham nhũng đã viết để tự bào chữa những dòng sau đây: "Độc giả làm chứng cho chúng tôi là bao giờ chúng tôi cũng bênh vực lợi ích chung một cách bất vụ lợi". Theo ý tôi điều này đã vạch trần ý thầm kín của ông ta: "Tôi bị bắt buộc phải viết một điều nhưng tôi biết rằng tôi nghĩ khác". Một vị dân biểu định nói rằng chúng ta phải nói cho Hoàng đế biết sự thực không cần dè dặt gì cả (ruckhaltlos) đột nhiên nhận thấy rằng mình quá táo bạo thành ra lỡ lời thay chữ *không dè dặt* bằng chữ *còng lưng xuống* (ruckgratlos).

Trong những trường hợp làm cho người ta cảm tưởng rằng đó là những sự thu ngắn hay vắn tắt thì thực ra đó là những sự

sửa đổi thêm thắt hay tiếp tục, trong đó một khuynh hướng thứ hai xuất hiện bên cạnh khuynh hướng thứ nhất. "Có những sự việc xảy ra (zum Vorchein gekommen): tôi muốn nói những trò con heo (Schweinerrein); kết quả: "Zum yorschein gekommen" "Những người hiểu được điều đó có thể đếm được trên đầu các ngón tay. Nhưng không, thực ra chỉ có một người có thể hiểu được thôi; vì thế nhiều người hiểu được có thể đếm được trên đầu một ngón tay thôi". Hay "Chồng tôi có thể ăn uống những gì anh ta muốn; nhưng tôi không thể để cho anh ta muốn bất cứ một thứ gì; vậy anh ta phải ăn, uống những thứ gì tôi muốn". Trong tất cả những trường hợp này sự lỡ lời thoát ra từ trong nội dung ý muốn bị rối hay bị gắn liền vào đó".

Liên quan khác giữa hai ý muốn có vẻ lạ kỳ. Nếu giữa hai ý muốn đó không có một liên quan gì về nội dung thì ý muốn gây rối do đâu mà ra và làm sao có thể gây rối tại một địa điểm rất chính xác nào đó? Chỉ có quan sát mới có thể hiến cho ta một câu trả lời thôi và người ta quan sát thấy rằng sự rối loạn phát sinh ra từ một dòng tư tưởng làm bận tâm đương sự trong một khoảng thời gian trước đó, và nếu nó can thiệp vào trong lời nói một cách đặc biệt như thế, nó cũng có thể được diễn tả dưới những hình thức khác (nhưng điều này không phải là cần thiết). Đó là một tiếng vang thực sự nhưng tiếng vang đó không cần thiết phải bắt nguồn từ những tiếng đã nói ra. Ở đây, một lần nữa chúng ta có một sự liên tưởng giữa yếu tố bị rối và yếu tố gây rối nhưng sự liên tưởng này, đáng lẽ phải nằm trong nội dung thì lại chỉ có tính cách nhân tạo thuần tuý và do các sự liên tưởng ép buộc hợp thành.

Đây là một thí dụ rất giản dị do chính tôi quan sát thấy. Một hôm tôi gặp hai bà người thành Viên (nước Áo) ăn mặc như du khách. Tôi đi cùng với hai bà đó một đoạn đường và chúng tôi nói chuyện về những sự tiện lợi và bất tiện trong đời sống du khách. Một trong hai bà thú nhận rằng, một ngày của người du khách không phải là không có những cái khó chịu. Bà ta nói: "Thực ra quả là không khoái một chút nào khi chúng tôi phải đi suốt ngày dưới ánh mặt trời và bị ướt hết cả áo trong áo ngoài....". Nói đến đây bà ta ngập ngừng rồi lại nói: "Nhưng khi về đến nhà (đáng lẽ nói như thế : nach Hause - về đến nhà) bà ta lại nói nach Hose (nghĩa là cái quần) thay quần áo...". Chúng ta chưa phân tích sự lỡ lời này nhưng tôi cho là không cần thiết lắm. Trong câu trước bà du khách định kể một thôi những thứ bị ướt: áo trong, áo ngoài, quần (Hose). Nhưng vì lịch sự bà không dám nói đến cái quần. Nhưng trong câu sau mà nội dung khác hẳn câu trước, chữ Hose không được nói lúc nãy bây giờ lại xuất hiện như một hình thức biến hoá của chữ hause (về nhà).

Bây giờ chúng ta mới xét đến vấn đề chính: những ý muốn được phát triển ra một cách kỳ lạ như thế là những ý muốn nào mà lại có thể gây rối những ý muốn khác? Tất nhiên đó là những ý muốn rất khác nhau nhưng chúng tôi muốn tìm ra những đặc tính chung. Chúng có thể được phân thành ba loại. Loại thứ nhất gồm có những trường hợp trong đó người nói lỡ lời biết trước khuynh hướng nói sai của mình nhưng không ngăn được. Loại thứ hai gồm những trường hợp trong đó người nói lỡ lời tuy biết mình thường có khuynh hướng nói sai như thế nhưng trước khi nói không biết rằng khuynh hướng đó bắt

đầu ở nơi mình từ lâu rồi. Người đó chấp nhận những lời giải thích của chúng ta nhưng không thể nào không ngạc nhiên. Những thí dụ trong trường hợp này có thể tìm thấy ở những hành vi sai lạc khác những sự lỡ lời. Loại thứ ba gồm những trường hợp trong đó đương sự phản đối kịch liệt lối giải thích của chúng ta: không những không chịu nhận là mình có khuynh hướng đó, người này còn cho rằng mình không hề bao giờ có khuynh hướng đó cả. Các bạn hãy nhớ lại câu chuyện mời mọi người ợ lên để chúc mừng ông chủ và thái độ phản đối kịch liệt của người đó khi tôi nói đến khuynh hướng gây rối ý muốn của anh ta. Các bạn biết là chúng ta chưa đồng ý với nhau về quan niệm những trường hợp đó sao? Sự phản đối của đương sự không hề làm tôi bối rối và tôi giữ nguyên ý kiến, nhưng các bạn thì không thế: thấy anh chàng chối bay biến chắc các bạn cho rằng có lẽ chúng ta không nên tìm cách giải thích thì hơn, chỉ nên coi đó như một hành vi thuần tuý sinh lý theo nghĩa tiền phân tâm của chữ đó. Tôi cũng chờ đợi thái độ của các bạn. Tôi giải thích rằng nhiều khi chính đương sự có thể phát hiện những ý muốn mà chính "y" cũng không biết nhưng tôi có thể dựa vào một vài dấu hiệu để đưa ra ánh sáng được. Vậy mà các bạn ngập ngừng không muốn chấp nhận sự giả dụ kỳ khôi và đầy hiệu quả như thế. Vậy mà nếu hợp lý với chính mình về những điều đã biết về hành vi sai lạc, sau khi đã được biết bao nhiêu trường hợp rồi, đáng lẽ các bạn phải chấp nhận ý kiến của tôi mới phải chứ dù rằng các bạn cũng thấy hơi khó chịu. Nếu bạn không thể nào chấp nhận sự giải thích đó thì chỉ còn cách thôi không theo học về những hành vi sai lạc nữa.

Bây giờ chúng ta dừng lại một chút về ba loại nói trên và xem chúng có những tính cách chung gì? Đúng lúc này may

mắn cho chúng ta là có một sự kiện không còn ai chối cãi được. Trong hai loại, thứ nhất khuynh hướng gây rối được ngay chính đương sự công nhận; ngoài ra trong loại thứ nhất khuynh hướng này xuất hiện ngay sau khi nói lỡ lời. Nhưng trong loại thứ nhất cũng như trong loại thứ hai, *khuynh hướng gây rối kìm hãm, dồn ép vào trong. Vì đương sự quyết định không cho nó xuất hiện nên mới lỡ lời, nghĩa là khuynh hướng bị dồn ép cứ xuất hiện mặc dầu đương sự không muốn bằng cách hoặc thay đổi ý muốn được diễn tả hoặc chiếm hẳn chỗ ý muốn được diễn tả hoặc chiếm hẳn chỗ ý muốn đó.* Đó là cách hoạt động của sự lỡ lời.

Ý kiến của tôi cũng giúp cho ta giải thích trường hợp trong loại thứ ba. Điểm khác biệt duy nhất trong ba loại này là mức độ dồn ép của khuynh hướng thôi. Trong loại thứ nhất đương sự biết rõ mình có khuynh hướng đó trước khi nó xuất hiện vì thế nên khuynh hướng bị dồn ép nhất định cứ xuất hiện. Trong loại thứ hai sự dồn ép nặng hơn và đương sự không hề biết mình có khuynh hướng đó trước khi nó xuất hiện. Điều ngạc nhiên là dù bị dồn ép như thế, khuynh hướng cũng cứ xuất hiện không sao ngăn được. Tình trạng này giúp cho chúng ta rất nhiều để cắt nghĩa các trường hợp trong loại thứ ba. Tôi còn nói rằng người ta có thể tìm thấy trong hành vi sai lạc sự phát hiện của một khuynh hướng bị dồn ép từ lâu lắm, đến nỗi đương sự không hề hay biết gì và phủ nhận sự có mặt của nó. Nhưng dù có muốn tách riêng loại thứ ba này ra chăng nữa thì các bạn cũng không thể chấp nhận kết luận phát hiện ra sau khi xét các trường hợp khác, rằng sự dồn ép một ý muốn nói một điều gì chính là điều kiện cần thiết cho sự phát sinh của một sự lỡ lời.

Đến bây giờ chúng ta có thể nói rằng đã đạt được những tiến bộ mới trong việc tìm hiểu các hành vi sai lạc. Không những chúng ta biết rằng những hành vi đó là những hành vi tinh thần, có kèm theo một ý muốn, rằng đó là kết quả của sự liên kết giữa hai ý muốn, chúng ta còn biết rằng một trong hai ý muốn đó trước khi nói đã bị dồn ép đến nỗi phải phát hiện do sự rối loạn của ý muốn kia. Chính ý muốn này cũng bị rối loạn trước khi trở thành kẻ gây rối. Tất nhiên là ngay với những kết quả như thế chúng ta cũng chưa thể cắt nghĩa được một cách hoàn hảo những hiện tượng gọi là những hành vi sai lạc. Chúng ta đột nhiên thấy nhiều vấn đề khác hiện ra và có cảm tưởng rằng càng đi sâu vào vấn đề bao nhiêu chúng ta càng thấy xuất hiện nhiều vấn đề mới bấy nhiêu. Chúng ta có thể tự hỏi, tại sao sự việc lại không giản dị hơn nhỉ? Khi một người quyết định dồn ép một khuynh hướng trong khi đáng lẽ phải để cho nó phát hiện tự do thì chúng ta đứng trước hai trường hợp: một là khuynh hướng chịu dồn ép và không có gì xảy ra cả; hai là khuynh hướng không chịu dồn ép và phải xuất hiện một cách hoàn toàn và thành thực. Nhưng hành vi sai lạc ở giữa hai tình trạng đó: khuynh hướng bị dồn ép nửa chừng và ý muốn bị dồn ép, nếu không bị tiêu diệt thì cũng bị dồn ép đủ để cho không thể phát hiện ra nguyên hình mà phải thay đổi ít nhiều, trừ một vài trường hợp lẻ tẻ. Chúng ta có thể cho rằng những sự kiện liên hợp hay nửa nọ nửa kia đó cũng phải theo một số điều kiện nào đặc biệt, nhưng chúng ta không hề biết tính chất của những điều kiện đó như thế nào. Tôi không tin rằng dù có đi sâu đến đâu chăng nữa, chúng ta có thể tìm ra được những điều kiện chưa biết đó. Muốn đến được những mục tiêu đó, chúng ta còn phải thám hiểm những khu vực tăm tối khác của đời sống tinh

thần; chỉ khi nào chúng ta tìm ra trong đó những hiện tượng tương tự như của chúng ta mới có can đảm đưa ra những giả thuyết để cắt nghĩa những hành vi sai lạc một cách trọn vẹn hơn. Nhưng còn điều này nữa: dù chúng ta làm việc với những dấu hiệu nhỏ nhoi, chúng ta cũng có thể gặp điều nguy hiểm. Có một căn bệnh tinh thần gọi là Paraoia combinatoire, trong đó những dấu hiệu nhỏ nhoi chỉ được dùng một cách có giới hạn thôi và tôi không cho rằng mọi kết luật thoát ra từ đó đều đúng. Để tránh những sự nguy hiểm đó, chúng ta chỉ có việc mở thực rộng phạm vi quan sát của chúng ta, xét đi xét lại nhiều lần những cảm giác như nhau bất kể là khu vực đời sống tinh thần nào mà chúng ta khảo sát.

Vì thế đến đây chúng ta thôi không phân tích những hành vi sai lạc nữa. Tôi chỉ biết khuyên các bạn điều này: các bạn hãy nhớ mãi đến đường lối chúng ta đã theo để khảo sát các hiện tượng đó như một cái mẫu. Theo đường lối đó các bạn ngay từ bây giờ đã biết rõ tâm lý của chúng ta muốn gì. Không những chúng ta muốn mô tả và phân loại những hiện tượng đó, chúng ta còn muốn quan niệm chúng như những dấu hiệu của sự hoạt động của những động lực trong tâm hồn, sự phát hiện của những khuynh hướng có mục đích nhất định, hoạt động hoặc cùng chiều hướng với nhau hoặc trái hướng. Chúng ta tìm cách tự tạo một quan niệm linh hoạt về những hiện tượng tinh thần. Theo quan niệm này thì những hiện tượng tri thức phải nhường chỗ cho các khuynh hướng, và chỉ các khuynh hướng này mới được công nhận thôi.

Chúng ta sẽ không đi xa hơn đối với những hành vi sai lạc; nhưng chúng ta có thể đi vào một vài con đường rẽ trong phạm

vi này để tìm thấy những điều quen thuộc và những điều mới. Muốn thế chúng ta vẫn giữ phận sự chia thành ba loại: a) sự lỡ lời với các tiểu mục như viết sai, đọc sai, nghe nhầm. b) sự quên lãng với những tiểu mục đối với những vật bị quên (tên người, chữ ngoại quốc, những dự định, những cảm giác. c) sự lầm lẫn, mất mát, không tìm lại được một đồ vật đã cất. Những sự sai lầm đối với chúng ta chỉ có tác dụng khi gắn liền vào với sự quên lãng, hiểu lầm v.v...

Chúng ta đã nói nhiều đến những sự lỡ lời.Tuy vậy còn phải nói thêm ít điều nữa. Có nhiều hiện tượng nhỏ về tình cảm không phải là không đáng được chú ý gắn liền vào sự lỡ lời. Không phải là ai cũng sẵn sàng nhận rằng mình đã lỡ lời; nhiều khi mình lỡ lời thì không biết nhưng lại nghe rõ sự lỡ lời của người khác. Trong một mức độ nào đó sự lỡ lời hay bị lây, người ta không thể nghe nói luôn đến sự lỡ lời mà chính mình lại không lỡ lời. Nhưng sự lỡ lời vô nghĩa lý nhất không cho ta hay biết gì, đặc biệt về đời sống tinh thần, tuy nhiên cũng có những lý do dễ hiểu. Khi nào chúng ta bị rối loạn trong lúc đang nói lên một chữ nào đó, đọc lên một nguyên âm dài, chúng ta không quên kéo dài cái nguyên âm ngắn sau đó ra, thành ra lại bị thêm một sự lỡ lời nữa để sửa chữa sự lỡ lời trước. Sự việc cũng xảy ra như thế khi chúng ta nói lên một nguyên âm kép: chúng ta sẽ tìm cách sửa lại bằng cách đọc lên một nguyên âm kép khác sau đó để nhớ lại nguyên âm trước. Người ta có thể cho rằng đương sự muốn chứng tỏ là mình biết rõ tiếng mẹ đẻ của mình và muốn đọc cho thực đúng. Sự lệch lạc thứ hai có mục đích gợi sự chú ý của người nghe, tỏ rằng chính mình cũng biết rằng mình lỡ lời. Nhưng sự lỡ lời hay xảy ra nhất, vô nghĩa lý nhất thường thường là những lời rút ngắn

hay nói trước những điều định nói xuất hiện trong những phần không có gì đặc biệt trong diễn từ. Trong một câu hơi dài, người ta lỡ lời bằng cách đọc lên một vần đáng lẽ chưa đọc đến theo thứ tự những điều muốn nói. Điều đó cho người ta cái cảm tưởng rằng đương sự muốn nói cho thực mau câu định nói và chứng minh rằng đương sự không thích nói những lời nói đó chút nào. Như thế chúng ta đã tới trường hợp giới hạn, trong đó sự khác biệt giữa quan niệm phân tâm học và quan niệm sinh lý học của sự lỡ lời bị xoá bỏ. Trong những trường hợp đó chúng ta chủ trương rằng có một khuynh hướng gây rối loạn cho một khuynh hướng cần được diễn tả trong khi nói; nhưng khuynh hướng đó chỉ cho chúng ta biết là nó có mặt thôi chứ không cho ta biết mục đích của nó là gì. Sự rối loạn do nó gây ra theo một vài ảnh hưởng của thanh âm và một vài sự liên tưởng, có thể được quan niệm như có mục đích làm lệch lạc sự chú ý ra khỏi những điều muốn nói. Nhưng sự rối loạn sự chú ý cũng như những sự liên tưởng không đủ để cho ta biết đặc tính của sự lỡ lời. Cả hai đều diễn tả sự có mặt của một ý muốn gây rối, chúng ta chỉ biết kết quả của chúng nhưng không thể dựa vào những kết quả này để biết rõ tính chất của chúng như chúng ta có thể làm trong những trường hợp rõ ràng hơn.

Những sự viết sai giống những sự lỡ lời đến nỗi chúng ta vẫn chẳng có điều gì mới mẻ để nói cả. Dù sao cũng nên cố gắng thu lượm một chút trong phạm vi này. Những lỗi lầm, những sự rút ngắn, sự viết trước, những chữ cố định viết xuất hiện khi chưa đến lượt xuất hiện, nhất là những chữ chỉ được xuất hiện sau cùng thôi chứng tỏ rằng người viết không muốn viết và muốn xong càng sớm chừng nào càng hay; những kết quả rõ rệt hơn của sự viết lầm làm lộ rõ tính chất và ý muốn của

khuynh hướng gây rối. Thường thường người ta biết rằng mỗi khi tìm thấy một sự viết sai trong một bức thư, người ta biết ngay rằng người viết không ở trong một trạng thái tinh thần bình thường; nhưng không phải bao giờ cũng hiểu được là sự gì đã xảy ra cho người viết. Đương sự ít khi nhận thấy những điều viết sai cũng như những sự lỡ lời của mình. Tôi muốn nói đến một sự quan sát rất thú vị sau đây: có nhiều người thường đọc lại thư sau khi viết xong rồi mới gửi đi; có nhiều người khác không có thói quen đó nhưng mỗi khi đọc lại đều có cơ hội sửa chữa những điều sai lầm. Làm sao cắt nghĩa được sự kiện đó? Người ta có thể cho rằng những người này biết rằng họ viết sai? Chúng ta có thể chấp nhận điều đó không?

Có một vấn đề thú vị gắn liền vào với sự viết sai. Chắc các bạn còn nhớ tên sát nhân H... giả làm nhà vi trùng học, đã kiếm được trong các học viện khoa học những vi trùng rất nguy hiểm để sát hại những người thân cận. Một hôm anh chàng gửi cho một học viên một bức thư trong đó có ý phàn nàn là những vi trùng được cấy không có hiệu quả gì đối với những cuộc thí nghiệm của tôi đối với những con chuột nhắt và chuột bạch. Đáng lẽ phải viết như thế thì anh chàng lại viết: "trong các cuộc thí nghiệm của tôi đối với *loài người*". Sự lầm lẫn này tuy có được các bác sỹ trong học viện để ý đến nhưng họ chẳng làm gì cả. Các bạn có thấy rằng nếu các bác sĩ cho rằng sự viết lầm này là một lời thú tội mà yêu cầu mở một cuộc điều tra thì tên sát nhân có lẽ sẽ không thể làm hại thêm ai được nữa không? Các bạn có thấy rằng sự không biết gì đến những hành vi sai lạc trong trường hợp này đã đưa đến sự tai hại nào chưa? Về phần tôi chắc chắn tôi sẽ nghi ngờ. Tuy nhiên dùng sự viết sai đó làm bằng chứng sẽ gặp nhiều trở ngại lắm. Sự việc không đơn giản

như mình tưởng. Sự viết sai tự nó là một dấu hiệu không thể chối cãi được nhưng không phải vì thế mà có thể mở ngay một cuộc điều tra được. Tất nhiên sự viết sai chứng tỏ rằng đương sự có ý định dùng những vi trùng đó cho đồng loại nhưng không biết chắc đó là một dự mưu giết người hay chỉ là một ý nghĩ ngông cuồng thôi. Đương sự có thể chối phăng hết. Sau này khi chúng ta xét đến sự khác biệt giữa sự hiện thực trong đời sống tinh thần và sự hiện thực vật chất, các bạn sẽ hiểu rõ vấn đề hơn. Điều này không ngăn cấm chúng ta thấy rằng đó là trường hợp mà một hành vi sai lạc về sau đã có một tầm quan trọng mà lúc đầu không ai ngờ tới.

Trong những sự đọc sai chúng ta đứng trước một tình trạng tinh thần khác hẳn sự lỡ lời và sự viết sai. Một trong các khuynh hướng trên được thay bằng một sự kích động này không dai dẳng. Điều chúng ta phải đọc không phát sinh ra đời sống tinh thần của chúng ta như điều chúng ta cần viết. Vì thế cho nên phần lớn những trường hợp đọc sai chỉ là những trường hợp trong đó có sự thay thế hoàn toàn. Tiếng cần đọc được thay thế bằng một tiếng khác, giữa hai tiếng đó không có sự khác biệt gì về nội dung cả, sự thay thế xảy ra vì có sự giống nhau giữa hai chữ. Thí dụ của Lichtenberg: Agamemnon thay vì angenommen, là một thí dụ điển hình.

Nếu người ta muốn tìm ra khuynh hướng gây rối, nguyên nhân của sự lầm lẫn thì người ta phải gạt ra một bên nguyên bản đọc sai và bắt đầu phân tích và tự đặt hai câu hỏi: ý tưởng nào đã hiện ra trong trí óc trước nhất và sự lầm lẫn nhất, và sự lầm lẫn đã xảy ra trong tình trạng nào? Một khi chỉ cần biết tình trạng này là đủ cắt nghĩa được sự lầm lẫn. Ví dụ: có người

đi dạo trong một thành phố ngoại quốc và đọc trên tầng lầu của một ngôi nhà một tấm biển đề: "Closethaus " (cầu tiêu). Anh ta ngạc nhiên tự hỏi không hiểu sao tấm biển đó lại để cao như thế, nhưng rồi lại đọc mới biết mình đọc lầm: chính là "Corsethaus" (nhà bán Corset). Sở dĩ anh ta đọc lầm ra như thế vì đúng lúc đó anh ta muốn đi tiêu. Trong những trường hợp khác sự lầm lẫn, bởi vì không liên can gì đến nội dung của bản văn, cần phải được phân tích kỹ lưỡng về phương diện phân tâm. Sự phân tích này chỉ có thể thành công khi người ta quen với lối phân tích trong phân tâm học và tin cậy vào môn này. Nhưng thường thì việc cắt nghĩa một sự đọc sai không có gì là khó khăn. Như trong trường hợp Lichtenberg đã nói trên (Agamemnon thay vì angenommen) tiếng thay thế chứng tỏ một cách dễ dàng chiều hướng tư tưởng nguồn gốc của sự rối loạn. Trong thời chiến tranh vì đọc nhiều tên thành phố, tên các vị chỉ huy quân sự, những danh từ quân sự, thành ra mỗi khi gặp những tiếng tương tự người ta hay đọc nhầm. Điều làm chúng ta bận tâm thường xuất hiện để thay thế những điều làm chúng ta không biết và không để ý đến. Những tiếng vang của các ý kiến của chúng ta gây rối cho những cảm tưởng mới đối với chúng ta.

Những trường hợp đọc sai cho ta thấy nhiều khi chính văn bản đã mở đường cho khuynh hướng gây rối ra mặt để đổi bản văn này thành một bản văn có ý nghĩa trái hẳn. Người ta đứng trước một bản văn mà người ta không thích, và khi phân tích ra người ta thấy ngay rằng chính sự không thích này đã làm cho người ta đọc lầm.

Trong những trường hợp đọc sai xảy ra luôn luôn nói trong phần trên, hai yếu tố mà chúng ta đã gán cho một tính chất quan trọng trong những hành vi sai lạc lại chỉ giữ một vai trò thứ yếu: chúng tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng và sự dồn ép của một trong hai khuynh hướng đó, chính sự dồn ép này phản ứng vì những hậu quả của hành vi sai lạc. Không phải là những sự đọc sai phản trái với những yếu tố này nhưng sự dẫm chân lên nhau của những dòng tư tưởng trong sự đọc sai mạnh hơn sự dồn ép trong trường hợp những hành vi sai lạc. Chỉ trong những hình thức khác nhau của hành vi sai lạc về sự quên lãng, hai yếu tố này mới nổi bật lên.

Sự quên lãng các dự định là một hiện tượng rất dễ giải thích, ngay chính những người ngoài phố cũng công nhận như thế. Khuynh hướng gây rối không gì khác hơn là một ý muốn trái ngược, một sự không muốn làm mà chúng ta chỉ còn tự hỏi tại sao nó lại không diễn tả ra một cách khác và không giấu giếm. Nhưng sự có mặt của sự không muốn đó không ai chối cãi được. Một vài lúc người ta cũng tìm ra được những lý do bắt buộc người ta phải giấu giếm cái ý muốn này bao giờ cũng đạt được mục đích trong hành vi sai lạc, và nếu sự giấu giếm đó không có thì mục đích đó thế nào cũng đạt được. Trong khoảng thời gian giữa lúc điều dự tính ra mặt và lúc thi hành nếu có một sự thay đổi nào quan trọng, tình trạng tinh thần xuất hiện, sự thay đổi không thể đi đôi với sự thi hành điều dự định thì sự quên lãng dự định đó không còn là một hành vi sai lạc nữa. Sự quên lãng này không có nghĩa gì nữa bởi vì sự thi hành những điều dự định trong tình trạng tinh thần mới trở nên vô ích. Sự quên lãng một điều dự định chỉ có thể được coi như một hành vi

sai lạc khi chúng ta không tin vào một sự thay đổi trong tình trạng tinh thần.

Những trường hợp quên các điều dự định thường thường đồng đều và rõ ràng đến nỗi chúng chẳng còn gì đáng khảo cứu nữa. Nhưng trong hai điểm sự khảo cứu hành vi sai lạc này có thể cho ta biết một vài điều mới mẻ. Chúng ta đã nói rằng sự quên lãng, tức là sự không thi hành một điều dự định, chứng tỏ có một ý kiến không muốn thi hành dự định đó. Điều này đúng rồi nhưng công cuộc khảo cứu cho biết là sự không muốn này có thể trực tiếp hay gián tiếp. Muốn hiểu gián tiếp nghĩa là gì, chúng ta chỉ cần nêu một hay hai thí dụ. Khi một người giám hộ quên không giới thiệu con đỡ đầu của mình cho một người nào đó thì sự quên lãng này chứng tỏ người giám hộ không để ý đến người con đỡ đầu một cách quá đáng nên không tha thiết với sự giới thiệu. Ít nhất đó cũng là ý kiến của người con đỡ đầu về hành vi quên lãng của người giám hộ. Nhưng tình trạng có thể rắc rối hơn. Sự ngần ngại không muốn giới thiệu có thể có một nguyên cớ khác và về một phương diện khác. Có thể là cô con gái không liên can gì đến sự quên lãng đó cả và chính người thứ ba kia mới là nguyên nhân quyết định. Các bạn thấy là về phương diện thực tế, sự giải thích khó khăn như thế nào chưa? Dù ý kiến của cô con gái có đúng chăng nữa thì cô ta vẫn có thể tỏ ra không tin cậy và không công bằng đối với người giám hộ. Hay trong trường hợp người có hẹn nhưng quên không đến hẹn thì lý do của sự quên lãng chỉ có thể cắt nghĩa được ở chỗ người có hẹn không thấy khoái người kia mấy. Nhưng ngay trong trường hợp này người ta cũng có thể thấy rằng nguyên nhân của sự quên lãng có thể không phải là người mình muốn

gặp mà cũng có thể là nơi định gặp nhau, nơi mà người ta không muốn đến vì ở đó có những kỷ niệm không tốt đẹp. Một thí dụ khác: một người quên không gửi một lá thư đi có thể vì không thích nội dung bức thư; nhưng cũng có thể là nội dung bức thư không liên can gì đến sự quên lãng, và nguyên nhân là nội dung một bức thư khác viết từ lâu nhưng được nội dung bức thư này gợi nhớ lại làm cho khuynh hướng gây rối xuất hiện: người ta có thể cho rằng sự không muốn gửi bức thư từ bức thư trước trong đó nó không có lý do gì cả. Các bạn thấy chưa? Chúng ta cần phải làm việc hết sức cẩn thận, dè dặt ngay cả trong những trường hợp có thể cắt nghĩa được dễ dàng: điều gì đó có giá trị như nhau trong phương diện tâm lý có thể có nhiều cách giải thích về phương diện thực tế.

Những hiện tượng mà tôi vừa trình bày có thể có vẻ kỳ lạ trước mắt các bạn. Các bạn có thể tự hỏi không biết sự không muốn gián tiếp đó có tính cách bệnh hoạn không. Nhưng tôi dám quả quyết rằng tình trạng của đương sự hết sức bình thường. Tuy nhiên, các bạn cần hiểu rằng tôi không hề công nhận tính chất không xác thực mà ta chỉ ra của các cách giải thích nói trên. Chúng ta có thể giải thích sự quên lãng điều dự định bằng nhiều cách khác nhau khi chúng ta chưa phân tích trường hợp cho rõ ràng và khi các sự giải thích đó chỉ dựa trên các căn bản có tính chất chung thôi. Mỗi khi phân tích người làm đối tượng quên lãng, chúng ta có được những bằng cớ đủ dùng đó là một sự không muốn có tính cách trực tiếp và nguồn gốc của nó ở đâu.

Một điểm khác như sau: sau khi nhận thấy rằng sự quên lãng những dự định, trong phần lớn trường hợp đều là do một ý

muốn trái ngược, chúng ta có thể mở rộng cách kết luận này cho nhiều trường hợp khác, trong đó người được phân tích không những không chịu xác nhận là có ý muốn trái ngược mà còn chối phắt đi nữa. Các bạn hãy nhớ đến những trường hợp quên lãng không trả lại những cuốn sách mình mượn, hay quên không trả nợ, hay quên thanh toán hoá đơn. Chúng ta phải có can đảm vạch ra cho những người này biết rằng chính họ đã không muốn trả những cuốn sách hay những món nợ đó hay thanh toán những hoá đơn dù họ khăng khăng một mực chối cãi và chúng ta không còn tìm ra được lý lẽ gì khác để cắt nghĩa thái độ của họ. Chúng ta sẽ bảo họ là quả họ có ý đó thực nhưng không biết đó thôi, còn về phần chúng ta thì ngay một việc họ quên không làm những việc nói trên là đủ cho ta biết họ quả có ý định không muốn trả nên họ không nhớ đến việc đem trả. Các bạn thấy ngay rằng lại một lần nữa chúng ta rơi vào tình trạng đã gặp một lần rồi. Bằng cách gán cho những lời giải thích của chúng ta một tính chất hết sức rộng rãi hợp lý về nhiều mặt trong khi khảo sát các hành vi sai lạc, chúng ta bị bắt buộc phải công nhận rằng trong mỗi người chúng ta có những khuynh hướng hoạt động mà chúng ta không hề hay biết. Nhưng khi đưa ý kiến đó ra, chúng ta đã làm trái lại hẳn với những điều thường được công nhận trong đời sống và trong tâm lý học.

Chúng ta cũng còn có thể giải thích sự quên lãng các tên riêng, các danh từ, các tiếng ngoại quốc bằng cách nói rằng trong những trường hợp đó có một khuynh hướng trái ngược gắn liền một cách trực tiếp hay gián tiếp vào danh từ hay vào tiếng nói trên. Nhưng trong giai đoạn này, tính chất gián tiếp thường xảy ra luôn luôn và chỉ có thể tìm ra được sau một cuộc

phân tích tỉ mỉ. Ví dụ như trong thời chiến tranh, thời làm cho chúng ta phải xa những người ta yêu quý, đã xảy ra biết bao nhiêu sự liên tưởng làm yếu đi rất nhiều trí nhớ của chúng ta về phương diện các danh từ riêng. Chính tôi cũng không viết lại được cho đúng tên một thành phố tầm thường Bisens: sau khi phân tích tôi thấy rằng không phải vì tôi có điều gì bực mình với thành phố đó, nhưng chính vì tên thành phố này giống tên Bisenzi của một toà lâu đài ở Octavio trong đó tôi đã qua nhiều ngày thực tế không dễ chịu. Đến đây, lần đầu tiên chúng ta đứng trước một nguyên tắc dùng khuynh hướng để cắt nghĩa những sự quên lãng các danh từ sau này sẽ có một tầm quan trọng hàng đầu trong việc tìm các triệu chứng của bệnh thần kinh: đó là việc trí nhớ từ chối không chịu gợi lại kỷ niệm liên quan đến những cảm giác đau buồn, làm cho người ta nhớ lại cái cảm giác đó. Cái khuynh hướng tránh sự khó chịu do các kỷ niệm hay những hành vi tinh thần khác gây nên, thái độ trốn tránh những điều gì bực mình chính là những lý do rất kiến hiệu để giải thích không những sự quên lãng các danh từ mà còn của nhiều hành vi sai lạc khác như những sự lầm lẫn, những sự lười biếng v.v...

Nhưng có vẻ như những yếu tố sinh lý tâm lý đặc biệt thường làm cho người ta dễ quên các danh từ hơn: cho nên chúng ta có thể quan sát thấy sự quên lãng này ngay cả trong những trường hợp không có liên can gì đến cảm giác khó chịu. Nhiều khi có những người luôn luôn quên những danh từ không phải vì danh từ đó làm cho người ta khó chịu hay gợi lại những kỷ niệm không đẹp, mà chính vì những tên đó có liên can gì đến một vài sự liên tưởng của anh ta. Người ta có thể cho rằng những danh từ đó bị gắn liền vào với một loạt các sự liên tưởng

và nhất định không chịu liên can gì đến các liên tưởng khác có thể xảy ra tuỳ theo trường hợp. Các bạn hãy nhớ lại một vài xảo thuật trong việc giúp trí nhớ. Các bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên nhận thấy rằng có nhiều danh từ bị quên chỉ bởi vì người ta đã cố ý dùng một vài sự liên tưởng với mục đích làm cho những tên đó khỏi bị quên. Chúng ta có nhiều thí dụ điển hình trong đó những tên riêng của nhiều người có giá trị rất khác nhau đối với từng người. Ví dụ như tên Théodore. Đối với nhiều người trong các bạn, tên đó chẳng có ý nghĩa gì cả: đối với người khác nó có thể là tên cha, tên bạn hay chính tên mình. Bạn sẽ thấy rằng những người không có liên can gì đến Théodore cả thì ít khi quên tên những người lạ mang tên đó, trong khi những người có dính dáng đến Théodere bao giờ cũng có khuynh hướng không muốn cho người khác mang tên Théodore, có vẻ như tên đó chỉ được ban cho bà con họ hàng mình mà thôi. Vì bây giờ bạn chỉ cần thêm vào tác dụng của sự liên tưởng, tác dụng của những cảm giác khó chịu và tác dụng của một sự hoạt động gián tiếp là lập tức bạn có được một ý niệm rõ ràng về những sự phức tạp trong việc tìm hiểu sự lãng quên những danh từ.

Tác dụng của khuynh hướng muốn đẩy đi xa những kỷ niệm tất cả những cảm giác khó chịu còn mạnh hơn nữa trong sự quên lãng này chỉ có thể được coi như một hành vi sai lạc khi nào nó làm cho chúng ta ngạc nhiên vì không có gì bào chữa được, ví dụ như khi người ta quên những cảm giác mới mẻ quá hay quan trọng quá, hay khi cảm giác đó nếu bị quên sẽ gây nên một lỗ thủng trong toàn thể kỷ niệm. Tại làm sao và như thế nào chúng ta có thể quên được những biến cố, ví dụ như trong thời thơ ấu của chúng ta đã để lại trong lòng chúng ta

những ấn tượng sâu xa nhất? Đó là một vấn đề thuộc một phạm vi khác hẳn mà chúng ta có thể giải thích bằng cách cho rằng người ta muốn quên đi những cảm giác không đẹp đẽ, nhưng thực ra lời giải thích này không cắt nghĩa được toàn thể vấn đề. Không còn ai nghi ngờ rằng những kỷ niệm khó chữ thường dễ bị quên hơn. Nhiều nhà tâm lý học đã nhận thấy điểm đặc biệt này nơi nhà bác học Darwin. Ông này nhận thấy rằng mỗi khi có điều gì trái với thuyết của ông ta thì không sao ông ta nhớ nổi và muốn cho khỏi quên ông phải ghi thực rõ ràng trên giấy trắng những điều đó để dùng trong việc nghiên cứu.

Những người lần đầu tiên nghe nói rằng những kỷ niệm không đẹp đẽ thường bị quên dễ dàng hơn thường cãi lại rằng theo kinh nghiệm riêng của họ thì chính những kỷ niệm không đẹp mới khó quên, những kỷ niệm này luôn luôn trở lại, làm người ta đau khổ ngấm ngầm mặc dù người ta dùng hết cách để quên, ví dụ như những kỷ niệm về những sự khiêu khích nhục nhã chẳng hạn. Đúng như thế thực, nhưng những lời cãi lại đó không đứng vững. Chúng ta không nên quên rằng đời sống tinh thần là một bãi chiến trường, trong đó những khuynh hướng trái ngược đấu tranh với nhau, hay nói một cách trừu tượng hơn, đời sống tinh thần gồm có những sự mâu thuẫn và những cặp tương phản nhau. Khi chứng minh được rằng có một khuynh hướng nhất định nào đó rồi, chúng ta không thể chứng minh luôn rằng không có một khuynh hướng nào phản trái với khuynh hướng trên. Có chỗ cho cả hai khuynh hướng đó. Vấn đề là tìm hiểu xem giữa những sự phản trái nhau đó có những liên quan gì, và những tác dụng của chúng ra sao.

Sự đánh mất và không tìm lại được những đồ vật đã cất đối với chúng ta có một tầm quan trọng đặc biệt, vì hành vi sai lạc này có thể được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và chịu ảnh hưởng của nhiều khuynh hướng khác nhau. Tính cách chung cho mọi trường hợp là ý muốn bị mất; điều khác nhau là lý do và mục đích của sự mất mát đó. Chúng ta đánh mất một vật là vì nó cũ rồi, vì chúng ta muốn thay nó bằng một vật khác, vì ta không thích nữa, thay vì ta đã có nó trong những trường hợp mà bây giờ ta không muốn nghĩ đến nữa. Việc để cho vật đó bị bỏ rơi, bị gẫy cũng có những nguyên do như thế. Kinh nghiệm đã cho thấy những đứa con hoang bao giờ cũng yếu ớt hơn những đứa con chính thức. Như thế không phải vì lẽ gì khác hơn là những đứa con hoang không được săn sóc cẩn thận như những đứa con chính thức. Đối với đồ vật cũng thế, chẳng khác gì đối với những đứa con.

Nhưng có nhiều khi mình đánh mất những vật không hề mất đi một chút giá trị nào chỉ vì muốn hy sinh một vật gì đó cho số mệnh và muốn tránh khỏi mất một vật khác có thể xảy đến. Sự phân tích cho thấy rằng thái độ hy sinh một vật gì cho số mệnh là một thái độ quen thuộc đối với chúng ta và vì lý do đó nhiều khi những sự mất mát của chúng ta chỉ là một sự cố ý hy sinh. Sự mất mát có thể biểu lộ một sự thách thức hay một sự trừng phạt. Nói tóm lại những lý do dùng để cắt nghĩa cái khuynh hướng muốn từ bỏ một thứ đồ vật gì, nhiều vô kể.

Cũng giống như mọi sự lầm lẫn khác, sự ngộ nhận cũng thường được dùng để thực hiện những điều ham muốn đáng lẽ ra mình không được quyền có. Ý muốn lúc đó được che giấu dưới mặt nạ của một sự ngẫu nhiên sung sướng. Một người bạn

tôi lên tàu đi thăm một người mà anh không thích lắm, ra đến ga đã lên lầm một chuyến tàu khác rồi lại quay trở về nhà. Có khi trong một cuộc du lịch mình muốn dừng lại ở một bãi tắm không thích ứng với một cuộc du lịch. Tự nhiên mình lỡ một chuyến tàu thành ra được dừng lại ở nơi mình muốn. Một người bệnh của tôi bị cấm không được gọi dây nói cho người yêu, mỗi khi dùng dây nói gọi tôi, thường gọi lầm số mà số đó bao giờ cũng là số của người yêu của ông ta. Và đây là một sự ngộ nhận rất thú vị, quan trọng đặc biệt trong đời sống thực tế do một ông kỹ sư kể lại. Sự kiện này quan trọng vì nó giúp cho ta biết được người ta đã làm như thế nào để gây thiệt hại cho một đồ vật:

"Ít lâu nay tôi và một vài người bạn trong một trường Cao đẳng, nghiên cứu một công việc rất phức tạp về sự co giãn. Chúng tôi làm việc này không có thù lao chi cả, nhưng chúng tôi bắt đầu thấy rằng việc đó chiếm quá nhiều thì giờ. Một hôm đi cùng anh F... đến phòng thí nghiệm, anh này phàn nàn rằng anh bực mình vì hôm nay mất nhiều thì giờ ở đây quá trong khi ở nhà còn bao nhiêu công việc phải làm. Tôi tán thành anh và nói đùa: "Mong rằng lần này cũng như tuần trước, máy sẽ bị hư và chúng ta có thể ngưng việc và ra về sớm".

Khi phân công việc anh F... có phận sự coi sóc cái sú - páp sức ép, nghĩa là mở dần dần cái sú-páp ra cho nước chảy từ từ vào trong máy. Người điều khiển cuộc thí nghiệm đứng gần cái máy đó và mỗi khi thấy sức ép đủ dùng rồi phải kêu to cho mọi người ngừng tay. Nghe tiếng hô thôi anh F... nắm lấy cái sú-páp và lấy hết sức quay về phía... trái (trong khi phải quay về phía phải như thường lệ cũng như đối với mọi cái sú-páp). Kết quả là

vì sức ép mạnh quá nên đứt một cái dây cáp: điều đó chẳng quan hệ gì nhưng máy hư và chúng tôi phải bỏ dở công việc về nhà. Điều kỳ lạ là khi tôi hỏi anh F... về vụ đó thì anh ta tỏ vẻ không nhớ gì hết trong khi tôi nhớ rõ mồn một.

Những trường hợp như thế đủ làm cho các bạn nghi ngờ khi người làm của các bạn coi những đồ vật trong nhà như kẻ thù và hành hạ chúng thì bạn đừng cho rằng đó là ngẫu nhiên. Nhưng các bạn cũng có thể tự hỏi là khi mình tự làm cho mình đau khổ hay làm cho lòng ngay thẳng của mình bị nghi ngờ thì đó có phải là một sự ngẫu nhiên không? Đó là tất cả những vấn đề bạn phải phân tích để tìm ra giải đáp.

Tôi chưa thể đã nói được hết các điều có thể nói được về hành vi sai lạc. Còn nhiều điểm phải xem xét và thảo luận. Nhưng tôi sẽ hài lòng lắm nếu những điều đã trình bày làm lung lay được những ý kiến cũ của các bạn về vấn đề của chúng ta và các bạn sẵn lòng tiếp những ý kiến mới. Ngoài ra tôi không muốn đi xa hơn nữa. Những nguyên tắc của chúng ta không phải chỉ được chứng minh bằng những hành vi sai lạc, không có gì bắt buộc chúng ta giới hạn các cuộc khảo sát của chúng ta vào những vật liệu do những hành vi đó cung hiến. Đối với chúng ta, giá trị to lớn của những hành vi sai lạc là ở chỗ chúng xảy ra luôn luôn, bất cứ người nào cũng có thể quan sát thấy được và sự phát sinh của chúng không phụ thuộc vào tình trạng bệnh hoạn của một người.

Trước khi kết thúc tôi muốn nhắc lại một trong các câu hỏi của các bạn mà tôi chưa trả lời: nếu quả thực theo những thí dụ nói trên loài người hiểu rõ những hành vi sai lạc và hoạt động như họ hiểu ý nghĩa của các hành vi đó thì tại sao cho rằng

những hành vi đó chỉ có tính chất bất thường, không có ý nghĩa gì cả, không có gì quan trọng và nhất định không chịu chấp nhận sự giải thích của môn phân tâm học.

Các bạn có lý: đó quả là một điều hết sức ngạc nhiên cần giải thích. Nhưng đáng lẽ hiến cho các bạn những lời giải thích sẵn sàng, tôi muốn giảng giải liên tục cách nào cho các bạn có thể tự tìm lấy câu trả lời không cần đến sự trợ lực của tôi.

PHẦN THỨ HAI

GIẤC MƠ

5. NHỮNG KHÓ KHĂN ĐẦU TIÊN

Một hôm loài người tìm ra rằng những triệu chứng bệnh hoạn của những người thần kinh không vững, chắc chắn có một ý nghĩa. Đó là điểm khởi đầu của phương pháp trị bệnh bằng phân tâm học. Trong lúc chữa chạy người ta nhận thấy rằng các người bệnh thường coi những giấc mơ như những triệu chứng bệnh hoạn. Vì thế người ta đồn rằng những giấc mơ đó cũng có một ý nghĩa gì.

Đáng lẽ phải theo thứ tự lịch sử trong công việc khảo sát, chúng ta lại bắt đầu bằng cách đi từ dưới lên trên, từ sau đến trước. Để chuẩn bị cho việc khảo sát các bệnh thần kinh chúng ta tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ. Sở dĩ chúng ta có thể đảo lộn trật tự trước sau như thế là vì giấc mơ không những giúp rất nhiều trong việc chuẩn bị khảo sát về bệnh thần kinh mà giấc mơ còn là một triệu chứng của bệnh thần kinh này. Đó là một triệu chứng rất tốt vì chúng ta có thể quan sát thấy gần như ở khắp mọi người kể cả những người sức khoẻ bình thường. Khảo sát những người khoẻ mạnh bình thường mà nằm mơ, chúng ta cũng thu lượm được những kết quả như khi khảo sát người mắc bệnh thần kinh.

Chính vì thế nên giấc mơ trở thành đối tượng khảo sát của môn phân tâm học. Giấc mơ là một hiện tượng tầm thường, một hiện tượng không được coi là quan trọng, bề ngoài có vẻ chẳng có giá trị thực tế gì, cũng như những người khoẻ mạnh bình thường, vì thế nên giấc mơ không hiến cho chúng ta những điều

kiện khảo sát có giá trị. Những hành vi sai lạc không được khoa học để ý đến và mọi người chỉ hơi để ý đến thôi; nhưng dù sao khảo sát các hành vi này chả có gì đáng xấu hổ, người ta có thể tự nhủ là những hành vi sai lạc cũng có thể hiến cho chúng ta những dữ kiện để khảo sát những công trình quan trọng hơn. Nhưng khảo sát các giấc mơ thường được coi như làm một công việc chẳng có ích lợi gì trong thực tế đã vô ích mà còn bị coi như một trò chơi giải trí đáng xấu hổ nữa, một công việc phản khoa học chứng tỏ người muốn khảo sát là một người muốn làm một chuyện gì thần bí. Làm sao một bác sĩ lại có thể khảo sát về giấc mơ được trong khi môn bệnh lý thần kinh học và môn thần kinh học hiến cho chúng ta những hiện tượng đúng đắn hơn nhiều: những cái nhọt bọc trong cơ năng thần kinh hệ, những sự xuất huyết, những chứng viêm mạn, v.v... không được! Giấc mơ là một thứ vô ý nghĩa không đáng cho chúng ta khảo cứu.

Ngoài ra giấc mơ còn là một thứ gì phản trái hẳn với những đòi hỏi của khoa học, mà nhà khảo cứu không thể có được một yếu tố gì chắc chắn. Ví dụ như một ý tưởng cố chấp cũng có những giới hạn rõ ràng. Một người bệnh tuyên bố rầm rĩ: "Tao là Hoàng đế nước Trung Hoa đây". Chứ còn giấc mơ! Nhiều khi người ta không kể cho ta nghe giấc mơ nữa. Khi một người kể cho ta nghe giấc mơ của họ, có gì chứng tỏ rằng những điều anh ta kể là đúng, rằng trong khi kể anh ta lại không tìm cách phóng đại ra, có gì chứng tỏ anh ta lại không thêm thắt một vài điều tưởng tượng bởi vì anh ta không nhớ rõ. Đó là chưa nói đến chuyện nhiều khi người ta không nhớ lại cả giấc mơ nữa, chỉ nhớ lại được vài mảnh vụn chả có nghĩa lý gì. Vậy mà, người ta muốn tạo lập cả một khoa học tâm lý và một

phương pháp trị bệnh trên những nền móng mỏng manh như thế?

Chúng ta bao giờ cũng nên ghi nhớ những lý luận hơi quá đáng. Quả là những điều đưa ra để bài bác giấc mơ có đi hơi quá xa. Người ta bảo rằng những giấc mơ có một ý nghĩa chả có gì. Thì chúng ta chẳng đã có cơ hội trả lời bài bác tương tự như thế rồi sau khi khảo cứu các hành vi sai lạc sao? Lúc đó chúng ta đã tự nhủ là những việc quan trọng nhiều khi cũng được phát hiện bằng những dấu hiệu rất tầm thường. Còn việc giấc mơ có tính cách mơ hồ thì đó cũng chỉ là một đặc tính như những đặc tính khác; chúng ta làm sao có thể bắt buộc sự việc phải có những đặc tính mà chúng ta muốn. Vả lại cũng có những giấc mơ rõ ràng và có giới hạn nhất định. Ngoài ra chính những nhà thần kinh học cũng khảo sát những hiện tượng cũng có tính chất mơ hồ như thí dụ những trường hợp có những ý tưởng cố chấp mà nhiều vị bác sĩ thần kinh học nổi tiếng thường khảo cứu. Tôi nhớ đến một trường hợp đã gặp trong thời kỳ chữa bệnh. Người bệnh bắt đầu kể cho tôi nghe. "Tôi có cảm tưởng như muốn làm hại một sinh vật nào đó... Hại một đứa bé con! Không phải, hình như hại một con chó thì phải. Tôi có cảm tưởng là vừa vứt một con chó xuống sông hay làm gì cho nó đau đớn lắm". Để sửa chữa tính cách mơ hồ của những giấc mơ, chúng ta phải nói ngay là chúng ta chỉ coi là những giấc mơ những điều mà người nằm mơ kể lại cho chúng ta nghe thôi chứ không để ý đến việc người đó có thể nhớ không kỹ hay sửa đổi những điều anh ta nhớ lại. Sau cùng người ta không có quyền cho rằng giấc mơ là một hiện tượng không quan trọng. Ai cũng đều biết có những trường hợp trong đó căn bệnh bắt đầu bằng một giấc mơ và người bệnh cứ giữ mãi một ý tưởng cố

chấp bắt nguồn trong giấc mơ. Người ta kể lại rằng có nhiều nhân vật lịch sử đã tìm thấy trong giấc mơ động lực thúc đẩy mình làm nên những công chuyện to tát. Vì thế chúng ta có thể tự hỏi xem sự coi khinh các giấc mơ trong giới khoa học bắt nguồn ở đâu.

. Tôi cho rằng nó bắt nguồn ở chỗ ngày xưa người ta lại gán cho những giấc mơ một tầm quan trọng quá đáng. Ai cũng biết là chúng ta không thể dễ dàng quay trở về dĩ vãng nhưng chúng ta có thể không ngần ngừ gì mà không cho rằng tổ tiên của chúng ta cách đây hai ngàn năm hay hơn nữa cũng nằm mơ như chúng ta vậy. Theo chỗ chúng ta biết thì tất cả những dân tộc cổ xưa đều gán cho các giấc mơ giá trị rất cao và coi những giấc mơ như một thứ gì có thể dùng được việc, ví dụ như dùng để đoán trước tương lai hay coi đó là một điềm báo trước một sự gì. Đối với người Hy Lạp ngày xưa cũng như đối với một số dân tộc Đông phương, đi đánh trận mà không đem theo những người chuyên môn giải các giấc mơ là việc không thể có được, cũng như ngày nay chúng ta đi đánh trận mà không có máy bay trinh sát. Khi Đại đế Alexandre đi chinh phục mọi nơi, bao giờ ngài cũng đem theo những nhà chuyên môn giải các giấc mơ nổi tiếng nhất. Trong cuộc tấn công thành Tyr, trước sức chống giữ mãnh liệt của thành này, nhà vua định thôi không bao vây nữa, nhưng đột nhiên nằm mơ thấy một con quỷ nhảy nhót điên cuồng. Người thầy bói đoán rằng đó là một điềm chiến thắng. Vua liền ra lệnh tiếp tục tấn công và hạ được thành. Dân tộc Etrusques và La Mã tuy có dùng những phương pháp khác nhau để dự đoán tương lai nhưng cũng dùng những giấc mơ trong suốt thời gian La Hy. Về vấn đề này chúng ta chỉ còn giữ lại được một cuốn Artémidore ở Ephése từ thời hoàng đế Adrien.

Tại sao nghệ thuật đoán mộng lại suy sụp và những giấc mơ không còn được tin cậy nữa? Tôi chịu không thể nói cho các bạn nghe được. Người ta có thể cho rằng học vấn chính là nguyên nhân của sự suy sụp và coi khinh đó vì thời Trung cổ hãy còn giữ lại được những điều khó hiểu gấp bội sự đoán mộng. Nhưng sự thực là giấc mơ dần dần trở thành một thứ mê tín dị đoan chỉ còn được những kẻ vô học để ý đến mà thôi. Mãi tận ngày nay người ta vẫn hay còn tin tưởng và giấc mơ để mua vé số. Trái lại khoa học ngày nay cũng để ý đến những giấc mơ, nhưng với ý định áp dụng vào đó những lý thuyết về tâm lý. Các thầy thuốc coi giấc mơ không phải là một hoạt động tinh thần nhưng là một sự phát biểu của các sự kích thích về cơ thể có dính dáng đến tinh thần. Năm 1897, Binz tuyên bố rằng "giấc mơ là một sự hoạt động của thể xác, chẳng có ích lợi gì, nhiều khi có tính cách bệnh hoạn nữa. Đối với linh hồn bao quát và sự bất tử, giấc mơ ở vào địa vị của một mảnh đất cát đầy cỏ dại, dưới một cái vực nào đó đối với bầu không khí trong xanh trên nền trời cao vút". Maury coi giấc mơ như những sự nhảy nhót điên cuồng của vũ điệu Saint Guy, trái với những hành động có trật tự của con người bình thường. Ngày xưa người ta còn so sánh những giấc mơ với những thanh âm do một người thông thạo về âm nhạc phát ra trên phím đàn.

Giải thích tức là tìm những ý nghĩa chưa rõ rệt: nhưng người ta không thể nói đến chuyện giải thích các giấc mơ khi người ta coi khinh chúng như thế. Các bạn hãy đọc trong tác phẩm của Wundt, Jodt và các triết gia khác: tất cả đều chỉ liệt kê ra những điểm khác nhau giữa giấc mơ và tình trạng thức, hay chú ý đến những sự phân hoá của các liên tưởng, sự biến mất của trí óc phê bình, của mọi trí thức và những dấu hiệu tỏ

rằng giấc mơ không có giá trị gì hết. Khoa học chỉ đóng góp vào việc tìm hiểu giấc mơ bằng mỗi một điểm, đó là việc xét ảnh hưởng của những sự kích động về cơ thể trong khi ngủ đối với nội dung giấc mơ. Một tác giả người Na Uy đã để lại cho chúng ta hai cuốn sách về những thí nghiệm về giấc ngủ liên quan đến các kết quả của sự chuyển động chân tay thôi. Người ta cho rằng những công trình khảo cứu đó là những công trình có giá trị về giấc ngủ. Nhưng khoa học sẽ nói thế nào nếu biết rằng chúng ta đang tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ? Ý kiến của khoa học ra sao thì mình đã biết rồi, nhưng tôi không hề thấy nản lòng trước ý kiến đó. Một khi các hành vi sai lạc cũng có một ý nghĩa thì chẳng có gì ngăn cấm các giấc mơ cũng có một ý nghĩa và trong nhiều giấc mơ chúng ta đã thấy là quả thực chúng có ý nghĩa mà khoa học không tìm ra được. Vì vậy chúng ta hãy công nhận làm của riêng của chúng ta và cái quan niệm của người xưa về các giấc mơ, và chúng ta hãy đi lại con đường của họ về cách đoán mộng.

Trước hết chúng ta phải tìm hướng đi cho công việc của chúng ta và duyệt lại phạm vi của giấc mơ. Vậy giấc mơ là gì? Thực khó trả lời câu hỏi đó bằng một định nghĩa. Vì thế nên chúng ta sẽ không cố gắng đưa ra một định nghĩa trong khi không ai là người không biết đến giấc mơ cả. Nhưng chúng ta phải đưa ra ánh sáng những đặc tính của giấc mơ. Nhưng tìm đâu ra bây giờ? Trong phạm vi giấc mơ có biết bao nhiêu thứ. Những đặc tính cần thiết chúng ta nêu ra sẽ là những đặc tính chung cho mọi giấc mơ.

Đặc tính chung thứ nhất là chúng ta chỉ nằm mơ khi chúng ta ngủ thôi. Dĩ nhiên những giấc mơ chỉ là một sự hoạt động

của tinh thần trong khi ngủ, và nếu đời sống tinh thần này có một vài điểm gì giống như đời sống trong trạng thái thức tỉnh thì trái lại cũng có những điểm khác với đời sống này. Đó là định nghiã của Aristote. Giữa giấc ngủ và giấc mơ có thể có những liên quan chặt chẽ. Nhiều khi chúng ta bị giấc mơ đánh thức dậy, nhiều khi đang mơ chúng ta đột nhiên tỉnh dậy, hay khi bị đánh thức dậy một cách đột ngột. Như vậy tức là giấc mơ là một tình trạng trung gian giữa giấc ngủ và tình trạng thức tỉnh. Như thế tức là chúng ta lại quay về với giấc ngủ. Vậy giấc ngủ là gì?

Giấc ngủ là một vấn đề của sinh lý hay của đời sống, đến nay người ta hãy còn bàn cãi chưa dứt khoát. Chúng ta phải tìm những đặc tính của giấc ngủ về phương diện sinh lý. Giấc ngủ là một trạng thái trong đó người ngủ không muốn biết gì về đời sống bên ngoài nữa, quyền lợi của người ngủ thoát hẳn ra thế giới bên ngoài, muốn thoát khỏi những sự kích động từ bên ngoài vào. Tôi đi ngủ khi mệt mỏi vì đời sống bên ngoài và những sự kích động đó. Khi đi ngủ tôi bảo cho đời sống bên ngoài biết nên để cho tôi yên vì tôi muốn ngủ. Đứa bé con, trái lại, lại nói: "tôi chưa muốn đi ngủ, tôi không mệt, tôi muốn thức nữa". Vậy khuynh hướng đời sống của giấc ngủ là sự không thèm để ý gì đến đời sống bên ngoài nữa. Đối với thế giới mà chúng ta bị bắt buộc phải bước vào dù không hề muốn, chúng ta ở vào một tình trạng làm cho chúng ta không thể chịu đựng được một cuộc sống liên tục mãi mãi không ngừng. Vì thế cho nên thỉnh thoảng ta lại phải du mình vào tình trạng của chúng ta trước khi ra đời trong lúc còn nằm trong dạ con. Ít nhất trong tình trạng đó chúng ta cũng tự tạo cho ta những điều

kiện của đời sống: nào nhiệt độ, nào bóng tối, nào sự vắng mặt của mọi sự kích động. Nhiều người chúng ta nằm ngủ co quắp như khi còn nằm trong bụng mẹ. Người ta có thể cho rằng khi đã trưởng thành chúng ta chỉ sống hai phần ba đời người trong trạng thái trưởng thành thôi còn phần ba kia chúng ta sống như khi chưa ra đời. Trong những điều kiện đó, mỗi buổi sáng khi tỉnh dậy chúng ta có cảm tưởng như lại vừa mới sinh ra đời vậy. Chúng ta chẳng vẫn thường nói về trạng thái của chúng ta khi tỉnh dậy rằng chúng ta như đứa trẻ sơ sinh sao? Nói như thế thực ra chúng ta có một ý niệm rất sai về đứa bé sơ sinh. Sự thực ta phải đồ rằng đứa bé lúc mới ra đời chẳng có gì là dễ chịu cả. Nói về sự sinh ra đời chúng ta chẳng thường nói là ra ngoài ánh sáng đó sao?

Nếu quả giấc ngủ như chúng ta vừa nói thì giấc mơ không thể là một thành phần trong giấc ngủ mà lại còn là một cái gì rất khó chịu. Chúng ta thường cho rằng những giấc ngủ không mơ chính là những giấc ngủ tốt đẹp nhất, đó mới chính là giấc ngủ độc nhất thực sự; không một hoạt động tinh thần nào được có trong giấc ngủ. Nếu có một hoạt động tinh thần nào thì tức là chúng ta không thành công trong công việc quay trở lại trạng thái của bào thai, chưa rũ bỏ được những cái gì còn sót lại trong đời sống bên ngoài. Giấc mơ không gì khác hơn là những cái gì còn sót lại đó, và có vẻ như những giấc mơ chẳng có nghĩa gì cả. Những hành vi sai lạc, những sự hoạt động của tình trạng tỉnh có tính chất khác hẳn. Nhưng khi tôi ngủ sau khi đã thành công trong việc chấm dứt mọi hoạt động tinh thần ngoài một dư âm còn sót lại, thì những dư âm này cần gì phải có ý nghĩa. Dù rằng có ý nghĩa nữa tôi cũng chẳng dùng được vào việc gì cả, vì đời sống tinh thần của tôi đã ngừng lại khi tôi ngủ. Giấc mơ có

thể chỉ là những phản ứng xuất hiện dưới hình thức những sự co quắp, những hiện tượng tinh thần do các sự kích động cơ thể gây nên. Những giấc mơ có thể là những cái gì còn sót lại của đời sống tinh thần lúc còn thức, những cái còn sót lại này có thể làm cho giấc ngủ không yên; và như thế chúng ta chỉ cần có việc bỏ rơi vấn đề coi như không thuộc môn phân tâm học.

Dù cho ngay rằng những giấc mơ chẳng ích lợi gì cả, đó vẫn là những sự gì có thực và chúng ta cần cố gắng cắt nghĩa sự có thực này. Tại sao đời sống tinh thần lại không ngủ nhỉ? Chắc là vì có một vài sự gì chống lại giấc ngủ đó. Có lẽ có những sự kích động làm cho đời sống tinh thần phải phản ứng lại. Vậy giấc mơ chính là sự phản ứng của linh hồn chống lại những sự kích động phát sinh ra trong lúc ngủ. Đến đây chúng ta đã nhìn thấy một con đường bỏ ngỏ trong việc tìm kiếm giấc mơ. Chúng ta có thể tìm xem có những kích động nào đã làm cho giấc ngủ không yên và người ngủ phải phản ứng lại. Như thế chúng ta sẽ đưa ra được đặc tính thứ nhất chung cho các giấc mơ.

Ngoài ra còn đặc tính chung nào nữa không? Tất nhiên là có nhưng rất khó nắm được và mô tả ra được. Sự hoạt động tâm lý trong lúc ngủ khác hẳn trong lúc thức. Trong lúc ngủ, người ta chứng kiến những biến cố mà người ta tin tưởng trong khi thực tế đó có thể chỉ là những sự kích động cơ thể làm cho giấc ngủ không yên. Người ta nhìn thấy các hình ảnh nhiều khi có kèm theo những tình cảm, ý kiến và cảm giác do các giác quan khác hơn là thị giác cung cấp, nhưng dù sao những hình ảnh bao giờ cũng trội hơn. Cho nên khi chúng ta kể lại một giấc mơ, điều khó cho chúng ta là làm sao diễn tả những hình ảnh đó

thành lời nói. Có nhiều khi một người nằm mơ bảo là: tôi có thể vẽ lại cho ông xem giấc mơ của tôi chứ không thể kể lại được. Đó không phải là một hoạt động tinh thần sút kém như trong trường hợp những người kém tinh thần bên cạnh những người có tài: hình như có một sự khác biệt về phẩm nhưng không ai biết khác biệt ra sao. G.Th.Fisher cho rằng sân khấu của giấc mơ khác hẳn sân khấu của tình trạng thức tỉnh. Đó là một điều chúng ta không hiểu, không biết nghĩ ra sao nhưng cũng biết diễn tả được cảm giác lạ lùng khi ta nằm mơ rồi thức dậy. Sự so sánh những hoạt động trong giấc mơ với những thanh âm phát ra từ các phím đàn do tay của một người không hiểu biết về âm nhạc đối với chúng ta chẳng có ích lợi gì hết, vì dù không thạo về âm nhạc chăng nữa trường hợp khi đặt tay lên phím đàn người ta cũng vẫn phát ra những thanh âm, và những thanh âm này không cần du dương cho lắm. Đó là đặc tính chung thứ hai của các giấc mơ, dù chưa được hiểu rõ.

Còn có những đặc tính chung nào khác nữa không? Tôi không tìm ra nữa, tôi chỉ thấy những sự khác biệt về mọi điểm: về điểm thời gian nằm mơ cũng như về tính cách rõ ràng hay không, về vai trò của các sự xúc động, về sự kéo dài ra.... Theo tôi thì sự việc xảy ra chẳng khác gì người ta phải chống lại một sự kích động dù là bị bó buộc, dù chỉ có tính cách chốc lát, giành giật. Có những giấc mơ rất ngắn, có khi chỉ có một hình ảnh, một tiếng nói; có những giấc mơ rất dài, rất dồi dào, kéo dài như một cuốn tiểu thuyết. Có những giấc mơ rất rõ ràng chẳng khác gì đời thực, rõ đến nỗi nhiều khi người ta tự hỏi không biết mình mê hay tỉnh; có những giấc mơ rất yếu, mơ hồ, mờ mịt, có khi vừa rõ ràng lại vừa mờ mịt; có những giấc mơ có nhiều ý nghĩa, vui vẻ, đẹp đẽ; có những giấc mơ trái lại loạn xạ,

ngớ ngẩn, khó hiểu, ly kỳ. Có khi chúng ta thờ ơ với giấc mơ nhưng có khi chúng ta thấy cảm động, đau đớn, có khi phát khóc, xúc động, ngạc nhiên, thích thú, v.v... Nhiều giấc mơ bị quên ngay sau khi thức dậy và nếu có còn được nhớ lại thì cũng mờ dần đi; trái lại có những giấc mơ mà người ta nhớ mãi, nhất là những giấc mơ trẻ con, đến nỗi ba mươi năm sau mà còn rõ ràng như vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Có những giấc mơ chỉ xảy ra có một lần; có những giấc mơ xảy đi xảy lại cho một người nhiều lần, hoặc y nguyên như lần trước hoặc có thay đổi chút ít. Nói tóm lại, sự hoạt động của tinh thần này thực ra có rất nhiều hình thức, có khả năng diễn lại những gì đã xảy ra ban ngày nhưng không bao giờ giống nhau cả.

Chúng ta có thể thử cắt nghĩa những hình thức khác nhau này của những giấc mơ bằng cách cho rằng chúng tương ứng với những trạng thái trung gian giữa giấc ngủ và tình trạng thức tỉnh, hoặc với những giai đoạn khác nhau của giấc ngủ không hoàn toàn. Nhưng nếu thực như thế thì mỗi khi giấc mơ càng ngày càng có giá trị hơn, rõ ràng hơn, có nội dung dồi dào hơn, chúng ta phải cho rằng đó không phải là một tình trạng nửa thức nửa ngủ mà là một giấc mơ thực sự, bởi vì trong những giấc mơ loại này đời sống tinh thần càng ngày càng gần đời sống tinh thần lúc thức hơn. Điều cần là những giấc mơ đó phải thực rõ chứ không thể có lúc rõ lúc mờ, có lúc hợp lý có lúc lại ngớ ngẩn vô nghĩa. Nếu chúng ta chấp nhận điều giải thích nói trên tức là chúng ta gán cho đời sống tinh thần khả năng thay đổi tính chất say sưa của giấc ngủ theo một tốc độ và một cách dễ dàng không có trong thực tế. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng cách giải thích đó không đứng vững được. Thường thường sự việc không đơn giản như thế.

Bây giờ cho tới khi có quyết định mới, chúng ta sẽ không tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ nữa, nhưng sẽ tìm cách hiểu rõ giấc mơ bằng cách dựa vào những đặc tính của nó. Nói về liên quan giữa giấc mơ và giấc ngủ, chúng ta đã nói rằng giấc mơ là một phản ứng đối với một sự kích động trong giấc ngủ, làm cho giấc ngủ không yên. Đó chính là điểm độc nhất mà môn Tâm lý học thực nghiệm có thể giúp đỡ chúng ta bằng cách hiến cho chúng ta bằng chứng rằng những sự kích động xảy ra trong giấc ngủ cũng xuất hiện trong giấc mơ. Chúng ta có nhiều công trình khảo sát về vấn đề này kể cả công trình MauryVold đã nói trong những dòng trên, và mỗi người chúng ta đều có thể xác nhận điều đó dựa vào những kinh nghiệm cá nhân. Tôi đơn cử những thí nghiệm chọn trong những thí nghiệm cũ nhất. Chính Maury đã thí nghiệm ngay trên bản thân mình. Trong lúc ông ta ngủ có người cho ông ngửi nước Cologne: ông ta mơ thấy mình ở Cairo kinh đô xứ Ai Cập, trong tiệm Jean Maria Farina, rồi từ đó phát sinh ra bao nhiêu chuyện ly kỳ. Người ta bấm nhẹ vào gáy ông: ông mơ luôn thấy một miếng thuốc dán và đến ông thầy thuốc săn sóc ông trong lúc ông còn nhỏ. Người ta nhỏ lên trán ông một giọt nước: ông mơ thấy mình ở bên Ý mồ hôi ra như tắm và uống rượu vang Orvieto.

Điều đáng chú ý trong những giấc mơ do những sự kích động gây ra sẽ xuất hiện rõ ràng hơn trong một loại giấc mơ khác. Đó là ba giấc mơ gây ra do một tiếng động của một chiếc đồng hồ báo thức (thí nghiệm của Hildebrandt).

" Một buổi sáng mùa xuân, tôi đi dạo qua một cánh đồng đến một làng bên cạnh, thấy dân làng kéo nhau đi nhà thờ, quần

áo đẹp, tay cầm cuốn kinh. Hôm đó là chủ nhật và có dự thánh lễ đã bắt đầu rồi, tôi quyết định vào xem lễ nhưng vì trời nóng quá tôi ngồi nghỉ trong nghĩa địa chung quanh nhà thờ. Vừa chăm chú đọc những dòng chữ trên mộ tôi vừa nghe tiếng người kéo chuông trèo lên gác chuông và trên gác chuông tôi trông thấy cái chuông nhỏ sắp giống lên để báo là buổi cầu kinh sắp bắt đầu. Lúc đầu chuông còn đứng im, nhưng sau đó giống lên những tiếng chuông lanh lảnh làm tôi tỉnh giấc. Thì ra chính chiếc đồng hồ báo thức đã vừa kêu lên".

"Một chuyện nữa: Hôm đó là một ngày mùa đông trong sáng. Tuyết rơi đầy đường. Tôi định đi xe trượt tuyết nhưng phải chờ xe. Trước khi lên xe tôi sửa soạn mặc áo ấm, đem lò sưởi theo. Rồi tôi ngồi vào xe. Lại phải chờ nữa cho đến khi ngựa bắt đầu đi. Ngựa bắt đầu đi, tiếng nhạc vang lên nghe rất khó chịu làm tôi tỉnh giấc. Thì ra lần này cũng vẫn là cái đồng hồ báo thức lanh lảnh".

"Thí dụ ba: tôi nhìn cô người làm mang một chồng đĩa từ bếp theo hành lang vào phòng ăn. Chồng đĩa quá cao, tôi chỉ sợ không giữ thăng bằng thì vỡ hết. Tôi bảo chị ta nên cẩn thận. Lần nào chị cũng trả lời là chị quen rồi. Nhưng tôi vẫn nhìn chị bằng con mắt lo ngại. Quả nhiên chị vấp ngã, đĩa rơi xuống đất kêu nghe kinh khủng. Nhưng tôi có cảm tưởng như đó không phải là tiếng đĩa vỡ, nhưng là một tiếng gì kéo dài mãi như tiếng chuông. Lúc tỉnh dậy mới thấy rằng đó lại là tiếng chuông đồng hồ báo thức".

Những giấc mơ này thực đẹp, đầy ý nghĩa, có mạch lạc hẳn hoi. Vì thế nên chúng ta chả có gì trách chúng được. Chúng có đặc tính chung là bao giờ cũng kết thúc bằng một tiếng

chuông đồng hồ báo thức. Thế là chúng ta thấy rõ một giấc mơ đã phát sinh ra như thế nào. Nhưng chúng ta còn biết một vài điều khác nữa. Người nằm mơ không nhận ra tiếng chuông đồng hồ báo thức (không có trong giấc mơ) nhưng mỗi lần hễ nghe chuông kêu là ông ta thay tiếng chuông bằng một thứ tiếng khác và giải thích theo một lối khác. Tại sao? Không trả lời được. Người ta có thể cho rằng đó là một cái gì hết sức võ đoán. Nhưng tìm hiểu một giấc mơ tức là tìm hiểu xem tại sao người nằm mơ lại chọn một tiếng động này chứ không chọn tiếng khác để giải thích sự kích động làm cho bừng tỉnh dậy. Người ta có thể hỏi Maury rằng nếu trong giấc mơ người ta thấy rõ ràng sự kích động là sự nào thì người ta không hiểu tại sao sự kích động này lại xuất hiện dưới một hình thức không liên can gì đến tính chất sự kích động cả? Vả lại trong những giấc mơ của Maury người ta thấy nhiều biến cố kỳ lạ gắn liền vào sự kích động như trong trường hợp ngửi nước Cologne, những biến cố không thể nào cắt nghĩa được.

Các bạn cần để ý rằng chính trong các giấc mơ có sự bừng tỉnh dậy đi theo mà chúng ta có thể nhìn thấy ảnh hưởng của những kích động làm tan giấc mơ. Trong nhiều trường hợp khác sự việc sẽ khó khăn hơn nhiều. Không phải lúc nào nằm mơ người ta cũng tỉnh dậy ngay, và khi sáng dậy nhớ lại giấc mơ làm sao người ta biết được sự kích động nào đã gây ra giấc mơ? Có một lần nhờ một trường hợp đặc biệt tôi tìm ra được một sự kích động âm vang thuộc loại này. Một buổi sáng tại Tyrol tôi tỉnh dậy sau khi nằm mơ rằng Đức giáo hoàng vừa từ trần. Tôi đang tìm hiểu ý nghĩa của giấc mơ đó thì bà vợ tôi đột nhiên hỏi: "Sáng nay anh có nghe tiếng chuông ở khắp các nhà thờ vang lên hay không?" Không, tôi không nghe thấy gì hết, tôi

ngủ rất say. Những sự kích động làm cho mình nằm mơ có tần số nào mà sau đó người nằm mơ tỉnh dậy không hề hay biết gì về những sự kích động đó? Tần số này có thể rất cao mà cũng có thể không cao. Khi không có cách nào để biết được có kích động hay không thì không làm sao biết được tần số đó. Vả lại chúng ta chẳng cần thảo luận về giá trị của các sự kích động bên ngoài, bởi vì những sự kích động này chỉ có thể cắt nghĩa được một phần nào trong giấc mơ thôi chứ không cắt nghĩa nghĩa được toàn thể giấc mơ.

Nhưng không thể vì thế mà chúng ta có quyền bỏ rơi thuyết này, một thuyết có phát triển sâu rộng. Vấn đề tự hỏi xem nguyên nhân nào làm cho giấc ngủ không yên và làm cho người ta nằm mơ không phải là vấn đề quan trọng. Nếu nguyên nhân không phải là một sự kích động từ bên ngoài thì có thể là một sự kích động từ bên trong do giác quan gây nên. Quan niệm này được người dân ngoài phố tin tưởng rất nhiều. Chúng ta chẳng thường nghe nói rằng những giấc mơ thường do bao tử gây nên sao? Nhưng khổ nỗi là trong trường hợp này nữa có thể rằng có một sự kích động nội tâm xảy ra trong ban đêm nhưng sáng ra không còn để lại dấu vết gì nữa và do đó không chứng minh được. Tuy vậy chúng ta không muốn tỏ vẻ lơ là với những thí nghiệm cho rằng những giấc mơ thường gắn liền vào với những sự kích động bên ngoài. Không ai phủ nhận rằng trạng thái của các cơ quan nội tâm có ảnh hưởng đến các giấc mơ. Người ta không thể bỏ qua sự liên quan giữa một vài giấc mơ với việc nước tiểu chất đầy trong bàng quang hay sự kích động các cơ quan sinh dục của phụ nữ. Từ những trường hợp rõ ràng này người ta qua những trường hợp khác chứng tỏ rằng các sự kích động bắt nguồn từ các cơ quan nội thể quả có ảnh hưởng

tới các giấc mơ và những sự xảy ra trong giấc mơ chính là sự phác hoạ, sự thành hình, sự giải thích những sự kích động đó.

Scherner đã khảo cứu nhiều về các giấc mơ, đặc biệt nhấn mạnh đến sự liên quan giữa những sự kích động nội thể này và những giấc mơ. Ông đã cho chúng ta nhiều thí dụ rất hay để chứng minh ý kiến của mình. Ví dụ như khi ông ta nằm mơ thấy hai hàng em bé xinh trai tóc nâu, đứng trước mặt nhau trong thái độ đấu tranh, nhảy xổ vào đánh nhau, ông nghĩ rằng đó là hai hàm răng. Sự giải thích này được xác nhận sau đó vì lúc tỉnh dậy ông đã phải đi nhổ một cái răng dài hơn những cái khác. Khi người ta nằm mơ thấy một hành lang dài, ngoằn ngoèo, chật hẹp thì người ta nghĩ ngay đến một sự kích động trong ruột. Cách cắt nghĩa này không phải là không có lý. Chúng ta có thể chấp nhận ý kiến của Scherner cho rằng giấc mơ thường hình dung cơ quan gây ra sự kích động bằng những đồ vật giống cơ quan đó.

Vì thế chúng ta không công nhận rằng những sự kích động nội thể cũng có ảnh hưởng tới các giấc mơ y như những sự kích động từ bên ngoài. Khổ một điều, sự giải thích đó cũng bị lý lẽ như đối với những sự kích động bên ngoài bài bác. Trong rất nhiều trường hợp sự giải thích bằng sự kích động bên trong không chứng minh được và không chắc chắn. Chỉ có một vài giấc mơ làm cho người ta nghi rằng có một sự kích động bên trong cũng như bên ngoài chỉ cắt nghĩa được một phần nào giấc mơ chứ không cắt nghĩa được toàn thể.

Tuy nhiên chúng ta cần để ý đến một điểm đặc biệt của những giấc mơ do sự kích động bên trong gây nên. Giấc mơ không gợi lại sự kích động nguyên vẹn mà thay đổi đi, bằng

một sự ám chỉ, xếp loại dưới một hình thức nào đó, thay thế bằng một sự kích động khác. Chúng ta phải để ý đến những sự biến dạng đó trong khi giấc mơ tiếp diễn, bởi vì làm như thế chúng ta có nhiều hy vọng hiểu được tính chất thực sự của các giấc mơ. Khi chúng ta làm một hành động nào đó trong một trường hợp nào đó đâu có phải khi trường hợp đó không có nữa thì hành động của chúng ta bị triệt tiêu luôn. Vở Macbeth chẳng hạn được viết trong trường hợp đăng quang của một ông vua đầu tiên quy tụ trên đầu mình ba vương miện của ba nước. Nhưng có phải trường hợp này đã triệt tiêu hết nội dung của vở kịch đâu, có phải trường hợp đó đủ cắt nghĩa được giá trị cao cả và những bí ẩn của vở kịch không? Có thể là sự kích động bên trong và bên ngoài tác dụng đến người nằm ngủ chỉ dùng để mở đầu cho giấc mơ thôi chứ không hề cho chúng ta biết gì về tính chất thực sự của nó.

Tính chất chung kia của các giấc mơ, tính chất đặc biệt tinh thần của chúng rất khó hiểu và không đưa ra một chỗ dựa nào cho những cuộc khảo sát sau đó. Thường thường những biến cố trong giấc mơ hiện ra dưới hình thức thị giác. Những sự kích động có thể giải thích được sự kiện này không? Có đúng là chúng ta đã bị kích động trong khi nằm mơ không? Nhưng tại sao giấc mơ lại xuất hiện dưới hình thức thị giác trong khi những sự kích động vào mắt lại rất ít khi gây nên giấc mơ? Hay là khi chúng ta nằm mơ thấy nói chuyện hay nghe diễn văn làm sao chứng minh được rằng trong khi ta ngủ những tiếng nói chuyện hay tiếng động nào đó đã đập vào tai ta? Tôi cương quyết gạt bỏ giả thuyết này.

Nếu đặc tính chung cho mọi giấc mơ không giúp gì cho chúng ta trong việc cắt nghĩa các giấc mơ thì biết đâu chúng ta lại chẳng may mắn hơn khi xét đến các sự khác biệt giữa các giấc mơ. Thường thường các giấc mơ lộn xộn, khó hiểu, không ý nghĩa gì; nhưng cũng có những giấc mơ đầy ý nghĩa, rõ ràng. Chúng ta thử xem xét những giấc mơ này có cắt nghĩa được giấc mơ kia không? Tôi kể cho các bạn nghe một giấc mơ hợp lý do một thanh niên kể lại cho tôi nghe: "Trong lúc đi dạo phố tôi gặp ông X và đi với ông một quãng đường. Rồi sau đó tôi vào trong một tiệm cơm thấy có hai người đàn bà và một người đàn ông đến ngồi ngay vào bàn tôi. Tôi bực mình không thèm nhìn họ nhưng rồi sau cũng nhìn và thấy họ là những người rất lịch sự. Sau đó người kể chuyện nói rằng chiều hôm đó anh ta quả có đi dạo phố thực và gặp ông X... thực. Nhưng phần kia giấc mơ không do những điều nhớ lại trực tiếp nhưng gắn liền vào một biến cố xảy ra trước đó ít ngày. Và đây là một giấc mơ cùng loại của một bà. Chồng bà ta hỏi: "Mình có cần phải căng lại dây cho cái đàn dương cầm không?" Bà ta trả lời: "Vô ích vì còn phải thay cả da bọc nữa". "Giấc mơ này gợi lại một câu chuyện của hai vợ chồng buổi chiều hôm đó. Hai giấc mơ ngắn ngủi này cho ta biết những gì? Chúng ta có thể tìm thấy trong giấc mơ những giai đoạn gắn liền vào các biến cố đó. Nếu đó là kết quả của tất cả các giấc mơ thì đó là điều đáng kể lắm rồi. Nhưng sự thực không phải như thế vì điều chúng ta vừa nói chỉ áp dụng cho rất ít giấc mơ. Trong đa số trường hợp chúng ta không thấy những gì liên quan đến biến cố xảy ra trong khi thức và không hiểu những yếu tố nào đã gây nên những giấc mơ khó hiểu và vô nghĩa đó. Chúng ta chỉ thấy rằng chúng ta lại đứng trước một vấn đề mới. Không những chúng ta cần biết

giấc mơ có ý nghĩa gì, chúng ta còn cần biết là trong trường hợp nào những giấc mơ rõ ràng đầy ý nghĩa, tại sao và vì mục đích nào chúng ta lại thấy trong giấc mơ những biến cố vừa xảy ra trong ngày".

Chắc các bạn cũng như tôi thấy chán nản trong công việc khảo cứu như thế. Dù chúng ta có để hết tâm trí vào một vấn đề cũng chẳng ích gì một khi chúng ta chưa biết hướng các công cuộc khảo cứu của chúng ta về phía nào. Tâm lý học thực nghiệm chỉ hiến cho chúng ta một số rất ít những dữ kiện về vai trò của các sự kích động từ bên ngoài dù những dữ kiện đó rất quý báu đối với chúng ta. Triết học chẳng có thể cung cấp cho cái gì khác hơn là thái độ khinh thường vì công việc của chúng ta bị coi chẳng ích lợi gì cho tri thức hết. Sau hết chúng ta không muốn vay mượn gì của những khoa học thần bí. Lịch sử và sự khôn ngoan của các dân tộc dạy ta rằng những giấc mơ có ý nghĩa, có tính chất quan trọng, báo trước được tương lai nhưng đó là điều rất khó chấp nhận vì không chứng minh được. Chính vì thế mà những cố gắng đầu tiên của chúng ta đã không đưa lại kết quả gì, như nước chảy qua cầu.

Nhưng trong khi không chờ đợi, chúng ta lại được giúp đỡ từ một hướng khác đến, một hướng chưa bao giờ ngờ tới. Tiếng nói, một thứ tiếng không bao giờ có tính cách ngẫu nhiên cả, như sự kết tinh của tất cả những điều hiểu biết của loài người, tiếng nói mà người ta phải dùng một cách rất thận trọng biết có "những giấc mơ trong khi thức": đó là kết quả của trí tưởng tượng, những hiện tượng rất phổ thông, có thể xảy ra đối với những người đau ốm mà bất cứ ai cũng khảo sát được bằng chính bản thân mình. Điểm đặc biệt ở đây là tuy được gọi là

"những giấc mơ trong khi thức", những giấc mơ đặc biệt này lại không có một tính chất nào chung cho những giấc mơ thực sự cả. Đúng như tên gọi, chúng không liên can gì đến giấc ngủ. Những giấc mơ trong khi thức này không có một chút gì liên lạc với tính chất chung thứ hai trong các giấc mơ thực sự vì không hề có những biến cố, không hề có ảo tưởng mà chỉ có những hình dung thôi: người ta biết rằng mình tưởng tượng, người ta không hề trông thấy mà chỉ suy nghĩ thôi. Những giấc mơ này thường xảy ra trước tuổi dậy thì, trong thời niên thiếu, biến mất khi đứng tuổi, rồi lại xảy ra trong lúc tuổi già. Nội dung của những giấc mơ, kết quả của sự tưởng tượng này thường có những lý do rất rõ ràng. Đó là những khung cảnh về uy quyền hay những ham muốn về tình ái của người mơ mộng được thoả mãn. Đối với những người trẻ tuổi thì đó là những giấc mơ về tham vọng; đối với đàn bà thích có những thành công về tình ái thì đó là những giấc mơ về tình ái. Nhưng luôn luôn người ta gặp những nhu cầu về tình ái đằng sau những giấc mơ của đàn ông: những sự thành công và những hành vi anh hùng của những người mơ mộng đều tập trung vào những sự thành công về tình ái, có mục đích chiếm đoạt sự thán phục và lòng yêu của người đàn bà. Ngoài những tính chất đó ra những giấc mơ trong khi hình ảnh có nhiều hình thức khác nhau và chịu những hậu quả khác nhau. Có những cơn mộng bị bỏ rơi và thay thế bằng những giấc mơ khác; có những cơn mơ được giữ lại, phát triển mạnh mẽ đến trở thành câu chuyện dài dằng dặc và biến đổi theo những biến cố của cuộc đời. Người ta có thể cho rằng chúng đi theo cùng với thời gian và in dấu vết của thời gian như là bằng chứng của những tình trạng mới. Chúng là đề tài cho các tác phẩm thi văn thường thay đổi, biến hoá các

giấc mơ trong khi thức này thành những trạng thái rồi đặt vào trong các tiểu thuyết, truyện ngắn hay kịch bản. Bao giờ người mơ mộng cũng là nhân vật chính trong tác phẩm đó dù xuất hiện dưới hình thức của chính mình hay dưới hình thức của một nhân vật tạo nên.

Những giấc mơ trong khi thức này sở dĩ được gọi như thế là vì trong những sự liên quan với đời thực chúng không có thực hơn gì những giấc mơ chính thức. Có thể rằng cả hai loại đều được gọi là những giấc mơ bởi vì cả hai đều có căn bản trên một tính chất tinh thần nào đó mà chúng ta chưa biết và đang tìm kiếm. Cũng có thể là cái danh từ chung người ta dùng để gọi chúng chẳng có gì quan trọng đáng để ý. Đó là tất cả những vấn đề chỉ được giải đáp trong những phần sau thôi.

6. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ KỸ THUẬT CỦA SỰ GIẢI THÍCH

Như vậy, muốn cho công cuộc khảo sát về giấc mơ tiến triển, chúng ta phải có một con đường mới, một phương pháp mới. Tôi muốn đề nghị với các bạn một điều thực giản dị: chúng ta hãy coi những giấc mơ như những hiện tượng không có tính chất cơ thể mà chỉ có tính chất tinh thần. Bạn biết điều đó có nghĩa là gì, nhưng cái gì đã cho phép chúng ta làm điều đó? Không có gì hết nhưng cũng không có gì cấm chúng ta. Sự việc như thế này: nếu giấc mơ là một hiện tượng cơ thể thì chúng ta chẳng cần để ý đến nữa, chúng ta chỉ để ý đến những giấc mơ vì đó là những hiện tượng tinh thần. Vì vậy chúng ta phải gán cho nó những tính chất tinh thần để xem công việc khảo cứu của chúng ta sẽ đi đến đâu trong điều kiện đó. Theo kết quả thu lượm chúng ta sẽ biết là có nên giữ giả thuyết của chúng ta không. Bởi vì chúng ta định đi tới đâu, mục đích của chúng ta là gì? Mục đích đó là mục đích của mọi khoa học nói chung: chúng ta muốn tìm hiểu các hiện tượng, ràng buộc chúng vào với nhau để rồi mở rộng phạm vi quyền hạn của chúng ta đối với chúng.

Vậy chúng ta tiếp tục công trình khảo cứu bằng cách coi giấc mơ như một hiện tượng tinh thần. Nhưng trong giả thuyết đó giấc mơ là một cách phát biểu của người nằm mơ, một cách phát biểu không cho chúng ta biết gì hết, mà chúng ta không hiểu. Ở trường hợp các bạn thì các bạn có thể làm việc gì khi

bạn không hiểu gì về tôi cả. Bạn sẽ hỏi tôi phải vậy không? Vậy tại sao chúng ta không hỏi luôn người nằm mơ? Tại sao chúng ta không hỏi ngay chính người đó xem giấc mơ của anh ta có nghĩa gì?

Các bạn hãy nhớ lại rằng, có một lần chúng ta đã ở trong một trường hợp tương tự. Đó là trường hợp một hành vi sai lạc, một trường hợp lỡ lời. Có một người nói: "Có những việc đã xảy ra (Vorschwein gekommen)". Chúng ta hỏi anh ta xem anh định nói gì trong câu vô nghĩa đó. Anh trả lời là ý anh muốn nói: "Đó là những trò con heo (Das waren Schweinrein)" nhưng ý kiến này bị một ý kiến ôn hoà hơn dồn ép: "Có những sự việc xảy ra (Vorschein)". Nhưng ý tưởng thứ nhất bị dồn ép là cho anh ta thay chữ Vorchein bằng chữ Vorschwein, một chữ không có nghĩa gì nhưng cũng diễn tả được ý chê bai của anh ta. Lúc đó tôi đã giảng cho các bạn nghe rằng, sự phân tích này là điển hình cho công cuộc khảo cứu về phân tâm học, và bây giờ thì bạn hiểu tại sao phân tâm học đã áp dụng kỹ thuật giải quyết các điều bí ẩn bằng cách hỏi ngay đương sự. Vì thế cho nên đến lượt người nằm mơ phải nói cho chúng ta biết giấc mơ của anh ta có nghĩa gì.

Tuy nhiên trong giấc mơ không phải mọi sự đều giản đơn như thế. Trong các hành vi sai lạc chúng ta đứng trước những trường hợp đơn giản; rồi sau đó chúng ta gặp những trường hợp bớt đơn giản hơn khi mà đương sự không muốn nói cho chúng ta nghe gì cả, trái lại còn giận dữ trước những đề nghị của chúng ta. Về các giấc mơ bao giờ cũng sẽ trả lời anh ta không biết gì hết. Anh ta cũng không có ý kiến gì về cách giải thích của chúng ta vì thực sự chúng ta chẳng có gì đề nghị với anh ta

hết. Có phải vì thế mà chúng ta đành phải bỏ rơi lối giải thích của chúng ta không? Người nằm mơ không biết gì hết, chẳng có người thứ ba nào cho chúng ta biết thêm được điều gì, chính chúng ta cũng không có một nguồn tin tức nào để biết hơn, chúng ta chẳng còn hi vọng biết được điều gì cả. Đúng vậy, các bạn cứ việc đầu hàng đi theo tôi. Tôi cho rằng có thể người nằm mơ biết giấc mơ của anh ta có nghĩa gì nhưng vì không biết rằng mình biết nên cho rằng mình không biết.

Các bạn sẽ cho rằng đây là lần thứ hai tôi lại dùng một sự giả dụ và làm như thế tôi giảm giá trị của phương pháp đi nhiều. Điều giả dụ thứ hai: Trong con người có những hoạt động tinh thần mà anh ta biết là có nhưng không biết đó là gì v.v... Các bạn sẽ cho rằng những giả dụ này không thể nào thành sự thực được nên những kết luận của tôi sẽ không có giá trị gì.

Đúng thế, nhưng tôi không mời các bạn đến đây để giấu giếm hay phơi bày cái gì hết. Tôi đã báo trước rằng đây chỉ là bài học nhập môn, điều đó không có nghĩa rằng tôi phải hiến cho các bạn các bài tường trình thực đẹp che giấu những cái khó khăn, lấp các hố thiếu sót để làm cho các bạn có cảm tưởng rằng đã học được một chút gì rồi. Không, chính vì các bạn là những người mới bắt đầu nên tôi phải trình bày khoa học của chúng ta với nguyên hình của nó với những cái gì không điều hoà, cao vọng của nó cũng như những sự khó khăn. Tôi biết khoa học nào cũng thế, nhất là những khoa học mới bắt đầu. Tôi cũng biết là giáo dục thường có thói quen che giấu không cho sinh viên biết những cái khó khăn và những điều thiếu sót của môn học. Vì vậy nên tôi đã đưa ra hai điều giả dụ có liên

can chặt chẽ với nhau, nếu các bạn thấy sự việc đó khó nhọc quá, không vững chắc và nếu các bạn quen với những sự xác thực cao hơn, những sự diễn dịch đẹp đẽ thì các bạn chẳng nên đi xa hơn nữa. Tôi còn cho rằng các bạn nên gạt ra một bên những vấn đề tâm lý thì hơn. Bởi vì các bạn sẽ không thấy con đường chúng ta đang theo đuổi là con đường chắc chắn đáng theo. Vả lại một khoa học có thể cho nhân loại điều gì đó mà không cần tìm những kẻ ủng hộ mình. Chính những kết quả sẽ nói nhiều về giá trị của nó, nó có thể chờ cho những kết quả đó làm cho mọi người chú ý.

Nhưng tôi cần báo trước cho những người muốn theo con đường tôi đi là hai điều giả dụ của tôi không có giá trị bằng nhau. Đối với điều thứ nhất, chúng ta sẽ dùng công cuộc khảo cứu của chúng ta để chứng minh rằng giấc mơ là một hiện tượng tinh thần. Còn về điều thứ hai, chúng ta đã dùng nó trong một công việc khác rồi, chúng ta chỉ còn dùng nó để giải những bài toán trong vấn đề này.

Ở đâu và trong phạm vi nào người ta đã chứng minh rằng có một tri thức mà chúng ta không biết gì hết, đúng như trường hợp của anh chàng nằm mơ của chúng ta. Đó là một điều rất đáng chú ý, đáng ngạc nhiên có thể thay đổi hẳn quan niệm của chúng ta về đời sống tinh thần, không cần phải lánh mặt làm gì. Đó sẽ là một sự kiện diễn tả một cái gì có thực. Vậy mà sự kiện này không hề lánh mặt. Nếu người ta không biết đến nó đâu có phải lỗi tại nó; chúng ta cũng không có lỗi gì nếu tất cả những người xa lạ đối với những sự quan sát và thí nghiệm về vấn đề này đưa ra.

Việc chứng minh sự có mặt của sự kiện này đã được thực hiện trong phạm vi thôi miên. Tôi được chứng kiến thí nghiệm sau đây của Liebault và Bernheim năm 1889 ở Nancy: Người ta ru ngủ một người trong một giấc ngủ mộng du, trong đó người bị ru ngủ được gây cho có mọi thứ ảo giác: lúc tỉnh dậy anh chàng có vẻ như không hay biết gì về những sự việc xảy ra trong lúc ngủ. Khi Bernheim hỏi anh về những sự việc xảy ra, anh trả lời là anh không nhớ gì hết. Nhưng Bernheim hỏi đi hỏi lại, quả quyết rằng anh ta phải biết và chắc chắn có biết: thế là anh chàng ngập ngừng, bắt đầu tập trung ý tưởng rồi nhớ lại như trong một giấc mơ một điều, rồi hai điều rồi càng ngày càng nhiều hơn lên, càng rõ hơn lên cho tới khi nhớ lại được hết từ đầu đến cuối không còn sót một điều nào. Vì đương sự không hề được ai cho biết những điều đó, chúng ta phải kết luận rằng ngay trước khi bị thúc đẩy, bắt phải nhớ lại, anh ta đã biết có những sự việc xảy ra trong lúc ngủ. Chỉ có điều là những biến cố đó như không biết rằng mình biết, tưởng rằng mình không biết. Trường hợp đó hoàn toàn giống trường hợp người nằm mơ của chúng ta.

Chắc hẳn các bạn ngạc nhiên khi nghe kể lại sự kiện đó và bạn sẽ hỏi: tại sao ông lại không áp dụng phương pháp đó cho những hành vi sai lạc trong khi chúng ta gán cho người nói lỡ lời những ý muốn mà anh ta cho là không có và nhất định phủ nhận. Ngay khi một người cho rằng mình không hay biết gì về những biến cố, thực ra có trong trí nhớ của mình thì việc anh ta không biết gì đến những biến cố khác trong sự hoạt động tinh thần chả làm ai ngạc nhiên cả. Lý luận đó sẽ làm cho chúng ta hiểu các hành vi sai lạc. Đáng lẽ trong lúc đó tôi phải dùng đến cách đó thực nếu tôi không muốn để dành dùng trong một

trường hợp khác mà tôi cho là cần hơn. Một phần trong các hành vi sai lạc đã khiến cho các bạn những lời giải thích, còn phần kia đã đưa các bạn đến chỗ chấp nhận sự có mặt của các sự hoạt động, tinh thần chưa được biết đến. Đối với những giấc mơ chúng ta bị buộc phải tìm cách giải thích nơi khác và tôi nghĩ rằng chúng ta có thể coi đó như một trường hợp thôi miên. Tình trạng một người khi làm một hành vi sai lạc là một tình trạng thôi miên. Trái lại, giữa tình trạng thôi miên và tình trạng ngủ có một sự giống nhau rất rõ ràng. Thực tế người ta thường nói rằng thôi miên tức là một giấc ngủ nhân tạo. Chúng ta bảo người đang bị thôi miên: ngủ đi. Và những lời chúng ta gợi cho người đó giống như những giấc mơ trong giấc ngủ bình thường. Trạng thái tinh thần trong cả hai trường hợp giống nhau hoàn toàn. Trong giấc ngủ tự nhiên chúng ta gạt bỏ hết những dây liên lạc với đời sống bên ngoài; trong giấc ngủ thôi miên cũng thế, chỉ có điều khác là chúng ta vẫn tiếp tục để ý đến người đang thôi miên ta – và chỉ người đó thôi – và đang liên lạc với ta. Vả lại cái người ta gọi là giấc ngủ của người vú trong đó người vú tuy ngủ nhưng vẫn liên lạc với đứa bé chẳng khác gì giấc ngủ thôi miên. Vì vậy sẽ chẳng có điều gì quá táo bạo nếu chúng ta gán cho giấc ngủ tự nhiên một điểm đặc biệt của giấc ngủ thôi miên. Do đó, khi chúng ta cho rằng người nằm ngủ biết rõ giấc mơ của mình nhưng không biết rằng mình không biết không phải là không có căn bản. Đến đây chúng ta thấy mở ra một con đường thứ ba trong việc khảo sát các giấc mơ: sau những giấc mơ đó những kích động bên ngoài gây nên sau những giấc mơ trong khi thức, chúng ta có những giấc mơ do sự thôi miên gây nên.

Và bây giờ chúng ta lại có thể tiếp tục công việc khảo sát với một lòng tin tưởng to lớn. Vậy tức là người nằm mơ biết rõ về giấc mơ của mình, chúng ta chỉ còn làm sao cho họ biết và nói cho ta nghe. Chúng ta sẽ không yêu cầu người đó nói ngay cho ta biết giấc mơ đó có ý nghĩa gì, chúng ta chỉ muốn làm sao cho anh ta nhớ lại nguyên nhân giấc mơ, gợi lại những ý kiến và lợi ích của giấc mơ đó. Trong trường hợp hành vi sai lạc (chắc chắn các bạn còn nhớ) đặc biệt là trong câu chuyện lỡ lời về chữ Vorchwein, chúng ta đã hỏi dương sự tại sao y lại lỡ lời như thế, thì ý tưởng đầu tiên đến trong đầu anh ta đủ cho chúng ta biết rõ sự việc rồi. Chúng ta sẽ đưa vào thí dụ này, áp dụng một kỹ thuật giản đơn. Chúng ta sẽ hỏi người nằm mơ là tại sao ông ta lại nằm mơ như thế và coi câu trả lời đầu tiên là một lời giải thích. Chúng ta sẽ không để ý đến những sự khác biệt trong trường hợp người nằm mơ tưởng rằng mình biết với trường hợp cho rằng mình không biết, và chúng ta sẽ giải quyết vấn đề bằng cách coi những tài liệu đó như thuộc cùng một loại.

Kỹ thuật này quả thực rất giản dị nhưng tôi sợ các bạn lại phản đối. Và bạn sẽ bảo: "Đó lại là một điều giả dụ mới". Điều giả dụ thứ ba và điều này còn không đáng tin hơn hai điều kia nữa. Thế nào? Ông bảo người nằm mơ nói cho ông những điều anh ta nhớ lại về giấc mơ rồi ông ta coi luôn câu trả lời đầu tiên của anh ta là một lời giải thích sao? Nhưng sự thực thì có thể là anh ta không nhớ lại gì hết và chỉ có trời mới biết anh ta nhớ lại điều gì. Chúng tôi không hiểu ông định chờ gì ở chúng tôi. Đáng lẽ phải vận dụng trí óc phê bình thì ở đây ông lại đòi hỏi chúng tôi tin tưởng quá đáng ở ông. Vả lại một giấc mơ không thể so sánh với một sự lỡ lời vì trong giấc mơ có nhiều thứ lắm,

mình phải chú ý đến những điều nào trong những điều người ta nhớ lại.

Các bạn nói đúng. Một giấc mơ khác một sự lỡ lời ở chỗ có nhiều yếu tố và chúng ta phải coi sự khác biệt này là quan trọng khi khảo sát. Vì thế tôi đề nghị chia giấc mơ ra thành nhiều yếu tố và xét từng yếu tố riêng biệt một, như thế chúng ta sẽ có một sự giống nhau với sự lỡ lời. Bạn cũng có lý khi cho rằng khi hỏi về từng yếu tố một trong giấc mơ cũng có thể là người nằm mơ sẽ trả lời anh ta không nhớ gì hết. Sau này bạn sẽ thấy là có những trường hợp một câu trả lời như thế chúng ta cũng dùng được, và điều kỳ lạ là đó lại chính là những trường hợp giúp cho chúng ta có được những ý tưởng vững chắc. Nhưng thường thường khi người ta nằm mơ trả lời là không nhớ gì cả, chúng ta sẽ vặn vẹo anh ta, hỏi đi hỏi lại, bảo cho anh ta biết là anh phải có một ý gì và sau cùng chúng ta sẽ thành công. Anh ta sẽ cho ta một ý kiến bất cứ ý kiến nào cũng được, không quan hệ gì; anh ta sẽ cho chúng ta rất dễ dàng những ý kiến mà ta gọi là ý kiến lịch sử. Anh sẽ nói: "Sự việc xảy ra chiều hôm qua" hay: "Điều này làm tôi nhớ lại một việc mới xảy ra gần đây". Làm như thế dần dần chúng ta sẽ thấy là những giấc mơ thường gắn liền vào những cảm tưởng nhận được trong ngày gần đó và sự việc này xảy ra luôn luôn hơn là chúng ta tưởng lúc đầu. Sau cùng, đi từ giấc mơ anh chàng đó sẽ bắt đầu nhớ lại những điều rất xa xôi, nhiều khi xa xôi lắm.

Tuy nhiên nếu về những ý kiến phụ bạn có lý thì về điểm cần thiết bạn lại không có lý. Bạn tưởng rằng tôi đã hành động võ đoán khi coi câu trả lời đầu tiên của người nằm mơ là một lời giải thích, một điều đem lại cho tôi điều tôi muốn tìm hay

chỉ vẽ cho tôi con đường phải theo; bạn không có lý khi cho rằng câu trả lời của người nằm mơ sẽ không liên quan gì đến những điều tôi đang tìm và nếu tôi chờ đợi có được một điểm gì tức là tôi đã tin tưởng quá đáng. Có lần tôi đã trách các bạn về điểm quá tin tưởng vào sự tự do và tính cách tự nhiên về phương diện tâm lý, tôi đã có dịp nói rằng một sự tin tưởng như thế là phản khoa học, không thể đứng vững được trước sự đòi hỏi của thuyết định mệnh tinh thần. Khi người được hỏi đưa ra một ý kiến, chúng ta đứng trước một sự kiện mà chúng ta phải chấp nhận. Nói như thế chúng tôi không muốn đưa ra một ý này để phản đối một ý khác. Người ta có thể chứng tỏ được rằng ý kiến đó người được hỏi đưa ra không phải là không liên quan gì đến điều chúng ta tìm. Tôi vừa được tin là môn tâm lý học thực nghiệm cũng vừa cho chúng ta những bằng chứng như thế tuy tôi cũng không tin tưởng quá đáng vào sự việc đó.

Vì là vấn đề quan trọng, tôi yêu cầu các bạn chú ý đặc biệt. Khi đòi hỏi một người nào nói cho tôi biết ý nghĩ gì đã đến trong đầu óc anh ta về một điểm nhất định nào đó trong giấc mơ tôi yêu cầu, người đó cứ để cho ý kiến tự nhiên liên tưởng với nhau khi đi từ một ý kiến nguyên thuỷ. Điều này cần một sự chú ý đặc biệt, một chiều hướng khác hẳn chiều hướng của sự suy nghĩ. Có nhiều người tìm thấy chiều hướng đó dễ dàng; nhiều người khác lại rất vụng về trong vấn đề này. Vậy mà sự tự do liên tưởng có một giá trị rất cao; ví dụ như khi tôi bỏ rơi sự hình dung nguyên thuỷ mà chỉ để ý đến tính chất của ý kiến đó thôi, ví dụ như yêu cầu đương sự tự do nghĩ đến một tên riêng hay một con số nào đó. Một ý tưởng như thế còn võ đoán không lường được hơn là ý kiến dùng trong kỹ thuật của chúng ta. Nhưng chúng ta có thể chứng tỏ rằng, trong trường

hợp nào ý kiến này cũng được quy định bằng những sự việc nội thể. Những sự việc nội thể này khi có tác dụng, chúng ta không biết gì hơn là những khuynh hướng gây rối trong những hành vi sai lạc hay những khuynh hướng gây ra những hành vi bất chợt.

Tôi đã làm nhiều cuộc thí nghiệm như thế về những tên riêng và những con số đến tự nhiên trong óc. Nhiều người khác cũng làm như tôi, và nhiều công trình khảo cứu đã được đem in thành sách. Người ta dựa vào tên riêng vừa nghĩ đến để đề nghị những liên tưởng có tính cách liên tục, không phải hoàn toàn tự do nhưng gắn liền ý nọ vào ý kia y như những ý tưởng được gợi ra cho từng yếu tố một trong giấc mơ. Người ta cứ thế tiếp tục cho tới khi không còn gợi được thêm một ý nào nữa. Khi thí nghiệm chấm dứt, người ta đứng trước một sự giải thích cho biết những lý do tại sao ý đó lại hiện ra trong óc người được hỏi tên riêng đó gây nên, và cho chúng ta hiểu rõ tầm quan trọng của cái tên đó đối với người được hỏi. Những thí nghiệm bao giờ cũng đưa đến những kết quả như nhau, được làm với nhiều trường hợp khác nhau và cần phát triển thêm nhiều trường hợp nữa. Những sự liên tưởng do những con số gây nên còn có giá trị hơn nữa: những liên tưởng này tuôn ra nhanh và hướng về một mục đích còn được che giấu với một sự chắc chắn khó hiểu đến nỗi chúng ta đâm ra hoang mang khi nhìn chúng diễu qua. Tôi kể cho các bạn nghe một thí dụ thôi, một thí dụ đặc biệt có lợi vì có thể được trình bày mà không cần dài dòng lắm.

Một hôm, nói chuyện với một thân chủ, tôi cho người này biết rằng, mặc dầu với tính cách vô đoán bề ngoài của nó, mỗi khi người ta tự do nghĩ đến một cái tên riêng nào đó, tên đó thế nào cũng chịu ảnh hưởng của những chi tiết rất gần người đang

nghĩ đến nó, của những điểm đặc biệt cùng tình trạng hiện thời của người chịu thí nghiệm. Người đó có vẻ không tin tôi, đề nghị thử ngay. Biết anh chàng rất thích chạy quanh đàn bà, tôi nghĩ rằng khi bảo anh chọn tên một người đàn bà thế nào anh cũng tỏ vẻ lúng túng không biết chọn tên nào. Anh cũng công nhận điều đó. Nhưng tôi cũng như anh đều ngạc nhiên xiết bao khi thấy anh ta ngồi im trong một lúc, rồi nói ra mọi tên đã hiện ra trong đầu anh: Albine. Tôi bảo:"Lạ nhỉ. Trong đầu anh có gì dính dáng đến cái tên đó? Có bao nhiêu người đàn bà có tên đó trong số những người anh biết?" Không, anh không biết người đàn bà nào có tên đó cả và trong óc anh không có gì dính dáng đến cái tên đó. Thế là hỏng rồi chứ gì? Sự thực thì như thế là xong rồi, không cần phải có một ý nào mới có thể cắt nghĩa sự việc đó. Anh chàng trẻ tuổi này tóc rất vàng và trong khi thí nghiệm tôi luôn luôn gọi đùa anh là albinos (bạch tạng). Vả lại trong lúc đang thí nghiệm, tôi và anh ta đang xét về việc anh ta trông có vẻ con gái quá. Do đó ta thấy Albine không ai khác hơn là anh ta, một người con gái mà anh để ý đến nhiều nhất.

Cũng như thế khi phân tích những bản đàn hiện ra trong đầu chúng ta, chúng ta thấy là sự xuất hiện của những bản đàn đó tùy thuộc một số ý kiến trong đầu chúng ta mà chúng ta có quyền để ý đến tuy không biết chúng hoạt động ra sao. Chúng ta có thể dễ dàng chứng tỏ rằng sở dĩ bản đàn đó có vẻ vô tình hiện ra nhưng thực ra chính bởi vì bản văn của bản đàn đó hay nguồn gốc của nó. Tôi không nói đến những nhạc sĩ chính cống vì trong trường hợp những người này sự xuất hiện của một bản đàn tự nó đã cắt nghĩa nhiều rồi. Nhưng có một anh chàng trong một thời gian rất lâu luôn luôn bị ám ảnh bởi bản đàn của Paris trong vở "Người đẹp Hèlène". Sau khi phân tích người ta

nhận ra rằng trong đầu anh ta luôn luôn có sự giằng co giữa hai người đẹp Ida và Hèlène.

Nếu những ý tưởng tự do xuấthiện, không bị ép buộc hay bị cố gắng nào kèm ép cũng được giải thích là có liên quan đến những trường hợp sẵn có trong chúng ta thì chúng ta có thể kết luận bằng những ý tưởng chỉ gắn liền vào một hình dung lúc đầu thôi cũng có thể quy định được. Phân tích cho thấy rằng, ngoài những liên quan gắn liền với hình dung nguyên thuỷ, những ý đó còn phụ thuộc vào những ý tưởng tình cảm, những mặc cảm, nghĩa là vô thức, trong lúc phát sinh.

Những ý tưởng phụ thuộc đó cũng đã được đem ra thí nghiệm rất hiệu quả và đã giữ trong môn phân tâm học một vai trò quan trọng. Trường phái Wundt đề nghị thí nghiệm gọi là thí nghiệm về liên tưởng trong đó người chịu thí nghiệm sẽ trả lời rất nhanh bằng một phản ứng rất nhiều câu hỏi được coi như những sự kích động. Người ta cũng có thể khảo sát khoảng thời gian giữa sự kích động và phản ứng, tính chất của câu trả lời được coi như phản ứng, những sự lầm lẫn có thể xảy ra nếu những thí nghiệm đó được làm đi làm lại nhiều lần v.v... Dưới quyền điều khiển của Bleuler và Jung, trường phái Zurich đã cắt nghĩa được những phản ứng trong thí nghiệm về liên tưởng bằng cách yêu cầu người chịu thí nghiệm nói rõ về những phản ứng của họ trong trường hợp những phản ứng này không rõ rệt bằng cách đặt các câu hỏi phụ. Lúc ấy người ta thấy rằng những phản ứng ít bộc lộ kỳ khôi đó có thể được quy định rất rõ ràng bằng những mặc cảm của người chịu thí nghiệm. Bằng nhận xét đó Bleuler và Jung đã bắc được một cây cầu giữa môn Tâm lý học thực nghiệm và môn Phân tâm học.

Sau những điều trình bày này các bạn có thể bảo tôi là: "Chúng tôi công nhận rằng những ý tưởng được tự do suy nghĩ quả là có chịu ảnh hưởng nào đó chứ không phải là võ đoán như trước kia chúng tôi thường tưởng. Chúng tôi cũng công nhận rằng những ý đó có ảnh hưởng đến các giấc mơ. Nhưng đó không phải là điều chúng tôi chú ý đến. Ông nói rằng một ý tưởng phát sinh ra từ một yếu tố của một giấc mơ được quy định bằng đời sống tinh thần tiềm tàng đằng sau yếu tố đó và đời sống tinh thần đó chưa được tìm hiểu. Vậy mà điều đó chúng tôi thấy là chưa hề được chứng minh. Chúng tôi thấy trước rằng một ý tưởng phát sinh ra so với một yếu tố của một giấc mơ thế nào cũng phụ thuộc vào những phức thể của người nằm mơ. Những nhận xét này có ích lợi gì? Đáng lẽ phải giúp cho chúng ta hiểu rõ giấc mơ nó chỉ cho chúng ta biết là có những phức thể đó thôi. Mà mặc cảm này có liên lạc gì với những giấc mơ?".

Các bạn nói đúng, nhưng không trông thấy một điều và điều đó chính là lý do tại sao không lấy thí nghiệm về sự liên tưởng làm điểm khởi đầu trong cuộc khảo sát này. Trong cuộc thí nghiệm này chúng ta đã võ đoán một trong các yếu tố quan trọng của phản ứng: đó là tiếng được dùng làm vật kích động. Lúc đó tiếng này trở thành một cái móc trung gian giữa tiếng kích động và mặc cảm do tiếng này gợi ra cho người chịu thí nghiệm. Trong giấc mơ tiếng kích động được thay thế bằng một điều gì trong đời sống tinh thần của người nằm mơ. Điều này bắt nguồn ở đâu không ai biết và cũng có thể là kết quả của một phức thể. Vì thế cho nên quả thực không phải là một sự quá đáng khi công nhận rằng, những ý tưởng về sau này gắn liền vào những yếu tố của một giấc mơ cũng phụ thuộc vào phức thể

của yếu tố này và tất nhiên có thể giúp cho chúng ta tìm ra phức thể đó.

Các bạn hãy cho phép tôi trình bày một thí dụ khác để chứng tỏ rằng sự việc xảy ra đúng như chúng ta mong đợi. Sự quên lãng các tên riêng cũng gồm có nhiều diễn biến giống như những diễn biến trong một giấc mơ, chỉ có khác một điều là trong sự quên lãng mọi sự diễn biến đều tiến hành trong một người thôi, trong khi với sự giải thích giấc mơ chúng ta phải chia đôi cho hai người. Mỗi khi tôi quên hẳn một tên riêng, tôi dù sao cũng biết chắc rằng mình biết tên đó. Muốn cho người nằm mơ cũng có sự chắc chắn này chúng tôi phải dùng thí nghiệm của Bernheim. Chỉ có điều là tôi không làm sao biết được cái tên quên đó là gì. Tôi cứ việc cố gắng để gợi lại trong óc người nằm mơ: chẳng mấy lúc tôi sẽ thấy những cố gắng này không đi đến đâu cả. Tuy nhiên tôi có thể gợi ra thực nhiều tên để thay thế vào cái tên bị quên. Mỗi khi một cái tên thay thế đó hiện ra trong óc tôi thì tôi với người nằm mơ ở vào tình trạng hoàn toàn giống nhau. Yếu tố của một giấc mơ không phải là một cái gì có thực: nó chỉ có nhiệm vụ thay thế một cái gì mà tôi không biết và phân tích sẽ phải làm cho biết. Sự khác biệt duy nhất giữa hai tình trạng đó là ở chỗ trong việc quên tên tôi nhận ra ngay là một tên nào đó gợi lên chỉ là một cái tên dùng để thay thế trong khi trong trường hợp yếu tố của giấc mơ thì chúng ta chỉ có thể đạt được đến chỗ đó sau bao nhiêu công trình khảo cứu lâu dài và khó nhọc. Nhưng ngay trong trường hợp quên tên chúng ta có cách để tìm được tên thực khi tên này bị chìm trong vô thức. Khi tập trung tất cả tư tưởng vào việc tìm các tên thay thế, mỗi khi bất thần đưa ra một cái tên thay thế chúng ta cũng có thể sau bao nhiêu lần dò hỏi, ngoằn nghèo

tiến tới cái tên bị quên và nhận thấy rằng những cái tên thay thế đột nhiên hiện ra cũng như các tên do chúng ta gợi lên đều có liên lạc chặt chẽ với cái tên bị quên và phụ thuộc vào đó.

Vả lại đây là một sự phân tích thuộc loại đó: một hôm tôi thấy rằng mình quên tên xứ Riviera trong đó tên Monte – Carlo là một thành phố được biết đến nhiều nhất. Bực quá, nhưng sự thực là như thế. Tôi duyệt lại tất cả những điều mình biết về xứ đó, nghĩ đến ông hoàng Albert, đến toà nhà Matignon – Grimaldi, đến đám cưới của ông hoàng, đến sự ham mê thám hiểm dưới biển của ông ta, đến nhiều liên can đến xứ đó lắm nhưng không ăn thua gì. Tôi thôi không tìm nữa và cho những tên này thay thế hiện ra cạnh cái tên bị quên: nào Monte – Carlo, nào Pirémant, nào Albanie, Montevideo, Colico. Trong những tên đó tên Albanie được tôi chú ý đến nhưng được thay ngay bằng Montenegro vì sự phản trí giữa đen và trắng. Tôi nhận thấy rằng trong những tên đó có bốn tên có chữ Mon, thế là tôi nhớ ra và kêu lên: Monaco. Vậy những tiếng thay thế thực sự đều xuất từ tên bị quên, bốn tên thứ nhất có vần đầu Mon, tên cuối cùng có những vần sau và nhất là vần cuối. Tôi cũng tìm ra luôn lý do làm cho tôi quên tên Monaco: chính chữ Munchen tên Đức của Monaco đã làm cho tôi quên hẳn chữ đó.

Thí dụ vừa kể chắc chắn tốt đẹp nhưng quá đơn giản. Trong trường hợp khác chúng ta phải tập trung nhiều tên hơn nữa mới có thể làm cho giống những sự xảy ra trong giấc mơ. Tôi đã làm các cuộc thí nghiệm như thế. Một hôm có một người lạ mời tôi uống rượu vang Ý. Nhưng khi vào đến tiệm rượu anh ta không làm sao nhớ lại được tên thứ rượu mà anh rất thích nên mới mời tôi uống. Sau khi đưa ra rất nhiều tên để thay

vào cái tên bị quên, tôi đi đến kết luận rằng sự quên lãng này là hậu quả của một sự cấm đoán nào đó có dính dáng đến cái tên Hedwige. Tôi nói cho anh bạn mới nghe, không những anh nhận rằng quả có một lần anh uống thứ rượu này với một người đàn bà tên là Hedwige mà anh còn nhớ lại được cái tên đã bị quên nữa. Dạo đó anh ta có vợ và đang sống yên ấm trong gia đình nên không muốn nhớ lại cái tên Hedwige của một thời xa xưa.

Tất cả những gì giúp cho ta tìm lại được một cái tên bị quên chắc cũng sẽ giúp được chúng ta trong việc giải thích một giấc mơ: chắc chắn chúng ta tìm hiểu được những yếu tố còn ẩn náu, chưa được biết đến bằng cách đưa ra nhiều sự liên tưởng ức đoán để thay thế những yếu tố nào đó mà chúng ta dùng làm khởi điểm. Theo như thí dụ trong việc quên tên chúng ta phải cho rằng những liên tưởng có dính dáng đến một yếu tố đó trong giấc mơ cũng có thể tìm ra được nhờ chính yếu tố đó và bức bình phong vô thức đằng sau. Nếu những điều giả dụ của tôi là đúng thì kỹ thuật của chúng ta sẽ được chứng minh luôn.

7. NỘI DUNG RÕ RÀNG VÀ NHỮNG Ý TƯỞNG TIỀM TÀNG TRONG GIẤC MƠ

Các bạn hẳn đã thấy sự khảo sát của chúng ta về những hành vi sai lạc đã không vô ích. Nhờ những cố gắng trên phương diện này chúng ta đã đạt được hai kết quả: một quan niệm về yếu tố của giấc mơ và một kỹ thuật giải thích giấc mơ. Về yếu tố của giấc mơ chúng ta biết là nó không xác thực, nó chỉ dùng để thay thế vào điều mà người nằm mơ không biết cũng như chúng ta không biết gì về khuynh hướng trong những hành vi sai lạc của chúng ta, chỉ có khác là người nằm mơ có sẵn trong đầu mình yếu tố đó nhưng không biết được. Chúng ta hy vọng có thể mở rộng quan niệm này ra đối với toàn thể giấc mơ, nghĩa là coi giấc mơ như do nhiều yếu tố hợp thành. Kỹ thuật của chúng ta là để sự liên tưởng này để rồi tìm ra xem nội dung vô thức của giấc mơ như thế nào.

Bây giờ tôi đề nghị thay đổi một chút về những danh từ đang dùng để cho sự hoạt động được tự do hơn. Đáng lẽ nói: ẩn náu, không biết được, không xác thực, chúng ta sẽ nói: vô thức hay không vào được trong tri thức của người nằm mơ. Cũng giống như trong những trường hợp quên tên hay những khuynh hướng phát sinh ra một hành vi sai lạc, trong giấc mơ chỉ có những cái gì không được ý thức trong một thời gian. Đối lập với

tính cách vô thức giới hạn trong thời gian này những yếu tố của giấc mơ và những hình dung dùng thay thế do sự liên tưởng đạt được sẽ được gọi là hữu thức. Danh từ này thực ra chưa ngụ ý rằng chúng ta đã có một hành động kỹ thuật nào đối với nó. Người ta quả không thể chê trách gì chúng ta khi chúng ta dùng chữ vô thức để diễn tả cho thực dụng và cho dễ hiểu.

Nếu chúng ta mở rộng quan niệm này từ một yếu tố đơn độc của giấc mơ đến toàn thể giấc mơ, chúng ta sẽ thấy giấc mơ là một hình thức đã được sửa đổi của một biến cố vô thức và sự giải thích giấc mơ có mục đích tìm ra cái vô thức này. Từ nhận xét này chúng ta có thể rút ra ba nguyên tắc mà chúng ta phải theo trong công việc giải thích.

1. Vấn đề tìm hiểu xem giấc mơ khác có nghĩa lý gì đối với chúng ta không có gì quan trọng. Ý nghĩa này có thể rõ ràng hay khó hiểu, dễ hiểu hay mập mờ, cũng chẳng có gì quan hệ bởi lẽ ý nghĩa đó chẳng hình dung gì được cái vô thức mà chúng ta đang tìm (tuy nhiên sau này chúng ta sẽ thấy là nguyên tắc này cũng là một ngoại lệ).

2. Công việc của chúng ta là gợi ra những hình dung có thể thay thế được chung quanh các yếu tố của giấc mơ mà không cần suy nghĩ, không cần tìm hiểu xem những hình dung này có chứa đựng cái gì đúng hay không, không cần tìm cách hiểu xem những hình dung này có đưa ta đi xa các yếu tố trong giấc mơ hay không và nếu có thì trong giới hạn nào.

3. Chúng ta hãy chờ cho tới khi nào vô thức đang ẩn náu, đang tìm đột nhiên xuất hiện giống như trong trường hợp chữ Monaco ở trên.

Bây giờ hẳn là chúng ta hiểu rằng chúng ta không hề cần biết người nằm mơ có thể nhớ lại giấc mơ đến giới hạn nào, đúng hay sai tới mức nào, bởi lẽ giấc mơ mà người ta nhớ lại không phải là điều chúng ta cần tìm. Nó chỉ là một hình thức thay thế được sửa đổi của cái mà chúng ta đang tìm nghĩa là dùng những hình thức thay thế khác do chúng ta gợi ra để làm cho cái vô thức trở thành hữu thức, tức là điều nhớ lại bị biến dạng một lần nữa và lần này tất cũng phải có nguyên do.

Công việc giải thích này chúng ta có thể làm đối với chính các giấc mơ của chúng ta cũng như đối với giấc mơ của người khác. Nhưng đối với giấc mơ của chính chúng ta thì chúng ta sẽ học được nhiều hơn bởi lẽ trong trường hợp này sự giải thích dễ chứng minh hơn. Ngay khi bắt đầu làm công việc này chúng ta đã gặp trở ngại. Chúng ta có thực nhiều ý kiến nhưng những ý kiến này hiện ra không rõ rệt. Chúng ta phải thử thách và lựa chọn. Đối với một ý tưởng chúng ta bảo: không được, ý này không phù hợp với giấc mơ, không dùng được; đối với một ý khác: khó hiểu quá đối với một ý thứ ba: chỉ có tính cách thứ yếu. Rồi ta nhận thấy rằng theo lối đó các ý tưởng sẽ hoặc là bị bóp nghẹt, hoặc là bị sa thải trước khi nó có thể trở nên rõ ràng. Vì thế cho nên một đằng người ta để ý quá nhiều đến sự hình dung đầu tiên, đến yếu tố của giấc mơ, đằng khác người ta làm cho kết quả của sự liên tưởng rối bung lên vì có thành kiến về lựa chọn. Khi người ta để cho người khác giải thích giấc mơ của chúng ta thay vì tự mình làm lấy, quả là có một lý do mới đã xuất hiện trong việc lựa chọn người giải thích. Có khi người ta tự nhủ: không, ý này khó chịu quá, tôi không muốn xét đến.

Tất nhiên những sự bài bác đó gây trở ngại cho công việc của chúng ta. Chúng ta phải đề phòng chống lại chúng: khi chúng ta tự giải thích, chúng ta phải cương quyết chống lại chúng, nhất định không nhượng bộ: khi giải thích hộ người khác, chúng ta bắt buộc họ phải theo một điều kiện thực chặt chẽ là không bỏ qua ý tưởng nào hiện ra trong đầu họ mà họ không nói cho ta biết dù rằng người kia cho rằng ý đó không quan hệ, khó hiểu, không liên quan gì đến giấc mơ hay khó chịu không muốn nói ra. Người kia phải hứa là sẽ theo đúng quy tắc đó, nhưng chúng ta không nên nổi giận khi thấy họ không giữ lời. Có người cho rằng dù làm thế nào chúng ta cũng không thể thuyết phục đương sự, rằng họ phải để cho sự liên tưởng được tự do tung hoành, rằng muốn thuyết phục được họ, chúng ta phải giảng giải lâu dài bằng cách cho họ đọc đủ sách vở hay tham dự các buổi nói chuyện. Làm như thế chúng ta sẽ vấp phải một sai lầm nghiêm trọng, và muốn tránh khỏi sai lầm này chỉ cần tự chủ là ngay cả khi chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào điều chúng ta nghĩ, chúng ta vẫn thấy nẩy ra những ý tưởng phê bình chỉ trích, và những sự phê bình này chỉ được gạt ra ngoài một thời gian sau đó thôi.

Thay vì bực mình trước sự khó bảo của đương sự, chúng ta có thể lợi dụng những cuộc thí nghiệm đó để tìm ra những bài học mới. Những bài học này càng quan trọng hơn lên khi chúng ta càng ít chờ đợi chúng. Công việc giải thích phải tiến hành mặc dù có những trở ngại và sự trở ngại này chính là những ý tưởng chống đối nói trên. Sự chống đối này không hề phụ thuộc vào quan niệm lý thuyết của người nằm mơ. Chúng ta còn học thêm được điều nữa, đó là những ý tưởng chống đối không bao giờ đúng cả. Trái lại, những ý tưởng mà mình muốn kìm hãm

bao giờ cũng là những ý tưởng quan trọng nhất, có tính cách quyết định nhất trong việc đi tìm vô thức. Một sự chống đối loại đó chính là đặc điểm của một ý tưởng đi kèm.

Sự chống đối đó là điều mới lạ mà chúng ta tìm ra được nhờ những giả thuyết đưa ra không phụ thuộc gì vào những giả thuyết đó. Yếu tố mới này cho bài toán một sự ngạc nhiên không thể nói là dễ chịu. Chúng ta có cảm tưởng là nó phát hiện không phải làm dễ dàng công việc của chúng ta, có thể làm tê liệt những cố gắng của chúng ta để giải quyết vấn đề giấc mơ. Khảo sát một công việc rất ít quan trọng như giấc mơ mà lại vấp phải những trở ngại lớn lao về kỹ thuật đến như thế. Nhưng trái lại, những khó khăn đó khuyến khích chúng ta và cho ta thấy sự cố gắng không phải là vô ích. Bao giờ chúng ta cũng gặp khó khăn khi muốn từ những hình dung thay thế cho các yếu tố trong giấc mơ để đi sâu vào cái vô thức đang ẩn náu. Vì vậy chúng ta có quyền cho rằng đằng sau cái hình dung thay thế đó phải có một cái gì quan trọng. Vậy những khó khăn này có ích lợi gì nếu chúng cứ tiếp tục giam hãm cái điều gì đang ẩn náu đó? Khi một đứa bé nhất định không mở bàn tay ra xem bên trong có gì thì nhất định là trong bàn tay đó có một cái gì mà nó không có quyền giấu giếm.

Ngay lúc chúng ta đưa ra cái quan niệm về sự chống đối, chúng ta phải báo trước đó chỉ là một yếu tố luôn luôn thay đổi về số lượng. Sự chống đối có thể to hay nhỏ, nó sẽ luôn luôn ngăn cản công việc của chúng ta. Chúng ta có thể gắn liền sự kiện này vào những thí nghiệm đã làm trong việc giải thích giấc mơ. Vì thế nên có nhiều trường hợp chúng ta chỉ cần có một ý tưởng hay một số rất ít ý tưởng là cũng đủ đi từ một yếu tố của

giấc mơ đến cái vô thức, nhưng trong nhiều trường hợp khác chúng ta lại phải dùng không biết bao nhiêu ý tưởng và phải bác bỏ những ý kiến chống đối. Chúng ta có thể có lý khi cho rằng những sự khác biệt này là do sự chống đối mạnh hay yếu. Khi sự chống đối yếu ớt thì khoảng cách giữa yếu tố giấc mơ và cái vô thức rất ít; nhưng khi chống đối mạnh thì lập tức phát sinh ra những biến dạng của vô thức làm cho khoảng cách càng xa hơn.

Có lẽ đã đến lúc đem kỹ thuật này áp dụng vào một giấc mơ để xem những điều chúng ta chờ đợi ở kỹ thuật đó có đúng không. Được lắm, nhưng dùng giấc mơ nào bây giờ? Các bạn không thể nào tưởng tượng rằng sự lựa chọn đối với tôi lại khó khăn như thế. Tất nhiên thế nào chẳng có những giấc mơ không bị biến dạng nhiều, có lẽ nên bắt đầu bằng những giấc mơ đó thì hơn. Nhưng những giấc mơ ít biến dạng nhất là những giấc mơ nào? Có phải là những giấc mơ hữu ý không lơ mơ như trong hai thí dụ đã nói cho các bạn nghe không? Không đâu. Phân tích ra người ta sẽ thấy là những giấc mơ đó biến dạng ghê gớm. Nếu bây giờ tôi chọn bất cứ giấc mơ nào thì các bạn lại thất vọng. Bởi vì có thể chúng ta sẽ nhận ra nhiều yếu tố khác nhau khiến cho công việc trở thành phức tạp quá không làm được. Nếu chép lại giấc mơ, ghi lại hết những điều xuất hiện dần dần thì bao nhiêu pho sách cũng chả đủ. Vì thế có lẽ chúng ta nên chọn một giấc mơ ngắn. Đó là điều chúng ta sẽ làm trừ phi trong lúc làm việc chúng ta tìm được những giấc mơ ít bị biến dạng thì không kể.

Có một cách khác cũng có thể làm dễ dàng công việc của chúng ta. Thay vì khảo sát toàn thể giấc mơ, chúng ta chỉ xét

từng phần nhỏ để xem sau khi áp dụng kỹ thuật của chúng ta vào những thí dụ sẽ đưa đến những kết quả gì?

a. Một bà kể lại rằng trong thời thơ ấu bà thường nằm mơ thấy là Đức Chúa Trời đội một cái mũ ni nhọn bằng giấy. Làm sao hiểu được giấc mơ này nếu không có sự giúp đỡ của người nằm mơ? Có phải là thực chẳng có nghĩa gì không? Nhưng bà ta kể cho chúng ta nghe rằng hồi nhỏ trong bữa cơm bà thường bị bắt buộc phải đội cái mũ ni như thế để khỏi đưa mắt nhìn sang đĩa của các anh chị em xem bọn họ có được ăn nhiều hơn mình không? Như thế là giấc mơ hẳn không còn vô nghĩa lý nữa. Vậy cái mũ ni chính là dùng để che mắt khỏi nhìn ngang nhìn ngửa. Đó là một điều chỉ có tính chất lịch sử được đưa ra dễ dàng. Do đó sự giải thích trở nên dễ dàng. "Vì tôi tin rằng Đức Chúa trời biết hết, nhìn thấy hết nên giấc mơ chỉ có nghĩa rằng dù đội mũ ni tôi cũng biết hết và nhìn thấy hết, người ta chẳng làm sao ngăn cản được" Những thí dụ này có lẽ quá đơn giản.

b. Một bà thân chủ bi quan kể lại rằng bà nằm mơ thấy có một vài người nói chuyện với bà không ngớt khen ngợi cuốn sách của tôi về "Những tiếng nhanh trí" (Witz). Rồi bà ta nói đến một "con sông đào" có thể là một cuốn sách nói đến sông đào hay một cái gì dính dáng đến sông đào... bà ta không biết rõ ... loạn cả lên.

Có lẽ các bạn cho rằng yếu tố "con sông đào" từ trên trời rơi xuống như thế sẽ rất khó giải thích. Tất nhiên là khó rồi nhưng không phải là không rõ ràng: trái lại không rõ ràng hay không giải thích được cũng đều do một nguyên nhân cả. Người nằm mơ không có một ý niệm gì về con sông đào cả, tất nhiên

về phần tôi, tôi không thể có điều gì nói được. Nhưng sau đó, thực ra là ngày hôm sau, bà ta có một ý có lẽ đó dính dáng đến con sông đào. Thì ra đó là một gạch trí khôn mà bà đã được nghe. Trên chuyến tàu biển chạy đường Calais – Douvres một nhà văn nổi tiếng nói chuyện với một người Anh, người này nhắc lại câu: "Từ chỗ trác tuyệt đến chỗ lố bịch chỉ có một đường thôi" Nhà văn trả lời: "Đúng rồi, đó là bước Calais". Ý nhà văn muốn nói là theo ý ông ta thì nước Pháp trác tuyệt còn nước Anh thì lố bịch. Nhưng bước Calais là một con sông đào trên biển Manche. Các bạn sắp hỏi tôi có thấy gì liên quan giữa ý này và giấc mơ không? Nhất định rồi và chính ý này đã cho chúng ta giải đáp bài toán. Có khi bạn ngờ rằng cái gạch trí khôn từ đó đã có từ lâu trước khi xảy ra giấc mơ. Ý này chứng tỏ sự bi quan của bà kia và sự bi quan này lại nấp sau một sự ngạc nhiên hết sức vô tình, do đó người ta mới hiểu tại sao ý tưởng đó lại xuất hiện chậm như thế và tại sao giấc mơ lại khó hiểu như thế. Liên quan giữa yếu tố của giấc mơ và nền tảng vô thức của yếu tố đó: yếu tố chỉ là một phần nhỏ vô thức, y như một ảo ảnh thôi, chính vì được tách rời ra khỏi tảng vô thức mà yếu tố giấc mơ trở thành không thể thiếu được.

c. Một người bệnh nằm mơ một giấc mơ khá dài: nhiều người trong gia đình ngồi chung quanh một cái bàn có một hình thù đặc biệt. Về cái bàn này anh ta nhớ lại là đã có lần trông thấy một cái bàn như thế tại nhà một người quen. Rồi những ý tưởng của anh cứ nối đuôi nhau mà ra; trong gia đình đó hai cha con không hoà nhau lắm; anh thêm luôn rằng chính anh và ba anh cũng không hoà nhau như thế. Chính vì muốn chứng tỏ

sự giống nhau này mà cái bàn hình thù đặc biệt xuất hiện trong giấc mơ.

Anh chàng này vốn đã quen với những sự đòi hỏi trong sự giải thích giấc mơ. Một người chưa quen sẽ ngạc nhiên khi thấy người ta để ý đến một chi tiết nhỏ nhặt như hình thù một cái bàn. Thực tế đối với chúng ta chẳng chi tiết nào là nhỏ nhặt hay không quan trọng, chính nhờ sự tìm hiểu những chi tiết nhỏ nhặt đó mà chúng ta tìm được giải đáp cho các bài toán trong giấc mơ. Điều làm cho các bạn ngạc nhiên có lẽ là điều này: Tại sao người ta lại chọn cái bàn có hình thù đặc biệt để diễn tả ý tưởng: "trong nhà chúng tôi sự việc cũng xảy ra giống như ở nhà kia". Nhưng bạn sẽ cắt nghĩa được ngay khi tôi cho bạn biết rằng cái gia đình đó là gia đình Tisbler (nghĩa là cái bàn). Khi cho các người thân trong gia đình ngồi xung quanh cái bàn, người nằm mơ đã xử sự như chính những người trong gia đình này cũng tên là Tisbler. Các bạn nên để ý là trong khi muốn giải thích một vài điểm trong giấc mơ nhiều khi mình cũng phải nói đến một vài điều có tính cách riêng tư. Đó chính là sự khó khăn lựa chọn. Đáng lẽ tôi phải thay giấc mơ này bằng một giấc mơ khác nhưng biết đâu trong thí dụ này tôi lại chẳng gặp một cái riêng tư hơn nữa.

Đến đây tôi phải đưa ra một ít danh từ nữa mà đáng lẽ mình phải dùng đến từ lâu rồi. Chúng ta sẽ gọi là nội dung rõ ràng của giấc mơ những điều người ta kể cho ta nghe về giấc mơ, và gợi lại những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ những điều gì người ta giấu không nói đến hay ẩn náu trong giấc mơ, những ý tưởng mà ta muốn tìm hiểu khi phân tích những ý tưởng gặp trong đó. Chúng ta hãy xét đến liên quan giữa nội

dung và ý tưởng tiềm tàng của giấc mơ. Những liên quan đó có thể có nhiều loại. Trong các thí dụ a và b nói trên nội dung cũng nằm trong thành phần của những ý tưởng tiềm tàng nhưng chỉ ít thôi. Một phần lớn tinh thần do các ý tưởng vô thức trong giấc mơ hợp thành đã in sâu vào nội dung giấc mơ với tính cách hoặc là những phần nhỏ, hoặc bằng cách ám chỉ, hoặc là những biểu ngữ có tính cách tượng trưng, những chữ vắn tắt dùng trong điện tín. Công việc giải thích là bổ túc những mảnh nhỏ, những ám chỉ đó như chúng ta đã thành công trong thí dụ b. Vậy sự thay thế bằng một mảnh nhỏ hay một ẩn ngữ trong giấc mơ chính là một trong các hình thức thay đổi của giấc mơ. Ngoài ra trong thí dụ chúng ta thấy xuất hiện một trường hợp tìm lại được hết sức rõ ràng trong những thí dụ sau đây.

d. Người nằm mơ kéo ra sau giường một bà mà anh quen biết. Ý tưởng đầu tiên đến trong đầu làm cho anh hiểu hết ý nghĩa của giấc mơ: anh thích người đó hơn các người khác (trong tiếng Đức chữ kéo theo sau hervorziehen với chữ thích hơn Vorzug cùng một gốc zug và ziehen).

e. Một người khác nằm mơ thấy em bị nhốt trong một cái rương. Ý tưởng đầu tiên thay cái rương bằng một cái tủ và ý sau cho biết ý nghĩa của giấc mơ: em anh ta muốn giảm bớt chi tiêu (Schranktsich ein: nghĩa từng chữ là tự nhốt vào trong tủ).

f. Người nằm mơ thấy mình trèo lên một ngọn núi và tìm ra một phong cảnh rộng mênh mông. Chả còn gì tự nhiên hơn, có vẻ như không cần giải thích nữa, chỉ cần tìm xem một kỷ niệm nào đã liên quan đến giấc mơ và lý do nào đã làm cho kỷ niệm đó sống lại. Sai rồi. Giấc mơ này cũng cần được giải thích như bất cứ giấc mơ nào khác vì thực ra nó cũng rắc rối lắm.

Người nằm mơ không hề nhớ đến các cuộc trèo núi, anh ta chỉ nghĩ đến người bạn cho xuất bản một tờ tạp chí (Revue tiếng Đức là Rundschau: nhìn quanh) nói về những sự liên lạc của chúng ta với những miền xa xôi khác trên trái đất. Vậy trong trường hợp này ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ chính là sự đồng hoá người nằm mơ với "người đã nhìn chung quanh mình và duyệt lại không gian đó (Rundschuer).

Ở đây chúng ta tìm ra một liên quan mới giữa nội dung rõ ràng của giấc mơ và những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Nội dung không phải là một hình thức bị biến dạng của ý tiềm tàng nhưng là một hình dung của nó, hình dung nổi bật lên, cụ thể bắt nguồn từ thế giới của từ ngữ. Thực ra cũng là một sự biến dạng vì khi chúng ta nói lên một tiếng nào đó, chúng ta quên hẳn hình dung cụ thể phát sinh ra tiếng đó, thành ra khi nó được thay thế bằng một hình ảnh mới thì chúng ta không nhận ra nữa. Vì các giấc mơ thường gồm có những hình ảnh thị giác là những ý tưởng hay tiếng nói nên chúng ta phải dành cho những liên quan mới này một vai trò quan trọng trong việc giải thích. Các bạn thấy ngay rằng, trong giấc mơ rõ ràng ta có thể tạo ra một số những hình ảnh dùng để thay thế những tư tưởng trừu tượng, và những hình ảnh này không hề phản trái với những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Đó là kỹ thuật của chúng ta trong việc tìm ra giải đáp cho các bài toán về tính chất bí ẩn của những hình ảnh. Nhưng do đâu mà có sự liên kết giữa hình ảnh này? Đó là một vấn đề khác mà chúng ta không cần xét đến.

Tôi sẽ bỏ qua một lối thứ tư về sự liên quan giữa nội dung rõ ràng của giấc mơ và những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Tôi sẽ nói đến khi nó tự ý xuất hiện trong kỹ thuật của chúng ta. Vì

thế mà sự kê khai của chúng ta sẽ thiếu sót nhưng trong lúc này chúng ta không cần gì hơn.

Bây giờ bạn có can đảm tìm hiểu một giấc mơ hoàn toàn không. Chúng ta thử xem có đủ mọi thứ cần dùng trong công việc đó không? Tất nhiên chúng ta sẽ chọn một giấc mơ tuy không đến nỗi tăm tối lắm nhưng cũng sẽ có đủ mọi tính chất của giấc mơ.

Vậy, một bà hãy còn trẻ, lấy chồng từ nhiều năm nay, nằm mơ như sau: bà ta cùng chồng đi xem hát, một phần rạp hát hãy còn trống. Chồng bà ta kể là Elise và vị hôn phu cũng muốn đi xem hát nhưng không tìm được chỗ tốt, chỉ có những chỗ tồi không nhận được (ba chỗ giá một florin và 50 kreuzer). Bà ta nghĩ rằng điều đó cũng chẳng có gì đáng tiếc hết.

Điều đầu tiên bà ta kể cho tôi nghe chứng tỏ rằng lý do của giấc mơ này nằm ngày trong nội dung rõ ràng rồi. Chồng bà ta quả thực có kể cho bà ta nghe là Elisa L., một người bạn cùng lứa tuổi vừa mới đính hôn xong. Vậy giấc mơ chính là một phản ứng đối với tin này. Chúng ta đã biết là trong nhiều trường hợp người ta rất dễ tìm thấy trong những biến cố xảy ra trong ngay lý do của giấc mơ, và lý do này dễ dàng được các người nằm mơ xác nhận. Bà nằm mơ này cũng hiến cho chúng ta những tin tức cùng loại để hiểu những yếu tố khác của giấc mơ. Do đâu mà có chi tiết về sự rạp hát vắng khách? Chi tiết này ám chỉ đến một sự việc có thực xảy ra ở tuần trước. Định đi xem một vở kịch bà ta mua vé trước rất lâu, lâu đến nỗi phải trả thêm tiền giữ chỗ. Nhưng khi đến rạp hát bà ta thấy rằng mình mua vé trước là một điều dại dột vì phần lớn rạp hát còn trống. Giá có đợi đến tận ngày trình diễn mới mua vé cũng chẳng thiệt

hại gì. Ông chồng bà ta cũng nói đùa với bà về sự hấp tấp quá lo xa đó. – Thế còn do đâu có chi tiết về số tiền 1fl 50 kr? Chi tiết này cũng bắt nguồn ở một sự việc có thực xảy ra trước ngày nằm mơ tuy không dính dáng gì đến việc vừa kể ở trên. Người em gái chồng bà vừa được chồng bà cho một món tiền 150 fl, vội vàng đem ngay ra hiệu kim hoàn mua một món đồ nữ trang. Thế còn chi tiết về con số 3 (3 chỗ ngồi trong rạp hát?) Về vấn đề này bà ta không biết giải thích ra sao, chỉ nói rằng có lẽ con số 3 là do việc người bạn bà ta chỉ kém bà ta có 3 tháng mà mãi năm nay mới đính hôn trong khi bà ta lấy chồng đã mười năm rồi. Thế tại sao chỉ có hai người mà lại mua tới ba vé? Bà khách không nói cho biết và từ chối không chịu nhớ lại gì thêm.

Nhưng những điều bà ta cho chúng ta biết đủ cho ta rõ đâu là những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ. Điều đáng chú ý là trong khi kể lại giấc mơ, bà khách đã nhiều lần cho ta biết những chi tiết có liên quan đến nhiều sự việc cùng một lúc. Trước hết những chi tiết này có tính chất thời gian. Bà ta đã nghĩ đến việc mua vé *quá sớm*, đã mua vé trước *quá sớm*, và do đó phải trả đắt hơn thường lệ; người em chồng đã quá *vội vàng* trong việc đi mua nữ trang chỉ sợ không mua được thôi. Nếu bây giờ chúng ta thêm vào những sự việc *quá sớm, quá vội vàng*, những sự việc dính dáng đến người bạn gái chỉ kém mình 3 tháng vừa đính hôn với một người rất khá, việc trách cô em chồng quá vội vàng, chúng ta có thể tìm ra những ý tưởng tiềm tàng sau đây trong giấc mơ trong khi nội dung giấc mơ chỉ là một sự biến dạng của những ý tưởng đó thôi.

"Tôi lấy chồng vội vàng quá là một điều vô tích sự. Cô bạn gái vừa đính hôn xong đã cho tôi thấy là giá mình có chờ đến

tận ngày nay mới lấy chồng cũng chẳng thiệt thòi gì. (Sự vội vã được diễn tả trong giấc mơ bằng sự việc mua vé quá sớm, cô em chồng quá vội vã trong việc đi mua nữ trang. Còn việc lấy chồng được thay bằng việc cùng chồng đi xem hát). Ý chính của giấc mơ là như thế. Chúng ta có thể tiếp tục nhưng không được chắc chắn như trên, bởi vì những điều dưới đây không được chính miệng bà khách xác nhận: "và với cùng một số tiền, đáng lẽ tôi phải mua được một thứ gì đáng giá trăm lần hơn (150 fl bằng một trăm lần số tiền 1fl. 50). Nếu thay chữ tiền bằng chữ hồi môn ta sẽ hiểu là với số tiền hồi môn chúng ta có thể mua được một người chồng: món đồ nữ trang và những vé xem hát là những khái niệm thay thế khái niệm người chồng. Không biết có phải con số 3 vé cũng dính dáng đến một người đàn ông nào không? Nhưng không có chi tiết nào cho phép chúng ta đi xa như thế. Chúng ta chỉ tìm thấy là giấc mơ chứng tỏ rằng bà khách này không yêu chồng và hối rằng đã lấy chồng quá sớm".

Theo tôi thì kết quả của sự giải thích này làm chúng ta ngạc nhiên bối rối hơn là thoả mãn. Có nhiều điều xuất hiện ra quá khiến cho ta không biết đường nào mà mò. Ngay từ lúc này chúng ta đã thấy là không thể nào hiểu được hết những quy tắc đó. Chúng ta hãy rút ra những dữ kiện mà ta cho là chắc chắn và mới lạ:

Thứ nhất: Điều ngạc nhiên là *ý tưởng quá vội vàng* có trong các ý tưởng tiềm tàng mà không có nội dung rõ ràng của giấc mơ. Nếu không phân tích có lẽ chẳng bao giờ ta ngờ là có yếu tố đó. Tức là có thể rằng, điểm chính trong một giấc mơ, trung tâm điểm của các ý tưởng vô thức, không hiện ra trong

nội dung rõ ràng của giấc mơ, và điều này thay đổi sâu rộng những cảm giác mà giấc mơ để lại trong tâm trí ta.

Thứ hai: Trong giấc mơ có điểm thực khó hiểu: tại sao ba vé mà chỉ có 1fl. 50? Chúng ta tìm thấy trong những ý của giấc mơ lời giải thích: lấy chồng quá sớm là điều dại dột. Chúng ta có thể phủ nhận rằng ý kiến đó là điều dại dột được hình dung bằng cách đưa một sự dại dột vào trong giấc mơ không?

Thứ ba: Chỉ cần nhìn sơ qua chúng ta cũng thấy rằng những liên quan giữa những yếu tố tiềm tàng và nội dung giấc mơ không đơn giản tí nào: dù sao thì không phải lúc nào một yếu tố rõ ràng cũng thay thế một yếu tố tiềm tàng. Có thể là giữa hai thứ đó có những liên quan về toàn thể, một yếu tố rõ ràng có thể thay thế nhiều yếu tố rõ ràng.

Chúng ta cũng có nhiều điều đáng ngạc nhiên về ý nghĩa của giấc mơ và về thái độ của người nằm mơ đối với giấc mơ. Bà khách quả có giúp đỡ chúng ta trong công việc giải thích nhưng không khỏi ngạc nhiên. Bà ta không biết là đối với chồng bà, bà lại có ý tưởng không kính trọng như thế: bà ta cũng không biết những lý do gì đã làm cho bà ta coi thường chồng như thế. Còn có nhiều điểm không hiểu được. Tôi cho rằng chúng ta chưa đủ trang bị để giải thích các giấc mơ, chúng ta còn cần nhiều chỉ dẫn và cần chuẩn bị nhiều nữa.

8. NHỮNG GIẤC MƠ CỦA TRẺ CON

Chúng ta có cảm tưởng là đã đi quá nhanh. Hãy lùi lại đằng sau một chút. Trước khi dùng kỹ thuật của chúng ta vượt qua được những khó khăn bắt nguồn từ sự thay hình đổi dạng của các yếu tố trong giấc mơ, chúng ta hãy tự nhủ là nên xoay quanh các khó khăn đó thì hơn, bằng cách hãy xét những giấc mơ có rất ít biến dạng hay nếu có thì những sự biến dạng đó chẳng có gì quan trọng. Phương sách này trái lại với lịch sử phát triển của sự khảo sát của chúng ta, vì sự thực chính vì đã áp dụng kỹ thuật giải thích vào các giấc mơ bị biến dạng, chính vì đã phân tích rất kỹ lưỡng và đầy đủ những giấc mơ như thế mà chúng ta mới để ý đến sự có mặt của những giấc mơ không bị biến dạng.

Những giấc mơ chúng ta tìm trong lúc này là những giấc mơ của trẻ con, những giấc mơ ngắn ngủi rõ ràng, có đầu cuối, dễ hiểu, không làm cho hiểu lầm, những giấc mơ thực sự. Ngay cả trong những giấc mơ này cũng có nhiều điều thay đổi, ngay cả ở những đứa còn ít tuổi, có đứa chỉ bảy tám tuổi mà đã có những giấc mơ người lớn. Nhưng nếu chúng ta giới hạn vào khoảng tuổi mới bắt đầu có những hoạt động tinh thần là bốn hay năm tuổi thì những giấc mơ của những đứa trẻ con này có những đặc tính của những giấc mơ có thể gọi là giấc mơ trẻ con. Những giấc mơ này cũng có khi thấy ở những đứa bé lớn tuổi hơn và ngay cả ở người lớn nữa.

Phân tích những giấc mơ trẻ con này, chúng ta biết được rất nhiều điều về tính chất giấc mơ nói chung một cách dễ dàng chắc chắn, có tính cách quyết định và có giá trị phổ thông.

1/ Để hiểu những giấc mơ này chúng ta không cần phân tích mà cũng chẳng cần kỹ thuật gì cả. Chúng ta không nên hỏi trẻ trong lúc nó kể lại giấc mơ. Nhưng chúng ta phải bổ túc những điều nó nói bằng những tài liệu có dính dáng đến nó. Trong giấc mơ bao giờ cũng có một biến cố trong ngày can dự vào. Giấc mơ chính là phản ứng của giấc ngủ đối với những biến cố trong ngày.

Đây là vài thí dụ:

a. Một chú bé 22 tháng phải đem biếu một người quen một giỏ anh đào. Chú bé quả thực không muốn làm như thế chút nào tuy rằng người ta đã hứa sẽ cho lại chú một ít anh đào. Sáng hôm sau chú kể lại là chú nằm mơ thấy mình chén hết những quả anh đào đó.

b. Một em bé gái 3 năm 3 tháng lần đầu tiên đi tàu trên biển. Lúc đến bến em không muốn lên bờ và khóc nức nở. Em có cảm tưởng như cuộc du lịch kết thúc quá sớm. Sáng hôm sau em kể lại: "Đêm qua em đi chơi trên biển". Chúng ta cần bổ túc thêm là cuộc đi chơi này lâu hơn ý em muốn nói.

c. Một em trai năm tuổi rưỡi được dẫn đi chơi ở Escherntal gần Hallstalt. Em đã nghe nói rằng Hallstalt ở gần chân núi Dachstein mà em rất thích. Từ trong nhà em ở Aussee em có thể trông thấy núi Dachstein và dùng một viễn kính nhìn thấy ngọn Symonyhutte. Chú bé đã nhiều lần lấy viễn kính ra xem nhưng không ai biết kết quả ra sao. Cuộc đi chơi vì thế đối với

chú bé rất vui, lòng tò mò được kích thích. Mỗi lần nhìn thấy một ngọn núi chú lại hỏi: " Có phải Dachstein đấy không? Một lần được trả lời là không phải chú càng im lặng hơn, sau cùng chú không nói nữa. Mọi người tưởng chú mệt nhưng sáng hôm sau chú vui vẻ kể lại: Đêm qua em nằm mơ thấy đi chơi Simonyhutte" Như thế tức là chú bé đi chơi núi chỉ cốt đi thăm Simonyhutte thôi. Về các chi tiết chú chỉ nói là chú được nghe nói đến một cái lều trên ngọn núi và muốn đi lên đó phải trèo núi trong sáu giờ.

Ba giấc mơ này đủ cho chúng ta những chi tiết cần dùng.

2/ Như các bạn đã thấy: những giấc mơ trẻ con này không phải là không có nghĩa: đó là những hoạt động tinh thần đầy đủ, dễ hiểu, các bạn hãy nhớ lại những điều tôi nói về những ý kiến của các vị bác sĩ đối với những giấc mơ, về sự so sánh với ngón tay nhà nhạc sĩ chạy trên các phím đàn. Chắc các bạn cũng nhìn thấy rõ sự phản trái giữa những giấc mơ trẻ con với những quan niệm này. Nhưng điều ngạc nhiên là những đứa bé cũng có được hoạt động tinh thần đầy đủ trong giấc ngủ trong khi người lớn, cũng trong những điều kiện đó, lại có những phản ứng rất khác nhau. Chúng ta có đủ lý do để cho rằng giấc ngủ trẻ con ngon hơn và say hơn.

3/ Vì những giấc mơ trẻ con không bị biến dạng nên không cần giải thích. Nội dung và những ý tưởng tiềm tàng ở đây chỉ là một. *Vậy sự biến dạng không phải là tính chất tự nhiên của giấc mơ.* Tôi hy vọng là điều này sẽ cất khỏi ngực bạn một sức nặng. Nhưng tôi phải nói trước là dù vậy, khi suy nghĩ kỹ hơn chúng ta cũng có thấy một sự biến dạng rất nhỏ, một sự khác biệt nào đó giữa nội dung và ý tưởng tiềm tàng.

4/ Giấc mơ trẻ con là phản ứng của một biến cố trong ngày làm cho đứa bé có điều gì tiếc rẻ, buồn rầu, không thoả mãn. *Giấc mơ đã đem đến cho đứa bé sự thực hiện không cần giấu giếm ý muốn không được thoả mãn trong ngày.* Bây giờ các bạn hãy nhớ lại những điều chúng ta đã nói về vai trò của những sự kích động bên trong bên ngoài của thân thể được coi như hay làm rối loạn giấc ngủ và gây ra giấc mơ. Chúng ta đã học được nhiều sự kiện chắc chắn nhưng chỉ có ít sự kiện có thể được giải thích thôi. Trong giấc mơ trẻ con này không có gì chứng tỏ là đã có một sự kích động về cơ thể; về điểm này không còn gì nghi ngờ nữa vì những giấc mơ này đều dễ hiểu, thoạt nhìn là hiểu ngay. Nhưng đó không phải là một lý do để bỏ rơi sự giải thích đầu tiên bằng cách kích động. Chúng ta chỉ cần tự hỏi tại sao ngay từ lúc đầu chúng ta lại quên phắt ngay rằng giấc ngủ có thể bị khuấy rối bằng những sự kích động, không những về cơ thể, mà còn về tinh thần nữa. Vậy mà chúng ta biết rõ là chính những sự kích động đó đã ngăn cản không cho họ thực hiện được điều kiện tinh thần của giấc ngủ, nghĩa là giúp họ quên được hết thế giới bên ngoài. Người lớn không đi ngủ vì do dự không muốn tạm ngừng cuộc đời hoạt động của mình, hay sự làm việc của mình đối với những gì mình thích. Đối với trẻ con thì điều làm cho nó ngủ không yên chính là ý muốn chưa được thoả mãn, và giấc mơ là sự biểu lộ phản ứng của nó.

5/ Đi từ điểm đó, chúng ta chọn con đường ngắn nhất để đi đến những kết luận vô nhiệm vụ của giấc mơ. Với tính cách là sự phản ứng đối với kích động về tinh thần, giấc mơ có nhiệm vụ gạt bỏ sự kích động này ra một bên để cho giấc ngủ được

tiếp tục. Giấc mơ làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ đó? Đó là điều chúng ta không biết: nhưng chúng ta có thể nói rằng, từ bây giờ trở đi *giấc mơ không hề quấy rối giấc ngủ như người ta thường tưởng, trái lại chính nó giữ gìn cho giấc ngủ được yên lành bằng cách gạt ra một bên những sự gì quấy rối giấc ngủ.* Khi tưởng rằng nếu không có giấc mơ chúng ta sẽ không ngủ được tí nào. Chính nhờ giấc mơ chúng ta sẽ ngủ ngon hơn, chúng ra đã lầm: sự thực là nếu không có giấc mơ chúng ta mới ngủ được chút ít. Giấc mơ đó không thể nào không làm rộn chúng ta chút ít y như người gác đêm bắt buộc phải hơi ầm ĩ một chút khi muốn đuổi những kẻ làm ầm ĩ trong lúc mọi người đang ngủ.

6/ Lòng ham muốn chính là sự kích động của giấc mơ: sự thực hiện lòng ham muốn này chính là nội dung giấc mơ: đó chính là một trong các tính chất cơ bản của giấc mơ. Một tính chất khác cũng bất biến như thế, làm cho giấc mơ không những chỉ diễn tả một tư tưởng không thôi mà còn thể hiện một sự ham muốn đã được thoả mãn dưới hình thức một biến cố tinh thần thuộc về ảo giác. Tôi muốn đi du lịch trên biển: đó là lòng ham muốn kích động trong giấc mơ. Tôi đi du lịch trên mặt biển: đó là nội dung giấc mơ. Như vậy, ngay trong giấc mơ trẻ con rất giản dị cũng có sự khác biệt giữa một giấc mơ tiềm tàng và một giấc mơ rõ ràng, một sự biến dạng của tư tưởng tiềm tàng trong giấc mơ: đó chính là sự biến đổi của ý nghĩ thành một biến cố sống động. Trong khi giải thích chúng ta hãy bỏ qua sự biến dạng nhỏ bé. Nếu thực ra đó là một trong các tính chất chung cho các giấc mơ thì trong một phần giấc mơ kể ở phần trên, câu : "tôi thấy em tôi bị nhốt trong một cái rương"

đáng lẽ được giải thích bằng câu: "em tôi giảm bớt chi tiêu" thì phải được giải thích bằng câu "em tôi phải giảm bớt chi tiêu" hay "tôi muốn em tôi phải giảm bớt chi tiêu". Trong hai tính chất chung vừa kể, tính chất thứ hai có nhiều hy vọng được chấp nhận mà không bị phản đối hơn. Chỉ sau khi đã khảo sát sâu rộng với nhiều tài liệu, ta mới có thể chứng tỏ rằng các kẻ kích động giấc mơ bao giờ cũng là một ý muốn chứ không phải là một sự lo nghĩ, một điều dự tính hay một lời trách móc. Nhưng điều này vẫn giữ nguyên tính chất của giấc mơ, tính chất này đáng lẽ lập lại một cách đơn giản sự kích động, lại huỷ bỏ, gạt ra một bên hay tiêu diệt dần đi sự kích động đó bằng một sự đồng hoá.

7/ Dựa vào hai tính chất này của giấc mơ, chúng ta có thể tiếp tục so sánh giấc mơ và hành vi sai lạc. Trong hành vi sai lạc chúng ta phân biệt một khuynh hướng gây rối và một bị gây rối, rồi có một sự dung hoà giữa hai khuynh hướng này. Trong giấc mơ sự việc khuynh hướng bị gây rối cũng là khuynh hướng đi ngủ. Còn khuynh hướng bị gây rối là sự kích động tinh thần, nghĩa là ý muốn muốn được thoả mãn: thực ra chúng ta không biết có sự kích động nào khác có thể quấy rối giấc ngủ nữa. Vậy giấc mơ cũng là kết quả của một sự dung hoà, sự điều đình giữa hai khuynh hướng. Trong khi ngủ chúng ta thoả mãn một ý muốn: chính vì thoả mãn ý muốn đó mà chúng ta tiếp tục ngủ. Có một sự thoả mãn nửa vời và một sự huỷ diệt nửa vời của hai khuynh hướng.

8/ Các bạn hãy nhớ lại là có lần chúng ta hy vọng có thể dùng sự kiện có những giấc mơ trong lúc thức để giải thích các giấc mơ. Thực tế, những giấc mơ trong khi thức này chả là gì

hơn sự hoàn thành những ý muốn về tham vọng hay tình ái: nhưng có điều những ham muốn đó chỉ là những ý nghĩ chứ không xuất hiện dưới hình thức ảo giác của đời sống tinh thần. Vì thế trong tính chất của giấc mơ chúng ta chỉ giữ lại tính chất nào không được chắc chắn trong khi tính chất kia biến mất vì thuộc giấc ngủ và không thể được thực hiện trong khi thức. Ngay trong lời nói thông thường người ta cũng có vẻ cho rằng tính chất cơ bản trong giấc mơ là sự thực hiện những ham muốn. Vậy, nếu những biến cố sống động trong giấc mơ chỉ là những biểu ngữ bị biến dạng và sở dĩ có được là vì có tình trạng giấc ngủ, nghĩa là những giấc mơ trong khi thức về ban đêm, thì chúng ta hiểu rằng sự hoàn thành giấc mơ đưa lại hậu quả là huỷ bỏ những sự kích động ban đêm và thoả mãn ham muốn, bởi vì hoạt động của những giấc mơ trong khi ý thức cũng ngụ ý một sự thoả mãn ham muốn và sở dĩ xảy ra là chỉ cốt thoả mãn sự ham muốn này thôi.

Những lối khác cũng diễn tả một ý nghĩa tương tự. Ai chẳng biết câu tục ngữ: "Con lợn mơ bèo, cơm mèo mơ chuột" và câu hỏi: "Thế con gà mơ gì? và câu trả lời: "Con gà mơ thóc". Như vậy, tức là ngay cả khi xuống thấp một bậc nữa, nghĩa là từ đứa bé xuống đến giống vật, ngay chính câu tục ngữ cũng thấy rằng nội dung của giấc mơ là sự thoả mãn một nhu cầu. Rồi còn biết bao nhiêu câu nói cùng một ý nghĩa: "Đẹp như trong mơ" hay "Tôi chưa hề mơ như thế bao giờ", hay là "Đó là một điều tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến ngay cả trong những giấc mơ táo bạo nhất". Rõ ràng là người ngoài phố đã nghĩ về những giấc mơ như thế nào rồi. Cũng có những giấc mơ hãi hùng, những giấc mơ có nội dung buồn rầu khổ sở, nhưng quần chúng không chấp nhận cho đó là giấc mơ. Quần chúng

cũng có nghĩ đến những giấc mơ bực mình nhưng trong đầu óc quần chúng thì giấc mơ cụt thun lủn vẫn là sự thoả mãn một ham muốn dễ chịu nào đó. Chưa hề bao giờ có những giấc mơ trong đó những chó, lợn hay anh ngỗng mơ thấy mình bị đem thọc tiết.

Có điều khó hiểu là tại sao từ trước tới nay những nhà khảo cứu về giấc mơ không hề để ý rằng nhiệm vụ chính của giấc mơ là thực hiện một ham muốn. Họ quả có để ý đến đặc tính này nhưng không một ai đã có ý nghĩ công nhận rằng chính là một tính cách bao quát và dùng làm khởi điểm cho việc giải thích các giấc mơ. Tôi hiểu điều gì đã ngăn họ làm thế.

Bây giờ các bạn hãy nghĩ đến những kết quả quý báu mà chúng ta đạt được một cách dễ dàng trong khi khảo sát những giấc mơ trẻ con. Chúng ta biết rằng nhiệm vụ của giấc mơ là trông nom cho giấc ngủ, rằng giấc mơ là kết quả của sự gặp nhau giữa hai khuynh hướng trái ngược: một khuynh hướng nhu cầu ngủ, không thay đổi, trong khi khuynh hướng kia tìm cách thoả mãn một sự kích động tinh thần. Chúng ta có bằng chứng chứng tỏ rằng giấc mơ là một hành vi tinh thần có ý nghĩa, chúng ta biết giấc mơ có hai tính chất chính: sự thoả mãn một ham muốn và một đời sống tinh thần ảo giác. Được biết các khái niệm đó, hơn một lần chúng ta có vẻ như quên rằng mình đang khảo về phân tâm học. Ngoài việc so sánh với những hành vi sai lạc, chúng ta chưa làm được gì đặc biệt. Bất cứ một nhà tâm lý học nào, dù không hề biết gì đến phân tâm học chăng nữa, cũng có thể giải thích các giấc mơ trẻ con như chúng ta vừa làm. Nhưng tại sao chưa có một nhà tâm lý học nào làm việc đó cả?

Nếu chỉ có trẻ con mới nằm mơ thôi thì vấn đề đã được giải quyết rồi. Chúng ta chẳng còn gì phải làm nữa, chả cần phải hỏi han gì người nằm mơ, chả cần phải đưa vô thức vào làm gì, chẳng cần phải đưa sự tự do liên tưởng ra làm gì. Chúng ta đã nhiều lần nhận thấy rằng có nhiều đặc tính lúc đầu tưởng rằng có tính cách tổng quát nhưng thực ra chỉ thuộc vào một loại giấc mơ nào đó thôi. Chúng ta cần biết là những đặc tính chung trong những giấc mơ trẻ con có vững chắc hơn không, có liên hệ gì đến những giấc mơ không được rõ ràng hơn không và nội dung có dính dáng gì đến những biến cố xảy ra ban ngày không? Theo quan niệm của chúng ta thì những giấc mơ đó đã bị biến dạng đi quá nhiều khiến cho chúng ta không thể có ý kiến gì chắc chắn về chúng ngay được. Chúng ta sẽ thấy là muốn cắt nghĩa những biến dạng đó chúng ta cần dùng đến kỹ thuật phân tâm mà chúng ta không dùng đến trong khi tìm hiểu những giấc mơ trẻ con.

Tuy nhiên, cũng có cả một loạt những giấc mơ không biến dạng giống như những giấc mơ trẻ con xuất hiện như những sự thực hiện của ham muốn. Đó là những giấc mơ do những nhu cầu về cơ thể gây ra trong cuộc đời mỗi người: đói khát, dục tình. Những giấc mơ đó là sự thực hiện những ham muốn do những kích động bên trong gây nên. Một em bé gái 19 tháng mơ thấy một thực đơn trong đó em đã thêm tên vào (Anna F... dâu, quả mâm xôi, trứng tráng, canh): giấc mơ này là kết quả của một ngày nhịn đói sau khi ăn không tiêu vì đã ăn quá nhiều dâu và quả mâm xôi. Bà em bé này, 70 tuổi, đã phải nhịn ăn suốt ngày vì đau thận, nằm mơ thấy được mời đi ăn tiệc ở nhà bạn bè và ăn những món ăn rất ngon. Nhưng quan sát được thí nghiệm đối với những người tù, hay những người trong đoàn

thám hiểm chịu nhiều sự thiếu thốn chứng tỏ rằng những giấc mơ của họ đều diễn tả sự thực hiện các nhu cầu không được thoả mãn trong đời thực. Trong cuốn Antarctic (Cuốn I, trang 336, 1904), Otto Nordenskjold nói về những người trong đoàn thám hiểm như sau: "Những giấc mơ của chúng tôi, nhiều hơn bao giờ, đầy ý nghĩa ở chỗ bao giờ chúng cũng cho biết lòng ham muốn của chúng tôi hướng về cái gì. Ngay cả những người bạn xưa nay rất ít khi nằm mơ cũng kể cho chúng tôi nghe những giấc mơ rất dài mỗi buổi sáng khi chúng tôi họp nhau lại để trao đổi những kinh nghiệm mới nhất trong việc khảo sát trí tưởng tượng. Những giấc mơ này đều liên quan đến thế giới bên ngoài lúc đó ở xa chúng tôi hàng ngàn dặm nhưng cũng liên quan đến đời sống hiện thời của chúng tôi. Những giấc mơ đó luôn luôn xoay quanh vấn đề ăn và uống. Một người xưa nay thường mơ được dự những bữa tiệc to, rất khoan khoái nếu sáng ra anh được kể cho chúng tôi nghe là đêm qua anh đã nằm mơ thấy được ăn một bữa gồm có ba món; một người khác nằm mơ được hút những núi thuốc; một người khác nằm mơ thấy tàu mình chạy bon bon trên những dòng sông tự do. Một người khác nằm mơ rất ý nghĩa: anh chàng bưu tín viên đến đưa thư và cắt nghĩa tại sao anh lâu đến như thế, nguyên do là vì anh đã đưa lầm địa chỉ thành ra mãi mới tìm lại được những thư đã lầm. Tất nhiên là trong khi ngủ, chúng ta bận bịu về nhiều điều khó làm hơn nữa nhưng trong những giấc mơ của chính tôi và của các bạn, tôi thấy trí tưởng tượng nghèo nàn đến làm mình ngạc nhiên. Nếu chúng ta ghi lại được tất cả các giấc mơ đó, chúng ta sẽ có những tài liệu có ích lớn cho Tâm lý học. Nhưng mọi người đều hiểu dễ dàng là giấc ngủ của chúng tôi được chúng tôi hoan nghênh ghê lắm vì chúng đã cho chúng tôi

những điều ham muốn của lòng mình". Tôi trích lại đây mấy dòng nữa của Du Prel: "Mungo Park, trong một chuyến du lịch qua Phi châu, trong khi bị đói lả vẫn mơ màng đến những thung lũng và đồng cỏ xanh um nơi quê hương. Trenck, bị đói cũng mơ thấy mình ngồi trong nhà trước một cái bàn đầy món ăn ngon. George Back, người dự vào cuộc thám hiểm đầu tiên của Franklin luôn luôn và đều đặn nằm mơ thấy mình được ăn những bữa cơm linh đình, và sau này vì quá thiếu thốn đã chết đói".

Những ai buổi chiều ăn nhiều gia vị, bị khát, thường mơ thấy mình đang uống nước. Tất nhiên không thể nào dùng giấc mơ để bỏ được cái cảm giác đói khát, lúc tỉnh dậy bao giờ người ta cũng phải ăn hay uống thực sự. Về phương diện thực tế, giấc mơ trong những trường hợp này chả giúp gì cho ta cả, hay giúp rất ít, nhưng sự thực giấc mơ giúp cho giấc ngủ được tiếp tục mặc dầu những sự kích động luôn luôn cố làm cho ta tỉnh dậy. Khi nhu cầu kém cường độ thì tác dụng của giấc mơ cũng kém đi.

Bị ảnh hưởng của các sự kích động về dục tình, giấc mơ hiến cho người nằm mơ những sự thoả mãn có vài tính chất đặc biệt cần chú ý. Nhu cầu sinh lý không bị phụ thuộc vào đối tượng của nó một cách chặt chẽ như đói và khát, có thể được thoả mãn thực sự bằng cách xuất tinh. Nhưng vì một vài sự khó khăn liên quan đến đối tượng này, giấc mơ đi cùng với sự thoả mãn nhu cầu thực sự thường có nội dung mơ hồ biến dạng. Việc vô tình xuất tinh làm cho sự xuất tinh rất có ích cho sự khảo sát các sự biến dạng của giấc mơ. Tất cả những giấc mơ của người lớn mà đối tượng là những nhu cầu, ngoài sự thoả

mãn nhu cầu còn có một cái gì thêm nữa bắt nguồn ở những sự kích động tinh thần cần được giải thích.

Chúng ta không hề khẳng định rằng, những giấc mơ người lớn rập theo kiểu những giấc mơ trẻ con chỉ là những phản ứng đối với những nhu cầu thúc bách đã kể trên. Chúng ta biết là có những giấc mơ người lớn ngắn ngủi rõ ràng chịu sự ảnh hưởng của một vài tình trạng đặc biệt cũng bắt nguồn ở những sự kích động rõ ràng của tinh thần. Ví dụ như những giấc mơ trong đó người ra chờ đợi một sự gì: sau khi sửa soạn xong xuôi để đi du lịch, hay thu xếp để đi dự một buổi dạ hội, hay một buổi diễn thuyết, hay đi chơi thăm ai, chúng ta nằm mơ là đã đạt được mục đích, đang dự dạ hội hay đang nói chuyện với người định đi thăm. Ví dụ như những giấc mơ mà người ta có lý khi gọi là những giấc mơ lười biếng: nhiều người muốn kéo dài thêm giấc ngủ, nằm mơ thấy mình bước ra khỏi giường, rửa mặt, đánh răng, làm việc này việc nọ trong khi thực sự vẫn tiếp tục nằm ngủ. Điều đó chứng tỏ rằng họ chỉ thích dậy trong mơ hơn là dậy thực. Nhu cầu ngủ thường là một yếu tố trong sự cấu thành giấc mơ, thường rỏ ra rất rõ ràng trong loại giấc mơ kể trên và được coi là yếu tố chính. Nhu cầu ngủ cũng được xếp ngang hàng với những nhu cầu khác của cơ thể.

Tôi đưa các bạn xem bản sao một bức tranh của Shwind hiện để ở hành lang Schack ở Munich để cho các bạn biết với một sức mạnh trực giác nào nhà hoạ sĩ đã cho thấy nguồn gốc của một giấc mơ là do một tình trạng đặc biệt. Đó là bức : "Giấc mơ của người tù" và tất nhiên không có nội dung nào khác hơn là sự vượt ngục. Điều mà nhà hoạ sĩ đã diễn tả được một cách tài tình đó là sự vượt ngục phải bắt nguồn từ cái cửa

sổ, vì chính ánh sáng ngoài cửa sổ là sự kích động chấm dứt giấc mơ của người tù. Những anh lùn đứng lên vai nhau tượng trưng cho những vị trí liên tiếp mà người tù cần có để nâng mình lên đến cửa sổ, và nếu tôi không lầm thì anh chàng lùn trên cao nhất đang cưa chấn song, điều mà người tù muốn làm quá, trông rất giống anh ta.

Trong tất cả các giấc mơ, trừ những giấc mơ trẻ con hay có tính cách trẻ con, sự biến dạng chính là một trở lực cho chúng ta. Chúng ta không thể nói rằng chúng là những sự thực hiện các điều ham muốn như chúng ta muốn tưởng; nội dung rõ ràng của chúng không cho biết gì về sự kích động tinh thần phát sinh ra chúng, chúng ta cũng không thể chứng tỏ rằng có phải chúng muốn gạt bỏ hay tiêu hủy sự kích động này hay không. Những giấc mơ này cần được giải thích, phân tích, sự biến dạng cần được lập lại, nội dung rõ ràng của chúng phải được thay thế bằng nội dung tiềm tàng: chỉ lúc đó chúng ta mới có thể biết rõ ràng những dự kiện có giá trị đối với giấc mơ trẻ con có giá trị đối với mọi giấc mơ hay không?

9. SỰ KIỂM DUYỆT GIẤC MƠ

Sự khảo sát các giấc mơ trẻ con đã cho chúng ta biết nguồn gốc, đặc tính và nhiệm vụ của giấc mơ. Giấc mơ là một phương tiện tiêu huỷ những sự kích động (tinh thần) quấy rối giấc ngủ, sự tiêu hủy này được tiến hành nhờ sự thoả mãn có tính cách ảo giác. Về những giấc mơ người lớn, chúng ta chỉ mới cắt nghĩa được có một loại, đó là những giấc mơ có tính chất trẻ con. Còn về những giấc mơ khác, chúng ta không biết gì về chúng hết, tôi có thể nói rằng chúng ta không hiểu chúng. Chúng ta đạt được một kết quả tạm thời mà chúng ta không nên coi thường: mỗi khi cho một giấc mơ nào dễ hiểu thì giấc mơ đó xuất hiện như một sự thoả mãn một nhu cầu có tính cách ảo giác. Sự trùng hợp này không thể là ngẫu nhiên hay không đáng để ý.

Khi đứng trước một giấc mơ loại đó, chúng ta thường cho rằng đó là một sự biến dạng của một nội dung mà chúng ta chưa hề biết. Công việc của chúng ta là phân tích, tìm hiểu sự biến dạng này.

Sự biến dạng của giấc mơ làm cho giấc mơ có vẻ như kỳ lạ và khó hiểu. Chúng ta muốn biết nhiều điều lắm: về nguồn gốc, tính cách sống động của sự biến dạng này, nó tiến hành ra sao và có mục đích gì. Chúng ta cũng có thể nói rằng sự biến dạng

của một giấc mơ là kết quả của công việc làm trong giấc mơ. Chúng ta mô tả công việc này và tìm xem những động lực nào đã thúc đẩy công việc đó.

Các bạn hãy nghe đây, một giấc mơ do bà bác sĩ V.Hug kể lại mà người nằm mơ là một bà đã già, học rộng và được mọi người quý mến. Giấc mơ này chưa từng được giải thích. Bà bác sĩ cho rằng đối với những người khảo cứu về phân tâm học thì không cần có sự giải thích. Ngay người nằm mơ cũng không giải thích nhưng đã xét đoán rồi kết án làm như bà ta có thể giải thích được vậy. Chính bà ta tuyên bố: "Một người đàn bà 50 tuổi mà mơ mộng kỳ quái, kinh khủng như vậy, tôi là một người đàn bà chẳng còn có điều gì lo nghĩ hơn là lo cho con"

Và bây giờ đây giấc mơ về những công việc làm trong tình ái: "Bà ta đến nhà thương quân đội, bảo người tùy phái là muốn gặp ông y sĩ trưởng xin việc làm. Bà nhấn mạnh đến chỗ công việc đến nỗi người hạ sĩ quan cho ngay rằng đó là những công việc về tình ái. Thấy người đã có tuổi, anh ta hơi ngập ngừng trước khi cho bà vào. Nhưng thay vì đi vào phòng ông y sĩ trưởng, bà lại vào trong một phòng bên trong có nhiều sĩ quan và bác sĩ quân y khác đứng hay ngồi quanh một cái bàn dài. Bà nói với một người trong bọn và người này hiểu ngay. Bà nói như sau: "Tôi và nhiều bạn gái khác trong thành phố Viên chúng tôi sẵn sàng.. cho binh sĩ, sĩ quan không phân biệt..." Nói xong bà ta (vẫn trong giấc mơ) nghe tiếng xì xào.

Nhưng vẻ mặt nhí nhảnh, ngượng ngùng của các sĩ quan cho bà ta thấy là họ hiểu bà muốn gì. Bà ta tiếp tục: "Tôi biết là quyết định của chúng tôi có vẻ hơi kỳ nhưng chúng tôi rất đứng đắn. Người ta không hỏi những người lính xem họ có muốn

chết hay không?" Một phút yên lặng nặng nề. Ông bác sĩ ôm bà ta nói: "Thưa bà, nếu quả nhiên chúng ta sẽ tiến đến đó..." (có tiếng xì xào). Nghĩ rằng ông này hay ông khác thì cũng thế thôi, bà đã gỡ tay ông kia ra và trả lời: "Tôi đã có tuổi rồi. Tôi chưa từng ở trong tình thế này bao giờ. Dù sao cũng phải có một điều kiện: cần để ý đến tuổi tác, không nên cho một người trẻ tuổi và một bà già... (tiếng xì xào)... Vì như thế thì... kinh quá"... Ông bác sĩ trả lời: "Tôi hiểu lắm". Vài sĩ quan trong đó có một người đã tán tỉnh bà hồi bà còn trẻ phá lên cười, bà khách muốn được dẫn đến chỗ ông y sĩ trưởng để cho công việc được rõ ràng. Nhưng bà chợt nhận thấy rằng mình không biết tên ông này. Nhưng ông bác sĩ cũng kính cẩn và lịch sự chỉ cho bà một cầu thang bằng sắt, chật hẹp, xoáy trôn ốc mời bà lên gác hai. Trong lúc trèo lên bà ta nghe có người nói: "Thực là một quyết định ghê gớm, dù già hay trẻ cũng vậy thôi". Với cảm giác là mình đương làm bổn phận, bà ta trèo mãi mà không hết cầu thang.

"Giấc mơ đó được thấy lại hai lần nữa cách nhau vài tuần, chỉ có thay đổi chút ít và chẳng quan hệ gì".

Giấc mơ đó diễn biến như một điều kỳ lạ ban ngày. Giấc mơ ít khi đứt quãng và có nhiều chi tiết có thể hiểu được nếu chịu khó tìm hiểu. Nhưng điều thú vị và quan trọng nhất đối với chúng ta là nó có một vài khe hở không phải ở trong những điều nhớ lại, nhưng ở trong nội dung. Có ba lần nội dung này hình như đã nói hết, lần nào lời nói của bà ta bị ngắt bởi lời xì xào. Vì không hề được phân tích và giải thích nên chúng ta không thể nói gì về ý nghĩa của tiếng xì xào. Dù sao cũng có những sự ám chỉ, ví dụ như những chữ công việc ái tình có thể

đưa tới một vài kết luận, hay những mẩu chuyện ngay trước khi bị tiếng xì xào cắt quãng cần được bổ túc. Thu xếp lại chúng ta thấy là muốn làm một công việc yêu nước, bà khách muốn dùng bản thân mình để thoả mãn những nhu cầu tình ái của binh sĩ và sĩ quan. Đó là một ý kinh khủng nhất, một sự phát minh ghê gớm nhất, chỉ có điều là ý đó không được diễn tả trong giấc mơ. Trong những lúc ý tưởng đó được diễn tả thì câu nói được thay bằng một tiếng xì xào không rõ rệt, bị bỏ đi hay xoá đi.

Bạn hẳn biết rằng chính vì quá táo bạo mà những đoạn đó bị bỏ đi. Nhưng ở đâu mình thấy xảy ra một cách làm việc tương tự như thế? Ngày nay (như bài học của Freud này được giảng khi chiến tranh đang tiếp diễn) chúng ta chẳng cần tìm đâu xa. Cứ việc mở bất cứ tờ báo chính trị nào ra, bạn sẽ thấy có những chỗ để trắng cắt ngang bài do lệnh kiểm duyệt. Trên khoảng để trắng tức là có những đoạn không làm vừa lòng những nhà chức trách trông nom về kiểm duyệt. Các bạn sẽ tiếc rẻ, những bài bị đục trắng mới là những bài hay, thú vị nhất.

Ngày xưa người ta không kiểm duyệt cả một đoạn như thế. Tác giả, sau khi được báo là đoạn nào đó không làm vừa lòng các nhà kiểm duyệt, thường viết lại cho nhẹ đi hơn, thay đổi chút ít, hay nói lơ mơ ám chỉ đến những điều định viết. Trong tờ báo vẫn có những điểm trắng nhưng đọc những dòng còn lại, những đoạn lơ mơ ám chỉ, người ta cũng có thể đoán ra được những cố gắng của tác giả để thoát khỏi mũi kéo của kiểm duyệt.

Bây giờ chúng ta xem xét sự giống nhau này. Chúng ta cho rằng những đoạn nào bà khách không nói hay bị thay thế bằng

những tiếng xì xào là đã bị kiểm duyệt. Chúng ta nói đến một sự kiểm duyệt nào đó của giấc mơ và sự kiểm duyệt này phải giữ một vai trò gì trong sự biến dạng của giấc mơ. Mỗi khi nội dung của giấc mơ có khe hở nào thì chính đó là lỗi ở kiểm duyệt. Chúng ta có thể đi xa hơn và nói rằng mỗi khi có một đoạn nào trong giấc mơ mà không rõ ràng, lơ mơ trong khi có những đoạn khác rõ ràng thì đúng là chúng ta đã bị kiểm duyệt. Nhưng sự kiểm duyệt không làm một cách quá lộ liễu và ngây thơ như trong giấc mơ của bà khách. Kiểm duyệt làm việc theo lối thứ hai, nghĩa là có những cố gắng làm dịu đi, thay đổi đi chút ít nhưng vẫn làm cho người ta nhìn thấy được ý chính.

Giấc mơ còn kiểm duyệt theo một lối thứ ba nữa, nhưng lần này không giống lối kiểm duyệt báo chí. Chúng ta có thể phân tích một giấc mơ đã được nói đến. Chắc các bạn còn nhớ đến giấc mơ trong đó người ta đã bỏ 1.50fl để mua ba vé hát. Trong ý tiềm tàng của giấc mơ này những yếu tố "mua trước, quá sớm" giữ vai trò quan trọng hàng đầu: lấy chồng sớm quá thực là dại dột, mua vé trước ngày trình diễn cũng là điều dại dột, cô em chồng vội vã đi mua đồ nữ trang như thế quả là lố bịch. Không có một yếu tố nào xuất hiện trong nội dung rõ ràng của giấc mơ, mọi sự chỉ xoay quanh việc đi xem hát và mua vé thôi. Vì trọng tâm của giấc mơ bị đẩy đi một chỗ khác, vì những yếu tố chính tập trung lại một chỗ nên giấc mơ rõ ràng khác hẳn giấc mơ tiềm tàng đến nỗi người ta không thể dựa vào giấc mơ rõ ràng mà tìm thấy giấc mơ tiềm tàng. Chính trọng tâm giấc mơ bị xê dịch như thế nên mới phát sinh ra sự biến dạng của giấc mơ; chính sự biến dạng này đã làm cho chính những người nằm mơ cũng thấy kỳ lạ không hiểu gì về giấc mơ của mình.

Thiếu sót, thay đổi và tập trung các yếu tố, đó chính là ba kết quả của sự kiểm duyệt và sự biến dạng của giấc mơ. Sự kiểm duyệt là duyên cớ chính hay một trong các duyên cớ chính của sự biến dạng trong giấc mơ của bà khách. Còn sự thay đổi và tập trung, chúng tà quen gọi là sự xê dịch trọng tâm.

Sau sự kiểm duyệt, chúng ta nói đến sự sống động trong giấc mơ. Các bạn đừng tưởng tượng kẻ kiểm duyệt như một người nghiêm nghị hay một vị thần ngồi trong bộ óc để làm việc; về chữ sống động cũng vậy, đừng cho rằng đó là do một trung tâm đặt trong bộ óc mà ảnh hưởng có thể bị một sự cắt bỏ hay một vết thương nào hủy đi. Chỉ nên nhìn thấy ở chữ đó một phương tiện liên lạc có tính sinh động. Điều đó không ngăn chúng ta tự hỏi xem sự kiểm duyệt này sẽ hoạt động đối với những khuynh hướng và do những khuynh hướng nào; chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu thấy rằng trước đây, chúng ta cũng đã gặp sự kiểm duyệt các giấc mơ rồi mà không biết đó là cái gì.

Đó là điều đã thực sự xảy ra. Các bạn hãy nhớ lại sự nhận xét ly kỳ của chúng ta khi bắt đầu áp dụng kỹ thuật của chúng ta về sự tự do liên tưởng. Lúc đó chúng ta cảm thấy có một sự gì chống đối lại khi chúng ta cố gắng đi từ yếu tố của giấc mơ sang yếu tố vô thức mà nó đến thay thế. Sự chống đối này đúng như chúng ta đã nói, có thể thay đổi cường độ, khi thì độ mạnh vô cùng, khi chả có nghĩa lý gì. Khi sự chống đối yếu, chúng ta có rất ít công việc phải làm, nhưng khi cường độ mạnh, chúng ta phải đi theo một dãy dài các sự liên tưởng làm cho ta càng ngày càng xa yếu tố của giấc mơ, trong khi phải đối phó với biết bao nhiêu khó khăn xuất hiện dưới hình thức của những ý tưởng bài bác phê bình chống đối lại những ý tưởng đột nhiên

xuất hiện có dính dáng đến giấc mơ. Sự chống đối này chỉ là hậu quả của kiểm duyệt trong giấc mơ nên chúng ta cũng phải khảo sát cẩn thận. Chúng ta thấy ngay rằng nhiệm vụ của sự kiểm duyệt không phải chỉ gây ra sự biến dạng trong giấc mơ mà còn liên tục giữ cho sự biến dạng đó được tồn tại. Cũng như sự chống đối luôn luôn thay đổi cường độ tuỳ theo yếu tố trong giấc mơ, sự biến dạng cũng thay đổi theo từng yếu tố. Nếu so sánh giấc mơ rõ ràng và giấc mơ tiềm tàng ta sẽ thấy có nhiều yếu tố khác lại bị thay đổi quan trọng nhiều hay ít, nhiều yếu tố khác lại du nhập luôn vào nội dung rõ ràng mà chẳng thay đổi gì cả, có khi còn mạnh lên nữa.

Nhưng chúng ta muốn biết sự kiểm duyệt đã hoạt động bằng cách dựa vào những khuynh hướng nào và chống lại khuynh hướng nào? Để trả lời câu hỏi vô cùng quan trọng này không những đối với sự tìm hiểu các giấc mơ mà còn đối với cả đời người nữa, chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy giải đáp nếu duyệt lại những giấc mơ đã được đem giải thích từ trước tới nay. Những khuynh hướng mà kiểm duyệt dùng là những khuynh hướng mà người nằm mơ trong lúc còn thức cho là của riêng mình, hợp ý mình. Các bạn có thể chắc chắn rằng khi bạn từ chối không công nhận sự giải thích đúng đắn về giấc mơ của bạn, những lý do của sự từ chối này và những lý do làm cho sự kiểm duyệt hoạt động làm cho giấc mơ biến dạng cũng như nhau. Các bạn hãy nghĩ đến giấc mơ của người đàn bà 50 tuổi nói trên. Mặc dù không biết giải thích giấc mơ của mình, bà ta cũng thấy là giấc mơ kinh khủng quá, nhưng bà ta sẽ còn buồn hơn nữa nếu bà bác sỹ V. Hug nói cho bà biết những dự kiện thu lượm được trong sự giải thích giấc mơ của bà. Những đoạn nào tục tĩu trong giấc mơ thường được thay thế bằng những

tiếng xì xào, sự việc đó chẳng đã chứng tỏ rằng chính người nằm mơ cũng kết án những hành vi đó sao?

Nhưng khi chúng ta muốn khảo cứu những khuynh hướng chịu kiểm duyệt, ta phải để ý sự kiểm duyệt là một sự cần thiết cấp bách. Những khuynh hướng đó là những khuynh hướng đáng chê cười, tục tĩu về phương diện lý luận, mỹ thuật và xã hội, những điều người ta không dám nghĩ đến hay nghĩ đến để mà kinh tởm. Những sự ham muốn bị kiểm duyệt và bị biến dạng trong giấc mơ đó chỉ biểu lộ một tấm lòng ích kỷ vô bờ bến và vô liêm sỉ. Vả lại, không có giấc mơ nào trong đó cái tôi của người nằm mơ lại không giữ vai chính, dù rằng cái tôi đó đã lẩn trốn rất khéo léo trong nội dung rõ ràng. Lòng ích kỷ vô biên này chắc chắn có liên quan chặt chẽ với lòng ham muốn giấc ngủ làm cho chúng ta thoát khỏi được ảnh hưởng của đời sống hàng ngày.

Cái tôi trong giấc mơ đã rũ bỏ được hết sự ràng buộc về luân lí, thoả mãn mọi sự đòi hỏi của bản năng tình dục, của bản năng luôn bị nền giáo dục về nghệ thuật của chúng ta cấm đoán, những bản năng chống lại sự kìm kẹp của luân lí. Sự tìm kiếm khoái lạc (mà chúng ta gọi là libido) chọn đối tượng mà không gặp sức chống đối, và thường chọn những quả cấm; nó không những chọn vợ người khác mà còn chọn cả những điều mà cả nhân loại thường gán cho những tính cách thiêng liêng: người đàn ông chọn mẹ mình hay chị em mình, người đàn bà chọn cha hay em mình (giấc mơ của bà 50 tuổi trên đây có tính cách loạn luân vì bà ta chọn chính con trai mình). Những sự ham muốn mà chúng ta tưởng chừng không có liên quan đến loài người đã tỏ ra đủ mạnh để tạo nên những giấc mơ. Lòng

thù hận tha hồ tung hoành. Những ý muốn báo thù, mong cho những người mình yêu nhất trên đời chết đi, người cha người mẹ, anh chị em, chồng vợ, con cái, không phải là ít trong các giấc mơ. Trước những kết quả thu lượm được như thế, có người sẽ bảo là những kết quả đó không thể có được, vô nghĩa lý, không thể tin được vì những giả thuyết phát sinh ra chúng chỉ là sai lầm. Hoặc giấc mơ không phải là một hiện tượng tinh thần, hoặc trong trạng thái bình thường không có gì là vô thức cả, hoặc kỹ thuật của giáo sư có sơ hở chỗ nào. Những cách kết luận đó quả là giản đơn dễ hiểu hơn tất cả những điều kinh khủng do những giả thuyết kinh hoàng mà giáo sư đưa ra.

Tất nhiên những kết luận đó là đơn giản và làm hài lòng mọi người hơn thực nhưng không đúng.

Các bạn hãy kiên tâm: vấn đề chưa chín muồi để có thể đem ra thảo luận. Trước khi đi vào vấn đề đó, chúng ta chả còn cách nào hơn là làm cho những lời chỉ trích phê bình cách giải thích giấc mơ của chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn. Những kết quả thu lượm được không làm cho mọi người khoan khoái, thích nói mấy, đó không phải là điều quan trọng. Nhưng có một lý lẽ vững chắc hơn: khi chúng ta cho những người nằm mơ biết họ có những ham muốn và khuynh hướng gì đã tìm ra được trong khi giải thích giấc mơ thì bao giờ họ cũng phản đối kịch liệt và đưa ra những lý lẽ cũng vững chắc. Có người hỏi: "Thế nào? Ông bảo rằng tôi đã hối tiếc khi bỏ tiền ra để làm của hồi môn cho em gái tôi và nuôi dạy em trai tôi sao? Điều đó làm sao có được vì tôi làm việc là chỉ cốt phụng sự gia đình, trong đời tôi không còn bổn phận nào khác hơn là làm tròn phận sự đó đúng như lời tôi đã hứa với mẹ tôi lúc bà lâm chung". Người

khác nói: "Ông cho là tôi mong cho chồng tôi chết sao? Thực vô nghĩa lý và đáng phẫn lộ. Tôi nói thì ông không tin, nhưng sự thực là chúng tôi rất hoà thuận và nếu chồng tôi mất đi thì tôi mất hết những cái gì tôi có trên trái đất này". Một người khác nói: "Ông cho là tôi ham muốn nhục dục đối với em gái tôi sao? Thực là lố bịch. Hai anh em tôi giận nhau từ lâu và mấy năm nay chúng tôi không hề nói chuyện với nhau". Nhưng người này nếu chỉ từ chối không xác nhận hay phủ nhận những khuynh hướng mà chúng ta gán cho họ thì cũng được đi, vì có thể là họ không biết đến những điều đó. Nhưng điều bực mình là họ có những lòng ham muốn trái hẳn với những điều chúng ta gán cho họ, và có thể chứng minh được rằng những lòng ham muốn đó mới chính là điều họ vẫn ấp ủ trong tâm hồn. Có lẽ chúng ta nên bỏ rơi cái lối giải thích này đi thôi, vì nó đưa chúng ta đến ngõ cụt.

Chưa đâu, bởi lẽ những lý lẽ này tuy bề ngoài có vẻ như vững chắc nhưng thực ra không thể đứng vững trước lý luận của chúng ta. Giả dụ rằng trong đời sống tinh thần quả có những khuynh hướng vô thức, chúng ta có bằng chứng gì tỏ ra rằng trong đời sống hữu thức cũng có những khuynh hướng trái lại? Có lẽ trong đời sống tinh thần có những khuynh hướng trái ngược tồn tại cạnh nhau. Có thể rằng một khuynh hướng quá mạnh sẽ lấn át khuynh hướng kia và dồn khuynh hướng này vào trong vô thức. Nhưng còn lý lẽ cho rằng những kết quả của sự giải thích giấc mơ không đơn giản mà cũng chẳng dễ chịu. Trước hết, không phải sự đơn giản sẽ giúp các bạn giải được những vấn đề có liên quan đến giấc mơ vì vấn đề nào cũng đều gặp khó khăn phức tạp ngay từ buổi đầu. Còn bảo rằng những kết quả này thực chẳng đáng mong muốn tí nào thì các bạn đã

lầm khi cho rằng trong phương diện khoa học chúng ta mong hay không mong kết quả này hay kết quả nọ. Những kết quả thu lượm được, các bạn cho rằng chúng không làm cho bạn dễ chịu mà còn làm xấu hổ kinh tởm nữa thì điều đó có quan hệ gì? Tôi nhớ lại lời nói của một vị giáo sư thầy học của tôi, ông Charcot, trong khi tôi còn là một thầy thuốc trẻ tuổi và đi theo ông trong lúc khám bệnh: " Điều đó không ngăn việc chúng có thực". Nếu muốn hiểu rõ những sự thực của cuộc đời, chúng ta nên bỏ ra một bên những cảm tình hay sự ghen ghét. Nếu bây giờ có nhà khoa học nào chứng minh rằng ngày tận thế gần kề, bạn có bảo ông ta rằng: "Tôi không tin như thế vì như thế thì thê thảm cho tôi quá" không? Tôi cho rằng trong trường hợp đó bạn sẽ yên lặng, cho tới khi một nhà khoa học khác chứng minh rằng những điều khẳng định trên không dựa vào những bằng chứng xác thực. Bỏ ngoài tai những cái gì làm cho bạn khó chịu, bạn đã làm đúng như giấc mơ đã làm chứ không phải tìm cách tìm hiểu và chế ngự nó.

Có lẽ bạn sẽ thôi không nói đến tính cách kim tởm của những ham muốn bị kiểm duyệt trong giấc mơ để bấu víu vào lý lẽ cho rằng, chúng ta không thể nào tin rằng con người lại có thể xấu xa như thế được. Nhưng chính kinh nghiệm bản thân của các bạn có cho phép các bạn dùng lý luận đó không? Tôi không nói đến ý kiến của bạn đối với chính bạn; nhưng có quả thực là cấp trên và những người cạnh tranh quyền lợi với các bạn đối với các bạn có nghĩ rằng bạn là người tốt đến thế không? Những kẻ thù của các bạn có cảm tình với các bạn nhiều như các bạn tưởng không? Vậy tại sao bạn lại phản đối dữ dội khi chúng ta nói đến các tính ích kỷ vô biên của loài người. Các bạn há không biết rằng phần lớn nhân loại đều

không thể chế ngự được bản năng tình dục của mình sao? Các bạn không biết rằng những sự quá đáng những sự dâm bôn mà chúng ta mơ màng ban đêm thường xảy ra hàng ngày, có khi đưa đến chỗ phạm tội, đối với những người thức hẳn hoi sao? Môn phân tâm học phải chăng chẳng làm gì khác hơn là khẳng định câu cách ngôn của Platon cho rằng những người tốt là những người chỉ làm trong giấc mơ những điều mà các người xấu xa thường làm trong lúc thức sao?

Và bây giờ thôi không nói đến cá nhân nữa, các bạn hãy nghĩ đến trận Đại chiến vừa tràn ngập nhân loại, nghĩ đến tất cả những cái gì độc ác dã man, những sự dối trá lan tràn trong thế giới văn minh. Các bạn có tin rằng chỉ một nhóm người đầy tham vọng đủ làm cho những sự độc ác dã man đó lan tràn mà không cần sự đồng loã của hàng triệu người bị lôi kéo hay không? Trước những sự kiện đó các bạn có còn can đảm bênh vực loài người nữa không?

Các bạn cho rằng ý kiến tôi về chiến tranh chỉ có một chiều rằng chiến tranh đã đưa ra ánh sáng những cái gì cao đẹp nhất của loài người: nào chí khí anh hùng, lòng hy sinh, ý thức xã hội v.v... Cũng được đi, nhưng bạn có thấy mình bất công khi lên án môn Phân tâm học vì môn này đã phủ nhận một vài điều trong khi khẳng định một điều khác không? Chúng tôi không hề có ý phủ nhận những tình cảm cao đẹp của loài người, không làm gì để giảm giá trị của những sự cao đẹp đó. Trái lại, tôi nói cho bạn nghe không những về các sự ham muốn xấu xa bị kiểm duyệt trong giấc mơ mà còn cả đến sự kiểm duyệt kiềm chế những ham muốn đó làm cho ta không nhận ra chúng nữa. Nếu chúng ta nói đến những sự xấu xa của loài người là chỉ vì

có những người phủ nhận chúng, và điều phủ nhận này không hề làm cho tính chất loài người được tốt đẹp hơn lên, trái lại chỉ làm cho nó trở lên khó hiểu hơn thôi. Chính vì không muốn lý luận một chiều mà chúng ta có hy vọng tìm lại được công thức diễn tả thực đúng những liến quan giữa điều tốt và điều xấu trong loài người.

Thôi ta hãy tạm dừng lại ở đây. Mặc dù cho rằng những kết quả thu lượm được trong việc giải thích giấc mơ có vẻ kỳ khôi chăng nữa nhưng cũng không phải vì thế mà ta có quyền bỏ rơi chúng không xét đến nữa. Có lẽ sau này chúng ta sẽ tiến gần đến kết quả hơn bằng cách theo một con đường khác chăng? Trong lúc này ta hãy tạm chấp nhận điều này: sự biến dạng trong giấc mơ chỉ là kết quả của sự kiểm duyệt mà cái tôi của chúng ta làm đối với những khuynh hướng hay ham muốn thường xuất hiện ban đêm trong giấc ngủ. Tại sao những điều này lại xuất hiện ban đêm? Chúng từ đâu tới nhỉ? Đó là câu hỏi đương chờ đợi.

Nhưng chúng ta sẽ tỏ ra bất công khi không đưa ra một kết quả khác nữa. Những ham muốn hiện ra trong giấc mơ, làm cho giấc ngủ không yên, chúng ta không hề biết đến trước, nhưng chỉ biết đến sau khi đã giải thích giấc mơ. Vậy chúng ta có thể tạm gọi chúng là vô thức theo nghĩa thông thường của chữ này. Nhưng chúng còn có gì hơn là tính cách tạm thời vô thức này. Thường thường người nằm mơ phủ nhận chúng dù rằng sự giải thích đã chứng tỏ rõ rằng sự có mặt của chúng. Ở đây, chúng ta cũng gặp một tình trạng tương tự như trong trường hợp anh chàng nhất định không chịu nhận là mình có điều gì bất kính đối với ông chủ mình. Lúc đó chúng ta đã nghi ngờ lời nói của

anh ta và cho rằng có thể anh không biết đến điều đó. Mỗi khi giải thích một giấc mơ bị biến dạng rất nhiều, chúng ta lại gặp lại tình trạng đó và điều đó chỉ tăng phần quan trọng cho quan điểm của chúng ta thôi. Vì thế nên chúng ta chấp nhận rằng trong đời sống tinh thần có những gì tiềm tàng mà chúng ta không hề biết đến và có lẽ không bao giờ biết đến. Nếu như thế thì sự vô thức phải có thêm một nghĩa khác: đặc tính cơ bản của nó không còn là nhất thời hay hợp thời nữa mà là thường trực. Tất nhiên chúng ta sẽ quay trở lại vấn đề này với nhiều chi tiết hơn trong những dòng sau.

10. TÍNH CÁCH TƯỢNG TRƯNG TRONG GIẤC MƠ

Chúng ta đã thấy sự biến dạng ngăn cản không cho chúng ta hiểu được giấc mơ chính là kết quả của sự kiểm duyệt đối với những ham muốn vô thức, hay không thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta không khẳng định rằng sự kiểm duyệt là yếu tố duy nhất phát sinh ra sự biến dạng này và ngoài sự kiểm duyệt ra còn có những yếu tố khác. Điều này đúng đến nỗi dù cho sự kiểm duyệt có bị gạt bỏ hoàn toàn chăng nữa thì không phải vì thế mà chúng ta sẽ dễ dàng hiểu giấc mơ hơn, và giấc mơ rõ ràng không phải vì thế mà trùng hợp với giấc mơ tiềm tàng hơn.

Chúng ta đã tìm ra được những yếu tố khác này nhờ có một lỗ hổng trong kỹ thuật của chúng ta. Tôi đã đồng ý với các bạn là ở một vài giấc mơ đã được phân tích có khi những yếu tố đặc biệt của giấc mơ không gợi cho người nằm mơ một ý tưởng gì cả. Tất nhiên sự kiện này ít xảy ra hơn người ta thường khẳng định và trong nhiều trường hợp nhờ sự kiên nhẫn người ta đã làm cho nhiều ý kiến phải xuất hiện. Nhưng vẫn có nhiều trường hợp người ta không tìm thấy có sự liên tưởng và khi gợi ra sự liên tưởng thì kết quả mong đợi lại không có gì cả. Khi sự việc này xảy ra trong một lần trị bệnh bằng phân tâm học nó trở nên quan trọng đặc biệt, nhưng ở đây chúng ta chưa nói đến

tầm quan trọng này vội. Sự kiện đó xảy ra khi chúng ta giải thích những giấc mơ của chính chúng ta hay của những người bình thường khác. Trong trường hợp này, sau khi thấy rõ ràng dù có kiên nhẫn hơn cũng chẳng đi đến đâu, chúng ta lại tìm ra rằng sự kiện mà chúng ta không muốn đó lại xuất hiện điều hoà đối với một vài yếu tố nhất định trong giấc mơ, và đó không phải là sự bất thường mà là những sự việc phụ thuộc vào một vài luật định.

Đứng trước những sự kiện này chúng ta muốn tự mình giải thích những yếu tố thầm lặng của giấc mơ, dùng những phương tiện riêng của mình để tìm hiểu. Mỗi khi giải thích như thế người ta có cảm tưởng đạt được một vài kết quả mỹ mãn, còn nếu không làm như thế thì giấc mơ sẽ chẳng có nghĩa gì. Khi áp dụng phương pháp này càng ngày càng nhiều vào nhiều trường hợp hơn, chúng ta sẽ đi đến nhiều kết quả chắc chắn hơn.

Sự trình bày của tôi có vẻ sơ sài nhưng sự sơ sài này thường được dùng trong ngành giáo dục để đơn giản bớt vấn đề.

Làm như vừa nói, chúng ta có thể giải thích các giấc mơ một cách thỏa đáng giống như những cuốn sách đoán mộng rất thịnh hành trong dân gian. Tôi tin rằng các bạn chưa quên việc chúng ta chưa hề đạt được kết quả cụ thể nào trong việc tìm hiểu những yếu tố bất biến trong giấc mơ bằng kỹ thuật liên tưởng.

Các bạn sẽ cho rằng phương pháp này có vẻ không chắc chắn, có nhiều điều đáng bài bác hơn là phương pháp dành cho những ý tưởng được tự do xuất hiện. Nhưng đến đây ta thấy có thêm một chi tiết khác. Sau khi tập trung được nhiều sự giải thích những yếu tố bất biến trong giấc mơ như thế bằng các

cuộc thí nghiệm liên tục, đột nhiên ta thấy chúng ta có thể đạt được những kết quả giống như thế bằng cách chỉ dựa trên những điều mình biết và không cần dùng đến những điều mà người nằm mơ đã nhớ lại, chúng ta cũng có thể hiểu chúng được. Do đâu mà chúng ta biết được như thế?

Chúng ta gọi sự liên quan giữa yếu tố của giấc mơ và sự giải thích nó bằng cái tên là liên quan tượng trưng vì yếu tố này chỉ tượng trưng cho một ý tưởng vô thức trong giấc mơ. Trước đây, khi xét đến các liên quan giữa những yếu tố của giấc mơ và bản thể của chúng, tôi đã trình bày rằng yếu tố này chẳng khác gì một phần đối với toàn thể, rằng ý tưởng đó cũng có thể là một sự ám chỉ đến bản thể hay là một sự biểu thị của bản thể. Ngoài ba loại liên quan như thế còn một loại liên quan thứ tư nữa. Đó là liên quan tượng trưng. Trước khi trình bày những nhận xét đặc biệt tượng trưng này chúng ta hãy nói đến những vấn đề đã được đem tranh luận thú vị quanh vấn đề đó. Tính cách tượng trưng sẽ là vấn đề đáng chú ý nhất trong thuyết về giấc mơ.

Ta nên nói ngay rằng trong một vài phương diện những ký hiệu tượng trưng đã thực hiện được lý tưởng cũ kỹ của quần chúng trong việc giải thích giấc mơ và kỹ thuật của chúng ta đã đưa chúng ta đi rất xa lý tưởng đó.

Những ký hiệu tượng trưng này giúp cho ta, là trong một vài trường hợp, giải thích giấc mơ mà không cần hỏi gì người nằm mơ cả, vả lại chính người này cũng chẳng thêm được gì vào trong ký hiệu đó. Khi biết được những ký hiệu tượng trưng thường dùng này, biết rõ cá tính, và đời sống của người nằm mơ và những cảm tưởng phát sinh ra giấc mơ, chúng ta cũng có thể

giải thích giấc mơ chẳng khó khăn gì như mở một cuốn sách ra xem. Một công trình tuyệt diệu như vậy quả thực là một khích lệ lớn lao cho người giải thích cũng như cho người nằm mơ, tránh cho người ta việc khó chịu là phải hỏi han lôi thôi người nằm mơ. Nhưng bạn đừng cho là công việc đó dễ dàng. Chúng ta phải đạt được cái công trình tuyệt diệu này. Kỹ thuật đặt căn bản trên sự tượng trưng không thể thay thế kỹ thuật dựa trên căn bản của sự liên tưởng và không thể so sánh với nó được. Trái lại, kỹ thuật này chỉ bổ túc kỹ thuật trước và hiến cho nó những dữ kiện dùng được. Về việc hiểu rõ tình trạng tinh thần của người nằm mơ, các bạn nên biết rằng những giấc mơ mình phải giải thích không phải là của những người mà các bạn biết rõ, thường thường bạn không được biết những sự việc gì trong ngày đã phát sinh ra giấc mơ, các bạn chỉ biết về đời sống tinh thần của người nằm mơ qua những ý tưởng và những điều nhớ lại của người nằm mơ thôi.

Thực là một điều lạ lùng khi thấy quan niệm về tính cách tượng trưng của giấc mơ liên quan giữa giấc mơ và sự vô thức lại gặp những sự chống đối rất ghê gớm. Ngay cả những người biết suy nghĩ và hiểu biết không có điều gì để bài bác môn phân tâm học cũng không chịu đi theo con đường đó. Thái độ này càng tỏ ra kỳ lạ khi tính cách tượng trưng đâu có phải là một đặc tính chỉ riêng giấc mơ mới có và sự tìm ra tính cách không phải là công trình của môn phân tâm học, trong khi chính môn này cũng đã tìm ra được nhiều điều khác nổi tiếng hơn. Cha đẻ của tính cách tượng trưng trong giấc mơ chính là nhà triết học K.A. Scherner (1861). Môn phân tâm học khẳng định ý kiến của Scherner và cũng làm cho ý kiến này bị thay đổi sâu rộng.

Và bây giờ các bạn muốn biết một vài điều về tính cách tượng trưng, biết một vài trường hợp. Tôi sẵn lòng hiến các bạn điều đó nhưng cũng cần nói trước rằng chúng ta chưa hiểu được hoàn toàn hiện tượng này như ý muốn.

Đặc tính của sự tượng trưng nằm trong một sự so sánh. Nhưng một sự so sánh thôi không đủ. Chắc cũng còn phải có một vài điều kiện nào khác nữa nhưng những điều kiện nào thì hiện nay chúng ta chưa biết. Những cái gì có thể so sánh được với một vật gì hay một sự diễn biến nào trong giấc mơ lại không tượng trưng cho vật đó hay sự diễn biến đó. Ngoài ra, giấc mơ lại chỉ chọn để tượng trưng cho mình một vài yếu tố nằm trong các ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ thôi. Vì thế tính cách tượng trưng bị giới hạn ở mọi mặt. Khái niệm về sự tượng trưng cũng chưa được rõ ràng, khái niệm này thường hay bị lầm lẫn với khái niệm về sự thay thế, biểu diễn, có khi lại tiến gần đến sự ám chỉ nữa. Trong nhiều sự tượng trưng, sự so sánh rõ ràng được dùng làm nền tảng. Nhưng trong nhiều trường hợp chúng ta lại tự hỏi nền móng của sự so sánh đó nằm ở chỗ nào? Sự suy nghĩ kỹ may ra chúng ta tìm được chăng? Vả lại nếu sự tượng trưng là một sự so sánh thì thực là một sự lạ khi sự liên tưởng lại không giúp ta tìm ra sự so sánh đó, khi chính người nằm mơ cũng không biết nó nằm ở đâu, tuy có dùng đến nó mà chẳng biết mô tê gì cả. Điều đặc biệt là ngay cả khi người ta chỉ cho người nằm mơ rõ sự so sánh đó, anh ta cũng chẳng chịu công nhận. Các bạn hẳn đã thấy là liên quan tượng trưng là một sự so sánh thuộc loại đặc biệt mà chúng ta không biết gì hết. Có thể là sau này chúng ta sẽ biết được một vài điều chăng.

Những đối tượng được hình dung tượng trưng trong giấc mơ rất ít. Đó là thân thể người ta, anh em, bè bạn, cha con, sự sinh, sự tử, sự trần truồng hay một vài sự gì nữa. Chính căn nhà là sự biểu thị duy nhất điển hình, nghĩa là điều hoà trong con người. Sự kiện này đã được Scherner công nhận là có một tầm quan trọng hàng đầu nhưng chúng ta cho rằng ông đã lầm. Nhiều khi trong giấc mơ, mình thường thấy mình tụt từ trên cao xuống ở đằng trước mặt nhà và có cảm giác khi thì sung sướng khi thì lo âu. Những căn nhà có những bức tường trơn tuột nhẵn nhụi là hình dung cho người đàn ông còn những căn nhà sần sùi, có bao lơn khiến cho người ta có chỗ bấu víu thường hình dung cho người đàn bà. Cha mẹ thường tượng trưng cho đức vua và hoàng hậu hay những nhân vật quan trọng: chính vì thế nên những giấc mơ trong đó có hình cha mẹ thường diễn ra trong bầu không khí một sự hiếu thảo. Những giấc mơ, trong đó những người anh em, chị em hay những đứa bé con được tượng trưng bằng những con vật nhỏ, những con rệp bớt âu yếm hơn. Sự sinh đẻ gần như bao giờ cũng được hình dung bằng những động tác trong đó nước bao giờ cũng là yếu tố chính người ta nằm mơ thấy mình ngã xuống sông hay từ dưới nước đi lên, cứu một người ở dưới nước đưa lên hay được người ta cứu, nghĩa là giữa người này và người nằm mơ có cả những dây liên lạc về tình mẫu tử. Sự sắp chết đến nơi được hình dung bằng một cuộc đời ra đi, một chuyến du hành bằng xe lửa, cái chết được hình dung bằng một vài điểm xấu, ghê sợ. Sự trần truồng được tượng trưng bằng quần áo, những bộ đồng phục. Các bạn thấy là chúng ta ở giữa hai loại biểu thị: một đằng là sự tượng trưng một đằng là những sự ám chỉ.

Trong nhiều sự tượng trưng, sự so sánh rõ ràng được dùng làm nền tảng. Nhưng trong nhiều trường hợp chúng ta lại tự hỏi nền móng của sự so sánh đó nằm ở chỗ nào? Sự suy nghĩ kỹ may ra chúng ta tìm được chăng. Vả lại nếu sự tượng trưng là một sự so sánh thì thực là một sự lạ khi sự liên tưởng lại không giúp ta tìm ra sự so sánh đó, khi chính người nằm mơ cũng không biết nó nằm ở đâu, tuy có dùng đến nó mà chẳng biết mô tê gì cả. Điều đặc biệt là ngay cả khi người ta chỉ cho người nằm mơ rõ sự so sánh đó, anh ta cũng chẳng chịu công nhận. Các bạn hẳn đã thấy là liên quan tượng trưng là một sự so sánh thuộc loại đặc biệt mà chúng ta không biết gì hết. Có thể là sau này chúng ta sẽ biết được một vài điều chăng.

Ra khỏi sự liệt kê ngắn ngủi kể trên chúng ta bước vào một môi trường trong đó những đối tượng và nội dung được hình dung bằng một sự tượng trưng dồi dào, có thiên hành vạn trạng. Đó là môi trường của đời sống tình dục, của cơ quan sinh dục, những hành vi giao cấu. Phần lớn những ký hiệu tượng trưng trong giấc mơ là những ký hiệu tình dục. Nhưng ở đây chúng ta đứng trước một sự khác biệt kỳ lạ. Trong khi nội dung thì rất ít, những ký hiệu để chỉ những nội dung đó lại rất nhiều, thành ra mỗi đối tượng đều được tượng trưng bằng rất nhiều ký hiệu mà ký hiệu nào cũng giá trị như nhau. Nhưng trong khi giải thích, người ta thường gặp những sự ngạc nhiên khó chịu. Trái với những hoạt động của các giấc mơ thường có thiên hình vạn trạng, sự giải thích các ký hiệu tượng trưng đều chán nản không thể tả. Đó là sự kiện làm mọi người bực mình nhưng làm sao được bây giờ?

Vì đây là lần đầu tiên chúng ta nói đến nội dung của đời sống tình dục, tôi phải nói cho bạn rõ tôi muốn nói đến vấn đề đó theo cách nào. Môn phân tâm học không có lý do gì để nói một cách úp mở, hay chỉ nói đến bằng những sự ám chỉ. Môn này không xấu hổ khi xét vấn đề quan trọng đó, thấy rằng việc gọi sự việc bằng chính tên của chúng là phương sách hay nhất để tránh những ý tưởng xấu xa. Việc có mặt trong cử toạ đại diện của cả hai phái nam nữ cũng chẳng thay đổi gì. Nếu chúng ta không có một khoa học dành riêng cho các ông hoàng bà chúa thì chúng ta cũng không có khoa học nào dành riêng cho các cô gái ngây thơ và các bà hiện diện trong những buổi học này, chứng tỏ rằng họ muốn được đối xử ngang hàng với các ông, ít nhất cũng về phương diện khoa học.

Vậy giấc mơ về cơ quan sinh dục của đàn ông có nhiều sự biểu thị có tính cách tượng trưng trong khi đó cái gì có tính cách chung dùng để so sánh thường hiện ra rõ ràng. Cơ quan này thường được tượng trưng bằng con số 3. Phần chính trong cơ quan sinh dục này, cái dương vật thường được cả hai phái nam nữ chú ý đến một cách thích thú, được tượng trưng bằng những đồ vật có hình thức giống nó như; cái gậy, cái ô, thân cây, cây cối v.v...; rồi đến những đồ vật có thể đi sâu vào trong một vật nào đó gây ra trong đó những vết thương: khí giới nhọn đủ loại, như dao, dao găm, lưỡi dao, gươm giáo, hay súng, nhất là súng lục trông giống cái dương vật nhất. Trong những cơn ác mộng của các cô gái, họ thường nằm mơ người đàn ông cầm dao hay súng đuổi. Có thể đó là trường hợp hay xảy ra nhất về tính cách tượng trưng của các giấc mơ, và giải thích những giấc mơ đó chẳng có gì là khó. Sự hình dung dương vật bằng những đồ vật phun ra một thứ nước cũng dễ hiểu chẳng kém: vòi nước,

bình nước, suối nước vọt ra ngoài, hay bằng những đồ vật có kéo dài ra như những cái đèn, cái bút chì v.v...; rồi những cái bút, những cái giũa móng tay, những cái búa cũng đều được dùng tượng trưng cho dương vật, điều này cũng chẳng có gì khó hiểu.

Việc dương vật có thể cương cứng lên được, không chịu ảnh hưởng của trọng lực được tượng trưng bằng những trái banh khinh khí, những máy bay, những khinh khí cầu Zeppelin. Những giấc mơ cũng dùng một phương sách đầy ý nghĩa để tượng trưng cho sự cương cứng lên của dương vật. Giấc mơ cho dương vật như cái gì cần thiết nhất trong con người và làm cho con người bay được lên cao. Các bạn đừng ngạc nhiên nếu tôi nói rằng những giấc mơ mà ai cũng biết, những giấc mơ thực đẹp đẽ trong đó sự bay lên giữ một vai trò vô cùng quan trọng, phải được giải thích như do sự khuynh hướng của cơ quan sinh dục, hiện tượng của sự cương cứng dương vật. Trong số những nhà phân tâm học có P. Federn đã dựa vào những bằng chứng không thể phủ nhận được để chứng minh điều đó, và ngay cả một nhà thí nghiệm danh tiếng không liên can gì đến môn phân tâm học cũng đi đến kết luận tương tự bằng cách đặt chân tay người chủ theo một chiều hướng đặc biệt để gây ra những giấc mơ (ông Maury Vold). Các bạn sẽ cãi lại rằng chính những người đàn bà cũng nằm mơ thấy mình bay lên. Các bạn hãy nhớ lại rằng giấc mơ thường được mô tả lại sự thực hiện những điều mình muốn trong ngày và không thiếu gì đàn bà muốn trở thành đàn ông dù lòng ham muốn này có ý thức hay không. Những bạn nào đã học môn giải phẫu học sẽ không ngạc nhiên khi thấy người đàn bà cũng muốn thực hiện lòng dục của mình bằng những cảm giác chẳng khác gì cảm giác của đàn ông.

Trong cơ quan sinh dục của đàn bà có một cơ quan cũng cương cứng được lên như dương vật và trong thời thơ ấu cũng như trong tuổi dậy thì trước khi giao hợp cũng giữ vai trò chẳng khác gì dương vật.

Trong những ký hiệu tượng trưng cho dương vật khó hiểu hơn chúng ta thấy có những loại bò sát và loài cá, nhất là con rắn. Tại sao cái mũ và cái áo tơi cũng dùng trong công việc tượng trưng đó? Thực không dễ đoán chút nào nhưng quả là sự tượng trưng đó phải có ý nghĩa. Ngoài ra người ta tự hỏi việc dùng chân, tay thay thế cho dương vật có một ý nghĩa tượng trưng nào không? Tôi tin rằng khi xét toàn thể giấc mơ, xét đến những cơ quan sinh dục của người đàn bà chúng ta phải nhận thức ý nghĩa đó.

Cơ quan sinh dục của người đàn bà được tượng trưng bằng những vật gì giống như một cái lỗ có khả năng chứa được một vật khác như: mỏ, hố, hốc đá, chai, lọ, hộp, rương, túi v.v... Tàu thuỷ cũng thế. Một vài ký hiệu khác như: lò, tủ, phòng, tượng trưng cho tử cung hơn là cho cơ quan chính thức. Ký hiệu phòng cũng gắn liền với các nhà, cửa, cổng tượng trưng cho cửa mình. Một vài vật khác cũng có ý nghĩa tượng trưng như gỗ, giấy, bàn, sách, vở. Về loài vật thì những con sên, con sò cũng tượng trưng cho cơ quan sinh dục phụ nữ. Cũng tượng trưng cho cơ quan này là cái mồm, những toà nhà hay những nhà thờ, nhà nguyện. Các bạn hẳn đã thấy rằng không phải những sự tượng trưng nào cũng đều dễ hiểu cả.

Đôi vú cũng phải được coi như cơ quan tình dục, cũng như một vài cơ quan khác trong người đàn bà được tượng trưng bằng những trái đào, trái táo, hoa quả. Lông ở bộ phận sinh dục

đàn ông cũng như đàn bà được tượng trưng bằng những khu rừng, bụi rậm. Cách cấu tạo phức tạp của cơ quan tình dục đàn bà thường được tượng trưng bằng một phong cảnh có đủ cả tảng đá, khu rừng, mây nước. Cơ quan của đàn ông được tượng trưng bằng đủ các thứ máy móc rất khó tả.

Một sự tượng trưng khác cho cơ quan tình dục của đàn bà là những hộp đồ nữ trang cũng như kho tàng thường tượng trưng cho những sự vuốt ve của người đàn ông đối với người mình yêu; những đồ ngọt như kẹo bánh tượng trưng cho sự thoả mãn về dục tình. Sự thoả mãn dục tình mà không cần đến người khác phải được tượng trưng bằng những trò chơi, ví dụ chơi dương cầm. Sự trơn trợt, trèo xuống, hay bẻ gẫy cành cây tượng trưng cho sự thủ dâm. Còn gãy răng hay bẻ răng tượng trưng cho sự bị thiến, một trừng phạt đối với những thoả mãn trái thiên nhiên. Những ký hiệu tượng trưng cho sự giao cấu không nhiều như ta tưởng, ví dụ như những hành động nhịp nhàng như khiêu vũ, cưỡi ngựa, trèo núi, hay những tai nạn kinh khủng như bị xe hơi chẹt, một vài cử động bằng tay như doạ dẫm bằng khí giới.

Sự áp dụng và giải thích những tượng trưng này không đơn giản như mình tưởng, cả hai đều có nhiều chi tiết mà mình không chờ đợi. Có một điều mình không tưởng tượng được là những ký hiệu tượng trưng này không hề phân biệt những sự thoả mãn dục tình của đàn ông hay đàn bà. Có những ký hiệu chỉ cơ quan của đàn ông cũng được, của đàn bà cũng được: ví dụ như hình dung của những trẻ con, trẻ trai hay trẻ gái. Có khi một ký hiệu đàn ông chỉ một phần trong cơ quan tình dục đàn bà hay trái lại. Những điều này thực khó hiểu khi người ta chưa

biết đến những sự phát triển của những sự biểu thị về tình dục của con người. Có một ít trường hợp trong đó không có sự lẫn lộn trong việc tượng trưng, ví dụ như túi, khí giới, hộp chỉ dùng riêng cho đàn bà thôi.

Tôi sẽ xét duyệt tất cả những phạm vi mà những sự tượng trưng đã dùng việc hình dung tình dục, nhất là những trường hợp mà yếu tố chung chưa được hiểu rõ. Ví dụ như cái mũ vừa dùng cho đàn ông cũng được, mà dùng cho đàn bà cũng được. Cái áo tơi thường chỉ một người đàn ông có khi không liên can gì đến tình dục cả, chả hiểu vì sao. Cái cà vạt rũ xuống trước ngực rõ ràng là một ký hiệu riêng cho đàn ông vì đàn bà không đeo cà vạt bao giờ. Quần áo trắng, vải thường tượng trưng cho đàn bà; áo dài, đồng phục tượng trưng cho sự trần truồng, hình thể; giầy da, giầy vải tượng trưng cho cơ quan tình dục đàn bà, cũng như cái bàn, đồ gỗ. Cái thang, bậc thang, chỗ vịn tay đều tượng trưng cho sự giao hợp. Nghĩ kỹ hơn chúng ta thấy yếu tố chung trong sự nhịp nhàng khi trèo lên cao cho sự kích động lên tới chỗ tột đỉnh: càng lên cao càng thấy khó thở.

Phong cảnh tượng trưng cho âm hộ. Núi non, tảng đá cho dương vật, vườn cho âm hộ. Trái cây chỉ đôi vú chứ không phải đứa con. Dã thú chỉ những người đam mê tình ái, rồi những bản năng xấu xa. Hoa, nhuỵ chỉ âm hộ, nhất là sự trinh tiết. Những đoá hoa chưa nhú chính là cơ năng sinh dục của loài cây trong đời thực. Từ cái phòng, những cửa sổ, cửa ra vào đều chỉ những lỗ như cửa mình, chỉ sự mở to cửa mình. Phòng đóng, phòng mở chỉ người đàn bà, còn chìa khoá chỉ người đàn ông.

Đó là những vật liệu cấu thành những giấc mơ tượng trưng. Thực ra chưa đầy đủ, chúng ta có thể kể nhiều nữa về chiều

rộng cũng như chiều sâu, nhưng như thế cũng tạm đủ rồi. Có thể bạn sẽ nổi giận và bảo tôi: "Nghe giáo sư nói thì chúng ta sống trong một thế giới bao quanh bằng những ký hiệu tượng trưng cho tình dục. Tất cả những gì quanh ta, áo chúng ta mặc, những đồ chúng ta cầm tay chẳng là gì khác hơn những cái tượng trưng cho tình dục, không hơn, không kém". Tôi công nhận là quả có nhiều điều khó hiểu thực và câu hỏi đầu tiên đến với các bạn hẳn phải là câu sau đây: Làm sao chúng ta biết được ý nghĩa của những ký hiệu tượng trưng đó khi chính người nằm mơ không cho ta biết gì hết, hay có cho biết thì cũng chỉ là những điều thiếu sót.

Tôi trả lời: chúng ta biết những điều đó là nhờ nhiều nguồn gốc lắm, những chuyện cổ tích, huyền thoại, chuyện vui cười, dân ca nghĩa là nhờ sự khảo sát những tập quán, phương ngôn, tục ngữ, bài hát, thi ca, tiếng nói hàng ngày của các dân tộc trên thế giới. Ở bất cứ đâu chúng ta cũng tìm thấy những ký hiệu như nhau, dễ hiểu. Khảo sát các nguồn gốc đó chúng ta thấy là chúng đi rất sát với tính cách tượng trưng trong các giấc mơ đến nỗi những điều vừa nói được xác nhận hoàn toàn.

Chúng ta đã nói rằng theo Shemer thì căn nhà tượng trưng cho thân thể người ta, cũng như cửa sổ, cửa ra vào tượng trưng cho các lỗ, bề mặt căn nhà chỉ những chỗ lồi lõm, ban công chỉ những chỗ dựa. Chính trong tiếng nói thường ngày chúng ta cũng dùng những ký hiệu đó: chúng ta chẳng thường gọi bạn thân của chúng ta là: "ngôi nhà cũ" và "mọi việc đều không được trật tự lắm trên tầng lầu một của anh ta" sao? (dịch từng chữ trong tiếng Đức).

Thoạt nghe người ta thấy thực kỳ khi cha mẹ được tượng trưng bằng vua và hoàng hậu. Trong nhiều chuyện cổ tích khi ta đọc thấy: "Ngày xưa có một ông vua và một bà hoàng hậu "những chữ này thực ra chỉ là những chữ thay thế cho: "Ngày xưa có một người cha và một người mẹ". Trong gia đình, người ta thường gọi đứa trẻ con là những ông hoàng, đứa lớn nhất là Hoàng thái tử (kronprinz). Chính vua thường được gọi là cha mẹ dân. Những đứa bé thường được gọi đùa là những con sâu, chúng ta chẳng đã thương hại gọi đùa chúng là "Những con sâu bé nhỏ đáng thương" sao? (Das arme Wurm).

Chúng ta hãy trở lại ký hiệu căn nhà và các phụ thuộc. Khi chúng ta trong giấc mơ, dùng những chỗ lồi trong căn nhà làm chỗ bấu víu, chúng ta hẳn đã nhớ lại ý nghĩa của quần chúng khi họ nói đến những cặp vú đồ sộ là "có thể đánh du vào đó được". Những người ngoài phố còn nói đến những người có đôi vú to là: "Bà này có nhiều gỗ trước cửa nhà nhỉ" y như họ muốn khẳng định cái giải thích của chúng ta khi ta nói rằng gỗ là vật tượng trưng cho người đàn bà.

Về rừng, chúng ta sẽ không hiểu tại sao rừng lại được dùng tượng trưng cho đàn bà nếu chúng ta không cầu cứu môn ngôn ngữ học so sánh. Tiếng Đức Holz (gỗ) cùng một gốc rễ với tiếng Hy Lạp có nghĩa là vật chất, nguyên liệu. Có nhiều khi một tiếng chung dùng để chỉ một vật riêng. Trong Đại Tây Dương có một hòn đảo tên Madeira vì đảo đó toàn rừng, Madeira tiếng Bồ Đào Nha có nghĩa là rừng. Tiếng Madeira gốc từ tiếng La Tinh Materiasa thành Matiére của Pháp. Chữ materia gốc ở chữ mater nghĩa là người mẹ. Vậy matiére, vật chất của một vật gì chính là mẹ của vật đó. Chính quan niệm cũ

kỹ này đã phát sinh ra ký hiệu tượng trưng gỗ, rừng trở thành người mẹ, người đàn bà.

Trong giấc mơ, sự sinh đẻ thường được tượng trưng bằng nước, nhảy xuống nước hay từ dưới nước đi lên tức là sinh ra hay ra đời. Gốc của sự tượng trưng này là do thuyết tiến hoá: một đằng, mọi vật trên cạn, trong đó phải kể cả tổ tiên loài người, đều bắt nguồn ở những vật sống dưới nước (quan niệm này quá xưa); đằng khác, bất cứ một loài có vú, một người nào trước khi ra đời cũng nằm trong nước nghĩa là nước trong tử cung người mẹ, và sinh ra tức là trong nước đi ra. Tôi không nói rằng người nằm mơ biết những điều đó. Nhưng tôi cho rằng anh ta không cần biết đến điều đó. Người nằm mơ có thể biết những điều được kể cho nghe hồi còn nhỏ, nhưng dù anh ta có biết chăng nữa cũng chẳng liên can gì đến sự hình thành của ký hiệu tượng trưng. Ngày xưa người ta kể cho chúng ta nghe rằng chính những con cò đem trẻ con đến. Nhưng có thấy trẻ con ở đâu, thì ở dưới sông dưới giếng, nghĩa là dưới nước chứ còn đâu nữa? Một thân chủ của tôi, hồi còn nhỏ có được nghe kể câu chuyện đó đã biến mất cả buổi chiều. Mãi sau người ta mới tìm ra chú bé đang cúi đầu xuống nước để tìm xem có đứa trẻ con trong đó không.

Trong những huyền thoại về sự ra đời của những anh hùng, mà O.Rank đã khảo cứu (việc cũ nhất là sự ra đời của của Sargon, ở Agade năm 2800 trước T.C) việc dìm trong nước hay từ trong nước đi ra giữ một vai trò quan trọng hàng đầu. Rank cho rằng đó là những hình ảnh tượng trưng cho sự sinh sống như trong giấc mơ. Khi trong giấc mơ chúng tự cứu được một người nào đó khỏi chết đuối, chúng ta thường coi người đó như

mẹ mình; trong những huyền thoại một người cứu một đứa bé khỏi chết đuối chính là mẹ đứa bé. Trong một câu chuyện người ta kể lại rằng: người ta hỏi một đứa bé Do Thái thông minh là: "Ai là mẹ của Moise". Thằng bé trả lời không ngập ngừng: "Đó là Công chúa". Nhưng người ta bảo: "Không đúng. Bà Công chúa chỉ là người cứu Moise khỏi chết đuối thôi". Đứa bé trả lời: "Thì bà ta bảo thế" chứng tỏ rằng nó cũng biết ý nghĩa đúng của câu chuyện huyền thoại.

Trong giấc mơ cái chết thường được tượng trưng bằng sự ra đi. Khi một đứa bé hỏi về một người đã lâu không gặp, thực ra đã chết, người lớn thường trả lời là người đó đi du lịch. Ngay ở đây tôi cũng cho rằng sự tượng trưng này không liên can gì đến sự giải thích cho trẻ con nghe. Nhà thi sĩ cũng dùng hình ảnh đó để chỉ suối vàng như một miền xa xôi mà không một du khách nào đến đó có thể trở về được. Ngay trong câu chuyện hàng ngày chúng ta cũng nói đến những chuyến du hành cuối cùng. Tôn giáo cổ xưa của xứ Ai Cập cũng nói đến cuộc du hành qua cõi chết. Còn nhiều bản của cuốn sách, ví dụ như cuốn Baedekre đi theo xác ướp trong cuộc du hành. Từ khi nghĩa địa được tách rời những nơi có nhà ở, cuộc du hành cuối cùng về cõi chết đã trở thành hiện thực.

Sự tượng trưng cho cơ quan sinh dục của đàn bà cũng không phải chỉ có trong giấc mơ. Trong đời sống nhiều khi bạn gọi một phụ nữ là "một cái hộp cũ kỹ" mà không hề biết rằng mình đã dùng chữ đó tượng trưng cho cơ quan đàn bà. Trong *Tân Ước* có nói như sau: người đàn bà là một cái bình yếu. Những sách kinh của người Do Thái có lối hành văn rất thi vị, đầy rẫy những thành ngữ mượn của sự tượng trưng tình dục,

thường không dễ hiểu tí nào và gây ra nhiều sự hiểu lầm ví dụ như trong cuốn *Thánh ca của các thánh ca*. Trong sách vở Do Thái sau đó luôn luôn có đoạn nói đến người đàn bà như một cái nhà và cái cửa như cái cửa mình. Ví dụ như người chồng lấy phải vợ mất trinh thường phàn nàn là mình thấy cửa để ngỏ. Người đàn bà nói về chồng mình như sau: Tôi dọn bàn sẵn cho anh nhưng anh lật đổ bàn. Vì người chồng lật ngược bàn nên con cái mới què quặt. Những tài liệu này đều trích trong cuốn *Sự tượng trưng tình dục trong kinh thánh Giato và thánh kinh Hồi giáo*, của M.L.Levy, Brunn.

Chính các nhà ngữ nguyên học đưa ra hình dung người đàn bà tượng trưng bằng cái tàu thuỷ: danh từ Schiff (tàu thuỷ) lúc đầu dùng để chỉ một cái bình bằng đất sét bắt nguồn ở chữ Schaff (cái chảo). Chữ lò tượng trưng cho người đàn bà và cái tử cung, đó là điều đọc thấy trong huyền thoại Hy Lạp liên can đến Péreanderu ở Corinthe và vợ là Mélissa. Theo chuyện do Hérodote kể lại thì sau khi giết vợ mình vì ghen tuông, tên hôn quân yêu cầu bóng mình cho biết tin tức về người vợ yêu quý, người chết liền cho anh biết mình có mặt bằng cách nhắc cho Péreanderu biết là anh ta đã để bánh mì trong lò lạnh ngắt, thành ngữ này có mục đích ám chỉ đến những cử chỉ mà không một ai biết ngoài hai vợ chồng. Trong cuốn Anthropophyteia của Kraus thường được coi như một cuốn sách rất dồi dào về đời sống tình dục cuả các dân tộc, người ta đọc thấy rằng trong một vài miền ở Đức khi nói đến người đàn bà vừa sinh xong người ta thường nói rằng chị ta vỡ lò. Sự đốt lửa cũng có ý nghĩa tượng trưng: ngọn lửa ví như cơ quan sinh dục đàn ông; còn lò lửa là cơ quan của đàn bà.

Nếu ngạc nhiên không hiểu vì sao những phong cảnh lại luôn luôn tượng trưng cho cơ quan sinh dục đàn bà, bạn hãy đọc những sách về thần thoại trong đó đất lành nuôi sống con người giữ một vai trò như thế nào trong các dân tộc cổ xưa, và quan niệm về canh nông đã ảnh hưởng rất nhiều trong việc tượng trưng này. Thường ngày người đàn bà Đức chẳng hay hình dung căn phòng của người đàn bà để chỉ chính người đàn bà đó sao, thay thế con người bằng chỗ ở của đàn bà. Chúng ta cũng dùng chữ "Cánh cửa Thiêng liêng" để chỉ Đức vua và chính phủ. Chữ Pharaon dùng để chỉ vua Ai Cập có nghĩa là "sân to" (ở miền Đông xưa giữa hai cửa thành thường có sân dùng làm nơi họp chẳng khác những cái chợ trong thời cổ). Tuy nhiên tôi thấy nguồn gốc này có vẻ hời hợt. Tôi cho rằng sở dĩ cái phòng trở thành tượng trưng cho người đàn bà; thần thoại và thi ca chẳng nhắc luôn đến những chữ dùng tượng trưng cho người đàn bà đó sao? Đó là những chữ: toà lâu đài, thành quách, thành phố. Sở dĩ có người nghi ngờ về điểm này thì chỉ là vì người đó không biết tiếng Đức nên không hiểu chúng ta thôi. Nhưng trong mấy năm gần đây tôi có chữa cho nhiều người ngoại quốc và trong giấc mơ của họ, họ cũng nói đến những cái phòng để chỉ người đàn bà. Còn nhiều lý do để chứng minh rằng sự tượng trưng này đã vượt quá biên giới của ngôn ngữ, sự kiện này đã được nhà đoán mộng Schubert công nhận. Dù sao cũng cần phải cho rằng không một thân chủ nào của tôi lại không biết tí gì về tiếng Đức cả, vì thế tôi chờ đợi những nhà phân tâm học tại các nước khác trên thế giới hiến cho những tài liệu đối với những người nói cùng một thứ tiếng.

Về sự tượng trưng cho cơ quan sinh dục của đàn ông không có một ký hiệu nào lại không có trong câu nói thường

ngày dưới một hình thức khôi hài, tầm thường hay thi vị như trong các nhà thi sĩ thời cổ xưa. Trong những ký hiệu đó không những có những ký hiệu thường xuất hiện trong các giấc mơ mà còn có những ký hiệu khác ví dụ như cái cây. Vả lại, sự tượng trưng cơ quan sinh dục đàn ông có một phạm vi rất rộng, được bàn cãi rất nhiều nên chúng ta sẽ không nói đến vì không đủ chỗ. Chúng ta chỉ nới đến một ký hiệu thôi: đó là ký hiệu về Tam vị nhất thể. Chúng ta gạt ra một bên ý nghĩ không biết có phải con số 3 là nguồn gốc của sự tượng trưng này không. Nhưng điều chắc chắn là nếu có những đồ vật gì gồm ba phần (ví dụ như cây vân thảo ba lá) được dùng để tượng trưng cho những bình chủng hay biểu hiện nào đó thì chính là ý nghĩa tượng trưng đó.

Đoá hoa huệ ba cành của người Pháp, những huy hiệu kỳ khôi của hai đảo cách xa nhau như đảo Sicile và đảo Man, theo ý tôi chỉ là tượng trưng cho cơ quan sinh dục đàn ông. Thời cổ xưa người ta vẽ lại dương vật để xua đủ những ảnh hưởng xấu, ngày nay người ta thường đeo bùa, những bùa này không gì khác hơn là sự tượng trưng cho những cơ quan sinh dục. Các bạn hãy quan sát những bùa thường buộc quanh cổ mà xem: nào một đoá vân thảo bốn lá thay thế đoá vân thảo ba lá tượng trưng; một con lợn: ngày xưa tượng trưng cho sự sinh con đẻ cái; một cái nấm trông thực giống dương vật; một cái vành móng ngựa trông như âm hộ; anh chàng lau lò sưởi đem theo một cái thang là vì ngày xưa hình ảnh đó tượng trưng cho sự giao cấu. Chúng ta đã thấy cái thang tượng trưng cho sự giao cấu trong giấc mơ; trong tiếng Đức danh từ "trèo lên cao" có nghĩa là tình dục. Tiếng Đức thường nói "trèo lên người đàn bà", và "thằng cha này là một thằng trèo lâu đời". Trong tiếng

Pháp người ta dịch tiếng Stufe của Đức bằng chữ "đi" và người ta gọi anh chàng chơi bời đàng điếm bằng tiếng "một thằng đi nhiều". Có lẽ danh từ cũng liên can đến việc nhiều giống vật trong khi giao cấu thường cưỡi lên con cái.

Việc dùng danh từ bẻ gãy cành để chỉ sự thủ dâm không những đúng với những cử chỉ thường thường trong lúc thủ dâm mà còn giống như nhiều thành ngữ trong thần thoại. Nhưng sự tượng trưng cho việc thủ dâm hay sự thiến bằng hình dung rụng răng thực đặc biệt: khoa nhân chủng học cho ta một thí dụ về điều đó. Ngày nay sự buộc buông trứng có lẽ bắt nguồn ở sự thiến ngày xưa. Có nhiều bộ lạc cổ xưa thường rạch cơ quan sinh dục để kỷ niệm việc đến tuổi dậy thì của con trai trong khi có những bộ lạc lại nhổ một cái răng trong dịp này.

Tôi chấm dứt bài này bằng những thí dụ trên. Đó chỉ là những thí dụ; chúng ta biết nhiều hơn thế nữa và những thí dụ này nếu không phải do chúng mình là những người không chuyên môn tập trung lại mà do những nhà chuyên môn về khoa nhân chủng, thần thoại, ngôn ngữ và nhân loại học tập trung thì thú vị hơn nhiều. Nhưng dù những điều mình biết hãy còn ít ỏi, chúng ta vẫn phải đưa ra những kết luận và những kết luận này sẽ làm chúng ta suy nghĩ.

Trước hết, chúng ta có sự kiện là người nằm mơ có một lối diễn tả tượng trưng mà anh ta không biết đến và cũng không công nhận khi thức dậy. Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên cũng như khi ta nghe nói rằng chị hầu gái của chúng ta biết chữ Phạn dù chị ta sinh ở Đức và chưa bao giờ học thứ chữ đó cả. Chúng ta không thể dùng những quan niệm của chúng ta về tâm lý học để biết rõ điều đó. Chúng ta chỉ có thể nói rằng

nếu người nằm mơ có biết đến những sự tượng trưng này thì chính là vô thức, sự biết này thuộc vào đời sống tinh thần vô thức. Điều giải thích này không đi xa được . Cho tới nay chúng ta chỉ cần công nhận là có những khuynh hướng vô thức nghĩa là khuynh hướng mà chúng ta không biết đến trong thời gian ngắn ngủi nào đó thôi. Nhưng bây giờ còn có gì hơn nữa: đó là những điều hiểu biết bằng vô thức, những liên quan vô thức giữa các ý tưởng, những sự so sánh vô thức giữa các vật, trong đó một trong các vật sẽ thay thế cho những vật khác một cách thường trực. Những sự so sánh này không phát sinh ra chỉ để dùng một lần cho một trường hợp nào đó, nhưng để dùng mãi mãi trong mọi trường hợp và bao giờ cũng sẵn sàng xuất hiện. Chúng ta đã có bằng cớ về điểm này vì nhìn thấy chúng trong những người khác nhau hoàn toàn, nói hai thứ tiếng khác nhau.

Những điều biết tượng trưng này từ đâu ra? Tiếng nói thường ngày chỉ cung cấp có một phần nhỏ thôi. Những sự giống nhau trong các phạm vi khác, nhiều khi người nằm mơ không hề biết đến và nếu chúng ta có tập trung được vài ví dụ thì cũng khó nhọc lắm.

Thứ hai, những liên quan tượng trưng này không thuộc riêng về người nằm mơ và không biểu thị riêng cho công việc tiến hành trong giấc mơ. Chúng ta biết là những thần thoại, những chuyện cổ tích, những câu ca dao tục ngữ, những bài dân ca, tiếng nói hàng ngày và những nhà thi sĩ đều dùng sự tượng trưng đó. Phạm vi của sự tượng trưng rộng lớn vô cùng, sự tượng trưng trong giấc mơ chỉ là một khoảng nhỏ trong phạm vi đó. Chúng ta không nên khảo cứu toàn thể vấn đề bằng cách đi từ những giấc mơ. Nhiều ký hiệu tượng trưng dùng ở nơi khác

không xuất hiện trong giấc mơ hay chỉ xuất hiện rất ít; người ta cũng không luôn luôn tìm thấy ở ngoài đời những ký hiệu thường xuất hiện trong giấc mơ hay nếu có thì cũng chỉ lẻ tẻ thôi. Người ta có cảm tưởng đang đứng trước một lối diễn tả cũ kỹ nhưng đã mất đi rồi trừ một vài trường hợp còn sót lại, rải rác khắp nơi, chỗ này một ít, chỗ kia một chút thay đổi trong rất nhiều phạm vi. Tôi nhớ đến một anh chàng điên khùng đã tượng trưng ra một tiếng nói căn bản trong đó những liên quan tượng trưng chỉ là những cái gì còn sót lại trong tiếng nói đó.

Thứ ba, các bạn chắc ngạc nhiên khi thấy trong các phạm vi khác những liên quan tượng trưng này không hoàn toàn thuộc về tình dục, trong khi giấc mơ thì lại hoàn toàn thuộc về tình dục thôi. Điều này cũng chẳng dễ cắt nghĩa gì. Có phải là những ký hiệu tượng trưng cổ xưa đã được áp dụng vào những trường hợp mới không, có phải sự áp dụng mới này dần dần đã đưa những ký hiệu này đến độ mất hết ý nghĩa tượng trưng không? Tất nhiên là chúng ta không thể trả lời những câu hỏi đó một khi cứ đứng mãi trong phạm vi giấc mơ. Chúng ta chỉ nên nói rằng giữa những sự tượng trưng đó và đời sống tình dục có những dây liên lạc chặt chẽ.

Gần đây chúng ta nhận được một bài rất quan trọng về vấn đề này. Một nhà ngôn ngữ học, ông M. H. Sperber tuy không khảo cứu về phân tâm học đã cho rằng những nhu cầu tình dục giữ một vai trò quan trọng trong việc phát sinh và phát triển ngôn ngữ. Những âm thanh đầu tiên được phát ra dùng để gọi người khác giới trong công việc tình dục; rồi sự phát triển sau đó của ngôn ngữ đi cùng với sự tổ chức công việc trong thời cổ xưa. Công việc được tiến hành chung nhịp nhàng theo những

câu hò khoan. Sự quan tâm về tình dục đã di chuyển đến sự quan tâm về công việc. Người ta có thể cho rằng người thời cổ xưa chỉ bằng lòng chấp nhận công việc như một cái gì đến thay thế cho tình dục và cũng quan trọng như tình dục vậy. Vì thế nên những câu hò khoan đi theo sự làm việc có hai nghĩa, một nghĩa dính dáng đến công việc, một nghĩa dính dáng đến tình dục và phụ thuộc hẳn vào công việc. Những thế hệ sau, sau khi phát minh ra một tiếng có ý nghĩa tình dục, đã dùng tiếng đó trong một loại công việc mới. Nhiều tiếng gốc sau đó được thành lập, tiếng nào cũng bắt đầu có ý nghĩa về tình dục nhưng về sau bỏ mất ý nghĩa tình dục. Nếu những điều vừa phác hoạ được coi là đúng thì chúng ta sẽ có thể hiểu được tính chất tượng trưng trong giấc mơ, hiểu rõ tại sao giấc mơ trong khi giữ lại được một cái gì trong những điều kiện cũ kỹ đó, lại có nhiều ký hiệu liên quan đến tình dục như thế, tại sao những binh khí và dụng cụ lại dùng để tượng trưng cho đàn ông, những vải và đồ vật dụng lại tượng trưng cho đàn bà. Liên quan tượng trưng hình như cái gì còn sót lại của sự đồng hoá các tiếng trong thời cổ, những đồ vật ngày xưa có cùng một tên với những đồ vật có dính dáng đến hình cầu và đời sống tình dục bây giờ xuất hiện trong giấc mơ dưới danh nghĩa là ký hiệu tượng trưng cho hình cầu và đời sống này.

Những sự việc này được gợi ra khi nói đến giấc mơ sẽ giúp cho chúng ta thấy rằng môn phân tâm học chính là một môn học có tính chất tổng quát chứ không phải như Tâm lý học và tâm thần học. Môn phân tâm học có liên quan đến nhiều khoa học tinh thần khác như thần thoại học, ngôn ngữ học, nhân chủng học, tâm lý quần chúng học, khoa học tôn giáo. Những công trình khảo cứu của những khoa học này cũng giúp chúng

ta nhiều dữ kiện quý báu. Cho nên chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy phong trào phân tâm học đã đưa đến sự xuất bản một tờ tạp chí dành riêng cho các vấn đề khảo sát các liên quan giữa các môn học này và môn phân tâm học. Đó là tờ tạp chí Imago thành lập năm 1912 do Hans Sachs và Otto Rank. Trong sự liên lạc với các khoa học khác, môn phân tâm học cho nhiều hơn nhận. Tất nhiên, những kết quả đó có vẻ kỳ khôi mà môn phân tâm học thu lượm được sẽ được dễ dàng chấp nhận hơn một khi được các công trình khảo cứu trong các khoa học chấp nhận. Nhưng chính môn Phân tâm học đã cung cấp những phương pháp kỹ thuật và các quan điểm áp dụng được trong các khoa học khác. Công trình khảo cứu của Phân tâm học đã tìm ra trong đời sống tinh thần những sự kiện giúp cho chúng ta giải quyết hay đưa ra ánh sáng hơn một điều bí ẩn của đời sống công cộng.

Nhưng tôi chưa nói cho các bạn nghe trong trường hợp nào chúng ta có thể có được một tầm nhìn sâu xa nhất về vấn đề người ta gọi là "tiếng nói căn bản" và phạm vi nào đã giữ lại được nhiều điều truyền lại từ ngày xưa nhất. Chưa biết các điều đó, các bạn không thể hiểu được hết tầm quan trọng của vấn đề. Phạm vi đó là phạm vi của các chứng loạn thần kinh với những triệu chứng và cách phát hiện mà môn Phân tâm học có nhiệm vụ giải thích và chữa chạy.

Phương diện thứ tư của vấn đề đưa chúng ta quay lại điểm khởi đầu và hướng chúng ta theo chiều hướng đã vạch sẵn. Chúng ta đã nói rằng dù không có sự kiểm duyệt giấc mơ chăng nữa thì giấc mơ cũng không phải vì thế mà trở nên dễ hiểu hơn vì chúng ta sẽ phải giải quyết vấn đề diễn tả ngôn ngữ tượng

trưng trong giấc mơ bằng ngôn ngữ trong khi thức. Vậy tính chất tượng trưng trong giấc mơ là một yếu tố khác trong sự biến dạng của giấc mơ không phụ thuộc vào sự kiểm duyệt. Nhưng ta có thể cho rằng sự kiểm duyệt có thể lợi dụng tính chất tượng trưng để tiện cho công việc mình vì cả hai đều có một mục đích chung: làm cho giấc mơ trở thành kỳ khôi và khó hiểu.

Vì vậy sau này chúng ta có thể tìm ra được một yếu tố mới trong sự biến dạng nữa. Nhưng tôi không muốn rời bỏ vấn đề tính chất tượng trưng mà không nhắc lại một lần nữa thái độ thực khó hiểu của một số người học thức đối với vấn đề này: một thái độ chống đối hoàn toàn trong khi sự có mặt của tính chất tượng trưng đã được chứng minh đầy đủ trong huyền thoại, tôn giáo nghệ thuật và ngôn ngữ. Không biết chúng ta có nên tìm lý do của thái độ này trong những liên quan mà chúng ta đã tìm ra giữa tính chất tượng trưng và đời sống tình dục hay không?

11. SỰ XÂY DỰNG GIẤC MƠ

Nếu các bạn biết rõ sự kiểm duyệt và sự tượng trưng đã hoạt động như thế nào trong giấc mơ thì bạn có thể hiểu rõ sự hoạt động của các sự biến dạng. Muốn hiểu giấc mơ, các bạn dùng hai kỹ thuật bổ túc cho nhau: trước hết, gợi cho người nằm mơ nhớ lại nhiều điều cho đến khi dần dần tìm được thực chất của giấc mơ, rồi thay thế các ký hiệu tượng trưng bằng ý nghĩa thực của chúng. Thế nào bạn cũng sẽ gặp một vài điều không được chắc chắn, nhưng đó là điều chúng ta sẽ nói đến sau.

Đến đây chúng ta có thể tiếp tục công việc đã khởi đầu trước đây nhưng với phương tiện còn thiếu sót. Chúng ta đã có ý định sắp đặt các liên quan giữa những yếu tố của giấc mơ và thực chất của chúng; những liên quan này gồm có: liên quan giữa một phần và toàn thể sự phỏng chừng và ám chỉ, liên quan tượng trưng và sự biểu diễn bằng lời nói. Chúng ta sẽ làm lại công việc này trong một phạm vi rộng lớn hơn bằng cách so sánh nội dung rõ ràng với giấc mơ tiềm tàng những điều tìm ra được trong khi giải thích.

Tôi hy vọng là các bạn sẽ không lẫn lộn nội dung rõ ràng và những ý tưởng tiềm tàng nữa. Với sự phân biệt này, các bạn sẽ hiểu về giấc mơ hơn là những độc giả của cuốn sách "Đoán mộng" của tôi. Công việc biến đổi giấc mơ tiềm tàng thành nội dung rõ ràng gọi là "sự xây dựng giấc mơ". Công việc, trái lại, biến đổi nội dung thành giấc mơ tiềm tàng gọi là "công việc

giải thích giấc mơ". Công việc giải thích tìm cách xoá bỏ công việc xây dựng. Những giấc mơ thuộc loại trẻ con, những sự thực hiện các ham muốn cũng có một phần xây dựng, nhất là sự biến đổi lòng ham muốn cũng có một phần xây dựng, nhất là sự biến đổi lòng ham muốn thành sự thực, sự biến đổi những ý tưởng thành những hình ảnh thị giác. Đối với các giấc mơ này chúng ta không cần giải thích, chỉ cần xét qua loa về hai sự biến dạng thôi. Còn trong các giấc mơ khác, chúng ta phải làm công việc xây dựng, và sở dĩ phải làm việc này vì có sự biến dạng, sự biến dạng này chỉ có thể mất đi khi chúng ta giải thích xong.

Vì đã có dịp so sánh nhiều cách giải thích giấc mơ nên tôi có thể cắt nghĩa cho các bạn nghe công việc xây dựng một giấc mơ đã lợi dụng được những ý tưởng tiềm tàng trong đó như thế nào. Chỉ xin các bạn không nên đưa ra những lời kết luận quá vội vã. Tôi yêu cầu các bạn đặc biệt chú ý đến những điều dưới đây.

Công việc phải làm trước hết để xây dựng một giấc mơ là sự cô đọng lại giấc mơ. Tôi muốn nói là nội dung giấc mơ rõ ràng nhỏ hơn mục đích của giấc mơ tiềm tàng và chỉ là một bản tóm tắt thôi. Cũng có khi không có sự cô đọng nhưng trong thực tế sự cô đọng này bao giờ cũng có mặt và nhiều khi tỏ ra rất quan trọng. Chưa bao giờ người ta thấy nội dung của giấc mơ rõ ràng lại rộng và dồi dào hơn giấc mơ tiềm tàng. Sự cô đọng tiến hành theo ba phương pháp sau đây: 1/ Một vài yếu tố tiềm tàng bị gạt bỏ dễ dàng. 2/ Giấc mơ rõ ràng chỉ nhận một vài mảnh nhỏ của một vài phương diện của giấc mơ tiềm tàng

thôi. 3/ Những yếu tố trong giấc mơ tiềm tàng vì có một vài điểm đồng nhất được đồng hoá với giấc mơ rõ ràng.

Nếu muốn, bạn có thể dành cho phương pháp thứ ba này cái tên cô đọng. Hậu quả của phương pháp này rất dễ chứng minh. Chỉ cần nhớ lại giấc mơ của mình, bạn cũng dễ dàng tìm thấy trường hợp cô đọng của nhiều người thành sự cô đọng của một người. Từ một ông A, chúng ta có thể hiểu ông B, rồi ông này làm cho ta nhớ lại bà C, rồi với tất cả ta tìm ra D. Tất nhiên trong bốn người này có tính chất gì đó chung cho cả bốn. Cứ như thế chúng ta có thể thành lập một hợp thể gồm nhiều đối tượng, với điều kiện là các đối tượng này có một vài điểm chung nhau mà giấc mơ tiềm tàng nhấn mạnh đặc biệt. Gần như đó là một kỷ niệm mới mà điểm chung nhau chính là tâm điểm. Đem nhiều phần nhỏ hoà vào thành một hợp thể như thế, chúng ta sẽ có những hình ảnh mơ hồ giống như một tấm kính ảnh có thể được in thành nhiều tấm ảnh khác. Công việc xây dựng giấc mơ cần để ý đến những hợp thể đó thường do mình tạo ra khi chúng không có mặt, ví dụ như khi chúng ta tìm một chữ để diễn tả một ý. Chúng ta đã gặp những sự cô đọng và thành lập loại này, ví dụ như trong trường hợp lỡ lời. Các bạn hãy nhớ lại anh chàng trẻ tuổi muốn begleit - digen (do hai chữ beglei ten, đi cùng, và belei digen, thất lễ, họp thành) một bà. Có những *gạch trí khôn* cũng được họp thành bằng những kỹ thuật loại đó. Nhưng ngoài trường hợp này thì phương pháp cô đọng đó có vẻ kỳ lạ và kỳ khôi. Sự thành lập những hợp thể cũng giống những sự việc do trí tưởng tượng dồi dào của chúng ta sáng tạo ra bằng những yếu tố không hề có trong cuộc thí nghiệm: ví dụ như những con vật khổng lồ thời tiền sử trong thần thoại và

trong các bức hoạ của Bocklin. Vả lại, trí tưởng tượng sáng tạo của mình thực ra chẳng sáng tạo được gì bao giờ, mà chỉ tập trung lại một nơi những yếu tố khác biệt thôi. Nhưng phương pháp dùng trong công việc xây dựng có đặc biệt là những vật liệu dùng để xây dựng toàn là những ý tưởng, trong đó có một vài ý thô tục không thể được chấp nhận nhưng tất cả đều được thành lập và diễn tả một cách đúng đắn. Công việc xây dựng gán cho những ý tưởng này một hình thức khác nhưng thực là một điều đáng chú ý và khó hiểu khi công việc này lại dùng sự dung hợp để diễn tả những ý tưởng này. Trong khi diễn dịch chúng ta đặc biệt chú ý đến những điểm đặc biệt trong nguyên bản và cố tránh không lẫn lộn những chữ có nghĩa giống nhau. Công việc xây dựng trái lại cố gắng có hai ý khác nhau để tìm ra một chữ có thể diễn tả được cả hai ý. Chúng ta không nên đưa ra những kết luận vội vã về điểm đặc biệt này, vì chính điểm đó có thể trở thành quan trọng trong khái niệm về công việc xây dựng.

Dù sự cô đọng lại có làm cho giấc mơ tối tăm hơn đi nữa, người ta cũng không cho đó là kết quả của kiểm duyệt. Nó có thể có những nguyên nhân có tính chất cơ khí hay kinh tế nhưng dù sao sự kiểm duyệt cũng có dự phần vào đó.

Những hậu quả của sự cô đọng có thể hết sức kỳ lạ. Sự cô đọng làm cho chúng ta có thể tập trung vào trong giấc mơ rõ ràng hai ý tưởng tiềm tàng khác hẳn nhau, và do đó giải thích được mà không cần một cách giải thích phụ nào khác nữa. Sự cô đọng còn có hậu quả làm cho liên quan giữa các yếu tố của giấc mơ tiềm tàng và của giấc mơ rõ ràng trở nên phức tạp. Vì thế nên một yếu tố trong giấc mơ rõ ràng có thể tương ứng với

nhiều ý tưởng tiềm tàng và trái lại: như vậy tức là có một sự trao đi đổi lại. Trong khi giải thích giấc mơ người ta cần để ý rằng những ý tưởng xuất hiện tuần tự không nên đem ra dùng ngay mà phải chờ cho chúng ra hết rồi mới đem dùng.

Vậy công việc xây dựng diễn tả những ý tưởng trong giấc mơ một cách khác thường, không phải bằng cách dịch từng chữ một, hay chọn lựa theo một qui tắc nào đó, hay tìm cách thay thế một ý này bằng một ý khác. Công việc xây dựng là một công việc khác hẳn và phức tạp hơn nhiều.

Một hậu quả khác của công việc xây dựng là sự di chuyển, một công việc chúng ta đã có dịp được biết đến rồi và hoàn toàn là công việc của sự kiểm duyệt. Sự di chuyển, diễn tiến theo hai cách: một là thay thế một yếu tố tiềm tàng không phải bằng một yếu tố khác cùng loại nhưng bằng một yếu tố khác xa hơn, nghĩa là bằng một sự ám chỉ; hai là tính chất tinh thần được chuyển từ một yếu tố quan trọng đến một yếu tố bớt quan trọng hơn làm cho giấc mơ thành ra có một ý nghĩa khác hẳn.

Sự thay thế bằng một sự ám chỉ cũng xảy ra trong khi ta thức nhưng hơi khác. Trong tư tưởng trong khi thức sự ám chỉ cần dễ hiểu, giữa sự ám chỉ và ý tưởng thực sự phải có một liên quan về nội dung. Gạch trí khôn thường lợi dụng sự ám chỉ nhưng không theo điều kiện phải có sự liên tưởng giữa các nội dung. Sự liên tưởng này được thay thế bằng một sự liên tưởng bên ngoài ít khi dùng đến, đặt căn bản trên sự giống nhau giữa các thanh âm, các nghĩa khác nhau của một chữ, v.v... Nhưng gạch trí khôn lại theo thực sát điều kiện về sự dễ hiểu: gạch trí khôn sẽ không đạt được mục đích nếu người ta hay một sự cắt nghĩa gắng gượng. Sự kiểm duyệt trong giấc mơ chỉ đạt được

mục đích khi làm cho người ta không thể tìm ra được con đường đưa từ sự ám chỉ tới thực chất của nó.

Sự di chuyển yếu tố tinh thần từ một yếu tố này qua một yếu tố khác trong giấc mơ là phương sách tốt nhất để diễn tả tư tưởng. Nhiều khi thức ta cũng dùng nó để có một ý nghĩa khôi hài. Tôi kể các bạn nghe câu chuyện sau đây: Trong một làng có một anh chàng đóng móng ngựa phạm một tội nặng. Toà án quyết định rằng anh ta phải đền tội, nhưng vì trong làng ngoài anh ta ra không còn người đóng móng nào khác, vì thế anh trở nên cần thiết không thể giết được, trong khi đó trong làng có tới ba anh thợ may, nên ba anh này bị treo cổ thay thế cho anh đóng móng.

Hậu quả của công việc xây dựng, về phương diện tâm lý là hậu quả thích thú nhất. Đó là sự biến đổi các ý tưởng thành những hình ảnh thị giác. Điều đó không có nghĩa là tất cả những yếu tố cấu thành đều bị biến đổi hết; nhiều yếu tố giữ nguyên tính cách và xuất hiện nguyên hình trong giấc mơ rõ ràng; ngoài ra không phải các ý tưởng chỉ xuất hiện dưới hình thức của hình ảnh thị giác. Dù sao thì những hình ảnh thị giác này cũng giữ phần chính yếu trong sự thành lập một giấc mơ. Phần việc này của công trình xây dựng không thay đổi: chúng ta biết điều này rồi cũng như chúng ta đã biết đến "sự biểu diễn bằng lời nói"của những yếu tố riêng biệt trong mơ.

Tất nhiên người ta không dễ dàng gì đạt được kết quả đó. Để hiểu những sự khó khăn đó bạn cứ tưởng tượng trong một bài luận thuyết về chính trị, nghĩa là thay những chữ in bằng những hình vẽ. Đối với người và vật nói trong bài đó việc thay thế bằng hình ảnh chẳng có gì là khó, nhưng khi muốn thay thế

những ý tưởng trừu tượng hay những sự liên lạc giữa ý này và ý nọ thì quả là một công việc đội đá vá trời. Đối với những chữ trừu tượng bạn có thể dùng đủ mọi cách, ví dụ như có thể viết lại theo một lối nói có lẽ ít được thông dụng hơn nhưng chứa đựng nhiều hình ảnh cụ thể hơn. Các bạn sẽ nhớ lại rằng những tiếng trừu tượng này chính là những chữ cụ thể ngày xưa rồi bạn sẽ tìm đủ mọi cách để tìm lại được ý nghĩa cụ thể lúc đầu. Ví dụ bạn sẽ rất thích khi có thể diễn tả ý "có một đồ vật gì" (besitzen) bằng ý nghĩa cụ thể là "ngồi trên vật đó" (daruafsitzen). Công việc xây dựng không làm gì khác hơn. Chúng ta không nên đòi hỏi một sự chính xác quá đáng đối với một sự biểu diễn tiến hành trong điều kiện như thế. Cho nên chúng ta không tránh công việc xây dựng này khi nó thay thế một yếu tố rất khó hình dung như sự ngoại tình (Ehebruch) bằng một hình ảnh cụ thể như "gãy một cánh tay" (Armburch). Biết những chi tiết đó bạn có thể sửa chữa lại những sự vụng về của hình vẽ khi dùng để thay thế lời nói.

Nhưng những phương tiện này thiếu thốn khi diễn tả những dây liên lạc giữa hai ý: bởi vì, vì lý do, v.v... Những yếu tố này không thể được diễn tả bằng hình ảnh. Cũng thế, công trình xây dựng trong giấc mơ rút gọn nội dung giấc mơ thành những đối tượng và hành động cụ thể. Các bạn sẽ hài lòng nếu có thể diễn tả những liên quan trừu tượng bằng những hình ảnh. Công việc xây dựng dùng những tính chất hình thức trong giấc mơ rõ ràng, những mảnh nhỏ, những mức độ rõ ràng hay tăm tối để diễn tả một vài phần nội dung những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ. Những ý tưởng tiềm tàng được phân chia thành nhiều giấc mơ nhỏ và số những giấc mơ này cũng tương ứng với số chủ đề chính trong giấc mơ, với những loại ý tưởng có

trong đó; một giấc mơ nhỏ diễn ra trước giấc mơ chính y như một bài mở đầu cho một cuốn sách; một ý tưởng phụ thuộc thêm vào ý chính được thay thế bằng một vài cảnh bao gồm các biến cố của giấc mơ tiềm tàng được diễn tả trong giấc mơ rõ ràng. Sự việc cứ tiếp tục như thế. Hình thức của giấc mơ không phải là không quan trọng và cũng cần giải thích. Nhiều giấc mơ có thể xảy ra trong một đêm, giấc mơ nào cũng quan trọng như nhau chứng tỏ rằng có một vài sự kích động càng ngày càng tăng cường độ cần phải bị chế ngự. Trong một giấc mơ, một yếu tố đặc biệt có thể được biểu diễn bằng nhiều ký hiệu tượng trưng.

Làm công việc so sánh những ý tưởng trong giấc mơ và giấc mơ thực sự diễn ra, chúng ta biết được những điều không chờ đợi, ví dụ như chúng ta biết được những điều không chờ đợi, ví dụ như chúng ta thấy rằng ngay những điều khó hiểu trong giấc mơ cũng có một ý nghĩa đặc biệt. Về điểm này, sự trái ngược giữa quan niệm y học và quan niệm phân tâm học về giấc mơ tới một mức độ ghê gớm đến nỗi trở thành tuyệt đối không giải quyết được. Theo quan niệm trên thì giấc mơ chẳng có nghĩa lý gì cả, vì tinh thần mà giấc mơ là hậu quả mất hết khả năng phê phán; theo quan niệm sau thì giấc mơ trở thành vô nghĩa lý một khi ngay trọng giấc mơ người ta đã phê phán là điều đó thực vô nghĩa lý. Ví dụ như việc mua ba vé giá 1 fl. 50 mà chúng ta đã thấy. Sự phê phán trong dịp này là: lấy chồng sớm quá là một điều không hiểu được (hay là một điều dại dột).

Trong công việc xây dựng giấc mơ, chúng ta cũng biết điều gì tương ứng với những sự nghi ngờ, bất định của người nằm mơ, nghĩa là có thực một yếu tố nào đã được diễn tả trong

giấc mơ hay không, và yếu tố này có đúng như điều mà mình nghĩ hay không hay là một điều khác. Không có gì trong giấc mơ tiềm tàng cho ta biết về những điều nghi ngờ, bất định đó; chúng chỉ là hậu quả của sự kiểm duyệt thôi và phải được coi như một mưu toan gạt bỏ được sự dồn ép.

Một trong các nhận xét là mình ngạc nhiên nhất là nhận xét liên quan đến các công việc xây dựng dùng để giải quyết những sự trái ngược nhau trong giấc mơ tiềm tàng. Chúng ta đã biết là những yếu tố tương tự trong giấc mơ tiềm tàng được thay thế bằng những sự cô đọng trong giấc mơ rõ ràng. Nhưng những sự trái ngược cũng được giải quyết như những sự giống nhau và cũng được diễn tả bằng một yếu tố như nhau trong giấc mơ rõ ràng. Vì thế nên một yếu tố có điểm trái ngược trong giấc mơ rõ ràng cũng có thể có ý nghĩa, chúng ta phải tuỳ theo ý chính mà giải thích. Vì thế cho nên chúng ta mới hiểu tại sao trong giấc mơ không hề có hình dung câu trả lời "không" bao giờ.

Cách làm việc kỳ lạ của công việc xây dựng có một điểm tương tự trong công việc phát triển ngôn ngữ. Nhiều nhà ngôn ngữ học nhận thấy rằng trong ngôn ngữ thời cổ có những sự trái ngược như: yếu - khoẻ, rõ ràng - tăm tối, lớn - nhỏ đều được diễn tả cùng một gốc (nghĩa trái ngược trong những tiếng cổ xưa). Ví dụ như trong tiếng cổ Ai Cập ý khoẻ và yếu đều được diễn tả bằng tiếng "ken". Khi nói người ta dùng giọng cao hay thấp để phân biệt hai nghĩa; khi viết người ta thường vẽ thêm một hình ảnh không được đọc lên. Người ta viết chữ ken - khoẻ bằng cách vẽ bên cạnh một người đứng thẳng dậy; và ken - yếu bằng hình ảnh một người đang ngồi xổm. Mãi sau này người ta

mới dần dần thay đổi và dùng những chữ riêng để diễn tả hai ý trái ngược. Vì thế người ta đã chia chữ ken ra thành hai chữ ken - khoẻ và ken - yếu. Một vài ngôn ngữ trẻ hơn và một vài sinh ngữ ngày nay còn giữ lại được dấu vết của sự trái ngược cổ xưa đó. Xin đơn cử một vài ví dụ theo C. Abel (1884).

Tiếng La Tinh có những tiếng nhiều nghĩa như sau :

Altus (cao, sâu, xa) và sacer (thiêng liêng và sự địa ngục).

Và đây là một vài ví dụ về những sự thay đổi trong chữ gốc:

Clamere (kêu); clam (yên lặng, dịu dàng, bí mật); siccus (khô) và succus (nước đường).

Và tiếng Đức:

Stimme (giọng nói) và stumm (câm).

So sánh những sinh ngữ có họ hàng với nhau chúng ta có nhiều thí dụ cùng loại:

- Anh: lock (khoá); Đức: loch (lỗ), lucke (lỗ hổng).

- Anh: cleave (bổ đôi); Đức: klenben (dán).

Tiếng Anh without theo nghĩa đen là với và không ,bây giờ chỉ còn dùng một nghĩa: không; tiếng with không những chỉ được dùng theo nghĩa thêm vào (với) mà còn dùng với nghĩa loại trừ (soustraction) thí dụ như những chữ withdraw (rút lại, rút đi) withhold (từ chối, ngăn cản). Tiếng Đức wieder cũng thế.

Một điểm đặc biệt khác trong công việc xây dựng cũng có một điểm tương tự trong việc phát triển ngôn ngữ. Trong tiếng cổ Ai Cập cũng như trong một vài thứ tiếng trẻ hơn từ ngôn ngữ

này sang ngôn ngữ khác cùng một tiếng, cùng một nghĩa có thể được diễn tả bằng những thanh âm trái ngược, ví dụ như những thí dụ sau đây lấy trong tiếng Đức và tiếng Anh.

Topt (dọ) - pot. Boat (tàu, thuỷ) - tub. Hurry (vội vã) - Ruhe (nghỉ) - Balken (kèo) - Kloben (củi); wait (đợi) - tauwen.

So sánh tiếng La Tinh và tiếng Đức ta có:

Capere (cầm) - packen; ren (thận) - Niere.

Những sự trái ngược như thế này xảy ra trong giấc mơ bằng nhiều cách khác nhau. Chúng ta đã biết những sự trái ngược về nghĩa, sự thay thế nghĩa bằng tiếng phản nghĩa. Trong giấc mơ có những sự đảo lộn trái ngược những tình trạng, những liên quan hai người hình như mọi sự đều diễn ra trong một thế giới đảo ngược. Trong giấc mơ nhiều khi chính chú thỏ rừng lại săn người thợ săn. Sự tiếp diễn của các biến cố khởi đầu nguyên nhân cho giấc mơ nhiều khi lại đi sau những biến cố đáng lẽ phải đến sau. Đúng như trong những vở chèo trong hội chợ người anh hùng ngã lăn ra chết trước khi tiếng súng nổ trong hậu trường. Có những giấc mơ trong thứ tự các biến cố bị đảo lộn hoàn toàn thành ra muốn hiểu người ta phải bắt đầu bằng biến cố xảy ra trước mắt. Hẳn các bạn còn nhớ những điều đã được trình bày trong chương nói về tính chất tượng trưng của giấc mơ, trong đó chúng tôi đã trình bày rằng nhảy xuống nước cũng đồng nghĩa với từ dưới nước đi lên, nghĩa là sinh ra hay cho ra đời cũng thế thôi, trèo thang hay xuống thang cũng có nghĩa như nhau. Người ta nhìn thấy dễ dàng đâu là những cái lợi mà sự biến dạng của giấc mơ có thể có được vì sự tự do biểu diễn này.

Những điểm đặc biệt này của công việc xây dựng phải được coi như cổ lỗ lắm. Chúng gắn liền vào với những lối diễn tả cổ xưa, những ngôn ngữ và chữ viết thời cổ, cũng gặp những khó khăn mà sau này chúng ta sẽ nói đến.

Để kết luận, chúng ta cần đưa ra một vài nhận xét phụ. Trong công việc xây dựng, tất nhiên giấc mơ phải biến đổi những ý tưởng tiềm tàng thành những hình ảnh cụ thể, có tính cách thị giác càng tốt. Vậy mà những ý tưởng này lại bắt đầu xuất hiện bằng những hình ảnh cụ thể; những vật liệu của chúng, giai đoạn đầu tiên của chúng là những cảm giác về giác quan hay nói đúng hơn là những hình ảnh kỷ niệm của các cảm giác đó. Chỉ mãi về sau những tiếng nói mới được gắn liền vào các hình ảnh và nối lại thành những ý. Vậy công việc xây dựng làm cho các ý tưởng phải đi thụt lùi, và trong sự thụt lùi này tất cả những cái gì mà sự phát triển các hình ảnh kỷ niệm và sự biến đổi này thành ý tưởng đã đem đến cho giấc mơ như những cái gì mới thu thập được đều phải biến mất hết.

Công việc xây dựng trong giấc mơ diễn tiến như thế đó. Sự quan tâm của chúng ta đối với giấc mơ rõ ràng phải thụt lùi về sau hậu trường. Nhưng vì giấc mơ rõ ràng là điều mà chúng ta biết rõ hơn cả một cách trực tiếp, nên chúng ta sẽ dành cho nó một ít nhận xét nữa.

Giấc mơ rõ ràng dưới mắt chúng ta quả có mất đi nhiều phần quan trọng, điều này hết sức tự nhiên. Giấc mơ này có xếp đặt thành một khối hay không bị phân chia thành những mảnh nhỏ đối với chúng ta không phải là điều quan hệ. Ngay cả khi giấc mơ đó có một ý nghĩa gì chăng nữa thì ý nghĩa đó cũng bắt nguồn ở sự biến dạng của giấc mơ và không liên quan gì đến

giấc mơ tiềm tàng như là bề mặt của một toà nhà thờ bên Ý, liên quan với sự kiến trúc và đồ bản của nhà thờ đó. Trong một vài trường hợp, bề mặt của giấc mơ có thể có một ý nghĩa lấy từ những yếu tố không biến dạng hay chỉ hơi biến dạng một chút nằm trong những ý tưởng tiềm tàng. Một khi chúng ta chưa giải thích được giấc mơ, chưa hiểu được mức độ của sự biến dạng thì chúng ta không thể thấy rõ điều này được. Có một điểm nghi ngờ khi hai yếu tố trong giấc mơ có vẻ như tiến lại gần nhau đến mức hoà được vào với nhau. Từ sự kiện này người ta có thể đi đến kết luận rằng, những yếu tố tương ứng của giấc mơ tiềm tàng cũng phải xích lại gần nhau hơn, nhưng trong nhiều trường hợp khác những yếu tố kết hợp với nhau trong giấc mơ tiềm tàng lại tách rời nhau ra trong giấc mơ rõ ràng.

Chúng ta không nên giải thích một phần của giấc mơ rõ ràng bằng một phần khác, coi giấc mơ như một cái gì có mạch lạc và hợp thành một sự biểu diễn có tính cách thực tế. Trong phần lớn các trường hợp, giấc mơ giống như hòn đá ngũ sắc được kết hợp lại bằng chất xi măng, do đó những hình ảnh muôn màu xuất hiện trong đó không phải là hình ảnh xác thực của những đường vòng quanh những hòn đá được kết hợp lại. Thực ra cũng có một sự xây dựng thứ hai phụ thuộc có nhiệm vụ làm cho những dữ kiện trực tiếp có ngay của giấc mơ trở thành hơi có mạch lạc, nhưng xếp đặt lộn xộn không thể nào hiểu được, khi cần đến những dữ kiện này có thể được bổ túc.

Đằng khác, không nên gán cho công việc xây dựng này một tầm quan trọng quá đáng và chấp nhận nó không dè dặt. Sự hoạt động của nó biến mất dần dần do những hậu quả của chính nó: nào sự cô đọng, sự di chuyển, sự hình dung một cách cụ

thể, rồi xây dựng tất cả trong một công việc xây dựng thứ hai, nó chỉ làm được có thế thôi chứ không làm được gì hơn. Nhưng sự phán đoán, phê bình, ngạc nhiên, những kết luận xảy ra trong giấc mơ không bao giờ là kết quả của công việc xây dựng, rất ít khi là hậu quả của một sự suy nghĩ về giấc mơ: đó chính là những mảnh nhỏ trong giấc mơ tiềm tàng xâm nhập giấc mơ rõ ràng sau khi đã được thay đổi chút ít. Công việc xây dựng cũng không thể tạo lập được những diễn từ. Trừ vài trường hợp rất hiếm còn những điều nghe thấy trong giấc mơ thường là tiếng vang của những điều nghe thấy hay đã nói trong ngày, những điều này được đưa vào trong giấc mơ tiềm tàng như những vật liệu kích động giấc mơ. Những sự tính toán cũng không chịu ảnh hưởng của sự xây dựng; những tính toán thấy trong giấc mơ chỉ là sự xuất hiện lộn xộn của những con số, không có nghĩa gì hay chỉ là những bản cóp lại của những sự tính toán trong giấc mơ tiềm tàng. Trong những điều kiện đó, chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu thấy người ta bớt quan tâm đến sự xây dựng này, dành sự chú ý cho những ý tưởng tiềm tàng do giấc mơ rõ ràng phát hiện ra trong một tình trạng bị biến dạng nhiều hay ít. Nhưng người ta sẽ lầm to nếu cứ theo chiều hướng đó mà cho rằng những ý tưởng tiềm tàng có thể được coi như chính giấc mơ rồi đem áp dụng cho nó những sự kiện thuộc về giấc mơ rõ ràng. Thực là kỳ khôi khi người ta lạm dụng những dữ kiện của môn Phân tâm học để lẫn lộn những sự việc này. Giấc mơ không là gì khác hơn là hậu quả của công việc xây dựng; vậy giấc mơ chính là *hình thức* mà công việc xây dựng bao quanh những ý tưởng tiềm tàng.

Công việc xây dựng là một sự hoạt động có tính chất đặc biệt chưa từng thấy trong đời sống tinh thần. Những sự cô đọng, di chuyển biến hoá thụt lùi của những ý tưởng để trở thành những hình ảnh cụ thể chính là những điều hết sức mới mẻ do công của môn phân tâm học tìm ra. Ngoài ra dựa vào sự kiện tương tự như công việc xây dựng, chúng ta nhận thấy có những dây liên lạc chặt chẽ giữa môn phân tâm học và các môn học khác như sự tiến hoá của ngôn ngữ và tư tưởng. Các bạn chỉ thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề này sau khi biết rằng những sự hoạt động của công việc xây dựng sau này sẽ là nguồn gốc của sự phát sinh ra các chứng bệnh thần kinh.

Tôi biết là chúng ta chưa thể duyệt lại những điều ích lợi mà môn Tâm lý học có thể rút ra những nhận xét này. Tôi chỉ muốn các bạn để ý đến những bằng chứng mới của chúng ta về sự có mặt của những hoạt động tinh thần vô thức (những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ chẳng khác gì hơn là những sự hoạt động tinh thần vô thức này), những cánh cửa mà sự giải thích giấc mơ đã mở cho những người nào muốn khảo cứu về đời sống tinh thần vô thức này.

Và bây giờ, tôi phân tích cho các bạn xem một vài thí dụ nhỏ về các giấc mơ để hiến cho các bạn những chi tiết những điều mà từ trước tới nay tôi chỉ nói về đại thể để sửa soạn trước, hay chỉ nói một cách khái quát và vắn tắt thôi.

12. PHÂN TÍCH MỘT VÀI VÍ DỤ VỀ GIẤC MƠ

Các bạn đừng thất vọng nếu thay vì đưa cho các bạn xem những giấc mơ đẹp đẽ to tát, tôi lại chỉ đưa ra những mảnh giải thích nho nhỏ thôi. Chắc các bạn cho rằng sau bao nhiêu sự sửa soạn vừa qua, các bạn có quyền được tôi tin cậy hơn và sau khi đã giải thích bao nhiêu giấc mơ rồi, chúng ta đã có thể tập trung được nhiều giấc mơ với đầy đủ bằng chứng về những điều đã được trình bày về công việc xây dựng giấc mơ và những ý tưởng trong đó. Các bạn có lý lắm, nhưng thực ra có nhiều lý do khiến tôi không làm hài lòng các bạn được.

Trước hết các bạn nên biết rằng chưa có người nào coi việc giải thích giấc mơ là công việc chính của mình. Khi nào người ta có dịp giải thích giấc mơ? Khi người ta giải thích một giấc mơ cho một vài người bạn hay suy ngẫm về giấc mơ của chính mình để tự luyện về kỹ thuật phân tâm học: nhưng phần lớn là người ta giải thích giấc mơ của những người bị bệnh thần kinh được đem điều trị theo phương pháp phân tâm học. Những giấc mơ này là những tài liệu rất tốt và không hề kém giá trị so với giấc mơ của những người khoẻ mạnh bình thường, nhưng vì bận chữa bệnh nên nhiều khi chúng ta bị bó buộc phải theo phương pháp điều trị mà bỏ qua rất nhiều giấc mơ khác. Có nhiều giấc mơ xảy ra trong lúc điều trị không thể đem giải thích hoàn hảo

được. Vì chúng xuất hiện trong toàn thể những vật liệu về tinh thần mà chúng ta chưa hiểu, chúng ta chỉ hiểu được một khi việc chữa chạy đã xong xuôi. Đưa những giấc mơ đó ra tức là đưa ra hết những bí mật của một người bệnh, điều này không hợp ý muốn của chúng ta vì chúng ta muốn khảo sát giấc mơ là chỉ cốt để sửa soạn trong việc trị bệnh thần kinh.

Nói đến đây, chắc các bạn không muốn xét những giấc mơ bệnh hoạn này nữa mà muốn xét đến giấc mơ của các bạn hay giấc mơ của những người bình thường. Nhưng điều đó không làm được vì nội dung phức tạp của chúng. Chúng ta không thể tự thú với chúng ta hay thú với người khác, hay làm cho họ thú với chúng ta với một tấm lòng thành thực mà môn phân tâm học đòi hỏi bởi vì những giấc mơ đó sẽ đưa ra ánh sáng những điều bí ẩn của chính đời mình. Ngoài sự khó khăn về việc thu thập tài liệu còn có một sự khó khăn khác. Giấc mơ đối với chính người nằm mơ đã là một sự kỳ lạ rồi, tất nhiên đối với những người không biết gì về người nằm mơ. Nó phải có vẻ kỳ lạ hơn nữa chứ. Văn chương của chúng ta không hề thiếu những giấc mơ đã được giải thích hoàn hảo và đầy đủ. Chính tôi cũng đã cho in một số phân tích trong khi trị liệu. Thí dụ tốt đẹp nhất về sự giải thích phải là sự phát triển của Otto Rank. Đó là hai giấc mơ của một người con gái có dính dáng. Trình bày về nội dung của hai giấc mơ đó chỉ cần có hai trang nhưng khi giải thích lại cần tới 76 trang. Muốn làm công việc đó cho các bạn xem, tôi phải cần tới 6 tháng. Khi bắt tay vào việc giải thích một giấc mơ hơi dài, bị biến dạng nhiều hay ít, chúng ta phải làm nhiều việc đến nỗi sẽ mất rất nhiều công trình mà rút cục chẳng làm ai hài lòng cả. Vì thế tôi yêu cầu nên tạm bằng lòng với những mảnh nhỏ của các giấc mơ những người bị bệnh thần

kinh, chúng ta sẽ có thể khảo sát từng yếu tố một. Dễ chứng minh nhất là những ký hiệu tượng trưng của giấc mơ và một vài đặc điểm của sự biểu diễn thụt lùi của giấc mơ. Với mỗi giấc mơ được phân tích, tôi sẽ cho các bạn rõ những lý do nào đã làm cho tôi đưa chúng ra.

1. Đây là một giấc mơ chỉ gồm có hai hình ảnh vắn tắt: *Dù hôm đó là thứ bảy ông bác người nằm mơ vẫn hút thuốc lá. Một người đàn bà hôn và vuốt ve anh như con.*

Về hình ảnh thứ nhất: người nằm mơ cho ta biết anh ta là Do Thái và bác anh ta cũng là Do Thái, một con người ngoan đạo không bao giờ phạm tội nặng đến nỗi hút thuốc lá trong ngày thứ bảy. Về hình ảnh thứ hai, anh ta chỉ nghĩ đến má anh. Giữa hai hình ảnh này tất nhiên phải có liên quan gì. Nhưng là liên quan nào? Vì ông bác không thể nào hút thuốc lá trong ngày thứ bảy được , chúng ta chỉ có thể cho rằng giữa hai hình ảnh đó có một sự liên lạc về thời gian. "Nếu bác tôi hút thuốc trong ngày thứ bảy thì tôi mới để cho má tôi hôn tôi và vuốt ve tôi". Như thế có nghĩa là việc để cho má hôn và vuốt ve là điều không thể có được cũng như việc hút thuốc lá trong ngày thứ bảy đối với người Do Thái ngoan đạo. Chắc các bạn còn nhớ là tôi đã nói rằng trong khi xây dựng giấc mơ, tất cả những sự liên lạc giữa những ý tưởng đó đều bị tiêu huỷ, và những ý tưởng này chỉ còn xuất hiện dưới hình thức của những vật liệu nguyên chất, công việc của sự giải thích chính là tạo lập lại những dây liên lạc đó.

2. Sau khi cho xuất bản những cuốn sách về giấc mơ, tôi gần như đã trở thành một nhà chuyên môn về giấc mơ, được nhiều người viết thư đến hỏi và kể chuyện giấc mơ cho nghe,

được hỏi ý kiến. Tôi xin cảm tạ những ai đã hiến cho tôi những vật liệu đủ dùng trong công việc giải thích hay tự ý đề nghị giải thích cho tôi nghe. Đây là một giấc mơ do một sinh viên ở Munich cung cấp năm 1910. Tôi đơn cử giấc mơ này để chứng minh rằng một giấc mơ khó hiểu nếu người nằm mơ không chịu cho biết những điều cần biết. Tôi cũng cần nói là các bạn sẽ lầm to nếu cho rằng sự giải thích giấc mơ trong đó tính cách tượng trưng được nhấn mạnh là cách giải thích lý tưởng, và cho cách giải thích bằng những sự lầm tưởng giữa các ý xuất hiện bất thường trong giấc mơ là không quan trọng.

13 tháng 7 năm 1910. Vào một sáng tôi nằm mơ như sau: Tôi đang đi xe đạp trong thành phố thì có một con chó đen chạy theo xe và cắn vào gót chân.. Tôi đi một quãng nữa rồi xuống xe, ngồi trên một bậc thềm rồi tìm cách chống lại con chó trong lúc nó vẫn sủa (tôi không bị khó chịu vì chó cắn và vì cái cảnh sau đây). Ngay trước mặt tôi có hai bà ăn mặc rất lịch sự nhìn tôi chế nhạo. Đúng lúc đó tôi tỉnh dậy và thấy giấc mơ thực sự rõ ràng.

Những ký hiệu tượng trưng trong trường hợp này chẳng giúp được gì. Nhưng người nằm mơ cho ta biết: tôi yêu một cô gái gặp ngoài phố nhưng chưa có dịp để tôi làm quen với cô ta. Làm quen được với cô ta thì tôi sẽ thích ghê lắm vì riêng tôi rất thích giống vật và có cảm tưởng rằng cô ta cũng thích. Anh thêm rằng nhiều lần anh ta can thiệp không cho chó cắn nhau ngoài phố và điều đó thường làm cho nhiều người đi đường ngạc nhiên. Cô gái luôn luôn đi ngoài phố với một con chó. Có điều là trong giấc mơ rõ ràng chúng ta không thấy có người con gái mà chỉ có con chó thôi. Có thể là hai bà đứng tuổi có vẻ chế

nhạo anh chàng được gợi ra để thay thế người con gái; Những điều anh ta cho biết sau đó không đủ để giải thích. Việc anh chàng đi xe đạp trong giấc mơ có thể cắt nghĩa được: lần nào gặp người yêu anh ta cũng đi xe đạp.

3. Khi một người mất đi một người thân, người ta thường nằm mơ thấy xuất hiện những hình ảnh lẫn lộn về sự tin chắc là người thân đã chết song với lòng mong muốn người đó sống lại. Có lúc người chết, dù đã chết vẫn tiếp tục sống vì không biết rằng mình chết, nếu biết thì chắc sẽ chết: có lúc anh ta nửa chết, nửa sống, hai trạng thái này được phân biệt bằng những dấu hiệu đặc biệt. Chúng ta sẽ lầm to nếu cho là những giấc mơ này vô lý; trong giấc mơ cũng như trong tiểu thuyết con người sống lại không phải là chuyện đặc biệt và vô lý. Những giấc mơ này có thể giải thích dễ dàng được và lòng ham muốn người chết sống lại được diễn tả bằng những phương tiện thực kỳ lạ. Tôi phân tích cho các bạn xem một giấc mơ loại này, một giấc mơ có vẻ kỳ khôi, vô lý nhưng sau khi phân tích xong ta mới thấy có những chi tiết mà những điều đã học từ trước có thể giúp ta đoán trước ra được. Đó là giấc mơ của một người mất cha từ nhiều năm.

Người cha đã chết nhưng được đào lên và trông không được tươi lắm. Ông ta sống lại từ khi được đào lên, và người nằm mơ dù dùng đủ mọi cách để cho ông ta không biết rằng mình sống. (Đến đây giấc mơ chuyển qua chuyện khác không liên can gì đến sự việc trên).

Người cha đã chết: Điều đó chúng ta biết, việc ông ta được đào lên không đúng với sự thực, cũng không đúng với những điều diễn ra sau đó trong giấc mơ. Nhưng người nằm mơ kể là

lúc đưa đám ma về anh ta bị đau răng. Anh ta muốn chữa đau răng theo lễ nghi của giáo hội Do Thái: "Khi nào anh ta bị đau răng, anh cứ việc đi nhổ đi". Anh ta liền đến phòng răng. Nhưng nha sĩ bảo rằng chưa cần nhổ. "Tôi cho thuốc vào chỗ đau, mai ông trở lại tôi sẽ nhổ sau".

Người nằm mơ cho rằng chính sự nhổ răng đó là sự đào mả người cha lên.

Người nằm mơ có lý không? Không hoàn toàn đúng, vì không phải cái răng sẽ bị nhổ nhưng là phần răng bị chết. Nhưng điều không chính xác này xảy ra luôn luôn trong giấc mơ. Người nằm mơ đã là một sự cô đọng coi việc người cha chết cũng giống như cái răng bị chết nhưng vẫn còn giữ được. Vậy không có gì đáng ngạc nhiên nếu trong giấc mơ có điều vô lý vì làm sao áp dụng vào người cha những điều áp dụng cho cái răng được. Vậy điểm chung giữa cái răng và người cha nằm nơi nào? Vì chính điểm chung này chính là sự cô đọng trong giấc mơ rõ ràng.

Giữa người cha và cái răng phải có một liên quan gì vì người nằm mơ nói rằng mỗi khi nằm mơ thấy gãy răng là có một người thân bị chết.

Điều mê tín này không đúng. Vì thế nên chúng ta lấy làm lạ khi thấy sự mê tín này có mặt trong mọi mảnh nhỏ của nội dung giấc mơ.

Dù không yêu cầu, người nằm mơ cũng nói cho ta nghe câu chuyện về bệnh tật và cái chết của người cha, về thái độ của mình đối với cha. Người cha bị bệnh rất lâu, tiêu tốn nhiều tiền, mất nhiều công săn sóc. Nhưng người con không hề phàn nàn,

không hề tỏ ra sốt ruột hay mong muốn những sự chấm dứt. Anh ta khoe là rất có hiếu, lòng hiếu của người Do Thái và bao giờ cũng tin theo luật Do Thái. Các bạn có nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa những ý tưởng gắn liền vào giấc mơ không? Giữa người cha và cái răng có sự đồng nhất. Đối với cái răng anh chàng muốn tuân theo luật Do Thái đem nhổ ngay khi bị đau và khó chịu. Đối với cha thì anh ta cũng lại tuân theo luật Do Thái dạy anh ta không được phàn nàn về số tiền đem tiêu trong sự chữa chạy và về những điều khó chịu gây ra, phải kiên nhẫn chịu đau khổ và không được thù ghét đối tượng gây ra những điều khó chịu. Sự giống nhau giữa hai đối tượng là cái răng và người cha đáng lẽ sẽ hoàn toàn nếu anh ta đối với cha cũng có những ý nghĩ như đối với cái răng nghĩa là đem nhổ ngay, mong muốn cho cha chết để chấm dứt những điều đau khổ, chấm dứt cuộc sống vô ích và tốn tiền đó đi.

Tôi tin chắc rằng đó mới chính là tình cảm thực của anh chàng này đối với người cha và những lời hiếu thảo ầm ĩ của anh chỉ có mục đích làm anh quên những kỷ niệm đó thôi. Trong những tình trạng đó, thường thường người ta muốn cho cha chết nhưng lòng mong muốn này đeo cái mặt nạ hiếu thảo: cái chết nếu có đến cũng chỉ làm cha thôi đau khổ thôi. Các bạn cũng nên nhận ra rằng ở đây chúng ta đã vượt quá giới hạn của những ý tưởng tiềm tàng. Sự can thiệp của những ý tưởng này chỉ có tính cách vô thức trong thời gian ngắn, trong thời gian giấc mơ thành hình thôi; nhưng những tình cảm chống đối người cha có lẽ đã có từ lâu trong tình trạng vô thức, có thể là từ ngày còn nhỏ, nhưng chỉ xuất hiện trong ý thức một cách rụt rè từ khi người cha bị bệnh. Chúng ta cũng có thể nói chắc chắn như thế đối với ý tưởng tiềm tàng đang giúp vào sự thành lập

nội dung giấc mơ. Trong giấc mơ không có một dấu hiệu nào về sự chống đối người cha. Nhưng nếu đi tìm nguồn gốc của sự chống đối đó bằng cách quay trở lại thời thơ ấu, chúng ta sẽ thấy sự chống đối đó bắt nguồn từ lòng sợ hãi người cha, lòng sợ hãi này kìm hãm lòng ham muốn tình dục của đứa bé, rồi vẫn tiếp tục cấm đoán ngay trong tuổi dậy thì nhân danh những lý do về xã hội. Điều này đúng trong thái độ của người nằm mơ đối với cha: lòng yêu cha bị giảm rất nhiều bởi lòng kính trọng và sợ hãi bắt nguồn ở sự kìm hãm những hoạt động tình dục của người cha đối với người con.

Những chi tiết khác trong giấc mơ rõ ràng có thể được cắt nghĩa bằng sự thủ dâm. Câu: người cha có vẻ không được tươi có thể ám chỉ những lời nói của nha sĩ rằng mất đi một cái răng không phải là điều làm cho người ta thích thú, nhưng cũng có thể diễn tả vẻ mặt không được tươi của anh chàng trẻ tuổi bị kìm hãm trong tình dục trong tuổi dậy thì. Người nằm mơ thở phào khi có thể gán cái vẻ mặt không được tươi của mình cho người cha và sự việc này xảy ra nhân danh một hành động đảo ngược của công việc xây dựng giấc mơ đã nói ở trên. "Người cha vẫn tiếp tục sống" : câu này có thể vừa là lòng mong ước của người con vừa có thể là lời hứa của nha sĩ rằng cái răng có thể không bị nhổ. Nhưng đề nghị "Người nằm mơ dùng đủ mọi cách cho người cha không biết rằng mình sống" có tính cách hết sức tế nhị vì câu đó có mục đích cho chúng ta biết là người cha đã chết. Nhưng điều kết luận có ý nghĩa nhất là do sự thủ dâm vì thực là dễ hiểu khi người nằm mơ muốn giấu không cho cha biết về đời sống tình dục của mình. Các bạn nên nhớ rằng chúng ta đã nhiều lần dùng sự thủ dâm và những hình phạt do sự thủ dâm gây nên để cắt nghĩa những giấc mơ trong đó có

sự đau răng xuất hiện. Bây giờ thì hẳn các bạn đã thấy một giấc mơ khó hiểu như thế đã được thành hình trong trường hợp nào. Có nhiều phương sách đã được đem dùng: sự cô đọng kỳ lạ, giả tạo, di chuyển tất cả ý tưởng ra khỏi giấc mơ tiềm tàng, tạo ra những sự việc dùng để thay thế sâu xa nhất, cũ kỹ nhất trong thời gian giữa những ý tưởng đó.

4. Chúng ta đã có dịp nói đến những giấc mơ tầm thường, không có gì vô lý và kỳ lạ hết, nhưng đối với các giấc mơ đó người ta đã đặt câu hỏi: Tại sao người ta lại mơ những sự tầm thường, vô nghĩa lý như thế?.

Tôi kể cho các bạn nghe những giấc mơ loại này: ba giấc mơ của người con gái trong một đêm.

a. Cô gái đi trong phòng khách và đụng đầu vào một cái đèn treo trên trần nhà, gây nên một vết thương chảy máu.

Không có một sự việc gì xảy ra trong ngày có thể làm nhớ lại sự việc đó cả. Những điều cô gái cho chúng ta biết lại theo một hướng khác: "Tóc tôi rụng nhiều quá nên hôm qua má bảo là nếu tóc cứ rụng mãi như thế thì chẳng mấy chốc đầu tôi sẽ nhẵn nhụi như mông đít". Cái đầu xuất hiện để tượng trưng cho phần trái lại trong thân thể. Cái đèn treo có tính cách tượng trưng rõ ràng: tất cả những thứ gì dài đều tượng trưng cho dương vật đàn ông. Vậy vết thương là do một dương vật gây ra trong phần trong của thân thể. Điều này có thể có nhiều nghĩa; nhưng điều khác do chính người nằm mơ cho biết chứng tỏ rằng, những cô gái chưa đến tuổi thường cho rằng sở dĩ có kinh nguyệt là vì có giao hợp với đàn ông.

b. Cô ta trông thấy trong vườn nho một cái hố sâu do cây bị đào lên gây ra. Cô ta còn nhận ra rằng cái cây không còn ở đó. Cô ta tưởng là đã nhìn thấy cái cây trong giấc mơ nhưng thực ra câu nói của cô chỉ cốt diễn tả một ý khác ý nghĩa tượng trưng. Giấc mơ này gắn liền vào với lòng tin tưởng của nhiều cô gái bé rằng lúc đầu cơ quan sinh dục của con gái cũng giống như của con trai, nhưng vì sau này bị thiến đi (cái cây bị nhổ đi) nên mới có hình thức hiện thời.

c. Cô gái đứng trước một ngăn kéo trong đựng những đồ dùng quen thuộc đến nỗi có một bàn tay khác nào sờ vào là cô ta biết ngay. Cái ngăn kéo giấy, cũng như mọi ngăn kéo khác, rương hay hộp, là tượng trưng cho cơ quan sinh dục của đàn bà. Cô gái biết là những dấu vết do sự giao cấu để lại (hay do sự sờ mó) đều rất dễ nhận ra và từ lâu sợ có sự đó xảy ra. Tôi cho rằng ba giấc mơ này đáng cho chúng ta chú ý ở chỗ cô gái hiểu biết nhiều: cô ta nhớ lại những kết luận thơ ấu về sự bí mật của đời sống tình dục và những kết luận đã tìm ra được thường làm cho cô thấy tự hào.

5. Thêm một chút tượng trưng nữa. Nhưng lần này tôi phải trình bày vắn tắt về đời sống tinh thần. Một ông vừa qua một đêm với một bà, nói về bà này như những người mẹ mà tình ái chỉ dựa trên căn bản lòng ham muốn có một đứa con. Nhưng trong sự giao hợp, vì tình trạng đặc biệt nào đó, hai người phải tìm cách ngăn cản sự thụ thai bằng cách không cho tinh khí chảy vào trong âm hộ. Sau khi giao hợp xong rồi ngủ, lúc thức dậy bà tự kể lại giấc mơ như sau:

Một sĩ quan mặc áo tơi đỏ đuổi theo bà ta trên đường phố. Bà ta bỏ chạy, trèo bậc thang nhà mình nhưng ông kia vẫn đuổi.

Thở không ra hơi bà ta chạy vào phòng, rồi khoá cửa lại. Ông kia đứng ngoài cửa và nhìn vào cửa sổ, bà ta thấy ông ngồi lên một cái ghế dài và khóc.

Tất nhiên sự đuổi nhau trong phố và trèo bậc thang tượng trưng cho sự giao cấu. Việc người đàn bà chạy vào phòng khoá cửa lại để khỏi bị bắt hình dung sự đảo ngược thường thấy trong giấc mơ: ám chỉ sự giao cấu chưa được thoả mãn. Bà ta cũng di chuyển lòng buồn rầu bằng cách gán cho ông kia: trong giấc mơ bà thấy ông khóc, điều đó ám chỉ sự xuất tinh.

Chắc các bạn cũng nói rằng trong môn phân tâm học, mọi giấc mơ đều có một ý nghĩa về tình dục. Nhưng bây giờ các bạn hẳn thấy rõ là lời phán đoán đó sai lầm. Các bạn đã biết có những giấc mơ là sự thực hiện những sự ham muốn, trong đó có sự thực hiện những nhu cầu chính yếu của con người như đói khát, được tự do, có những giấc mơ về sự tiện lợi, hay sự hấp tấp, những giấc mơ về sự hà tiện, ích kỷ. Nhưng những giấc mơ đều bị biến dạng nhiều (không phải là tất cả) đều diễn tả những sự ham muốn về tình dục.

6. Ngoài ra tôi còn có một lý do đặc biệt để áp dụng sự tượng trưng trong giấc mơ. Ngay từ buổi đầu gặp gỡ tôi đã cho các bạn biết trong việc giảng dạy môn phân tâm học thực khó có thể đưa ra được những bằng chứng về những điều mình nói để gây cho sinh viên niềm tin tưởng. Hẳn đã nhiều lần các bạn thấy tôi nói đúng. Nhưng giữa những đề luận và những điều khẳng định trong môn này có những dây liên lạc chặt chẽ đến nỗi một điều đúng ở một phần nào đó cũng có thể đúng với một phần khác hay đúng với toàn thể vấn đề. Nói về môn này người ta thường cho rằng chỉ cần giơ một ngón tay ra là đủ cho môn

đó nắm lấy cả bàn tay. Bạn nào đã hiểu và chấp nhận những điều giải thích về những hành vi sai lạc, muốn hợp lý với chính mình phải chấp nhận tất cả những điều giải thích khác. Vậy mà tính cách tượng trưng cho giấc mơ khiến cho chúng ta một điểm khác cũng dễ lĩnh hội như thế. Tôi kể cho các bạn nghe một giấc mơ của một người đàn bà, vợ một cảnh sát viên, chắc chắn chưa bao giờ được nghe nói đến môn phân tâm học và tính chất tượng trưng trong giấc mơ. Các bạn sẽ có dịp tự mình phán đoán xem cách giải thích bằng những ký hiệu tượng trưng cho tình dục có võ đoán hay gượng ép hay không.

"... Có người lọt vào trong nhà, bà nằm mơ lo sợ liền gọi cảnh sát. Những cảnh sát viên này, hội ý cùng hai tên trộm khác, vào trong một nhà thờ có một quả núi bên trên có rừng rậm bao phủ. Cảnh sát viên đội cái mũ, đeo một cái cổ cồn và mặc một cái áo tơi. Bộ râu đen ngòm. Hai thằng trộm đi cùng với cảnh sát viên quấn cái tạp dề theo hình cái bao. Giữa nhà thờ và quả núi có một con đường. Hai bên đường có nhiều cỏ và bụi rậm càng lên cao càng dầy và đến đỉnh núi thì thành cả một khu rừng".

Các bạn hẳn nhận thấy dễ dàng những ký hiệu tưởng tượng đem dùng. Ba người cùng đi tượng trưng cho cơ quan sinh dục đàn ông. Còn phong cảnh, nhà thờ, quả núi tượng trưng cho cơ quan sinh dục đàn bà. Những bậc thang tượng trưng cho sự giao cấu. Quả núi trong giấc mơ cùng một tên với tên trong môn giải phẫu cơ thể học: núi Vénus.

7. Thêm một giấc mơ nữa cần được giải thích bằng tượng trưng, nhưng lần này do chính người nằm mơ giải thích bằng mọi ký hiệu tuy không biết gì về công việc giải thích giấc mơ

hết, đây là một trường hợp đặc biệt không biết đã xảy ra trong những điều kiện nào.

"Anh ta đi chơi với cha trong một nơi chắc chắn là công viên vì có trông thấy nhà thủy tạ với một trái bóng đã hết hơi đằng trước cửa. Cha anh hỏi trái bóng dùng làm gì: anh hơi ngạc nhiên về câu hỏi đó nhưng cũng trả lời. Hai người đi tới một cái sân to bên trên có trải một tấm tôn lớn. Người cha muốn lấy một miếng tôn nhưng còn nhìn quanh xem có ai thấy không. Anh bảo cha là chỉ cần cho người gác biết là muốn lấy bao nhiêu tôn đi cũng được. Từ sân đến một cái hố có bọc da như một ghế bành, gần đó có một cái cầu thang. Đầu hố có một nền đất rộng rồi lại đến một cái hố nữa".

Chính người nằm mơ giải thích: "Nhà Thuỷ tạ chính là cơ quan sinh dục của tôi. Trái bóng bị buộc chặt trước cửa là dương vật của tôi, dương vật này ít lâu nay không cương cứng lên nhanh như trước nữa. Nói cho rõ ràng hơn: nhà Thuỷ tạ chính là cái mông đít mà chú bé cho là thuộc bộ phận sinh dục. Chỗ phồng ra trước nhà Thuỷ tạ chính là hai bìu dái".

Trong giấc mơ người cha hỏi những thứ đó dùng làm gì, nghĩa là những bộ phận sinh dục dùng làm gì. Chúng ta có thể đảo ngược lại tình thế mà không sợ bị lầm lẫn, nghĩa là trong giấc mơ chính đứa bé đã hỏi cha, vì trong đời thực ít khi người lớn hỏi như thế. Do đó chúng ta phải coi như câu hỏi có ý nghĩa là: "Nếu tôi hỏi cha tôi về bộ phận sinh dục thì...". Trong những dòng sau chúng ta sẽ nói tiếp về giấc mơ này.

Cái sân có trải tấm tôn phải có một ý nghĩa tượng trưng: sân đó ở trong nhà người cha, nơi ông dùng làm chỗ buôn bán. Muốn kín đáo hơn tôi đã thay hàng hoá trong công việc buôn

bán bằng miếng tôn, ngoài ra không thay đổi gì những điều người nằm mơ đã nói. Người nằm mơ giúp cha trong việc buôn bán đã tỏ ra khó chịu về lối kiếm lời của cha. Vì thế nên chúng ta phải hiểu câu nói trên như sau: "Nếu tôi hỏi cha tôi về cơ quan sinh dục thì ông sẽ lừa dối tôi như đã lừa dối khách hàng". Người cha muốn lấy đi một ít tôn, điều này biểu hiện một ý định bất lương, nhưng người nằm mơ lại gán cho hành vi đó một ý nghĩa khác: đó là sự thủ dâm. Điều này cho biết rồi, nhưng cách giải thích này cũng phù hợp với sự kiện là sự thủ dâm thường được diễn tả bằng điều trái lại (con bảo cha là nếu muốn lấy một miếng tôn thì phải xin phép đàng hoàng người gác). Cho nên chúng ta không ngạc nhiên khi người con gán cho cha những hành vi thủ dâm cũng như đã gán cho cha những câu hỏi về cơ quan sinh dục lúc đầu. Còn cái hố thì chính là âm hộ. Còn xuống thang cũng như lên thang tượng trưng cho sự giao cấu.

Người nằm mơ kể lại là có một cái hố rồi đến một nền rộng, rồi đến một cái hố nữa: những chi tiết này thuộc riêng về người nằm mơ. Sau khi đã giao cấu nhiều lần anh ta lúc này thấy khó chịu khi phải tiếp tục giao cấu và hy vọng là có thể dùng thuốc chữa chạy lấy lại được sinh lực hồi xưa.

8. Hai giấc mơ sau đây của một người ngoại quốc rất muốn theo thuyết đa thê. Tôi lại để chứng tỏ các bạn là luôn luôn cái "tôi" của người nằm mơ xuất hiện trong giấc mơ dù có khi được ngụy trang. Những chiếc rương tượng trưng cho đàn bà.

a. Anh ta đi du lịch, hành lý đem theo trong một chiếc xe. Trong hành lý có nhiều rương, có hai rương đỏ và đen vào loại

rương biếu trong việc quảng cáo. Anh ta nói để tự an ủi: "Những chiếc rương này chỉ đi tới ga thôi".

Thực tế anh ta đi du lịch với nhiều hành lý nhưng trong khi chữa bệnh, kể lại nhiều chuyện đàn bà. Hai chiếc rương đen chính là hình ảnh của hai người đàn bà tóc đen giữ một vai trò quan trọng trong đời anh. Một trong hai người muốn đi theo anh tới Vienne, tôi khuyên anh không nên để cho bà ta đi.

b. Một quang cảnh khu Thuế quan: một người bạn đồng hành với anh ta mở rương ra và vừa nói, vừa hút thuốc lá: Bên trong không có gì hết. Nhân viên Thuế quan làm ra vẻ tin anh, nhưng vẫn khám và tìm thấy một thứ đồ cấm. Anh ta liền nói: "Chả còn làm gì được". Chính người nằm mơ là khách du lịch, tôi là nhân viên Thuế quan. Tuy thường thường thành thực trong khi nói chuyện với tôi, lần này anh không muốn cho tôi biết là anh vừa giao du với một bà có lẽ vì cho rằng tôi biết bà này. Anh ta gán cho người bạn tình trạng khó chịu của một người bị bắt chợt đã nói dối, và chính lý do đó anh không có mặt trong giấc mơ.

9. Đây là một ký hiệu tượng trưng mà tôi chưa nói đến:

Anh ta gặp cô em gái đi cùng với hai người bạn là chị em ruột. Anh chìa tay bắt tay hai cô bạn nhưng không bắt tay em gái.

Giấc mơ này không liên can gì đến một biến cố nào cả. Anh ta nhớ lại một thời xa xưa khi hai người bạn của cô em gái chưa có bộ ngực đồ sộ. Vậy hai người bạn của cô em chính là hai cái vú mà anh muốn bóp quý hồ không phải là vú của em anh.

10. Đây là một ví dụ về cái chết trong giấc mơ:

Anh ta đi trên một chiếc cầu ao, dốc, cùng với hai người quen, nhưng khi thức dậy không còn nhớ tên nữa. Đột nhiên hai người này biến mất nhường chỗ cho một người gầy như một bộ xương, đội một cái mũ, mặc bộ quần áo bằng vải. Anh hỏi người đó có phải là điện tín viên không? Không! Có phải là người đánh xe không? Cũng không. Anh tiếp tục đi, trong lòng lo sợ phập phồng, và ngay khi thức dậy rồi anh vẫn có cảm giác là chiếc cầu sẽ sụp đổ và anh bị lao xuống vực.

Những người mà ta cho là không biết hay quên tên thường là những người rất thân. Người nằm mơ có một em trai và một em gái; nếu anh mong cho họ chết tất nhiên anh lo sợ phập phồng. Về người mang điện tín, anh cho rằng những người đó luôn luôn mang đến những tin tức xấu. Theo đồng phục thì người đó cũng có thể là người đi thắp đèn ngoài phố, nhưng những người này vừa đi thắp đèn, vừa đi tắt đèn y như tử thần tắt ngọn lửa của cuộc sống. Về người đánh xe, anh nghĩ đến một bài thơ của Uhland về cuộc du hành trên mặt biển của vua Charles, anh nhớ lại cuộc du hành nguy hiểm trên mặt biển với hai người bạn trong đó anh đóng vai vua Charles trong bài thơ. Về cây cầu, anh nhớ lại một tai nạn quan trọng xảy ra trước đó, nhớ lại luôn câu ngạn ngữ tối nghĩa: đời sống là một cây cầu treo.

11. Một thí dụ khác về hình dung tượng trưng của cái chết, có một người đến thăm anh và để lại một tấm danh thiếp có viền đen.

12. Giấc mơ sau đây có dính dáng đến bệnh thần kinh, sẽ được các bạn chú ý đến theo nhiều phương diện.

Anh ta du lịch bằng xe lửa. Xe dừng lại giữa đồng. Anh tưởng là một tai nạn, phải tìm cách tự cứu, đi khắp mọi toa tàu và giết hết những người mình gặp: người lái xe, người đốt than v.v..

Giấc mơ này liên quan đến câu chuyện của một người bạn. Trên một toa xe lửa bên Ý có một người điên được chở đi trong một toa riêng, nhưng người ta vô ý đã để cho một người khách vào trong toa đó. Người điên giết người hành khách. Người nằm mơ tưởng mình là người điên và chứng minh hành vi chính đáng của mình bằng ý nghĩ anh ta phải giết tất cả những nhân chứng. Nhưng sau đó anh ta tìm được một lý do khác để cắt nghĩa đoạn đầu giấc mơ. Hôm trước, trong rạp hát, anh có gặp lại người yêu rồi bỏ vì ghen. Vì lòng ghen lên quá cao nên anh cho là nếu lấy nàng có lẽ anh sẽ trở thành điên mất. Điều đó có nghĩa: anh cho rằng nàng sẽ lẳng lơ đến nỗi anh phải giết hết những người nào mình gặp trên đường mình đi vì ghen với hết mọi người. Chúng ta đã biết là việc đi hết phòng này qua phòng khác trong giấc mơ tượng trưng cho đám cưới.

Về việc toa tàu ngừng lại giữa đồng, và về ý nghĩ sợ rằng có một tai nạn xảy ra, anh ta kể lại là một hôm đi xe lửa, xe này quả có dừng lại ở giữa hai ga thực. Một bà ngồi bên cạnh bảo anh là ngừng lại như thế, thế nào cũng xảy ra chuyện hai xe đâm nhau và trong trường hợp đó, muốn cho chắc chỉ có một việc giơ hai chân lên trời. Những cái chân giơ lên trời này cũng giữ một vai trò trong nhiều cuộc đi chơi về đồng quê với bạn gái trong lúc đầu yêu nhau. Đó là một bằng chứng khác để tỏ rằng anh phải điên lắm mới làm lễ thành hôn với nàng. Vậy mà theo những điều tôi biết về tình trạng anh ta thì tôi có thể quả

quyết rằng ngay trong lúc này ý định làm điều điên rồ là thành hôn với người con gái đó vẫn còn lởn vởn trong đầu anh.

13. NHỮNG ĐIỂM CỔ LỖ, TÍNH CÁCH ẤU TRĨ TRONG GIẤC MƠ

Chúng ta hãy quay trở lại kết quả theo dõi, chịu ảnh hưởng của sự kiểm duyệt, công việc xây dựng đưa cho những ý tưởng tiềm tàng một phương sách diễn tả mới. Những ý tưởng tiềm tàng chỉ là những ý tưởng hữu thức của chúng ta khi thức dậy, những ý tưởng mà ta biết rõ. Phương sách diễn tả mới có nhiều điểm không hiểu. Chúng ta đã nói rằng, phương sách đó quay trở lại những tình trạng có từ lâu, ngày nay không còn nữa, của sự mở mang trí thức, của tiếng nói biểu diễn, của những liên quan có tính cách tượng trưng, có thể của những điều kiện có từ trước khi ngôn ngữ của chúng ta được mở mang. Chính vì thế nên chúng ta gọi phương sách diễn tả này là phương sách cổ lổ, đi thụt lùi.

Từ nhận xét này, các bạn có rút ra kết luận nếu chúng ta khảo sát công việc xây dựng này, chúng ta có thể biết được những dữ kiện quý báu về những buổi đầu của sự mở mang trí thức của con người. Tôi cũng hy vọng thế, nhưng công việc này chưa ai làm cả. Thời tiền sử mà công việc xây dựng giấc mơ đưa chúng ta quay về có hai mặt: trước hết có thời tiền sử cá nhân, thời thơ ấu; sau đó là thời tiền sử của sự tiến hoá của sự mở mang các cơ quan trong người. Biết đâu một ngày kia người

ta lại chẳng minh định được rõ ràng xem trong sự hoạt động của tinh thần tiềm tàng có những phần nào thuộc về thời tiền sử của sự mở mang các cơ quan trong thân thể, đó là một điều không phải là không làm được. Ví dụ như chính vì thế cho nên chúng ta mới được quyền coi sự tượng trưng hoá như một gia tài của môn khảo cứu về sự mở mang của các cơ quan trong thân thể.

Nhưng đó không phải là tính cách độc nhất cổ lỗ của giấc mơ. Kinh nghiệm hẳn đã cho các bạn biết về chứng mất trí nhớ trong thời thơ ấu. Tôi muốn nói là những năm đầu tiên trong đời sống, vào khoảng năm, sáu, hay tám năm gì đó thường không để lại dấu vết trong trí nhớ của mình. Có nhiều người cho rằng mình nhớ được hết mọi sự từ đầu đến cuối trong đời mình, những trường hợp không nhớ được gì cả bao giờ cũng nhiều hơn. Sự kiện này đáng lẽ phải làm cho mình ngạc nhiên mới phải. Năm hai tuổi đứa bé biết nói; chẳng mấy lúc nó biết hướng về trạng thái tinh thần phức tạp, biết diễn tả tình cảm bằng những cử chỉ và lời nói mà sau này nó sẽ quên đi và được người ta nhắc lại cho biết. Trí nhớ của đứa bé trong những năm đầu tiên tất nhiên đỡ nặng nề, mềm mỏng, bén nhạy hơn trong những năm sau đó, ví dụ như năm thứ tám chẳng hạn, và do đó nhớ những cảm giác và sự việc hơn. Vả lại không có gì cho phép ta nghĩ rằng công việc của trí nhớ là một công việc cao cả và khó khăn. Nhiều khi có những người có một trình độ trí thức thấp nhưng lại có trí nhớ rất tốt.

Thêm một điểm đặc biệt nữa: đời sống trí nhớ trong những năm đầu tiên của thời thơ ấu không đầy đủ: có những kỷ niệm nổi bật lên trên, những kỷ niệm tương ứng với những cảm giác

cụ thể, không cần nhớ lại lâu. Những kỷ niệm về những biến cố sau đó được lựa chọn trong trí nhớ: điều gì quan trọng được giữ lại, điều gì không quan trọng bị bỏ đi. Đối với những kỷ niệm trong thời thơ ấu thì không thế. Chúng không tương ứng với những biến cố quan trọng trong cuộc đời, dù theo quan niệm của đứa trẻ. Những biến cố đó tầm thường vô nghĩa lý đến nỗi nhiều khi ta tự hỏi tại sao ta lại không quên đi nhỉ? Tôi đã khảo cứu nhiều về sự mất trí nhớ trong thời thơ ấu và sự việc tại sao lại có nhiều kỷ niệm còn được giữ lại trong thời đó, mặc dầu đứa bé quên hết những điều khác. Tôi đi đến kết luận là ngay cả đối với trẻ con, chỉ những kỷ niệm quan trọng mới không bị mất đi thôi. Chỉ có điều là những sự hoạt động tinh thần như sự cô đọng, sự di chuyển mà điều quan trọng được thay thế bằng những yếu tố kém quan trọng hơn trong trí nhớ. Vì sự kiện đó tôi gọi những kỷ niệm trong thời thơ ấu là những kỷ niệm bao bọc bề ngoài, chỉ cần phân tích kỹ lưỡng là chúng ta lôi được những cái gì che giấu dưới cái bao đó ra.

Trong việc trị bệnh bằng phân tâm học, chúng ta luôn luôn phải lấp những chỗ trống trong các kỷ niệm về thời thơ ấu. Trong nhiều trường hợp, chúng ta đã được những kết quả khả quan, nghĩa là gợi lại được những điều xảy ra trong thời thơ ấu đã bị quên đi. Những cảm giác gợi lại được đó không bao giờ bị quên nữa, mà chỉ lùi dần vào trong phạm vi của vô thức, lúc nào cũng tiềm tàng trong đó, rất khó nhận biết. Nhưng cũng có khi chúng bất thần từ trong vô thức hiện ra, nhất là trong giấc mơ. Do đó, đời sống giấc mơ tìm được cách lọt vào trong vô thức để thấy lại những kỷ niệm của thời thơ ấu. Chúng ta có nhiều ví dụ rất hay trong văn chương, chính tôi cũng có thể hiến cho các bạn một thí dụ như thế. Đêm nọ, tôi nằm mơ thấy

một người nào đó giúp cho tôi một việc gì, tôi thấy người đó rõ ràng trước mắt. Đó là một người thấp, béo, mắt chột, hai vai to, đầu rụt. Tôi cho rằng đó là một ông thầy thuốc. Dạo đó mẹ tôi còn sống, tôi hỏi mẹ tôi xem ông bác sĩ trong thành phố quê hương của tôi mà tôi rời bỏ khi mới có ba tuổi ra sao thì mẹ tôi cho biết rằng ông ta người thấp, béo, cổ rụt, vai so, mắt chột. Mẹ tôi cũng nói cho tôi biết ông thầy thuốc đã chăm sóc cho tôi trong trường hợp nào. Việc tìm lại những vật liệu bị quên lãng trong những năm đầu tiên của thời thơ ấu chính là một đặc điểm của tính cách cổ lỗ của giấc mơ.

Chúng ta cũng có thể giải thích như trên đối với một trong các điều bí ẩn khác mà từ trước tới nay chúng ta chưa giải thích được. Tôi đã trình bày cùng các bạn rằng, giấc mơ thường bị kích động bởi những sự ham muốn tình dục xấu xa, nhiều khi không thể kìm hãm được, đến nỗi giấc mơ phải chịu sự kiểm duyệt và biến dạng đi. Khi chúng ta giải thích những giấc mơ đó lại cho người nằm mơ nghe thì người này ầm ầm phản đối; ngay cả khi họ chấp nhận sự giải thích của chúng ta, họ cũng tự hỏi không hiểu sao lại có thể có sự ham muốn như thế, thực trái hẳn với tính tình, khuynh hướng và tình cảm thường ngày của họ. Chúng ta phải lập tức cho họ biết ngay nguồn gốc của những sự ham muốn đó. Những sự ham muốn xấu xa như thế thường bắt nguồn từ trong dĩ vãng, nhiều khi rất gần. Chúng ta có thể chứng minh được rằng ngày xưa những ham muốn đó có được người nằm mơ biết đến. Chúng ta cắt nghĩa cho một bà nghe giấc mơ của bà ta có nghĩa là bà mong muốn cho cô con gái 17 tuổi của bà chết đi, và bà công nhận rằng quả có một thời bà muốn như thế. Đứa bé được sinh ra sau một sự thành hôn gượng ép và đã đi đến sự tan vỡ. Trong lúc có mang đứa bé,

trong một cuộc cãi lộn với chồng, bà ta đã lấy tay đấm thùm thụp vào bụng hy vọng là sẽ làm cho cái bào thai bị chết. Có biết bao nhiêu người mẹ bây giờ yêu con như điên nhưng ngày xưa đã có một thời không hề mong muốn có con, mong cho đứa con chết trước khi sinh, biết bao nhiêu bà đã bắt đầu có những hành động tội ác nhưng may mắn không xảy ra sự gì. Vì thế lòng ham muốn một người mình yêu quý chết đi thường bắt nguồn từ buổi đầu gặp gỡ với người đó.

Chúng ta giải thích cho một người cha biết rằng giấc mơ của ông có nghĩa là ông mong muốn đứa con trai cả mà ông yêu quý chết đi, ông ta công nhận là có một thời quả ông có mong muốn như thế thực. Trong lúc đứa bé còn bú, ông không hài lòng về cuộc hôn nhân, thường tự nhủ là nếu đứa bé chết đi ông sẽ tự do hơn và lợi dụng được sự tự do đó một cách dễ chịu hơn. Trong nhiều trường hợp thù ghét người ta cũng tìm thấy nguyên do tương tự. Những kỷ niệm này có liên can đến những sự kiện thuộc về dĩ vãng, đã từng giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, đã từng được ý thức bởi đương sự. Các bạn sẽ nói rằng, khi thái độ của chúng ta đối với một người nào đó không thay đổi hay tỏ ra luôn tốt đẹp thì những sự ham muốn và những giấc mơ nói trên không thể có được. Tôi chấp nhận ý kiến đó, nhưng nhắc các bạn rằng các bạn cần để ý đến ý nghĩa của giấc mơ do sự giải thích đưa ra chứ không nên để ý đến sự biểu thị bằng lời nói của người nằm mơ. Có thể trong giấc mơ rõ ràng cái chết của một người thân hiện ra dưới một hình thức ghê sợ, nhưng trong thực tế lại có một ý nghĩa khác hẳn hay chỉ dùng người mình yêu quý để thay thế cho một người khác thôi.

Nhưng một trạng thái giống như thế cũng nêu lên một vấn đề quan trọng hơn nhiều. Các bạn sẽ nói đúng là dù lòng mong muốn này có thực chăng nữa và được khẳng định bằng kỷ niệm gợi lên chăng nữa thì đó cũng không thể là một cách giải thích. Lòng mong muốn này biến mất từ lâu, chỉ còn ở trong vô thức như một kỷ niệm tầm thường chẳng có gì quan trọng, chẳng có kích thích được ai. Thực tế chẳng có gì chứng tỏ rằng sự kích thích này có đủ quyền lực mạnh mẽ. Thế tại sao lòng mong muốn này lại xuất hiện trong giấc mơ? Vấn đề đặt ra rất đúng. Việc trả lời câu hỏi này sẽ đưa ta đi rất xa, bắt buộc chúng ta phải có một thái độ nhất định đối với nhiều điểm quan trọng trong thuyết về giấc mơ. Trong lúc này chúng ta nên tự giới hạn trong khung cảnh bài học này thôi, chúng ta đã chứng minh được rằng lòng ham muốn bị kìm hãm đóng vai trò của sự kích động trong giấc mơ và tiếp tục khảo sát để xem có phải những lòng ham muốn xấu xa khác cũng bắt nguồn ở dĩ vãng của đương sự hay không?

Điểm cần để ý nhất là người nằm mơ thường ích kỷ nên lòng ham muốn luôn luôn gạt bỏ mọi trở lực trên đường phát triển, và chính lòng ham muốn này đã là nguyên nhân phát sinh ra giấc mơ. Mỗi khi có kẻ nào ngăn trở ta trên con đường ta đi, giấc mơ luôn luôn tìm cách tiêu hủy kẻ đó dù kẻ đó là cha, mẹ, anh em, chồng, vợ v.v... Sự độc ác này của loài người thường làm cho ta nằm mơ và ta không sẵn sàng chấp nhận những kết quả tìm ra rằng những sự ham muốn đó bắt nguồn trong dĩ vãng, chúng ta sẽ tìm thấy ngay thời gian của sự việc đó đối với chúng ta sẽ không còn làm chúng ta ngạc nhiên nữa. Chính trong những năm đầu tiên của cuộc đời mà đứa bé chỉ yêu có mình nó thôi, mãi sau này nó mới biết yêu người khác và hy

sinh một phần nào cái tôi của nó. Nếu đứa bé có yêu một người nào ngay trong những năm đầu tiên đó chỉ là vì nó cần đến người đó, nghĩa là vì mục đích ích kỷ. Trong thực tế, chính lòng ích kỷ đã dạy cho nó biết yêu mến.

Chúng ta chỉ cần so sánh thái độ của đứa bé đối với anh chị em và đối với cha mẹ là thấy ngay. Đứa bé thường không yêu anh em hay chị em, cho anh chị em là người cạnh tranh với mình, thái độ này kéo dài nhiều năm sau có khi ngoài cả tuổi dậy thì nữa. Thỉnh thoảng nó cũng tỏ ra âu yếu anh em, chị em nhưng thường thì lòng thù địch bao giờ cũng vẫn đi trước. Ví dụ như thái độ của những đứa bé chừng hai tuổi rưỡi đến năm tuổi khi có em mới chào đời, thái độ đối với em thường là không thân thiện. Luôn luôn chúng nói: "Con không muốn có em, cho chim đem nó đi". Sau đó nó dùng đủ mọi cách để làm giảm giá trị của em, kể cả những cách ác độc. Nếu giữa hai đứa bé không xa nhau lắm về tuổi, khi đời sống tinh thần dồi dào hơn, đứa bé thường sẵn sàng ghét em hơn. Nhưng khi hơn nhau khá nhiều tuổi thì đứa bé có thể có cảm tình với em một phần nào, không phải vì yêu em mà vì em nó có cái gì hay hay, coi em như một con búp bê sống; khi cách nhau tám tuổi hay hơn thì đứa bé, nhất là bé gái, thường coi em như con. Nhưng nói thực, một khi trong giấc mơ người ta mong muốn cho anh em hay chị em chết đi, lòng mong muốn này thường bắt nguồn trong thời thơ ấu, có khi trong một thời kỳ chậm hơn trong cuộc sống chung.

Giữa trẻ con với nhau ít khi không có sự va chạm mạnh mẽ, lý do là đứa nào cũng muốn chiếm độc quyền tình yêu của bố mẹ, chiếm giữ các đồ chơi và một chỗ ngồi. Những tình cảm thù nghịch này xảy ra đối với những đứa lớn cũng như đứa

bé. Chính B.Shaw cũng nói: nếu có một người nào mà một người đàn bà Anh ghét hơn ghét mẹ thì đó chính là người chị cả. Sự nhận xét này làm chúng ta ngỡ ngàng. Chị em ghét nhau là một chuyện còn chấp nhận được, tại sao mẹ con lại có thể ghét nhau được!

Cố nhiên là đứa bé bao giờ cũng có cảm tình với cha mẹ hơn là đối với anh chị em: việc cha mẹ con cái không yêu nhau trái với quy luật tự nhiên là sự thù ghét giữa anh chị em. Nhưng trong thực tế người ta thường thấy tình yêu giữa cha mẹ và con cái thường không đạt tới mức lý tưởng mà xã hội đòi hỏi, và nếu không bị kìm hãm bởi lòng hiếu thảo thì sự thù ghét đó có thể xuất hiện được. Lý do của sự thù ghét này ai cũng biết: đó là cái động lực thường làm cho những người cùng giống xa nhau, ví dụ như con gái xa mẹ, và con trai xa cha. Con gái thường cho mẹ làm nhụt chí của mình và đại diện xã hội để kìm hãm bản năng tình dục của mình. Nhiều khi giữa hai mẹ con có cả một sự thù ghét cạnh tranh. Giữa cha và con trai sự giao thiệp còn căng thẳng hơn nữa. Con trai thường coi bố như tượng trưng cho những sự bó buộc của xã hội mà nó chịu không nổi. Người cha thường làm nhụt ý chí của người con, ngăn trở không cho nó thoả mãn tình dục hay hưởng thụ của cải. Ví dụ như người con muốn nối ngôi của cha thường mong cho cha chết càng sớm càng hay. Trái lại sự giao thiệp giữa cha và con gái hay giữa mẹ và con trai thân thiện hơn nhiều. Nhất là giữa mẹ và con trai thì lòng yêu tinh khiết hơn, bớt ích kỷ hơn.

Chắc các bạn tự hỏi tại sao tôi lại nói với các bạn những điều tầm thường ai cũng biết đó nhỉ? Bởi vì luôn luôn người ta không chấp nhận điều đó và cho rằng lý tưởng xã hội luôn luôn

được tôn trọng. Nhà tâm lý học cũng như những kẻ sống sượng đều nói sự thực cả, nhưng người ta thích để cho những nhà tâm lý học nói hơn. Người ta cứ muốn cho rằng lý tưởng xã hội đạt được trong đời sống thực hàng ngày, nhưng các nhà thi văn hay kịch sĩ lại được tự do nói đến sự vi phạm của xã hội đối với lý tưởng đó.

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên khi thấy trong giấc mơ người ta thường tỏ ý muốn tiêu diệt cha mẹ, nhất là người cùng phái với mình. Lòng ham muốn này cũng có thực trong khi ta thức, có khi trở thành cố ý khi có thể được che giấu dưới những danh từ hay nguyên cớ hợp lý hơn ví dụ như trường hợp của giấc mơ 3, trong đó lòng ham muốn cho cha chết đi được giải thích hợp lý là nếu người cha còn sống chăng nữa thì cũng chỉ kéo dài thời gian đau đớn vô ích mà thôi.

Nhưng ít khi chỉ có lòng thù ghét không thôi, nhiều khi lòng thù ghét này nấp sau tình cảm âu yếm hơn và dồn ép thù ghét vào trong vô thức phải chờ giấc mơ mới xuất hiện được, được phát triển đến một mức độ quá đáng rồi lại cả trong trường hợp không có lý do gì cả trong đời sống thực, và người nằm mơ không bao giờ chịu công nhận, chúng ta vẫn thấy lòng mong đợi cho người thân chết đi xuất hiện. Ta có thể giải thích điều này bằng cách nói rằng, lòng mong đợi đó đã bắt rễ ngay từ những năm đầu tiên của cuộc sống trong thời thơ ấu và bây giờ mới xuất hiện ra ánh sáng, nhất là đối với những người cùng phái.

Nguyên do vẫn nằm trong sự cạnh tranh về đời sống tình dục. Ngay từ khi còn nhỏ, đối với mẹ đứa bé đã có một lòng yêu đặc biệt: cho rằng mẹ mình là của riêng mình và người cha

thường bị coi như một người cạnh tranh, luôn luôn xâm phạm đến của riêng của nó: đối với đứa con gái cũng thế, coi mẹ như một người tranh giành tình yêu của nó đối với người cha. Sự quan sát sẽ cho chúng ta biết rõ vào tuổi nào đứa bé sẽ có cái mặc cảm mà ta gọi là mặc cảm Oedipe, bởi vì trong con người Oedipe có hai sự ham muốn giằng co; muốn giết cha và lấy mẹ. Tôi không khẳng định rằng mặc cảm Oedipe có thể cắt nghĩa được hết thái độ giữa cha mẹ và con cái vì sự thực thái độ này phức tạp hơn nhiều. Vả lại ngay mặc cảm Oedipe cũng có mức độ khác nhau, có thể bị thay đổi, nhưng dù sao mặc cảm này cũng là một yếu tố rất quan trọng, luôn luôn có mặt trong đời sống tinh thần của trẻ con, chúng ta thường không gán cho nó một giá trị đúng mức hơn là gán cho nó một ảnh hưởng và những hậu quả quá đáng. Nếu đứa bé phản ứng lại mặc cảm Oedipe thì chính do cha mẹ gây ra bởi vì do sự khác giống mà ra, một khi tình vợ chồng bị suy giảm thì người cha bao giờ cũng yêu con gái hơn và người mẹ bao giờ cũng yêu con trai hơn và trái lại cũng thế.

Loài người không hề biết ơn môn phân tâm học khi môn này tìm ra được mặc cảm Oedipe. Mặc cảm này đã gặp sự chống đối rất dữ dội của xã hội, mọi người nhao nhao cho rằng mặc cảm đó không có thực. Tôi vẫn giữ nguyên lập trường cho rằng chẳng có gì đáng phủ nhận và phản đối cả. Mình phải tập cho quen dần với mặc cảm đó vì ngay chính người Hi Lạp cũng công nhận rằng đó là điều không thể tránh được. Điều thú vị là nếu xã hội kết tội mặc cảm Oedipe thì xã hội lại để cho các nhà thi văn mặc tình khai thác nó. O.Rank đã chứng minh là mặc cảm này đã hiến cho văn chương kịch nghệ những đề tài thực cao đẹp, tuy nó bị thay đổi gói ghém dưới hình thức này hay

hình thức khác, giống như những sự biến dạng mà sự kiểm duyệt đã thi hành đối với giấc mơ. Mặc cảm này có cả trong những người nằm mơ không có cơ hội gì để chống đối với cha mẹ, mặc cảm này liên can chặt chẽ đến một mặc cảm khác mà chúng ta gọi là mặc cảm bị thiến, một phản ứng đối với những sự bó buộc mà người cha thường đưa ra để ngăn cản sự phát triển đời sống tình dục của con trai.

Khảo sát về đời sống tinh thần trẻ con, chúng ta có thể đang lý luận tương tự để giải thích nguồn gốc của những sự ham muốn bị cấm chỉ khác thường xuất hiện trong giấc mơ: đó là những khuynh hướng quá đáng về tình dục và chúng ta tìm ra những sự kiện sau đây: người ta lầm lớn khi cho rằng trẻ con không có đời sống tình dục và đời sống này chỉ phát hiện sau khi đến tuổi dậy thì, khi cơ quan sinh dục phát triển hoàn toàn. Trái lại, đứa trẻ có một đời sống tình dục rất dồi dào khác đời sống tình dục về sau trên nhiều phương diện. Điều ta gọi là truỵ lạc trong đời sống người lớn khác với tình trạng bình thường ở chỗ: vượt qua giới hạn của sự khác biệt giữa người và vật, giới hạn của sự kinh tởm, sự loạn luân, sự đồng tính luyến ái, sự dùng các cơ quan khác trong người thay thế vào cơ quan tình dục để thỏa mãn dục tình. Những giới hạn đó không có ngay từ đầu nhưng được phát triển mạnh sau đó theo đà tiến triển của nhân loại. Đứa trẻ chưa biết đến những giới hạn đó, không biết rằng giữa người và vật có cả một vực thẳm không vượt qua được, chỉ mãi sau này nó mới biết người ta tự nào khi khác với giống vật. Lúc đầu nó chẳng thấy kinh tởm gì phân của nó, mãi sau này nhờ giáo dục nó mới thấy kinh tởm. Lúc đầu nó cho những cơ quan sinh dục chẳng có gì khác nhau cả. Những ham muốn tình dục của nó xuất hiện đối với những

người gần nó nhất: cha mẹ, anh chị em, những người săn sóc nó. Trong đứa trẻ thấy xuất hiện một điều mà mãi sau này người lớn thường làm khi tình dục lên đến tột độ: đó là việc đứa trẻ tìm cách thoả mãn tình dục không phải bằng cơ quan sinh dục mà bằng những chỗ khác trong thân thể cũng có tác dụng làm cho nó có cảm giác giống như cơ quan sinh dục. Vậy ngay trong đứa bé, chúng ta thấy có một sự truỵ lạc dưới nhiều hình thức, nếu những khuynh hướng này chỉ xuất hiện một cách rụt rè đó là vì chúng chưa đạt đến một cường độ mạnh như về sau khi nhiều tuổi hơn, và cũng là vì càng về sau, những khuynh hướng này càng bị giáo dục kìm hãm, dồn ép không cho xuất hiện. Sự kìm hãm này từ địa hạt thực tế qua địa hạt lý thuyết, người lớn nhắm mắt làm ngơ trước sự phát hiện tình dục của đứa bé rồi tìm cách bóp nghẹt phương diện khác của sự phát triển khuynh hướng tình dục: sau đó phủ nhận hết mọi sự là điều tiện nhất. Chính những kẻ phủ nhận này lại là những người tìm hết mọi cách để kìm hãm bản năng tình dục của đứa trẻ nhưng lại vẫn cho rằng đứa trẻ không có đời sống tình dục truỵ lạc như thế. Mỗi khi trẻ được thả lỏng, hay bị ảnh hưởng gì xấu xa là lập tức nó có những cử chỉ về tình dục. Nhiều người cho rằng những sự đó cũng chẳng có hại gì và đứa bé chẳng chịu trách nhiệm gì trước tòa án tập quán xã hội và luật pháp. Tuy nhiên, những sự đó vẫn có thực, có tầm quan trọng riêng biệt, như những triệu chứng của đời sống, báo hiệu về đời sống tình dục về sau, cho ta biết nhiều điều về đời sống tình dục của trẻ con và luôn cả nhân loại nói chung. Vì vậy nếu chúng ta tìm thấy những sự ham muốn truỵ lạc đó trong các giấc mơ bị biến dạng của chúng ta chính là vì giấc mơ đã đưa chúng ta lùi lại về thời thơ ấu.

Trong những ham muốn bị cấm chỉ này, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến những sự loạn luân. Ai cũng biết thái độ của xã hội đối với sự loạn luân như thế nào rồi và xã hội đã làm gì để kìm hãm nó. Người ta đã tìm đủ mọi lý do cắt nghĩa sự chống đối sự loạn luân. Có người cho rằng sự cấm chỉ loạn luân chỉ là hình dung của sự lựa chọn của thiên nhiên, vì sự giao cấu giữa những người cùng máu mủ luôn luôn đưa đến sự suy giảm những đặc tính của xã hội. Có người cho rằng chính vì sống quá gần nhau mà người cùng máu mủ không hề nghĩ đến sự giao cấu với nhau ngay từ khi còn nhỏ. Nhưng trong cả hai trường hợp, sự loạn luân đều bị tự động gạt bỏ ra ngoài lề xã hội mà không cần phải cấm đoán nghiêm khắc gì cả. Chính những sự cấm đoán này mới chứng tỏ sự có mặt của sự loạn luân, công cuộc khảo sát của môn phân tâm học đã chứng tỏ rằng, tình ái loạn luân chính là hành vi đầu tiên của tình ái và chỉ sau này nó mới gặp sức chống đối gây nên bởi tâm lý người đời.

Bây giờ ta hãy kiểm điểm lại những dữ kiện do sự khảo sát tâm lý trẻ con cung cấp có thể giúp chúng ta tìm hiểu giấc mơ. Không những chúng ta thấy rằng những vật liệu trong đời sống trẻ con đã bị quên lãng lại xuất hiện trong giấc mơ, chúng ta còn thấy đời sống tinh thần của đứa bé với mọi đặc điểm như sự ích kỷ, những khuynh hướng loạn luân, v.v... đều sống mãi trong vô thức để xuất hiện trong giấc mơ, và giấc mơ đã đưa chúng ta quay lại thời thơ ấu. Do đó chúng ta khẳng định rằng *cái vô thức trong đời sống tinh thần không gì khác hơn là giai đoạn ấu thơ của đời sống này.* Nhận xét này sẽ giảm bớt cảm giác ngỡ ngàng của mọi người khi thấy sao loài người lại có thể xấu xa đến như thế. Những điểm xấu xa này chỉ là những yếu

tố đầu tiên, sơ khởi, trẻ con của đời sống tinh thần, những yếu tố thường thấy trong hoạt động của đứa bé nhưng không được để ý đến vì chúng quá nhỏ, hay vì chúng ta cho là không quan trọng nên không để ý đến. Lùi lại đằng sau như thế, giấc mơ vạch cho chúng ta xem những điều xấu xa trong bản tính chúng ta. Nhưng thực ra điều này không đúng hẳn, chúng ta không đến nỗi xấu xa như những điều do sự giải thích giấc mơ đưa ra.

Chính vì những khuynh hướng trong giấc mơ chỉ là những cái gì còn sót lại của thời thơ ấu, chính vì giấc mơ đã biến chúng ta thành những đứa bé con về phương diện tinh thần và tình cảm nên chúng ta chẳng có lý do gì xấu hổ về những điều giải thích trong giấc mơ. Nhưng sự hợp lý không phải là tất cả đời sống tinh thần của chúng ta, sự không hợp lý cũng chiếm giữ một phần trong đó nên chúng ta thường xấu hổ mà không có lý do gì cả. Vì thế nên chúng ta mới kiểm duyệt giấc mơ và xấu hổ, khó chịu khi thấy những sự ham muốn bị cấm chỉ lọt vào ý thức của chúng ta, trong một vài trường hợp chúng ta còn xấu hổ cả đối với những giấc mơ bị biến dạng làm như chúng ta hiểu chúng lắm. Các bạn hãy nhớ lại cái bà lúc trước nằm mơ thấy mình đề nghị cung cấp ái tình. Vì vậy vấn đề không thể được coi là đã giải quyết, cũng có thể là nếu cứ tiếp tục khảo sát giấc mơ, biết đâu chúng ta lại chẳng tìm ra một đường lối để phán xét bản tính của con người.

Đến giai đoạn cuối của cuộc khảo sát, chúng ta đứng trước hai dữ kiện khởi đầu cho hai điều bí ẩn, nghi ngờ khác. Điều thứ nhất: sự thụt lùi do sự xây dựng giấc mơ gây ra không chỉ có tính chất hình thức mà còn có tính chất nội dung nữa. Sự thụt lùi này không những diễn tả những ý tưởng của chúng ta một

cách sơ khai mà mà còn thức dậy những đặc tính của đời sống tinh thần cổ lỗ, sự nổi bật cũ kỹ của cái tôi, những khuynh hướng cổ sơ của đời sống tình dục, những căn bản cũ kỹ của trí thức nếu quả thực chúng ta gán cho những sự việc kể trên cái tên ký hiệu tượng trưng. Điều thứ hai: tất cả những cái gì có tính cách trẻ con đó ngày xưa quan trọng, nhưng ngày nay lùi vào vô thức. Cái gì chỉ tiềm tàng nhất thời không còn là vô thức nữa: vô thức họp thành một phạm vi tinh thần đặc biệt, có những khuynh hướng riêng biệt, cách diễn tả đặt biệt, và những sự hoạt động về tinh thần riêng cho phạm vi này thôi. Nhưng những ý tưởng tiềm tàng do sự giải thích giấc mơ tìm ra không thuộc phạm vi này: ngay trong khi thức chúng ta cũng có thể có những ý tưởng tiềm tàng đó. Vậy mà những ý tưởng đó đều vô thức cả. Làm sao giải quyết được sự mâu thuẫn đó? Có lẽ chúng ta cần phân biệt: một cái gì đó thoát ra từ ý thức của chúng ta – ta có thể gọi là dấu vết của những biến cố trong ngày – chia đôi những đặc tính ra, liên kết với một cái gì thuộc phạm vi vô thức, rồi giấc mơ thoát ra từ sự liên kết đó. Công việc xây dựng trong giấc mơ diễn biến giữa hai loại ý tưởng đó. Ảnh hưởng của vô thức đối với dấu vết của những biến cố trong ngày cung cấp điều kiện của sự thụt lùi. Đó là điều đầy đủ nhất mà chúng ta thu lượm được về tính chất của giấc mơ trong khi chờ đợi thám hiểm được những phạm vi tinh thần khác. Nhưng đã đến lúc chúng ta phải gán cho tính chất vô thức của những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ một cái tên khác để phân biệt với những yếu tố vô thức trong phạm vi tính chất ấu trĩ của giấc mơ.

Tất nhiên chúng ta có thể đặt câu hỏi sau đây: cái gì đã làm cho tinh thần thụt lùi như thế trong giấc mơ? Tại sao tinh thần lại không hủy bỏ được những sự kích động gây rối trong giấc ngủ mà không cần đến sự thụt lùi này? Và nếu tinh thần này vì sự kiểm duyệt phải thay đổi bộ mặt của các sự hình dung trong giấc mơ bằng cách quay về dĩ vãng thì việc gì nó phải làm sống lại những khuynh hướng tinh thần, những sự ham muốn, những đặc tính lỗi thời, nghĩa là thêm vào tính cách hình thức của sự thụt lùi một tính cách nội dung nữa. Câu trả lời duy nhất thoả đáng đó là phương tiện duy nhất để họp thành một giấc mơ, và về phương diện tác động thì không thể quan niệm khác hơn về sự hủy diệt những sự kích động gây rối trong giấc mơ. Nhưng trong tình trạng hiểu biết hiện thời của chúng ta, chúng ta chưa có quyền trả lời như thế.

Không biết tôi có phải nhắc lại cho các bạn biết về con đường mà chúng ta đã đi qua không? Không biết tôi có cần nhắc lại là vì sự áp dụng kỹ thuật của chúng ta đã đặt chúng ta trước sự biến dạng của giấc mơ mà chúng ta đã có ý định tạm gác sự biến dạng sang một bên để tìm trong những giấc mơ trẻ con những dữ kiện có tính quyết định về tính chất giấc mơ không? Tôi có cần phải nhắc lại là sau khi đạt được những kết quả này chúng ta đã tấn công sự biến dạng trong giấc mơ và loại dần từng khó khăn một đi không? Bây giờ thì chúng ta bị bắt buộc phải công nhận rằng những kết quả đạt được theo con đường thứ nhất không phù hợp với những kết quả trong con đường thứ hai. Do đó chúng ta phải kiểm điểm lại hai loại kết quả này cho phù hợp với nhau.

Trong cả hai trường hợp chúng ta đều biết rằng công việc xây dựng giấc mơ chính là một sự biến đổi những ý tưởng thành những biến cố ảo giác. Sự biến đổi đó là cả một điều bí mật, nhưng đó là một vấn đề thuộc phạm vi tâm lý học tổng quát không liên can gì đến chúng ta. Những giấc mơ trẻ con đã cho thấy là công việc xây dựng giấc mơ có mục đích dùng sự thực hiện một ham muốn để huỷ diệt một sự kích động gây rối

trong giấc mơ. Chúng ta không thể nói như thế đối với sự biến dạng của giấc mơ trước khi có thể giải thích được sự biến dạng đó. Nhưng ngay từ lúc đầu chúng ta đã chờ đợi để có thể đem những giấc mơ bị biến dạng về cùng một phương diện với những giấc mơ trẻ con. Kết quả thứ nhất của sự chờ đợi đó là chúng ta đã tìm ra rằng mọi giấc mơ đều là những giấc mơ trẻ con, hoạt động với những vật liệu trẻ con, những khuynh hướng và diễn biến trẻ con. Vì vấn đề biến dạng của giấc mơ được coi là đã giải quyết xong, chúng ta cần xét đến vấn đề xem sự thực hiện những ham muốn có thể áp dụng được cho những giấc mơ bị biến dạng hay không?

Trong phần trên chúng ta đã đem nhiều giấc mơ ra giải thích nhưng không để ý đến sự thực hiện các điều ham muốn. Tôi tin rằng hơn một lần các bạn đã tự hỏi: "Sự thực hiện các điều ham muốn đi đến đâu rồi, khi giáo sư cho rằng đó chính là mục đích của việc xây dựng?". Câu hỏi đó có nhiều ý nghĩa: đó là câu hỏi của tất cả mọi người dù không chuyên môn. Nhân loại thường ghê sợ những sự mới mẻ trong bình diện tri thức, cho nên sự mới mẻ nào cũng bị thu hẹp lại thành một cuốn phim rất nhỏ. Trong lý thuyết về giấc mơ, sự thực hiện các điều ham muốn chính là cái phim thu nhỏ đó. Vừa nghe nói giấc mơ là sự thực hiện các điều ham muốn, người ta đã vội vã hỏi ngay xem sự thực hiện đó ở chỗ nào? Và cả ngay khi vừa mới đặt vấn đề xong người ta đã trả lời bằng một lời phủ nhận. Sực nhớ lại những kinh nghiệm của chính mình trong đó người ta gặp bao nhiêu sự khó chịu lo âu vì những giấc mơ, người ta tuyên bố ngay rằng thuyết của phân tâm học về giấc mơ không đúng sự thực. Chúng ta trả lời dễ dàng rằng trong những giấc mơ bị biến dạng, sự thực hiện những điều ham muốn thường không rõ

ràng, cần phải tìm ra cho nên không thể chứng minh được trước khi đem ra giải thích giấc mơ. Chúng ta cũng biết rằng những điều ham muốn trong những giấc mơ thường là những sự ham muốn bị cấm đoán, bị kiểm duyệt dồn ép, chính là nguyên nhân của sự biến dạng, lý do cho sự can thiệp của kiểm duyệt. Nhưng khó làm cho những người không chuyên môn hiểu được là trước khi giải thích giấc mơ người ta không thể đi tìm sự thực hiện các điều ham muốn được. Họ sẽ luôn luôn quên điều đó. Thái độ của họ đối với vấn đề thực hiện các điều ham muốn thực ra chỉ là kết quả của sự kiểm duyệt trong giấc mơ. Thái độ đó thay thế cho những sự ham muốn bị kiểm duyệt và là hậu quả của sự phủ nhận sự có mặt của những điều ham muốn này.

Tất nhiên chúng ta còn phải giải thích những giấc mơ nặng nề, lo sợ phập phồng, những ác mộng. Đây là lần đầu tiên chúng ta đứng trước vấn đề tình cảm trong giấc mơ, một vấn đề quan trọng nhưng chưa thể đem ra phân tích ở đây được. Nếu quả giấc mơ là sự thực hiện các điều ham muốn thì không thể có các giấc mơ nặng nề được: những nhà phê bình không chuyên môn có vẻ như đã nói đúng. Nhưng có ba điều phức tạp mà họ không để ý tới.

Điều thứ nhất: công việc xây dựng có thể không thành công hoàn toàn do đó có một số cảm giác nặng nề từ những ý tưởng tiềm tàng đi qua giấc mơ rõ ràng. Sự phân tích sẽ có nhiệm vụ chứng minh rằng, những ý tưởng tiềm tàng này nặng nề hơn những ý tưởng trong giấc mơ rõ ràng. Đến lúc đó chúng ta phải công nhận rằng công việc xây dựng chưa đạt được mục đích cũng như người ta không hết khát khi thấy mình uống trong giấc mơ. Người ta tha hồ mơ thấy mình uống nước trong

giấc mơ nhưng muốn cho hết khát phải thức dậy mới được. Tuy vậy giấc mơ đó vẫn là giấc mơ thực tuy sự ham muốn không được thực hiện. Chúng ta phải nói :"Dù sự ham muốn chưa được thực hiện nhưng ý đó vẫn là ý đáng khen". Những trường hợp không thành công không hiếm. Vì những tình cảm rất dai dẳng nên công việc xây dựng rất khó khăn trong việc tìm cách thay đổi ý nghĩa của chúng. Chính vì thế mà ngay cả khi công việc xây dựng đã thành công trong việc biến những ý tưởng tiềm tàng thành những sự thực hiện ham muốn những tình cảm nặng nề vẫn len lỏi qua giấc mơ rõ ràng. Trong những giấc mơ như thế, có sự mâu thuẫn giữa tình cảm và nội dung mà các nhà phê bình có thể cho rằng giấc mơ không phải là thực hiện những ham muốn là vì nội dung không có gì quan trọng cũng có thể có một cảm tưởng nặng nề. Để bài bác lý luận này chúng ta nói rằng chính trong những giấc mơ đó những khuynh hướng thực hiện sự ham muốn xuất hiện rõ ràng hơn hết vì ở trong tình trạng cô độc. Sở dĩ có sự lầm lẫn là vì những người không biết gì đến các chứng bệnh thần kinh tưởng tượng rằng giữa tình cảm và nội dung giấc mơ có một dây liên lạc chặt chẽ, không hiểu rằng nội dung có thể bị thay đổi mà tình cảm thì vẫn y nguyên.

Một điều rắc rối nữa quan trọng, sâu xa hơn là như sau: Sự thực hiện ham muốn chắc chắn là một điều khoan khoái. Nhưng cho ai? Tất nhiên cho kẻ nào có sự ham muốn đó. Nhưng chúng ta thấy thái độ của người nằm mơ đối với sự ham muốn này rất đặc biệt. Anh ta gạt bỏ, kiểm duyệt chúng, không muốn nghe nói đến chúng. Vậy sự thực hiện không thể gây cho anh ta một sự khoan khoái nào, trái lại nữa. Kinh nghiệm cho ta thấy là điều mâu thuẫn này xuất hiện dưới hình thức một điều

lo ngại phập phồng. Người nằm mơ có vẻ như hai người tuy vẫn bị ràng buộc vào với nhau. Tôi kể cho các bạn nghe một giấc mơ thuộc loại đó. Có một bà tiên hứa hẹn thực hiện cho một cặp vợ chồng ba điều ước muốn đầu tiên của họ. Người vợ muốn có một cặp xúc xích. Loáng một cái là xúc xích có ngay trước mặt: một điều đã thực hiện. Giận dữ, người chồng muốn những chiếc xúc xích đó treo tòng teng trên mũi vợ. Vừa nói xong là điều ước của người chồng thực hiện ngay. Tất nhiên người vợ chẳng khoái gì tình trạng đó. Câu chuyện tiếp tục ra sao, khỏi phải nói. Vì vợ chồng tuy hai nhưng chỉ là một nên điều ước thứ ba của họ là những miếng xúc xích rời khỏi mũi người vợ. Câu chuyện này chứng tỏ rằng điều mong muốn của người này không phải là điều mong muốn của người khác mỗi khi có sự bất hoà giữa hai bên.

Bây giờ thì chẳng còn một khó khăn trong việc tìm hiểu những cơn ác mộng nữa. Những cơn ác mộng thường không bị biến dạng, không bị kiểm duyệt. Ác mộng thường là sự thực hiện của một giấc mơ, nhưng sự ham muốn này không được hoan nghênh, mà bị dồn ép, xua đuổi. Nỗi lo âu phập phồng thay thế cho sự kiểm duyệt. Giấc mơ trẻ con là sự thực hiện thành thực một ham muốn được chấp nhận, giấc mơ bị biến dạng thường thường là sự thực hiện giả tạo của một ham muốn bị dồn ép, cơn ác mộng là sự thực hiện thành thực của một sự ham muốn bị xua đuổi. Sự lo âu phập phồng là dấu hiệu chứng tỏ rằng lòng ham muốn mạnh hơn cả sự kiểm duyệt, cứ việc thực hiện mặc dù có sự kiểm duyệt. Do đó đối với chúng ta, những người luôn luôn đứng về phe kiểm duyệt, sự thực hiện này chỉ gây ra những cảm giác nặng nề và là một cơ hội cho

chúng ta đề phòng. Sự lo âu phập phồng trong giấc mơ là sự lo âu trước sức mạnh của lòng ham muốn mà trước đây người ta đã kìm hãm được.

Cái gì đúng với những cơn ác mộng không biến dạng cũng đúng với những cơn ác mộng có biến dạng chút ít và những giấc mơ khó chịu khác trong đó những cảm giác nặng nề cũng gần những nỗi lo âu phập phồng. Sau cơn ác mộng người ta thường thức dậy trước khi lòng ham muốn bị kìm hãm được thực hiện hoàn toàn. Trong trường hợp này, giấc mơ không làm xong nhiệm vụ tuy tính chất chẳng có gì thay đổi. Chúng ta đã so sánh giấc mơ như một người gác đêm có nhiệm vụ bảo vệ cho giấc ngủ khỏi bị quấy rối. Mỗi khi thấy mình quá yếu không bảo vệ được giấc ngủ, người gác đêm thường đánh thức người đang ngủ dậy. Ngay cả khi nằm mơ bắt đầu xoay chiều, đáng nghi ngờ, sắp trở thành nỗi lo âu, chúng ta vẫn tiếp tục ngủ, vừa ngủ vừa tự nhủ: "Mình nằm mơ đấy mà".

Làm sao lòng ham muốn đủ sức mạnh để có thể không chịu sự kiểm duyệt? Điều đó có thể vì lòng ham muốn cũng như sự kiểm duyệt. Vì những lý do chưa được biết, lòng ham muốn có thể tăng cường độ lên rất nhiều: nhưng người ta vẫn có cảm tưởng rằng chính sự kiểm duyệt đã gây ra sự thay đổi trong mối liên quan giữa những động lực có trong giấc mơ. Kiểm duyệt thường thay đổi tùy theo trường hợp, mỗi yếu tố đều được duyệt xét tùy theo mức độ nghiêm trọng. Nhiều khi sự thay đổi còn đi xa hơn nữa và không phải lúc nào sự kiểm duyệt cũng tỏ ra nghiêm khắc đều đều với một yếu tố. Nếu trong một trường hợp nào đó, sự kiểm duyệt thấy mình bất lực trước một lòng

ham muốn nào đó, sự kiểm duyệt ngoài sự biến dạng ra còn có một phương sách cuối cùng là gây ra sự lo âu.

Chúng ta không hiểu tại sao những sự ham muốn bị kìm hãm lại xuất hiện ban đêm để quấy rối giấc ngủ? Chúng ta chỉ có thể trả lời câu hỏi đó bằng cách chú trọng đến tính chất của giấc ngủ. Ban ngày, những sự ham muốn này bị kiểm duyệt gắt gao nên không xuất hiện được. Nhưng ban đêm sự kiểm duyệt này bị gạt ra một bên hay ít nhất cũng kém mạnh đi để cho giấc mơ được dễ dàng. Do đó những sự ham muốn bị kìm hãm mới có cơ hội xuất hiện. Có những người mất ngủ thường thú nhận rằng sự mất ngủ đó nhiều khi có tính cách cố ý ngay từ đầu, người ta mất ngủ vì sợ nằm mơ, sợ sự kiểm duyệt bị yếu đi. Sự bãi bỏ kiểm duyệt không phải là một sự thiếu tiên liệu thô lỗ, điều đó thực dễ nhận ra. Giấc ngủ làm cho tính cơ động của chúng ta bị tê liệt; những ý nghĩ xấu xa chẳng phát sinh ra cái gì được ngoài giấc mơ, mà giấc mơ thì chẳng làm hại ai cả, do đó người nằm mơ có thể tự nhủ: "Dù sao đó chỉ là giấc mơ". Vì chỉ là giấc mơ nên chúng ta chẳng cần quan tâm đến, cứ việc ngủ khì.

Điều thứ ba, nếu các bạn nhớ lại sự tương tự giữa người nằm mơ chống lại những sự ham muốn của mình và con người giả tạo gồm có hai người khác biệt nhưng gắn liền vào nhau chặt chẽ, các bạn sẽ thấy có một lý do khác để cho sự thực hiện ham muốn có một hậu quả khó chịu ghê gớm, đó là sự trừng phạt. Trở lại câu chuyện ba điều ước muốn: những miếng xúc xích trên đĩa là sự thực hiện điều ước thứ nhất của người đàn bà: xúc xích nhảy lên mũi người đàn bà là sự thực hiện điều ước muốn thứ hai của người chồng, nhưng cũng là một sự trừng

phạt đối với người đàn bà về điều ước muốn vô nghĩa lý của chị ta. Trong các chứng bệnh thần kinh, chúng ta thay lý do cắt nghĩa điều ước muốn thứ ba trong câu chuyện. Những khuynh hướng trừng phạt như thế có rất nhiều trong đời sống tinh thần, những khuynh hướng rất mạnh và chịu trách nhiệm về phần lớn những giấc mơ hãi hùng. Các bạn sẽ bảo là dù có công nhận các điều này đi nữa thì sự thực hiện sự ham muốn chẳng còn có gì cả. Nhưng nếu xét lại thực kỹ các bạn sẽ thấy là các bạn nghĩ lầm. Nếu các bạn nghĩ rằng giấc mơ có thể có thiên hình vạn trạng, và tính chất thực sự của nó là gì thì định nghĩa của chúng ta: "giấc mơ là sự thực hiện sự ham muốn, một sự sợ hãi, một sự trừng phạt" chính là một định nghĩa có giới hạn. Ngoài ra lại còn sự việc là những sự sợ hãi, sự lo âu trái ngược hẳn với ham muốn, và trong sự liên tưởng những điều trái ngược nhau thường rất gần nhau, có khi trùng hợp với nhau ở trong vô thức. Tất nhiên sự trừng phạt cũng là một ham muốn, ham muốn của một người khác, người giữ vai trò kiểm duyệt.

Như thế tức là tôi không nhượng bộ các bạn chút nào về thái độ thiên vị của các bạn đối với việc thực hiện sự ham muốn. Nhưng tôi có bổn phận là gì khác hơn việc thực hiện sự ham muốn. Nhưng tôi có bổn phận cho các bạn hay rằng giấc mơ biến dạng nào cũng không là gì khác hơn sự thực hiện điều ham muốn. Các bạn hãy nhớ lại giấc mơ về 1fl 50 lấy ba vé. Một bà ban ngày vừa được chồng cho biết là bạn bà ta tên là Elise, chỉ kém bà ta có ba tháng vừa đính hôn, ban đêm nằm mơ thấy cùng chồng đi xem hát. Một phần lớn trong rạp trống, không có khách. Người chồng nói là Elise cũng muốn cùng vị hôn phu đi xem hát nhưng không đi được vì chỉ lấy được ba chỗ thôi với giá 1fl 50. Bà ta nghĩ rằng chả có gì đáng tiếc rẻ cả.

Chúng ta thấy là những ý tưởng trong mơ gắn liền vào sự không thích chồng mình. Chúng ta phải tìm hiểu xem những ý nghĩ buồn bã đó đã thành hình như thế nào, được biến đổi thành sự thực hiện ham muốn như thế nào, và chúng có dấu vết gì trong giấc mơ rõ ràng không? Chúng ta thấy những yếu tố "quá sớm", "quá vội vã" đã bị kiểm duyệt gạt bỏ. Việc một phần lớn rạp hát trống ám chỉ đến sự kiện bị kiểm duyệt. Điều bí mật về con số 3 (3 chỗ với trị giá 1 fl 50) bây giờ trở nên dễ hiểu, nhờ có tính cách tượng trưng trong giấc mơ. Con số 3 tượng trưng cho người đàn ông và giấc mơ rõ ràng có thể được giải thích như sau: dùng tiền hồi môn mua một tấm chồng (Với số hồi môn của mình, đáng lẽ mình phải mua được một tấm chồng mười lần hơn). Hôn nhân rõ ràng được thay thế bằng việc đi xem hát. "Việc mua vé quá sớm" ngụy trang cho ý nghĩ: "Mình đã lấy chồng quá sớm". Nhưng sự thay thế này là hậu quả của sự thực hiện ham muốn. Người nằm mơ chỉ bực mình vì đã lấy chồng quá sớm khi nghe người bạn gái chỉ kém mình có ba tháng vừa đính hôn xong. Có một thời bà ta tự hào vì lấy chồng và tự cho mình hơn Elise. Những người con gái ngây thơ thường tự hào vì đã đính hôn và cho rằng mình có quyền làm đủ mọi thứ, đi xem mọi vở tuồng, tham dự mọi sinh hoạt xã hội. Sự tò mò được biết hết này chắc chắn lúc đầu có tính tình dục, hướng về phía tình dục, nhất là đời sống tình dục của cha mẹ. Sau này sự tò mò trở thành một lý do vững chắc để cho người con gái đi lấy chồng sớm .

Vì thế nên việc đi xem hát thành một sự thay thế ám chỉ tình trạng đã có chồng. Trong lúc hối tiếc vì lấy chồng quá sớm, bà ta quay trở lại thời xa xưa lúc việc lấy chồng là sự thực hiện một ham muốn vì lấy chồng xong bà ta có thể mặc sức đi

xem hát, vì thế trong giấc mơ nhớ lại sở thích ngày xưa bà ta mới lấy việc đi xem hát thay thế cho sự lấy chồng.

Chúng ta có thể cho rằng vì muốn chứng minh sự có mặt của sự thực hiện một ham muốn bị che dấu, chúng ta sẽ dùng một thí dụ tiện cho chúng ta nhất. Chúng ta cũng sẽ làm như thế đối với những giấc mơ biến dạng khác. Tôi không làm được công việc đó trước các bạn nhưng tôi đoán chắc rằng nếu có làm chúng ta sẽ thành công hoàn toàn. Tuy nhiên tôi muốn dừng lại một chút nơi chi tiết này. Kinh nghiệm cho thấy rằng chi tiết này hay bị tấn công nhất và nó chính là nguyên nhân của bao nhiêu mâu thuẫn, bao nhiêu sự hiểu lầm. Ngoài ra các bạn có thể có cảm tưởng rằng tôi đã hiểu lầm. Ngoài ra các bạn có thể có cảm tưởng rằng tôi đã rút đi một phần các sự khẳng định khi nói đến giấc mơ là một ham muốn được thực hiện, hay điều trái lại của nó nghĩa là một điều lo âu hay một sự trừng phạt được thực hiện, và các bạn có thể cho rằng đó là cơ hội tốt để tôi phải nhượng bộ hơn nữa. Người ta trách tôi vì lối trình bày vắn tắt quá, hay để làm cho người ta tin, những điều quá đúng đối với tôi.

Có nhiều bạn đã theo tôi trong việc giải thích giấc mơ và chấp nhận những kết quả của sự giải thích này dừng lại ở điểm chót khi tôi chứng minh xong là giấc mơ chính là một ham muốn được thực hiện, rồi hỏi: "Giấc mơ bao giờ cũng có ý nghĩa và ý nghĩa này kỹ thuật phân tâm có thể tìm ra được, tại sao chúng ta lại bị bó trong cái công thức của sự thực hiện một sự ham muốn? Tại sao những ý nghĩa ban đêm lại không có nhiều nghĩa khác nhau như những ý nghĩ ban ngày? Nói khác đi, tại sao lần này giấc mơ tương ứng với một sự ham muốn

được thực hiện mà lần khác lại không tương ứng với điều trái lại, nghĩa là một sự lo âu được thực hiện, tại sao giấc mơ lại không diễn tả một dự định, một sự cảnh cáo, một sự suy nghĩ dẫn đo có điều phải điều trái, hay là một lời trách móc, một lời hối hận, một mưu toan làm một việc gì cần kíp v.v...? Tại sao giấc mơ bao giờ cũng chỉ diễn tả một thứ là sự ham muốn hay ít nhất điều trái ngược lại sự ham muốn?

Các bạn có thể nghĩ rằng một sự bất đồng ý về phương diện này chẳng có gì quan trọng, một khi người ta đồng ý về các điểm khác, chúng ta chỉ cần tìm hiểu ý nghĩa của giấc mơ, tìm ra phương sách giúp ta làm được điều đó, còn việc chúng ta có ấn định cho ý nghĩa đó một giới hạn nào hay không, không phải là điều quan hệ. Nhưng sự thực không phải thế. Một sự hiểu lầm có thể tai hại cho tất cả những điều chúng ta đã thu lượm được về giấc mơ, giảm giá trị những điều này khi chúng ta muốn tìm hiểu những căn bệnh thần kinh. Trong công việc thương mại chúng ta có thể buông trôi, nhưng về khoa học một thái độ như thế không thể chấp nhận được, có thể có hại nữa.

Vậy tại sao giấc mơ lại không gì khác hơn là sự thực hiện một ham muốn? Câu trả lời của tôi là: tôi chịu không biết tại sao. Sự việc xảy ra như thế quả chẳng có gì bất tiện cả. Nhưng sự việc lại không xảy ra như thế và chi tiết này là chi tiết duy nhất chống đối lại quan niệm rộng rãi hơn và tiện hơn về giấc mơ. Câu trả lời thứ hai là giấc mơ cũng có thể tương ứng với những hình thức tư tưởng và trí thức khác nhau. Tôi đã kể cho các bạn nghe là có một giấc mơ xuất hiện liền trong ba đêm, tôi đã giải thích là giấc mơ đó tương ứng với một dự tính và khi dự tính đó đã thành hiện thực thì giấc mơ không còn lý do gì để tái

xuất hiện nữa. Sau đó tôi có đưa ra thí dụ một giấc mơ mà nội dung là một sự thú tội. Vậy tại sao tôi lại tự mâu thuẫn khi nói rằng giấc mơ chỉ là một ham muốn đã được thực hiện.

Sở dĩ phải như thế là muốn tránh một sự hiểu lầm tai hại có thể làm cho mọi cố gắng của chúng ta từ trước tới nay về giấc mơ trước thành nước lã ra sông, một sự hiểu lầm lẫn lộn giấc mơ với những ý tưởng tiềm tàng trong đó rồi đem áp dụng cho cái kia những điều chỉ có thể đem áp dụng cho những cái này thôi. Đúng ra là giấc mơ có thể biểu thị cho tất cả những gì đã kể trên và thay thế cho chúng: dự tính, cảnh cáo, suy nghĩ, sửa soạn, giải quyết một vấn đề nào đó v.v... Nhưng xét cho kỹ thì nhận xét trên chỉ đúng với ý tưởng tiềm tàng bị biến dạng thành giấc mơ mà thôi. Tư tưởng vô thức của con người luôn luôn chú trọng đến những dự tính, những sự sửa soạn suy nghĩ mà công việc xây dựng biến thành giấc mơ. Nếu đến một lúc nào đó, bạn không chú trọng đến công việc xây dựng nữa mà chỉ chú trọng đến việc làm cho vô thức trở thành một ý nghĩ của con người thì bạn sẽ gạt bỏ công việc xây dựng rồi mời nói một cách hợp lý là giấc mơ chính là một dự tính, một sự cảnh cáo v.v... Trường hợp này xảy ra luôn trong hoạt động của phân tâm học: người ta tìm cách hủy diệt hình thức của giấc mơ và thay vào đó bằng những ý tưởng tiềm tàng, nguyên nhân phát sinh ra giấc mơ.

Do đó khi chỉ chú trọng vào những ý tưởng tiềm tàng, chúng ta tình cờ tìm ra rằng tất cả những hành vi vừa nói đều xảy ra ngoài ý thức của chúng ta: một kết quả thực huy hoàng nhưng cũng làm ta bối rối không kém.

Nhưng ngay cả khi cho rằng giấc mơ có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau, các bạn chỉ có quyền nói đến những ý nghĩa đó khi biết chắc rằng mình đang dùng những từ ngữ vẫn tắt chứ không thể mở rộng nhận xét đó cho toàn thể tính chất giấc mơ. Khi nói đến giấc mơ bạn phải nghĩ đến giấc mơ rõ ràng, nghĩa là để kết quả công việc xây dựng, hay đến chính công việc đó nghĩa là đến sự hoạt động tinh thần do giấc mơ rõ ràng và những ý tưởng tiềm tàng họp thành. Dùng hai chữ giấc mơ vào một công việc gì khác là chỉ có thể gây ra những sự hiểu lầm, lẫn lộn thôi. Nếu những điều khẳng định của các bạn liên quan đến những ý tưởng tiềm tàng, bạn nên nói rõ ngay chứ đừng gói ghém nó sau những danh từ mơ hồ thường dùng. Những ý tưởng tiềm tàng, chính là nguyên liệu mà công việc xây dựng biến thành giấc mơ rõ ràng. Tại sao bạn cứ lẫn lộn nguyên liệu với chính công việc đã nặn nguyên liệu này thành một thứ có hình thức? Nếu có người nào không biết đến kết quả của công việc đó, không thể giải thích được kết quả đó từ đâu mà có và đã thành hình như thế nào thì bạn có khác gì kẻ đó.

Yếu tố duy nhất cần thiết của giấc mơ là công việc xây dựng giấc mơ tác dụng trên nguyên liệu do những ý tưởng họp thành. Về phương diện lý thuyết ta không có quyền không biết đến điều đó, tuy về phương diện thực tế nhiều khi chúng ta phải bỏ qua. Công việc xây dựng không phải chỉ gán cho những ý tưởng này một sự phát biểu có tính cách cổ lỗ hay thụt lùi: nó còn thêm vào một vài điều tuy không thuộc những ý tưởng tiềm tàng trong ngày nhưng cũng là động lực phát sinh ra giấc mơ. Điều thêm vào rất cần thiết này không làm gì khác hơn là ham muốn, và nội dung giấc mơ chịu một sự biến dạng mà mục đích là sự thực hiện ham muốn này. Một khi bạn coi giấc mơ như

biểu thị cho những ý tưởng giấc mơ có thể có bất cứ ý nghĩa nào mình gán cho nó: cảnh cáo, dự tính, sửa soạn v.v... nhưng giấc mơ bao giờ cũng chỉ là sự thực hiện một ham muốn vô thức và chỉ là thế thôi nếu ta coi nó như kết quả của một công trình xây dựng. Vậy giấc mơ không bao giờ chỉ là một dự tính, một cảnh cáo không thôi, nhưng bao giờ cũng là một dự tính, một sự cảnh cáo, nhờ sự có mặt của một ham muốn vô thức, đã nhận được một sự phát biểu có tính cách cổ lỗ bị biến dạng để cho sự ham muốn được thực hiện. Một trong các đặc tính của giấc mơ, sự thực hiện ham muốn, là một đặc tính, bất biến không thay đổi, đặc tính khác có thể thay đổi, nó có thể là một ham muốn nhưng trong trường hợp này giấc mơ biểu thị cho một sự ham muốn tiềm tàng trong ngày được thực hiện nhờ sự giúp đỡ của một ham muốn vô thức.

Tôi hiểu rõ những điều đó lắm nhưng không biết đã làm cho bạn hiểu được chưa? Thực khó chứng minh quá. Muốn chứng minh, không những chúng ta phải phân tích thực nhiều giấc mơ mà ngoài ra điểm gai góc và nhiều ý nghĩa nhất trong quan niệm của chúng ta về giấc mơ không thể được trình bày gây lòng tin cậy của các bạn không gắn liền vào những điều sắp nói dưới đây. Khi nhiều phần trong một sự gì liên quan với nhau thực chặt chẽ, làm sao chúng ta có thể tìm hiểu sâu rộng tính chất của một phần mà không cần chú trọng đến những phần khác cũng có tính chất giống như thế? Vì chưa biết gì đến những điểm gần giấc mơ nhất, nghĩa là những triệu chứng của căn bệnh thần kinh, chúng ta đành phải hài lòng với những điểm đã thu lượm được. Tôi kể cho các bạn một thí dụ khác và đưa ra một điều nhận xét mới.

Một lần nữa chúng ta lại quay lại giấc mơ về ba vé hát với giá 1fl.50. Tôi đoán chắc rằng khi chọn thí dụ đó ngay từ đầu tôi không có một hậu ý nào cả. Bạn biết những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ đó: hối tiếc vì đã lấy chồng quá sớm, ý nghĩ rằng mình có thể lấy được một người chồng khá hơn nếu biết chờ đợi. Bạn cũng biết sự ham muốn nào đã làm cho những ý đó trở thành giấc mơ: lòng ham thích xem hát, bắt nguồn ở chỗ cho rằng mình sẽ biết thêm rất nhiều sau khi lấy chồng. Người ta biết rõ rằng đối với những đứa trẻ thì lòng ham biết này hướng về đời sống tình dục của cha mẹ: đó là một lòng ham biết của trẻ con và nếu sau này nó có tồn tại thì đó chính là một khuynh hướng có cội rễ từ thuở xa xưa trong thời thơ ấu. Nhưng tin nhận được trong ngày không liên can gì đến việc thích đi xem hát cả: nó chỉ có tính chất gợi lên sự hối tiếc thôi. Sự ham muốn đó ngay lúc đầu không thuộc hoàn toàn vào những ý tưởng tiềm tàng và chúng ta không cần biết đến nó trong sự giải thích giấc mơ. Nhưng ngay những điều làm trái ý mình tự nó cũng không đủ gây ra giấc mơ. Ý tưởng: "Mình lấy chồng quá sớm" thực ra là vô lý chỉ có thể phát sinh ra trong giấc mơ khi làm thức dậy sự ham muốn biết rõ những gì sẽ xảy ra sau khi lấy chồng. Sự ham muốn này hợp thành nội dung giấc mơ, thay thế cuộc hôn nhân bằng một cuộc đi xem hát và gán cho nó hình thức của một giấc mơ đó: phải rồi, tôi có thể đi xem hát và biết tất cả mọi điều thường bị cấm chỉ, trong khi chị không làm được như thế. Tôi có chồng rồi, chị còn phải chờ.Vì thế mà tình trạng hiện thời được thay thế bằng tình trạng trái ngược của nó và một sự đắc thắng ngày xưa thay cho một sự thất vọng hiện thời. Có một sự hài lòng vì được đi xem hát bên cạnh một sự hài lòng vì đã thắng một người bạn vì biết nhiều điều hơn bạn.

Chính sự hài lòng sau gây ra giấc mơ rõ ràng, và nội dung giấc mơ đó là mình đi xem hát được trong khi bạn mình chưa được phép đi. Gắn liền vào sự hài lòng này còn có bao nhiêu phần khác của giấc mơ, nhưng phần này che giấu những ý tưởng tiềm tàng. Sự giải thích giấc mơ cần bỏ qua những ý tưởng nặng nề trong giấc mơ chỉ bằng những ám chỉ nói trong phần trên.

Làm như trên tôi chỉ muốn các bạn để ý đến những ý tưởng tiềm tàng giữ một địa vị quan trọng. Xin các bạn đừng quên rằng:1) người nằm mơ không có một ý niệm gì về những ý tưởng đó cả. 2) những ý tưởng đó rất dễ hiểu, có mạch lạc hẳn hoi, nên mới có thể được coi như những phản ứng tự nhiên của biến cố trong ngày phát sinh ra giấc mơ. 3) những ý tưởng đó cũng có giá trị như bất cứ một khuynh hướng tinh thần và hoạt động tri thức nào. Vì thế nên tôi gọi những ý tưởng này là "những cái gì còn sót lại trong ngày" và gán cho danh từ này một ý nghĩa chặt chẽ hơn trước. Sau đó cần phân biệt những cái gì còn sót lại trong ngày này với những ý tưởng tiềm tàng là tất cả những cái gì chúng ta thu lượm được bằng cách giải thích giấc mơ, còn những cái gì còn sót lại chỉ là một phần trong các ý tưởng tiềm tàng thôi. Có một cái gì góp phần vào những cái gì còn sót lại trong ngày và cái đó chính là một sự ham muốn mạnh mẽ, nhưng bị dồn ép và chỉ có sự ham muốn này mới gây ra giấc mơ thôi. Tác dụng của sự ham muốn này làm cho nhiều ý tưởng tiềm tàng khác xuất hiện, những ý tưởng này không thể coi là hợp lý có thể giải thích được bằng đời sống khi thức.

Để hiểu rõ liên quan giữa những cái gì còn sót lại và sự ham muốn vô thức, tôi đã dùng một sự so sánh. Doanh nghiệp nào cũng cần có một nhà tư bản bỏ tiền ra chi tiêu và một nhà

thầu khoán để thực hiện những sáng kiến của anh ta. Sự ham muốn vô thức giữ một vai trò của nhà tư bản trong giấc mơ: chính anh ta cung cấp những nghị lực cần thiết cho sự thành lập giấc mơ. Người thầu khoán được hình dung ở đây bằng cái gì còn sót lại trong ngày quyết định về mọi sự chi tiêu và dùng nghị lực này. Nhưng trong một vài trường hợp chính nhà tư bản cũng có thể có sáng kiến, và những điều hiểu biết cần thiết để thực hiện cũng như người thầu khoán cũng có thể có tư bản cần thiết. Điều này đơn giản hoá khía cạnh thực tế của vấn đề nhưng không giúp cho sự hiểu biết về lý thuyết được dễ dàng. Trong kinh tế học, người ta chia con người duy nhất này thành hai người khác, một về phương diện nhà tư bản và một về phương diện người thầu khoán: làm như thế nào người ta lập lại tình trạng cơ bản sơ khởi của sự so sánh. Trong sự thành lập giấc mơ cũng có những ý tưởng như thế.

Trong lúc này chúng ta không thể đi xa hơn nữa vì có lẽ từ lâu các bạn đã thắc mắc về một vấn đề cần được xét đến. Các bạn sẽ hỏi: "Những cái gì còn sót lại trong ngày có phải cũng có tính cách vô thức như sự ham muốn vô thức cần thiết cho sự thành lập giấc mơ không? Hỏi như thế không còn gì chính đáng hơn, bởi vì đó là vấn đề chính trong câu chuyện này. Nhưng cái gì còn sót lại không vô thức theo nghĩa của sự ham muốn vô thức. Sự ham muốn thuộc vào một vô thức khác, bắt nguồn trong thời thơ ấu có sự hoạt động riêng biệt. Cần phân biệt hai loại vô thức đó, mỗi loại đều có ý nghĩa riêng biệt. Nhưng chúng ta hãy chờ cho tới khi nào quen với hiện tượng của các chứng bệnh thần kinh đã rồi sẽ phân biệt. Trước kia người ta thường trách chúng ta ở chỗ chúng ta chỉ có một vô thức thôi.

Bây giờ chúng ta sẽ nói như thế nào nếu chúng ta nhận rằng phải có hai vô thức mới thoả mãn được.

Thôi hãy dừng lại ở đó. Các bạn chỉ mới nghe thấy những điều chưa được đầy đủ, nhưng chả là một điều khích lệ sao khi nghĩ rằng những điều hiểu biết của chúng ta có thể phát triển được nhờ những công trình khảo cứu của chính chúng ta hay của những người sẽ đến sau chúng ta? Và những điều chúng ta đã học hỏi được không phải là những điều mới lạ và kỳ diệu ư?

15. NHỮNG ĐIỀU MƠ HỒ VÀ PHÊ BÌNH

Tôi không muốn rời bỏ phạm vi giấc mơ mà không nói đến những điểm nghi ngờ và mơ hồ chính trong những quan niệm mới vừa được trình bày. Những bạn nào chăm chú theo tôi từ đầu hẳn biết rõ những điểm này.

1. Mặc dù chúng ta áp dụng đúng kỹ thuật như thế nào chăng nữa, những kết quả thu lượm được cũng hãy còn mơ hồ đến nỗi người ta không để đi ngược từ những ý tưởng tiềm tàng về giấc mơ rõ ràng. Có bạn cho rằng trước hết, người ta không biết phải hiểu một yếu tố nào đó theo nghĩa thông thường hay theo nghĩa tượng trưng vì những đồ dùng để tượng trưng vẫn có giá trị thực của chúng. Vì không có một tiêu chuẩn nào cả nên sự giải thích phải để tuỳ thuộc người giải thích. Ngoài ra vì có những điểm trái ngược nhau lẫn lộn trong công việc xây dựng, thành ra người ta không được hiểu theo nghĩa âm hay nghĩa dương, theo nghĩa trực tiếp hay nghĩa phản trái: đó cũng là một điểm tuỳ theo người giải thích. Điều thứ ba, vì trong giấc mơ có nhiều sự đảo ngược, người ta có thể coi bất cứ đoạn nào trong giấc mơ như một sự lộn ngược. Sau cùng, rất ít khi có trường hợp mà chỉ có một sự giải thích thôi: vì có nhiều lối giải thích cho nên khó biết lối nào đúng. Kết luận là giới hạn của sự võ đoán của người giải thích quá rộng không phù hợp với tính cách thiết thực của những kết quả. Và các bạn có thể cho rằng những

lầm lẫn không hẳn đã từ giấc mơ mà ra nhưng có thể bắt nguồn ở chỗ lầm lẫn của chính những quan niệm của chúng ta.

Lý luận đó rất đúng nhưng tôi nghĩ là chúng phù hợp với những điều kết luận của các bạn, theo đó thì trong sự giải thích có nhiều điểm ức đoán và những điểm sai của phương pháp chúng ta đem dùng không thể làm cho chúng ta tin cậy được. Nhưng nếu thay vì nói đến những sự võ đoán của người giải thích, các bạn nói rằng sự giải thích tuỳ thuộc vào sự khéo léo, kinh nghiệm và sự thông minh của người giải thích thì tôi chịu ngay. Người ta không thể nào gạt bỏ yếu tố cá nhân ít nhất cũng trong trường hợp đứng trước một sự giải thích khó khăn như thế này. Người này giải thích đúng hơn hay hợp lý hơn người khác là một điều không thể tránh được, cũng như trong mọi kỹ thuật khác. Trong sự giải thích giấc mơ điều gì có vẻ như võ đoán sẽ không còn là võ đoán nữa khi người ta có thể chọn trong những cách giải thích được đưa ra cách nào người ta coi là thoả đáng nhất, và vứt bỏ những cách giải thích khác, dựa vào những dây liên lạc giữa những ý tưởng trong giấc mơ, giữa giấc mơ và đời sống người nằm mơ và vào tình trạng tinh thần của giấc mơ. Sở dĩ trong vấn đề giải thích giấc mơ có những điểm chưa được hoàn hảo chính là vì tính chất của giấc mơ là một cái gì vô định và người ta có thể gắn cho giấc mơ bất cứ ý nghĩa nào người ta muốn.

Tôi đã nói là công việc xây dựng trong giấc mơ làm cho những ý tưởng tiềm tàng phát biểu ra dưới một hình thức cổ lỗ giống như lối viết tượng hình. Vậy mọi sự biểu thị theo lối cổ lỗ đều bất định, thường có hai nghĩa làm cho ta không thể quyết đoán nên theo nghĩa nào. Sự gặp gỡ của các điểm trái nhau

trong công việc xây dựng cũng giống như những nghĩa phản trái nhau trong các ngôn ngữ cổ xưa. Nhà ngôn ngữ học R.Abel (1884) thường nói rằng, khi ta gặp trong các ngôn ngữ cổ những chữ có nhiều nghĩa, ta đừng cho rằng trong câu chuyện những tiếng đó bao giờ cũng có hai nghĩa. Giọng nói và cử chỉ của người nói chuyện đủ chỉ cho ta biết người đối thoại định dùng nghĩa nào trong các nghĩa đó. Trong chữ viết không thể dùng được cử chỉ, người ta thường ghép thêm vào bên cạnh chữ hình vẽ, không đọc lên ví dụ như hình một người ngồi xổm hay một người đứng thẳng bên cạnh chữ "ken" tuỳ theo chữ đó có nghĩa là yếu hay khoẻ. Do đó người ta tránh được những sự hiểu lầm mặc dù có rất nhiều nghĩa và dấu hiệu.

Trong những ngôn ngữ cổ xưa có nhiều điểm bất định không thể có mặt trong những ngôn ngữ hiện nay của chúng ta. Trong một vài ngôn ngữ Do Thái chẳng hạn, chúng ta chỉ có phụ âm mà không có nguyên âm. Người đọc hay người nghe phải chiếu theo câu nói hay chữ viết mà đoán ra những nguyên âm vắng mặt. Chữ viết cổ Ai Cập cũng thế vì chúng ta không biết tiếng cổ Ai Cập đọc ra sao. Chữ viết thiêng liêng của Ai Cập cũng có những điều bất định như thế. Người đọc cứ tự do xếp những hình ảnh từ phải sang trái hay từ trái sang phải tuỳ theo ý muốn. Muốn đọc phải tuỳ theo những hình ảnh của những con chim hay súc vật khác. Người viết cũng có thể viết từ trên xuống dưới tuỳ theo quan niệm về nghệ thuật. Điều khó chịu nhất trong chữ cổ Ai Cập là không hề viết chữ này xa chữ nọ. Những dấu hiệu cứ xuất hiện theo một khoảng cách đều đều khiến cho người ta không biết rõ một chữ thuộc chữ trên hay chữ dưới. Trong chữ viết Ba Tư trái lại giữa hai chữ có một chữ nghiêng chứng tỏ hai chữ khác nhau.

Chữ viết và ngôn ngữ Trung Hoa rất cổ hiện nay hãy còn dùng cho 400 triệu người. Các bạn đừng cho là tôi hiểu tiếng Trung Hoa. Tôi chỉ khảo cứu với hy vọng tìm thấy những điểm giống nhau như những điều vừa nói, và tôi đã không bị thất vọng. Ngôn ngữ Trung Hoa đầy rẫy những sự bất định như thế đủ làm chúng ta rùng mình. Ngôn ngữ đó gồm có nhiều vần có thể đọc riêng biệt hay cùng với những vần khác. Một trong các thổ ngữ Trung Hoa có tới 400 vần. Ngữ vựng gồm có 4000 chữ thành ra có chữ có tới 10 nghĩa, có chữ có ít hơn hay nhiều hơn. Vì toàn thể không giúp cho người nghe đoán được người nói định nói gì, người ta đã đặt ra không biết bao nhiêu là phương sách để tránh sự hiểu lầm. Trong những phương sách đó có phương sách cần phải kể việc ghép hai vần thành một tiếng và đọc tiếng đó theo bốn thanh âm khác nhau. Ngôn ngữ đó không có văn phạm. Không phân biệt được trong một chữ xem chữ đó là danh từ hay tính từ hay động từ, giống đực hay giống cái, số ít hay số nhiều, thời gian nào hay thể nào. Ngôn ngữ chỉ có những nguyên liệu cũng như tiếng nói trừu tượng của chúng ta phân chia ra thành những nguyên liệu bằng cách xoá bỏ những sự biểu thị các dây liên lạc giữa những tiếng. Trong tiếng Trung Hoa mỗi khi có điều gì bất định, người nghe phải dựa vào toàn thể mà quyết định tuỳ theo trí thông minh của mình. Tôi ghi một câu tục ngữ Trung Hoa nói từng tiếng một như sau: ít, nhìn, nhiều, điều kỳ diệu

Câu tục ngữ này không có gì khó hiểu: nó có thể có nghĩa là: càng trông ít bao nhiêu càng thấy nhiều điều kỳ diệu bấy nhiêu, hay: đối với những người trông càng ít, càng có nhiều điều kỳ diệu. Giữa hai bản dịch khác nhau chỉ khác nhau về văn phạm nay tất nhiên thực khó quyết định xem nên dùng bản nào.

Vậy mà người ta thường nói rằng tiếng Trung Hoa là thứ tiếng tuyệt hảo trong công việc trao đổi tư tưởng. Vậy sự có nhiều nghĩa không hẳn đã đưa đến sự bất định trong ngôn ngữ.

Tuy nhiên đối với sự biểu thị trong giấc mơ, tình trạng không được chắc chắn như trường hợp của các ngôn ngữ thời cổ. Những ngôn ngữ này được dùng làm phương tiện giao tiếp, phải được hiểu bằng cách này hay cách khác, trong khi giấc mơ không cần ai hiểu cả. Cho nên chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy giấc mơ có nhiều nghĩa, bất định, khiến cho chúng ta không thể quyết định một cách chắc chắn. Kết quả độc nhất chắc chắn thu lượm được trong sự so sánh này là những sự bất định nói trên luôn có mặt trong mọi cách diễn tả trong thời cổ.

Chỉ có kinh nghiệm làm đi làm lại nhiều lần mới giúp cho ta thực sự hiểu rõ giấc mơ. Theo ý tôi, tính bất định này không đưa chúng ta đi xa được và công trình khảo cứu của nhiều nhà khoa học khác đã chứng tỏ rằng tôi nói đúng. Những người không chuyên môn thường tỏ vẻ coi thường, bi quan trước những sự khó khăn và tính bất định của những công trình khoa học. Thái độ đó thực bất công. Nhiều người trong các bạn chắc không lạ gì khi thấy một tình trạng bi quan khinh khi như thế khi người ta gặp khó khăn trong việc đọc các tấm bia trong thành Babylone. Có một thời những người đọc các tấm bia này bị coi là những tay đại bịp và công trình của họ là cả một sự lường gạt. Nhưng đến năm 1857, Hội hoàng gia khảo cứu về Á châu đã làm một cuộc thí nghiệm có tính chất quyết định. Hội này yêu cầu bốn nhà chuyên môn nổi danh nhất thời đó gửi đến cho mình bốn bản dịch của một tấm bia, mỗi bản đều đựng trong phong bì dán kín, rồi sau khi mở bốn phong bì đó ra Hội

có thể tuyên bố rằng cả bốn đều phù hợp với những điều đã tìm ra quả là công trình đọc bia của họ đã đạt được những tiến bộ đáng kể. Những lời chế giễu của bọn người ưa bài bác nhờ đó mới dịu đi và công việc đọc bia mới càng ngày càng tiến triển được.

2. Có nhiều bạn cho rằng, những giải pháp mà chúng ta bắt buộc phải chấp nhận thường có tính cách gượng ép, giả tạo, không đúng chỗ và nhiều khi khôi hài. Tôi kể cho các bạn nghe một câu chuyện mới nhất thuộc loại này. Tại Thụy Sĩ một ông Giám đốc một Đại chủng viện bị cách chức vì đã khảo cứu Phân tâm học. Tất nhiên ông ta phản đối dữ dội, một tờ báo ở Berne, kinh đô Thụy Sĩ đã đăng bản án của các nhà chức trách học đường. Tôi trích một vài đoạn dính dáng đến môn Phân tâm học: "Có nhiều thí dụ lấy trong cuốn sách của bác sỹ Pfister đáng được chú ý đến vì tính cách giả tạo và cầu kỳ. Quả là một điều kỳ khôi khi thấy một ông Giám đốc Đại chủng viện chấp nhận những điều đó mà không có một lời phê bình chỉ trích nào". Họ muốn chúng ta coi những lời phê phán này là những lời của một vị thẩm phán vô tư. Theo ý tôi chính những lời phê phán vô tư này mới thực giả tạo. Chúng ta hãy xét kỹ lời phê phán này với hy vọng là thêm một chút suy nghĩ và một chút khả năng nữa cũng chẳng hại gì.

Quả thực là một điều thú vị khi thấy loài người chỉ cần dựa vào những cảm nghĩ đầu tiên của mình thôi mà cũng dám đưa ra những lời phê phán rất nhanh chóng và qủa quyết về một vấn đề gai góc như vấn đề tâm lý vô thức. Họ cho rằng lời giải thích của chúng ta có vẻ cầu kỳ, gượng ép, họ không thích nên cho ngay rằng lời đó sai, chả có giá trị gì cả. Không một phút nào

họ nghĩ rằng nếu những giải thích này có vẻ gượng ép và cầu kỳ, tất nhiên cũng phải có những lý do gì chắc chắn mà mọi người cần tìm hiểu.

Kết quả chính trong việc giải thích này là sự di chuyển, và sự di chuyển là một phương tiện mạnh nhất giúp cho sự kiểm duyệt hoạt động. Sự kiểm duyệt dùng phương tiện này để tạo ra những cái gì dùng thay thế sự việc mà chúng ta gọi là sự ám chỉ. Những sự ám chỉ này thường gắn liền vào một thực chất bởi một số các sự liên tưởng, thực chất này là thế nào chúng ta cũng chưa biết được rõ ràng. Chỉ có điều rằng đó là tất cả những điều gì người ta cần giấu giếm. Khi có những điều cần giấu giếm chúng ta không thể chờ đợi tìm thấy chúng ở nơi chúng phải có mặt. Những uỷ ban kiểm soát tại biên giới ngày nay lâu hơn những nhà chức trách học đường Thuỵ Sĩ nhiều. Muốn tìm các tài liệu và hình vẽ người ta không chỉ lục soát các túi và cặp da mà còn phải xét cả những nơi không chờ đợi nhất như những gót giầy hai lớp. Nếu họ tìm ra được những đồ quốc cấm bằng những cách khám xét tỉ mỉ đó thì sự chịu khó của họ quả không phải là vô ích.

Dù giữa yếu tố tiềm tàng và điều thay thế nó trong giấc mơ rõ ràng có những liên quan rất xa vời, kỳ lạ, khi thì khôi hài, khi thì khéo léo, chúng ta cũng chẳng làm gì khác hơn là làm theo đúng những kinh nghiệm do những giấc mơ cung cấp mà chúng ta đã không tự mình tìm ra được những lời giải đáp. Rất ít khi chúng ta tự mình tìm được cách giải thích một giấc mơ; không một ai có thể tự mình tìm ra được liên quan giữa một yếu tố tiềm tàng và điều thay thế cho yếu tố này trong giấc mơ rõ ràng. Có khi nhờ một ý kiến đột nhiên nẩy ra trong đầu, người

nằm mơ cho ta biết dễ dàng liên quan đó, có khi chúng ta được cung cấp đủ tài liệu để giải thích. Nếu người nằm mơ không chịu giúp thì chúng ta sẽ không làm sao hiểu được một vài yếu tố trong giấc mơ rõ ràng. Tôi kể cho các bạn nghe một câu chuyện mới xảy ra. Một thân chủ của tôi bị mất cha trong lúc đang điều trị. Bà ta tìm đủ mọi cách làm cho cha sống lại. Trong một giấc mơ bà ta thấy cha hiện ra và bảo: "Bây giờ là mười một giờ mười lăm, mười một giờ rưỡi, mười hai giờ kém mười lăm". Bà ta giải thích sự kiện này bằng cách nói rằng thuở còn sinh thời người cha rất thích các con về đúng giờ ăn cơm. Giữa kỷ niệm này và yếu tố trong giấc mơ tất nhiên phải có một liên quan gì dù chúng ta không thể dựa vào kỷ niệm này để biết rõ yếu tố kia bắt nguồn từ đâu. Nhưng trong khi chữa chạy, tôi nghi ngờ rằng có một thái độ phê bình chỉ trích nào đó đối với người cha yêu quý có dính dáng đến sự phát sinh ra giấc mơ. Bà nằm mơ kể cho chúng ta nghe, có một lần trong câu chuyện về vấn đề tâm lý, bà ta có nghe một người bà con nói: "Người cổ sơ (der Urmensh) sống lại trong mỗi chúng ta". Câu nói này giúp chúng ta hiểu được thái độ của bà khách. Đó là một cơ hội rất tốt cho bà ta làm cho cha sống lại. Bà ta biến cha thành một người của thời đại (home de I'heure, Urmensch), do đó người cha mới cứ mười lăm phút lại báo giờ một lần.

Trong câu chuyện này có điều gì làm ta nghĩ đến một lối chơi chữ. Nhiều khi người ta cho rằng người giải thích giấc mơ muốn chơi chữ trong khi sự thực người chơi chữ chính là người nằm mơ. Trong nhiều thí dụ khác chúng ta không thể biết rõ đó là một lối chơi chữ hay một giấc mơ. Chúng ta đã gặp trường hợp tương tự như thế trong một vài sự lỡ lời. Một người nằm mơ thấy mình ngồi cùng ông bác trong một chiếc xe hơi (xe tự

động). Theo ông ta thì giấc mơ đó có ý nghĩa là ông ta đã tự mình thoả mãn tình dục của mình không cần sự giúp đỡ của người khác (do chữ antoérotisme chơi chữ với automobile có nghĩa là xe tự động hay xe hơi). Có phải ông này muốn nói đùa và nói rằng mình nằm mơ trong khi thực sự chỉ muốn chơi chữ không? Tôi không tin như thế. Theo ý tôi ông ta quả đã nằm mơ thực. Nhưng do đâu mà có sự giống nhau giữa việc tự thoả mãn về tình dục với chiếc xe hơi? Câu hỏi này đã làm tôi suy nghĩ rất lâu và khảo cứu thực kỹ càng về sự chơi chữ. Sau cùng tôi đi đến kết luận là đã có một loạt ý tưởng hữu thức len lỏi vào trong vô thức và tái xuất hiện dưới hình thức một sự chơi chữ. Chịu ảnh hưởng của vô thức, những ý tưởng hữu thức này chịu tác dụng của sự di chuyển và cô đọng trong công việc xây dựng giấc mơ và sự chơi chữ. Nhưng giấc mơ chơi chữ không gây cho người ta cái khoái cảm như một trò chơi chữ thực sự. Tại sao lại như thế? "Giấc mơ hí từ" không làm cho ta cười, trái lại chỉ làm cho ta dửng dưng.

Về điểm này chúng ta tiến đến gần lối đoán mộng ngày xưa. Tôi kể cho các bạn nghe một câu chuyện đoán mộng này vì tính lịch sử của nó. Giấc mơ của Đại đế Alexandre được Plutarque và Artémodore ở Êphese kể lại. Trong lúc công phá thành Tyr, Đại đế Alexandre nằm mơ thấy một con quỷ nhảy nhót trước mặt mình. Thầy bói Aristadre đoán rằng thế nào thành Tyr cũng thất thủ vì phân tích chữ satyros (con quỷ) ra, người ta thấy có nghĩa là: thành Tyr thế nào cũng thuộc về ông. Quả nhiên về sau thành Tyr bị hạ thực. Sự giải thích này có vẻ như giả tạo nhưng đúng từ đầu đến cuối.

3. Các bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng ngay cả những người chuyên khảo cứu về phân tâm học và sự giải thích giấc mơ cũng nhao nhao phản đối quan niệm trên của chúng ta về giấc mơ. Sự lầm lẫn này đã đưa đến nhiều điều sai lầm rất gần quan niệm của y học về giấc mơ. Một trong các điều đó cho rằng giấc mơ chỉ là một mưu toan thích ứng vào hiện tại và giải quyết các việc trong tương lai, nghĩa là giấc mơ có khuynh hướng khảo cứu tương lai để tổ chức hiện tại (A. Maeder). Chúng ta đã có dịp chứng tỏ rằng quan niệm này lẫn lộn giấc mơ rõ ràng với những ý tưởng tiềm tàng nghĩa là chú trọng đến công việc xây dựng trong giấc mơ. Vì muốn biểu thị cho đời sống tinh thần vô thức có chứa đựng những ý tưởng tiềm tàng nên quan niệm này không mới mẻ mà cũng không đầy đủ, vì ngoài sự xây dựng tương lai ra, sự hoạt động tinh thần còn làm nhiều việc khác nữa. Vì một sự lầm lẫn đáng tiếc hơn nữa, người ta đã cho rằng đằng sau giấc mơ bao giờ cũng có ý tưởng chết chóc. Tôi không hiểu người ta định nói gì trong công thức này nhưng chắc chắn là nó bắt nguồn ở chỗ người ta lẫn lộn giấc mơ và cá tính của người nằm mơ.

Tôi kể cho các bạn nghe một câu chuyện nữa để chứng tỏ rằng có người thường cho rằng giấc mơ có thể được giải thích bằng hai cách: một cách có tính chất phân tâm, một cách theo kinh thánh không biết gì đến sự có mặt của các sự ham muốn, chỉ nói đến những hoạt động tinh thần cao cấp thôi. Tất nhiên cũng có những giấc mơ loại này nhưng đó chỉ là những trường hợp đặc biệt không thể coi là có tính chất chung. Theo điều họ nói, chúng ta không thể nào quan niệm rằng giấc mơ lại có thể có tính chất tình dục và là sự gặp gỡ của giống đực và giống cái được (A. Adler). Tất nhiên cũng có một vài giấc mơ như thế và

sau này bạn sẽ biết chúng chỉ là những triệu chứng loạn thần kinh. Tôi kể ra những sự tìm tòi mới về tính chất giấc mơ nói trên để các bạn biết mà đề phòng hay ít nhất cũng để bạn biết rõ ý kiến tôi về vấn đề.

4. Người ta đã tìm cách làm giảm giá trị khách quan của những công trình này bằng cách cho rằng những người bình thường thu xếp sao cho giấc mơ của mình hợp với ý kiến của các bác sĩ; người cho rằng mình có những giấc mơ về quyền lực, người cho rằng mình có những giấc mơ sống lại sau khi đã chết thực, (W. Setkel). Nhưng lý luận này không còn một chút giá trị gì khi mọi người thấy rằng trước khi khoa học phân tâm ra đời, người đời đã nằm mơ rồi và ngay cả khi khoa học đó đã ra đời thì bao giờ người ta cũng nằm mơ rồi mới đến hỏi nhà phân tâm học về giấc mơ. Những sự kiện do quan niệm này đưa ra rất dễ hiểu và không làm hại gì cho thuyết về giấc mơ cả. Những "cái gì còn sót lại trong ngày" phát sinh ra giấc mơ thường bắt nguồn ở đời sống con người khi họ thức. Nếu những lời nói về đề nghị của bác sĩ có một tầm quan trọng nào đối với con bệnh, những lời này cũng chẳng khác gì những cái gì còn sót lại tinh thần, chẳng khác gì những ham muốn chưa được thỏa mãn, cũng có tác dụng chẳng khác gì những sự kích động cơ thể ảnh hưởng đến người nằm mơ trong lúc ngủ. Cũng như những yếu tố kích động giấc mơ khác, những ý tưởng do thầy thuốc gợi ra cũng có thể xuất hiện trong giấc mơ rõ ràng hay trong những ý tưởng tiềm tàng. Chúng ta biết là chúng ta có thể tạo ra giấc mơ và những vật liệu giúp cho giấc mơ phát hiện. Trong trường hợp này người thầy thuốc cũng không làm gì khác hơn công việc của thí nghiệm viên Maury Vold khi ông

này đặt chân tay của người nằm ngủ theo một chiều hướng nào đó để gây ra giấc mơ như ý muốn.

Chúng ta có thể gợi ra cho người nằm mơ đối tượng của giấc mơ chứ không thể ảnh hưởng gì đến những điều người đó sắp mơ. Sự hoạt động của công việc xây dựng và sự ham muốn vô thức không chịu ảnh hưởng gì từ bên ngoài vào. Khảo sát những sự kích động cơ thể giấc mơ thường được tỏ rõ trong phản ứng thể xác. Do đó lời bài bác nói trên về giá trị khách quan của những công trình khảo cứu về giấc mơ bắt nguồn ở chỗ đã lẫn lộn giấc mơ với những vật liệu xây dựng giấc mơ.

Đó là tất cả những điều tôi muốn trình bày cùng các bạn về giấc mơ. Chắc các bạn cũng đoán rằng tôi bỏ sót rất nhiều điều. Sở dĩ có sự thiếu sót đó là vì giấc mơ còn liên lạc chặt chẽ với những chứng bệnh thần kinh. Chúng ta khảo sát giấc mơ với mục đích sửa soạn cho việc khảo sát các chứng bệnh thần kinh. Điều này hợp lý hơn là việc khảo sát các chứng bệnh thần kinh để chuẩn bị cho việc khảo sát giấc mơ. Giấc mơ có thể giúp hiểu được các chứng bệnh thần kinh. Trái lại chúng ta chỉ hiểu giấc mơ một cách hoàn bị hơn, chi tiết hơn nếu chúng ta hiểu rõ về chứng bệnh thần kinh.

Tôi không biết các bạn nghĩ gì về vấn đề đó nhưng phần tôi, tôi không hề hối tiếc khi dành thực nhiều thì giờ cho sự khảo sát giấc mơ và yêu cầu các bạn chú trọng đặc biệt về vấn đề giấc mơ. Không có môn học nào có thể giúp cho chúng ta một ý niệm đúng hơn về môn phân tâm học. Muốn chứng tỏ rằng những triệu chứng của bệnh thần kinh có ý nghĩa, có ích lợi cho ta trong việc tìm hiểu người bệnh, có thể giải thích được khi khảo sát đời sống người bệnh, cần phải làm việc trong

nhiều tháng, có khi nhiều năm. Trái lại chỉ cần làm việc một số giờ thôi cũng đủ hiểu được giấc mơ, những tiền đề của môn phân tâm học về tính cách vô thức của các hoạt động tinh thần, xem chúng chịu những ảnh hưởng, khuynh hướng nào và chúng hoạt động ra sao. Và nếu chúng ta có thể thêm vào tính cách tương đồng giữa giấc mơ và bệnh thần kinh, một sự biến đổi nhanh chóng khiến cho người nằm mơ trở thành một người thức tỉnh, biết điều, thì chúng ta có thể chắc chắn rằng căn bệnh thần kinh cũng chỉ là sự suy sụp của những liên quan thông thường giữa những động lực khác nhau trong đời sống tinh thần.

PHẦN THỨ BA

THUYẾT TỔNG QUÁT VỀ CÁC CHỨNG BỆNH THẦN KINH

16. PHÂN TÂM HỌC VÀ THẦN KINH HỌC

Tôi sung sướng khi lại được tiếp tục câu chuyện với các bạn. Trước đây tôi đã nói cho các bạn nghe về quan niệm phân tâm học của các hành vi sai lạc và giấc mơ. Ngày nay tôi muốn các bạn làm quen với những hiện tượng chứng bệnh thần kinh, những hiện tượng này có hơn một điểm tương đồng với những hành vi sai lạc cũng yêu cầu các bạn có một thái độ như đối với các hiện tượng trên. Trước đây tôi không hề tiến thêm một bước nào trước khi được sự đồng ý của các bạn; tôi đã thảo luận nhiều và đã giải hết những điều thắc mắc của bạn; tôi đã tin cậy ở các bạn và lẽ phải của các bạn để tiến được những bước tiến quyết định. Ngày nay sự việc không thể xảy ra như thế nữa, bởi một lẽ rất thường: Hành vi sai lạc và giấc mơ đối với các bạn không phải là những hiện tượng xa lạ gì, các bạn có thể cũng có những kinh nghiệm giống như của tôi. Nhưng phạm vi chứng bệnh thần kinh đối với các bạn hoàn toàn mới lạ. Nếu không phải là thầy thuốc các bạn chẳng làm sao biết thêm được gì ngoài những điều tôi nói cho các bạn nghe, trong khi sự phán đoán chỉ có giá trị khi người đưa ra phán đoán đó quen thuộc với các vật liệu được đưa ra ánh sáng.

Tuy nhiên các bạn đừng cho rằng tôi sẽ nói cho các bạn nghe những điều có tính giáo điều, tôi cũng không bắt buộc các bạn phải đồng ý với tôi vô điều kiện, nếu các bạn tưởng lầm thì sẽ xảy ra nhiều điều tai hại lắm. Tôi không hề có ý muốn bắt buộc ai công nhận những điều mình nói, tôi chỉ muốn kích thích các bạn, làm tan những thành kiến. Khi nào vì thiếu thốn tài liệu mà bạn không giải quyết được vấn đề gì, bạn đừng vội tin, hay vứt bỏ ý tưởng này hay ý tưởng khác. Các bạn chỉ cần ngồi nghe và lĩnh hội những điều nghe nói. Có được vài điều tin tưởng đâu có phải là chuyện dễ, những điều nào đến với mình một cách quá dễ dàng thường là những điều chẳng có giá trị gì. Chỉ có những người nào dầy công làm việc đêm ngày trong bao nhiêu năm ròng rã, tự mình làm đi làm lại biết bao nhiêu thí nghiệm cá nhân mới mẻ, kỳ thú mới có quyền tự cho là mình biết được nhiều điều. Về phương diện tri thức, những quan niệm hấp tấp, chớp nhoáng, những sự phán đoán vội vàng dùng được việc gì? Những tiếng sét ái tình chỉ có trong phương diện tình cảm thôi. Chúng ta không đòi hỏi thân chủ của chúng ta tin tưởng vào sự hiệu nghiệm của phương pháp phân tâm học, hay đứng về phía chúng ta. Nếu họ làm như thế chúng ta sẽ bị nghi ngờ, chúng ta chỉ yêu cầu họ có một thái độ bi quan khoan hoà. Vậy các bạn hãy thử để cho thấm dần trong lòng mình những ý niệm về phân tâm nào đó những quan niệm khác nhau này hoà hợp với nhau, liên kết với nhau để hợp thành một quan niệm cuối cùng có tính quyết định.

Ngoài ra các bạn không nên cho rằng điều tôi trình bày với các bạn về phân tâm học có một tính cách vụ lợi nào. Đó chỉ là một sự kiện bắt nguồn ở thực nghiệm, một sự quan sát trực tiếp hay hậu của những công trình quan sát hay thực nghiệm này.

Chính những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực khoa học sẽ giúp chúng ta biết những công trình khảo cứu của chúng ta đã đầy đủ chưa, có hợp lý không. Riêng tôi, dựa vào cuộc sống khá dài và hai mươi lăm năm kinh nghiệm, tôi có thể cam đoan với các bạn là tôi đã phải làm việc rất cần cù mới có thể có được một mớ kinh nghiệm xã hội, quan điểm của tôi về môn phân tâm học. Tôi luôn luôn có cảm tưởng rằng những đối thủ của tôi không nhận ra những điều đó, và cho rằng những ý kiến của tôi chỉ là những ý kiến chủ quan có thể chống đối được dễ dàng. Tôi quả thực không hiểu thái độ này. Có thể là các thầy thuốc ngại không muốn giao thiệp quá thân mật với những thân chủ mắc bệnh thần kinh của họ, không thèm chú ý đến những lời họ nói nên không thể lợi dụng được những điều này để tìm ra những hiểu biết có giá trong việc trị liệu, không thể đưa ra được những điều quan sát giúp cho họ đạt được những kết luận có tính cách tổng quát hơn. Tôi sẽ cố tránh không đả động đến những sự cãi vã vô ích trong phạm vi những bài học này. Tôi không tin là bút chiến có thể dùng được việc gì. Bút chiến chỉ là con đẻ của lối lý luận giáo điều ngày xưa của người Hi Lạp, sở dĩ không thành công vì người ta đã quá chú trọng đến lối biện chứng. Riêng tôi, tôi cho rằng những cuộc bút chiến trong phạm vi khoa học chả đưa đến kết quả gì, cụ thể nhất là chúng thường có khuynh hướng đề cao cá nhân. Từ trước tới nay, tôi chỉ có thảo luận gay go với một nhà bác học thôi, đó là nhà bác học Lowenfeld ở Munich và kết quả của cuộc thảo luận đó đã làm cho chúng tôi trở thành hai người bạn sau khi đã là đối thủ của nhau. Vì không tin rằng những cuộc bút chiến sau này cũng đưa đến kết quả khả quan như thế nên tôi đã không làm lại cuộc thí nghiệm.

Các bạn có thể cho rằng thái độ lẩn tránh những cuộc bút chiến như thế chứng tỏ là mình không đủ lý lẽ để bào chữa, hay một thái độ ngoan cố. Tôi trả lời nghi vấn đó là một khi người ta đã dày công học hỏi khảo cứu để đưa ra một quan niệm khoa học, người ta có đủ can đảm để tự bào chữa và giữ nguyên quan điểm của mình chống lại với bất cứ trở lực nào. Tôi cũng cần thêm rằng, tôi đã nhiều lần hoàn bị quan điểm của tôi, nhiều lần thay đổi ý kiến và lần nào cũng công bố những sự thay đổi đó công khai trước mắt mọi người. Hậu quả của sự thành thực đó ra sao, các bạn có biết không? Có người không hề chú trọng đến những điều thay đổi đó và tiếp tục chỉ trích tôi về những quan điểm mà tôi không còn giữ nữa. Người khác lại cho rằng thay đổi như thế chứng tỏ là người ta không thể tin cậy nơi tôi được, vì kẻ nào luôn luôn thay đổi quan niệm của mình thì không đáng được tin cậy và những điều thay đổi này cũng chẳng có giá trị gì hơn những điều đưa ra từ trước. Nhưng kẻ nào cứ giữ nguyên quan niệm của mình từ đầu đến cuối lại bị chính những người đó cho là ngoan cố, cứng đầu cứng cổ. Đứng trước hai thái độ đó, tôi thấy chẳng còn gì khác hơn là "đường ta ta cứ đi". Tôi nhất định cứ tiếp tục con đường đã vạch sẵn, không có điều gì ngăn cấm tôi thay đổi một vài quan điểm tuỳ theo đà tiến triển của khoa học, mặc dù vẫn giữ nguyên những ý tưởng căn bản trong môn phân tâm học.

Tôi có bổn phận trình bày cho các bạn nghe về quan điểm của môn phân tâm học về các hiện tượng náo loạn thần kinh. Tôi sẽ nói đến những điểm tương đồng và trái ngược giữa những hiện tượng này và những hiện tượng đã học phần trên. Lấy thí dụ về một triệu chứng thường có trong số thân chủ, chúng ta sẽ không để ý đến những điều khổ não trong phân tâm

học không thể bảo thân chủ của họ là họ chẳng có bệnh tật gì hết rồi cho họ một liều thuốc bổ. Một trong các bạn đồng nghiệp của tôi khi được hỏi về thái độ nên có đối với các thân chủ đã trả lời là "tôi yêu cầu họ trả tôi một số tiền là bao nhiêu đó". Vì thế cho nên những bác sĩ hành nghề phân tâm học thường không có nhiều thân chủ. Cửa phòng khám bệnh của tôi thường bọc bằng cao su và có hai lần cửa. Làm như thế không phải là không có ý nghĩa đâu. Khách hàng vào phòng khám bệnh thường quên không đóng cửa phòng. Tôi luôn luôn nhắc họ phải đóng cửa phòng lại bất kể địa vị của họ trong xã hội ra sao. Đó quả là một điều khó chịu vì phần lớn họ là những người từ trước tới nay chưa hề giơ tay ra sờ vào quả đấm cửa bao giờ vì họ luôn luôn có người mở cửa cho họ ra vào. Nhưng dù sao tôi làm thế vẫn là phải vì kẻ nào vào phòng mà không đóng cửa thường là những kẻ không được giáo dục hẳn hoi và chúng ta không có lý do gì gượng nhẹ đối với họ. Các bạn đừng vội phán đoán trước khi biết rõ câu chuyện. Thân chủ chỉ không đóng cửa phòng khi trong phòng đợi không có ai cả thôi. Nhưng khi trong phòng đợi có người là thế nào họ cũng đóng cửa rất kỹ, vì họ không muốn cho người khác nghe được những điều họ sắp nói với ông thầy thuốc.

Như thế tức là việc thân chủ không đóng cửa phòng khám bệnh không phải là việc ngẫu nhiên, không phải là không có ý nghĩa, không phải là không có một tầm quan trọng nào đó. Thân chủ thường là những người muốn nổi tiếng, muốn được người đời săn sóc. Họ thường gọi điện hỏi trước xem có thể đến vào giờ nào và tưởng tượng như có hàng dãy dài người đang đứng chờ trước cửa phòng khám bệnh. Nhưng khi đến nơi họ chỉ gặp một căn phòng trống rỗng, đồ đạc rất tầm thường. Họ

bực mình, tỏ vẻ khinh thường ông thầy thuốc bằng thái độ không thèm đóng cửa có vẻ như muốn bảo thẳng ông thầy này:" Đóng cửa làm gì khi chẳng có ma nào trong phòng đợi", rồi trong lúc khám bệnh họ thường tỏ ra vô lễ, ngang bướng.

Phân tích thái độ này, chúng ta không biết gì hơn những điều đã biết rồi, nghĩa là thái độ đó không phải ngẫu nhiên, mà có một ý nghĩa, lệ thuộc vào một toàn thể tinh thần nhất định, dấu hiệu của một trạng thái tinh thần quan trọng. Không một thân chủ nào lại thú nhận rằng họ có ý muốn tỏ ra vô lễ với ông thầy thuốc, điều đó chứng tỏ rằng họ không hề có ý thức về việc mình làm. Có thể có người thú nhận rằng họ đã thất vọng khi nhìn thấy căn phòng đợi vắng như chùa bà Đanh, nhưng điều chắc chắn là họ không ý thức về thái độ của họ.

Tôi so sánh thái độ này với một điều quan sát được nơi một thân chủ khác. Sự quan sát này hết sức mới mẻ có thể được kể lại một cách vắn tắt tuy trong môn phân tâm học nhiều khi khó lòng tránh được những lối kể chuyện dài dòng.

Một sĩ quan trẻ tuổi yêu cầu tôi chữa bệnh cho bà mẹ vợ. Bà này tuy sống trong một hoàn cảnh hết sức sung sướng nhưng vẫn đầu độc cuộc sống của mình và của người khác bằng một thiên kiến chẳng có nghĩa lý gì. Bà ta khoảng chừng 53 tuổi, còn giữ được vẻ đẹp ngày xưa, dáng điệu niềm nở, dễ chịu, vui vẻ, giản dị. Bà kể cho tôi nghe chuyện của bà, bà sống rất sung sướng bên cạnh chồng, một ông Giám đốc một cơ xưởng, bà chả có điều gì phàn nàn về thái độ của chồng đối với mình. Hai người lấy nhau vì tình đã 30 năm nay, không hề xảy ra cãi cọ, ghen tuông gì. Hai người con đã lập gia đình, người chồng chưa hề có ý định về hưu. Nhưng cách đây một năm có một việc

không tưởng tượng nổi xảy ra. Bà ta nhận được một bức thư nặc danh tố cáo chồng bà dan díu với một người con gái khác. Hạnh phúc gia đình bắt đầu tan rã từ khi đó. Cuộc điều tra cho biết có một chị bồi phòng của bà ghét cay ghét đắng một người bạn cũ tuy cũng sinh ra trong hoàn cảnh nghèo nàn như mình nhưng đã thành công hơn mình, thay vì đi ở đợ như mình người bạn này đã học hỏi và trở thành một người thư ký trong xưởng của chồng bà chủ. Tổng động viên đã thu hút ra mặt trận một số nhân viên trong xưởng, người bạn trở nên một nhân vật quan trọng, được ăn ở ngay trong xưởng, giao thiệp với các ông tai to mặt lớn, được mọi người trọng vọng. Mụ hầu phòng tức bực tìm hết cách nói xấu người bạn cũ. Một hôm nhân dịp một ông khách ly thân với vợ, đang sống chung với tình nhân đến chơi, bà chủ nói cho mụ hầu phòng nghe là ở địa vị bà ta chắc bà ta không chịu nổi cảnh chồng có tình nhân như thế. Sáng hôm sau bà ta nhận được bức thư nặc danh nói trên. Bà ta đồ chừng tác giả bức thư chính là mụ hầu phòng vì bà biết mụ này ghét cay ghét đắng cô thư ký. Nhưng bà ta vẫn bị cái thư đó ám ảnh, bà nổi trận lôi đình, xỉ vả chồng rất thậm tệ. Ông chồng tươi cười cố trấn tĩnh vợ, nhờ hai vị bác sĩ trong gia đình và ở xưởng đến trấn tĩnh giúp mình. Mụ hầu phòng bị đuổi, người thư ký vẫn giữ nguyên địa vị cũ. Người vợ luôn luôn tuyên bố rằng mình không còn nghi ngờ gì và không để ý đến bức thư nữa. Nhưng đó chỉ là bề ngoài, mỗi khi nghe nói đến tên người con gái hay gặp người này ngoài phố là bà ta lại nổi trận lôi đình ghen tuông, bực tức.

Câu chuyện như thế đó, chả cần phải có nhiều kinh nghiệm về thần kinh mới thấy là bà ta luôn luôn tìm cách giấu giếm

tình cảm thực của mình và trong thâm tâm, bà ta không hề rứt bỏ được lòng tin nơi bức thư nặc danh kia.

Thái độ của nhà thần kinh học đứng trước sự việc này ra sao? Thái độ này khác hẳn với thái độ đối với thân chủ không đóng cửa phòng khám bệnh. Nhà thần kinh học không cho thái độ không đóng cửa là quan trọng về phương diện tâm lý, đó chỉ là một sự ngẫu nhiên. Nhưng đứng trước người đàn bà ghen tuông này thì khác. Hành động của người này không quan trọng, nhưng triệu chứng của căn bệnh mới đáng để ý. Về phương diện chủ quan, triệu chứng này làm cho người đàn bà đau đớn khổ sở; về phương diện khách quan triệu chứng đó đe doạ hạnh phúc của một gia đình. Do đó nhà thần kinh học không thể không quan tâm đến. Nhà thần kinh học trước hết tìm cách xác định hiện tượng bằng một trong các tính chất thực sự cuả nó. Người đàn bà không phải là không có lý khi nghi ngờ người chồng, vì kinh nghiệm cho thấy có nhiều ngươi đàn ông tuy đã có vợ mà vẫn có những cô nhân tình trẻ. Nhưng có một vài điều khác không tưởng tượng được, như có vẻ vô nghĩa lý. Ngoài những điều nói trong thư nặc danh, người đàn bà không có lý do nào khác để nghi ngờ chồng. Bà ta biết rõ nguồn gốc của bức thư và bức thư quả thực không đáng tin chút nào. Vậy đáng lẽ bà ta phải cho rằng mình không có lý do gì để ghen tuông cả. Chính bà cũng tự nhủ như thế. Tuy nhiên, bà vẫn không thể không đau đớn chẳng khác gì có đủ chứng cớ là chồng mình ngoại tình thực. Y học gọi đó là những ý kiến ám ảnh, nghĩa là những ý kiến bỏ ngoài tai mọi lý lẽ hợp lý, đúng sự thực. Bà khách này quả đang bị lòng ghen ám ảnh. Đó là đặc tính thiết yếu của trường hợp này.

Sau nhận xét đầu tiên này, nhà thần kinh học còn quan tâm đến một sự kiện khác nữa. Nếu sự ám ảnh bỏ ngoài tai hết mọi sự thực thì tức là nó không bắt nguồn ở sự thực. Vậy nó bắt nguồn ở đâu? Những trường hợp ám ảnh nhiều không tả. Tại sao ở đây lại là sự ghen tuông? Nhà thần kinh học chẳng có gì nói với chúng ta về điểm này cả. Ông ta chỉ quan tâm đến một trong các câu hỏi của chúng ta thôi. Ông ta sẽ tìm hiểu về di truyền của người bệnh và có lẽ sẽ trả lời rằng: "Sự ám ảnh chỉ xảy ra đối với những người có tính cách di truyền, nghĩa là có những người cha, ông đã bị chứng bệnh đó". Nói khác đi, nếu người đàn bà này bị ám ảnh là vì bà ta đã có sẵn trong máu sự di truyền. Lời giải thích này quả rất thú vị nhưng có giải hết những điều ta thắc mắc không? Có còn nguyên nhân nào khác nữa không? Thường thường sự ám ảnh hay xảy ra đối với sự ghen tuông hơn đối với các sự khác; điều này có phải là một sự ngẫu nhiên không? Có tính cách võ đoán không? Có thể giải thích được không? Và có phải một khi một người đã bị ám ảnh rồi thì không làm sao cho người đó thoát khỏi sự ám ảnh đó không? Tại sao nhà thần kinh học không giảng giải rõ hơn cho chúng ta biết? Trả lời câu hỏi này chúng ta có thể nói: kẻ nào cho hơn cái gì mình có là không lương thiện. Nhà thần kinh học không có phương tiện đi sâu này, nên chẳng thể làm gì hơn là đưa ra một lời đoán bệnh không có gì chắc chắn.

Thế môn phân tâm học có làm được gì hơn không? Tất nhiên là có. Ngay cả trong trường hợp khó khăn này, chúng ta cũng có thể đưa ra những sự kiện giải thích được. Chúng ta cần để ý đến chi tiết nhỏ nhặt có vẻ không quan trọng là chính người đàn bà đã là nguyên nhân gây ra bức thư nặc danh đó: chính bà ta hôm trước đã phàn nàn với mụ hầu phòng là mình

sẽ khổ sở vô cùng khi biết chồng có nhân tình. Nói câu đó chính bà ta đã gợi ý cho mụ hầu phòng gửi bức thư nặc danh. Vậy sự ám ảnh không hề dính dáng gì đến bức thư cả, nó đã có từ trước trong tình trạng một mối lo âu (hay một sự ham muốn). Thêm vào đó một vài sự kiện do tôi tìm ra sau hai giờ đồng hồ phân tích. Sau khi nghe kể chuyện xong, tôi hỏi bà ta một vài điều nhưng bà ta không sẵn sàng trả lời. Bà nói rằng, bà chẳng có điều gì cần nói nữa và sau hai giờ nói chuyện bà tuyên bố là bà khỏi bị ám ảnh rồi, thấy trong người khoẻ khoắn dễ chịu. Tất nhiên bà nói như thế vì sợ cuộc nói chuyện tiếp tục. Nhưng trong hai giờ đó bà khách đã để lộ một vài điểm giúp cho ta hiểu rõ tình trạng của bà. Bà có cảm tình đặc biệt với một chàng trẻ tuổi, người con rể đã nhờ đến tôi săn sóc bà. Bà không hề có ý thức gì về cảm tình đó, vì là mẹ vợ và chàng rể nên mối cảm tình biến thành một tấm lòng âu yếm rất dễ hiểu. Chúng ta đủ kinh nghiệm để đi sâu vào cuộc đời tinh thần của người đàn bà rất tốt này. Cảm tình của bà đối với con rể kinh khủng quá nên không thể có trong ý thức bà ta được, nhưng nó vẫn tiềm tàng trong vô thức và thúc đẩy mạnh mẽ ghê gớm. Bà cần có một cái gì để thoát khỏi sự ám ảnh đó, chính sự di chuyển đề tài đã giúp bà giải quyết được vấn đề. Bà lý luận là trong khi mình có thể yêu một chàng trẻ tuổi được thì không có lý do nào khiến cho chồng mình lại không yêu một cô gái. Do đó bà không còn hối hận về tình yêu của mình nữa. Việc chồng phụ tình mình như một liều thuốc an thần dán trên một vết thương nóng bỏng. Vì không ý thức được tình yêu của mình nên bà bị ám ảnh bởi hình bóng của tình yêu này, một bóng dáng mà bà cho là rất có lợi cho mình. Mọi lý lẽ đưa ra đều không có hiệu quả gì vì chúng đâu có nhằm đúng mục tiêu, chỉ

nhằm vào cái mẫu của mục tiêu đó thôi, chính cái mục tiêu này nấp trong vô thức truyền cho cái mẫu bên ngoài sức mạnh của mình.

Chúng ta hãy tóm tắt lại những dữ kiện thu lượm được trong việc phân tích này rồi dựa vào đó tìm hiểu trường hợp của bà khách. Dữ kiện thứ nhất: ý cố định không phải là một thứ gì vô lý, không hiểu được, ý đó có ý nghĩa, có lý do, lệ thuộc vào một biến cố tình cảm trong đời sống người bệnh. Dữ kiện thứ hai ý cố định này là một sự kiện cần thiết, phản ứng chống lại một sự hoạt động tinh thần vô thức mà chúng ta đưa ra ánh sáng được nhờ một vài dấu hiệu khác. Chính vì có dây liên lạc với vô thức mà ý đó mới có tính cách ám ảnh, mới chống lại mọi lý luận hợp lý, đúng với sự thực. Ý đó còn là một niềm an ủi đối với người bệnh nữa. Dữ kiện thứ ba: nếu hôm trước người bệnh kể lể tâm tình với mụ hầu phòng chính là vì bà ta đã bị thúc đẩy bởi tình yêu thầm kín đối với con rể, tình yêu này chính là bức phông che lấp hậu trường căn bệnh. Trường hợp này giống triệu chứng được phân tích trong phần trên ở nhiều điểm, vì ở cả hai nơi chúng ta đều tìm ra được ý nghĩa hay ý muốn của sự biểu thị tinh thần, những liên quan giữa chúng ta và một yếu tố vô thức.

Tất nhiên chúng ta chưa giải quyết được một thắc mắc trong vấn đề trên. Còn nhiều vấn đề chưa tìm ra được giải pháp, có những vấn đề không giải quyết nổi vì một vài điều kiện đặc biệt khó khăn. Tại sao người đàn bà được chồng chiều chuộng này lại đi yêu con rể? Tại sao niềm an ủi lại không có một hình thức khác hơn là bóng dáng, là sự di chuyển về phía người chồng một tình trạng đặc biệt của người bệnh? Những vấn đề

đó có phải là những vấn đề gai góc không? Chúng ta có nhiều tài liệu để trả lời những câu hỏi đó. Người đàn bà này có thể đã đến tuổi hồi xuân và cần được thoả mãn tình dục: riêng một sự kiện này có lẽ cũng đã giải thích được nhiều. Có thể là ông chồng không còn đủ sức cung phụng cho bà vợ về phương diện sinh lý. Những người chồng như thế thường tỏ ra âu yếm đối với vợ và rất khoan dung đối với tính nết cáu kỉnh của vợ. Việc người bệnh yêu con rể không phải là không có ý nghĩa. Chính vì quá yêu con gái, yêu một cách say mê như người con trai yêu con gái, nên tình yêu đó đã biến thể thành tình yêu người con rể. Tôi tưởng chẳng cần nhắc lại các bạn rằng những sự giao hợp giữa mẹ và con rể thường bị phê phán thực gắt gao trong xã hội, ngay cả trong thời cổ những sự loạn luân này cũng bị trừng trị ghê gớm. Sự loạn luân này vượt quá mức luân lý mà xã hội có thể chịu đựng được. Vì không thể tiếp tục khảo sát sau hai giờ nói chuyện nên tôi không thể nói rõ trong ba yếu tố nói trên, yếu tố nào đã giữ phần quan trọng quyết định, một trong ba yếu tố đó, hay hai, hay cả ba cùng một lúc.

Đó là những điều mà tôi chưa sửa soạn kỹ càng cho các bạn hiểu. Tôi chỉ cố ý so sánh giữa hai môn thần kinh học và phân tâm học thôi. Các bạn có thấy hai môn này phản đối nhau trong điểm nào không? Thần kinh học không áp dụng phương pháp kỹ thuật của phân tâm học, không để ý đến ý tưởng cố định, chỉ cốt chứng minh rằng di truyền chính là nguyên nhân gần hay xa của căn bệnh chứ không tìm những nguyên nhân đặc biệt và gần hơn. Nhưng đó có phải là điều trái ngược không? Các bạn không thấy rằng hai môn đó không hề trái ngược nhau mà còn bổ túc cho nhau nữa sao? Hai yếu tố di truyền và biến cố tinh thần cũng thế, không hề xa nhau, trái lại,

lại cộng tác với nhau chặt chẽ để đạt cùng một mục đích. Thần kinh học không thể đưa ra một lý lẽ gì để phản đối phân tâm học hết. Chính nhà chuyên môn về thần kinh học chứ không phải môn thần kinh học chống đối với môn phân tâm học. Đối với thần kinh học, phân tâm học ở vào địa vị của môn học đối với giải phẫu học: một đằng khảo cứu về hình thể bên ngoài của cơ quan, một đằng khảo cứu mô và tế bào cấu thành các cơ quan. Không thể có mâu thuẫn giữa hai môn này được vì môn này tiếp tục công việc của môn kia. Hiện nay giải phẫu học là môn căn bản của khoa học y khoa, nhưng có một thời người ta đã cấm không cho mổ xẻ xác chết để khảo cứu về sự cấu thành các cơ quan bên trong cơ thể, cũng như bây giờ người ta đương kết án những người muốn khảo cứu về phân tâm học để tìm hiểu sự hoạt động cuả tinh thần. Nhưng mọi sự đều có vẻ hướng về một tương lai gần đây, trong đó muốn khảo cứu hữu hiệu về thần kinh học chúng ta phải biết rõ về những sự hoạt động bên trong và vô thức của đời sống tinh thần.

Môn phân tâm học thường bị chỉ trích ghê gớm, có thể gây được cảm tình của một số các bạn vui mừng nhìn thấy ở đó một phương pháp trị bệnh. Những phương tiện hiện thời của môn thần kinh học không có tác dụng gì đối với những ý cố định. Môn phân tâm học có thành công hơn về phương diện này không? Không, phân tâm học cũng như mọi môn trị liệu khác không có tác dụng đối với những ý kiến này. Hay ít nhất cũng trong tình trạng hiện thời, chúng ta có thể dùng phân tâm học tìm hiểu những sự gì xảy ra ở người bệnh, nhưng không có tác dụng đối với những ý kiến này. Hay ít nhất cũng trong tình trạng hiện thời, chúng ta có thể dùng phân tâm học tìm hiểu những sự gì xảy ra ở người bệnh, nhưng không có phương tiện

nào làm cho người bệnh hiểu được chính mình. Trong trường hợp nói trên tôi đã không thể đi quá sâu sau hai giờ nói chuyện. Có phải là sự phân tích vì không đưa đến kết quả gì cụ thể nên phải bỏ đi không? Tôi không nghĩ thế. Chúng ta có quyền và có bổn phận tiếp tục, công việc dù chưa đạt được mục đích gì hữu ích ngay trước mắt. Sau cùng chúng ta không biết khi nào và tại đâu những điều hiểu biết rất ít ỏi của chúng ta biến thành một phương pháp điều trị. Dù môn phân tâm học bị bó tay trước những chứng bệnh thần kinh khác cũng như trước những ý kiến cố định, môn đó vẫn tỏ ra không có gì thay thế được trong công cuộc khảo cứu khoa học. Chúng ta chưa có đủ điều kiện hoạt động. Ngay chính những người chúng ta đang tìm hiểu, những người còn sống hẳn hoi và có lý do cần giúp đỡ, chúng ta cũng từ chối không chịu cộng tác. Vì thế cho nên tôi không muốn chấm dứt những bài học này mà không nói cho các bạn biết rằng, có nhiều loại rối loạn thần kinh mà chúng ta có thể trị được sau khi tìm hiểu rõ ràng hơn và môn phân tâm học, với một vài điều kiện có thể thu lượm được những kết quả khả quan chẳng kém gì những kết quả thu lượm được trong các môn khoa học khác.

17. Ý NGHĨA CÁC TRIỆU CHỨNG

Trong chương trên tôi đã chứng tỏ rằng môn thần kinh học không để ý đến nội dung và cách phát biểu ra ngoài của các triệu chứng; môn phân tâm học, trái lại, chú trọng rất nhiều đến hai điều trên và đã tìm ra là mỗi triệu chứng đều có ý nghĩa có liên quan chặt chẽ đến đời sống tinh thần người bệnh. Chính J.Breuer nổi danh vì đã tái lập được một trường hợp náo loạn thần kinh (1880-1882), là người đầu tiên tìm ra những triệu chứng của bệnh thần kinh. P. Janet cũng đã tìm ra những triệu chứng đó và còn công bố công trình của mình trước cả Breuer nữa vì ông này chỉ công bố mười năm sau đó thôi (1893-1895) thời kỳ ông cộng tác với tôi. Chúng ta chả cần biết ai là người đầu tiên tìm ra vì một công trình nào cũng được tìm đi tìm lại nhiều lần, ví dụ như Chau Mỹ là do Colomb tìm ra nhưng đâu có lấy tên Colomb. Trước Breuer và Janet, nhà thần kinh học nổi danh Leuret đã cho biết là nếu biết diễn giải, người ta có thể tìm thấy ý nghĩa của những lời nói trong lúc mê man của những người điên. Từ lâu tôi sẵn sàng công nhận là P. Janet đặc biệt đáng khen khi cắt nghĩa được những triệu chứng bệnh thần kinh bằng cách cho rằng đó là cách phát biểu của những ý tưởng vô thức bên trong người bệnh. Nhưng sau đó P. Janet lại dè dặt cho rằng vô thức đối với ông ta chỉ là một cách nói thôi chứ đối với ông vô thức chẳng tương ứng với một điều gì có thực cả. Từ đó

tôi chẳng hiểu gì về ý kiến của ông nữa, tôi tiếc là đáng lẽ ông phải được tán thưởng hơn thế nữa.

Vậy những triệu chứng cũng có một ý nghĩa, y như hành vi sai lạc và giấc mơ và cũng liên can đến đời sống con người. Tôi đơn cử vài thí dụ giúp cho các bạn quen với vấn đề. Tuy chưa chứng minh được, tôi chỉ có thể nói là bao giờ, những triệu chứng này cũng có ý nghĩa và cũng liên quan đến đời sống con người. Các bạn nào sau này làm các cuộc thí nghiệm cùng với tôi cũng sẽ nghĩ như tôi. Nhưng vì vài lý do tôi sẽ không lấy thí dụ trong sự náo loạn thần kinh mà lấy trong một chứng bệnh thần kinh khác, rất gần sự náo loạn, đó là sự ám ảnh, một chứng bệnh không được nhiều người biết đến như sự náo loạn. Bệnh này không ầm ĩ làm ai đó khó chịu, có vẻ như là việc riêng của người bệnh, không biểu lộ ra ngoài, không có dấu hiệu gì trong cơ thể, có vẻ như hoàn toàn thuộc tinh thần. Sự ám ảnh và sự náo loạn là hai chứng bệnh thần kinh được dùng làm căn bản đầu tiên cho môn phân tâm học khảo cứu và môn này đã thu lượm được những kết quả rất khả quan trong việc trị bệnh. Môn phân tâm học đã làm cho sự ám ảnh trở thành rõ ràng hơn, quen thuộc hơn sự náo loạn, phát hiện ra với nhiều tính cách chung cho các bệnh thần kinh.

Trong bệnh thần kinh ám ảnh, người bệnh bị ám ảnh bởi một ý tưởng mà anh ta không chú trọng đến, cảm thấy bị một sự gì rất kỳ lạ thúc đẩy, làm một vài cử chỉ mà chính người bệnh không lấy gì làm thích nhưng không làm sao tránh được. Những ý tưởng ám ảnh có thể không có nghĩa gì, không có giá trị gì đối với cá nhân người bệnh nhưng luôn luôn là một hoạt động tri thức làm suy sụp người bệnh.

Người bệnh bị bó buộc phải làm việc, phải suy nghĩ y như đó là một công việc hết sức quan trọng cho đời mình. Những sự thúc đẩy có thể tỏ ra rất trẻ con và vô nghĩa lý, nhưng luôn luôn có một nội dung kinh hoàng thúc đẩy người bệnh phạm những tội ác quan trọng, thành ra người bệnh luôn luôn muốn rũ bỏ được những ý tưởng đó đi, tìm đủ mọi cách để lẩn tránh, chống trả dữ dội. Ta nên nhớ rằng ý tưởng và hành vi xấu xa đó rất ít khi được đem ra thi hành, trong nhiều trường hợp sự lẩn tránh chống trả thường có kết quả. Những hành động có làm thực nhiều khi chẳng có hại gì, vô nghĩa lý, có khi chỉ nhắc lại những hành động thường xuyên trong đời sống thường ngày, nhưng hậu quả là những hành động đó như việc đi ngủ, ăn uống, tắm gội, đi chơi đều trở thành những hành động làm cho người bệnh khổ sở, khó giải quyết. Những yếu tố cấu thành sự ám ảnh không đều nhau, có khi yếu tố này mạnh hơn các yếu tố khác, nhưng dù xuất hiện dưới hình thức nào, dưới tên gì, mọi hình thức căn bệnh đều có những tính chất chung giống nhau rất rõ rệt.

Đó quả là một chứng bệnh kỳ khôi. Nếu không phải ngày nào chúng ta cũng được mắt thấy tai nghe những chuyện đó, chúng ta không thể nào tin là chúng lại có thực. Các bạn không thể giúp gì cho người bệnh bằng cách khuyên họ nên giải trí, đừng có những ý tưởng đó, thay thế chúng bằng những ý tưởng khác hợp lý hơn. Chính người bệnh cũng hoàn toàn đồng ý với bạn, lúc nào cũng sáng suốt, sẵn sàng làm theo ý bạn, có khi còn nói ra trước những điều mà bạn muốn đem ra khuyên can. Chỉ có điều là dù muốn anh ta cũng không làm sao khác được: người bệnh chịu tình trạng của mình với một nghị lực phi thường khó thấy trong những người bình thường. Anh ta chỉ

làm được có một điều: đó là thay thế ý tưởng ám ảnh đó bằng một ý khác nhẹ hơn, thay thế một điều cấm đoán bằng một điều khác, làm một vài lễ nghi gì thay thế việc đang làm, có thể di chuyển sự ám ảnh theo một chiều hướng khác, nhưng không thể bỏ đi được. Việc di chuyển những triệu chứng là một trong các tính chất quan trọng trong các bệnh: những điểm mâu thuẫn trong đời sống tinh thần đặc biệt hiện ra rất rõ ràng trong trường hợp này. Ngoài sự bó buộc hay sự ám ảnh, người ta còn thấy xuất hiện trong phạm vi tri thức một mối nghi ngờ đối với những người bình thường. Vậy mà trước khi có bệnh, người bệnh thường là một người rất nhiều nghị lực, kiên nhẫn cùng cực, thông minh hơn bực thường, tinh thần luân lý rất cao, theo đúng mọi nguyên tắc, lịch sự ít thấy. Các bạn chắc cũng thấy là chữa bệnh trong những trường hợp rắc rối này quả là khó khăn. Vì thế cho nên trong lúc này tham vọng của chúng ta rất ít: làm sao tìm hiểu và giải thích được một vài triệu chứng thôi.

Thái độ của các nhà thần kinh học đối với chứng bệnh ám ảnh này ra sao? Thái độ này rất giản dị, nhà thần kinh học chỉ gán cho mỗi sự ám ảnh một cái tên, không hơn không kém. Thần kinh học còn cho rằng những người có triệu chứng đó là những người thoái hoá tinh thần. Điều khẳng định này không làm ai hài lòng không phải là một sự giải thích, một sự xét đoán về giá trị, chỉ là một lời kết án. Tất nhiên những người bị ám ảnh luôn luôn có những cử chỉ kỳ khôi, khác hẳn những người bình thường. Nhưng những người này có thoái hoá hơn những người bệnh khác như bị náo loạn hay bị hư biến tinh thần không? Danh từ thoái hoá tất nhiên có tính cách quá tổng quát. Người ta tự hỏi có gì thoái hoá trong những người tuyệt hảo, có địa vị cao trong xã hội nhưng cũng vẫn mắc bệnh ám ảnh

không? Thường thường chúng ta biết rất ít về đời sống của những vị tai to mặt lớn trong xã hội: những người này thường tỏ ra rất kín đáo, còn những người chuyên viết về đời họ nhiều khi không thành thực. Tuy nhiên cũng có người như E. Zola chẳng hạn vạch cho chúng ta xem sự thực hoàn toàn về đời ông, và chúng ta thấy ông bị ám ảnh rất nhiều (trong cuốn Điều tra về tâm lý và y học).

Đối với những người đặc hạng này, thần kinh học phát minh ra loại người đặc hạng thoái hoá. Chả còn gì tiện hơn. Nhưng phân tâm học đã cho ta biết là có thể chữa khỏi được bệnh ám ảnh cũng như đã chữa khỏi những chứng bệnh khác. Chính tôi đã hơn một lần thành công trong lĩnh vực này.

Tôi kể cho các bạn nghe hai thí dụ, một lấy trong một công cuộc khảo sát đã cũ, một mới hơn.

Một bà vào khoảng 30 tuổi mỗi ngày làm nhiều lần những cử chỉ như sau: Từ trong phòng riêng, bà chạy vội vào một phòng bên cạnh, đứng trước bàn ở giữa phòng, bấm chuông gọi chị hầu phòng, ra cho chị này một lệnh nào đó, hay có khi đuổi chị ta đi mà không nói gì cả, rồi chạy biến về phòng mình. Triệu chứng này không có gì nghiêm trọng, nhưng cũng gợi tính tò mò. Không cần thầy thuốc người ta cũng giải thích được một cách chắc chắn, không cãi được. Chính tôi cũng không nhìn thấy cử chỉ đó có nghĩa gì, không tìm ra cách giải thích. Lần nào hỏi người bệnh: "Tại sao bà làm thế?", bà ta đều trả lời: "Tôi cũng không biết nữa". Nhưng một hôm sau, khi thắng được một nỗi thắc mắc trong lương tâm nhờ sự can thiệp của tôi, bà ta đột nhiên hiểu hết và kể cho tôi nghe những sự kiện liên quan đến sự ám ảnh này. Cách đó mười năm, bà ta lấy một

người chồng nhiều tuổi hơn và trong đêm tân hôn đã tỏ ra bất lực. Ông chồng chạy từ phòng mình sang phòng vợ nhiều lần để cố giao hợp nhưng không được. Sáng ra ông nói: "Tôi xấu hổ với mụ hầu phòng sắp vào dọn giường". Nói xong ông ta lấy một lọ mực đỏ đổ ra giường nhưng không đúng chỗ đáng lẽ máu phải chảy ra trên giường. Lúc đầu tôi không hiểu giữa sự việc này và sự ám ảnh có liên quan gì. Việc chạy từ phòng này qua phòng khác, sự xuất hiện của người hầu phòng là những sự kiện duy nhất đúng với sự thực. Bà ta liền dẫn tôi vào phòng thứ hai, đến trước cái bàn và chỉ cho tôi xem một vết mực đỏ ngay trên thảm. Bà giải thích là bà đứng trước bàn trong một cử chỉ làm cho người hầu phòng không thể nào không thấy vết mực đỏ. Thế là tôi không nghi ngờ gì nữa về liên quan giữa sự việc xảy ra trong đêm tân hôn với sự ám ảnh hiện thời. Nhưng cũng còn nhiều điều giải thích khác.

Người vợ đã tự đồng hoá mình với người chồng, bà chạy từ phòng mình sang phòng khác giống y như ông chồng. Bà ta thay thế cái giường và khăn trải giường bằng cái bàn và tấm thảm dưới bàn. Điều này có vẻ như võ đoán nhưng chúng ta đã không uổng công khi khảo sát về tính cách tượng trưng trong giấc mơ. Trong giấc mơ cái giường thường được tượng trưng bằng cái bàn. Bàn và giường họp lại tượng trưng cho hôn nhân. Vì thế người ta dễ dàng thay cái này bằng cái kia.

Chúng ta đã có bằng cớ rằng những hành vi ám ảnh có nghĩa. Sự ám ảnh này có thể là một hình dung, một sự nhắc lại những cử chỉ của ông chồng. Nhưng chúng ta sẽ không dừng lại ở đó; khảo sát liên quan giữa cảnh tượng đêm tân hôn với sự ám ảnh biết đâu chúng ta lại chẳng thu lượm được những kết quả

đối với những sự kiện xa xôi hơn, về ý muốn trong hành vi. Điểm chính trong sự việc này là việc gọi người hầu phòng lên, làm cho chị ta chú ý đến vết đỏ trái với người chồng tỏ ra xấu hổ trước mặt người hầu phòng. Đóng vai người chồng, bà ta muốn tỏ rằng người chồng chẳng có gì đáng xấu hổ trước mặt người hầu phòng vì vết đỏ có đấy thôi. Vậy người đàn bà không chỉ diễn lại quang cảnh đó, mà thay đổi làm cho quang cảnh đó thành công. Nhưng làm thế bà ta cũng thay đổi một tai nạn xảy ra trong đêm tân hôn: vì người chồng bất lực nên mới phải dùng mực đỏ. Vậy hành vi ám ảnh có nghĩa là: "Không, không đúng đâu, anh chẳng có gì phải xấu hổ cả, anh có bất lực đâu". Cũng như trong giấc mơ bà cho là sự ham muốn này được thực hiện trong một cử chỉ hiện thời, chịu theo khuynh hướng đưa ông chồng thoát khỏi sự thất bại trong đêm tân hôn.

Để chứng minh điều vừa được trình bày, tôi có thể nói cho các bạn nghe thêm những điều tôi biết về người đàn bà này: những điều chúng ta biết về bà ta bắt buộc chúng ta hiểu hành động của bà, một hành động tự nó thực khó hiểu. Trong bao nhiêu năm, bà ta sống xa chồng và chống lại ý muốn xin tiêu huỷ hôn thú. Nhưng không thể được: bà ta buộc mình phải trung thành với chồng, sống cô độc để khỏi sa ngã, tìm cách gỡ tội cho chồng và muốn đề cao chồng trong tâm trí mình. Hơn nữa điểm bí mật trong vụ này là bà ta muốn dùng sự ám ảnh đó để che chở cho chồng đối với những bàn tán độc ác, muốn cho rằng việc hai người sống xa nhau là có lý, muốn cho chồng tuy sống xa mình nhưng vẫn sống một cuộc đời dễ chịu. Bằng sự phân tích một cử chỉ bị ám ảnh bề ngoài có vẻ vô nghĩa lý, chúng ta đã đi sâu vào bí mật của một trường hợp bệnh hoạn, đưa ra ánh sáng một phần không nhỏ trong bí mật của một sự

ám ảnh. Trường hợp này hiến cho chúng ta những tài liệu khó chờ đợi được trong những trường hợp khác. Chính người bệnh đã tự giải thích trường hợp của mình không cần sự can thiệp của bác sĩ, lời giải thích này phù hợp với một biến cố xảy ra không phải trong thời thơ ấu mà trong thời kỳ người đàn bà trưởng thành, còn nhớ mãi sự việc xảy ra. Trường hợp này đủ đánh tan hết mọi lý luận bài bác. Trường hợp như thế quả là hiếm có.

Trước khi qua trường hợp sau, tôi thấy cần nói thêm vài lời. Các bạn có thấy trường hợp này đưa chúng ta vào sâu trong cuộc đời thầm kín của người bệnh không? Còn gì thầm kín đối với người đàn bà hơn là câu chuyện đêm tân hôn? Có phải là một điều ngẫu nhiên không, một điều không quan trọng không, khi chúng ta đi sâu được vào trong đời sống tình dục của người bệnh? Có thể là tôi đã may mắn đặc biệt. Nhưng chúng ta không nên kết luận quá hấp tấp. Thí dụ thứ hai khác hẳn thí dụ trước: Đó là những lễ nghi làm trước khi đi ngủ.

Cô gái mới 19 tuổi, xinh đẹp, thông minh, con một, học giỏi. Lúc bé cô tỏ ra kiêu ngạo man rợ, trong những năm gần đây, chẳng có lý do gì rõ ràng, cô tỏ ra cáu kỉnh vô lối. Đối với mẹ, cô tỏ ra giận dữ, lúc nào cũng tỏ ra bất bình, vẻ mặt tăm tối, tâm hồn bất định, luôn luôn nghi ngờ, và rút cục thú nhận là không thể một mình đi ra phố được. Trạng thái này phức tạp gồm ít nhất hai căn bệnh: sợ không dám ra phố và bị ám ảnh. Điều chúng ta cần để ý trong trường hợp này là những lễ nghi cô ta làm trước khi đi ngủ làm cho cả mẹ cô đau đớn không ít. Người bình thường trước khi đi ngủ cũng hay có thói quen làm một vài điều, một vài lễ nghi gì đó rồi mới đi ngủ và tối nào

không làm, không sao ngủ được. Nhưng những lễ nghi đó đối với người bình thường có vẻ hợp lý, rủi có khi nào vì cớ này cớ khác phải thay đổi chút ít trong lễ nghi đó, người bình thường cũng không tỏ vẻ khó chịu và có thể thích ứng ngay với tình thế mới. Nhưng trong trường hợp bệnh hoạn thì những lễ nghi này bắt buộc phải diễn ra hàng ngày, dù phải chịu nhiều sự hy sinh to lớn, chỉ khác những lễ nghi thường ở chỗ quá tỷ mỉ không hợp lý. Người bệnh phân trần là nếu không làm mất hết mọi tiếng động đi thì cô ta không sao ngủ được: trước hết cô ta hãm không cho quả lắc chiếc đồng hồ to trong phòng chạy, bắt cất hết những đồng hồ khác kể cả đồng hồ đeo tay, sau đó bắt mang vào phòng, để lên bàn những bình hoa làm sao cho chúng không thể rơi xuống đất ban đêm làm cho cô ta không ngủ được. Cô ta biết rõ những sự sửa soạn này thực ra không cần thiết, chiếc đồng hồ đeo tay để trong hộp trong phòng không thể làm cho cô mất ngủ, riêng chúng ta thì ta thấy rõ là tiếng tích tắc của đồng hồ tay không làm cho ai mất ngủ cả trái lại còn giúp thêm cho giấc ngủ nữa. Cô gái cũng biết là chẳng có lý do gì trong việc sợ các bình hoa rơi xuống đất để làm cho mình mất ngủ. Những điều kiện khác trong lễ nghi chẳng liên can gì đến câu chuyện nghỉ ngơi. Trái lại nữa: người bệnh đòi cửa phòng thông sang phòng cha mẹ phải mở, muốn đạt được mục đích đó cô lấy nhiều đồ vật chặn không cho cửa mở ra mở vào được. Nhưng những lễ nghi quan trọng hơn thuộc về chiếc giường. Gối không được chạm vào thành giường, đệm nhỏ kê trên đầu phải đặt thành hình quả trám, lúc ngủ đầu phải đặt đúng giữa đường chéo của hình này. Đệm lông dưới chân phải lắc sao cho lông dồn về một phía, nhưng sau khi dồn xong người bệnh lại lắc lại cho đều.

Tôi không muốn kể thêm nhiều chi tiết nữa vì chúng không cho ta biết gì hơn, có thể đưa chúng ta đi quá xa mục đích của chúng ta. Nhưng những việc làm trên không dễ dàng gì đâu: luôn luôn cô gái sợ làm không đầy đủ, mọi cử động đều được xem xét kỹ càng, kiểm điểm lại kỹ lưỡng, kéo dài hàng giờ hay có khi hai giờ liền khiến cho cô gái và cha mẹ không sao ngủ được.

Phân tích sự việc này không dễ dàng như trong trường hợp trên. Tôi phải hướng dẫn cô gái trong việc giải thích nhưng cô luôn luôn gạt bỏ đề nghị của tôi bằng những tiếng "không" quả quyết, nếu có làm theo lời tôi, cô chỉ làm một cách miễn cưỡng với một vẻ nghi ngờ khinh bỉ. Nhưng sau đó cô tỏ ra chú ý đến những đề nghị đưa ra, tìm cách đưa ra một vài ý tưởng. Nhớ lại vài kỷ niệm, và sau cùng, sau một công việc suy tính kỹ càng, cô chấp nhận mọi lời giải thích của tôi. Trong khi chữa chạy, cô dần dần tỏ ra không quá kỹ lưỡng trong lễ nghi nữa, và khi chữa chạy xong cô bỏ hẳn không làm những lễ nghi đó nữa. Công việc của chúng ta không chú trọng đặc biệt đến từng triệu chứng một, thỉnh thoảng chúng ta phải bỏ một vài giả thuyết vì chắc chắn sau này lại phải quay lại vấn đề đó bằng con đường khác. Cho nên những điều giải thích về các triệu chứng đem trình bày cho các bạn xem là một tổng hợp những kết quả thu lượm được sau bao nhiêu tuần lễ, bao nhiêu tháng làm việc cần cù.

Người bệnh dần dần hiểu rằng vì chiếc đồng hồ tượng trưng cho âm hộ đàn bà nên cô ta không chịu được sự có mặt của đồng hồ trong phòng. Chiếc đồng hồ đeo sở dĩ tượng trưng cho âm hộ là vì tiếng kêu đều đều, định kỳ. Có nhiều người đàn

bà thường nói rằng kỳ kinh của mình đều đều như một chiếc đồng hồ. Nhưng người bệnh sợ nhất là bị mất ngủ vì tiếng tích tắc, tiếng tích tắc này tượng trưng cho sự phập phồng của âm hạch trong khi bị kích động về dục tình. Chính sự kích động này đã làm cô gái thức dậy ban đêm, chính vì sợ âm hạch cương lên nên cô ta không dám để đồng hồ trong phòng. Bình hoa tượng trưng cho cơ quan sinh dục đàn bà. Do đó sự sợ hãi khi thấy các bình hoa có thể rơi xuống đất và vỡ toang ra không phải không có ý nghĩa. Các bạn chắc cũng biết thói tục của chúng ta, trong lễ đính hôn đập vỡ một vài cái đĩa hay bình hoa. Mỗi người dự lễ đính hôn đều nhặt lấy một mảnh vỡ, coi như mình không còn có quyền gì liên lạc với cô dâu nữa. Cô gái có nhiều ý tưởng và kỷ niệm về chuyện cho bình hoa vào phòng. Dạo còn nhỏ cô ta bị ngã trong lúc ôm trong tay một cái bình bằng thuỷ tinh hay bằng đất và chảy máu tay rất nhiều. Trở thành con gái, biết những sự việc liên quan đến việc giao hợp cô ta bị ám ảnh bởi ý nghĩa là biết đâu trong đêm tân hôn, mình không chảy máu và sẽ bị chồng ngờ là mất trinh. Vì thế, việc giữ gìn không cho bình hoa vỡ ban đêm chính là sự phản kháng mất trinh là việc chảy máu sau khi giao hợp lần đầu, phản kháng lòng sợ hãi không chảy máu cũng như có chảy máu ban đêm. Còn việc ngăn không cho xảy ra tiếng động không liên can gì đến những sự việc trên.

Lúc cô ta đột nhiên hiểu tại sao mình không muốn cho cái gối chạm vào gỗ trên thành giường, cô ta cho tôi biết ý nghĩa của lễ nghi: cái gối tượng trưng cho người đàn bà, còn thành giường đứng thẳng tượng trưng cho người đàn ông. Cô ta muốn đàn ông xa đàn bà, nghĩa là không muốn cho cha mẹ giao hợp với nhau. Vì thế nên nàng giả vờ sợ hãi bắt cha mẹ phải để ngỏ

cửa thông sang phòng nàng để nàng có dịp rình mò, chính sự rình mò này làm nàng mất ngủ trong bao nhiêu đêm. Thỉnh thoảng nàng lại sang phòng cha mẹ nằm vào giữa hai người. Chính lúc đó là lúc "cái gối" và "gỗ trên thành giường" xa cách nhau thực sự. Sau này lớn lên không thể nằm trong giường cha mẹ được, nàng tiếp tục giả vờ sợ hãi, bắt mẹ nhiều khi sang ngủ trong giường mình. Tình trạng này chắc chắn mở đầu cho nhiều điều phát minh có dấu vết trong lễ nghi nói trên.

Nếu cái gối tượng trưng cho người đàn bà thì việc dồn cho lông trong đệm kê chân về một phía tượng trưng cho sự có thai. Người bệnh sau khi dồn lông vào một chỗ để tượng trưng cho sự có thai. Ngay sau đó lại san bằng lông trong đệm là ngụ ý không muốn cho mẹ mình có thai và sinh ra một đứa em có thể cạnh tranh với mình. Nếu cái gối to tượng trưng cho người em thì cái gối chỉ kê ở đầu tượng trưng cho người con. Tại sao cái gối nhỏ phải để theo hình quả trám. Tại sao đầu người con gái phải đặt đúng đường chéo của hình đó? Hình quả trám tượng trưng cho dương vật chui vào âm hộ lúc mở to và đầu người con gái tượng trưng cho dương vật chui vào âm hộ.

Đó là những điều đáng buồn đối với một cô gái còn trong trắng, nhưng xin các bạn nhớ cho là tôi không hề bịa ra những chuyện đó, tôi chỉ giải thích thôi. Lễ nghi của cô gái quả là một điều kỳ lạ, giữa lễ nghi này và những điều giải thích hẳn phải có một sự tương ứng nào. Nhưng điều quan trọng là lễ nghi đó không phải chỉ bắt nguồn ở một ý tưởng kỳ khôi mà ở nhiều ý tưởng tập trung ở một điểm nào đó. Lễ nghi này cũng hình dung sự ham muốn về tình dục, khi theo nghĩa tích cực, có tính

cách thay thế, khi có nghĩa tiêu cực, như một phương sách tự bảo vệ.

Sự phân tích lễ nghi nói trên có thể đưa đến nhiều kết quả nữa nếu chúng ta chú trọng đến những triệu chứng khác của người bệnh, nhưng những kết quả này không liên can gì đến mục đích của chúng ta. Các bạn chỉ cần biết là cô gái đối với cha có một tình nhục dục phát sinh ngay từ hồi còn nhỏ, vì thế nên cô mới tỏ ra không thân thiện với mẹ. Sự phân tích những triệu chứng đã đưa chúng ta đi sâu vào đời sống tình dục của người bệnh và một khi đã hiểu rõ ý nghĩa và ý muốn của các triệu chứng thần kinh này, chúng ta sẽ không ngạc nhiên trước những điều nhận thấy.

Tôi đã trình bày là giống như hành vi sai lạc và giấc mơ, những triệu chứng bệnh thần kinh cũng có ý nghĩa và liên quan chặt chẽ đến đời sống thầm kín của người bệnh. Tất nhiên tôi không đòi hỏi các bạn tin tưởng vào những đề nghị của tôi sau hai thí dụ này. Nhưng các bạn cũng không thể đòi hỏi tôi đưa ra thực nhiều thí dụ khác cho tới khi nào các bạn tin tưởng hoàn toàn. Vì có nhiều chi tiết quá nên nếu chúng ta muốn hiểu rõ một trong các điểm về lý thuyết bệnh thần kinh, tôi phải dành một lớp học trong sáu tháng mỗi tuần 5 giờ mới dạy xong được. Vì thế nên tôi dừng lại ở hai thí dụ này thôi. Các bạn muốn khảo cứu sâu rộng hơn nên đọc những sách vở về điểm này, ví dụ như những công trình giải thích cái triệu chứng đã trở thành cổ điển của J.Breuer (Chứng náo loạn thần kinh), công trình giải thích những triệu chứng tăm tối của bệnh điên dại trẻ con của C.G.Jung và những bài đăng trên các tạp chí khác. Những công trình khảo cứu này không thiếu sót. Sự phân tích, giải

thích, dẫn giải những triệu chứng bệnh thần kinh được các nhà phân tâm học chú trọng đến nỗi họ quên luôn nhưng vấn đề khác trong vấn đề này.

Các bạn nào muốn tìm hiểu sẽ ngạc nhiên khi thấy sao nhiều tài liệu thế, nhưng các bạn cũng sẽ gặp một vài khó khăn. Ý nghĩa của một triệu chứng nằm trong các liên quan với đời sống thầm kín của người bệnh. Triệu chứng càng có tính cách cá nhân bao nhiêu, chúng ta càng cần giải thích những liên quan đó bấy nhiêu. Mỗi khi đứng trước một tình trạng không có ý nghĩa hay trước một hành vi không có mục đích rõ ràng, chúng ta phải cố tìm ra ý nghĩa và mục đích đó. Hành vi ám ảnh của người bệnh chạy từ phòng này qua phòng khác, rồi bấm chuông gọi người hầu phòng thực có tính điển hình cho những triệu chứng này. Nhưng nhiều khi chúng ta cũng thấy có những triệu chứng có đặc tính khác. Những triệu chứng này phải được coi như điển hình cho bệnh thần kinh, vì giống nhau trong mọi trường hợp, sự khác biệt giữa cá nhân bị xoá nhoà đến nỗi chúng ta không thể gắn liền chúng vào với đời sống cá nhân của người bệnh hay đặt chúng trước những tình trạng có thực. Lễ nghi của người bệnh thứ hai có tính điển hình nhiều hơn nhưng cũng có nhiều tính cá biệt làm cho chúng ta có thể giải thích được lịch sử của trường hợp đó. Nhưng tất cả những người bị ám ảnh đều có khuynh hướng lặp đi lặp lại một cử chỉ, làm cho cử chỉ này thành nhịp nhàng, tìm cách tách bạch cử chỉ đó ra. Phần lớn bọn họ có thói quen rửa ráy. Những người bệnh sợ ra phố, không phải là những sự ám ảnh, có thể coi như những chứng náo loạn thần kinh, hay sự lo âu phập phồng, thường lặp đi lặp lại mãi mãi một vài cử chỉ đến chán nản: sợ

những nơi tù túng, những nơi ở ngoài trời rộng, những đường phố dài ngoằng mãi không hết. Họ có cảm tưởng được che chở khi đi cùng một người quen hay nghe tiếng xe đằng sau lưng. Nhưng đằng sau những triệu chứng chung này, mỗi người đều có những tính cá biệt nhiều khi hoàn toàn trái ngược nhau. Có người sợ đường phố chật hẹp, người khác sợ đường phố rộng, có người chỉ đi ra ngoài khi có ít người qua lại, có người chỉ đi ra ngoài khi có nhiều người ngoài phố. Sự náo loạn thần kinh cũng thế tuy có nhiều điểm cá biệt nhưng cũng có nhiều điểm điển hình có tính cách chung làm cho rất khó tìm ra cội rễ khi khảo sát lịch sử của người bệnh. Chúng ta dựa vào những tính cách điển hình có thể đoán bệnh. Nếu trong một trường hợp náo loạn thần kinh chẳng hạn, chúng ta có thể gán cho một trường hợp điển hình một biến cố cá biệt nào đó, ví dụ như một sự nôn oẹ vào nhiều sự nôn oẹ khác, chúng ta sẽ bị lạc hướng khi sự phân tích cho thấy trong một trường hợp khác sự nôn oẹ lại bắt nguồn ở một biến cố cá nhân có tính cách khác hẳn. Lúc đó chúng ta sẽ phải công nhận rằng những sự nôn oẹ do sự náo loạn thần kinh gây ra có những nguyên nhân mà chúng ta không biết, vì những sự kiện do sự phân tích đưa ra chỉ là những duyên cớ bị lợi dụng khi cần đến.

Vì thế cho nên chúng ta đi đến kết luận nản lòng là nếu nhớ những sự kiện và biến cố sống động đối với người bệnh, chúng ta đã đi đến một vài sự giải thích thỏa đáng về ý nghĩa các triệu chứng thần kinh, về phương diện cá nhân thì chúng ta đã không tìm được ý nghĩa của những triệu chứng điển hình xảy ra luôn luôn. Ngoài ra tôi cũng chưa đưa ra cho các bạn xem được hết những khó khăn gặp phải mỗi khi muốn phân tích thực rõ ràng những triệu chứng. Tôi sẽ không nói đến nhiều sự

khó khăn đó không phải vì muốn cho công cuộc của mình có vẻ tốt đẹp nhưng chính vì không muốn làm loạn óc các bạn trong buổi đầu tiếp xúc này. Chúng ta chỉ mới đi những bước đầu chập chững trong công việc tìm hiểu ý nghĩa của các triệu chứng, chúng ta phải tạm hài lòng với những kết quả thu lượm được và chỉ tiến dần về phía những điều chưa biết. Tôi an ủi các bạn bằng mọi cách nói rằng, giữa những triệu chứng nói trên không thể nào có sự khác biệt được. Nếu những triệu chứng cá nhân chắc chắn phụ thuộc vào những biến cố sống động của người bệnh thì những triệu chứng điển hình cũng phụ thuộc vào những biến cố điển hình, nghĩa là chung cho mọi người. Những tính chất khác tìm thấy đều đều trong các người bệnh chỉ là những phản ứng tổng quát thường xảy ra đối với người bệnh, ví dụ như những sự lặp đi lặp lại một cử chỉ nào đó và lòng đa nghi trong triệu chứng bị ám ảnh. Tóm lại chúng ta chẳng có lý do gì để nản lòng trước khi biết được những kết quả thu lượm được về sau này.

Trong thuyết về giấc mơ chúng ta cũng gặp những khó khăn tương tự. Nội dung rõ ràng của giấc mơ cũng có sự khác biệt cá nhân to lớn, chúng ta đã trình bày là sự phân tích giúp được cho ta những gì chứa đựng trong nội dung đó. Nhưng cạnh những giấc mơ cá nhân có những giấc mơ điển hình xảy ra giống nhau hoàn toàn đối với mọi người. Đó là những giấc mơ có nội dung đồng nhất rất khó giải thích: ví dụ như người ta nằm mơ thấy mình bị ngã, bay lên, lượn đi lượn lại, bơi lội, thấy mình bị ngăn trở hay trần truồng, và nhiều giấc mơ hồi hộp lo âu khác có thể giải thích nhiều cách khác nhau tuỳ theo từng người, nhưng không giải thích được tại sao nó lại có tính cách điển hình và đều đều chán nản như thế. Trong những giấc

mơ này cũng như trong chứng bệnh thần kinh điển hình chúng ta thấy có những chi tiết cá nhân, thay đổi luôn luôn, nếu mở rộng quan niệm này ra chúng ta có thể đưa chúng vào khung cảnh của những giấc mơ khác mà không cần làm một điều gì mạnh mẽ cả.

18. VÔ THỨC CÓ THỂ COI NHƯ MỘT TÁC ĐỘNG GÂY THƯƠNG TÍCH

Trong những dòng trên tôi đã nói với các bạn rằng tôi không muốn dùng làm khởi điểm cho công trình khảo sát của chúng ta những điểm nghi ngờ mà là những dữ kiện chúng ta đã đạt được. Hai câu chuyện phân tích trong phần trên có những kết quả rất hay mà tôi chưa nói đến.

Thứ nhất: cả hai người bệnh đều cho ta cảm tưởng là họ bị ràng buộc vào một mảnh đời quá khứ của họ. Họ không thể tách rời ra khỏi quá khứ đó cho nên không để ý gì đến hiện tại cũng như tương lai. Họ chìm sâu vào căn bệnh của họ cũng như những người muốn vào nhà tu kín để trốn tránh số mệnh không đẹp đẽ. Đối với người bệnh thứ nhất nguyên nhân của mọi điều đau khổ chính là sự bất lực của ông chồng trong đêm tân hôn. Chính trong những triệu chứng của căn bệnh hiện rõ ra ngoài mà ta thấy rõ bà làm như thế nào trong công việc phán đoán thái độ của chồng: những lời gỡ tội cho chồng, tha thứ cho chồng, nâng chồng lên cao, rồi tiếc rẻ vì mất chồng. Dù hãy còn trẻ, hãy còn giữ được tuổi xuân, bà dùng đủ mọi cách thực tế hay tưởng tượng để trung thành với chồng. Bà không tiếp người lạ, không để ý đến cách ăn mặc, ngồi xuống ghế rồi mà không đứng lên được một cách dễ dàng, ngập ngừng khi phải

ký tên, không thể tặng cho ai một vật gì cả, muốn chứng tỏ rằng bà ta không thể cho người khác một thứ gì của mình.

Đối với người bệnh thứ hai, nguyên nhân là mối tình thắm thiết đối với người cha trong tuổi dậy thì rồi kéo dài mãi về sau. Cô gái đi đến kết luận là không thể lấy chồng một khi chưa khỏi bệnh. Nhưng chúng ta có đủ lý do rằng, chính vì muốn ở gần cha và không muốn lấy chồng nên cô ta mới bị mắc bệnh.

Chúng ta phải tự hỏi bằng cách nào và bằng đường lối nào người ta có thể có một thái độ hết sức kỳ lạ và bất lợi như thế đối với cuộc đời; giả dụ như thái độ đó là một đặc tính chung cho mọi thứ bệnh thần kinh chứ không riêng cho hai người bệnh này. Quả đó là một đặc tính chung cho mọi bệnh thần kinh có một tầm quan trọng rất cao trong thực tế. Người bệnh náo loạn thần kinh của Breuer bị ám ảnh ngay trong thời kỳ người cha bị chết và cô ta bị ốm nặng. Dù đã khỏi bệnh cô ta cũng gần như không còn muốn sống nữa; dù sức khoẻ đã trở lại bình thường cô ta cũng không muốn sống như những người đàn bà khác. Phân tích kỹ những triệu chứng và những hậu quả của trường hợp từng người bệnh, chúng ta thấy rằng người nào cũng quay về dĩ vãng. Trong phần lớn trường hợp họ thường chọn một thời kỳ rất sớm của đời họ, những năm đầu tiên của tuổi ấu thơ, có khi ngay cả thời kỳ còn bú sữa.

Những người mắc bệnh thần kinh vì bị thương trong trận chiến vừa qua cũng tương tự như những người bệnh của chúng ta trong những thí dụ trên. Trước chiến tranh cũng có những trường hợp tương tự như thế xảy ra sau những tai nạn xe lửa hay những tai nạn ghê gớm khác. Tuy nhiên những người bị bệnh thần kinh vì bị thương cũng không thể đem so sánh với những

người bệnh bị thần kinh tự nhiên như những người nói trên. Chúng ta chưa thể xếp họ vào loại đó, tôi hy vọng là một ngày kia sẽ có điều muốn nói với các bạn về họ. Nhưng hai loại người bệnh này giống nhau hoàn toàn ở điểm này: cả hai bị bệnh vì bị thương hay vì tự nhiên đều trở về thời kỳ tai nạn xảy ra làm cho họ bị thương. Trong giấc mơ họ thường sống lại cảnh đó; trong những trường hợp bị lên cơn động kinh, cơn nào cũng làm cho họ quay trở lại thời kỳ đó. Người ta có thể cho rằng những người bệnh không sao quên được tình trạng bị thương đó và tình trạng này lúc nào cũng như đứng sừng sững trước mặt họ như một công việc hiện thời, cấp bách; quan niệm này đối với chúng ta quan trọng vì nó mở đường cho một quan niệm *kinh tế* về những sự hoạt động tinh thần. Ngay chữ bị thương cũng chẳng có nghĩa gì khác hơn là một nghĩa kinh tế. Chúng ta gọi bằng danh từ đó một cách biến cố trong một thời gian ngắn đem lại cho đời sống tinh thần một số kích động quá nhiều khiến cho ta không thể dùng những phương sách thông thường để gạt bỏ được chúng, và hậu quả của tình trạng này là gây ra những sự rối loạn lâu dài trong việc sử dụng nghị lực của con người.

Sự tương tự này khuyến khích chúng ta gọi những biến cố sống động của những người bệnh của chúng ta là những biến cố gây xúc động. Do đó chứng bệnh thần kinh có một tính cách rất giản đơn: Chứng bệnh thần kinh có thể được đồng hoá với một vết thương và giải thích được bằng cách cho rằng người bệnh không đủ khả năng phản ứng với một biến cố tinh thần có tính cách tình cảm sâu đậm một cách bình thường. Đó chính là điều Breuer và tôi đã công bố năm 1893-1895 trong một công thức

đầu tiên tóm tắt những kết quả đạt được sau những công trình khảo sát mới. Trường hợp đàn bà sống xa chồng phù hợp với quan niệm này. Vết thương tinh thần do sự bất lực của ông chồng gây ra chưa thành sẹo nên bà ta luôn luôn nhớ lại vết thương này. Nhưng ngay trong trường hợp thứ hai người con gái có cảm tình thắm thiết với người cha quan niệm của chúng ta đã có điều gì không dễ hiểu. Trước hết, lòng thương của một đứa con gái đối với cha là một việc rất thường xảy ra và là một tình cảm rất dễ bị chế ngự cho nên danh từ bị thương có vẻ như không có nghĩa gì; sau nữa, tình cảm này lúc đầu chẳng có tác dụng gì tai hại và chỉ xuất hiện sau khi bị bệnh thần kinh thôi. Do đó chúng ta phải cho rằng sự thực phức tạp hơn chúng ta tưởng nhưng dù sao cũng không phải vì những lẽ đó mà quan niệm về vết thương của chúng ta không có giá trị: nó sẽ có một địa vị khác và chịu những điều kiện khác.

Vì thế chúng ta rời bỏ con đường chúng ta đi. Trước hết, con đường này không dẫn chúng ta đi xa và chúng ta còn phải học hỏi nhiều trước khi biết nó dẫn ta đi đâu. Về việc quay trở lại một thời kỳ trong quá khứ, chúng ta còn một nhận xét nữa là sự kiện này vượt qua giới hạn của bệnh thần kinh. Bệnh thần kinh quả có những sự quay trở về như thế nhưng không phải sự quay trở về nào cũng gây ra bệnh, không đồng hoá với bệnh và không len lỏi vào trong đời người bệnh. Một thí dụ trong sự trở về này có thể tìm thấy trong nỗi buồn làm cho người ta rời bỏ hẳn quá khứ vào tương lai. Nhưng sự buồn rầu khác hẳn bệnh thần kinh. Nhưng trái lại cũng có những bệnh thần kinh được coi như hình thức bệnh hoạn của sự buồn rầu.

Cũng có khi sau một biến cố làm rung chuyển cả đời họ, nhiều người thất vọng đến nỗi không còn nghĩ gì đến hiện tại và tương lai nữa, chỉ chú trọng đến quá khứ thôi. Nhưng không phải vì thế mà họ là những người mắc bệnh thần kinh. Cho nên dù vấn đề bị thương có quan trọng và xuất hiện luôn luôn như thế nào chăng nữa chúng ta cũng sẽ không dùng nó để biểu thị bệnh thần kinh.

Thứ hai, kết quả của công trình khảo cứu không có giới hạn về sau. Nói về người bệnh thứ nhất chúng ta đã trình bày là cử chỉ bị ám ảnh của bà ta không có ý nghĩa gì và bà ta đã gắn liền vào đó những kỷ niệm thầm kín của cuộc đời. Chúng ta đã nghiên cứu những liên quan giữa cử chỉ này và những kỷ niệm kia rồi dựa theo tính chất của những kỷ niệm này để tìm ra ý muốn của cử chỉ kia. Nhưng lúc đó chúng ta đã gạt ra ngoài một chi tiết đáng được chú ý. Trong khi người bệnh làm những cử chỉ ám ảnh như thế, bà ta không hề biết gì về biến cố phát sinh ra cử chỉ đó. Liên quan giữa những điều bà ta làm biến cố ra sao bà ta không hề hay biết, bà đã nói thực khi nói rằng bà ta không rõ nguyên nhân nào đã thúc đẩy mình làm việc đó. Thế rồi bị ảnh hưởng bởi phương pháp trị bệnh, một ngày kia bà biết rõ liên quan đó và nói cho chúng ta nghe. Nhưng bà ta vẫn không biết gì về nguyên nhân của cử chỉ đó: đối với bà ta chỉ có vấn đề sửa chữa một biến cố đáng buồn trong quá khứ và nâng chồng lên một bậc cao hơn. Chỉ sau một sự chữa chạy lâu dài bà mới biết được lý do đó chính là lý do độc nhất khiến cho bà đã có những hành động ám ảnh nói trên.

Chúng ta đã dựa vào quang cảnh trong nhà sau đêm tân hôn và những nguyên nhân thúc đẩy người bệnh do lòng yêu

chồng gây nên để tìm ra ý nghĩa của cử chỉ ám ảnh. Trong khi làm những cử chỉ đó, người bệnh không hề biết đến ý nghĩa, nguồn gốc, và mục đích của những cử chỉ đó. Vậy có nghĩa là trong người bệnh có cả một sự hoạt động tinh thần mà cử chỉ ám ảnh chỉ là hậu quả. Bà cũng cảm thấy hậu quả này nhưng không một điều kiện tinh thần nào đã xâm nhập được vào ý thức của bà. Bà ta hành động giống như anh chàng bị thôi miên nhận lệnh của Bernheim phải mở một cái dù trong phòng trình diễn, năm phút sau khi tỉnh dậy, đã tuân lệnh mà không biết tại sao mình làm thế. Khi chúng ta nói đến những hoạt động tinh thần vô thức, chúng ta đã nghĩ đến tình trạng vừa nói. Chúng ta thách bất cứ ai có thể khảo sát tình trạng đó một cách đúng nguyên tắc khoa học hơn chúng ta vì nếu họ làm được chúng ta sẽ huỷ bỏ quan niệm về những sự hoạt động tinh thần vô thức. Cho đến khi đó chúng ta sẽ bỏ ngoài tai mọi lời bài bác cho rằng vô thức không có thực theo nghĩa khoa học của chữ này, và đó chỉ là một cách nói cho hay mà thôi. Lời bài bác này không có giá trị gì vì cái vô thức mà họ cho là không có thực lại có những kết quả rất thực và nhận thấy được sự ám ảnh.

Tình trạng của người bệnh thứ hai cũng giống như thế. Cô ta đã tạo ra một nguyên tắc theo đó cái gối không được chạm vào gỗ trên thành giường rồi theo nguyên tắc đó mà không hiểu nó bắt nguồn ở đâu, có nghĩa gì và do động lực nào thúc đẩy. Dù cô ta có phản kháng dữ dội đến đâu chăng nữa, hay không thèm để ý đến nguyên tắc đó, hay tìm cách làm trái lại, đều không ảnh hưởng gì đến việc phải cử hành đúng theo nguyên tắc đã đặt ra. Cô ta bị bắt buộc phải theo và tha hồ tự hỏi tại sao mình lại làm như thế. Trong những triệu chứng của sự ám ảnh, trong cách phát biểu và thúc đẩy đột nhiên hiện ra không ai biết

từ đâu tới, chống lại ảnh hưởng của đời sống bình thường, xuất hiện như những người khách lạ đầy đủ quyền hành, như những người bất tử có mặt trong cuộc đời ồn ào của người thường, làm sao không nhận ra rằng đó là dấu vết của một vùng nào đặc biệt trong tinh thần, một vùng sống riêng biệt đối với các vùng khác, với mọi hoạt động và biểu thị của đời sống bên trong. Những triệu chứng, biểu thị và thúc đẩy đó làm cho chúng ta chắc chắn rằng có một vô thức tinh thần, và môn thần kinh học vì chỉ biết có một tâm lý hữu thức thôi nên không làm cách nào khác hơn là tuyên bố rằng biểu thị nói trên chỉ là kết quả của sự suy nhược. Tất nhiên tự chúng, những sự biểu thị và thúc đẩy này không có tính cách vô thức, cũng như những cử chỉ ám ảnh cũng không thoát khỏi cảm giác hữu thức. Những sự biểu thị và thúc đẩy đó sẽ không trở nên những triệu chứng nếu không xâm nhập vào ý thức. Nhưng những điều kiện tinh thần mà những biểu thị và thúc đẩy này phải chịu cũng như các tập thể mà sự giải thích của chúng ta đã xếp chúng vào có tính cách vô thức, ít nhất cũng cho tới khi chúng trở nên có ý thức nhờ những điều phân tích của chúng ta.

Những điều nhận thấy trong trường hợp hai người bệnh nói trên cũng là những điều nhận thấy trong mọi trường hợp bệnh thần kinh khác; trong mọi trường hợp, người bệnh không hề hay biết gì về những điều đó cả; bao giờ sự phân tích cũng cho thấy rằng những triệu chứng này chỉ là kết quả của những hoạt động tinh thần vô thức có thể trở thành hữu thức với một số điều kiện nào đó. Nếu các bạn thêm tất cả những điều này vào những điều vừa được trình bày trong đoạn trên, các bạn sẽ hiểu dễ dàng tại sao môn phân tâm học không thể bỏ qua giả thuyết về sự vô thức và tại sao chúng ta lại coi sự vô thức như một cái

gì đó có thể sờ mó thấy được. Các bạn cũng hiểu luôn tại sao những kẻ chỉ hiểu biết qua loa về sự vô thức, chưa hề phân tích sự vô thức bao giờ, chưa hề giải thích một giấc mơ bao giờ, chưa hề tìm hiểu ý nghĩa của một triệu chứng bệnh thần kinh bao giờ, những kẻ đó không thể coi được là những chuyên viên. Chúng ta cần nhắc lại một lần nữa: chỉ một việc có thể dùng sự giải thích để tìm hiểu ý nghĩa của một triệu chứng bệnh thần kinh cũng đủ là một bằng chứng không phủ nhận được là sự vô thức quả là một điều có thực và chúng ta cần chấp nhận sự có mặt của nó.

Nhưng như thế chưa phải là hết. Một phát minh khác của Breuer mà tôi coi là rất quan trọng cho ta biết nhiều hơn nữa về liên quan giữa vô thức và những triệu chứng bệnh thần kinh. Không những ý nghĩa của các triệu chứng này có tính cách vô thức mà giữa vô thức này và sự có mặt của các triệu chứng có những liên quan có thể thay thế nhau được. Các bạn sẽ hiểu tôi ngay, cùng với Breuer tôi khẳng định rằng: mỗi khi chúng ta đứng trước một triệu chứng, chúng ta phải kết luận rằng trong người bệnh có một vài sự hoạt động vô thức có chứa đựng ý nghĩa của triệu chứng này. Ý nghĩa này phải vô thức thì triệu chứng mới phát hiện ra được. Những sự hoạt động tinh thần hữu thức không phát sinh ra những triệu chứng bệnh thần kinh; một khi những hoạt động vô thức trở thành hữu thức thì những triệu chứng đó biến mất ngay. Bạn thấy rõ chưa: đó là một phương pháp trị bệnh, làm cho các triệu chứng biến mất. Chính Breuer đã dùng phương pháp làm biến mất triệu chứng để chữa khỏi bệnh cho người bệnh bị náo loạn thần kinh đầu tiên của ông. Ông ta đã tìm ra một kỹ thuật hữu thức hoá những sự hoạt động

vô thức giấu giếm ý nghĩa của những triệu chứng rồi từ đó làm cho những triệu chứng này biến mất.

Sự phát minh của Breuer là kết quả không phải của lý luận mà của một sự quan sát thành công với sự giúp đỡ của người bệnh. Các bạn đừng tìm hiểu sự phát minh này bằng cách kéo nó về một sự phát minh khác; các bạn hãy chấp nhận nó như một sự kiện căn bản có thể đưa đến sự giải thích nhiều sự kiện khác. Vì thế nên tôi xin phép các bạn diễn tả sự phát minh này theo một hình thức khác.

Một triệu chứng được phát hiện để thay thế một cái gì không phát hiện ra được. Một vài sự hoạt động tinh thần vì không phát triển bình thường được để đi tới ý thức nên phải phát sinh ra một triệu chứng. Vậy triệu chứng bệnh thần kinh là kết quả của một sự hoạt động mà sự phát triển đã bị ngăn chặn làm rối loạn bởi một nguyên nhân nào đó. Triệu chứng được phát hiện để thay thế hoạt động bị ngăn chặn này và như thế đã có một sự thay bậc đổi ngôi; khi phương pháp trị liệu huỷ bỏ được liên quan này tức là phương pháp đã đạt được mục đích.

Phát minh của Breuer cho đến bây giờ vẫn là căn bản của phương pháp trị bệnh bằng phân tâm học. Đề luận: "những triệu chứng sẽ biến mất một khi các điều kiện vô thức đã được hữu thức hoá" đã được mọi công trình khảo cứu về sau khẳng định, mặc dù gặp biết bao nhiêu sự phức tạp kỳ khôi và không chờ đợi nhất trong việc áp dụng vào thực tế. Phương pháp trị bệnh của chúng ta là làm sao biến vô thức thành hữu thức, phương pháp đó chỉ hữu hiệu khi làm được việc đó.

Các bạn đừng lầm tưởng rằng công việc trị bệnh như thế sẽ dễ áp dụng. Người ta sở dĩ mắc bệnh thần kinh chính vì không

biết rằng bên trong mình có một hoạt động tinh thần nào đó mà đáng lẽ mình phải biết. Đề luận này làm ta nhớ lại một đề luận khác của Socrate khi ông cho rằng tội lỗi chính là kết quả của một sự ngu dốt. Một vị bác sĩ không khó khăn gì không tìm ra dễ dàng những hoạt động tinh thần mà người bệnh không ý thức được. Cho nên vị bác sĩ phải giải thoát cho người bệnh ra khỏi sự ngu dốt đó bằng cách nói cho y biết điều mình tìm ra. Vị bác sĩ phải có đủ khả năng hủy bỏ một phần nào tính cách vô thức của những triệu chứng, còn về liên quan giữa triệu chứng và biến cố trong đời sống người bệnh thì bác sĩ làm sao đoán ra được và phải chờ đợi người bệnh cho mình biết. Nhưng về điểm này, bác sĩ có thể có được tài liệu bằng cách hỏi những người sống chung quanh người bệnh để biết về những biến cố trong đời người bệnh, cả về những biến cố mà người bệnh không biết vì xảy ra trong thời thơ ấu. Hoà hợp hai phương pháp này, bác sĩ có thể trong một khoảng thời gian ngắn đạt được mục đích định đến, nghĩa là làm cho những hoạt động tinh thần vô thức trở thành hữu thức.

Kết quả như thế thực hoàn hảo, chúng ta đã đạt được những kinh nghiệm không chờ đợi. Cũng như theo Molière có thứ củi này có thứ củi nọ, có thứ hiểu biết này cũng như có thứ hiểu biết nọ, và mọi thứ hiểu biết đều không có giá trị tâm lý như nhau. Sự hiểu biết của bác sĩ không giống sự hiểu biết của người bệnh và không thể có cùng một hiệu quả. Nếu bác sĩ nói cho người bệnh điều hiểu biết của mình, bác sĩ không thể thành công. Hay nói cho đúng hơn, sự thành công của bác sĩ không phải ở chỗ đã huỷ bỏ được những triệu chứng, nhưng là khởi đầu một sự phân tích mà những dấu hiệu đầu tiên thường do chính những điều mâu thuẫn do người bệnh cung cấp. Người

bệnh biết một điều trước kia không biết, đó là ý nghĩa của triệu chứng căn bệnh của mình, vậy mà người bệnh cũng không biết gì hơn trước. Như thế chúng ta thấy rằng có hơn một sự "không biết". Muốn biết những điều "không biết" có khác nhau ra sao, cần có những hiểu biết sâu sa về tâm lý. Nhưng không phải vì thế mà đề luận của chúng ta là: "những triệu chứng sẽ biến mất một khi ý nghĩa của chúng trở thành hữu thức" trở thành không đúng. Chỉ có điều là sự hiểu biết phải đặt nền tảng trên một sự thay đổi bên trong người bệnh, sự thay đổi này chỉ phát hiện sau một công việc tinh thần theo đuổi một mục đích nhất định. Chúng ta đứng trước những vấn đề mà sự tập hợp lại sẽ xuất hiện như một động lực trong công việc cấu thành những triệu chứng.

Và bây giờ tôi hỏi các bạn: điều tôi vừa nói các bạn có cho là quá tăm tối và rắc rối không? Các bạn có bị lạc hướng khi thấy tôi rút lại những điều vừa đưa ra, bao quanh những đề luận của tôi bằng mọi thứ giới hạn, đi vào một chiều hướng này để rồi lại quay theo một chiều hướng khác không? Tôi tiếc rằng sự việc đã xảy ra như thế. Nhưng tôi quả không thích đơn giản hóa chân lý, không thấy có gì trở ngại khi trình bày cho các bạn biết rằng vấn đề của chúng ta có nhiều khía cạnh phức tạp kỳ lạ, không thấy hại gì khi đưa cho các bạn biết những điều mà bạn chưa thể dùng ngay trong lúc này. Tôi biết là mỗi sinh viên đều sắp xếp những ý tưởng của giáo sư theo tiện lợi riêng cho mình, vắn tắt hóa bài thuyết trình, giản dị hoá và trích ra trong đó những điều mình muốn giữ lại. Tất nhiên càng có nhiều điều được trình bày bao nhiêu thì những điều được giữ lại càng nhiều bấy nhiêu. Dù sao tôi cũng hy vọng rằng trong bao nhiêu điều trình bày, các bạn cũng đã có được một ý niệm khá rõ ràng

về phần chính trong bài thuyết trình của tôi, nghĩa là phần liên quan đến ý nghĩa của các triệu chứng đến vô thức và đến liên quan giữa vô thức và các ý nghĩa này. Có lẽ các bạn sẽ hiểu rằng sau này công trình khảo cứu của chúng ta sẽ hướng về hai điểm sau đây: một đằng tìm hiểu tại sao loài người lại bị bệnh, trở thành nạn nhân của một chứng bệnh thần kinh có thể kéo dài suốt đời, và đó là vấn đề trị bệnh; đằng khác tìm xem triệu chứng bệnh hoạn đã phát triển như thế nào với các điều kiện của chứng bệnh thần kinh, và đó là vấn đề động lực tinh thần. Thế nào cũng có những nơi mà hai vấn đề này tiếp giáp với nhau.

Tôi không muốn đi xa hơn nữa nhưng vì còn một chút thì giờ nên tôi muốn các bạn để ý đến một đặc tính khác trong hai vụ phân tích nói trên: đó là những lỗ hổng trong trí nhớ hay chứng mất trí nhớ. Tôi đã nói là công việc của phương pháp trị bệnh theo lối phân tâm là: biến vô thức, căn nguyên của bệnh thành hữu thức. Các bạn sẽ ngạc nhiên nếu thấy công thức này có thể được thay thế bằng công thức sau: lấp hết những lỗ hổng trong trí nhớ, huỷ bỏ bệnh mất trí nhớ. Công thức sau chẳng khác gì công thức trước. Vậy chứng mất trí nhớ của người bệnh thần kinh giữ một vai trò quan trọng trong việc phát sinh các triệu chứng. Nhưng suy nghĩ kỹ về trường hợp người bệnh thứ nhất, chúng ta thấy là vai trò gán cho sự mất trí nhớ có lẽ không đúng lắm. Người bệnh không hề quên quang cảnh đêm tân hôn, trái lại nhớ rất kỹ và trong suốt câu chuyện không có một sự quên lãng nào khác trong việc phát sinh ra triệu chứng. Tuy không rõ ràng hơn nhưng trường hợp của người con gái trong trường hợp thứ hai cũng thế. Cô này cũng nhớ rất rõ dù nhớ một cách ngập ngừng, miễn cưỡng, thái độ của mình ngày xưa lúc

nhất định đòi mở cửa phòng mình thông sang phòng cha mẹ và bắt mẹ nhường chỗ cho mình trong giường cha. Điều duy nhất làm chúng ta ngạc nhiên là người bệnh thứ nhất, sau khi làm đi làm lại cử chỉ ám ảnh của mình rất nhiều lần, không hề hay biết gì đến liên quan giữa cử chỉ này với biến cố trong đêm tân hôn và mặc dù sau này chúng ta đã hướng dẫn bà, bà cũng không hề nhớ lại kỷ niệm đó. Người con gái trong trường hợp sau cũng thế, cô ta cho rằng các lễ nghi và những cơ hội gây ra lễ nghi đó bắt nguồn ở tình trạng của cô phải làm đi làm lại một số công việc mỗi ngày. Trong cả hai trường hợp không hề có chứng mất trí nhớ thực sự: chỉ có đứt mất sợi dây liên lạc để cho biến cố quay trở lại trí nhớ thôi. Nhưng nếu sự rối loạn trong trí nhớ này đủ để cắt nghĩa sự ám ảnh thì trong trường hợp náo loạn tinh thần sự việc không phải thế. Trong sự náo loạn tinh thần thường có mất trí nhớ rất nhiều. Phân tích mỗi triệu chứng trong sự náo loạn tinh thần người ta thấy có rất nhiều cảm tưởng của đời sống trong quá khứ mà người bệnh cho là mình quên hết. Một đằng những cảm tưởng này thuộc về những năm đầu tiên của cuộc sống, thành ra sự mất trí nhớ trong sự náo loạn thần kinh chỉ là sự kéo dài trực tiếp của chứng mất trí nhớ của trẻ con về những giai đoạn đầu tiên trong cuộc sống tinh thần ngay cả đối với những người bình thường. Đằng khác những biến cố mới nhất trong đời người bệnh cũng bị quên, nhất là những cơ hội gây ra bệnh hay làm cho bệnh nặng hơn cũng bị quên một phần hay toàn thể. Luôn luôn những chi tiết quan trọng biến mất trong toàn thể kỷ niệm hay bị thay thế bằng những kỷ niệm sai lầm. Thường thường chỉ một ít thời gian sau khi được phân tích là những kỷ niệm về những biến cố

mới này trở lại, những kỷ niệm này thường bị dồn ép để lại trong trí nhớ những lỗ hổng rất lớn.

Những sự rối loạn trong trí nhớ đặc biệt biểu thị cho bệnh náo loạn thần kinh với những triệu chứng là những cơn động kinh không để lại một dấu vết gì trong trí nhớ. Bởi vì sự việc không xảy ra tương tự trong sự ám ảnh nên chúng ta phải kết luận là những sự mất trí nhớ là một đặc tính tâm lý của chứng náo loạn thần kinh chứ không phải là một triệu chứng chung cho mọi bệnh thần kinh khác. Tầm quan trọng của sự khác biệt này được giảm bớt bởi nhận xét sau đây. Ý nghĩa của một triệu chứng có thể được quan niệm theo hai lối: một về phương diện nguồn gốc, một về phương diện mục đích, nghĩa là nói một cách khác, một về những cảm giác và biến cố phát sinh ra nó, một về ý muốn mà nó phục vụ. Nguồn gốc của một triệu chứng chỉ là những cảm giác từ bên ngoài vào, có một lúc có tính cách hữu thức nhưng sau đó trở thành vô thức và bị quên lãng. Mục đích của triệu chứng, khuynh hướng của nó trái lại trong mọi trường hợp đều là một sự hoạt động tinh thần có tính cách hữu thức trong một lúc nào đó, nhưng cũng có thể bị vùi lấp trong vô thức mãi mãi. Vậy việc mất trí nhớ liên can đến nguồn gốc, nghĩa là đến những biến cố làm nền tảng cho triệu chứng, như trong trường hợp náo loạn thần kinh không quan trọng; chính mục đích, khuynh hướng có thể có tính cách vô thức ngay từ đầu, chính mục đích và khuynh hướng này mới quy định sự lệ thuộc của triệu chứng với vô thức và trường hợp này xảy ra trong sự ám ảnh cũng như trong bệnh náo loạn thần kinh.

Chính vì gán cho vô thức một tầm quan trọng như thế nên chúng ta mới bị phê bình chỉ trích một cách gay gắt như thế.

Các bạn đừng cho rằng chống đối này bắt nguồn ở chỗ người ta không quan niệm được vô thức hay không làm được những cuộc thí nghiệm về vô thức. Lịch sử khoa học đã hai lần cải chính nghiêm trọng đối với tính ích kỷ ngây ngô của loài người. Lần thứ nhất khi khoa học chứng minh rằng trái đất không hề là trung tâm của vũ trụ mà chỉ là một phần nhỏ bé, vô nghĩa lý trong hệ thống vũ trụ mà chúng ta không thể tưởng tượng được là to lớn như thế nào. Sự chứng minh thứ nhất này là công của Copernic dù trước đó khoa học thời Alexandre đã loan báo một vài điều tương tự. Lần thứ hai là khi khoa học chứng minh rằng con người không phải giữ một địa vị đặc biệt cao cả trong sự sáng tạo mà cũng lệ thuộc vào giới động vật, cũng có tính chất như mọi động vật. Cuộc cách mạng này được thực hiện sau những công trình của Darwin, Wallace và các người đi trước, và đã gặp sự chống đối kinh khủng của người đương thời. Lần cải chính thứ ba đánh vào tính tự cao tự đại của loài người khi cho rằng cái tôi của con người không là chủ độc tôn trong nhà mình, chỉ được biết một vài điều lẻ tẻ, hiếm hoi về những sự xảy ra ngoài ý thức của mình trong đời sống tinh thần. Những nhà phân tâm học không phải là những người độc nhất và đầu tiên kêu gọi lòng khiêm tốn của loài người nhưng họ có nhiệm vụ phổ biến thật rộng rãi quan niệm này với tất cả tấm lòng hăng hái và cung cấp cho mọi người những vật liệu lấy từ trong các cuộc thí nghiệm ra để dùng cho bất cứ ai. Do đó người ta tới tấp chỉ trích khoa học của chúng ta, quên hết mọi sự lịch sự trong giới văn học, phản kháng chúng ta với mục đích giũ bỏ những sự ràng buộc của một sự hợp lý và vô tư. Thêm vào đó, họ còn sợ những thuyết của chúng ta gây rối loạn trong hoà bình của thế giới như các bạn sẽ có dịp nhận thấy về sau đây.

19. CHỐNG ĐỐI VÀ DỒN ÉP

Muốn có một ý niệm đứng đắn về chứng bệnh thần kinh, chúng ta cần có nhiều kinh nghiệm mới và đây là hai cuộc thí nghiệm rất đáng chú ý, gây nhiều tiếng vang trong thời kỳ phát hiện.

Thí nghiệm thứ nhất: mỗi khi chúng ta trị bệnh cho một người nào, người đó thường chống cự lại rất dữ dội trong suốt thời kỳ điều trị. Câu chuyện khó tin nhưng có thực. Nếu chúng ta không nói điều đó cho gia đình người bệnh biết, họ sẽ cho rằng ta muốn kéo dài thời kỳ trị bệnh ra. Chính người bệnh chống cự lại rất dữ dội tuy không biết là mình chống cự và khi chúng ta làm sao để người bệnh nhận ra là họ chống cự lại chúng ta tức là chúng ta đã thành công khá lớn. Các bạn thử nghĩ xem: người bệnh đau khổ quá nhiều vì bệnh mình làm cho người chung quanh đau khổ theo, hy sinh biết bao nhiêu công của thời giờ để được khỏi bệnh, người đó có lý do gì để phản kháng lại bác sĩ muốn chữa cho họ khỏi? Họ sẽ cho là thái độ chống đối đó thực vô nghĩa lý mỗi khi bạn cho họ biết việc đó. Vậy mà chẳng còn điều gì đúng hơn là sự chống đối đó nữa, còn thiếu gì những người đau răng chống đối dữ dội lại nha sĩ khi thấy đưa đồ nhổ răng vào gần mồm.

Sự chống đối của người bệnh xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, nhiều khi rất tế nhị, khó nhận ra. Người ta

không tin cậy ông thầy thuốc, nhiều khi còn đề phòng ông ta nữa. Trị bệnh thần kinh chúng ta cũng dùng kỹ thuật như trong việc giải thích giấc mơ. Chúng ta yêu cầu người bệnh tự quan sát và nói cho chúng ta nghe những điều họ cảm thấy theo thứ tự xuất hiện trong óc họ: tình cảm, ý tưởng, kỷ niệm. Chúng ta yêu cầu họ tự nhiên nói ra những điều mình nghĩ hay cảm thấy, chứ đừng ngập ngừng vì những điều đó khó nghe, khó nói, hay cho là không quan trọng hay vô nghĩa. Chúng ta bảo họ là đừng ngập ngừng gì, đừng nghe theo những lời chỉ trích bên trong, và nếu họ làm theo đúng lời chỉ dẫn của chung ta thì bệnh họ sẽ chóng khỏi hơn. Kinh nghiệm trong việc giải thích giấc mơ đã cho ta biết là chính trong những kỷ niệm, những điều nghi ngờ lại chứa đựng nhiều vật liệu giúp cho chúng ta tìm được vô thức.

Kết quả thứ nhất thu lượm được trong quy tắc cơ bản này là lấy ngay sự chống đối của người bệnh để chống lại người bệnh. Người bệnh dùng đủ mọi cách để không nghe theo lời bác sĩ, sẽ nói rằng không cảm thấy gì hết, không có một ý tưởng, một tình cảm hay một kỷ niệm nào, hay nếu có cũng chẳng biết rõ như thế nào. Nhưng dần dần người bệnh nhượng bộ trước những đề nghị của chúng ta, tự tố cáo bằng cách lặng im thật lâu trong khi đang nói chuyện, rồi rút cục thú nhận rằng mình biết những điều không thể nói ra được làm cho mình xấu hổ, cho nên không nói ra được trái với lời đã hứa. Có khi người bệnh thú nhận rằng có biết một vài điều nhưng điều đó liên can đến một người khác nên không tiện nói ra. Có khi lại cho là những điều mình biết chả có nghĩa gì, chả có tầm quan trọng nào đáng cho mình để ý đến. Cứ thế tiếp tục mãi cho tới khi bác

sỹ nói cho họ biết rằng khi yêu cầu người bệnh nói hết thì người bệnh phải nói hết thực sự chứ không phải nói chơi.

Khó lòng tìm thấy một người bệnh nào lại không dành riêng cho mình một khoảng nào đó trong tinh thần, làm cho việc trị bệnh không len lỏi vào đó được. Một thân chủ rất thông minh của tôi trong suốt một tuần liền đã giấu không cho tôi biết là anh ta có nhân tình, khi tôi trách anh về điều đó, anh trả lời là anh tưởng rằng đó là việc riêng của anh. Tất nhiên việc trị bệnh bằng phân tâm học không thể chấp nhận điều giấu giếm đó. Ví dụ như bây giờ chúng ta tuyên bố rằng, cảnh sát trong ngày nào đó sẽ không bắt một người nào đó ở hai nơi trong thành Vienne chẳng hạn, rồi đi tìm bắt một người tội phạm đang ẩn náu trong thành phố. Tên tội phạm sẽ trốn ở đâu nếu không phải là ở một trong hai nơi nói trên. Tôi tưởng rằng tôi có thể dành một quyền hạn như thế cho một người thân chủ của tôi khi cho rằng người này có thể giữ được lời hứa và không nói cho người khác biết những điều cần giấu vì lý do bí mật nghề nghiệp. Thân chủ này rất hài lòng về công việc trị bệnh. Tôi không hài lòng như anh ta và không bao giờ dám làm lại một thí nghiệm như thế nữa.

Những người bị ám ảnh thường viện cớ lương tâm và nghi ngờ để gây khó khăn trong việc trị bệnh. Những người bị náo loạn thần kinh thường làm hỏng công việc trị bệnh bằng cách nói ra những điều không ích lợi gì cho công việc trị bệnh, có khi còn làm sai lạc công việc này nữa. Tôi không hề muốn đưa các bạn đi sâu vào những chi tiết trong kỹ thuật trị bệnh. Tôi chỉ cần nói rằng, mỗi khi chúng ta thành công trong việc ép buộc người bệnh làm theo lời trong một phạm vi nào đó thì sự

chống đối lập tức được chuyển sang một địa hạt khác. Lúc đó sự chống đối sẽ có tính cách tri thức dùng những tài liệu lý luận, những sự khó khăn, sai lầm mà người ta tưởng đã tìm ra trong lý thuyết của chúng ta. Từ miệng người bệnh chúng ta sẽ được nghe lại tất cả những lời bài bác mà các nhà khoa học nhất loạt đưa ra phản đối chúng ta. Đúng là một trận bão trong một ly nước. Nhưng người bệnh chịu khó nghe chúng ta nói, hướng dẫn bài bác họ, chỉ cho họ những tài liệu họ cần tham khảo. Họ sẵn sàng trở thành thân hữu của môn phân tâm học với điều kiện là môn này đừng động đến họ, đến cá nhân của họ. Trong sự chống đối đó có một ý muốn cho chúng ta đi xa dần nhiệm vụ chính. Vì thế nên chúng ta phải chống đối lại thái độ đó. Những người bị ám ảnh dùng một phương pháp đặc biệt trong việc chống đối. Người bệnh để yên cho chúng ta phân tích, không tỏ vẻ phản đối khiến cho đã có lúc chúng ta có cảm tưởng đang thành công, nhưng rồi cuối cùng chẳng đạt được một kết quả gì. Lúc đó mới thấy sự chống đối núp sau sự nghi ngờ. Người bệnh tự nhủ: "Những điều này thực hay, thực đẹp, tôi chẳng muốn gì hơn là tiếp tục, nếu những điều đó đúng tôi sẽ khỏi bệnh. Nhưng có lẽ không đúng, mà một khi tôi tin là không đúng thì bệnh tôi chẳng khỏi được". Trình trạng này có thể kéo dài lâu cho tới khi chúng ta tấn công thẳng vào sào huyệt sự chống đối và lúc đó mới là giờ phút quyết liệt.

Sự chống đối có tính cách trí thức không lấy gì làm quan trọng, có thể chiến thắng được dễ dàng. Nhưng còn sự chống đối khác khó chiến thắng hơn. Đáng lẽ gợi lại những kỷ niệm, người bệnh lại đưa ra những luận điệu thái độ trong cuộc sống để chống lại bác sĩ và phương pháp trị bệnh. Khi người bệnh là đàn ông, anh ta thường dựa vào những sự giao thiệp với người

cha mà địa vị đã bị ông bác sĩ thay thế: đưa ra những luận điệu về sự ham muốn được độc lập, lòng tự ái vượt cả người cha, không muốn tỏ lòng biết ơn người cha, người bệnh dùng những luận điệu này để phá ông bác sĩ không cho ông làm được công việc trị bệnh. Người ta có cảm tưởng rằng người bệnh thích làm cho ông bác sĩ thất bại, bực mình hơn là muốn khỏi bệnh. Nếu người bệnh là đàn bà thì họ hay dùng những lời nũng nịu, âu yếm để xiêu lòng ông bác sĩ nhiều khi tình cảm đối với ông bác sĩ có đượm màu tình ái. Khi khuynh hướng này đạt tới một mức độ nào đó, người bệnh không quan tâm gì đến tình thế hiện tại nữa, không còn nghĩ đến bệnh trạng, quên hết những điều cam kết trong khi trị bệnh. Ngoài ra lòng ghen tuông, sự thất vọng của người bệnh khi thấy ông bác sĩ tỏ vẻ lạnh lùng với mình cũng ngăn trở công việc trị bệnh tiến hành đều đều.

Những sự chống đối này không đáng bị kết án hoàn toàn. Chính sự chống đối nhiều khi cũng chứa đựng nhiều tài liệu quan trọng về đời sống người bệnh và do đó cũng giúp nhiều cho bác sỹ nếu ông này biết hướng dẫn khéo léo. Chỉ có điều là trong lúc đầu bao giờ những sự chống đối này cũng có hại cho sự trị bệnh. Đó chính là sự phát triển của cái tôi mà người bệnh dùng để chống lại những sự thay đổi do sự trị bệnh có thể gây ra. Những đặc điểm của cái tôi này xuất hiện dưới những điều kiện của bệnh thần kinh và là phản ứng đối với căn bệnh; chúng ta có thể cho là chúng tiềm tàng trong người bệnh vì nếu không có bệnh thì không bao giờ chúng xuất hiện tới mức độ đó và với cường độ đó. Sự xuất hiện của các chống đối này không làm hại gì đến hiệu quả của sự trị bệnh. Nhà phân tâm học biết trước là thế nào cũng có chống đối, thế nào chúng cũng xuất hiện và chỉ không hài lòng khi không làm cho chúng xuất hiện với một sự

rõ ràng mong muốn và làm cho người bệnh hiểu được tính chất của sự chống đối đó thôi. Sự hủy bỏ những sự chống đối đó chính là công việc cần thiết phải làm, nếu làm được thì chúng ta đã thành công một phần.

Người bệnh lại lợi dụng bất cứ một cơ hội nào để thôi không cố gắng nữa, cơ hội này có thể là một tai nạn bất thần xảy ra trong lúc đang chữa, một biến cố bên ngoài làm người bệnh chú ý đến, một vẻ thù nghịch của người chung quanh đối với bệnh, một bệnh khác xảy ra làm cho bệnh thần kinh nặng thêm, hoặc một sự tiến bộ khả quan trong việc chạy chữa. Các bạn cứ thêm vào những điều trên, những điều vừa nói là các bạn có ngay một bản kê khai không phải là đầy đủ, nhưng khá đúng về mọi phương tiện chống đối xảy ra trong lúc bệnh. Nếu tôi nói nhiều chi tiết về vấn đề như thế lại chỉ cốt để chứng minh rằng những kinh nghiệm của chúng ta trong việc khảo cứu các sự chống đối là nền tảng cho quan niệm sống động của chúng ta về bệnh thần kinh. Breuer và tôi đã bắt đầu chữa bệnh thần kinh bằng thôi miên: người bệnh đầu tiên của Breuer chỉ được chữa chạy trong tình trạng bị thôi miên, tôi cũng làm theo ông ta. Phải nhận là chữa như thế dễ dàng hơn, dễ chịu hơn, mất ít thì giờ hơn, nhưng kết quả đạt được không chắc chắn, không được lâu. Vì thế nên tôi bỏ không dùng thôi miên nữa và hiểu rằng nếu cứ tiếp tục dùng thôi miên thì không sao hiểu được tính cách sống động của những bệnh này. Vì thôi miên nên bác sĩ không thấy có sự chống đối. Dồn sự chống đối đi, thôi miên sẽ có một môi trường hoạt động rộng rãi hơn, và sự chống đối nấp sau môi trường đó không làm sao tiến tới được y như sự nghi ngờ trong bệnh thần kinh bị ám ảnh. Vì thế nên tôi có thể

nói rằng môn phân tâm học chỉ ra đời khi người ta bỏ không dùng thôi miên nữa.

Nhưng dù có cho sự chống đối là quan trọng chăng nữa, chúng ta cũng nên dành chỗ cho nghi vấn và không nên quá vội vàng trong việc công nhận sự có mặt của các sự chống đối. Cũng có những trường hợp bệnh thần kinh mà sự liên tưởng chẳng làm được gì; cũng có khi những lời bài bác của chính người bệnh đáng được chúng ta để ý, chúng ta có thể đã lầm khi cho những lời bài bác này là những sự chống đối. Tuy nhiên tôi phải nói rằng lý luận được như thế không phải dễ dàng gì. Chúng ta đã có dịp quan sát con bệnh của chúng ta trước và sau khi những sự chống đối này xuất hiện. Cường độ của sự chống đối luôn luôn thay đổi trong thời gian trị bệnh; cường độ này tăng lên khi chúng ta tới một chủ đề mới, đến tột đỉnh khi chủ đề này đến chỗ xây dựng rồi sau đó giảm dần khi chủ đề đã làm xong. Ngoài ra, trừ phi vì vụng về trong kỹ thuật, chúng ta chưa hề gợi cho người bệnh chống đối chúng ta hết mình. Trong suốt thời gian trị bệnh, người bệnh thay đổi nhiều lần thái độ chống đối. Khi chúng ta đưa họ được đến một điểm nào đó làm cho họ ý thức được một phần nào những vật liệu chứa đựng trong vô thức của họ là họ chống đối mạnh nhất; nếu trước đó họ có hiểu hay chấp nhận một điều gì thì lúc đó họ cũng bỏ hết; trong sự chống đối tột đỉnh này nhiều khi họ tỏ ra ngu xuẩn. Nhưng nếu ta giúp họ thắng được sự chống đối đó, họ sẽ lấy lại được bình tĩnh và lại hiểu được. Vậy thái độ phê bình chỉ trích của họ không có tính cách độc lập mà chỉ là một phương tiện phụ trong tình cảm của họ do sự chống đối hướng dẫn. Nếu có điều gì không hợp lý, người bệnh sẽ tìm mọi cách chống đối, nhưng nếu có điều gì hợp lý, người bệnh lại chấp nhận một cách dễ

dàng. Chúng ta cũng thường làm như thế, nhưng sở dĩ trong người bệnh sự lệ thuộc của ý chí vào tình cảm này xuất hiện rõ ràng như thế chính là vì chúng ta đã dồn chúng vào cứ điểm cuối cùng của chúng.

Chúng ta làm sao giảng được sự kiện người bệnh dùng đủ mọi cách chống lại sự huỷ bỏ các triệu chứng bệnh và sự tái lập tình trạng bình thường của một hoạt động tinh thần? Những động lực chống lại sự thay đổi tình trạng này cũng như là những động lực đã gây ra tình trạng đó. Chúng ta có thể dùng những kinh nghiệm đạt được trong việc phân tích các triệu chứng để tái lập sự hoạt động tinh thần lúc các triệu chứng mới xuất hiện. Sau quan sát của Breuer chúng ta biết rằng, sở dĩ các triệu chứng căn bệnh xuất hiện là vì sự hoạt động tinh thần không đạt được mức độ bình thường để có thể trở thành hữu thức. Triệu chứng chỉ xuất hiện để thay thế những cái gì chưa hoàn thành. Do đó chúng ta có thể xác định được vị trí của tác dụng của động lực gây ra triệu chứng đó. Chắc phải có một sự chống đối mạnh mẽ không có sự hoạt động tinh thần tiến vào được ý thức: vì thế cho nên sự hoạt động này phải có tính cách vô thức và với tính cách vô thức đó nó còn xuất hiện dưới hình thức một triệu chứng. Nhưng sự cố gắng biến vô thức thành hữu thức cũng gặp sự chống đối. Chúng ta gọi sự hoạt động gây ra bệnh thần kinh xuất hiện dưới hình thức một sự chống đối này là sự *dồn ép*.

Bây giờ chúng ta phải hình dung xem sự dồn ép này ra sao? Đó là điều kiện trước nhất để hợp thành một triệu chứng và từ trước tới nay chúng ta chưa từng thấy một cái gì tương tự. Lấy thí dụ một sự thúc đẩy, một hoạt động tinh thần có thể biến

thành một hành vi: sự thúc đẩy này có thể bị gạt ra một bên, bị bỏ đi hay bị lên án. Vì thế nên nghị lực của nó bị rút đi, nó trở thành bất lực, chỉ còn sót lại trong tinh thần như một kỷ niệm thôi. Mọi quyết định mà sự thúc đẩy là đối tượng đều phải tiến hành dưới sự kiểm soát hữu thức của cái tôi. Nhưng khi sự thúc đẩy đó bị dồn ép thì sự việc xảy ra khác hẳn. Nó sẽ giữ nguyên nghị lực nhưng không để lại đằng sau một kỷ niệm nào cả, sự dồn ép sẽ hoạt động mà không chịu sự kiểm soát của ý thức. Sự so sánh này không giúp ta tiến gần đến sự hiểu rõ tính chất của sự dồn ép.

Tôi muốn trình bày cho các bạn xem những sự biểu thị lý thuyết có ích nhất về phương diện này, nghĩa là đúng nhất để hình dung sự dồn ép bằng một hình ảnh nhất định. Nhưng muốn cho rõ ràng chúng ta phải thay nghĩa dùng để mô tả của chữ "vô thức" bằng nghĩa có tính cách hệ thống của chữ này; nói một cách khác, chúng ta phải chấp nhận rằng vô thức hay hữu thức của một đặc điểm tinh thần, chỉ là một trong các tính chất của sự hoạt động này thôi. Khi một sự hoạt động có tính cách vô thức, sự phân cách của nó đối với hữu thức chỉ là dấu hiệu về số mệnh của nó chứ không phải chính số mệnh đó. Muốn biết rõ số mệnh đó như thế nào, chúng ta phải công nhận rằng mỗi sự hoạt động tinh thần trước hết phải ở vào một giai đoạn vô thức trước khi biến thành hữu thức cũng như một hình chụp bằng máy ảnh bao giờ cũng phải qua một giai đoạn âm và chỉ trở thành tấm hình sau khi qua giai đoạn dương. Nhưng cũng không phải tấm hình nào cũng bắt buộc phải thành một hình dương, không phải bất cứ một sự hoạt động vô thức nào cũng phải biến thành hữu thức. Chúng ta chỉ có thể nói rằng mỗi hoạt động tinh thần bao giờ cũng thuộc một hệ thống tinh

thần vô thức rồi có thể qua hệ thống hữu thức trong một vài trường hợp.

Hình dung tiện lợi nhất cho chúng ta là hình dung giản dị nhất của hệ thống: đó là hình dung trong không gian. Chúng ta coi hệ thống vô thức như một cái phòng to trong đó những khuynh hướng tinh thần chen chúc nhau như những người sống trong đó. Cạnh cái phòng này có một phòng nhỏ hơn như một phòng khách bên trong có ý thức toạ vị. Nhưng tại chỗ cửa thông căn phòng với phòng khách có một người gác cổng đứng kiểm soát mỗi khuynh hướng tinh thần, kiểm duyệt và không cho khuynh hướng đó vào nếu khuynh hướng này hợp ý anh gác. Dù người gác cổng đuổi một khuynh hướng không cho qua cửa phòng hay để cho một khuynh hướng qua cửa vào trong phòng, sự khác biệt giữa hai sự việc đó không có gì to lớn và kết quả vẫn như nhau. Mọi vấn đề đều phụ thuộc vào sự tinh mắt, tháo vát của anh chàng gác cổng. Hình ảnh này có lợi cho chúng ta vì giúp chúng ta mở rộng ý kiến của chúng ta. Những khuynh hướng ở lại căn phòng lớn dành cho vô thức thoát khỏi con mắt dòm ngó của ý thức trong phòng khách. Vậy những khuynh hướng đó đã bắt đầu có tính cách vô thức. Khi đi đến ngưỡng cửa phòng khách mà bị đuổi, không được vào phòng tức là khuynh hướng đó không có khả năng để trở thành hữu thức: chúng ta nói là chúng bị dồn ép. Nhưng những khuynh hướng được anh gác cổng cho phép qua cửa vào phòng không phải vì thế mà nhất thiết trở thành hữu thức: chúng chỉ trở thành hữu thức khi chúng được ý thức để mắt đến. Vậy chúng ta gọi căn phòng thứ hai này là: hệ thống *tiền ý thức*. Vậy việc một hoạt động trở thành hữu thức vẫn giữ nguyên nghĩa có tính cách

mô tả. Đặc tính của sự dồn ép là ở chỗ một khuynh hướng bị anh gác - dan không cho bước từ vô thức sang phòng tiền ý thức. Chính anh gác cổng này chúng ta gọi là sự chống đối khi chúng ta dùng phương pháp phân tâm để chấm dứt sự dồn ép.

Các bạn sẽ bảo là những hình dung đó vừa giản dị vừa ngông nghênh không thể không có chỗ trong một bài thuyết trình về khoa học. Các bạn nói đúng, tôi cũng biết là nó không được đúng và nếu tôi không lầm thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ có một cái gì hay hơn thay vào đó. Tôi không biết là sau khi sửa đổi và hoàn bị, hình dung đó có còn vẻ ngông nghênh nữa hay thôi. Trong khi chờ đợi các bạn nên nhớ rằng chúng ta đã có một hình dung như thế khi ta thấy con người của Ampère bơi trong dòng điện, và những hình dung như thế không phải là vô ích vì dù sao chúng cũng giúp ta hiểu được một vài sự quan sát. Tôi có thể chắc chắn rằng giả thuyết về hai căn phòng, người gác trước cửa phòng, ý thức đứng trong phòng khách cho chúng ta một hình dung rất sát thực. Tôi cũng muốn các bạn nhận thấy rằng những danh từ: vô thức, tiền ý thức, ý thức cũng có giá trị chẳng khác gì những danh từ vẫn thường dùng như: tiềm thức, cạnh ý thức (para – conscient) hay giữa ý thức (interconscient).

Tôi mong các bạn sẽ nói thêm rằng sự tổ chức của guồng máy tinh thần dùng để cắt nghĩa những triệu chứng bệnh thần kinh muốn có giá trị cần phải có tính tổng quát và giúp cho ta hiểu được những sự hoạt động bình thường. Không còn gì đúng hơn nữa, trong lúc này tôi chưa thể làm hài lòng các bạn được nhưng sự quan tâm của chúng ta về tâm lý cuả sự họp thành các triệu chứng bệnh thần kinh chỉ có thể tăng lên nhiều nếu, nhờ

sự khảo sát các điều kiện bệnh lý, chúng ta hy vọng tìm hiểu được về sự hoạt động của hệ thống tinh thần bình thường mà từ trước tới nay chúng ta chưa hề biết gì cả.

Bài thuyết trình của tôi về hai hệ thống vô thức và hữu thức, về liên quan giữa chúng và những liên quan gắn chặt chúng với ý thức không nhắc nhở các bạn nhớ lại gì sao? Các bạn suy nghĩ đi và sẽ thấy rằng anh chàng gác cửa đứng giữa vô thức và tiền ý thức chính là sự hiện thân của sự kiểm duyệt đã cho giấc mơ rõ ràng hình thức cuối cùng của nó. Những cái gì còn sót lại ban ngày, những sự kích động trong giấc mơ là những tài liệu tiền ý thức chịu ảnh hưởng của những ham muốn vô thức bị dồn ép, liên kết với chúng, nhận sự giúp đỡ của chúng, nhờ nghị lực của chúng để hợp thành giấc mơ tiềm tàng. Dưới quyền ngự trị của hệ thống vô thức, những vật liệu tiền ý thức được xây dựng bằng sự cô đọng và di chuyển rất ít khi thấy xuất hiện trong đời sống tinh thần bình thường, nghĩa là trong hệ thống tiền ý thức. Chúng ta biểu thị hai hệ thống này bằng phương tiện làm việc của chúng; tuỳ theo mối liên quan của nó với ý thức ra sao chúng ta có thể nói hiện tượng này hay hiện tượng nọ thuộc vào hệ thống này hay hệ thống khác. Theo quan niệm này thì giấc mơ không có gì chứng tỏ là có tính cách bệnh hoạn, giấc mơ có thể đến với bất cứ người nào bình thường trong những điều kiện biểu thị cho giấc ngủ. Giả thuyết về sự cấu tạo của guồng máy tinh thần, vừa cắt nghĩa được sự thành lập giấc mơ, vừa cắt nghĩa được sự thành lập các triệu chứng bệnh thần kinh có thể có giá trị đối với bất cứ đời sống tinh thần bình thường nào.

Vậy chúng ta phải hiểu sự dồn ép như thế nào? Sự dồn ép chỉ là một điều kiện đi trước sự thành lập một triệu chứng. Chúng ta đã thấy là triệu chứng thay thế cho một cái gì mà sự dồn ép không cho biểu lộ ra ngoài. Nhưng khi biết sự dồn ép là gì rồi chúng ta cũng chưa hiểu làm sao triệu chứng có thể thay thế được cái gì đó không biểu lộ ra ngoài. Về đầu kia của vấn đề, sự dồn ép cũng nêu ra những câu hỏi như sau: Những khuynh hướng chịu ảnh hưởng của sự dồn ép là những khuynh hướng nào? Những động lực nào đã bắt buộc phải có sự dồn ép? Sự dồn ép có mục đích gì? Để trả lời các câu hỏi đó hiện nay chúng ta chỉ có một yếu tố duy nhất. Khảo sát sự chống đối, chúng ta thấy sự chống đối chỉ là sản phẩm của những động lực và những tính chất đó đã quy định sự dồn ép hay ít nhất đã giúp cho nó xuất hiện. Còn những cái khác chúng ta chưa biết.

Nhưng ở đây chúng ta có thể dựa vào những thí nghiệm nói trên. Sự phân tích cho ta biết rõ những triệu chứng bệnh thần kinh có mục đích gì. Đối với các bạn điều đó chẳng có gì mới lạ. Tôi chẳng đã trình bày như thế trong hai trường hợp bệnh thần kinh rồi sao? Nhưng hai trường hợp đó có nghĩa gì? Các bạn có quyền đòi hỏi tôi chứng minh điều tôi khẳng định hàng trăm hay nhiều hơn nữa trường hợp khác. Tôi tiếc là không thể chiều ý được. Tôi phải yêu cầu các bạn dựa trên kinh nghiệm riêng của các bạn hay trông cậy vào sự tin tưởng của các bạn về những điều đã được tất cả các nhà phân tâm học khác khẳng định.

Chắc hẳn các bạn còn nhớ là trong hai trường hợp đó chúng ta đã dùng sự phân tích để đi sâu vào đời sống tình dục

của người bệnh. Trong trường hợp thứ nhất chúng ta thấy hết sức rõ ràng mục đích hay khuynh hướng của các triệu chứng được khảo sát; trong trường hợp thứ hai có thể rằng mục đích hay khuynh hướng này bị một cái gì che lấp mất, chúng ta sẽ nói sau đến cái này. Nhưng trong những trường hợp khác chúng ta đều nhận thấy những chi tiết giống như trong hai trường hợp trên. Trong mọi trường hợp chúng ta đều đi sâu vào các biến cố tình dục, đều thấy rõ những ham muốn tình dục của người bệnh và lần nào chúng ta cũng thấy những triệu chứng đều có một mục đích như nhau. Mục đích này không gì khác hơn là sự thoả mãn tình dục; những triệu chứng có mục đích thoả mãn tình dục của người bệnh, thay thế cho sự thoả mãn khi trong đời sống bình thường người bệnh không được thoả mãn.

Các bạn hãy nhớ lại trường hợp bị ám ảnh trong người bệnh thứ nhất. Người vợ phải xa chồng, người chồng mà mình yêu quí nhưng không thể cùng sống với mình được vì những sự yếu kém của ông ta. Nàng phải trung thành với chồng, không tìm cách thay thế chồng bằng người khác. Triệu chứng bệnh của nàng hiến cho nàng những gì nàng cầu mong, nâng cao người chồng lên, phủ nhận, sửa chữa sự yếu kém của chồng, nhất là sự bất lực. Triệu chứng này chỉ là sự thoả mãn một ham muốn như giấc mơ nhưng khác giấc mơ ở chỗ đây là sự thoả mãn một ham muốn về tình ái. Về người bệnh thứ hai những điều nàng làm trước khi đi ngủ có mục đích trăn trở không cho cha mẹ giao hợp để tránh khỏi có một đứa em. Bằng lễ nghi này, người con gái định thay thế người mẹ. Vậy trong trường hợp này cũng như trong trường hợp thứ nhất, người bệnh muốn huỷ bỏ những trở ngại cho việc thoả mãn tình dục và ham muốn

luyến ái. Chúng ta sẽ nói ngay đến những sự phức tạp nói trong phần trên.

Để biện minh cho những điều dè dặt cần có trong đề luận của tôi, tôi yêu cầu các bạn chú ý đến sự kiện là tất cả những điều tôi nói về sự dồn ép, sự thành lập và ý nghĩa các triệu chứng đều dựa trên sự phân tích ba hình thức của bệnh thần kinh: và chỉ áp dụng cho ba hình thức này thôi: náo loạn thần kinh vì lo âu sợ hãi, náo loạn thần kinh vì quy hồi, bị ám ảnh. Sự hoạt động của phân tâm học cũng chỉ giới hạn trong ba chứng bệnh này thôi, những chứng bệnh mà chúng ta gọi là chứng bệnh thần kinh khác, tuy phân tâm học cũng có khảo cứu nhưng không đi sâu lắm. Có một loại chứng bệnh không thể trị được bằng phân tâm học nên bị gạt ra một bên. Các bạn không nên quên rằng phân tâm học là một khoa học hãy còn quá trẻ, muốn nghiên cứu cần phải để nhiều thời gian và công của, rằng mới cách đây không lâu khoa học này chỉ có mỗi một nhân viên thôi. Tuy nhiên tại khắp mọi nơi người ta đã tìm hiểu những chứng bệnh thần kinh không phải là hoán chuyển. Tôi hy vọng sẽ trình bày cho các bạn biết những giả thuyết và kết quả của chúng ta khi đem áp dụng vào những chứng bệnh mới này sẽ phát triển như thế nào, những môn học mới này không phủ nhận những giả thuyết và kết quả này mà còn xây dựng nhiều điều cao hơn nữa. Vì những vật liệu này chỉ áp dụng cho ba chứng bệnh hoán chuyển thôi, tôi tự cho phép nâng cao giá trị của các triệu chứng bằng cách cho các bạn biết một chi tiết mới. So sánh nguyên nhân gây ra ba chứng bệnh này chúng ta tiến tới một kết quả có thể tóm tắt trong công thức sau đây: những người bệnh đau khổ vì một sự *thiếu sót*, vì thực tế đã

ngăn không cho họ thoả mãn được tình dục. Hai kết quả này hoà hợp với nhau hoàn toàn. Cách độc nhất để hiểu những triệu chứng này là coi chúng như một sự thoả mãn xuất hiện để thay thế điều mà đời sống tinh thần thường đã ngăn không cho thoả mãn.

Người ta có thể đưa ra nhiều luận điệu bài bác nữa đối với đề luận là những triệu chứng bệnh thần kinh chỉ là những triệu chứng dùng để thay thế. Tôi nói cho các bạn nghe về hai luận điệu này. Các bạn có thể bảo: có rất nhiều trường hợp mà đề luận của ông không biện minh được; trong những trường hợp này những triệu chứng có vẻ như có một mục đích trái hẳn: không phải là thoả mãn tình dục mà tìm cách gạt ra ngoài hay huỷ bỏ sự thoả mãn tình dục. Tôi không muốn phủ nhận rằng lý luận của bạn rất đúng. Trong phân tâm học nhiều khi sự việc phức tạp hơn mình tưởng. Nếu sự việc giản dị đi thì đâu có cần tới phân tâm học để diễn giảng cho rõ ràng hơn. Trong trường hợp người bệnh thứ hai của chúng ta có những cử chỉ tìm cách gạt bỏ sự thoả mãn tình dục ví dụ như việc cất hết các tiếng tích tắc đồng hồ để tránh cho người bệnh khỏi nghĩ đến sự cương lên của cơ quan sinh dục hay việc tránh cho bình hoa khỏi rơi xuống đất, khỏi vỡ hy vọng là với việc đó người bệnh sẽ gìn giữ được trinh tiết. Trong nhiều trường hợp khác, tính cách tiêu cực này rõ ràng hơn những hành vi cử chỉ đều có mục đích tránh những kỷ niệm và sự cám dỗ về tình dục. Nhưng hơn một lần phân tâm học đã chứng minh rằng có sự trái ngược không hẳn là đã có mâu thuẫn. Chúng ta có thể mở rộng đề luận: những triệu chứng có mục đích hoặc thoả mãn tình dục hoặc lẩn tránh nó. Tính cách tích cực rõ ràng trong sự náo loạn thần kinh, tính cách tiêu cực rõ ràng trong sự ám ảnh. Nếu những triệu chứng

có thể dùng để thoả mãn tình dục hay trái lại thì tính cách lưỡng diện này có thể được cắt nghĩa bằng sự hoạt động mà chúng ta chưa có dịp nói đến. Chúng là kết quả của sự dung hoà, của sự liên hợp của hai khuynh hướng trái ngược nhau, cũng mô tả những điều bị dồn ép cũng như những điều gây ra sự dồn ép và giúp cho sự lập thành cuả sự dồn ép. Sự thay thế có lợi hơn hay kém cho một trong hai khuynh hướng chứ ít khi chỉ có lợi cho một khuynh hướng thôi. Trong bệnh náo loạn thần kinh, hai mục đích thường phát biểu trong một triệu chứng; trong sự ám ảnh có hai mục đích khác nhau: triệu chứng có hai thì, phân ra hai động tác, mỗi động tác thực hiện cái nọ trước cái kia rồi triệt tiêu nhau.

Còn một điều nghi vấn khác khó giải hơn. Chúng ta có đi hơi quá xa không khi muốn giải thích mọi trường hợp bằng sự thoả mãn tình dục. Những triệu chứng này thực ra không thoả mãn một yếu tố có thực nào cả, mà chỉ hâm nóng lại một cảm giác hay biểu dương cho một hình ảnh ngông cuồng của một phức thể tình dục. Ngoài ra sự thoả mãn tình dục này thường có tính cách trẻ con không xứng đáng như sự thủ dâm hay những hành vi bẩn thỉu mà người ta thường cấm trẻ con không cho làm. Các bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy người ta coi là thoả mãn tình dục là những hành động đáng lẽ chỉ nên coi như những sự thoả mãn độc ác, kinh tởm có khi trái thiên tự nữa. Về những điểm này chúng ta chưa thể đồng ý với nhau được một khi chưa khảo sát sâu rộng đời sống tình dục của đàn ông và chất xác định xem như thế nào thì được coi như có tính chất tình dục.

20. ĐỜI SỐNG TÌNH DỤC CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Chắc các bạn đều tưởng tượng rằng mọi người đều đồng ý về ý nghĩa của hai chữ tình dục. Trước hết "tình dục" chẳng là một cái gì tục tĩu mà mọi người đều tránh không muốn nói đến ư? Có người kể cho tôi nghe chuyện một số học trò của một nhà tinh thần học nổi tiếng, muốn cho thầy tin rằng triệu chứng của bệnh náo loạn thần kinh có tính chất tình dục, đưa thầy đến trước một người bệnh náo loạn thần kinh đang quằn quại trong những dáng điệu giống như một người đàn bà đang sinh. Ông thầy tỏ vẻ khinh thường và nói: "Sự sinh con không có gì dính dáng đến tình dục cả". Tất nhiên việc sinh con không phải lúc nào cũng có tính chất tục tĩu.

Có bạn sẽ trách tôi vì đã đùa cợt trước một vấn đề nghiêm trọng như thế. Nhưng tôi không hề muốn nói đùa. Bởi lẽ nội dung của hai chữ "tình dục" không dễ định nghĩa tí nào. Trước hết người ta có thể cho rằng tất cả những cái gì có dính dáng đến sự khác biệt giữa giống đực và giống cái đều có tính chất tình dục, nhưng định nghĩa đó vừa mơ hồ vừa quá rộng. Xét đến cách giao cấu các bạn có thể cho rằng tất cả những cái gì dính dáng đến việc tìm khoái lạc bằng thân thể, nhất là bằng các cơ quan tình dục của người khác phái, nghĩa là dính dáng đến việc giao hợp đều có tính chất tình dục. Định nghĩa như thế các bạn sẽ gần quan điểm với những người nào cho tình dục là một thứ

gì tục tĩu khó coi, và nếu như thế thì sự sinh đẻ chẳng có gì là tình dục cả. Nhưng khi quan niệm rằng đặc tính của tình dục là sự sinh con, các bạn sẽ gạt bỏ ra ngoài định nghĩa đó rất nhiều hành động như sự thủ dâm hay hôn hít, tuy không có mục đích sinh đẻ mà vẫn có tính chất tình dục. Chúng ta biết rằng sự cố gắng định nghĩa đều đưa đến nhiều sự khó khăn, cho nên chúng ta đừng hy vọng rằng trong trường hợp này chúng ta sẽ tránh khỏi những khó khăn đó. Trong quá trình phát triển của khái niệm về "tình dục" chúng ta thấy có một cái gì mà Silberer gọi là một "sự sai lầm vì muốn giấu giếm". Dù sao chúng ta cũng không thiếu những chiều hướng có thể đưa chúng ta đến điều mà loài người thường gọi là "tình dục".

Một định nghĩa nào có thể nói đến sự khác biệt giữa phái nam và phái nữ, sự sung sướng thoả mãn trong vấn đề tình dục, nhiệm vụ sinh con, và luôn cả tính chất tục tĩu khó coi của tình dục, của những hoạt động đáng phải giấu giếm, có thể đủ dùng cho mọi nhu cầu thực tế của cuộc đời. Nhưng khoa học không thoả mãn với một định nghĩa như thế. Sau khi khảo sát kỹ càng, tỷ mỉ, chúng ta thấy là có một số loại người mà đời sống tình dục khác hẳn đời sống của đa số người khác. Nhiều người trong bọn người "sa đoạ" này không còn để ý gì đến sự khác biệt giữa cái và đực nữa. Họ chỉ thoả mãn được tình dục đối với người cùng phái với họ thôi; người khác phái đối với họ chẳng có nghĩa gì cả và nhiều khi còn làm họ ghê tởm nữa. Những con người " sa đoạ" này quả là không hề để ý đến việc sinh con. Những người này, chúng ta gọi là "người đồng tính luyến ái". Đàn ông hay đàn bà thuộc loại này có khi là những người có học thức, có giáo dục, có tinh thần luân lý và trí thức rất cao. Họ muốn dựa vào những đại diện khoa học của riêng họ, gán

cho mình tính cách của một giống thứ ba (ngoài giống đực và giống cái) cũng có quyền lợi như những giống kia. Chúng ta sẽ có dịp xét đến những yêu sách của họ. Họ không hề là "phái thượng lưu" trong nhân loại như ý muốn; trong hàng ngũ của họ cũng có những kẻ vô giá trị và vô ích như trong số người thường.

Những con người "sa đoạ này" cũng dùng những đối tượng tình dục của mình như người thường. Nhưng sau đó họ có nhiều hành động khác hẳn người thường. Họ có thể đem so sánh với nhưng con quỷ quái dị, thô bỉ trong bức hoạ của P.Breughel đang tìm cách cám dỗ thánh Antoine, hay những vị thần và tín đồ mà Gustave Flaubert cho diễu qua trước mặt con người ngoan đạo của ông ta. Họ cần được phân loại, nếu không chúng ta sẽ không biết đường nào mà lần. Họ được chia thành hai loại: loại người đồng tính luyến ái khác thường về đối tượng tình ái của họ, theo đuổi mục đích luyến ái khác hẳn người thường. Thuộc loại thứ nhất này bao gồm những người nào không giao hợp với người khác phái bằng cơ quan sinh dục như thường lệ mà thay thế cơ quan này bằng phần khác trong thân thể. Phần thân thể này có tiện lợi hay không trong việc thoả mãn tình dục, có bẩn thỉu hay không, họ bất cần, không cho là quan trọng (ví dụ như thay âm hộ bằng mồm hay hậu môn). Cũng thuộc vào loại này những người dùng cơ quan sinh dục không phải vào việc giao cấu mà vào việc khác, ví dụ như hậu môn hay chỗ bài tiết khác. Rồi đến những người không dùng đến cơ quan sinh dục và thay vào đó bằng đôi vú, đôi chân hay những bím tóc của người đàn bà. Có người lại không thèm dùng đến thân thể của người đàn bà nữa: đối với họ có khi một vật dụng nào trong phòng tắm cũng dùng được việc như một chiếc giầy hay khăn

tắm. Đó là bọn thuộc về linh vật giáo. Cuối cùng phải kể đến bọn người giao cấu như thường nhưng với những đòi hỏi kinh khủng, như giao cấu với một xác chết vì chỉ thoả mãn khi làm xong công việc kinh tởm ghê người đó. Nhưng thôi nói đến những sự kinh tởm đó đã quá nhiều.

Loại thứ hai gồm có những người thoả mãn tình dục theo lối mà những người thường chỉ coi như những sự sửa soạn, ví dụ như sờ mó khắp mọi nơi trên mình người khác phái, nhìn vào thực sâu những nơi thầm kín nhất, phô bầy cơ quan sinh dục của mình ra với hy vọng là người khác phái cũng sờ mó như mình. Rồi đến những người chỉ thoả mãn được bằng cách làm nhục hay làm đau khổ người khác phái bằng mọi hành động xấu xa. Cũng thuộc loại này những người chỉ thoả mãn khi bị hành hạ, đau đớn trong lúc hành lạc. Những người khác thuộc loại người làm đủ những hành động bất thường của cả hai loại trên. Muốn cho đầy đủ chúng ta cần phân chia hai loại trên thành những loại nhỏ khác: một loại tìm cách thoả mãn bằng những sự việc có thực, một loại khác chỉ thoả mãn bằng những sự việc không có thực, chỉ có trong trí tưởng tượng thôi.

Tất cả những sự kinh tởm nói trên đều là những hành vi dục tình thực sự của bọn người này, đó là điều không còn ai nghi ngờ nữa. Chính bọn người này cho đó là sở thích của họ. Nhiều khi họ cũng thấy những hành động đó chỉ là những hành động thay thế nhưng sự thực đối với họ những hành động kinh tởm, điên rồ này cũng giá trị về sự thoả mãn tình dục chẳng khác gì đối với người thường, nhiều khi đòi hỏi họ những sự hy sinh to lớn chẳng khác gì chúng ta và khi khảo sát những chi tiết trong đời sống tình dục của họ chúng ta sẽ thấy họ giống và

khác chúng ta ở chỗ nào. Tất nhiên những hành động đó có tính cách tục tĩu khó coi đến trở thành nhơ nhuốc.

Bây giờ đứng trước một hành vi dục tình quái gở như thế, chúng ta phải có thái độ như thế nào? Tuyên bố là chúng ta bất bình, ghê tởm, không tán thành những hành động đó, chẳng đi đến đâu cả, chẳng ích lợi gì. Đó là những hiện tượng mà chúng ta phải nghiên cứu như mọi hiện tượng khác. Chúng ta cũng không thể nói rằng những hiện tượng mà chúng ta phải nghiên cứu như mọi hiện tượng khác. Chúng ta cũng không thể nói rằng những hiện tượng đó chỉ có tính cách đặc biệt, hiếm có vì không đúng sự thực. Những hiện tượng đó xảy ra luôn luôn và rất nhiều. Nhưng nếu có người nào đó nói rằng những hành vi quái gở nói trên không nên làm cho chúng ta quan niệm sai lầm về những điều chúng ta đã bênh vực thì chúng ta phải trả lời ngay là: một khi chưa hiểu được những hành động bệnh hoạn về tình dục đó, một khi chưa biết giữa chúng và đời sống tình dục bình thường có những liên quan gì, chúng ta sẽ không hiểu được rõ ràng đời sống tình dục bình thường trước một công việc khẩn cấp, tìm hiểu những sự bất bình thường đó để xem chúng có liên quan gì đến đời sống tình dục bình thường.

Chúng ta có một điều nhận xét và hai cuộc thí nghiệm mới. Điều nhận xét thứ nhất của Ivan Bloch: những sự bất bình thường kinh tởm điên rồ này vẫn có từ xưa tới nay, trong mọi thời đại, trong mọi dân tộc, dù bán khai hay văn minh nhất, nhiều khi còn được xã hội tha thứ và công nhận nữa. Hai thí nghiệm mới được thi hành trong khi khảo sát các người mắc bệnh thần kinh của môn phân tâm học; hai thí nghiệm này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ về những sự bất bình thường này.

Chúng ta đã nói rằng những triệu chứng bệnh thần kinh chỉ là sự thỏa mãn có tính cách thay thế, nhưng việc dùng cách nghiên cứu những triệu chứng này để khẳng định đề luận này nhiều khó khăn. Đề luận này chỉ có thể chứng minh được khi nói đến sự thoả mãn dục tình, chúng ta phải kể cả những sự thoả mãn bằng những phương pháp bất thường nói trên, vì những triệu chứng đó xảy ra quá nhiều. Không có một người bệnh thần kinh nào lại không có khuynh hướng đồng tính luyến ái, rất nhiều triệu chứng bệnh thần kinh chỉ là cách phát biểu của khuynh hướng tiềm tàng này thôi: điều nhận xét này khiến cho bọn người đồng tính luyến ái không thể tự cho rằng mình là những con người đặc biệt. Kẻ nào vỗ ngực tự xưng là đồng tính luyến ái chỉ là người ý thức được bệnh của mình mà thôi, nhưng số người này không thấm vào đâu so với số người mà sự đồng tính luyến ái tiềm tàng trong tâm trí. Chúng ta bắt buộc phải coi sự đồng tính luyến ái như một cái nhọt trong đời sống tình ái, tầm quan trọng của nó càng ngày càng to khi ta tiến gần đến đời sống này. Tất nhiên sự khác biệt giữa đồng tính luyến ái và đời sống tình dục bình thường không phải vì thế mà mất đi; nếu giá trị lý thuyết của sự đồng tính luyến ái có giảm đi chăng nữa giá trị thực tế của nó vẫn tồn tại. Ngay bệnh paranoia (bệnh thần kinh có đặc tính tự cao tự đại, ích kỷ ghê gớm, luôn luôn tinh thần tỏ ra bất trắc hay nghi ngờ, cáu kỉnh) cũng chỉ là một mưu toan chống lại những sự đồng tính luyến ái quá mạnh. Chắc các bạn còn nhớ tới người bệnh, trong khi bị ám ảnh thường bắt chước chỉ của chồng sống xa mình: việc này xảy ra luôn luôn đối với những người bị bệnh thần kinh. Tuy đó không phải thực sự là đồng tính luyến ái nhưng nó cũng hội tụ đủ các điều kiện của sự đồng tính luyến ái.

Bệnh náo loạn thần kinh thường phát sinh các triệu chứng ở khắp các cơ quan trong thân thể và làm rối loạn sự hoạt động của các cơ quan này. Trong chứng bệnh này có đủ mọi khuynh hướng sa đọa tìm cách thay thế cơ quan sinh dục bằng những cơ quan khác, hoạt động tương tự như cơ quan sinh dục. Chính nhờ khảo sát triệu chứng của bệnh thần kinh này, chúng ta mới tìm ra được quan niệm rằng mọi cơ quan trong thân thể, ngoài nhiệm vụ thông thường ra còn giữ một vai trò giống như của cơ quan sinh dục, nhiều khi mạnh đến nỗi làm rối loạn các sự hoạt động bình thường của cơ quan đó. Có rất nhiều cảm giác, triệu chứng của bệnh náo loạn về thần kinh tập trung của các cơ quan không liên quan gì đến vấn đề sinh dục cả và điều này cho ta biết về tính chất của chúng: chúng là sự thoả mãn tình dục sa đọa bằng những cơ quan không phải là cơ quan tình dục nhưng hoạt động như những cơ quan này. Luôn luôn chúng ta thấy những cơ quan thu nhận đồ ăn và cơ quan bài tiết trở thành những cơ quan kích động tình dục. Nhận xét này cũng tương tự như nhận xét của chúng ta về sự sa đọa, chỉ có điều khác là trong sự sa đoạ những hành vi sa đoạ có thể nhận được thấy một cách dễ dàng, không sao lầm được trong khi trong sự náo loạn thần kinh, chúng ta phải bắt đầu bằng cách giải thích những triệu chứng, rồi cho những khuynh hướng tình dục sa đoạ này vào trong vô thức chứ không cho là chúng có trong ý thức của người bệnh.

Trong số các hình thức của bệnh thần kinh bị ám ảnh, hình thức quan trọng nhất là những hình thức bị áp lực của những khuynh hướng sa đoạ; những triệu chứng này chính là những phương pháp chống lại những sự ham muốn hay mô tả sự giằng co giữa ý chí thoả mãn và ý chí chống lại. Nhưng sự thoả mãn

thay vì dùng con đường ngắn nhất để đạt mục đích lại phát hiện trong cử chỉ của người bệnh bằng những con đường quanh co làm cho người bệnh phải chịu biết bao nhiêu điều đau khổ. Những hình thức khác thường phát hiện bằng những cử chỉ mà người bình thường chỉ làm với tính cách sửa soạn trong việc giao cấu: người bệnh muốn nhìn, sờ soạng, tìm tòi trong những nơi thầm kín nhất. Vì thế nên chúng ta có thể cắt nghĩa được tại sao người bệnh lại rất sợ khi có người sờ mó đến mình. Có rất nhiều cử chỉ của những người bị ám ảnh lặp đi lặp lại cử chỉ thủ dâm, và cử chỉ thủ dâm như các bạn đã biết, thường đi kèm với nhiều hình thức khác nhau của những hành vi tình dục đi sai chiều hướng.

Tôi có thể dễ dàng nói đến nhiều liên quan nữa giữa sự sa đọa và chứng bệnh thần kinh, nhưng những điều vừa nói đủ dùng cho công việc của chúng ta rồi. Nhưng chúng ta không nên gán cho những triệu chứng, sự có mặt và cường độ của khuynh hướng sa đoạ của loài người một tầm quan trọng quá mức. Chắc các bạn có nghe nói rằng có người mắc bệnh thần kinh chỉ vì không được thoả mãn về tình dục. Lúc đó nhu cầu về tình dục sẽ đi vào con đường bất thường. Về sau các bạn sẽ biết sự việc trong những trường hợp này xảy ra như thế nào, nhưng ngay từ bây giờ các bạn đã hiểu rằng những khuynh hướng sa đoạ sau khi bị dồn ép sẽ tái xuất hiện mạnh mẽ hơn là nếu chúng ta không gặp trở ngại trong việc thoả mãn tình dục một cách bình thường. Đối với những sự sa đọa rõ ràng người ta cũng nhận thấy một ảnh hưởng tương tự. Những sự sa đoạ này thường xuất hiện trong trường hợp sự thoả mãn tình dục gặp những sự trở ngại không vượt qua được vì một vài nguyên nhân xã hội nhất thời hay có tính cách lâu dài. Có những trường hợp

trong đó sự sa đoạ không liên quan gì đến những điều kiện kể trên và chỉ là hình thức bình thường của cá nhân trong việc thoả mãn tình dục.

Chắc các bạn có cảm tưởng rằng thay vì vạch rõ những liên quan giữa tình dục bình thường và tình dục sa đọa ra, chúng ta chỉ càng làm cho chúng tối tăm thêm lên thôi. Các bạn hãy chỉ nghĩ đến những điều sau đây: nếu quả đúng là trong những người không được thỏa mãn tình dục bình thường, chúng ta thấy xuất hiện những khuynh hướng sa đọa và những khuynh hướng này không thể xuất hiện được nếu không có việc ngăn trở trong việc thoả mãn tình dục thì chúng ta phải công nhận là dù sao trong những người nói trên cũng đã có sẵn mầm mống của những sự sa đoạ đó rồi, nghĩa là những sự sa đọa đã tiềm tàng sẵn trong người họ từ lâu. Công nhận thế xong, chúng ta nói đến những sự việc mới khác mà tôi đã báo trước trong những dòng trên. Phân tâm học phải chú trọng đến đời sống tình dục của trẻ con vì nhận thấy rằng những kỷ niệm và ý tưởng xuất hiện trong những người bị bệnh thần kinh bao giờ cũng đưa họ quay trở lại những năm đầu tiên của thời thơ ấu. Kết luận của chúng ta đều được chứng minh bằng những điều quan sát được trong trẻ con. Và chúng ta thấy rằng tất cả những khuynh hướng sa đọa này đều bắt nguồn trong thời thơ ấu, rằng trẻ con có trong mình chúng những mầm mống của các khuynh hướng sa đọa này. Nói tóm lại, tình dục sa đọa không là gì khác hơn là tình dục của trẻ con được phóng đại và phân chia thành những khuynh hướng đặc biệt khác.

Bây giờ hẳn các bạn nhìn những sự sa đoạ bằng con mắt khác và không thể không công nhận rằng những sự sa đoạ quả

có liên quan chặt chẽ với đời sống tình dục của con người. Nhưng các bạn chỉ đến được đó với biết bao nhiêu sự ngạc nhiên và thất vọng. Trước hết các bạn có ý muốn phủ nhận hết: nào sự kiện rằng trẻ con cũng có một đời sống tình dục, nào tính cách đứng đắn của các sự tìm tòi của chúng ta, nào quyền của tôi được thấy giữa những điều chúng ta lên án như một sự sa đoạ và thái độ của trẻ con có một cái gì giống nhau. Tôi muốn nói cho các bạn rõ vì lý do nào các bạn muốn phủ nhận hết rồi sau đó sẽ nói về toàn thể những điều nhận xét của tôi. Nói rằng trẻ con không có một đời sống tình dục – gồm đủ mọi thứ như kích động tình dục, nhu cầu thỏa mãn tình dục – và đời sống này chỉ đột nhiên xuất hiện vào năm chúng 12 hay 14 tuổi, tức là đưa ra một nhận xét không thể nào có thực về phương diện sinh lý, chẳng khác gì cho rằng trẻ con không hề có cơ quan tình dục và cơ quan này chỉ xuất hiện khi chúng đến tuổi dậy thì thôi. Điều xuất hiện vào tuổi dậy thì chỉ là cơ năng sinh sản dùng một guồng máy thân thể và tinh thần có sẵn trong đứa bé để đạt mục đích. Chính vì bạn lầm lẫn tình dục và sinh dục nên bạn mới không hiểu được những vấn đề tình dục, sa đoạ và chứng bệnh thần kinh. Điều lầm lẫn này rất tai hại. Điều ngạc nhiên là điều lầm lẫn này lại bắt nguồn ở sự kiện rằng các bạn cũng đã là trẻ con và chịu ảnh hưởng của giáo dục ngăn cấm bạn có những ý tưởng đó. Về phương diện giáo dục, xã hội thường tự gán cho mình nhiệm vụ chính là ngăn cản, kìm hãm bản năng tình dục khi nó xuất hiện như một nhu cầu sinh sản, giới hạn sự hoạt động của nó, ép nó phải theo ý chí của một cá nhân và sự đè nén của xã hội. Xã hội cũng quan tâm đến việc ngăn chặn sự phát triển của bản năng tình dục cho tới khi đứa bé đạt tới một trình độ chín mùi nào đó trong xã hội vì

khi đến tuổi đó rồi, giáo dục không còn ảnh hưởng gì đến đứa bé nữa. Nếu xuất hiện quá sớm, tình dục sẽ gạt bỏ những hàng rào ngăn cản và cuốn đi hết những kết quả mà giáo dục đã phải khó nhọc lắm mới đạt được. Nhiệm vụ ngăn chặn bản năng tình dục không phải là một công việc dễ dàng: có khi chúng được thực hiện quá sớm hoặc quá ít. Nền tảng của xã hội loài người có tính cách kinh tế: vì không đủ phương tiện để cho mọi người trong xã hội không làm mà cũng sống được, xã hội bắt buộc phải hạn chế số người sống trong xã hội và làm cho họ quên những đòi hỏi về tình dục, dùng nghị lực về tình dục cho sự làm việc. Chúng ta đứng trước nhu cầu cần thiết để sống của mọi thời, phát sinh ra từ khi có loài người và tồn tại mãi cho tới bây giờ.

Có lẽ kinh nghiệm đã chứng tỏ cho các nhà giáo dục thấy rằng công việc kìm hãm tình dục của thế hệ mới chỉ làm được khi người ta không chờ đợi tuổi dậy thì bắt đầu ngay từ những năm đầu tiên của thời thơ ấu, bắt trẻ con phải chịu kìm hãm nhu cầu tình dục để sửa soạn cho tuổi dậy thì. Để đạt mục đích đó người ta ngăn cấm không cho trẻ con hoạt động tình dục, đổi hướng những hoạt động này với hy vọng làm cho đời sống của chúng ta trở thành vô dục, để rồi dần dần người ta tin tưởng rằng đời sống trẻ con không có tình dục thực. Lòng tin tưởng này đã được khoa học xác nhận. Để cho những điều mình dạy khỏi mâu thuẫn với điều mình muốn, người ta đã không để ý gì đến hoạt động tình dục của trẻ con – và điều này không dễ gì thực hiện nổi – hoặc người ta làm cho khoa học có một quan điểm khác về vấn đề. Đứa bé được coi như trong sạch, ngây thơ và kẻ nào nói trái lại sẽ bị coi là kẻ phạm thượng, phạm đến những tình cảm thiêng liêng và âu yếm nhất của nhân loại.

Chỉ có trẻ con mới không bị lừa bởi những quy ước đó; chúng luôn luôn đòi hỏi quyền lợi của chúng và chứng tỏ rằng, đối với chúng, con đường trong sạch là con đường dài chưa đi đến. Có điều lạ là ngay cả những người không chịu công nhận là trẻ con cũng có dục tình lại là những người để ý nhất đến việc giáo dục chúng về tình dục và lên án gắt gao những sự phát hiện của dục tình nơi chúng. Ngoài ra, về phương diện lý thuyết thực thú vị khi nghĩ rằng năm năm đầu tiên trong thời thơ ấu, vào tuổi mà trẻ con ít có thành kiến hơn về tình dục lại là những năm bị mây mờ của sự mất trí nhớ che phủ nhiều nhất, đám mây mờ này chỉ có phân tâm học mới quét đi được. Tuy vậy tuổi này là tuổi có thể có một vài hình thức giấc mơ.

Và bây giờ, tôi muốn trình bày cho các bạn nghe một cách rõ ràng hơn về những điều khảo cứu về đời sống tình dục của trẻ con. Để đạt mục đích đó xin phép các bạn cho tôi nói đến khái niệm về sự khát dục (libido). Sự khát dục giống như sự đói ăn nói chung. Người ta đói tức là bản năng tiêu thụ đồ ăn cần được thoả mãn, cũng như người ta khát dục khi bản năng nhục dục cần được thoả mãn. Chúng ta không cần cắt nghĩa những khái niệm khác như sự kích động và sự thoả mãn tình dục. Các bạn sẽ phản đối tôi bằng cách nói rằng, những hoạt động tình dục của trẻ con mở cho chúng ta một môi trường giải thích rất rộng hầu như bất tận. Chúng ta tiến tới được những sự giải thích này bằng cách phân tích thụt lùi. Những phát hiện đầu tiên của tình dục trong đứa bé sơ sinh cũng gắn liền vào nhiều công việc khác của đời sống. Quan tâm chính của đứa bé là tiêu thụ đồ ăn. Mỗi khi ăn xong đứa bé lăn ra ngủ trong lòng mẹ, mặt lộ vẻ sung sướng thoả mãn mà về sau này người ta thấy giống y như vẻ sung sướng thoả mãn của người lớn sau khi thoả mãn tình

dục. Nhưng nói thế chưa đủ để đi đến một kết luận được. Nhưng ngay cả khi đứa bé no rồi chúng ta vẫn thấy nó muốn ăn nữa không phải vì cần ăn mà chỉ vì muốn tìm khoái lạc trong công việc này thôi. Lúc đó đứa bé chỉ mút chứ không ăn. Mút xong lại lăn ra ngủ với vẻ sung sướng thoả mãn trên nét mặt đủ cho ta thấy là việc mút vú cũng đưa đến cho nó cảm giác khoái lạc như khi bú. Rồi đến lúc đứa bé không thể ngủ được nếu nó không mút vú. Chính một bác sĩ chuyên môn về nhi khoa ở Budapest, bác sĩ Lindner là người đầu tiên đã nói đến tính chất tình dục về hành vi này của đứa bé. Những người chuyên săn sóc trẻ con có vẻ như cũng công nhận điều này là đúng. Họ biết rõ việc mút vú chẳng có mục đích gì hơn là gây khoái cảm cho đứa bé, họ thấy đó là một thói quen xấu nên tìm đủ mọi cách cho đứa bé bỏ thói quen đó bằng cách gán cho thói quen đó những cảm giác xấu xa, khó chịu. Do đó chúng ta được biết đứa bé có nhiều hành vi chẳng có mục đích gì khác hơn là gây khoái cảm cho nó. Chúng ta tin rằng nó bắt đầu có khoái cảm đó khi tiêu thụ đồ ăn nhưng chẳng bao lâu nó sẽ không cần tiêu thụ đồ ăn mà cũng có được khoái cảm. Khoái cảm đó phát sinh ra trong mồm, chúng ta gọi nơi nào trong mồm gây khoái cảm đó là miền "dục tình", coi sự khoái cảm mút vú của đứa bé là một khoái cảm dục tình. Sau này chúng ta sẽ có dịp thảo luận về tính cách hợp lý của những danh từ đó.

Nếu đứa bé nói được, nó sẽ nói rằng việc mút vú là công việc quan trọng nhất trong đời nó. Nói thế không phải là không có lý vì khi mút vú nó thoả mãn hai nhu cầu to lớn của đời nó. Chúng ta không thể không ngạc nhiên khi được phân tâm học cho biết hành vi đó có một tầm quan trọng đặc biệt và hành vi này cứ tồn tại mãi mãi trong đời người. Hành vi mút vú mẹ là

khởi điểm cho mọi đời sống tình dục, lý tưởng tình dục mà sau này không bao giờ ta đạt được trong việc thoả mãn tình dục, lý tưởng mà trí tưởng tượng của chúng ta thường gợi lại mỗi khi trong đời có lúc nào bị nhiều thiếu thốn và bị nhu cầu cấp bách thúc đẩy. Vì thế mà đôi vú của người mẹ trở nên đối tượng đầu tiên của bản năng tình dục; và tôi không thể nào hiến cho bạn một ý niệm thực đúng về tầm quan trọng của đối tượng thứ nhất này đối với những đối tượng sau đó, về ảnh hưởng sâu xa của nó trong mọi sự biến thể và thay thế ngay cả trong những miền đất xa xôi nhất trong đời sống tinh thần. Nhưng chỉ ít lâu sau đứa bé sẽ thôi không mút vú nữa mà thay bằng một phần khác trong thân thể nó như mút ngón tay hay lưỡi. Nó tự tìm thấy khoái cảm mà không cần gì đến bên ngoài, rồi nó sẽ để ý đến một miền khác trong người nó trong việc gây khoái cảm này. Không phải bất cứ miền dục tình nào trong thân thể đều có hiệu quả như nhau trong việc gây khoái cảm: vì thế cho nên đứa bé coi là một biến cố quan trọng trong đời nó khi tìm ra rằng cơ quan sinh dục của nó gây nhiều khoái cảm nhất cho nó, để rồi tìm ra con đường đưa nó đến sự thủ dâm.

Nêu ra tầm quan trọng của hành vi mút vú này chúng ta đã nêu ra hai tính chất cần thiết của tình dục trẻ con: tình dục này bắt nguồn ở nhu cầu to lớn trong cơ thể, có tính cách tự thoả mãn, nghĩa là tìm thấy đối tượng ngay trên thân thể mình. Điều đó rõ ràng trong việc tiêu thụ đồ ăn cũng rõ ràng chẳng kém việc bài tiết. Việc đại tiện và tiểu tiện cũng gây cho đứa bé sơ sinh những khoái cảm và nó sẽ tổ chức công việc này để gây cho nó thực nhiều khoái cảm bằng cách kích động những nơi có thể kích động được. Lúc đó thế giới bên ngoài đối với nó, theo nhận xét tế nhị của Luou Andréas, sẽ là một chướng ngại vật,

một sức mạnh thù nghịch chống lại sự hưởng thụ khoái cảm và nó dự định phải chống lại cả bên trong lẫn bên ngoài. Người ta cấm nó không được đại tiện bất cứ lúc nào nó muốn, người ta bắt buộc nó phải theo những sự chỉ dẫn của người khác. Người ta bảo là những cái gì dính dáng đến việc đại tiện và tiểu tiện đều xấu xa cần giấu giếm. Nó bị bắt buộc phải từ bỏ sự hưởng thụ khoái cảm chỉ vì xã hội giữ gìn tư cách. Lúc đầu nó không hề thấy phân bẩn thỉu, khó ngửi, nó cho phân là một phần trong cơ thể nó; nó miễn cưỡng gạt phân đi và dùng phân như một món quà biếu những người nó thích. Sau khi giáo dục đã uốn nắn được nó rồi, đứa bé bắt đầu di chuyển giá trị mà nó gán cho phân đến các quà biếu và tiền bạc. Nó tỏ vẻ rất hãnh diện về việc tiểu tiện.

Tôi cảm thấy là các bạn đang tự kìm hãm để khỏi hét lên: "Thôi đi ông ơi, ông đừng nói đến những điều kinh tởm đó nữa. Ông cho là phân trẻ con chính là một nguồn thoả mãn dục tình mà ngay đứa bé sơ sinh cũng đã biết lợi dụng! Nói rằng phân là một thứ gì quý báu, rằng hậu môn là một cơ quan tình dục ư! Chúng tôi không bao giờ tin như thế cả. Chúng tôi hiểu tại sao những nhà chuyên môn về nhi khoa và tinh thần học lại nhất định không công nhận phân tâm học và các kết quả do phân tâm học đạt được". Các bạn hãy bình tĩnh lại đi. Các bạn có vẻ như quên rằng nếu tôi nói đến tình dục của trẻ con là vì nó gắn liền vào sự sa đọa trong tình dục. Các bạn chắc đã thấy nhiều người lớn thích dùng hậu môn thay thế âm hộ trong việc giao cấu. Các bạn có thấy rằng có nhiều người suốt đời lúc nào cũng coi sự đại tiện như một nguồn khoái cảm vô tận hay sao? Về sự quan tâm và khoái cảm của người ta khi nhìn người khác đại tiện, các bạn chỉ cần hỏi trẻ con khi nó biết nói rồi là đủ

hiểu. Tất nhiên bạn không nên làm cho chúng sợ hãi khi hỏi chúng, vì làm như thế công việc của bạn sẽ không có kết quả gì. Về những điều khác mà các bạn không muốn tin, các bạn cứ việc xét những kết quả đạt được trong việc phân tích và quan sát trực tiếp trẻ con. Nếu các bạn không thấy những điều tôi nói tức là các bạn không có thiện chí. Các bạn có thể ngạc nhiên khi thấy tôi đồng hoá hoạt động tình dục của trẻ con với những sự sa đọa về tình dục. Điều đó cũng chẳng quan hệ gì, tuy liên quan giữa hai sự kiện nói trên hết sức tự nhiên vì nếu trẻ con có một đời sống tình dục thì đời sống này tất nhiên phải có tính cách sa đọa, vì tình dục này quả không liên quan gì đến việc sinh con cả. Điểm đặc biệt cho mọi sự sa đọa về dục tình là chúng không hề biết gì đến mục đích chính của tình dục và sự sinh sản. Chúng ta gọi là sa đọa bất cứ một hành vi tình dục nào không có mục đích sinh sản mà chỉ có mục đích tìm khoái lạc không liên quan gì đến sinh sản. Chỗ rẽ của sự phát triển tình dục phải tìm trong mục đích chính của tình dục là sự sinh sản. Tất cả những cái gì xảy ra trước khi đến chỗ rẽ đó, tất cả những cái gì không đi vào chỗ rẽ đó, tất cả những cái gì chỉ có mục đích gây khoái lạc thôi đều phải được gọi bằng danh từ sa đọa và bị mọi người khinh bỉ.

Các bạn hãy để tôi tiếp tục trình bày nhanh chóng về tình dục trẻ con. Những điều tôi nói về hai hệ thống cơ quan đều có thể được bổ túc bằng những cơ quan khác. Đời sống tình dục của trẻ con gồm nhiều khuynh hướng lẻ tẻ hoạt động riêng biệt không liên quan gì đến nhau, dùng chính ngay thân thể của đứa bé hay những vật bên ngoài làm nguồn khoái cảm. Trong những cơ quan mà trẻ con dùng để thoả mãn tình dục, chẳng mấy chốc cơ quan tình dục chiếm chỗ quan trọng nhất; có

nhiều người từ sự thủ dâm vô ý thức trong những năm đầu tiên cứ tiếp tục thủ dâm cho đến tuổi dậy thì hay sau tuổi dậy thì nữa, không hề biết đến gì ngoài cơ quan tình dục của chính mình trong việc thoả mãn dục tình. Sự thủ dâm không phải là một đề tài dễ khảo sát, cần nhiều công trình nghiên cứu.

Dù ý của tôi là càng rút ngắn bài thuyết trình của tôi bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, tôi cũng không thể không nói cho các bạn nghe về sự tò mò có tính cách dục tình của trẻ con. Tính tò mò này là đặc tính của tình dục trẻ con, có một tầm quan trọng to lớn trong việc tìm các triệu chứng thần kinh. Tính tò mò này bắt đầu rất sớm, có khi ngay từ năm mới lên ba. Nó không bắt đầu ở sự khác biệt giữa giống đực và giống cái vì đối với trẻ con, nhất là con trai thì trai và gái chẳng có gì khác nhau cả, chúng tin rằng con trai và con gái đều có cơ quan tình dục giống nhau. Khi một đứa con trai tìm ra ở người em gái hay người bạn gái cái âm hộ, nó không thể không cho rằng mình đã nhìn lầm vì không thể tưởng tượng được rằng một người lại có thể thiếu một cơ quan quan trọng như thế. Sau này biết rõ, nó sợ hãi ghê lắm, nhất là khi nhớ lại người lớn hay dọa thiến nó mỗi khi nó làm điều lầm lỗi. Mặc cảm bị thiến này có ảnh hưởng sâu rộng đối với nó, đối với tính tình nó khi nó khoẻ mạnh, đối với tinh thần nó khi nó bị ốm, đối với sự phản kháng của nó khi nó được điều trị bằng phân tâm học. Các em bé gái thường cho việc mình không có cái dương vật dài dài là dấu hiệu rõ ràng trong chứng bệnh thần kinh bắt nguồn ở chỗ người con gái không làm hết được bổn phận của người đàn bà. Đối với đứa bé gái, âm hạch giữ vai trò của dương vật, vì âm hạch là trung tâm của một sự kích động đặc biệt, cơ quan giúp cho nó tự thoả mãn về tình dục. Khi sự kích động này di chuyển từ âm

hạch đến chỗ cửa âm hộ chính là lúc đứa bé trở thành người đàn bà. Trong trường hợp dục tình của đàn bà bị tê liệt, âm hạch vẫn giữ nguyên tính cách nhậy cảm.

Về phương diện tình dục, đứa bé quan tâm nhất đến việc tìm hiểu xem trẻ con ở đâu, vấn đề này là vấn đề do con quỷ thành Thèbes đặt ra, và sau này sở dĩ đứa bé quan tâm đến là vì nó sợ có em bé ra đời chiếm chỗ của nó. Chính đứa bé cũng không tin tưởng gì lắm vào cách giải thích nói rằng chính những con cò đã mang em bé đến. Chính cái cảm tưởng bị người lớn lừa dối đã làm cho đứa bé trở thành cô độc và độc lập đối với người lớn. Nhưng trẻ con không thể tự mình giải quyết được những vấn đề đó. Việc cơ quan tình dục chưa phát triển đúng mức ngăn trở không cho nó biết nhiều. Trước hết nó cho rằng sở dĩ có trẻ con là vì người lớn đã ăn một chất gì đặc biệt, và nó không biết rằng chỉ có đàn bà mới sinh con thôi. Sau này khi biết được điều này, nó cho việc ăn một chất gì để có con như một chuyện thần thoại. Lớn lên nó biết người cha giữ vai trò quan trọng trong việc sinh con nhưng không biết vai trò đó như thế nào. Nếu tình cờ được chứng kiến một sự giao hợp, nó cho đó là một sự hành hung, một trận giáp lá cà độc ác: nó đã quan niệm sai lầm việc giao hợp. Tuy nhiên nó cũng chưa biết rõ việc giao hợp có liên quan gì đến việc trẻ con ra đời. Ngay cả khi nhìn thấy vết máu trên quần áo hay trên người mẹ, nó cũng cho đó là hậu quả của sự hành hung của cha nó đối với mẹ nó. Sau này nó bắt đầu nghi ngờ là có lẽ dương vật có giữ một vai trò gì trong việc sinh con, nhưng cũng chưa biết công dụng của dương vật ngoài việc dùng để đi tiểu.

Trẻ con hầu hết đều cho rằng em bé ra đời bằng hậu môn. Khi không còn để ý đến hậu môn nữa, nó tin rằng đứa bé ra đời bằng lỗ rốn, hay ở giữa đôi vú trên ngực người mẹ. Cứ như thế dần dần càng ngày nó càng biết thêm về điểm này, dò dẫm mãi cho đến một ngày nào đó trước tuổi dậy thì, đột nhiên bàng hoàng, như bị đánh bất thần trước những câu giải đáp cho vấn đề thường làm nó bận tâm, những lời giải đáp tuy không đầy đủ nhưng cũng đủ đưa nó ra khỏi sự ngây thơ buổi đầu.

Chắc thế nào các bạn cũng nghe nói rằng, vì muốn giữ nguyên những đề luận của mình về nguyên nhân tình dục của những chứng bệnh thần kinh và tầm quan trọng của tình dục trong các triệu chứng bệnh này, phân tâm học bị bó buộc phải gán cho khái niệm tình dục một phạm vi quá đáng. Bây giờ hẳn các bạn đã có dịp xét xem điều đó có quả thực đáng hay không. Tôi chỉ mở rộng khái niệm về tình dục đủ để đưa được vào đó đời sống tình dục của những kẻ sa đoạ và trẻ con. Nói khác đi tôi chỉ trả lại cho khái niệm đó tầm quan trọng nó vẫn có xưa nay. Ngoài ý nghĩa phân tâm học ra, tình dục chỉ là một khái niệm hết sức chật hẹp, chỉ dùng vào mỗi một mục đích sinh sản, nghĩa là điều người ta thường gọi là đời sống tình dục bình thường.

21. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA SỰ KHÁT DỤC (LIBIDO) VÀ NHỮNG TỔ CHỨC TÌNH DỤC

Tôi có cảm tưởng là chưa thuyết phục được các bạn về tầm quan trọng của sự sa đọa trong quan niệm tình dục của chúng ta. Vì thế nên tôi muốn bổ túc và hoàn bị vấn đề này trong giới hạn có thể được.

Các bạn không nên cho rằng chỉ vì những sự sa đoạ mà chúng ta phải thay đổi quan niệm của chúng ta về khái niệm tình dục và bị phản đối ghê gớm như thế. Sự khảo sát về tình dục của trẻ con cũng giúp vào đó rất nhiều và những kết quả đạt được trong việc khảo cứu song song về vấn đề sa đoạ và vấn đề tình dục trẻ con đối với chúng ta có tính cách quyết định. Nhưng những sự phát biểu về tình dục trẻ con, dù đã được chứng minh rõ ràng đối với những đứa bé khá nhiều tuổi, có vẻ hãy còn mơ hồ bất định lắm. Những người không để ý đến phân tâm học không công nhận là những sự phát hiện đó có tính chất tình dục và chỉ gán cho chúng tính chất có liên quan đến giống đực hay giống cái thôi. Các bạn không nên quên rằng chúng ta chưa hề có một dấu hiệu nào được mọi người công nhận để nhận dạng tính chất một hoạt động tình dục; chúng ta chỉ nghe nói đến tình dục về phương diện sinh sản thôi và thấy là danh từ này có một định nghĩa quá hẹp. Những tiêu chuẩn về

sinh lý, như những chu kỳ 23 hay 28 ngày của W. Fliess không được mọi người đồng ý; người ta đang chờ để khám phá ra những đặc điểm hoá học của hoạt động tình dục. Trái lại, những sự đọa về tình dục của người lớn là những điều ai cũng thấy được, không còn nghi ngờ gì nữa. Những sự sa đoạ này thuộc phạm vi tình dục là một điều không còn ai phủ nhận nữa. Dù được gọi bằng danh từ dấu hiệu của sự suy nhược hay bằng tên gì nữa, người ta cũng không dám xếp chúng vào loại nào khác hơn là những hiện tượng trong đời sống tình dục. Ngay cả khi chỉ có những sự sa đoạ thôi, chúng ta cũng vẫn có quyền cho rằng tình dục và sinh sản là hai điều không giống nhau vì ai cũng biết rằng sa đoạ tức là phủ nhận mục đích của sự sinh sản.

Ở đây tôi thấy có một sự song hành đáng chú ý. Trong khi mọi người thường lẫn lộn tinh thần và ý thức, chúng ta đã phải mở rộng khái niệm tinh thần ra và cho rằng có một tinh thần vô thức. Nhiều người thường đồng hoá tình dục và những cái gì dính dáng đến sự sinh sản, hay nói vắn tắt hơn cơ quan sinh dục hay đến sự sinh sản. Sự đồng hoá nói trên chỉ có hình thức và không có cội rễ sâu xa.

Nhưng nếu sự có mặt của các sự sa đoạ tình dục đưa ra một lý lẽ có tính cách quyết định về vấn đề này, tại sao lý lẽ này không được mọi người công nhận và tại sao vấn đề lại chưa được giải quyết? Tôi không thể nói cho các bạn nghe được, nhưng theo tôi thì có lẽ vì những sự sa đoạ tình dục không được nhìn bằng con mắt có thiện cảm và điều này có ảnh hưởng đến lý thuyết ngăn cản không cho khoa học khảo sát sâu rộng. Có lẽ loài người coi những sự sa đọa này không những như những cái gì đáng ghê tởm, phải lánh xa, mà còn có tính chất nguy hiểm,

kinh khủng, sợ cho chính mình cũng bị cám dỗ, bị bắt buộc phải kìm hãm mình ngay từ khi mới nghe nói đến, y như lòng ghen tuông bí ẩn trong vở Tannhauser trong đó thần Công lý đã thú nhận là:

"Ở Venusberg, nó đã quên hết danh dự và bổn phận! Chao ôi! không phải sự đó có thể đến với chúng ta được đâu".

Sự thực những sự sa đọa là những con người khổ sở phải trả giá rất đắt sự thoả mãn mà họ phải mất bao nhiêu công trình mới có được.

Mặc dù mục đích và đối tượng của những sự sa đoạ có vẻ hết sức lạ kỳ, điều làm cho những sự sa đoạ này có tính chất tình dục chính là sự thoả thích tuyệt đỉnh và sự xuất tinh trong những hành động này. Đó tất nhiên chỉ là trường hợp của những kẻ sa đọa đứng tuổi: đối với trẻ con sự thoả thích và sự xuất tinh không phải lúc nào cũng xảy ra; chúng được thay thế bằng những hiện tượng mà người ta không thể gọi được là có tính chất tình dục.

Để bổ túc những điều tôi vừa nói về tầm quan trọng của những sự sa đoạ, tôi cần thêm điều này. Dù người ta thù ghét quan điểm này, dù người ta muốn ngăn cách những sự sa đọa và tình dục bình thường bằng cái hố sâu chừng nào chăng nữa, người ta vẫn phải cúi đầu trước nhận xét cho thấy trong đời sống tình dục bình thường vẫn có một vài điều sa đọa. Ngay cả cái hôn cũng bị coi như sa đọa vì đã hoà hợp hai miền tình dục nơi mồm thay vì sự hòa hợp của hai cơ quan sinh dục khác nhau. Vậy mà không ai cho là sa đọa hết, người ta còn dùng nó trên sân khấu để che lấp hành vi giao cấu. Chính cái hôn, khi lên đến tột độ cũng có thể gây nên một sự thoả thích tuyệt đỉnh

và làm cho xuất tinh, và do đó dễ biến thành sa đọa. Có khi người ta phải nhìn thực chăm chú hay sờ soạng vào thân thể mới thoả mãn được, có người trước khi bị kích thích đến tột độ lại cắn cấu người tình mới thoả mãn được, và đối với người tình nói chung, sự kích thích mạnh nhất không phải do cơ quan sinh dục gây nên mà do phần khác trong thân thể người khác phái. Chúng tôi có thể kể thực nhiều thí dụ về điểm này. Chúng ta không thể không coi là sự sa đọa những hành vi như thế. Càng ngày người ta càng nhận rõ rằng đặc tính cần thiết của những sự sa đọa không phải là chúng vượt qua mục đích tình dục, hoặc thay thế cơ quan tình dục bằng những cơ quan khác, hoặc thay đổi đối tượng luôn luôn, mà chính vì tính cách biến dạng tuyệt đối và bất biến, một đặc tính không thể đi đôi với sự giao cấu, điều kiện của sự sinh sản. Trong trường hợp hành vi sa đọa chỉ có mục đích sửa soạn hay giáo đầu cho hành vi giao cấu thì chúng ta không thể gọi đó là hành vi sa đọa được và tất nhiên cái hố chia rẽ những hành vi sa đọa và sự giao cấu bình thường được lấp đi một phần lớn. Từ những sự kiện này chúng ta có thể đưa ra kết luận rằng tình dục bình thường chỉ là sản phẩm của một cái gì đã có trước nó và nó chỉ giành được trong những vật liệu có sẵn từ trước để giữ lại những cái gì còn dùng được trong việc sinh sản.

Trước khi lợi dụng các điều hiểu biết của chúng ta về những sự sa đọa để khảo cứu một cách mới mẻ và sâu rộng hơn về tình dục trẻ con, tôi phải yêu cầu các bạn chú ý đến một sự khác biệt rất quan trọng giữa sự sa đọa và tình dục trẻ con. Tình dục sa đọa thường được tập trung hoàn toàn vào một mục đích duy nhất, một trong các khuynh hướng lẻ tẻ trội hơn các khuynh hướng khác nên đứng lên cầm đầu hoặc gạt bỏ hết mọi

khuynh hướng khác để phát hiện một mình, hay bắt các khuynh hướng kia phải lệ thuộc vào mình. Về phương diện này, giữa tình dục bình thường và tình dục sa đọa chẳng có điểm khác biệt nào khác hơn điểm khác biệt giữa những khuynh hướng lẻ tẻ trội hơn các khuynh hướng khác và tất nhiên giữa mục đích tình dục của chúng. Người ta có thể cho rằng ở cả hai nơi đều có một sự độc tài chuyên chế được tổ chức hoàn hảo chỉ khác nhau ở đảng được lên cầm quyền thôi. Trái lại trong tình dục trẻ con không hề có tổ chức hay tập trung gì cả, mọi khuynh hướng lẻ tẻ đều có quyền như nhau và đều được tìm cách hưởng thụ riêng cho phần mình. Sự vắng mặt của mọi sự tổ chức và tập trung có thể phù hợp với nhau ở chỗ cả hai lối tình dục bình thường và sa đọa đều bắt nguồn ở tình dục trẻ con. Có những trường hợp tình dục sa đọa rất giống tình dục trẻ con ở chỗ tại cả hai nơi những khuynh hướng lẻ tẻ đều theo đuổi những mục đích riêng không liên quan gì đến những khuynh hướng khác. Đó có thể là trường hợp tình dục ấu trĩ chứ không phải sa đọa.

Biết rõ những điều đó chúng ta bắt đầu thảo luận về một đề luận mà người ta đưa ra. Người ta sẽ nói tại sao ông cứ cứng đầu, cứng cổ nhất định gọi một vài hành vi của đứa bé sơ sinh là tình dục trong khi chính ông cũng công nhận rằng những hành vi đó không thể định nghĩa được và chỉ trở thành tình dục trong giai đoạn sau của cuộc đời thôi? Tại sao ông không chịu chỉ dựa vào sự kiện sinh lý thôi để cho rằng những hành vi của đứa bé sơ sinh như mút vú hay giữ phân lại chỉ chứng minh rằng đứa bé chỉ tìm những khoái cảm mà một vài cơ quan trong thân thể có thể đưa lại cho nó thôi. Nói như thế ông sẽ không gây khó chịu cho thính giả và độc giả của ông khi cho rằng ngay cả những đứa bé ra đời khỏi bụng mẹ cũng đã có tình dục

rồi. Tôi không tìm cách bài bác lý luận cho rằng người ta có thể tìm thấy khoái cảm trong cơ thể, tôi biết rằng khoái cảm có cường độ mạnh nhất, khoái cảm do sự giao hợp chỉ là một khoái cảm kèm theo sự hoạt động của các cơ quan tình dục. Nhưng tại sao và như thế nào một sự khoái cảm lúc đầu chỉ tập trung vào một vài cơ quan lại trở thành tình dục trong những giai đoạn sau của cuộc đời? Chúng ta có biết gì hơn về sự khoái cảm của từng cơ quan hay so với tính chất tình dục xuất hiện đúng lúc các cơ quan sinh dục bắt đầu đảm nhiệm vai trò của mình khi tình dục trùng hợp với cơ quan sinh dục. Và dù sao thì mục đích của các sự sa đọa cũng là tìm kiếm sự khoái cảm tuyệt đỉnh bằng phương tiện khác việc giao hợp. Nói như thế bạn sẽ trả lời được lời bài bác của tôi về sự sa đọa vì gạt bỏ được liên quan giữa tình dục và sự sinh sản trong khi liên quan này không thể đi đôi được với sự đọa. Các bạn sẽ đẩy lùi sự sinh sản vào hậu trường để dành cho sự hoạt động của cơ quan sinh dục một địa vị quan trọng bậc nhất. Nhưng lúc đó, sự khác biệt giữa tôi và các lại không quá to như các bạn tưởng: chúng ta đã xếp cho các cơ quan sinh dục đứng cạnh các cơ quan khác. Các bạn sẽ nghĩ sao về những lời khẳng định từ trước là với tính cách gây khoái cảm, cơ quan sinh dục có thể được thay thế bằng các cơ quan khác, y như trong cái hôn, trong việc sử dụng các cơ quan khác trong cơ thể để làm những hành vi tình dục sa đọa hay trong triệu chứng của những kẻ náo loạn thần kinh. Trong sự náo loạn thần kinh chẳng hạn nhiều khi những sự kích động, cảm giác, ngay cả sự cương dương vật lên được di chuyển từ các cơ quan sinh dục đến những cơ quan khác nhiều khi ở rất xa cơ quan sinh dục (như đầu, mặt chẳng hạn). Làm như thế các bạn sẽ không còn gì để có thể gọi là tình

dục nữa, các bạn sẽ bị bắt buộc phải làm theo tôi và mở rộng khái niệm về tình dục đến những hành vi trong thời thơ ấu để tìm khoái cảm mà cơ quan này hay cơ quan nọ có thể gây nên được.

Tôi sẽ hoàn toàn có lý khi đưa ra hai luận điệu nữa. Các bạn đã biết cái chúng ta gọi là tình dục là những hành vi không thể định nghĩa được trong những năm đầu tiên của thời thơ ấu, có mục đích gây khoái cảm, bởi vì khi phân tích các triệu chứng bệnh thần kinh, chúng ta đã có được những vật liệu có tính chất tình dục. Nhưng các bạn sẽ trả lời là dù những vật liệu đó có tính chất tình dục thực chăng nữa thì cũng không có gì chứng tỏ rằng hành vi của trẻ con hướng về sự tìm khoái cảm có tính chất tình dục. Đồng ý. Nhưng hãy xét đến một trường hợp tương tự. Các bạn hãy tưởng tượng là chúng ta không có cách nào để quan sát sự phát triển của hai cây song tử diệp, như cây lê và cây hồ đậu, bằng cách quan sát hạt giống của chúng, nhưng chúng ta có thể quan sát bằng trái lại được nghĩa là đi từ cái cây đã thành hình hoàn toàn rồi, quay trở lại hạt giống đầu tiên có hai tử diệp. Hai tử diệp giống nhau như đúc, trông chẳng khác gì nhau cả. Chúng ta có thể dựa vào nhận xét đó mà kết luận rằng giữa hai hạt giống đó có sự đồng nhất thực sự được không và sự khác biệt giữa hai cây lê và cây hồ đậu chỉ xuất hiện sau này thôi không? Về phương diện sinh lý chúng ta chẳng hợp lý hơn khi cho rằng sự khác biệt đã có sẵn trong hai hạt giống rồi tuy bề ngoài chúng có vẻ đồng nhất ư? Đó là điều chúng ta làm khi cho rằng khoái cảm của đứa bé sơ sinh là khoái cảm của tình dục. Còn vấn đề cho rằng phải có mọi khoái cảm do các cơ quan gây nên đều có tính chất tình dục không hay là cạnh khoái cảm tình dục còn có những khoái cảm khác

không, đó là điều tôi không muốn đem ra thảo luận ở đây. Tôi biết rất ít về những sự khoái cảm do các cơ quan gây nên và những điều kiện của các sự khoái cảm đó, và chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy rằng nếu chúng ta phân tích ngược trở lại chúng ta sẽ thấy ở đằng cuối đường đi có những yếu tố nào chưa định nghĩa được.

Thêm một nhận xét nữa. Nói cho thực các bạn chẳng được lợi gì khi khẳng định tính cách thuần tuý trong sạch của tình dục trẻ con, trong khi đáng lẽ các bạn phải thuyết phục được tôi là chúng ta có nhiều lý do rất hay để cho rằng những hành vi của trẻ con không có tính chất tình dục. Ngay từ năm thứ ba trở đi thì chúng ta chẳng còn gì nghi ngờ về tính chất tình dục của trẻ con nữa. Ngay từ tuổi này dương vật của chúng đã có thể cương lên được rồi và có nhiều khi có xảy ra trường hợp thủ dâm tức là có sự thoả mãn tình dục. Sự phát hiện có tính cách tinh thần và xã hội của đời sống tình dục không còn có điều gì khiến cho người ta nhầm lẫn được: sự lựa chọn đối tượng, đặc biệt thích người này hơn người khác, thích phái nam hay phái nữ, ghen tuông, đều là những sự kiện được các nhà quan sát vô tư công nhận ngoài môn phân tâm học, trước môn này nữa, những sự kiện có thể được chứng thực bởi bất cứ người nào có thiện chí. Các bạn sẽ trả lời là không bao giờ các bạn nghi ngờ sự có mặt của một lòng âu yếm xảy ra ngay trong thời còn nhỏ nhưng không cho rằng đó là tình dục. Tất nhiên trong khoảng từ 3 đến 8 tuổi, đứa bé đã biết che đậy lòng âu yếm của mình, nhưng càng quan sát kỹ các bạn càng thấy rõ rằng lòng âu yếm đó quả có tính chất tình dục. Mục đích tình dục của thời kỳ này gắn liền vào sự tìm hiểu tình dục của trẻ con trong tuổi đó, tôi đã kể cho các bạn nghe một vài ví dụ rồi. Tính chất sa đọa của

những mục đích này có thể cắt nghĩa được vì trẻ con vào tuổi đó chưa biết rõ được mục đích của sự giao hợp.

Giữa năm lên 6 và lên 8, sự phát triển của tình dục có một thời kỳ ngừng trệ có thể được coi là thời kỳ tiềm tàng. Thời kỳ tiềm tàng này có thể không có, nhưng dù có hay không thời kỳ đó cũng không đưa đến sự ngừng hẳn của mọi hành vi tình dục. Phần lớn các biến cố và khuynh hướng tinh thần xảy ra trước thời kỳ tiềm tàng này đều bị lãng quên hết, rơi vào trong sự lãng quên mà chúng ta đã có dịp nói đến, làm cho chúng ta không còn nhớ gì về những năm đầu tiên trong thời thơ ấu nữa. Nhiệm vụ của phân tâm học là làm sống lại kỷ niệm của thời kỳ này, và người ta không thể không nghi ngờ rằng sự lãng quên này chính là hậu quả của sự dồn ép.

Từ năm thứ ba trở đi, đời sống tình dục của đứa bé có nhiều điểm rất giống đời sống tình dục của người lớn, chỉ khác ở chỗ các cơ quan sinh dục phát triển chưa đều, tính chất tình dục là tính chất sa đọa rõ ràng và tất nhiên ở chỗ cường độ tình dục đó không mạnh bằng của người lớn thôi. Nhưng những giai đoạn hay ho nhất của sự phát triển tình dục, hay của sự khát dục này chính là những giai đoạn trong thời kỳ xảy ra trước thời kỳ 3 tuổi này. Sự phát triển này tiến hành nhanh đến nỗi sự quan sát trực tiếp không thể có được những hình ảnh cố định rõ ràng. Chỉ nhờ vào môn phân tâm học, chúng ta mới có thể dựa vào các chứng bệnh thần kinh để tìm ra những giai đoạn xa xôi nhất của sự phát triển khát dục (libido). Tất nhiên đó chỉ là những công trình xây dựng, nhưng nhờ thực hành môn phân tâm học các bạn sẽ thấy những công trình xây dựng này thực có ích và cần thiết. Các bạn sẽ hiểu tại sao bệnh lý học lại có thể

tìm ra được những sự kiện mà chúng ta không biết được trong các điều kiện bình thường.

Bây giờ chúng ta có thể biết rõ đời sống tình dục của trẻ con trước khi chúng chú ý đến cơ quan sinh dục, sự chú ý này được sửa soạn trong thời gian đầu tiên của đứa bé trước khi thời kỳ tiềm tàng và bắt đầu được tổ chức chặt chẽ trong thời kỳ dậy thì. Trong thời kỳ đầu tiên có một thứ tổ chức lỏng lẻo hơn mà chúng ta gọi là thời kỳ *tiền sinh dục*... Nhưng trong thời kỳ này chính những khuynh hướng sa đọa và dùng hậu môn chiếm địa vị độc tôn chứ không phải những khuynh hướng sinh dục lẻ tẻ. Sự khác biệt giữa giống đực và giống cái chưa giữ vai trò gì hết, thay vào đó chỉ có sự khác biệt giữa tích cực và tiêu cực, sự khác biệt này báo trước tính cách phân cực của tình dục. Trong những hoạt động của thời kỳ này, điều chúng ta có thể gọi là *giống đực* xuất hiện dưới hình thức một khuynh hướng muốn ngự trị chẳng mấy lúc biến thành độc ác. Những khuynh hướng tiêu cực gắn liền vào một miền tình dục chung quanh hậu môn và hậu môn bắt đầu giữ một địa vị quan trọng. Ý muốn xem và biết được phát hiện mạnh mẽ; yếu tố sinh dục chỉ tham dự vào đời sống tình dục với tư cách là cơ quan bài tiết nước tiểu. Những đối tượng tình dục trong giai đoạn này không thiếu, nhưng những đối tượng này không cần thiết phải họp lại để thành một đối tượng duy nhất. Giai đoạn cuối cùng của thời kỳ này là thời kỳ chú ý đến hậu môn đi trước thời kỳ chú ý đến các cơ quan sinh dục. Rất nhiều yếu tố trong giai đoạn đầu tiên này sẽ tụ lại để thành lập đời sống tình dục cuối cùng sau đó và nhiều khuynh hướng đầu tiên sẽ dùng đủ mọi cách để len lỏi vào đời sống này. Trước cả giai đoạn sa đọa - hậu môn trong

quá trình phát triển khát dục chúng còn một thời kỳ tổ chức sơ khai nữa trong đó miền tình dục sẽ ở nơi mồm. Đặc điểm của thời kỳ này là tình dục được biểu hiện bằng hành vi mút tay, cho nên những người Ai Cập thời cổ đã tỏ ra rất sâu sắc khi hình dung đứa bé bằng hình ảnh cho tay vào mồm mút, nhất là chú Horus. Abraham đã cho ta biết những dấu hiệu đó sẽ được thấy lại trong những giai đoạn sau đó của tình dục.

Tôi sợ những điều vừa nói chỉ làm các bạn mệt nhọc thêm chứ chẳng hiểu biết gì thêm. Có thể tôi đã đi vào quá nhiều chi tiết. Nhưng các bạn hãy kiên nhẫn: sau này các bạn sẽ hiểu hết tầm quan trọng của những điều tôi vừa nói. Trong khi chờ đợi, các bạn hãy tạm chấp nhận rằng đời sống tình dục, hay sự hoạt động của lòng khát dục, không phải tự nhiên mà thành, phải trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau, chẳng giai đoạn nào giống giai đoạn nào y như những giai đoạn giúp cho một con ngài trở thành con bướm . Chỗ rẽ của sự phát triển đó chính là lúc các khuynh hướng lẻ tẻ chịu lệ thuộc vào cơ quan sinh dục, nghĩa là lúc tình dục chịu lệ thuộc vào sự sinh sản. Vậy lúc đầu chúng ta chỉ có một đời sống tình dục rời rạc, do các khuynh hướng lẻ tẻ họp thành để tìm được khoái cảm do các cơ quan trong cơ thể gây nên, những khuynh hướng này hoạt động độc lập, không lệ thuộc vào nhau. Sự vô trật tự này được giảm bớt nhờ những tổ chức tiền sinh dục dẫn đến giai đoạn sa đọa - hậu môn, sau khi qua giai đoạn bằng mồm, giai đoạn thô sơ nhất. Thêm vào đó có nhiều sự hoạt động khác chưa được biết đến đầy đủ, làm gạch nối giữa giai đoạn sau và giai đoạn trước và cao hơn. Sau này chúng ta sẽ hiểu rõ hết tầm quan trọng của sự phát triển lâu dài và đều đặn của sự khát dục trong quan niệm về các chứng bệnh thần kinh.

Ngày nay chúng ta xét đến một khía cạnh khác của sự phát triển này, nghĩa là những liên quan giữa những khuynh hướng lẻ tẻ và đối tượng. Hay nói cho đúng ra chúng ta xét nhanh sự phát triển này để rồi dừng lại lâu hơn trước một trong các kết quả chậm chạp đạt được. Vậy một vài yếu tố cấu thành của bản năng tình dục có ngay từ lúc đầu một đối tượng mà nó cầm giữ thực chặt; đó là khuynh hướng ngự trị, muốn biết và xem xét. Nhiều yếu tố khác liên quan đến nhiều miền tình dục trong thân thể, ngay lúc đầu cũng chỉ có một đối tượng, một khi còn bám vào những nhiệm vụ không có tính chất tình dục, nhưng rồi bỏ rơi đối tượng đó ngay khi rời bỏ những nhiệm vụ đó. Đối tượng tình dục thứ nhất dùng miệng là đôi vú của bà mẹ thỏa mãn nhu cầu nuôi ăn của đứa bé sơ sinh. Sau đó một khi đứa bé đã thoả mãn được cả tình dục và nhu cầu nuôi ăn, nó sẽ không cần đến vú mẹ nữa, mà thay vào đó bằng ngón tay nghĩa là một phần trong thân thể nó. Khuynh hướng dùng mồm trở thành tự thoả mãn cũng như khuynh hướng dùng hậu môn hay dùng những miền tình dục khác. Sự phát triển sau đó theo đuổi hai mục đích: 1) thoạt tiên rời bỏ tính cách tự thoả mãn, thay đối tượng lấy trong thân thể mình bằng đối tượng khác xa lạ hẳn và ngoài thân thể mình: 2) đồng nhất hoá mọi đối tượng khác nhau của nhiều khuynh hướng khác nhau, thay chúng bằng một đối tượng duy nhất. Kết quả này không thể đầy đủ hay giống như đối tượng lấy trong thân thể được, và chỉ đạt được với điều kiện là một số khuynh hướng sẽ bị tiêu huỷ vì không dùng được việc gì.

Sự diễn tiến đưa đến việc chọn lựa đối tượng này hay đối tượng khác khá phức tạp và chưa mô tả theo ý muốn. Chúng ta chỉ cần dẫn chứng bằng sự kiện là khi chu kỳ ấu trĩ, đi trước

giai đoạn tiềm tàng gần hoàn thành rồi thì đối tượng được chọn gần giống như đối tượng gây nên khoái cảm trong thời kỳ còn dùng mồm. Đối tượng này không phải là đôi vú người mẹ nữa nhưng vẫn là người mẹ. Vậy người mẹ chính là đối tượng đầu tiên của tình yêu. Chúng ta nói đến tình yêu khi những khuynh hướng tinh thần của bản năng tình dục giữ địa vị quan trọng nhất trong khi những sự đòi hỏi về thân thể hay tình dục căn bản của bản năng tình dục bị dồn ép hay bị quên đi trong chốc lát. Trong thời kỳ người mẹ là đối tượng đầu tiên của tình yêu sự hoạt động của tinh thần để dồn ép đã bắt đầu làm cho đứa bé không biết gì đến một phần trong các mục đích tình dục nữa. Sự lựa chọn người mẹ làm đối tượng đầu tiên của tình yêu này gắn liền vào điều mà chúng ta gọi là *mặc cảm Oedipe*, sau này sẽ có một tầm quan trọng rất lớn trong cách giải thích căn bệnh thần kinh của môn phân tâm học, và có lẽ là một trong các nguyên nhân chính của sự chống đối của xã hội đối với phân tâm học.

Các bạn hãy nghe một câu chuyện lặt vặt xảy ra trong thời chiến tranh. Một trong những người can đảm bênh vực phân tâm học được động viên với tư cách bác sĩ quân y tới một nơi nào đó trong xứ Ba Lan và được các đồng nghiệp chú ý vì những quan sát của ông đối với một bệnh nhân. Khi được hỏi, ông ta trả lời là sở dĩ đạt được kết quả bất ngờ như thế là vì ông đã dùng phân tâm học và sẵn sàng chỉ bảo cho đồng nghiệp về phương pháp này. Từ đó chiều nào các bác sĩ trong đơn vị, đồng nghiệp hay cấp trên của ông ta đều tụ họp để nghiên cứu phân tâm học. Mọi việc trôi chảy như thường cho tới hôm vị bác sĩ của chúng ta nói về mặc cảm Oedipe: một cấp trên của

bác sĩ đứng dậy tuyên bố là ông không tin một chút nào về mặc cảm này và ông không thể cho phép nói đến mặc cảm đó đối với những người đã có gia đình, những người rất đáng kính trọng trong khi họ chiến đấu cho tổ quốc của họ. Và ông ra lệnh cấm không cho nói đến phân tâm học nữa. Vị bác sĩ phân tâm học nói trên không còn điều gì phải làm khác hơn là xin đổi sang một đơn vị khác. Phần tôi, tôi cho rằng nếu muốn chiến thắng mà người Đức phải cần đến một "tổ chức khoa học"như thế thì quả là một đại họa và tất nhiên giới khoa học Đức không thể nào tha thứ cho một quan niệm lỗi thời như thế lâu hơn nữa.

Mặc cảm Oedipe là cái gì ghê gớm vậy? Chỉ cái tên Oedipe đủ cho các bạn đoán ra rồi. Ai mà chẳng biết huyền thoại về đức vua Hi Lạp Oedipe bị số phận bắt phải giết cha và lấy mẹ đã phải dùng đủ mọi cách để thoát khỏi số phận độc ác đó nhưng không được nên đã tự trừng phạt bằng cách chọc mù đôi mắt của chính mình khi biết mình đã vô tình phạm cả hai tội to lớn nhất là giết cha và lấy mẹ. Chắc nhiều bạn đã vô cùng xúc động khi đọc vở kịch của Sophocle về vấn đề đó. Vở kịch này trình bày cho ta biết tội ác của Oedipe đã dần dần được lôi ra ánh sáng như thế nào khi cuộc điều tra bị đình trệ nhiều lần và được tiếp tục ra sao nhờ có nhiều dấu hiệu mới xuất hiện: vở kịch như có vẻ như diễn tiến trong cuộc khảo sát của phân tâm học. Người mẹ và người vợ đau khổ Jocasta nhiều lần ngăn cản không cho cuộc điều tra tiếp diễn, viện cớ rằng có rất nhiều người đã nằm mơ thấy mình ngủ với mẹ mình, nhưng đó chỉ là những giấc mơ không đáng để ý. Chúng ta không coi khinh giấc mơ, nhất là những giấc mơ điển hình mà nhiều người đã

có, chúng ta tin rằng giấc mơ mà Jocasta nói đến có liên quan chặt chẽ đến câu truyện kinh hoàng và kì lạ của huyền thoại.

Cộ điều đáng ngạc nhiên là vở kịch của Sophocle không hề gây xúc động hay giận dữ cho bất cứ một khán giả nào, trong khi những lý thuyết vô hại của vị bác sĩ quân y nói trên lại làm cho cấp trên của ông ta giận dữ và phản đối dữ dội như thế. Vở bi kịch này thực ra có tính cách vô luân vì hủy bỏ trách nhiệm tinh thần luân lý của con người, cho rằng chính các thần linh đã có sáng kiến về tội ác, đưa ra ánh sáng sự bất lực của những khuynh hướng luân lý trong con người trước sự tấn công của tội ác. Giá nằm trong tay một nhà thơ như Euripide, vở kịch đó có lẽ sẽ là một dịp bày tỏ sự phẫn nộ đối với thần linh và số mệnh. Nhưng đối với con người ngoan đạo như Sophocle thì không làm gì có chuyện phẫn nộ, ông ta né tránh khó khăn bằng cách tuyên bố rằng tinh thần luân lý cao độ đòi hỏi con người tuân theo ý chí của thần linh ngay cả khi thần linh ra lệnh phạm tội. Tôi không thấy cái luân lý này có thể là một sức mạnh của vở kịch, nhưng thực ra luân lý không hề ảnh hưởng để kết quả của vở kịch. Khán giả không hề chống đối lại luân lý của vở kịch nhưng phản ứng lại ý nghĩa và nội dung vở kịch. Khán giả phản ứng y như chính họ đang có mặc cảm Oedipe, như nhìn thấy trong ý chí của thần linh và trong lời tiên tri những cái gì có trong vô thức của họ và đang được lý tưởng hoá, y như chính họ đang có ý muốn gạt bỏ người cha đi và lấy mẹ mình. Tiếng nói của thi sĩ như bảo họ: "Mày không thể chống lại trách nhiệm của mày. Mày có trần tình rằng mày đã làm đủ mọi cách để cưỡng lại ý muốn phạm tội của mày cũng vô ích. Lỗi của mày vẫn còn đó vì chính mày đã không rũ bỏ được những ý muốn phạm tội, những ý đó vẫn tiềm tàng trong vô thức của mày". Đó

chính là một sự tâm lý. Ngay cả khi đã dồn ép những khuynh hướng xấu xa vào trong vô thức rồi, trong miệng vẫn nói là mình không có trách nhiệm gì cả, nhưng trong thâm tâm con người vẫn cho rằng mình có trách nhiệm mà không hiểu vì sao?.

Sự thực, mặc cảm Oedipe là một trong các nguyên nhân gây ra lòng hối hận giày vò những người mắc bệnh thần kinh. Hơn thế nữa: trong cuốn sách của tôi về "những buổi đầu của tôn giáo và luân lý con người", xuất bản năm 1913 dưới nhan đề: "Vật tổ và kiêng kị" tôi đã đưa ra giả thuyết là chính mặc cảm Oedipe đã làm cho toàn thể nhân loại trong những ngày đầu tiên ý thức được sự phạm tội của mình trong khi chính sự phạm tội này là nguồn gốc cuối cùng của mọi tôn giáo và mọi luân lý. Tôi có thể nói nhiều đến chuyện đó nhưng thôi để khi khác. Vì một khi đã nói đến, chúng ta khó mà thôi không nói được trong khi tôi muốn quay lại vấn đề tâm lý cá nhân.

Sự quan sát đứa bé trong thời kỳ chọn lựa đối tượng trước khi đi vào thời kỳ tiềm tàng đã cho ta biết gì về mặc cảm Oedipe. Chúng ta thấy dễ dàng rằng, đứa bé chỉ muốn độc chiếm người mẹ, khó chịu vì sự có mặt của người cha, tỏ vẻ giận dỗi mỗi khi người cha tỏ vẻ âu yếm mẹ và không giấu vẻ hài lòng mỗi khi cha đi xa, có lúc nói rõ cảm tình của mình và hứa là sẽ lấy mẹ. Người ta bảo đó chỉ là những ý kiến trẻ con không liên can gì đến Oedipe, nhưng dù sao đó vẫn là những sự kiện, đại diện cho mặc cảm Oedipe. Người ta hơi ngạc nhiên khi thấy chính đứa bé đó trong một vài trường hợp tỏ ra âu yếm đối với cha; nhưng những tình cảm này, tuy đối lập nhau ở người lớn, lại có thể hoà hợp nhau, đi cạnh nhau rất lâu dài

trong vô thức của đứa bé. Người ta còn nói rằng những tình cảm đó tình cách ích kỷ của đứa bé gây ra thôi chứ không hề có tính chất tình dục. Chính người mẹ chăm sóc đứa bé và đứa bé cũng muốn ngoài người mẹ ra không ai làm việc đó cả. Điều này rất đúng nhưng thực ra trong tình trạng này cũng như trong bao nhiêu tình trạng khác tương tự, tính ích kỷ chỉ mở đường cho tình dục sau này thôi. Khi đứa bé tỏ ra tò mò về phương diện sinh lý, khi nó muốn ngủ đêm cạnh người mẹ, muốn xem mẹ tắm rửa hay dùng nhiều hình thức khác thường làm cho người mẹ cười như nắc nẻ về sự ngây thơ của con, thì tính chất tình dục không còn có điều gì đáng nghi ngờ nữa. Chúng ta không nên quên rằng người mẹ cũng săn sóc đứa bé gái như thế mà không đưa đến kết quả tương tự, và nhiều khi người cha cũng tỏ vẻ âu yếm đứa bé trai chẳng khác gì người mẹ nhưng không phải vì thế mà được nó mến yêu như đối với mẹ nó. Nói tóm lại, người ta không thể nào gạt bỏ ý nghĩ về tình dục trong tình trạng nói trên. Vả lại, nếu đứa bé quá ích kỷ thì nó sẽ có lợi hơn nếu được cả hai cha mẹ cùng âu yếm, nó chẳng có lợi gì nếu chỉ tìm tình yêu ở người mẹ thôi.

Tôi chỉ nói đến thái độ của đứa bé trai đối với cha mẹ thôi. Thái độ của em gái cũng tương tự. Lòng âu yếm đối với cha, ý muốn gạt bỏ người mẹ đi, với những dáng điệu làm đỏm, em bé gái nhiều khi hiến cho chúng ta một bức tranh đẹp mắt khiến cho chúng ta quên những hậu quả quan trọng của tình trạng này. Chính các bậc cha mẹ nhiều khi cũng giúp vào việc gây cho con mắc cảm Oedipe này bằng cách chiều theo khuynh hướng đối với người cùng phái, thành ra trong những gia đình đông con người cha tỏ vẻ thích con gái hơn, trong khi người mẹ lại thích con trai. Tuy vậy dù rất quan trọng, yếu tố này cũng

chưa đủ là một lý lẽ chống lại thực chất của mặc cảm Oedipe đối với đứa bé. Mặc cảm này trở thành mặc cảm gia đình khi có nhiều con lên. Những kẻ đến trước cho những kẻ đến sau là một đe doạ cho quyền lợi của mình: vì thế nên trẻ con thường không đón tiếp các em một cách nồng hậu mấy và chỉ mong cho em mất đi thôi. Những tình cảm thù ghét này thường được trẻ con nói ra miệng. Khi ý muốn xấu xa của đứa bé thực hiện, khi đứa em bất thần bị chết thì việc đó đối với đứa bé là một biến cố quan trọng tuy nhiều khi chính nó cũng chẳng nhớ gì cả. Khi có em mới sinh, đứa bé thường ở vào địa vị phế đế nên khó lòng quên được sự việc đó; nó đối với em có những tình cảm mà về sau này người lớn thường cho là tình cảm bất mãn, những tình cảm này có thể là khởi điểm cho một tình cảm lạnh lùng đối với mẹ. Chúng ta đã nói rằng những công trình khảo cứu về tình dục và những hậu quả của nó gắn liền vào kinh nghiệm về đời sống trẻ con. Khi anh em của chúng lớn lên, thái độ của đứa bé thay đổi một cách có ý nghĩa. Nó sẽ đem tình yêu mẹ đổi thành tình yêu đối với em gái khi thấy mẹ đối với mình có vẻ lạnh lùng: ngay trong khi còn nhỏ các anh đã quây quần chung quanh em gái và tỏ vẻ ghen tức nhau. Đứa bé gái thường đem anh lớn thay vào người cha mà nó cho là không tỏ vẻ âu yếm nó như ngày xưa nữa, hay đem lòng yêu em gái như yêu một đứa con mà nó muốn có đối với cha nhưng không được.

Sự thực xảy ra như thế đó. Tôi có thể dựa vào sự quan sát trực tiếp các trẻ con, sự giải thích những kỷ niệm của chúng để kể cho các bạn nghe nhiều thí dụ tương tự nữa. Kết quả là địa vị của một đứa bé trong một gia đình có nhiều con có một tầm quan trọng đối với đời sống sau này của nó và bao giờ nói đến tiểu sử của nó người ta không thể bỏ qua sự kiện này. Trước

những sự giải thích thu lượm được không khó nhọc gì này, các bạn sẽ phì cười khi nghĩ đến những cố gắng của khoa học để lên án sự loạn luân. Chúng ta chẳng đã nói rằng đời sống chung của thời thơ ấu có tính chất làm cho đứa bé không chú ý đến sự hấp dẫn tình dục do những người trong nhà gây nên, rằng khuynh hướng sinh lý tránh sự giao hợp của những người cùng máu mủ đã được bổ túc bằng lòng kinh tởm sự loạn luân đó sao? Nói như thế chúng ta quên rằng nếu quả thực thiên nhiên đã đặt ra những ngăn trở không thể vượt qua cho sự loạn luân thì việc gì chúng ta còn phải đặt ra luật nọ để nghiêm cấm nó nữa. Chính điều trái lại mới là sự thực. Đối tượng thứ nhất về tình dục của loài người – người chị hay người mẹ – có tính cách loạn luân và loài người đã phải dùng những luật lệ thực nghiêm khắc mới diệt trừ nổi. Những dân tộc bán khai ngày nay hãy còn tồn tại cũng bài trừ sự loạn luân rất nghiêm khắc. Th. Reik còn cho rằng lễ nghi của những dân tộc mọi rợ trong tuổi dậy thì có mục đích kéo đứa bé ra khỏi tình trạng loạn luân bằng cách kéo nó ra xa người mẹ để gây lại cảm tình của nó đối với người cha.

Thần thoại học đã chẳng cho chúng ta hay rằng loài người thường gán cho các vị thần linh tính cách loạn luân trong khi chính họ lại rất sợ loạn luân, và trong những dân tộc (như dân Pharaons và dân Incas ở Pérou) lễ cưới loạn luân giữa hai chị em hay anh em được coi như thiêng liêng. Vậy sự loạn luân là một đặc ân mà người thường không được quyền hưởng.

Một trong hai tội của Oedipe là tội loạn luân, tội kia là tội giết cha. Hai tội ác to lớn này đã bị chế độ tôn giáo và xã hội đầu tiên, chế độ vật tổ, lên án. Bây giờ từ quan sát trực tiếp đứa

bé, chúng ta hãy qua sự phân tích bệnh trạng của người lớn bị bệnh thần kinh. Sự phân tích này giúp cho ta hiểu thêm những gì về mặc cảm Oedipe? Sự phân tích cho ta thấy mặc cảm này xuất hiện đúng như trong huyền thoại, mỗi bệnh nhân đều là một Oedipe hay là một Hamlet chống đối lại mặc cảm này, nghĩa là cũng như nhau. Mặc cảm Oedipe trong người lớn chỉ là bản cũ soạn lại của mặc cảm đó trong trẻ con thôi. Sự thù ghét người cha, mong muốn cho cha chết đi không còn được diễn tả một cách rụt rè nữa, lòng âu yếm đối với mẹ và lòng mong muốn được lấy mẹ cũng được nói ngay ra miệng. Chúng ta có quyền gán cho thời thơ ấu những tình cảm sống sượng quá đáng đó không? Hay chúng ta đã bị sai lầm vì một yếu tố mới? Tìm ra được yếu tố mới này không phải là chuyện dễ dàng. Mỗi khi có một người nói về dĩ vãng của mình, dù người đó có là một sử gia chăng nữa chúng ta có quyền chấp nhận không suy tính mọi điều ông ta nói về hiện tại hay về thời kỳ ngăn cách giữa dĩ vãng và hiện tại hay không? Trong trường hợp người bệnh thần kinh chúng ta có quyền tự tin xem sự lẫn lộn giữa dĩ vãng và hiện tại có vô tình hay không? Sau này chúng ta sẽ biết vì duyên cớ gì người bệnh đã lẫn lộn như thế, và chúng ta sẽ phải chú trọng đến việc trí tưởng tượng đã hoạt động như thế nào đối với những biến cố và sự kiện xảy ra trong một dĩ vãng rất xa. Chúng ta sẽ không khó khăn gì mà không thấy là lòng thù ghét người cha còn trở nên mạnh mẽ hơn nhờ nhiều nguyên nhân do các thời sau đã cung cấp và những ham muốn tình dục đối với người mẹ thường xuất hiện dưới những hình thức mà đứa bé không thể biết đến. Nhưng chúng ta sẽ cố gắng vô tình khi tìm cách cắt nghĩa mặc cảm Oedipe bằng sự hoạt động của trí tưởng tượng đưa chúng ta quay trở lại dĩ vãng, đưa vào trong dĩ

vãng những yếu tố lấy trong hiện thời. Người bệnh thần kinh còn giữ cái nhân của thời thơ ấu đúng như sự quan sát trực tiếp đã cho ta biết.

Mặc cảm Oedipe xuất hiện như một sự kiện trong bệnh viện có một tầm quan trọng to lớn trong thực tế. Chúng ta sẽ thấy là trong tuổi dậy thì, khi bản năng tình dục xuất hiện mạnh mẽ, người bệnh lại thấy lại những đối tượng thời xưa khiến cho những đối tượng này có tính chất tình dục. Sự lựa chọn đối tượng của đứa bé chỉ là một sự giáo đầu rụt rè, nhút nhát nhưng có tính chất quyết định của sự lựa chọn trong tuổi dậy thì. Vào tuổi đó sẽ có nhiều sự hoạt động tinh thần, tình cảm rất mạnh, có khi hướng về mặc cảm, có khi về sự phản ứng chống lại mặc cảm đó, nhưng những bước đầu của hoạt động vì không thể nói ra được nên đều bị dồn ép vào trong vô thức. Bắt đầu từ tuổi đó con người đứng trước một công việc quan trọng là công việc tự tách rời ra khỏi cha mẹ, chỉ sau khi sự tách rời này đã làm xong, đứa bé mới không còn là đứa bé nữa và trở thành một người trong cộng đồng xã hội. Nhiệm vụ của đứa con trai là rời khỏi người mẹ, đem tình dục của mình đặt vào một đối tượng khác, làm lành lại với người cha tùy theo trường hợp. Nhiệm vụ đó trở nên bắt buộc đối với tất cả mọi người không trừ ai. Nhiệm vụ này không bao giờ được hoàn thành theo lý tưởng cả, nghĩa là đúng với sự đòi hỏi của xã hội và tâm lý. Nhưng người bệnh thần kinh thường không bao giờ làm nổi nhiệm vụ này vì họ suốt đời phải chịu phục tùng dưới quyền người cha và không thể đem tình dục của mình đặt vào một đối tượng nào mới cả. Số phận của người con gái cũng chẳng hơn gì. Chính theo nghĩa đó mà chúng ta có thể cho rằng mặc cảm Oedipe chính là trung tâm của những người bệnh thần kinh.

Chắc các bạn cũng đoán ra rằng tôi đã cố ý gạt ra ngoài nhiều chi tiết quan trọng về lý thuyết cũng như thực hành, liên quan đến mặc cảm Oedipe. Tôi không nói nhiều hơn nữa về những biến đổi của mặc cảm này cũng như sự lật ngược tình trạng của nó. Tôi chỉ nói rằng mặc cảm này là nguồn cảm hứng dồi dào cho bao nhiêu nhà thơ. Oto Rank đã cho thấy là những nhà soạn kịch trứ danh của mọi thời đã khai thác mặc cảm này rất nhiều, cũng như mặc cảm về sự loạn luân và biến thể của nó. Chúng ta cần ghi nhận rằng ngay cả trước khi phân tâm học ra đời, hai tội ác của mặc cảm Oedipe được công nhận như những ham muốn có tính cách tượng trưng nhất cho đời sống bản năng không bị kìm hãm. Trong một cuộc đối thoại trứ danh của Diderot nhan đề "Người cháu của Rameau" mà Goethe đã dịch ra tiếng Đức, chúng ta thấy có đoạn sau đây: "Nếu một đứa bé mọi rợ được mặc sức muốn làm gì thì làm, nếu nó vẫn giữ nguyên sự tồi tệ của nó, nếu nó dung hòa được một số ít lẽ phải của đứa bé còn nằm trong nôi với sự độc ác của con người ba mươi tuổi thì nó sẽ vặn cổ cha nó và ngủ với mẹ nó".

Nhưng còn một chi tiết mà tôi không thể bỏ qua được. Không phải vô tình mà người mẹ và vợ của Oedipe làm cho chúng ta nghĩ đến giấc mơ. Các bạn hẳn còn nhớ là trong khi phân tích giấc mơ những sự ham muốn cấu thành giấc mơ thường có tính cách sa đọa, loạn luân hay đưa ra ánh sáng một lòng thù ghét không ai ngờ đối với một vài người thân cận rất được yêu mến. Lúc đó chúng ta chưa cắt nghĩa nguồn gốc của những khuynh hướng này. Bây giờ nguồn gốc đó hiện ra ngay trước mắt chúng ta không cần tìm tòi nữa. Đó chính là sản phẩm của sự khát dục của một vài biến dạng của những đối tượng mất đi từ lâu nhưng lúc này lại hiện ra trong ban đêm có

thể có tác dụng được. Nhưng ngay người khoẻ mạnh bình thường cũng có những giấc mơ sa đọa, loạn luân độc ác như thế, những giấc mơ này không phải là độc quyền của những người bệnh thần kinh, cho nên chúng ta có quyền kết luận là người phát triển bình thường cũng qua những giai đoạn sa đọa, biến dạng y như trong mặc cảm Oedipe, đó chỉ là một tình trạng bình thường, không có gì đặc biệt, chỉ có điều đối với những người bệnh thần kinh thì những sa đọa, biến dạng đó được phóng đại lên thôi. Đó chính là một trong các lý do khiến cho chúng ta phải khảo sát về giấc mơ trước khi khảo sát về các triệu chứng bệnh thần kinh.

22. PHƯƠNG DIỆN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ THỤT LÙI CĂN BỆNH HỌC

Chúng ta vừa được biết rằng sự hoạt động của khát dục biến hóa rất nhiều trước khi đạt được đến giai đoạn bình thường để phục vụ sinh sản. Tôi muốn nói cho các bạn nghe về vai trò của sự kiện này trong việc quy định những bệnh thần kinh.

Tôi đồng ý với các nhà bệnh lý học khi họ cho rằng sự phát triển của khát dục có hai điều nguy hiểm: nguy hiểm bị ngừng lại và nguy hiểm phải thụt lùi. Điều này có nghĩa rằng vì sự hoạt động sinh lý thường có khuynh hướng thay đổi luôn nên có thể những giai đoạn sửa soạn đầu tiên không đi đúng đường và bị vượt qua hoàn toàn, một vài phần trong sự hoạt động có thể dừng lại ở một vài giai đoạn đầu tiên đó và vì thế sự phát triển có thể bị ngừng trệ tại một vài điểm nào đó.

Chúng ta hãy đi tìm ở một vài nơi khác tình trạng tương tự. Khi một dân tộc rời nơi mình đang ở để tìm một nơi mới,- điều thường xảy ra đối với những bộ lạc trong thời tiền sử - chắc chắn dân tộc đó không thể có mặt đầy đủ ở nơi mới đến. Ngoài một vài nguyên do khác, có thể một người nào đó dừng lại ở

một nơi nào đó họ thích trong khi phần lớn bộ lạc vẫn tiếp tục lên đường. Muốn có một sự so sánh gần hơn, các bạn hẳn biết trong loài vật có vú ở trình độ cao, những hạch sinh dục, lúc đầu đứng ở dưới bụng, sau này di chuyển lên chỗ cuối xương chậu. Kết quả của sự di chuyển này là ở một vài vật, một trong hai hạch này vẫn đứng ở chỗ dưới bụng như cũ, hay dừng lại ở đường trong háng trên con đường mà chúng phải đi để tới chỗ xương chậu, hay có khi một trong hai đường háng này lại mở trong khi trong trường hợp bình thường cả hai đường đều phải đóng lại một khi hai hạch đã đi qua. Hồi còn là sinh viên tôi phải khảo sát về nguồn gốc của một dây thần kinh của một con cá thời cổ. Tôi nhận thấy là những dây thần kinh đó bắt nguồn từ những tế bào to đứng trong sừng sau. Điều này không thấy trong những vật có xương sống khác. Nhưng chẳng bao lâu tôi tìm ra rằng những tế bào thần kinh đó cũng đứng ngoài chất xám và chiếm cả một con đường đưa đến tiết tuỷ của rễ sau; tôi kết luận là những tế bào này đã di cư từ tuỷ sống để đến định cư tại con đường rễ các gân thần kinh. Đó là điều được lịch sử của sự phát triển xác nhận; nhưng trong con cá do tôi khảo sát, những tế bào đã dừng lại ở dọc đường. Suy xét kỹ lại các bạn sẽ thấy nhược điểm của sự so sánh này. Cho nên tôi chỉ nói với các bạn là đối với mỗi khuynh hướng tình dục có thể là một trong vài yếu tố của khuynh hướng này dừng lại ở một vài giai đoạn nào đó trong quá trình phát triển trong khi một vài yếu tố khác đi tới đích. Tất nhiên chúng ta phải coi những khuynh hướng đó như một dòng nước chảy luôn luôn không ngừng ngay từ khi cuộc đời mới bắt đầu và chúng ta đã dùng một phương sách nhân tạo để phân chúng ra thành nhiều đợt liên tiếp. Những điều tôi vừa nói cố nhiên phải được dẫn giải rõ

ràng hơn, nhưng công việc dẫn giải này sẽ đưa chúng ta đi quá xa. Tôi chỉ cần báo với các bạn là tôi gọi một khuynh hướng dừng lại ở một giai đoạn nào đó là một sự *định cư*.

Điều nguy hiểm thứ hai của sự phát triển từng mức này là sự một vài yếu tố nào đó sau khi đã tiến quá nhanh có thể quay trở lại một giai đoạn nào trước đó: chúng ta gọi sự việc này là sự việc thụt lùi. Sự thụt lùi xảy ra khi một khuynh hướng trong khi hoạt động, nghĩa là trong khi tìm cách thoả mãn nhu cầu gặp nhiều trở ngại từ bên ngoài vào. Sự định cư và thụt lùi liên kết với nhau chặt chẽ. Trong quá trình phát triển sự định cư càng mạnh bao nhiêu, sự hoạt động của nó càng dễ tránh được ảnh hưởng của những trở ngại bên ngoài do sự thụt lùi đưa vào bấy nhiêu, rồi sau đó sự hoạt động song song với sự thụt lùi càng có thể chống lại được với những ảnh hưởng này bấy nhiêu. Mỗi khi trên con đường tiến triển, một dân tộc đã để lại trên con đường đó những hàng rào phòng thủ vững chắc thì mỗi khi những phần tử tiền tiến gặp trở ngại, nghĩa là bị ngăn chặn hay bị đánh bại bởi một kẻ địch quá mạnh, họ thường có khuynh hướng rút lui về những hàng rào phòng thủ đó để trốn tránh hay đợi chờ. Những phần tử tiền tiến này càng dễ dàng bị đánh bại hơn nếu những phần tử ở lại sau những hàng rào phòng thủ càng nhiều hơn.

Muốn hiểu rõ những bệnh thần kinh, chúng ta không nên quên liên quan giữa sự định cư và thụt lùi này. Liên quan đó chính là chỗ dựa vững chắc để tìm hiểu vấn đề có liên quan đến sự quy định các bệnh thần kinh, tìm hiểu căn bệnh của chúng.

Chúng ta cần xét việc thụt lùi trong một thời gian nữa. Theo những điều mà bạn đã viết về sự phát triển và hoạt động

của sự phát dục, các bạn tất phải cho rằng có hai loại thụt lùi quay về những đối tượng đầu tiên của sự khát dục, có tính chất loạn luân; thụt lùi của tất cả tổ chức tình dục quay về những giai đoạn xảy ra trước. Chúng ta quan sát thấy cả hai loại thụt lùi này trong những chứng bệnh thần kinh hoán chuyển trong sự hoạt động của chứng bệnh này. Trong chứng bệnh này người ta nhận thấy sự thụt lùi tiến hành một cách đều đều đến chán nản. Nhất là trong chứng bệnh thần kinh thường gọi là bệnh của chàng Narcisse, một anh chàng mê say chính hình ảnh mình dưới mặt nước. Sự thụt lùi có rất nhiều điều đáng nói hơn nữa nhưng chúng tôi không muốn nói đến nhiều. Những bệnh như thế đặt chúng ta đứng trước những hình thức khác của sự phát triển và của sự thụt lùi. Tôi muốn các bạn đừng nên lẫn sự thụt lùi với sự dồn ép và muốn giúp cho các bạn có một ý tưởng rõ rệt về liên quan giữa hai sự kiện này. Sự dồn ép là một hoạt động làm cho một hành vi có thể trở thành hữu thức, nghĩa là có sẵn trong tiền ý thức, trở thành vô thức. Cũng có sự dồn ép khi hành vi tinh thần vô thức không được nhận vào trong hệ thống tiền ý thức bên cạnh vì bị kiểm duyệt ngăn trở và đuổi trở lại. Giữa khái niệm dồn ép và khái niệm tình dục không có liên quan gì cả. Tôi muốn các bạn đặc biệt chú ý đến sự kiện này. Sự dồn ép chỉ là một hoạt động có tính cách tâm lý thuần tuý, có thể đem áp dụng cho mọi hoạt động tương tự. Tôi muốn nói là khái niệm về sự dồn ép là một khái niệm có tính cách không gian, phù hợp với giả thuyết là bộ máy tinh thần gồm có nhiều hệ thống khác nhau giống như nhiều căn phòng khác nhau trong một căn nhà.

Do sự so sánh này chúng ta nhận thấy là từ trước tới nay chúng ta đã dùng chữ thụt lùi không phải theo nghĩa được mọi

người công nhận mà theo một nghĩa hết sức đặc biệt. Nếu chúng ta gán cho sự thụt lùi một ý nghĩa tổng quát như là một sự quay trở lại từ một giai đoạn phát triển cao hơn đến một giai đoạn thấp hơn thì sự dồn ép cũng có thể được coi như một sự thụt lùi, một sự quay trở về giai đoạn trước đó xa hơn trong sự phát triển về tinh thần. Chỉ có điều là khi nói đến sự dồn ép chúng ta không hề nghĩ đến sự thụt lùi mà chỉ nghĩ đến việc một hành vi tinh thần bị giữ lại trong một giai đoạn dưới vô thức. Sự dồn ép là một khái niệm có tính cách tổng quát và di động; sự thụt lùi chỉ có tính cách mô tả với sự định cư, chúng ta chỉ muốn nói đến sự quay trở về một giai đoạn trước đó trong sự phát triển của sự khát dục, nghĩa là một điều hoàn toàn khác biệt với sự dồn ép và không có liên quan gì với nó cả. Chúng ta cũng không thể khẳng định rằng sự thụt lùi của sự khát dục là một hoạt động có tính cách tâm lý thuần tuý và cũng không thể đặt cho nó một nơi cư ngụ nào trong guồng máy tinh thần. Dù sự thụt lùi có ảnh hưởng sâu xa đến đời sống tinh thần, yếu tố cơ thể vẫn là yếu tố quan trọng nhất của nó.

Lý luận này đối với các bạn có vẻ khô khan, nhưng bệnh viện sẽ hiến cho chúng ta những điều áp dụng làm cho những lý luận đó trở thành rõ ràng hơn. Các bạn hẳn biết rằng bệnh náo loạn thần kinh và bệnh náo bị ám ảnh là hai đại diện chính của loại bệnh thần kinh hoán chuyển. Trong bệnh náo loạn thần kinh quả có sự thụt lùi của sự khát dục trở về với những đối tượng tình dục đầu tiên có tính cách loạn luân, có thể nhận thấy mọi trường hợp trong khi người ta không hề nhận thấy có sự thụt lùi nào về những giai đoạn đầu tiên của tổ chức tình dục. Trái lại, sự dồn ép giữ một vai trò quan trọng hàng đầu trong bệnh náo loạn thần kinh. Nếu tôi được quyền bổ túc những điều

đã thu lượm được từ trước tới này về bệnh náo loạn thần kinh tôi sẽ mô tả trạng thái đó như sau: việc các khuynh hướng lẻ tẻ quy tụ dưới sự ngự trị của cơ quan sinh dục đã hoàn tất, nhưng kết quả của sự quy tụ đó lại gặp sự chống đối của hệ thống tiền ý thức liên lạc chặt chẽ với ý thức cho nên mới có một quang cảnh gần giống như trạng thái trước khi có sự ngự trị của cơ quan sinh dục, nhưng sự thực lại khác hẳn. Trong hai tình trạng thụt lùi của sự khát dục, tình trạng quay về một giai đoạn trước tổ chức tình dục đáng chú ý hơn cả. Vì sự thụt lùi này vắng mặt trong bệnh náo loạn thần kinh đều chịu ảnh hưởng của sự khảo sát bệnh náo loạn thần kinh nên mãi về sau này chúng ta mới biết rõ về tầm quan trọng của sự thụt lùi, sự khát dục sau tầm quan trọng của sự dồn ép. Các bạn có chờ đợi rằng chúng ta sẽ phải thay đổi quan điểm của chúng ta khi ngoài bệnh náo loạn thần kinh và bệnh ám ảnh ra, chúng ta còn phải xét đến bệnh Narcissisme (nghĩa là bệnh mê say hình bóng của mình qua hình ảnh dưới nước) không?

Trong bệnh bị ám ảnh, trái lại sự thụt lùi của khát dục về giai đoạn đầu tiên của tổ chức sa- đọa - hậu- môn là một sự kiện đáng chú ý nhất và chính sự thụt lùi này đã in dấu vết mình trong mọi sự phát hiện của các triệu chứng. Sự thúc đẩy có tính chất ái tình lúc đó xuất hiện dưới hình thức của sa đọa. Hình dung gợi lên do câu: *tôi muốn giết em, thực ra có nghĩa: tôi muốn vui vầy với em.* Các bạn chỉ cần nghĩ đến những sự thụt lùi liên can đến đối tượng, nghĩa là đến những người thân cận nhất và mến yêu nhất, các bạn sẽ có một ý niệm về sự kinh hoàng ghê tởm và những hình dung ám ảnh này gợi lên trong ý thức người bệnh như một cái gì hết sức xa lạ. Nhưng sự dồn ép

trong các chứng bệnh thần kinh này giữ một vai trò quan trọng rất khó định nghĩa trong một bài học nhập môn như bài này. Sự thụt lùi của khát dục khi không đi cùng với sự dồn ép thường chỉ dẫn đến sự sa đọa chứ không gây bệnh thần kinh bao giờ. Vậy sự dồn ép tức là một hoạt động đặc biệt dành cho các bệnh thần kinh và biểu thị đặc biệt nhất cho các bệnh này. Có lẽ tôi sẽ có dịp nói chuyện với các bạn nhiều hơn về sự sa đọa và lúc đó các bạn sẽ thấy rằng mọi việc xảy ra một cách đơn giản hơn mình tưởng.

Tôi mong rằng các bạn sẽ không khó chịu khi thấy tôi nói quá nhiều đến sự định cư và thụt lùi của khát dục, nếu các bạn hay rằng những lời nói đó chỉ có mục đích sửa soạn cho các bạn xét đến vấn đề căn bệnh của thần kinh. Về điểm này tôi mới chỉ đưa ra có một dữ kiện: đó là người ta chỉ mắc bệnh thần kinh khi bị kìm hãm không cho thoả mãn tình dục, nghĩa là bị thiếu thốn, và những triệu chứng xuất hiện để thay thế cho sự đòi hỏi không được thoả mãn. Nhưng không phải vì thế mà kết luận rằng mỗi khi có sự kìm hãm tình dục là có ngay bệnh thần kinh; tôi chỉ muốn nói là hình thức *thiếu thốn* xảy ra trong mọi bệnh thần kinh đã được phân tích, chứ không phải cứ có thiếu thốn là có bệnh. Đề luận của tôi không hề đưa ra ánh sáng mọi bí ẩn của bệnh thần kinh mà chỉ nói đến một trong các điều kiện quan trọng và cần thiết trong sự phát sinh ra các chứng bệnh đó thôi.

Chúng ta cũng chưa biết là trong cuộc thảo luận sau này về đề luận nói trên, chúng ta sẽ phải chú ý đến thực chất của sự thiếu thốn hay đến tính cách đặc biệt của người bệnh hơn. Lý do và sự thiếu thốn không bao giờ đầy đủ và tuyệt đối cả, muốn

trở thành căn bệnh, sự thiếu thốn phải đặt mục tiêu trên sự thoả mãn mà con bệnh đòi hỏi, sự thoả mãn duy nhất mà anh ta có thể đòi hỏi được. Có nhiều cách chịu đựng sự thiếu thốn về tình dục mà không bị bệnh. Chúng ta biết có nhiều người chịu đựng được mà không thấy có hại gì, họ không sung sướng nhưng cũng không mắc bệnh. Vả lại những khuynh hướng tình dục thường có tính chất dẻo dai lạ lùng, có thể thay thế nhau rất dễ dàng. Một khuynh hướng này có thể thay thế cường độ của một khuynh hướng khác; một khi trong thực tế người ta không thoả mãn được sự đòi hỏi này, người ta có thể thay thế bằng sự thỏa mãn một đòi hỏi khác. Những khuynh hướng này như một hệ thống sông đào đầy nước thông với nhau mặc dù đều chịu sự thống trị của cơ quan sinh dục: hai đặc tính thực khó dung hòa. Hơn nữa các khuynh hướng lẻ tẻ về tình dục cũng như bản năng tình dục đều có thể dễ dàng thay đổi mục tiêu, đổi lẫn cho nhau những đối tượng hợp cho mình hơn, và chính sự dễ dàng thay thế này gây nên một sự phản kháng rất mạnh đối với tác dụng gây bệnh cuả sự thiếu thốn. Trong những yếu tố chống đối này có một yếu tố có tầm quan trọng xã hội đặc biệt. Đó là việc các khuynh hướng vì không thể thoả mãn được trong hành vi tình dục nên đã thay thế sự thoả mãn này bằng một mục tiêu khác tuy cũng giống như mục tiêu trên nhưng không có tính tình dục nữa mà chỉ còn tính chất xã hội thôi. Chúng ta gọi sự hoạt động thay thế này là sự "hoán chuyển" và làm như thế chúng ta đứng về phía những người dành cho những mục đích xã hội một giá trị lớn hơn mục đích tình dục, mục đích này chỉ có tính cách vị kỷ. Sự hoán chuyển chỉ là một trường hợp đặc biệt của việc gắn liền những khuynh hướng tình dục vào những khuynh hướng

khác không tình dục. Chúng ta sẽ có dịp quay trở lại vấn đề này trong dịp khác.

Chắc các bạn muốn tin rằng sau khi tìm ra được những phương sách để chịu đựng sự thiếu thốn thì sự thiếu thốn sẽ mất hẳn tầm quan trọng. Sự thực không phải thế. Sự thiếu thốn vẫn giữ nguyên tính cách phát bệnh của nó. Những phương tiện để chịu đựng thiếu thốn thường không đủ dùng. Sự chịu đựng của khát dục có giới hạn. Sự dẻo dai và linh động của khát dục không hoàn toàn đầy đủ đối với mọi người, sự hoán chuyển chỉ huỷ bỏ được một phần khát dục nào đó thôi, đó là không nói đến việc nhiều người chỉ có một khả năng hoán chuyển rất giới hạn. Có nhiều người chỉ thoả mãn được với một số đối tượng và mục tiêu rất ít. Các bạn nên nhớ rằng khi khát dục phát triển không đầy đủ thì thường hay định cư lại tại những giai đoạn tiền tổ chức và những đối tượng trong quá khứ, cả hai loại giai đoạn và đối tượng này đều không có khả năng cung cấp sự thoả mãn thực sự nữa. Như vậy tức là sau sự thiếu thốn, sự định cư là yếu tố mạnh nhất trong việc phát sinh ra bệnh thần kinh. Người ta có thể cho rằng trong căn bệnh thần kinh, sự định cư là yếu tố quyết định bên trong, trong khi sự thiếu thốn là yếu tố quyết định bên ngoài.

Tôi lợi dụng cơ hội này để cầu các bạn đừng vội tỏ thái độ trong việc thảo luận vô ích. Trong thế giới khoa học, người ta hay thích chiếm lấy một phần sự thực rồi tuyên bố phần này là tất cả sự thực để phủ nhận giá trị của phần còn lại, trong khi phần còn lại này không phải là không đúng sự thực. Chính do phương sách này, nhiều phe phái đã rời bỏ môn phân tâm học, có phe phái chỉ công nhận những khuynh hướng vị kỷ mà phủ

nhận những khuynh hướng tình dục, có phe phái chỉ công nhận ảnh hưởng của đời sống thực sự thôi chứ không công nhận ảnh hưởng của quá khứ cá nhân, v.v... Người ta cũng có thể đem sự định cư và sự thiếu thốn ra chống đối nhau và nêu ra một cuộc thảo luận bằng cách đặt câu hỏi: những bệnh thần kinh bắt nguồn từ bên trong cơ thể hay từ bên ngoài, nó là kết quả của một cách cấu tạo cơ thể nào đó hay chỉ do một vết thương từ bên ngoài vào? những bệnh đó có phải do sự định cư khát dục gây ra (hay do những cách cấu tạo đặc biệt khác của tình dục) hay do áp lực của thiếu thốn gây ra? Nói thực ra hỏi thế cũng chẳng khác gì hỏi: đứa bé sinh ra là do người cha hay người mẹ? Các bạn sẽ trả lời đúng là cả hai điều kiện đều cần thiết. Sự việc xảy ra nếu không đúng hẳn thì cũng tương tự như đối với bệnh thần kinh. Về phương diện căn bệnh học, những chứng bệnh có thể được xếp thành một loại trong đó hai yếu tố: Cấu tạo tình dục và ảnh hưởng bên ngoài, hay nếu các bạn thích hơn, sự định cư của phát dục và sự thiếu thốn được phát hiện theo đường hướng làm cho một trong hai yếu tố đó tăng lên thì yếu tố kia phải sút giảm. Ở một đầu kia trong loại xếp hạng là trường hợp tối đa: vì khát dục phát triển một cách rất bình thường nên những người này nhất định phải mắc bệnh thần kinh dầu ảnh hưởng bên ngoài ra sao mặc lòng. Đằng đầu đối nghịch là trường hợp những người chắc chắn thoát được bệnh thần kinh nếu họ không rơi vào tình trạng này hay tình trạng khác. Trong những trường hợp ở giữa hai đầu đó thì sự cấu tạo tình dục càng mạnh bao nhiêu thì sự ảnh hưởng bên ngoài càng ít bấy nhiêu, và trái lại. Trong trường hợp này sự cấu tạo tình dục đánh lẽ không phát sinh ra bệnh thần kinh nếu không có sự can thiệp tai hại từ bên ngoài vào và những ảnh hưởng này sẽ có kết quả gì

nếu khát dục đã được cấu tạo một cách khác. Tôi có thể công nhận rằng những yếu tố cấu tạo quan trọng hơn ảnh hưởng bên ngoài, nhưng điều đó còn tuỳ thuộc vào những giới hạn sự bất an của tinh thần.

Tôi đề nghị các bạn gọi loại này là loại bổ túc, chúng ta sẽ có dịp nói tới nhiều loại khác nữa.

Việc khát dục cứ bám vào một hướng nào và một vài đối tượng nào đó là một yếu tố độc lập thay đổi từ người này qua người khác mà chúng ta chưa hề biết tại sao. Nếu chúng ta không nên đánh giá quá thấp vai trò của nó trong căn bệnh học thì chúng ta cũng không nên đánh giá quá cao sự thân mật của nó trong sự liên quan đến căn bệnh học. Tính cách bám riết này của khát dục được nhận thấy trong nhiều trường hợp, trong những người bình thường có tính quyết định, trong những người hợp thành một loại trái hẳn với loại người tinh thần bất an: đó là loại người sa đọa. Trước khi phân tâm học xuất hiện, Binet đã tìm ra rằng, trong trí nhớ mất đi của người sa đọa nhiều khi có những dấu vết một chiều hướng nào đó của bản năng hay một đối tượng nào đó được lựa chọn một cách bất thường mà khát dục của người sa đọa thường ghi nhớ suốt đời. Nhiều khi chúng ta không thể biết cái gì đã làm cho dấu vết đó có đủ khả năng lôi cuốn được sự khát dục một cách mạnh mẽ như thế. Tôi kể cho các bạn nghe một trường hợp do chính tôi quan sát. Có một ông ngày nay không còn để ý đến cơ quan sinh dục cùng các vẻ đẹp khác của đàn bà nhưng mỗi khi nhìn thấy bàn chân của người đàn bà đi một đôi giầy kiểu nào đó thì tự nhiên thấy lòng dục nổi lên đùng đùng, nhớ lại một biến cố xảy ra hồi ông ta mới lên sáu giữa một vai trò quyết định sự định cư của khát

dục. Cậu bé ngồi trên một cái ghế đẩu trước mặt người nhũ mẫu dạy cậu học tiếng Anh. Người nhũ mẫu, một người già xấu, mắt xanh, mũi hếch, hôm đó bị đau chân nên đi một đôi giầy dạ và gác chân lên một cái đệm. Chân bà ta được giấu kín rất đứng đắn. Sau này có một cái chân gầy guộc, đầy gân xanh giống như chân của người nhũ mẫu đã trở nên đối tượng duy nhất của tình dục của ông ta và mỗi lần trông thấy một cái chân như thế cùng với những đặc điểm khác của người nhũ mẫu, ông ta lại thấy lòng dục nổi lên. Việc định cư của khát dục đã làm cho ông ta trở thành một người sa đọa chứ không phải là một người bệnh thần kinh, chúng ta gọi loại người sa đọa này là loại người bị ám ảnh bởi một cái chân. Các bạn thấy không: sự định cư tuy là một căn nguyên của bệnh thần kinh, phát sinh ra rất sớm, hồi còn trẻ con, nhưng cũng có tác dụng rất xa ngoài bệnh thần kinh. Vì vậy sự định cư là một điều kiện không có tính chất quyết định như sự thiếu thốn đã nói trong phần trên.

Do đó vấn đề quy định những chứng bệnh thần kinh có vẻ trở thành rắc rối. Sự thực công trình khảo cứu phân tâm học đưa ra ánh sáng một yếu tố mới trước khi không có trong bản thống kê căn bệnh của chúng ta và xuất hiện rõ ràng trong người bình thường bị mắc bệnh thần kinh. Trong các người này người ta thường gặp những sự ham muốn trái ngược nhau, một sự xung đột tinh thần. Một phần của người bệnh tỏ ý ham muốn một sự này trong khi một phần kia chống lại. Nếu không có sự xung đột này thì làm gì có bệnh thần kinh. Điều này chẳng có gì khác lạ. Các bạn hẳn biết đời sống tinh thần của chúng ta luôn luôn bị rung động bởi những sự xung đột mà chúng ta phải tìm cách giải thích. Một sự xung đột như thế mà gây ra bệnh thần kinh tất nhiên phải có những điều kiện gì đặc biệt. Vì thế chúng

ta cần hỏi xem những điều kiện đó là những điều kiện nào, những sự xung đột gây bệnh này hoạt động giữa những động lực tinh thần nào, liên quan giữa sự xung đột và các yếu tố quyết định khác ra sao?

Tôi hi vọng có thể đưa ra những câu trả lời có thể làm các bạn hài lòng tuy có hơi ngắn và vắn tắt quá. Sự xung đột do sự thiếu thốn gây ra, khát dục vì không được thoả mãn đã tìm cách thoả mãn bằng những đường lối và đối tượng khác. Những đường lối và đối tượng này không được một phần nào đó trong người chấp nhận, do đó sinh ra một sự cấm đoán làm cho khát dục không được thoả mãn với phương tiện mới. Kể từ lúc đó các triệu chứng dần dần xuất hiện theo một con đường mà ta sẽ xét sau. Những khuynh hướng khát dục tìm cách phát hiện ra bằng đường lối quanh co khác tuy vẫn cố gắng chứng minh sự đòi hỏi của mình bằng nhiều sự biến dạng và giảm thiểu khác. Con đường quanh co này chính là con đường xuất hiện của các triệu chứng: những triệu chứng này chính là sự thoả mãn mới mẻ hay dùng để thay thế sự thoả mãn trước không đạt được do sự thiếu thốn gây nên.

Người ta có thể làm sáng tỏ hơn tầm quan trọng của sự xung đột tinh thần bằng cách nói rằng: "Một sự thiếu thốn bên ngoài muốn gây bệnh cần phải có một sự thiếu thốn bên trong". Tất nhiên sự thiếu thốn bên ngoài cũng như bên trong đều đi theo những con đường và những đối tượng khác nhau. Sự thiếu thốn bên ngoài muốn gạt bỏ một sự thoả mãn này trong khi sự thiếu thốn bên trong lại muốn gạt bỏ một sự thoả mãn khác, do đó mà có xung đột. Tôi thích lối trình bày này hơn vì nó có nội dung rõ ràng. Điều này chứng tỏ rằng trong những thời kỳ sơ

khai của sự phát triển con người, những sự thiếu sót bên trong được quy định bằng những chướng ngại vật bên ngoài.

Nhưng những động lực phát sinh ra sự bài bác chống khuynh hướng khát dục là những động lực nào và phần kia có sự mâu thuẫn trong việc gây bệnh là thế nào? đó là những khuynh hướng không có tính cách tình dục. Chúng ta gọi những khuynh hướng này là "khuynh hướng của cái tôi"; vì sự phân tích chứng bệnh chuyển hoán không cung cấp cho ta một phương sách nào giúp cho ta mổ xẻ được chúng, nên ta chỉ biết chúng một phần nào bằng những sự chống đối ngăn trở không cho ta phân tích được. Sự xung đột gây bệnh chính là sự xung đột giữa những khuynh hướng của cái tôi và những khuynh hướng khát dục. Trong một vài trường hợp người ta có cảm tưởng rằng đó chỉ là mâu thuẫn giữa những khuynh hướng thuần túy tình dục; nhưng đó chỉ là bề ngoài vì trong hai khuynh hướng mâu thuẫn nhau, thế nào cũng có một khuynh hướng thoả mãn cái tôi trong khi khuynh hướng kia tìm cách bảo vệ cái tôi khỏi sự cám dỗ. Vậy tức là chỉ có sự xung đột giữa cái tôi và khát dục thôi.

Mỗi khi phân tâm học coi một biến cố nào đó là sản phẩm của những khuynh hướng tình dục người ta thường chỉ trích nói rằng con người không phải làm bằng tình dục, trong đời sống tinh thần còn có những khuynh hướng khác ngoài khuynh hướng và lợi ích tình dục và chúng ta không nên qui tụ hết mọi sự vào tình dục. Tôi không thấy gì khoan khoái hơn là được đồng ý với những người chống đối mình ít ra là một lần. Phân tâm học không bao giờ quên được rằng có những khuynh hướng phi tình dục, chính phân tâm học được xây dựng trên nền

tảng của một sự phân biệt rõ ràng giữa những khuynh hướng của cái tôi và luôn luôn khẳng định rằng bệnh thần kinh không phải là sản phẩm của tình dục mà là sự mâu thuẫn giữa tình dục và cái tôi. Phân tâm học không thấy lý do nào vững chắc để phủ nhận sự có mặt hay tầm quan trọng của những khuynh hướng của cái tôi trong khi tìm cách phát hiện và định nghĩa vai trò của các khuynh hướng tình dục trong bệnh thần kinh và trong cuộc đời. Nếu phân tâm học đã nói đến các khuynh hướng tình dục chính là vì những bệnh thần kinh hoán chuyển đã làm nổi bật những khuynh hướng này lên và hiến cho phân tâm học một phạm vi nghiên cứu mà người khác không thèm để ý đến.

Vả lại, cho rằng phân tâm học không để ý đến khía cạnh phi tình dục của cá tính là một điều không đúng. Chính sự phân biệt giữa cái tôi và tình dục đã chứng tỏ một cách đặc biệt rõ ràng là những khuynh hướng của cái tôi cũng phát triển một cách có ý nghĩa và sự phát triển này không phải là không liên quan gì đến tình dục và không có phản ứng gì đối với tình dục. Sự thực là chúng ta biết đến sự phát triển của cái tôi không rõ ràng bằng sự phát triển tình dục, và lý do là chúng ta chỉ biết được cách cấu tạo của cái tôi sau khi nghiên cứu chứng bệnh Narcissisme. Dù sao chúng ta biết được một công trình rất hay về vấn đề này. Đó là công trình của M.Ferenczi, người đã tìm cách ấn định giai đoạn phát triển của cái tôi và ít nhất chúng ta có hai điểm tựa vững vàng để có một ý niệm về sự phát triển này. Không phải những lợi ích tình dục của một người ngay từ lúc đầu bắt buộc phải xung đột với những lợi ích từ bảo vệ; chúng ta có thể cho rằng cái tôi, trong mỗi giai đoạn phát triển đều tìm cách hoà nhịp cùng tổ chức tình dục, thích ứng với tổ chức này. Những giai đoạn nối tiếp nhau của sự phát triển của

khát dục diễn ra theo một chương trình sắp sẵn từ trước; nhưng để chắc chắn là sự nối tiếp này chịu ảnh hưởng của cái tôi; giữa sự phát triển của cái tôi và sự phát triển của phát dục có hoà hợp nào đó và sự rối loạn trong sự hoà hợp này đã gây ra bệnh thần kinh. Có một điểm chúng ta cho là rất quan trọng là tự hỏi một khi khát dục đã định cư tại một giai đoạn nào trong sự phát triển thì thái độ của cái tôi ra sao? Cái tôi có thể cấu kết với sự định cư này và trong trường hợp đó nó trở thành sa đọa hay ấu trĩ. Nhưng cái tôi cũng có thể chống lại sự định cư đó và trong trường hợp này cái tôi bị dồn ép trong khi tình dục bị định cư.

Theo con đường này chúng ta thấy yếu tố thứ ba của căn bệnh thần kinh, cái khuynh hướng đưa đến sự xung đột cũng tuỳ thuộc vào sự phát triển của cái tôi cũng như của khát dục. Vì thế những ý kiến của chúng ta về sự qui định bệnh thần kinh được bổ túc. Thứ nhất chúng ta có điều kiện tổng quát nhất, đó là sự thiếu thốn, rồi đến sự định cư của tình dục đưa thiếu thốn hướng về một vài hướng nào đó và thứ ba là sự can thiệp của khuynh hướng mâu thuẫn gây ra do sự phát triển của cái tôi trong khi cái tôi chống lại những khuynh hướng khát dục. Vậy tình trạng cũng không đến nỗi phức tạp khó lĩnh hội như các bạn tưởng. Dù sao chúng ta cũng chưa nói hết những điều phải nói về vấn đề này. Chúng ta cần nói thêm một vài điều mới nữa và khảo sát kỹ càng hơn những điều đã nói rồi.

Để chứng tỏ rõ hơn ảnh hưởng của cái tôi đối với việc phát sinh ra mâu thuẫn, nghĩa là đối với sự quy định chứng bệnh thần kinh, tôi kể cho các bạn nghe một câu chuyện tuy chỉ có trong tưởng tượng nhưng không phải vì thế mà không có vẻ

thực. Thí dụ này do vở kịch của Nestroy gợi ra cho tôi: "ở tầng dưới và tầng lầu một". Người gác cổng ở tầng dưới, người chủ nhà, một người giầu có được mọi người quý mến ở tầng trên. Cả hai đều có nhiều con, cô con gái của ông chủ nhà hoàn toàn tự do chơi với con người gác cổng. Có thể hai đứa bé chơi nhiều trò tục tĩu, ví dụ chơi trò bố mẹ, tìm cách nhòm ngó cơ quan sinh dục của nhau, tìm cách sờ soạng. Con gái ông chủ tuy mới có năm hay sáu tuổi nhưng đã có dịp quan sát một vài điều về tình dục người lớn, nên có thể đóng vai con người quyến rũ trai được. Dù không kéo dài bao lâu, những trò chơi đó cũng đủ kích thích một vài khuynh hướng tình dục trong lòng hai đứa trẻ và sự kích thích này phát triển sau đó với hình thức thủ dâm. Lúc đầu tình trạng chung cho hai đứa trẻ, nhưng những cái gì xảy ra sau đó thì khác hẳn nhau. Cô con gái người gác cổng cứ tiếp túc thủ dâm như thế cho đến khi thấy kinh, rồi sau đó bỏ không thủ dâm, vài năm sau đó có thể có nhân tình, có con cái, làm nghề này nghề nọ, có thể trở thành một nghệ sĩ nổi danh và chấm dứt cuộc đời mình như một nhà quý tộc. Có thể đời sống của cô ta sẽ không huy hoàng như thế nhưng chắc chắn là cô ta sẽ sống trọn đời mình không thấy ảnh hưởng gì của những trò chơi dục tình thủa nhỏ, và không hề bị bệnh thần kinh. Cô con gái của ông chủ thì khác. Ngay từ lúc còn nhỏ cô bé đã tỏ ra hối hận rằng mình đã làm một việc gì xấu xa, cố gắng rất nhiều để không thủ dâm nữa nhưng vẫn không thể quên được những kỷ niệm đau buồn của tình dục hồi nhỏ. Lớn lên khi trực tiếp với những việc dính dáng đến thặng dư, cô ta sẽ quay mặt đi và tỏ vẻ không hề biết gì đến việc đó. Có thể là cô ta lại muốn thủ dâm trở lại nhưng không có can đảm than thở với ai cả. Khi đến tuổi lấy chồng, cô sẽ dễ dàng làm mồi cho bệnh thần kinh, sẽ

cảm thấy thất vọng não nề khi nghĩ đến sự lấy chồng và nhìn cuộc đời bằng con mắt sầu thảm. Nếu đem phân tích, người ta sẽ thấy là cô gái có giáo dục, thông minh, đầy lý tưởng này đã hoàn toàn dồn ép các khuynh hướng tình dục của mình và các khuynh hướng này mà cô không hề biết đến, bắt nguồn từ những trò chơi trong thời thơ ấu.

Sự khác biệt giữa hai số mệnh này là ở chỗ cái tôi của một trong hai người đã có một quá trình phát triển mà cô kia không có. Đối với cô con gái người gác cổng, hoạt động tình dục có tính cách tự nhiên, không hề gây ấn ý gì cả, dù trong thời còn nhỏ hay khi đã lớn thì cũng vậy thôi. Cô con gái của ông chủ trái lại chịu ảnh hưởng của giáo dục và những sự đòi hỏi của nền giáo dục. Nhờ sự giáo dục, cô ta tự gắn cho mình hình ảnh lý tưởng về sự trong sạch, trinh tiết của người đàn bà không phù hợp với những hoạt động tình dục. Chính sự học vấn đã làm cho cô ta không quan tâm lắm về vai trò của cô ta với tư cách một người đàn bà trong xã hội. Chính vì đã chịu một quá trình phát triển cao xa hơn cô bạn gái hồi còn nhỏ nên cô đã không chịu đáp ứng với sự đòi hỏi của tình dục.

Tôi muốn nhấn mạnh đến một điểm khác về sự phát triển của cái tôi vì điểm này sẽ mở rộng phạm vi hoạt động của chúng ta, giúp cho ta tìm được kết luận chứng minh được sự ngăn cách rõ ràng của những khuynh hướng của cái tôi và tình dục. Chúng ta phải chấp nhận một định đề từ trước tới nay chưa hề được chú trọng tới. Cả hai sự phát triển của cái tôi và tình dục chỉ là của thừa kế của sự phát triển chung của nhân loại từ ngàn xưa. Tình dục cố nhiên bắt nguồn từ hệ thống phát sinh chủng tộc. Các bạn chỉ cần nhớ rằng ở một vài động vật, cơ

quan tình dục có liên quan chặt chẽ tới cái mồm, ở một vài con vật khác thì cơ quan sinh dục lại gắn liền vào với cơ quan bài tiết, ở một số con vật khác nữa cơ quan sinh dục lại gắn liền vào một vài cơ quan cơ năng di chuyển, những điều này đều được trình bày trong cuốn sách quý báu của W. Belshe. Như thế tức là trong mọi giống vật đều có sự sa đọa và tổ chức tình dục trong tình trạng không thay đổi. Nhưng đối với loài người thì ảnh hưởng của hệ thống phát sinh chủng tộc được che giấu dưới những điều kiện đặc biệt, nửa do di truyền để lại, nửa do kinh nghiệm tích luỹ từ đời nọ đến đời kia và tính cách di truyền vẫn tồn tại và có tác dụng đối với những cá nhân tiếp tục truyền thống của con người. Những điều kiện này ngày xưa chỉ có tính cách sáng tạo, thì bây giờ trở thành tính cách kích động. Tất nhiên quá trình phát triển tiền định của con người cũng có thể bị rối loạn và biến đổi trong mỗi cá nhân bởi những điều kiện bên ngoài mới nhất. Còn động lực nào đã gây ra quá trình phát triển đó và vẫn tiếp tục tác dụng theo chiều hướng cũ: đó là sự thiếu thốn do thực tế đưa ra hay nói cho đúng hơn, đó là sự cần thiết cho cuộc sống. Những người bệnh thần kinh chính là người chịu ảnh hưởng đau đớn của sự thiếu thốn hay cần thiết này và con người dù được giáo dục theo kiểu nào thì cũng có thể bị bệnh được. Khi tuyên cáo rằng sự cần thiết của cuộc sống là động cơ chính của sự phát triển này, chúng ta không hề làm giảm tầm quan trọng của những khuynh hướng bên trong khi sự có mặt của chúng có thể chứng minh được.

Chúng ta cần ghi nhận rằng những khuynh hướng tình dục và bản năng bảo tồn không hoạt động giống nhau trước sự cần thiết thực sự. Những bản năng đều có mục đích tự bảo tồn nên có thể giáo dục được, chúng chịu uốn mình theo sự cần thiết

của cuộc sống và chịu theo đà phát triển theo sự chỉ dẫn của thực tế. Điều này rất dễ hiểu vì những bản năng này không tìm đâu ra những đối tượng dành cho nhu cầu của chúng bằng các trò khác, và không có chúng thì loài người sẽ bị tiêu diệt. Những khuynh hướng tình dục trái lại ngay lúc đầu không cần có đối tượng, không có nhu cầu nên khó giáo dục hơn. Sống một cuộc đời ăn bám cùng với cơ quan khác trong cơ thể có thể tự thoả mãn được mà không cần ra khỏi cơ thể, những khuynh hướng thoát khỏi ảnh hưởng có tính cách giáo dục của sự cần thiết của cuộc sống và trong đời sống của nhiều người chúng cứ giữ mãi cái tính cách võ đoán, bất định, cứng rắn, bí ẩn này. Thêm vào đó, ngay khi đến tuổi mà nhu cầu tình dục đạt đến cường độ cấp bách thì người thanh niên thường thôi không chịu ảnh hưởng của nền giáo dục nữa, những người giáo dục thừa biết điều đó và đã hoạt động ngay tức khắc; nhưng có lẽ họ đã công nhận rằng phân tâm học đã quan niệm đúng khi cho rằng chính nền giáo dục nhận được ngay từ hồi còn nhỏ mới để lại dấu vết sâu xa nhất, chú bé thường được coi như hoàn toàn cấu tạo xong vào năm 4 hay 5 tuổi và sau này sẽ hoạt động theo đường lối nhận được trong tuổi này.

Muốn làm nổi bật lên ý nghĩa của sự khác biệt giữa hai nhóm bản năng này chúng ta sẽ phải đi quanh co một con đường khá dài và đưa ra một trong các nhận xét mà ta gọi là có tính cách kinh tế. Làm như vậy, chúng bắt đầu đi vào một trong các con đường quan trọng nhất nhưng cũng tăm tối nhất trong phân tâm học. Chúng ta tự hỏi xem có phải bất cứ ý muốn cơ bản nào cũng do guồng máy tinh thần phát sinh ra không và để trả lời câu hỏi đó chúng ta nói rằng mọi hoạt động tinh thần của chúng ta đều hướng vào mục đích, hướng vào mục đích hiến

cho ta sự khoái lạc, tránh cho ta những sự gì không khoái và những sự hoạt động tinh thần đều do *nguyên lý khoái lạc* ngự trị. Chúng ta muốn trả bất cứ giá nào để được biết xem những điều kiện của khoái lạc và không khoái lạc là những điều kiện nào. Điều độc nhất mà chúng ta biết được là sự khoái lạc có liên can đến sự giảm sút, giảm bớt cường độ hay sự hủy diệt của những sự kích động tích luỹ trong guồng máy tinh thần trong khi sự đau khổ đi đôi với sự tăng gia, bột phát của những sự kích động này. Khảo sát khoái cảm gây cho chúng ta trong việc giao cấu, chúng ta không còn gì nghi ngờ về điểm này. Chính vì những hành vi gây khoái cảm đó quyết định về số phận của những sự kích động và nghị lực tinh thần nên chúng ta có thể gán cho chúng tính chất *kinh tế*. Chúng ta ghi nhận rằng, chúng ta có thể mô tả sự hoạt động của guồng máy tinh thần này theo một đường lối không liên can đến sự khoái lạc. Người ta có thể nói rằng guồng máy tinh thần dùng để chế ngự những sự kích động do bên trong hay bên ngoài gây ra. Về phần các khuynh hướng tình dục thì từ đầu đến cuối quá trình phát triển bao giờ cũng là một phương sách tìm kiếm khoái cảm nên bao giờ cũng hoạt động rất đều. Đó cũng là hoạt động của các khuynh hướng của cái tôi trong lúc đầu. Nhưng dưới áp lực của sự cần thiết chẳng bao lâu những khuynh hướng này thay thế nguyên lý khoái lạc bằng một sự thay đổi khác. Chúng có nhiệm vụ gạt bỏ những cái gì khó chịu chẳng kém nhiệm vụ tìm kiếm khoái cảm; cái tôi sẽ được biết là cần phải chối bỏ sự đòi hỏi phải được thỏa mãn ngay tức khắc, rời công việc tìm kiếm khoái cảm vào lúc khác, chịu đựng một vài sự khó nhọc, và không tìm kiếm một vài nguồn khoái cảm nữa. Cái tôi được giáo dục như thế sẽ trở thành biết điều; sẽ không để cho *nguyên*

lý khoái lạc chế ngự nữa, nhưng sẽ tuân theo *nguyên lý thực tế*. Nguyên lý này cũng có mục đích tìm khoái lạc nhưng là một sự khoái lạc mà cường độ và thời gian tiếp nhận bị giảm bớt dễ gây tin cậy hơn đối với những sự đòi hỏi của thực tế.

Từ nguyên lý khoái lạc qua nguyên lý thực tế, quá trình phát triển của cái tôi đã bước những bước tiến rất dài, quan trọng nhất. Chúng ta biết rằng những khuynh hướng tình dục chỉ trải qua những giai đoạn phát triển này rất chậm và có vẻ như bị bắt buộc, sau này chúng ta sẽ thấy sự liên quan giữa tình dục và tình trạng thực tế bên ngoài có những hậu quả gì đối với con người. Nếu cái tôi của con người cũng phát triển và có một lịch sử rõ ràng chẳng khác gì tình dục thì các bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng chính *cái tôi cũng thụt lùi*, các bạn cũng tò mò muốn biết sự thụt lùi của cái tôi về những giai đoạn phát triển từ trước sẽ giữ một vai trò gì trong bệnh thần kinh.

23. NHỮNG PHƯƠNG SÁCH THÀNH LẬP TRIỆU CHỨNG

Đối với những người thường thì triệu chứng của bệnh thần kinh chính là những điều căn bản trong chứng bệnh và khi những triệu chứng này biến mất chính là lúc khỏi bệnh. Bác sĩ trái lại phân biệt triệu chứng và bệnh hoạn và cho rằng sự biến mất của các triệu chứng không chứng tỏ là bệnh đã khỏi. Nhưng điều còn sót lại trong căn bệnh sau khi triệu chứng biến mất hết chính là khả năng xuất hiện của những triệu chứng mới. Vì thế nên tạm thời chúng ta hãy chấp nhận quan điểm của người thường cho rằng phân tích các triệu chứng chính là để tìm hiểu bệnh tình.

Những triệu chứng – tất nhiên chúng ta chỉ nói đến triệu chứng có tính cách tinh thần, đến những bệnh tinh thần thôi - đối với toàn thể đời sống, được coi như những hành vi có hại hay ít nhất cũng chẳng có lợi gì, những hành vi mà người ta sợ hãi kinh tởm mà làm, thường kèm theo sự đau lòng, khổ sở. Điều tai hại nhất là người ta phải có nhiều cố gắng tinh thần mới hành động và chống lại nó được. Hai sự cố gắng này thường làm giảm nhiều nghị lực khiến cho người bị bệnh không còn đủ nghị lực để làm những việc thường trong đời. Vì thế cho nên nói đến bệnh thần kinh là người ta nghĩ ngay đến khía cạnh thực tế của nó. Tuy nhiên, nếu đứng về phương diện lý thuyết

các bạn đừng chú trọng đến nghị lực bị tiêu phí đi này, các bạn sẽ không nói ngoa khi cho rằng mọi người chúng ta đều mắc bệnh thần kinh hết vì những điều kiện khiến cho các triệu chứng xuất hiện cũng có ở những người bình thường.

Về triệu chứng bệnh thần kinh, chúng ta đều biết chúng là kết quả của sự xung đột do lối thoả mãn mới của tình dục gây nên. Hai động lực trước kia cách xa nhau, bây giờ tụ họp nhau lại để hợp thành triệu chứng. Chính điều này cắt nghĩa tại sao triệu chứng lại có sức chống đối mạnh như thế: bởi vì nó bị giằng co ở hai phía. Chúng ta cũng biết rằng một trong hai phe trong sự xung đột đó đại diện cho khát dục không được thoả mãn, bị gạt ra ngoài đời thực và phải đi tìm những phương sách thỏa mãn mới. Nếu sự thực tỏ ra không thương hại dù là khát dục có tỏ vẻ sẵn sàng chấp nhận một đối tượng khác với đối tượng bị từ chối chăng nữa, thì khát dục sẽ bị bắt buộc phải đi vào con đường thụt lùi, tìm cách thoả mãn hoặc trong những tổ chức đã lỗi thời hoặc trong những đối tượng đã bị bỏ rơi từ trước. Cái gì đã lôi cuốn khát dục trên con đường thụt lùi, đó chính là những sự định cư mà nó đã để lại trong quá trình phát triển của nó.

Vậy mà con đường thụt lùi lại khác hẳn con đường bệnh thần kinh. Khi những sự thụt lùi không gặp sự chống đối của cái tôi thì mọi việc đều tiếp diễn như thường không xảy ra bệnh tình gì và tình dục được thoả mãn thực sự tuy không bình thường. Nhưng khi cái tôi có nhiệm vụ kiểm soát không những ý thức mà còn cả những sự xúc động tinh thần, nghĩa là sự thực hiện những khuynh hướng tình thần, khi cái tôi không chịu chấp nhận sự thụt lùi đó thì sự xung đột bùng nổ. Khát dục bị

bít lối, phải tìm cách thoát ra bằng một chiều hướng nào giúp cho nó tiêu được những nghị lực tích luỹ do sự đòi hỏi của nguyên lý khoái lạc. Khát dục phải tách rời khỏi cái tôi. Điều giúp cho tình dục dễ dàng hơn là những sự định cư mà nó để lại trong quá trình phát triển, những sự định cư mà cái tôi phải tìm cách chống lại bằng sự dồn ép. Bằng cách chiếm lại những vị trí bị dồn ép, khát dục thoát khỏi cái tôi và những quy luật của cái tôi và bỏ rơi hết những sự giáo dục mà nó đã thụ hưởng dưới ảnh hưởng của cái tôi. Một khi còn hy vọng được thoả mãn khát dục chịu để cho cái tôi dẫn dắt, nhưng khi bị áp lực của sự thiếu thốn cả bên trong lẫn bên ngoài, khát dục trở lên khó bảo và tiếc rẻ nghĩ đến những ngày hạnh phúc đã qua. Đó chính là đặc tính của khát dục, đặc tính này không thay đổi. Nghị lực của khát dục bây giờ áp dụng vào những sự phát hiện gắn liền vào vô thức, chịu sự kiểm soát của sự hoạt động của hệ thống này, trước hết là sự cô đọng và sự di chuyển. Chúng ta biết là giấc mơ được thành lập như một sự thực hiện ham muốn tưởng tượng trong vô thức, cũng vấp phải một hoạt động nào đó có tính cách tiền ý thức. Ý thức kiểm duyệt giấc mơ và kết quả của sự kiểm duyệt đó là một sự dung hoà gây ra giấc mơ rõ ràng. Đối với tình dục cũng vậy, tuy ở trong vô thức, nó cũng phải tìm cách dung hoà với cái tôi trong tiền ý thức. Sự chống đối đối tượng của tình dục ngay trung tâm cái tôi giống như một trận phản công đánh vào vị trí mới của tình dục và bắt buộc nó phải tìm một hình thức phát hiện mới nào cho hợp với hình thức phát hiện của cái tôi. Triệu chứng phát sinh như thế đó, sản phẩm bị biến dạng rất nhiều của sự thoả mãn vô thức của một sự ham muốn tình dục, một sản phẩm mập mờ, rất khéo chọn

có hai cách nghĩ trái ngược hẳn. Giữa giấc mơ và triệu chứng có một sự khác biệt, trong giấc mơ ý muốn tiềm thức có mục đích bảo vệ giấc ngủ không cho một cái gì có thể quấy rối vào trong ý thức. Trái lại, khi có việc giao thiệp với giấc mơ, ý muốn tiền ý thức phải tỏ ra dễ dãi hơn vì tình trạng của người ngủ ít bị đe doạ hơn, giấc ngủ là một hàng rào ngăn cách không cho giao thiệp gì với bên ngoài cả.

Các bạn thấy là nếu khát dục thoát khỏi được các điều kiện do sự xung đột tạo nên thì là nhờ các sự định cư. Quay trở về với sự định cư, tình dục hủy bỏ hậu quả của sự dồn ép, được hưởng một lối rẽ cho sự thoả mãn với điều kiện là tôn trọng thoả hiệp với cái tôi. Bằng cách len lỏi trong vô thức, nhờ các sự định cư cũ, khát dục được tìm một sự thoả mãn thực sự, dù rất giới hạn và khó nhận ra. Về kết quả cuối cùng này tôi có hai nhận xét: trước hết, tôi yêu cầu các bạn chú ý đến những dây liên lạc chặt chẽ giữa khát dục và vô thức một đằng, giữa ý thức và thực tế đằng khác, dù rằng trong lúc đầu giữa hai cặp này chẳng có dây liên lạc nào cả; thứ hai tôi muốn báo trước cho các bạn biết để các bạn đừng quên là tất cả những điều tôi vừa nói và sắp nói chỉ liên quan đến sự thành lập các triệu chứng trong bệnh náo loạn thần kinh thôi.

Khát dục tìm thấy những sự định cư ở đâu để tìm được một con đường qua các sự dồn ép? Thì ở trong những hoạt động và biến cố của tình dục trẻ con, trong những khuynh hướng lẻ tẻ và những đối tượng bị bỏ rơi từ hồi nhỏ chứ còn ở đâu nữa. Tình dục trở về với những thứ đó. Tầm quan trọng của thời thơ ấu có hai khía cạnh: một phần, trẻ con lần đầu tiên phát hiện những bản năng và khuynh hướng mà nó mang đến cho thế giới như

những hoạt động của những cái gì bẩm sinh, phần khác, nó chịu ảnh hưởng bên ngoài của những biến cố xảy ra trong đời làm thức dậy những hoạt động của những bản năng khác. Tôi cho rằng chúng ta có quyền chấp nhận một sự phân chia như thế. Sự phát biểu của những cái gì bẩm sinh không gây nên một sự bài bác nào cả, nhưng kinh nghiệm phân tâm học bắt buộc phải chấp nhận rằng những biến cố tình cờ của thời thơ ấu có đủ khả năng tự tạo những điểm tựa dành cho sự định cư trong khát dục. Tôi chẳng thấy điểm đó có gì khó khăn về lý thuyết cả. Những yếu tố cấu thành chính là dấu vết do tiền nhân để lại trong chúng ta; nhưng chính những yếu tố đó là những đặc tính thu lượm được về sau này vì nếu không thu lượm được thì làm sao có di truyền được. Chúng ta làm sao chấp nhận được quan niệm cho rằng khả năng thu lượm được những đặc tính mới có tính cách di truyền lại không có ở trong thế hệ của chúng ta. Giá trị của những biến cố trong đời sống tiền nhân hay trong tuổi thành niên của từng cá nhân, những sự kiện trong đời sống trẻ con trái lại phải được chú trọng đặc biệt. Chúng đưa đến những hậu quả càng nghiêm trọng hơn khi chúng xảy ra vào một thời kỳ mà sự phát triển của trẻ con chưa hoàn tất, và điều này làm cho chúng dễ bị xúc động do bên ngoài hơn. Công trình khảo cứu của Roux và nhiều người khác cho thấy rằng, chỉ cần chích một mũi kim nhỏ vào phôi thai trong lúc tế bào đang phân chia cũng đủ gây nên những sự rối loạn nghiêm trọng trong sự phát triển. Một mũi kim như thế chích vào một con vật đã hoàn tất sự phát triển rồi, không có ảnh hưởng gì hết.

Sự định cư của khát dục, được coi như đại diện của yếu tố cấu thành, có thể chia làm hai yếu tố mới: yếu tố di truyền và

yếu tố thu được trong thời thơ ấu đầu tiên. Tôi biết là mọi người đều thích sự việc được tóm tắt trong một bản vẽ phác.



(Biến cố của đời sống thời tiền sử)

Sự cấu tạo khát dục di truyền gồm có nhiều tính tình, tuỳ theo tính tình này hướng về một khuynh hướng lẻ tẻ này hay khuynh hướng khác, với một khuynh hướng thôi hay với nhiều khuynh hướng khác kết hợp lại. Kết hợp với những biến cố trong đời sống trẻ con, sự cấu tạo hợp thành một loại "phụ thuộc" giống hệt như sự kết hợp giữa tình hình và những biến cố tình cờ xảy ra trong đời sống người lớn. Ở nơi nào chúng ta cũng thấy có những trường hợp cực điểm và những liên can thay thế như nhau. Người ta tự hỏi không biết có phải sự thụt lùi đáng chú ý nhất của khát dục, sự thụt lùi về một giai đoạn trước trong tổ chức tình dục cũng bị các điều kiện cấu tạo di truyền qui định không ? Nhưng chúng ta nên gác câu trả lời câu hỏi này lại cho đến khi có được nhiều hình thức bệnh thần kinh hơn nữa.

Bây giờ chúng ta hãy dừng lại ở chỗ kết quả của khát dục của những người bị bệnh thần kinh bị gắn liền vào những biến cố của đời sống tình dục trẻ con. Những biến cố này có một

tầm quan trọng to lớn đối với con người và giữ một vai trò quan trọng việc phát sinh ra bệnh thần kinh. Tầm quan trọng và vai trò này quả là lớn lao một khi người ta chỉ chú trọng đến việc trị bệnh. Nhưng khi không để ý đến việc bệnh nữa, người ta thấy ngay rằng mình có thể là nạn nhân của một sự hiểu lầm và có một quan niệm một chiều về cuộc đời, đặt căn bản quá quan trọng trên tình trạng bị bệnh. Sự quan trọng của những biến cố thời thơ ấu bị sụt giảm nhiều, khi khát dục trong tình trạng thụt lùi đã chỉ định cư trên các biến cố đó một khi bị đuổi khỏi những vị trí tiền tiến hơn. Kết luận tự nhiên của sự kiện này là những biến cố trong thời thơ ấu không có gì quan trọng trong thời đó mà chỉ trở thành quan trọng khi có sự thụt lùi xảy ra thôi. Các bạn chắc chắn cũng còn nhớ rằng chúng ta cũng có một thái độ tương tự khi thảo luận về mặc cảm Oedipe.

Chúng ta sẽ không gặp khó khăn gì trong việc tỏ thái độ trong trường hợp đặc biệt này. Sự biến dạng của tình dục, nghĩa là vai trò gây bệnh của những biến cố trong đời sống trẻ con được tăng cường trong một vài giới hạn nào đó bởi sự thụt lùi của khát dục, đó là một điều đã được chứng minh nhưng có thể đưa chúng ta đến chỗ sai lầm nếu chúng ta chấp nhận không dè dặt nguyên tắc đó. Còn có nhiều điều khác phải được chú trọng đến. Điểm thứ nhất: quan sát cho thấy rằng những biến cố trong thời thơ ấu có một tầm quan trọng riêng biệt phát hiện ra ngay từ thời đó. Có những bệnh thần kinh trẻ con trong đó sự thụt lùi chỉ giữ một vai trò vô nghĩa lý hay không phát hiện ra nữa, vì bệnh phát khởi ngay khi bị một vết thương trong cơ thể. Sự nghiên cứu các bệnh trẻ con này giúp cho chúng bớt được những sự hiểu lầm về chứng bệnh thần kinh của người lớn cũng như sự nghiên cứu các giấc mơ trẻ con đã giúp chúng ta hiểu rõ

về những giấc mơ của người lớn. Bệnh thần kinh trẻ con xảy ra luôn luôn, nhiều hơn mình tưởng. Những bệnh này thường không được biết tới, chỉ được coi như những sự độc ác hay giáo dục tồi, thường bị đàn áp ngay từ khi còn nhỏ nhưng rất dễ nhận ra khi được nghiên cứu. Chúng thường phát hiện dưới hình thức của một sự náo loạn lo sợ sẽ được nói đến sau. Khi một chứng bệnh phát ra trong một giai đoạn nào đó, sự nghiên cứu cho thấy là nó chỉ tiếp tục một bệnh thần kinh trẻ con, chỉ xuất hiện dưới hình thức lờ mờ, như báo trước thôi trong thời kỳ thơ ấu. Nhưng cũng có những trường hợp bệnh thần kinh trẻ con kéo dài mãi, không ngừng có khi suốt cả đời. Chúng ta đã quan sát được một vài trường hợp bệnh thần kinh trẻ con ngay trên những đứa bé; nhưng phần nhiều chúng ta chỉ dựa vào bệnh thần kinh của người lớn mà kết luận rằng đứa bé trong thời thơ ấu có bệnh, vì thế nên quan điểm của chúng ta cần một vài thay đổi và một vài cẩn trọng.

Điều thứ hai, chúng ta phải công nhận rằng sự thụt lùi đều đều của khát dục về thời thơ ấu, sẽ làm cho chúng ta ngạc nhiên nếu trong thời thơ ấu đó không có một cái gì có một vẻ lôi cuốn đặc biệt đối với khát dục. Sự định cư xuất hiện trong một vài điểm trong quá trình phát triển của các khát dục sẽ không có nội dung gì nếu chúng ta không quan niệm nó là sự cô đọng của một số lượng nghị lực nào đó. Tôi cần nhắc các bạn rằng về phương diện cường độ cũng như vai trò gây bệnh giữa các biến cố trong thời thơ ấu và trong khoảng đời sau đó có những liên quan giống như những liên quan đã được nhận thấy trong những điều đã học ở trên. Có những trường hợp trong đó yếu tố gây bệnh độc nhất là những biến cố tình dục trong thời thơ ấu, chắc chắn bắt nguồn ở những vết thương bên ngoài phát hiện

theo những điều kiện của sự cấu tạo tình dục trung bình với tính cách chưa chín mùi của nó. Nhưng trái lại cũng có những trường hợp mà căn bệnh phải tìm trong những sự xung đột bên trong, trong đó vai trò của các cảm giác trẻ con phát hiện như những hậu quả của sự thụt lùi. Vì thế chúng ta có những cực điểm ở hai đầu của sự "ngừng phát triển" và sự thụt lùi giữa hai cực điểm đó là sự liên hợp của hai yếu tố này.

Tất cả những sự kiện này đáng được các nhà sư phạm quan tâm khi họ muốn ngăn cản bệnh thần kinh bằng cách kiểm soát tình dục trẻ con ngay trong những ngày đầu của đời sống. Một khi người ta còn tập trung mọi sự chú ý đến những biến cố tình dục trong thời thơ ấu, người ta có thể tin rằng đã làm hết mọi việc để ngăn chặn bệnh thần kinh khi làm chậm lại sự phát triển tình dục và tránh cho trẻ con khỏi có những cảm giác tình dục. Nhưng chúng ta lại biết rằng những điều kiện phát sinh ra bệnh thần kinh lại phức tạp hơn nhiều và không phải chỉ chịu ảnh hưởng của một yếu tố thôi. Người ta có coi sóc trẻ con kỹ đến đâu chăng nữa cũng chẳng ích lợi gì vì người ta không thể làm gì được đối với yếu tố cấu thành. Sự coi sóc này rất khó thực hành và có hai điều nguy hiểm mới không nên coi thường: điều thứ nhất người ta sẽ đi quá xa mục tiêu bằng cách tạo điều kiện cho một sự dồn ép thái quá có thể đưa đến những hậu quả tai hại; điều thứ hai người ta ru trẻ con vào đời mà không cho nó những phương tiện chống lại sự tràn ngập của các khuynh hướng tình dục trong tuổi dậy thì. Những lợi ích của sự dự phòng tình dục của trẻ con như thế không chắc đã đưa đến kết quả như ý, người ta sẽ phải tự không biết có nên tìm một thái độ mới trong việc dự phòng bệnh thần kinh hay không?.

Nhưng ta hãy quay trở lại những triệu chứng. Những triệu chứng này đã tạo ra một sự thay thế ham muốn không được thoả mãn, bằng cách cho tình dục thụt lùi về giai đoạn trước đó nghĩa là về với những đối tượng và tổ chức biểu thị đặc tính của những giai đoạn này. Chúng ta biết người bị thần kinh thường hay bám vào một khoảng thời gian nào đó trong dĩ vãng, đó là khoảng thời gian mà anh ta cảm thấy sung sướng. Anh ta quay trở lại dĩ vãng, tìm tòi cho đến khi tìm thấy lại sung sướng đó, dù phải quay trở lại thời thơ ấu đầu tiên đúng như những điều anh nhớ lại theo những dấu hiệu xảy ra trong những thời kỳ gần hơn. Triệu chứng lặp lại bằng cách này hay cách khác sự thoả mãn của thời thơ ấu đầu tiên đó, một sự thoả mãn đã bị kiểm duyệt làm cho phải biến dạng đi, phát sinh từ sự xung đột, luôn luôn kèm theo một vài cảm giác đau đớn liên kết với các yếu tố như có sẵn mầm bệnh trong người. Sự thoả mãn đó như một niềm đau và thường phàn nàn về điểm đó: sự thay đổi này chỉ là hậu quả của sự xung đột gây áp lực làm cho triệu chứng phải xuất hiện. Điều ngày xưa đối với đương sự là một sự thoả mãn thì ngày nay trở thành một thứ gì chống đối lại sự thoả mãn đó hay ghê sợ nó. Chúng ta biết một thí dụ rất hay về sự biến đổi đó. Đứa bé ngày xưa bú sữa mẹ một cách say sưa thì chỉ một vài năm sau đó đã không chịu được sữa mẹ rồi, một sự kinh tởm mà giáo dục rất khó khăn không thể chế ngự được. Sự ghê sợ này trở thành kinh tởm khi sữa mẹ hay đồ uống có pha sữa mẹ có một cái váng. Chính cái váng này đã làm thằng bé nhớ lại đôi vú mẹ lúc nó còn mê say bú sữa. Chính trong khoảng thời gian giữa sự mê say sữa mẹ và sự kinh tởm, người ta bắt trẻ phải cai sữa và làm cho nó như bị một vết thương từ bên ngoài vào.

Nhưng còn một lý do nữa khiến cho ta thấy những triệu chứng thực kỳ lạ và khó hiểu với tư cách một sự thoả mãn về tình dục. Những triệu chứng này chỉ nhắc lại cho chúng ta [illegible] mà thường chờ đợi ở một sự thoả mãn bình thường. Chúng thường không để ý gì đến những đối tượng và không muốn có liên lạc gì với thế giới bên ngoài. Chúng ta bảo nó là hậu quả của sự từ bỏ nguyên tắc thực tế và quay về nguyên lý khoái lạc. Nhưng trong đó cũng có sự trở về với một thứ tình dục tự động được mở rộng hơn, thứ tình dục đã hiến cho khuynh hướng tình dục như sự thoả mãn đầu tiên. Triệu chứng thay thế một sự thay đổi của thế giới bên ngoài bằng một sự thay đổi của thế giới bên trong, nghĩa là một hành động bên ngoài bằng một hành động bên trong, một hành vi bằng một sự thích ứng, và điều này về phương diện phòng bệnh quả là một sự thụt lùi có nhiều ý nghĩa. Chúng ta sẽ chỉ hiểu những điều đó khi nào có một dữ kiện mới do những công trình nghiên cứu về sau này đưa ra ánh sáng, về sự thành lập của các triệu chứng. Chúng ta nên nhớ lại rằng cách triệu chứng được thành lập là nhờ ở sự cộng tác của những hoạt động vô thức giống như những hoạt động đã cộng tác trong việc thành lập giấc mơ, nghĩa là sự cô đọng và di chuyển. Giống như giấc mơ, triệu chứng cũng là hình dung của một cái gì được thực hiện, một sự thoả mãn có tính cách trẻ con, nhưng nếu có sự cô đọng đến cực độ thì sự thoả mãn này có thể biến thành một cảm giác hay một sự kích động duy nhất, và nếu có một sự di chuyển cực độ, sự thoả mãn có thể được giới hạn vào một chi tiết duy nhất của tất cả phức thể tình dục. Cho nên sẽ không có gì ngạc nhiên cả nếu chúng ta cảm thấy sự khó khăn khi muốn tìm thấy trong triệu chứng sự thoả mãn tình dục mà người ta nghi là có nhưng bao giờ cũng được xác nhận.

Tôi vừa báo cáo các bạn biết các bạn sắp được học một điều mới lạ. Đó là một cái gì không những mới mà còn làm cho chúng ta ngạc nhiên và bối rối nữa. Các bạn biết rằng trong khi phân tích các triệu chứng, chúng ta biết rõ những biến cố trong thời thơ ấu phát sinh ra tình dục và triệu chứng. Vậy mà điều ngạc nhiên là những biến cố trẻ con này không phải bao giờ cũng có thực. Đúng thế, trong phần lớn trường hợp những biến cố này không thực và trong một vài trường hợp chúng lại còn trái lại hẳn sự thực lịch sử nữa. Sự khám phá ra điều này, hơn hết mọi lý lẽ có thể làm cho ta mất lòng tin cậy đối với công trình phân tích nào đưa đến một kết quả như thế hay đối với lời kể của người bệnh mà chúng ta dùng làm căn bản để phân tích và tìm hiểu bệnh thần kinh. Sự khám phá này làm chúng ta bối rối đến cực độ. Nếu những biến cố trong đời sống trẻ con lúc nào cũng có thực, chúng ta cảm tưởng như đang hoạt động trên đất rắn, nếu chúng không có thực, chỉ là trò bịa đặt của người bệnh, chúng ta lập tức phải rời bỏ chúng để đi tìm một con đường khác. Nhưng chúng ta không phải theo con đường nào trong hai con đường đó cả: những biến cố trong thời thơ ấu do phân tích lập lại hay gợi ra được, khi thì sai hoàn toàn, khi lại đúng hoàn toàn và trong phần lớn trường hợp chúng vừa sai vừa đúng. Vì vậy những triệu chứng khi thì hình dung đúng những biến cố có thể xảy ra thực và trong trường hợp này chúng có ảnh hưởng đến sự định cư của khát dục, khi thì chỉ là những điều bịa đặt của người bệnh không có một tính chất căn bệnh gì cả. Tình trạng này làm cho chúng ta bối rối ghê gớm. Nhưng tôi nhắc để các bạn nhớ rằng một vài kỷ niệm trong thời thơ ấu mà con người giữ lại được trong ý thức cũng có thể không đúng sự thực hay ít nhất cũng vừa đúng vừa sai. Vậy mà trong những

trường hợp đó rất ít khi chúng lại không tìm ra bằng chứng về sự sai lầm, thành ra chúng ta cũng có thể tự an ủi khi nghĩ rằng điều làm cho chúng ta bối rối không phải do công trình phân tích gây ra mà chính do người bệnh gây ra.

Chỉ cần nghĩ ngợi một chút là ta hiểu ngay cái gì đã làm cho chúng ta bối rối trong tình trạng này: đó chính là lòng khinh ghét sự thực, không chú trọng đến sự khác biệt giữa sự thực và tưởng tượng. Chúng ta có vẻ như khó chịu với người bệnh vì anh ta đã bịa chuyện ra để làm cho chúng ta bực mình. Chúng ta có cảm tưởng như sự thực bị ngăn cách với tưởng tượng bằng một hố sâu không thể lấp bằng được và chúng ta muốn sự thực phải xuất hiện dưới hình thức khác. Đó chính là ý kiến của người bệnh khi họ nghĩ ngợi bình thường. Khi người bệnh đưa cho chúng ta những vật liệu nấp sau triệu chứng hé ra cho chúng ta biết những trạng thái được bóp nặn theo những biến cố trong đời sống trẻ con mà tâm điểm chính là một sự ham muốn được thoả mãn, chúng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng cách tự hỏi không biết những điều đó đúng sự thực hay là những tưởng tượng. Sau đó có một vài dấu hiệu giúp cho ta trả lời được câu hỏi đó và chúng ta cho ngay người bệnh biết nhưng việc cho người bệnh biết không phải là không gặp khó khăn. Nếu ngay lúc đầu chúng ta bảo họ là họ đang kể chuyện tưởng tượng để che giấu việc xảy ra trong thời thơ ấu y như những dân tộc ngày xưa thường đem huyền thoại thay thế lịch sử của họ thì người bệnh lập tức không còn muốn tiếp tục câu chuyện đang kể nữa, mà điều đó không phải là điều ta mong muốn. Chính người bệnh cũng muốn có kinh nghiệm về những điều thực sự đã xảy ra và tuyên bố ghét cay ghét đắng những gì đã tưởng tượng. Nhưng nếu muốn đạt được kết quả, chúng ta

phải cho người bệnh cảm tưởng là những điều họ kể đúng với những biến cố thực sự xảy ra trong thời thơ ấu thì biết đâu sau đó người bệnh chẳng trách móc và cười vào mũi chúng ta vì chúng ta đã tỏ ra quá dễ tin. Người bệnh khó lòng hiểu được tại sao chúng ta lại coi việc đúng hay sai là không quan trọng, không cần biết xem những biến cố xảy ra trong thời thơ ấu của họ đúng hay sai sự thực. Vậy mà thái độ của chúng ta đối với sản phẩm của tinh thần không thể nào khác được. Bởi vì những sản phẩm này cũng có nhiều điều đúng sự thực: chỉ có điều là chính người bệnh đã bịa ra những chuyện tưởng tượng ; nhưng đứng về phương diện bệnh thần kinh thì việc người bệnh tưởng tượng ra những câu chuyện cũng không kém phần quan trọng so với việc chính người bệnh đã sống qua những biến cố mà họ kể cho ta nghe. Chính những câu chuyện bịa đặt cũng có một *thực thể tinh thần* trái với *thực thể vật chất* và dần dần chúng ta tìm ra chân lý này: *trong thế giới của bệnh thần kinh thì thực thể tinh thần giữ vai trò quan trọng hơn cả.*

Trong số những biến cố có mặt trong khắp hay gần khắp mọi bệnh thần kinh có những biến cố đặc biệt đáng được chú trọng đến vì tầm quan trọng to lớn của chúng. Đó là: những điều quan sát liên quan đến sự giao hợp của cha mẹ việc bị người lớn quyến rũ, sự đe doạ bị thiến. Thực là một điều sai lầm nếu cho tất cả những điều đó đều là tưởng tượng, không có một căn bản thực sự nào cả. Trái lại chúng ta có thể hỏi bà con nhiều tuổi hơn của người bệnh để biết rõ những điều có thực hay không? Ví dụ như một đứa bé trai vạch chim ra chơi mà không biết rằng đó là điều cấm, có thể bị cha mẹ hay người lớn dọa sẽ cắt chim hay cắt bàn tay làm bậy đi. Cha mẹ được hỏi về

việc này sẽ công nhận là có ngay vì họ cho rằng làm như vậy là phải; nhiều người bệnh nhớ rõ sự đe doạ này lắm nhất là khi sự đe dọa xảy ra vào lúc trẻ con đã hơi lớn. Khi người đe doạ là người mẹ hay thuộc phái nữ, họ thường nói là nếu không thôi họ sẽ bảo người cha hay người thầy thuốc thiến. Vị bác sĩ chuyên về nhi khoa ở Franfurt ghi lại trong một cuốn sách nổi tiếng là khi đứa bé mút tay người ta thường doạ cắt ngón tay của nó. Sự thực là trường hợp trẻ con bị người lớn dọa thiến không nhiều như những người bệnh thần kinh thường kể cho nhà phân tâm học nghe. Có thể là đứa bé tưởng tượng ra sự đe doạ đó nhờ vào một vài điều ám chỉ đã được nghe, hoặc là vì nó biết là người lớn không cho nó nghịch ngợm như thế hoặc vì đã nhìn thấy bộ phận sinh dục của con gái. Ngay cả trong những gia đình không nghèo nàn, rất ít khi trẻ con được chứng kiến sự giao hợp của cha mẹ hay người lớn để sau này nhớ lại, chúng thường phản ứng lại với cảm giác đã nhận được khi chứng kiến những cảnh đó. Nhưng khi trẻ con tả lại những cuộc giao hợp mà nó có thể đã chứng kiến với quá nhiều chi tiết có thể quan sát được, nhất là nó lại tả như chính nó trông thấy tận mắt cảnh tượng giao hợp đó, người ta sẽ không còn nghi ngờ gì nữa là những điều nó tả là những điều nó trông thấy trong khi chứng kiến sự giao hợp của giống vật (ví dụ như giống chó) trong khi chính đứa bé đến tuổi dậy thì cũng thấy rạo rực trong lòng khi chứng kiến cảnh tượng giao hợp. Trường hợp đặc biệt hơn cả là đứa bé cho rằng chính mắt mình nhìn thấy rõ ràng cha mẹ đang giao hợp với nhau khi chính nó còn đang ở tuổi còn bú mẹ. Việc bị người lớn quyến rũ cần được quan tâm đặc biệt hơn vì thường thường nó không phải là trường hợp tưởng tượng mà chính là kỷ niệm còn giữ được của một sự việc có xảy ra thực.

Nhưng dù có hay không xảy ra chăng nữa thì con số những sự việc này cũng ít hơn người ta tưởng khi người bệnh kể lại. Việc một đứa bé gái bị những trẻ trai lớn hơn hay cùng tuổi quyến rũ hay xảy ra hơn trường hợp bị người lớn quyến rũ nhất là trong khi chính đứa bé gái kể lại là người quyến rũ nó chính là người cha, chúng ta có thể chắc chắn rằng đó là những chuyện tưởng tượng và chúng ta không còn nghi ngờ gì về lý do tại sao chúng ta buộc tội người cha như thế. Trẻ con vào tuổi bị tình dục giày vò thường bịa ra chuyện bị quyến rũ để chứng minh việc mình thủ dâm. Các bạn cũng đừng tin rằng việc người lớn tìm cách thoả mãn tình dục với những đứa bé con hoàn toàn do trí tưởng tượng thêu dệt ra. Phần lớn các nhà phân tâm học đều đã phải chữa chạy những trường hợp như thế rồi và lạm dụng tình dục này quả đã có xảy ra nhiều lần không ai chối cãi được: chỉ có điều là những sự lạm dụng này thường xảy ra chậm hơn là thời gian mà trẻ con thường kể.

Người ta có cảm tưởng rằng tất cả những biến cố xảy ra trong thời thơ ấu này là yếu tố cần thiết của mọi bệnh thần kinh. Nếu những biến cố này phù hợp với sự thực thì càng hay, nếu không đúng với sự thực tất nhiên là chúng được hình thành bằng một vài dấu vết rồi được trí tưởng tượng bổ túc thêm thắt vào. Kết quả thì vẫn như nhau dù điều kể ra đúng sự thực hay không. Ở đây chúng ta có một liên quan bổ túc đã được nói đến rất nhiều nhưng liên quan ở đây là liên quan lạ lùng nhất trong các liên quan mà chúng ta biết từ trước tới giờ. Tại sao trẻ con lại cần phải bịa ra những chuyện đó và nó lấy tài liệu ở đâu để bịa như thế? Về lý do tại sao chúng lại bịa thì chẳng còn gì hồ nghi nữa, điều cần cắt nghĩa là tại sao, bao giờ cũng chỉ có từng

ấy chuyện bịa xuất hiện, nội dung giống hệt nhau? Tôi biết các bạn sẽ cho câu trả lời của tôi là quá táo bạo. Tôi nghĩ rằng những *chuyện bịa đó đều có tính cách sơ khai* và do ý muốn dự phòng được ông bà truyền lại cho. Do những chuyện bịa này, người bệnh lại ngập đầu trong đời sống cổ sơ khi thấy đời mình hiện đang sống cổ lỗ quá. Có thể là những điều bịa đặt đó chuyện bị quyến rũ, chuyện bị kích thích khi nhìn thấy cha mẹ giao hợp, chuyện bị đe dọa đem thiến hay chuyện bị thiến thực - đều là những chuyện có thực, đã xảy ra thực sự trong những giai đoạn sơ khởi của nhân loại, và khi dùng trí tưởng tượng bịa ra những chuyện đó đứa bé chỉ dùng sự thực của thời tiền sử để lấp một lỗ trống trong sự thực của người đời. Tôi luôn luôn có cảm tưởng rằng tâm lý của những bệnh nhân thần kinh có thể cho chúng ta biết nhiều điều về những giai đoạn đầu tiên của loài người lớn hơn bất cứ một tài liệu nào.

Những vấn đề vừa được nghiên cứu buộc chúng ta phải xét đến vấn đề nguồn gốc và vai trò của sự hoạt động trí thức mà người ta gọi là "sự tư tưởng trong ngông cuồng này". Người ta chú trọng nhiều đến trí tưởng tượng ngông cuồng này nhưng không biết rõ vị trí thực sự của nó như thế nào trong đời sống tinh thần. Đây là những điều tôi có thể nói với các bạn về vấn đề. Vì bị sự cần thiết của cuộc đời thôi thúc nên con người dần dần biết phán đoán sự thực một cách đúng hơn, biết dung hoà thái độ của mình với điều mà người ta gọi là "nguyên lý thực tế" và tạm thời rời bỏ những đối tượng và mục đích của các khuynh hướng hưởng lạc, kể cả khuynh hướng tình dục. Sự rời bỏ này đối với con người là một điều khổ sở và con người luôn luôn tìm cách để đền bù vào đó. Vì thế cho nên con người tự

dành cho mình một sự hoạt động tinh thần, để làm sao cho những sự hưởng lạc mà anh ta bị bắt buộc phải rời bỏ vẫn tồn tại dưới một hình thức khác không trái với sự đòi hỏi của thực tế và điều mà chúng ta gọi là "Sự thử thách của cuộc đời". Lúc đó mọi khuynh hướng đều lấp dưới hình thức mà nó cho đã được thoả mãn, con người lúc đó cũng cảm thấy được thoả mãn với những điều mà trí óc tưởng tượng là thoả mãn và không thấy thắc mắc gì cả. Vì vậy con người vẫn tiếp tục được tự do hoạt động trong trí tưởng tượng của mình trong khi trong đời sống thực tế không còn được tự do nữa. Con người đã làm được một điều vô cùng khó khăn là có thể vừa sống như con vật đi tìm khoái lạc vừa sống như một con người có đủ lý trí. Nhưng sự thoả mãn ít ỏi mà anh ta có được không chịu dừng lại ở đó. Th.Fontane đã nói: "Chúng ta không thể nào bỏ qua được những sự xây dựng phụ thuộc". Sự sáng tạo ra vương quốc tinh thần của trí tưởng tượng tinh thần giống hệt như sự dự trữ tài nguyên thiên nhiên trong những nơi mà sự đòi hỏi của canh nông, giao thông và kỹ nghệ đã biến đổi hẳn tính chất sơ khai của đất màu đến nỗi người ta không còn nhận ra một dấu vết gì của tình trạng sơ khởi nữa. Sự "dự trữ thiên nhiên" kéo dài cái tình trạng sơ khởi mà người ta đã bị bắt buộc phải hi sinh vì lợi ích của thực tế. Trong sự dự trữ đó, mọi điều kể cả những điều vô ích và nguy hại đều được tự do phát triển. Vương quốc tinh thần của trí tưởng tượng ngông cuồng chính là sự dự trữ tài nguyên thiên nhiên như thế và không chịu sự kiểm soát của thực tế.

Sản phẩm được biết rõ nhất của trí tưởng tượng chính là những "giấc mơ trong khi thức" hiện thân cho những sự thoả mãn tưởng tượng của những tham vọng to lớn, tình ái, càng đầy

đủ, huy hoàng bao nhiêu khi đời sống thực tế khiêm nhường và đòi hỏi kiên nhẫn bấy nhiêu. Trong các giấc mơ trong khi thức này người ta nhận thấy thực chất của cái hạnh phúc tưởng tượng làm cho con người được hưởng mọi sự khoái lạc bất cần những thực tế của cuộc đời. Chúng ta biết những giấc mơ trong khi thức đó chính là trung tâm điểm và điển hình cho những giấc mơ ban đêm. Một giấc mơ ban đêm chẳng gì khác hơn là một giấc mơ trong khi thức được đơn giản hoá nhờ các khuynh hướng được tự do hoạt động trong đêm, bị biến dạng bởi sự hoạt động ban đêm của tinh thần. Chúng ta đã quen với ý tưởng cho rằng những giấc mơ trong khi thức không phải lúc nào cũng nằm trong ý thức và có những giấc mơ trong khi thức vô thức này cũng có thể trở thành nguồn gốc của những triệu chứng bệnh thần kinh chẳng khác gì những giấc mơ ban đêm.

Điều đó chính là điều giúp cho các bạn hiểu rõ về địa vị của trí tưởng tượng ngông cuồng trong việc thành lập triệu chứng. Tôi đã nói rằng trong những trường hợp bị thiếu thốn, tình dục thường lùi về dĩ vãng, chiếm lại những vị trí đã vượt qua, nhưng vẫn để lại trong những vị trí đó một cái gì của chính mình. Không muốn thay đổi một điều gì trong điều khẳng định đó, tôi muốn đưa cho các bạn xem một mấu chốt ở giữa cái dây chuyền đó. Khát dục làm cách nào tìm thấy lại con đường đưa nó quay về những điểm định cư? Những đối tượng và chiều hướng mà khát dục đã bỏ rơi, không bị bỏ rơi một cách đầy đủ và tuyệt đối. Những đối tượng và chiều hướng vẫn còn tồn tại với một cường độ nào đó trong sự phát hiện của trí tưởng tượng ngông cuồng. Khát dục chỉ cần tìm lại những sự phát hiện đó để tìm thấy con đường dẫn mình về điểm định cư, bị dồn ép. Những sự phát hiện này đã thả lỏng một phần nào và không

xung đột với cái tôi, tuy vẫn luôn luôn đi ngược đường với cái tôi với một điều kiện nào đó, một điều kiện có tính chất lượng hơn là phẩm, và chính điều kiện này đã bị xáo trộn khi khát dục quay trở lại với những đối tượng tưởng tượng. Chính vì có sự quay về này nên năng lượng của những đối tượng đột nhiên tăng lên và đòi hỏi một sự thoả mãn. Do đó mới phát sinh ra sự xung đột với cái tôi. Dù trước kia chúng có tính chất ý thức hay tiền ý thức chăng nữa thì bây giờ chúng bị cái tôi dồn ép và hướng về vô thức. Từ những sự tưởng tượng ngông cuồng vô thức đó, khát dục quay trở về nguồn gốc của chúng trong vô thức đến những điểm định cư của chính mình.

Sự thụt lùi của khát dục về những đối tượng tưởng tượng chính là một giai đoạn ở giữa trên con đường dẫn tới sự phát sinh ra triệu chứng. Và giai đoạn này đáng được gọi bằng một tên riêng. C. G. Jung đề nghị một cái tên rất hay là một sự "tái nhập nội tâm". Ta gọi sự tái nhập nội tâm là việc khát dục xa lánh các sự thoả mãn thực sự để quay về với những sự tưởng tượng ngông cuồng mà từ trước tới nay người ta thường cho là vô hại. Một người "tái nhập nội tâm" chưa hẳn là bị bệnh thần kinh nhưng cũng ở vào một tình trạng bất định: một khi không tìm được lối thoát cho sự thoả mãn tình dục, anh ta sẽ trở thành người bệnh. Trái lại tính cách không thực của sự thoả mãn trong bệnh cùng với sự xoá bỏ các sự khác biệt giữa trí tưởng tượng và sự thực có mặt ngay từ giai đoạn đầu tiên của sự tái nhập nội tâm.

Các bạn hẳn đã nhận thấy rằng trong những lời giải thích gần nhất, tôi đã đưa ra một yếu tố mới trong việc tìm căn bệnh đó là năng lượng, độ lớn của nghị lực đem dùng, một yếu tố mà

chúng ta phải coi trọng. Phân tích mà chỉ nói đến phẩm chất của các điều kiện căn bệnh thôi thì không đủ. Hay nói cho rõ hơn một quan niệm thuần tuý di động của các hoạt động tinh thần là thiếu sót: chúng ta còn phải có một quan niệm kinh tế nữa. Chúng ta phải tự bảo là sự xung đột giữa hai khuynh hướng chỉ bùng nổ khi chúng đạt tới một cường độ nào đó thôi, dù rằng những điều kiện thuộc về nội dung của các khuynh hướng đó có từ lâu rồi. Tầm quan trọng về phương diện của các yếu tố cấu tạo bản chất cũng tuỳ thuộc ở sức mạnh về lượng của khuynh hướng này hay khuynh hướng khác liên quan đến những tính tình cấu tạo bản chất. Người ta có thể cho rằng những cấu tính của con người đều giống nhau về lượng mà thôi. Ngay cả các yếu tố về lượng của những sự chống đối về căn bệnh thần kinh mới xuất hiện cũng có tính quyết định không kém. Mọi sự đều tuỳ thuộc vào *số lượng* tình dục không được dùng đến mà một người có thể tích luỹ được và *vào cái phần to hay nhỏ của tình dục* mà người đó có thể hướng dẫn ra khỏi con đường tình dục về phía sự hoán chuyển. Về phương diện phẩm chất mục đích cuối cùng của sự hoạt động tinh thần được mô tả như một khuynh hướng tìm khoái lạc và tránh sự khó nhọc, nhưng về phương diện kinh tế, mục đích này phải được coi như một cố gắng để chế ngự được sự kích động ở trung tâm guồng máy tinh thần và như một cố gắng để tránh sự khó nhọc xảy đến vì tính cách tù túng của những sự kích động đó.

Đó là tất cả những điều tôi muốn nói với các bạn về sự phát sinh ra triệu chứng bệnh thần kinh nhưng tôi cần nhấn mạnh rằng tôi chỉ nói đến sự phát minh ra các bệnh bị ám ảnh tuy những sự kiện căn bệnh náo loạn thần kinh giữ một địa vị

quan trọng bậc nhất trong bệnh ám ảnh với tư cách của những sự thành lập có tính cách phản ứng. Trong các bệnh thần kinh khác đang được nghiên cứu, chúng ta cũng thấy có những sự khác biệt giống y như thế và có khi còn sâu xa hơn.

Trước khi chấm dứt bài này tôi muốn các bạn để ý đến một khía cạnh thích thú nhất trong đời sống tưởng tượng. Có một con đường ngược trở lại dẫn từ trí tưởng tượng ngông cuồng quay về thực tế đó là nghệ thuật. Người nghệ sĩ chính là một con người tái nhập nội tâm gần giống như người bệnh thần kinh. Bị thúc đẩy bởi những khuynh hướng vô cùng mạnh mẽ, người nghệ sĩ muốn chiếm đoạt được danh vọng, quyền hành, của cải, vinh quang và tình ái. Nhưng nghệ sĩ không có phương tiện để đạt mục tiêu đó. Vì thế nên, cũng như những người không được thoả mãn khác, nghệ sĩ quay mặt đi không nhìn thực tế nữa, tập trung hết mọi quan tâm, tình dục của mình vào những sự ham muốn mà trí tưởng tượng của mình đã tạo ra và điều đó có thể làm cho anh ta bị bệnh thần kinh được. Muốn khỏi đi đến chỗ đó cần có nhiều điều kiện thuận lợi khác: và đã có biết bao nhiêu nghệ sĩ khổ sở vì bệnh thần kinh nên phải ngừng hoạt động. Có thể là bản chất nghệ sĩ dễ đưa đến những sự hoán chuyển hơn và yếu ớt hơn trong việc dồn ép các khuynh hướng gây bệnh. Và đây là lối mà những nghệ sĩ đã dùng để thấy lại con đường của thực tế. Tôi không cần nói cho các bạn biết nghệ sĩ không phải là những người duy nhất sống một cuộc đời tưởng tượng. Phạm vi của trí tưởng tượng ngông cuồng là con đường trung dung được mọi người trong thế giới quí mến và tất cả những người nào thiếu thốn một cái gì thường (phàm nhân) chỉ được trí tưởng tượng ngông cuồng dành cho một khoái lạc giới hạn. Những sự dồn ép không thương hại

trong họ bắt buộc họ phải tạm hài lòng với những giấc mơ trong khi thức mà nhiều khi họ không ý thức được. Người nghệ sĩ thực sự có thể làm hơn thế. Ông ta biết gán cho những giấc mơ trong khi thức của mình một hình thức mất hết tính cách cá nhân làm cho người khác khó chịu và trở thành một nguồn hưởng thụ cho người khác. Nghệ sĩ cũng biết làm cho sự vật đẹp lên để che giấu nguồn gốc đáng nghi. Nghệ sĩ còn có quyền lực bí ẩn nhào nặn các vật liệu để trở thành hình ảnh trung thành của trí tưởng tượng vô thức làm cho trí tưởng tượng này gây ra một nguồn khoái lạc đủ để che giấu hay huỷ bỏ, dù chỉ là tạm thời những sự dồn ép. Thực hiện được những điều đó, nghệ sĩ có thể hiến cho người khác niềm an ủi trong nguồn hưởng thụ của vô thức của chính họ: nghệ sĩ vì thế được mọi người cảm ơn và kính phục, bằng cách đó đã đạt được những điều trước kia chỉ có trong tưởng tượng của mình thôi: đó là danh vọng, quyền lực và tình ái.

24 TINH THẦN BẤT AN

Trong những bài trước chúng ta đã giải quyết những vấn đề thực khó khăn. Bây giờ tôi muốn nói thẳng với các bạn.

Tôi biết là các bạn bất bình, vì đã tự cho mình một quan niệm khác hẳn về phân tâm học nhập môn. Các bạn chờ đợi tôi đưa đến cho các bạn những thí dụ lấy trong cuộc sống chứ không trình bày một lý thuyết. Các bạn tự nhủ là khi tôi nói cho các bạn nghe câu chuyện: ở tầng dưới và tầng lầu một, các bạn cũng đã biết được một vài điều về căn bệnh thần kinh, nhưng tiếc rằng tôi đã đưa ra một chuyện tưởng tượng thay vì một chuyện lấy trong cuộc sống thực. Hay khi tôi nói cho các bạn nghe về hai triệu chứng, lần này có thực chứ không phải tưởng tượng cho các bạn xem chúng mất đi như thế nào bằng cách nói rõ liên quan của chúng với người bệnh, các bạn đã hé nhìn thấy ý nghĩa của triệu chứng và hy vọng tôi cứ tiếp tục đường lối đó mãi. Nhưng rồi tôi lại đưa ra trình bày những lý thuyết dài lê thê không bao giờ đủ cả, luôn luôn bị thêm thắt điều này điều nọ, làm việc với những khái niệm mà tôi chưa hề nói cho bạn nghe bao giờ, đi từ lối trình bày có tính cách mô tả sang quan niệm di động, rồi quan niệm kinh tế. Chắc các bạn tự hỏi không biết có phải tôi dùng những chữ cùng một nghĩa và sở dĩ có thay đổi trong chữ dùng là vì muốn tránh nhắc đi nhắc lại mãi thêm, trái lại chỉ đưa ra những khái niệm rất rộng như nguyên lý khoái lạc, nguyên lý thực tế, di sản di truyền dự phòng: và đáng lẽ phải đưa bạn đi sâu vào một chủ thuyết tôi lại chỉ đưa

ra những điều càng ngày các bạn càng thấy đi xa dần khỏi tầm mắt các bạn.

Tại sao tôi lại không bắt đầu công việc nhập môn về lý thuyết về căn bệnh thần kinh bằng cách trình bày những điều mà chính các bạn đã biết về những bệnh đó, những điều mà các bạn đã quan tâm từ lâu. Tại sao tôi lại không bắt đầu bằng cách nói đến thực chất đặc biệt của những người tinh thần bất an, về phản ứng không thể nào hiểu được của họ trong sự giao thiệp với người khác và với những ảnh hưởng bên ngoài, về sự cáu kỉnh của họ và về việc họ không hề biết lo xa và thích ứng là gì? Tại sao tôi lại không đưa các bạn từ sự hiểu biết những hình thức giản dị được quan sát hàng ngày đến sự hiểu biết những vấn đề dính dáng đến sự phát biểu cực đoan và bí ẩn trong tinh thần bất an.

Tôi không phủ nhận điều hợp lý của những lời đòi hỏi đó. Tôi không hề có ảo tưởng về nghệ thuật trình bày của tôi đến nỗi gán cho cả những lỗi lầm của mình một vẻ gì duyên dáng. Đặc biệt, tôi công nhận rằng trình bày theo lối khác lối tôi thường làm hẳn có lợi cho các bạn hơn, và quả thực tôi cũng có ý đó. Nhưng thực hiện được những điều mình muốn dù là những điều hợp lý đâu có phải dễ dàng. Trong các vấn đề đưa ra nghiên cứu có một cái gì làm cho mình không thể theo được con đường mình muốn lúc đầu. Ngay cả công việc vô nghĩa lý như việc xếp đặt vật liệu nhiều khi cũng không tuỳ thuộc ý muốn của tác giả: các vật liệu tự chúng xếp hạng lấy và chỉ mãi sau đó chúng ta mới tự hỏi tại sao những vật liệu đó lại xếp theo thứ tự này chứ không theo thứ tự khác?

Có thể là đầu đề của cuốn sách này: *phân tâm học nhập môn*, không phù hợp với phần nói về những bệnh thần kinh. Phân tâm học nhập môn chỉ giải quyết vấn đề những hành vi sai lạc và giấc mơ thôi, còn lý thuyết về bệnh thần kinh chính là phân tâm học rồi còn nhập môn gì nữa. Tôi không tin rằng trong một thời gian ngắn như thế và dưới một hình thức cô đọng như thế tôi đã hiến cho các bạn những điều hiểu biết đủ dùng về thuyết bệnh thần kinh. Tôi chỉ có ý cho các bạn biết một ý niệm toàn thể về ý nghĩa, và tầm quan trọng, sự hoạt động và sự thành lập các triệu chứng bệnh thần kinh thôi. Đó chính là điều mà phân tâm học có thể dạy chúng ta. Có rất nhiều điều cần nói về tình dục và sự phát triển của nó cũng như về sự phát triển của cái tôi. Còn về những điều cần biết trước tiên về kỹ thuật làm việc và những khái niệm về vô thức và dồn nén thì các bạn đã được cho biết ngay từ buổi đầu của những bài học này rồi. Trong một bài sau, các bạn sẽ thấy công việc nghiên cứu của phân tâm học tiến đến đâu rồi khi tôi trở lại với vấn đề. Tôi không giấu giếm các bạn rằng tất cả những diễn dịch của chúng ta đều tập trung vào một loại bệnh thần kinh; bệnh thần kinh hoán chuyển. Ngay cả khi nghiên cứu sự thành lập triệu chứng tôi chỉ nói đến bệnh náo loạn thần kinh. Cho rằng các bạn chưa tiếp thu được một điều hiểu biết gì vững chắc, không nhớ được những chi tiết chăng nữa thì ít nhất các bạn cũng có một khái niệm về phương tiện hoạt động của môn phân tâm học và những kết quả đã đạt được.

Tôi nghĩ rằng các bạn muốn tôi bắt đầu bằng việc trình bày về bệnh thần kinh bằng cách mô tả thái độ của những người tinh thần bất an về cách họ đau khổ vì bệnh thần kinh mà chính

họ cho họ là không bị và không thấy khó chịu. Đó chính là vấn đề thú vị giúp cho ta học hỏi được nhiều, không khó nghiên cứu nhưng nếu bắt đầu bằng vấn đề đó thì kể cũng hơi nguy hiểm. Bắt đầu bằng những bệnh thần kinh tầm thường, quen thuộc, chúng ta sẽ không tìm ra được những điều kiện không biết, phủ nhận tầm quan trọng của tình dục, bị ảnh hưởng bởi đường lối mà những bệnh này đã dùng để trình diện trước cái tôi của người tinh thần bất an. Tất nhiên, cái tôi này còn lâu mới trở thành một vị thẩm phán vô tư và chắc chắn. Trong khi cái tôi có quyền phủ nhận vô thức và dồn ép nó, làm sao chúng ta có thể chờ đợi cái tôi có thể phán đoán công bình về vô thức được? Trong các đối tượng bị dồn ép, chúng ta phải nói trước tiên đến những sự đòi hỏi không được tán thành của tình dục; điều này có nghĩa rằng nếu dựa theo lối cái tôi quan niệm về những sự đòi hỏi này chúng ta không bao giờ biết được độ lớn và tầm quan trọng của chúng. Kể từ khi chúng ta thấy xuất hiện quan điểm của sự dồn ép, chúng ta được báo trước là không thể dùng một trong hai đối thủ trong cuộc xung đột để làm quan toà, nhất là đối thủ xưa nay vẫn giữ phần thắng. Chúng ta biết rằng tất cả điều cái tôi nói cho chúng ta nghe đều chỉ có mục đích đưa chúng ta vào con đường sai lầm. Người ta có thể trông cậy vào cái tôi được nếu người ta biết nó tích cực trong cách phát biểu của nó, biết rằng chính nó đã phát sinh và muốn phát sinh ra các triệu chứng. Nhưng trong nhiều trường hợp cái tôi có vẻ tiêu cực và chính thái độ tiêu cực là điều mà nó tìm cách giấu giếm và trình bày dưới một hình thức không phải của nó. Vả lại cái tôi không dám làm cuộc thí nghiệm đó và bị bắt buộc phải công nhận rằng trong triệu chứng của bệnh bị ám ảnh, nó phải

chống đối lại một cách rất khó nhọc đối với những sức mạnh ngoại lai.

Những người nào không chịu nghe lời cảnh báo cho những điều chỉ dẫn sai lầm của cái tôi là những điều có thực sẽ thích thú ghê lắm và tránh khỏi những chướng ngại vật chống lại sự giải thích của phân tâm học và vô thức, về tình dục và tính cách tiêu cực của cái tôi. Nhưng người đó có thể cùng với Alfred Adler khẳng định rằng chính "tính cách tinh thần bất an" mới là nguyên nhân gây ra bệnh thần kinh chứ không phải là hậu quả của bệnh này, nhưng họ sẽ không thể cắt nghĩa bất cứ một chi tiết nào trong việc thành lập triệu chứng và bất cứ một giấc mơ nào dù vô nghĩa lý nhất.

Các bạn sẽ hỏi: "Vậy chúng ta không thể nào quan tâm đến phần đóng góp của cái tôi trong bệnh thần kinh bất an và trong sự thành lập các triệu chứng mà không bỏ qua một cách quá lộ liễu những yếu tố mà do phân tâm học tìm ra sao?". Tôi trả lời: "Việc đó có thể làm được và chắc chắn sẽ làm một ngày nào đó nhưng theo chiều hướng của phân tâm học thì chúng ta có thể biết trước lúc nào làm việc đó được". Chúng ta có thể biết trước lúc nào phân tâm học sẽ phải nghiên cứu vấn đề đó. Có những bệnh thần kinh trong đó cái tôi phát biểu với một cường độ mạnh hơn trong những bệnh chúng ta đã tham gia khảo cứu từ trước tới nay: đó là bệnh "Narcissime" (chứng bệnh của những người mê chính mình). Sự phân tích chứng bệnh này sẽ giúp cho chúng ta hiểu được một cách vô tư và chắc chắn phần đóng góp của cái tôi trong các bệnh thần kinh.

Nhưng có một thái độ của cái tôi đối với bệnh thần kinh của chính mình đáng được chú trọng đến độ đáng lẽ phải được

khảo sát ngay từ đầu. Thái độ này có vẻ như không vắng mặt trong bất cứ trường hợp nào, nhưng nổi lên đặc biệt trong một chứng bệnh mà chúng ta chưa biết: đó là bệnh thần kinh do vết thương. Các bạn nên biết rằng, trong sự hoạt động của tất cả các bệnh thần kinh bao giờ chúng ta cũng chỉ thấy sự xuất hiện có chừng ấy yếu tố với sự khác biệt là yếu tố này trở nên quan trọng hơn yếu tố khác trong bệnh này hay bệnh khác y như diễn viên trong một gánh hát: tài tử nào ngoài những vai vẫn đóng xưa nay- vai anh hùng, gian tặc, quân sư, v.v... còn đóng những vai trò khác nữa. Không ở đâu trí tưởng tượng ngông cuồng biến thành triệu chứng lại xuất hiện rõ ràng hơn trong bệnh náo loạn thần kinh; trái lại trong bệnh ám ảnh thì những sự chống đối hay phản ứng lại đứng hàng đầu; ngoài ra điều mà trong giấc mơ chúng ta gọi là công trình xây dựng phụ, lại giữ địa vị quan trọng hàng đầu trong bệnh vọng cuồng , với tính cách sai lầm.

Vì thế nên trong bệnh thần kinh vì vết thương, nhất là những vết thương do chiến tranh gây ra chúng ta tìm thấy một lý do thúc đẩy có tính cách cá nhân, ích kỷ, vụ lợi, tự bảo vệ, tự nó không gây nổi bệnh, nhưng sẽ làm cho bệnh phát triển mạnh và tồn tại mãi một khi bệnh đã phát ra rồi. Chính lý do này che chở cho cái tôi chống lại những hiểm nguy mà những sự đe doạ phát hiện chính là nguyên nhân gây bệnh sẽ làm cho bệnh không thể khỏi được một khi người bệnh không được bảo đảm rằng những sự hiểm nguy đó không tái xuất hiện hay khi người bệnh không được đền bù vì đã mắc bệnh.

Nhưng trong những trường hợp tương tự khác, cái tôi quan tâm như nhau đến lúc bắt đầu cũng như sự tồn tại của các bệnh

thần kinh. Chúng ta đã biết là cái tôi cũng đóng góp phần mình vào việc thành lập triệu chứng, bởi vì chính triệu chứng này cũng biến cho khuynh hướng của cái tôi đang tìm cách dồn ép một sự thoả mãn nào đó. Vả lại cách giải quyết cuộc xung đột bằng sự thành lập triệu chứng chính là cách giải quyết tiện lợi nhất và hợp với nguyên lý khoái lạc nhất; không ai phủ nhận được rằng cách đó đã khiến cho cái tôi khỏi phải làm bên trong một công việc khó khăn và nặng nhọc. Có những trường hợp chính ông bác sĩ cũng phải công nhận rằng bệnh thần kinh chính là cách giải quyết cuộc xung đột vô hại nhất, có lợi nhất về phương diện xã hội. Các bạn đừng ngạc nhiên khi thấy chính ông bác sĩ lại đứng về phe căn bệnh mà ông ta phải chữa chạy. Ông ta không muốn thu hẹp vai trò của mình như một kẻ cuồng tín trong việc bảo vệ sức khoẻ, ông ta biết rằng ở đời còn có những sự khổ sở khác ngoài những sự khổ sở do bệnh thần kinh gây nên, còn nhiều sự đau khổ thực sự và khó chữa hơn; rằng nhiều khi vì cần thiết một con người phải hi sinh sức khoẻ của mình vì chỉ có sự hi sinh này mới tránh cho những người khác khỏi bị một sự đau khổ to lớn, ghê gớm. Bởi vậy người ta có thể nói rằng, một người bệnh muốn tránh cuộc xung đột không còn cách nào hơn là núp ngay trong căn bệnh của mình, thì người ta cũng phải công nhận rằng trong một vài trường hợp sự trốn tránh đó có thể tự bào chữa được và ông bác sĩ sau khi hiểu rõ tình thế chỉ còn có cách rút lui có trật tự không nói năng gì với tất cả mọi điều gượng nhẹ có thể.

Nhưng chúng ta hãy bỏ ra một bên những trường hợp đặc biệt đó. Trong những trường hợp thường, việc trốn tránh trong căn bệnh của mình hiến cho cái tôi một điều lợi có tính cách

nội tâm và bệnh hoạn, rồi trong một vài trạng thái lại có thêm một điều lợi bên ngoài mà giá trị thực sự thay đổi từ trường hợp này sang trường hợp khác. Chúng ta hãy lấy một ví dụ hay xảy ra nhất trong loại này. Một người vợ bị chồng đối xử tàn tệ, khai thác không thương hại có thể trốn lánh vào trong căn bệnh của mình, khi được hướng về đó do chính tính tình của mình, khi vì quá hèn nhát hay quá lương thiện nên không dám ngao ru bí mật với người đàn ông khác. Khi không đủ sức mạnh chống lại những quy - ước – xã - hội để có thể xa chồng, khi không có ý định gượng nhẹ đối với mình bằng cách tìm một người chồng khác và trên hết khi chính bản năng của mình vẫn du mình về phía người chồng độc ác đó. Bệnh của người đó trở thành một khí giới trong công việc chống đối lại người chồng mà sức mạnh đã làm bà ta ngã quị, một khí giới mà bà ta có thể dùng để tự bảo vệ và báo thù. Người đó có thể phàn nàn về bệnh tật của mình khi không thể phàn nàn về hôn nhân của mình. Tìm được ở ông bác sĩ một người về phe mình, bà ta bắt buộc người chồng lúc thường không chịu nhường nhịn gì phải gượng nhẹ đối với mình, chi tiêu cho mình, cho phép mình vắng nhà thoát khỏi trong một vài giờ sự chèn ép của người chồng. Trong trường hợp sự lợi ích bên ngoài hay tình cờ mà bệnh hiến cho cái tôi trở nên to lớn đến nỗi không thể được thay thế bằng một lợi ích gì có thực hơn thì sự chữa chạy có thể không đưa đến kết quả.

Các bạn sẽ cãi lại rằng điều tôi kể cho các bạn nghe về những điều lợi ích do bệnh tật cung cấp chỉ là một lý lẽ đưa ra để bênh vực quan niệm mà tôi đã gạt bỏ, và theo quan niệm đó thì chính cái tôi muốn tạo ra bệnh thần kinh. Nhưng các bạn hãy yên tâm. Những sự kiện đó chứng tỏ rằng những cái tôi

cũng thấy thoả mái trong căn bệnh và chính vì không thể ngăn cản bệnh phát sinh được nên cái tôi định lợi dụng căn bệnh triệt để trong trường hợp căn bệnh muốn có sự lợi dụng nó. Khi căn bệnh có những lợi ích đó thì cái tôi cũng lợi dụng chúng dễ dàng nhưng có mấy khi lại có những lợi ích đó. Người ta nhận thấy rằng khi hòa mình vào với bệnh, cái tôi đã làm một công việc bất lợi. Nó phải trả một giá rất đắt cho sự giảm bớt cường độ của sự xung đột và những cảm giác đau đớn đi liền với các triệu chứng, nếu không thể tương đương với những sự day dứt của sự xung đột mà nó thay thế không phải vì thế mà không làm cho bệnh tăng lên. Cái tôi rất muốn gạt bỏ những cái gì khó chịu trong các triệu chứng mà không phải bỏ những điều lợi thu lượm được trong bệnh nhưng bất lực, cái tôi thực ra không tích cực như nó tưởng tượng.

Sau này khi trở thành bác sĩ chữa bệnh cho họ, các bạn sẽ nhận thấy rằng không phải những người bệnh phàn nàn nhiều nhất về bệnh của họ là những người muốn được chữa chạy và ít chống đối nhất. Trái lại nữa. Nhưng các bạn sẽ hiểu rằng tất cả những điều lợi thu lượm được trong trạng thái bệnh hoạn sẽ làm tăng cường độ chống đối của sự dồn ép và làm khó khăn thêm nhiều cho việc chữa chạy. Ngoài điều lợi do trạng thái bệnh hoạn gây nên, một trạng thái xuất hiện cùng những triệu chứng, chúng ta cần thêm một điều lợi nữa chỉ xuất hiện sau đó thôi. Một khi một tổ chức tinh thần như bệnh thần kinh tồn tại được trong một thời gian thì chẳng bao lâu nó sẽ trở thành một thực thể độc lập, tự phát sinh ra một bản năng tự vệ, thoả hiệp với các tổ chức tinh thần khác, ngay cả với những tổ chức đối nghịch với mình và rất ít khi lại không chứng tỏ là mình cũng giúp ích được và do đó được dành cho một nhiệm vụ mới phụ

thuộc có mục đích làm cho cuộc sống của bệnh hoạn kéo dài và tồn tại mãi. Chúng ta lấy thí dụ trong bệnh lý, một trường hợp xảy ra thường ngày. Có một người thợ đang làm việc để sống, đột nhiên bị tật nguyền sau một tai nạn nghề nghiệp và không làm việc được nữa. Anh ta được cấp một món tiền cấp dưỡng hàng tháng, và cũng lợi dụng luôn tật nguyền của mình để đi ăn xin. Tình trạng hiện thời của anh ta trở nên nghiêm trọng hơn do sự kiện đầu tiên đã làm đời anh tan vỡ. Nếu có cách nào bỏ được tật nguyền của anh ta đi, các bạn sẽ cất luôn của anh ta một phương tiện kiếm ăn bởi vì chúng ta sẽ tự hỏi anh còn đủ sức làm việc lại hay không. Điều mà bệnh thần kinh coi như một điều lợi phụ thuộc thu lượm được do tình trạng bệnh hoạn có thể coi như một điều lợi thêm vào điều lợi đầu tiên.

Tôi cần cho các bạn biết rằng dù không đánh giá quá thấp tầm quan trọng thực tế của điều lợi do trạng thái bệnh hoạn gây nên chúng ta không nên loá mắt vì sự kiện đó về phương diện lý thuyết. Ngoài những ngoại lệ được công nhận trong phần trên, điều lợi này làm cho chúng ta nghĩ đến sự thông minh của loài vật nói trong cuốn Fliegende Blatter. Một người Ả Rập cưỡi một con lạc đà đi trong khe núi. Đến một chỗ rẽ anh ta thấy trước mắt một con sư tử sắp nhảy lên vồ mình. Không có lối thoát nào: một bên là núi cao và dốc, một bên là vực thẳm, không rút lui và cũng không có cách nào trốn thoát. Người Ả Rập tưởng mình sắp chết, nhưng con lạc đà lại không nghĩ thế, nó nhảy vội xuống vực sâu làm cho con sư tử trơ khấc. Sự giúp đỡ mà bệnh thần kinh dành cho người bệnh cũng giống như việc lạc đà nhảy xuống vực. Vì thế cho nên giải pháp thành lập triệu chứng để giải quyết cuộc xung đột chỉ là một cuộc diễn

biến máy móc vì người bệnh tỏ ra không đủ khả năng đáp lại sự đòi hỏi của cuộc sống và không chịu dùng những sức mạnh cao nhất và to lớn nhất của mình. Nếu được quyền chọn có lẽ người ta sẽ chọn sự thất bại vẻ vang sau một cuộc giáp chiến lá cà với định mệnh.

Tôi phải cho các bạn rõ những lý do khác đã khiến cho tôi không thể bắt đầu bài học về bệnh thần kinh bằng cách nói đến bệnh tinh thần bất an chung cho mọi người trước. Có bạn cho rằng tôi phải làm thế vì nếu làm khác tôi sẽ gặp nhiều khó khăn khi muốn chứng minh rằng tình dục chính là căn bệnh chính yếu của bệnh thần kinh. Các bạn lầm, trong những bệnh thần kinh hoán chuyển, muốn đạt tới quan niệm đó chúng ta phải bắt đầu bằng cách giải thích thoả đáng các triệu chứng. Trong các hình thức thông thường của bệnh thần kinh gọi là hiện tại, vai trò gây bệnh của cuộc sống tình dục là một sự kiện hiển nhiên, rất dễ nhận thấy. Cách đây hơn hai mươi năm, một hôm, sau khi tự hỏi tại sao trong khi nghiên cứu những người tinh thần bất an, người ta lại không để ý gì đến đời sống tình dục của họ, tôi vấp phải sự kiện này. Lúc đó tôi đành phải hy sinh cảm tình của thân chủ để nghiên cứu rõ ràng hơn, nhưng cũng phải mất bao nhiêu công trình mới nhận ra rằng đời sống tình dục bình thường không gây bệnh thần kinh (tôi muốn nói bệnh thần kinh hiện nay). Tất nhiên đề luận này coi rẻ những sự cá biệt, giữa con người có một cái bất định thường đi liền với hai chữ "bình thường", nhưng về phương diện chiều hướng nói chung thì cho tới ngày này nó vẫn giữ nguyên giá trị. Ngay từ dạo đó tôi đã ấn định được liên quan đặc biệt giữa một vài hình thức của sự tinh thần bất an và một vài sự rối loạn trong đời sống tình dục, và tôi tin chắc rằng nếu tôi có những vật liệu và thân chủ giống như

ngày xưa thì có lẽ ngày nay tôi cũng đi đến kết luận tương tự. Tôi có dịp nhận thấy rằng khi một người dùng một lối thoả mãn tình dục không đầy đủ, như thủ dâm chẳng hạn, sẽ mắc một chứng bệnh thần kinh hiện tại và chứng bệnh này sẽ đổi sang một hình thức khác khi người này dùng một lối thoả mãn khác lối bình thường. Do đó khi thấy có thay đổi trong người bệnh là tôi đoán ra ngay người đó đã thay đổi phương tiện thoả mãn. Tôi vốn có thói quen là không chịu bỏ rơi những điều dự đoán và nghi ngờ trước khi làm cho người bệnh phải bỏ thái độ không thành thực, bắt họ phải thú nhận những điều họ làm. Vì thế có nhiều người bệnh thích thay đổi bác sĩ hơn là thú nhận những điều bí ẩn về đời sống tình dục.

Tôi không phải là không nhận thấy rằng không phải bất cứ bệnh thần kinh nào cũng bắt nguồn ở đời sống tình dục. Có nguồn trực tiếp ở một sự rối loạn về tình dục, nhưng cũng có bệnh chỉ phát sinh sau khi mất món tiền quan trọng hay sau khi bị một bệnh nặng nào trong cơ thể. Mãi sau này chúng ta mới cắt nghĩa được sự việc này khi bắt đầu nhận thấy liên quan hỗ tương giữa cái tôi và khát dục, rồi khi có được nhiều bằng chứng hơn về sự liên quan này thì điều cắt nghĩa trên càng có giá trị hơn. Một người chỉ bị bệnh thần kinh khi cái tôi của anh ta không thể chế ngự được sự khát dục bằng cách này hay cách khác. Cái tôi càng khoẻ bao nhiêu càng dễ chế ngự khát dục bấy nhiêu. Mỗi khi cái tôi bị yếu đi, bất cứ vì lẽ gì, thì lập tức khát dục mạnh lên theo và mở đường cho bệnh thần kinh phát hiện. Giữa cái tôi và khát dục còn có nhiều liên quan mật thiết nữa, nhưng chúng ta không nói đến vì không liên quan gì đến vấn đề của chúng ta hiện nay. Điều cần thiết và có ý nghĩa là trong mọi trường hợp, dù bệnh phát hiện ra cách nào mặc lòng,

những triệu chứng bao giờ cũng do khát dục cung cấp, do đó khát dục phải tiêu phí nhiều sinh lực trong trường hợp này.

Bây giờ tôi phải yêu cầu các bạn chú ý đến sự khác biệt cơ bản giữa bệnh thần kinh hiện tại và bệnh thần kinh tâm lý, từ trước tới nay chúng ta chỉ mới để ý đến loại trên, bệnh thần kinh hoán chuyển thôi. Trong khi cả hai trường hợp các triệu chứng đều bắt nguồn ở khát dục. Cả hai đều có sự tiêu phí khác thường về sinh lực của khát dục, và trong cả hai trường hợp đều có sự thoả mãn được thay thế. Nhưng những triệu chứng trong bệnh thần kinh hiện tại như: nhức đầu, choáng váng, cảm giác đau đớn, một cơ quan nào đó bị kích động, một cơ năng nào đó bị yếu đi hay thôi hoạt động, v.v...; đều không có một ý nghĩa tinh thần nào. Những triệu chứng đó có tính cách thân thể, không những trong các phát hiện (như trong bệnh náo loạn thần kinh chẳng hạn) cũng như trong quá trình phát hiện mà không có sự tham dự của một diễn biến tinh thần nào. Trong tình trạng đó chúng làm sao có thể tương ứng với sự hoạt động của sự khát dục trong khi sự khát dục chính là một động lực tinh thần. Câu trả lời không thể giản dị hơn. Các bạn cho phép tôi nhắc lại một trong những lời chỉ trích môn phân tâm học. Dạo đó người ta nói rằng môn phân tâm học mà muốn ấn định một lý thuyết tâm lý thuần tuý về bệnh thần kinh thì mất thì giờ vô ích vì lý thuyết tâm lý không thể nào hiểu được một căn bệnh. Nhưng khi đưa lý lẽ đó ra người ta quên mất rằng cơ năng tình dục không phải chỉ có tính chất thuần tuý tinh thần cũng như cơ thể. Nếu chúng ta nhận ra trong các triệu chứng của bệnh thần kinh tâm lý những sự phát hiện tinh thần của các sự rối loạn về tình dục, chúng ta không ngạc nhhiên khi thấy những kết quả trực tiếp về cơ thể của chúng trong bệnh thần kinh hiện tại.

Khoa chuẩn bệnh cho chúng ta một chỉ dẫn quý báu về cách quan niệm bệnh thần kinh hiện tại. Trong việc phát hiện triêu chứng và trong ảnh hưởng của chúng tới các cơ năng và hoạt động khác của cơ thể, bệnh thần kinh hiện tại rất giống với trạng thái bệnh hoạn do các chất độc từ bên ngoài vào gây nên hay do sự đột nhiên thiếu các chất đó trong cơ thể, nghĩa là do sự nhiễm độc cũng như do sự vắng mặt của các chất độc. Sự giống nhau càng mật thiết hơn nữa khi chất độc không phải do từ bên ngoài đưa vào mà do sự xuất hiện ngay trong cơ thể, ví dụ như trong bệnh Basedow. Theo ý tôi sự giống nhau đó đưa đến kết luận là bệnh thần kinh bắt nguồn ở những sự rối loạn trong việc thay đổi các phân tử tình dục trong cơ thể, hoặc vì những phân tử này phát ra quá nhiều chất độc khiến cho người bệnh không chịu nổi, hoặc vì một vài điều kiện bên trong hay tinh thần làm rối loạn sự hoạt động của các phân tử này. Quần chúng khôn ngoan phát biểu ý kiến về tính chất của nhu cầu tình dục cho rằng ái tình là sự say sưa do một vài thứ đồ uống hay nước ngải gây ra. Trong khi đó những chữ như "thay đổi phân tử tình dục" đối với chúng ta không có nghĩa gì rõ rệt, chúng ta nói rằng có hai chất mà một là chất "đực" và một là chất "cái" hoặc nói rằng chỉ có một chất độc tình dục là nguyên nhân của mọi sự kích động khát dục. Toà lâu đài lý thuyết của phân tâm học mà chúng ta sáng tạo ra thực ra chỉ là một thượng tầng kiến thiết mà chúng ta phải đặt trên một hạ tầng cơ sở lấy trong cơ thể. Nhưng điều đó chúng ta chưa làm được.

Điều biểu thị cho phân tâm học, về phương diện khoa học, không phải là vật chất mà khoa này nghiên cứu, chính là kỹ thuật đem dùng. Người ta có thể đem áp dụng nó vào lịch sử văn minh, khoa học tôn giáo và thần thoại học cũng như lý

thuyết bệnh thần kinh. Mục tiêu và sự đóng góp duy nhất của nó là sự khám phá ra vô thức trong đời sống tinh thần. Những vấn đề liên quan đến bệnh thần kinh hiện tại với triệu chứng bắt nguồn ở những vết thương làm độc trực tiếp, không thuộc phạm vi phân tâm học. Môn này vì không thể cung cấp được một điều gì về vấn đề đành phải trông mong vào các công trình nghiên cứu của khoa sinh lý y học. Nếu tôi đã hứa với các bạn là sẽ có những bài học về "thần kinh bệnh học nhập môn" đáng lẽ tôi phải bắt đầu bằng những hình thức giản dị nhất của bệnh thần kinh hiện tại, rồi mới nói đến thần kinh phức tạp hơn hậu quả của những sự rối loạn trong khát dục, và như thế có vẻ tự nhiên hơn. Đối với bệnh thần kinh hiện tại đáng lẽ tôi phải trình bày tất cả những gì học tập được từ mọi phía hay tất cả những điều chúng ta tưởng là mình biết, và một khi đến bệnh thần kinh tâm lý, đáng lẽ tôi phải nói về phân tâm học như một phương tiện kỹ thuật phụ thuộc quan trọng nhất trong tất cả những phương tiện có trong tay chúng ta để hiểu rõ các trạng thái đó. Nhưng tôi chỉ muốn hiến các bạn những bài học về "phân tâm học nhập môn" tôi muốn cho các bạn có một ý niệm về phân tâm học hơn là bệnh thần kinh và điều này không bắt buộc tôi phải bắt đầu bằng bệnh thần kinh hiện tại, một đề tài vô tích sự đối với phân tâm học. Tôi cho rằng chọn lựa như thế có lợi cho các bạn hơn vì phân tâm học là môn đáng cho mọi người có học thức quan tâm đến vì những tiền đề sâu xa và liên quan muôn mặt của nó. Còn thuyết về bệnh thần kinh chỉ là một chương của y khoa giống như các chương khác.

Vậy mà các bạn có quyền chờ đợi chúng ta quan tâm một phần nào đến những bệnh thần kinh hiện tại. Chúng ta bắt buộc phải quan tâm đến vì những liên quan chặt chẽ của bệnh này

với bệnh thần kinh tâm lý. Vì thế nên tôi cho các bạn biết là chúng ta phân biệt ba hình thức thuần tuý của bệnh thần kinh hiện tại: thần kinh suy nhược, lo sợ và u uất. Sự phân chia này không phải là không bị chỉ trích. Danh từ thì ai cũng biết rồi. Có những bác sĩ nhất định phản đối mọi sự phân loại trong thế giới hỗn loạn của bệnh thần kinh, mọi sự đồng nhất hoá trong việc chuẩn bệnh, trong mọi cá nhân bệnh hoạn, không công nhận cả sự phân chia thành bệnh thần kinh hiện đại và tâm lý. Tôi cho rằng các vị bác sĩ này đi quá xa, không theo con đường dẫn tới mọi tiến bộ khoa học. Có khi bệnh thần kinh xuất hiện dưới hình thức thuần tuý, nhưng thường chúng liên kết với một vài hình thức khác hay với một bệnh thần kinh tâm lý. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta có thể không chấp nhận sự phân chia nói trên. Các bạn hãy nghĩ đến sự khác biệt giữa các quặng và các sắc đá do khoáng vật học đặt ra. Những quặng thường xuất hiện dưới hình thức cá nhân có lẽ vì chúng do các tinh thể hợp thành và tinh thể nào cũng tách riêng ra một chỗ không liên can gì đến tinh thể bên cạnh. Đá tảng do các khoáng chất hợp thành, chất khoáng này liên kết với nhau theo một hình thức nào đó lệ thuộc vào các điều kiện riêng của sự cấu tạo. Chúng ta biết quá ít về khởi điểm cũng như về quá trình phát triển của bệnh thần kinh để có thể thiết lập một lý thuyết tương tự với lý thuyết về đá tảng. Nhưng chúng ta nghĩ đúng khi cho rằng bệnh thần kinh cũng do những thực thể độc lập hợp lại chẳng khác gì tinh thể trong quặng.

Giữa những triệu chứng của bệnh tinh thần hiện đại và bệnh thần kinh tâm lý có một liên quan rất hay giúp cho chúng ta hiểu được sự thành lập của các triệu chứng trong bệnh thần kinh tâm lý: triệu chứng của bệnh thần kinh hiện đại có thể coi

như hạt nhân và giai đoạn đầu tiên của bệnh thần kinh tâm lý. Liên quan này cũng có giữa bệnh suy nhược thần kinh và bệnh thần kinh hoán chuyển, giữa bệnh lo sợ và bệnh náo loạn thần kinh do sự lo sợ gây ra, giữa bệnh u uất và bệnh loạn thần kinh trẻ con. Chúng ta lấy thí dụ giữa bệnh đau đầu và chứng đau hông trong bệnh náo loạn thần kinh. Phân tích cho thấy rằng bằng sự cô đọng và di chuyển, những sự đau đớn này được dùng như sự thoả mãn thay thế của một sự kích động khát dục. Chúng ta không chủ trương rằng mọi triệu chứng loạn thần kinh nào đều có một hạt nhân như thế; dù trường hợp này đặc biệt xảy ra luôn luôn, thường được bệnh náo loạn thần kinh, trong việc thành lập triệu chứng, thích dùng mọi ảnh hưởng, dù có tính cách bình thường hay bệnh hoạn mà sự kích động khát dục có thể có được trên cơ thể. Chúng giữ vai trò của những hạt cát bao trùm trên vỏ xà cừ của các con ốc. Bệnh thần kinh tâm lý cũng dùng những dấu hiệu tạm thời của sự kích động tình dục, thường đi cùng với sự giao hợp như những vật liệu tiện lợi nhất, thích hợp nhất thành lập triệu chứng.

Một sự diễn tiến cùng loại cũng có một điểm đáng quan tâm đặc biệt trong việc chuẩn bệnh và chữa bệnh. Có những người tuy không mắc một bệnh thần kinh nào rõ ràng cả nhưng đột nhiên mắc bệnh này chỉ vì có một sự thay đổi bệnh hoạn nào phát ra trong cơ thể, ví dụ như một vết thương hay một vết bỏng, làm cho công việc hoàn thành triệu chứng bị thức tỉnh làm cho triệu chứng do thực tế cung cấp trở thành đại diện của mọi trí tưởng tượng ngông cuồng vô thức chỉ chờ bất cứ một cơ hội nào để xuất hiện. Trong trường hợp này bác sĩ chữa chạy theo lối này hay lối khác: hoặc tìm cách huỷ bỏ căn bản cơ thể mà không để ý gì đến toà lâu đài bệnh thần kinh đang hoành

hành, hoặc tìm cách chữa bệnh thần kinh vừa tình cờ xuất hiện mà không để ý gì đến nguyên nhân do cơ thể đã gây ra bệnh đó. Chỉ cần nhìn vào kết quả thu lượm được là người ta thấy ngay phương pháp nào hiệu nghiệm nhưng muốn có một quy tắc chung cho những sự việc đó quả thực là khó.

25. SỰ LO SỢ PHẬP PHỒNG

Những điều tôi trình bày trong phần trên về tinh thần bất an chung cho mọi người có thể làm cho bài trình bày trở thành không đầy đủ. Tôi biết thế và điều làm bạn ngạc nhiên hẳn là việc tại sao tôi không nói một câu nào về vấn đề lo sợ phập phồng cả trong khi nó chính là một triệu chứng mà mọi người tinh thần bất an đều phàn nàn cả, có người còn cho là chính sự lo sợ đã làm cho họ đau khổ ghê gớm nhất, có người cho rằng chính nỗi lo sợ đã đạt tới một cường độ ghê gớm nhất thúc đẩy họ làm những hành vi vô lý nhất. Tôi không hề có ý muốn trốn tránh vấn đề, trái lại tôi lại muốn đem mổ xẻ vấn đề tới những chi tiết thực nhỏ.

Tôi không cần giới thiệu với các bạn về sự lo sợ; mỗi người các bạn ít nhất trong đời mình cũng đã một lần cảm thấy cái cảm giác đó hay nói đúng hơn trạng thái tình cảm đó. Có lẽ chưa ai tự hỏi tại sao chính những người tinh thần bất an lại là những người đau khổ vì lo sợ người khác? Người ta thấy sự đó hết sức tự nhiên, người ta chả đã lẫn lộn hai chữ "bất an" và "lo sợ" đấy sao? Có vẻ như hai thứ chỉ là một. Người ta lầm vì có nhiều người lo sợ mà tinh thần không bất an và những người tinh thần bất an có đủ mọi triệu chứng trừ triệu chứng lo sợ.

Dù sao thì vấn đề lo sợ cũng là nơi mà mọi vấn đề quan trọng nhất, linh tinh nhất đều hướng về, một điều bí ẩn nếu

được giải ra sẽ đưa lại không biết bao nhiêu ánh sáng soi tỏ đời sống tinh thần. Tôi không bảo rằng tôi sẽ đem lại cho các bạn một giải pháp hoàn hảo, nhưng các bạn cũng thấy trước rằng phân tâm học sẽ nghiên cứu vấn đề đó bằng những phương pháp khác hẳn phương pháp y khoa cổ điển. Y khoa cổ điển quan tâm nhất đến vấn đề xem nỗi lo sợ có căn bản giải phẫu nào trong cơ thể không? Họ cho đó là một sự kích thích tuỷ hành và người bệnh được biết họ bị bệnh thần kinh của mơ hồ. Tuỷ hành hay tuỷ dài là một vấn đề rất đứng đắn, rất đẹp. Tôi nhớ lại là ngày xưa tôi đã tốn bao nhiêu thì giờ và khó nhọc để học cơ quan đó. Nhưng ngày nay tôi đã thú nhận trong sự việc nghiên cứu nỗi lo sợ chả có gì làm cho tôi lơ là hơn là sự tìm hiểu con đường mà sự kích động thần kinh đi từ tuỷ hành xuống theo.

Trước hết chúng ta có thể nói rất lâu đến sự lo sợ mà không cần nói đến bệnh thần kinh bất an nói chung. Các bạn sẽ hiểu mà không cần giải thích gì thêm khi thấy tôi gọi nỗi lo sợ thực sự ngược lại với nỗi lo trong bệnh thần kinh. *Nỗi lo sợ thực sự* là một cái gì dễ hiểu và hợp lẽ phải. Đó là phản ứng với ý nghĩ là mình sắp gặp một sự nguy hiểm từ bên ngoài, một sự nguy hiểm mà mình chờ đợi, biết trước, liên kết với ý tưởng bỏ trống phải được coi như sự phát triển của bản năng tự bảo vệ. Lo sợ thường xảy ra trước đối tượng và trong tình trạng nào? Điều đó phụ thuộc vào mức độ hiểu biết và quyền lực của mình đối với thế giới bên ngoài. Người mọi rợ sợ một khẩu đại bác để trước mặt hay khi thấy có nhật thực, trong khi một người da trắng biết điều khiển đại bác và biết trước là có nhật thực sẽ không sợ hãi gì. Nhiều khi chính vì hiểu biết quá nhiều mà

người ta lo sợ vì biết trước sự nguy hiểm quá sớm. Một người mọi rợ quen sống trong rừng trông thấy một con đường mòn mở ra trước mắt là sợ rồi vì biết đó là đường đi của một dã thú trong khi người văn minh không quen sống trong rừng không sợ gì cả vì không rõ mình đang ở cạnh một con vật nguy hiểm. Một người thuỷ thủ đầy kinh nghiệm sợ hãi nhìn một làn mây nhỏ trên trời vì biết rằng đám mây đó báo trước một cơn giông tố sắp tới trong khi người đi trên tầu vẫn thản nhiên vì không biết điều đó.

Suy nghĩ kỹ chúng ta sẽ thấy là chúng ta cần xét lại ý kiến cho rằng nỗi lo sợ thực sự là điều hợp lẽ phải và thích ứng vào một mục đích nào đó. Thái độ hợp lẽ phải nhất khi mình đứng trước một mối nguy hiểm nào là liệu xem sức mình có thể chống lại sự nguy hiểm đó không, rồi sẽ quyết định xem nên chạy trốn, nên chống cự lại hay nên tấn công trước. Nhưng trong thái độ đó không có chỗ cho sự lo sợ: dù có lo sợ cũng không giải quyết được gì, sự gì đến vẫn đến và có khi không lo sợ sự việc sẽ tốt đẹp hơn chưa biết chừng. Như vậy khi nỗi lo sợ lên quá mạnh, nó sẽ làm tê liệt mọi hoạt động và có khi tê liệt cả ý muốn chạy trốn nữa. Thường thường phản ứng chống lại sự nguy hiểm là sự dung hoà lòng lo sợ với hành vi tự vệ. Khi một con vật lo sợ, bỏ chạy, chỉ có thái độ bỏ chạy mới hợp lý còn sự lo sợ không đáp ứng một mục tiêu nào cả.

Vì vậy, người ta có thể cho rằng sự lo sợ không bao giờ hợp lý hết. Nhưng chúng ta nên phân tích thực kỹ càng tình trạng do sự lo sợ tạo nên nếu chúng ta muốn có một ý niệm đúng đắn về điều đó. Trước hết đương sự đã sửa soạn đón nhận nguy hiểm vì thế nên mới tỏ ý lo ngại và tinh thần cùng cảm

giác mới căng thẳng. Tình trạng chờ đợi và sửa soạn này là một tình trạng tốt vì nếu không đương sự sẽ gặp nhiều mối nguy hiểm to lớn. Do tình trạng đó mà có hành động cơ năng: hoặc chạy trốn hoặc tự bảo vệ tích cực; rồi sau đó mới có lo ngại. Sự lo sợ càng phát triển giới hạn bao nhiêu, càng tỏ ra là một dấu hiệu bấy nhiêu, và sự diễn tiến biến đổi tình trạng sửa soạn lo ngại phập phồng thành hành vi càng xảy ra càng nhanh và hợp lý bấy nhiêu. Vì thế cho nên trong sự lo sợ phập phồng chỉ có sự sửa soạn đón nhận nguy hiểm mới là yếu tố có ích, còn sự lo sợ có vẻ như trái với mục tiêu.

Tôi bỏ qua vấn đề xem xét trong tiếng nói thường ngày những chữ lo âu, sợ hãi, kinh hoàng có chỉ dùng một thứ hay nhiều thứ khác nhau không. Tôi cho rằng sự lo sợ đều có liên quan đến trạng thái con người chứ không liên can đến đối tượng trong khi trong sự sợ hãi, đương sự thường chú ý đến đối tượng gây sợ hãi hơn. Sự kinh hoàng đối với tôi có một ý nghĩa đặc biệt chỉ một hành vi chống lại một sự nguy hiểm mà người ta không chờ đợi và không được biết trước. Người ta có thể cho rằng người ta dùng lo sợ để chống lại sự kinh hoàng.

Dù sao các bạn cũng thấy rằng hai chữ lo sợ có rất nhiều nghĩa thành ra chẳng có nghĩa nào thực đúng và do đó hai chữ đó trở nên mơ hồ bất định. Luôn luôn người ta coi sự lo sợ như một trạng thái chủ quan do ý nghĩa lo sợ càng ngày càng tăng gây nên và người ta gọi trạng thái đó là trạng thái tình cảm. Nhưng trạng thái tình cảm là gì về phương diện động lực? Đó là một cái gì rất phức tạp. Một trạng thái tình cảm trước hết gồm có một vài tác dụng thần kinh hay phóng động rồi mới đến một vài cảm giác, và cảm giác này gồm hai loại: một là sự ghi nhận

những hành vi cơ năng đã xảy ra rồi đến cảm giác khó chịu hay dễ chịu. Chính cảm giác khó chịu hay dễ chịu cho ta biết rõ về tính cách cơ bản của trạng thái tình cảm nói trên. Tôi không tin rằng nói thế là đã nói hết những điều cần biết về trạng thái tình cảm. Trong một số trạng thái chúng ta có thể vượt qua những yếu tố nói trên và nhận ra rằng cái nhân của trạng thái này chính là sự lặp đi lặp lại nhiều lần của một vài biến cố quan trọng, có ý nghĩa mà đương sự đã sống. Biến cố này có thể chỉ là một cảm giác rất cũ kỹ, có tính cách rất tổng quát có khi thuộc về thời tiền sử không phải của cá nhân mà của nòi giống nữa. Muốn cho dễ hiểu hơn, trạng thái tình cảm cũng được cấu tạo chẳng khác gì bệnh náo loạn thần kinh, nghĩa là gồm có một kỷ niệm ghi vào trong tâm trí người bệnh từ lâu. Vậy cơn náo loạn thần kinh có thể đem so sánh với một trạng thái tình cảm vừa hợp thành xong và trạng thái tình cảm có thể được coi như sự phát biểu một bệnh náo loạn thần kinh đã trở thành di truyền.

Các bạn đừng cho rằng điều tôi nói về trạng thái tình cảm đã được công nhận trong tâm lí học bình thường. Trái lại đó chỉ là mầm mống do phân tâm học tạo nên và chỉ đứng trong phạm vi trong phân tâm học thôi. Điều mà tâm lý học cho chúng ta biết về những trạng thái tình cảm, như thuyết cuả James Lange chẳng hạn, chẳng làm sao hiểu được đối với những nhà phân tâm học chúng ta, và cũng chẳng thể đem ra thảo luận được. Nhưng chúng ta cũng không cho rằng ý kiến của chúng ta về trạng thái tình cảm đúng hoàn toàn; các bạn chỉ nên coi điều tôi sắp nói về vấn đề này như một bước đầu tiến tới môi trường tối tăm này. Tôi tiếp tục. Tôi tin rằng trạng thái tình cảm do sự lo

sợ biểu thị chính là cảm giác thụt lùi mà sự lo sợ sống lại sau khi đã thấy đi thấy lại nhiều lần. Đó có thể là một sự *sinh đẻ*, nghĩa là một hành vi có đủ một cảm giác đau buồn, mọi khuynh hướng phóng động, mọi cảm giác trong cơ thể tập trung vào ý tưởng sợ hãi đợi chờ một sự hiểm nguy sắp tới mà chúng ta đã được biết đến nhiều lần rồi, nghĩa là đã có nhiều kinh nghiệm rồi. Chính vì máu trong huyết quản được thay thế quá nhanh làm tăng sự kích động lên nên chúng ta mới cảm thấy lo sợ phập phồng. Vậy sự lo sợ đầu tiên có tính chất nhiễm độc. Như chữ "lo sợ phập phồng" (angoisse gốc ở tiếng La Tinh angustiae có nghĩa là chật hẹp, tiếng Đức là augst) có nghĩa là người ta ngập ngừng khó thở thi đứng trước một tình trạng có thực và bây giờ lại sống lại trong trạng thái tình cảm. Chúng ta sẽ thấy là việc trạng thái lo sợ phập phồng khi lần đầu tiên đứa con phải sống xa người mẹ là một sự việc có ý nghĩa. Chúng tôi cho rằng chính nỗi lo đầu tiên này được sống đi sống lại nhiều lần trong tâm tưởng của con người từ thế hệ này qua thế hệ khác, đã in sâu vào tâm tưởng của con người đến nỗi không một cá nhân nào có thể thoát khỏi trạng thái tình cảm ngay cả khi người ta là Macduff, một con người ra đời một cách khác hơn là từ trong bụng mẹ chui ra. Chúng ta không biết đối với những giống vật khác không phải là loài vật có vú sự lo sợ đã xảy ra như thế nào. Vì thế chúng ta không biết sự lo sợ đó có giống sự lo sợ của chúng ta không?

Chắc các bạn tò mò muốn biết tại sao người ta lại có thể đạt tới cái ý niệm là chính sự sinh đẻ đã là nguồn gốc của trạng thái tình cảm mà sự lo sợ là biểu thị. Ý niệm này không lấy trong lý thuyết: tôi có ý đó sau khi nghĩ đến tư tưởng ngây thơ

của đại chúng. Một hôm - từ lâu lắm rồi mấy bác sĩ chúng tôi ngồi ăn cơm quanh một cái bàn trong một tiệm cơm. Một người trong bọn kể cho nghe một câu chuyện lý thú xảy ra trong kỳ thi nữ hộ sinh vừa qua. Người ta hỏi một nữ thí sinh tại sao trong nước đầu ối lại có cứt xu thì cô ta trả lời "vì đứa bé lo sợ". Các giám khảo cười ầm lên và đánh trượt cô thí sinh. Riêng tôi, tôi có cảm tưởng là cô thí sinh đáng thương hại này đã có cảm giác mơ hồ về liên quan giữa hai sự việc nói trên và tôi đứng về phía cô ta.

Bây giờ chúng ta nói đến sự lo sợ của những người tinh thần bất an, sự phát hiện của chúng như thế nào? chúng có liên quan gì mới không? Có nhiều điều phải nói lắm. Trước hết chúng ta có một trạng thái lo sợ tổng quát, bập bềnh lúc nào cũng sẵn sàng bấu víu vào bất kỳ một hình dung nào hiến được cho nó một nguyên cớ, ảnh hưởng tới sự phán đoán, sẵn sàng chờ đợi thực lâu để gặp được một cơ hội chứng minh hành vi của mình. Trạng thái này chúng ta gọi là "trạng thái lo sợ trong chờ đợi" hay "trạng thái lo sợ phập phồng". Những người lo sợ như thế này thường tiên liệu thấy những biến cố thực ghê gớm, trong biến cố tình cờ nào cũng như nhìn thấy báo trước một tai nạn, bao giờ cũng cho là mình sẽ gặp những điều xấu xa nhất khi thấy xảy ra một chuyện gì không rõ ràng. Khuynh hướng chờ đợi tai nạn này là một đặc tính có trong rất nhiều người mà ngoài lối lo sợ này ra không có vẻ gì là bị bệnh cả; người ta thường trách họ hay buồn rầu bi quan; nhưng sự lo sợ trong chờ đợi này cũng xảy ra với một mức độ mạnh hơn trong căn bệnh mà tôi gọi là "bệnh thần kinh lo sợ" được xếp vào loại bệnh thần kinh hiện đại.

Một hình thức lo sợ khác trái lại có tính cách tinh thần liên kết với những đối tượng và trạng thái: đó là "chứng sợ". Nhà tâm lý học Mỹ nổi tiếng Stanley Hall đã đưa ra cả một lô chứng sợ đó với những danh từ Hy Lạp rất kêu. Những chứng sợ này giống như mười vết thương Ai Cập nhưng nhiều hơn nhiều. Các bạn hãy nghe đây tất cả cái gì có thể thành đối tượng của chứng sợ: sợ bóng tối, sợ ngoài trời, khoảng không mở rộng, sợ mèo, nhện, sâu, rắn, chuột, giông tố, mũi nhọn, máu, những chỗ đóng kín, đông người, cô độc, qua cầu, du lịch trên biển hay bằng đường xe lửa, v.v.... Công trình nghiên cứu đầu tiên phân biệt ba loại: một vài đối tượng hay trạng thái có một vẻ gì ghê sợ ngay cả những người bình thường; vì thế nên những chứng sợ này đối với chúng ta chẳng có gì khó hiểu tuy rằng cường độ sợ hãi có hơi quá đáng.Ví dụ như sợ rắn, chứng sợ rắn là chung cho cả nhân loại. Chính Ch.Darwin đã tả cho chúng ta nghe ông ta sợ rắn như thế nào khi trước mặt ông ta có cả một chiếc đĩa bằng thuỷ tinh che chở. Trong loại thứ hai chúng ta xếp những trường hợp có liên quan đến một vài sự nguy hiểm nhưng mà đó là sự nguy hiểm mà chúng ta không để ý đến. Ví dụ như đi xe lửa có thể bị nguy hiểm hơn là ở nhà : bị xe đâm nhau chẳng hạn; đi tàu có thể bị đắm tàu và bị chết đuối; vậy mà chúng ta vẫn đi xe lửa và đi tàu điện mà không hề lo sợ, không nghĩ đến nguy hiểm. Đi qua cầu cũng có thể bị rơi xuống sông nếu cầu bị gãy, nhưng khi qua cầu chúng ta đâu có nghĩ đến điều đó. Sự cô độc cũng có thể mang lại một vài sự nguy hiểm, có khi chúng ta tìm cách tránh nó nhưng không phải vì thế mà chúng ta không dám chịu đựng một vài lúc cô độc. Tất cả những điều giải thích trên cũng đúng với sự sợ những đám đông, sợ nơi bị đóng kín, sợ giông tố, v.v... Điều làm chúng ta thấy lạ là trong

những chứng sợ hãi này không phải là nội dung mà là cường độ của sự sợ. Người ta sợ mà không có cái gì ngăn trở được. Có khi chúng ta có cảm tưởng rằng những người bệnh không sợ như chúng ta cũng sợ trước những trạng thái hay đối tượng mà họ gặp.

Loại thứ ba là những chứng sợ mà chúng ta không hiểu nổi. Khi thấy một người đàn ông khoẻ mạnh, đứng tuổi, sợ hãi khi đi qua một con đường phố trong tỉnh nhà mà anh ta biết rất rõ, hay một người đàn bà bề ngoài trông rất khoẻ mạnh mà co rúm người lại khi có một con mèo đụng nhẹ vào áo hay một con chuột chạy qua phòng, làm sao chúng ta có thể biết giữa những cái sợ đó có thể có liên quan nào và thấy được sự nguy hiểm mà chỉ có người sợ mới tin là có thôi? Về chứng sợ giống vật ta thấy rõ đó chỉ là nhiều người quá ghét những giống vật đó thôi vì chúng ta có những bằng cớ trái lại mà có rất nhiều người lại không bao giờ đi qua một con mèo hay một con chó mà không vuốt ve chúng. Còn chuột mà rất nhiều bà sợ đã được dùng để gọi nhau rất âu yếm: có cô gái lấy làm thích thú khi được người yêu gọi là "con chuột nhắt của anh" lại hét lên ghê người khi thấy một con chuột chạy qua. Về những người sợ đường phố chúng ta chẳng còn cách nào khác để cắt nghĩa hơn là cho họ chỉ là những đứa bé con. Chính người lớn đã cho đứa bé biết rằng nếu đi vào chỗ đông người hay ra phố là có thể gặp hiểm nguy và anh chàng bị chứng sợ này hết sợ khi có người đi cùng.

Hai hình thức lo sợ nói trên, hình thức lo sợ trong chờ đợi và chứng sợ không liên quan gì đến nhau cả. Người ta không thể nói rằng sự sợ này là một giai đoạn tiền tiến của sự sợ kia và

nếu có người nào có cả hai chứng đó cùng một lúc thì đó chỉ là tình cờ và rất ít khi xảy ra. Trạng thái lo sợ tổng quát nặng nhất cũng không thường kèm theo chứng sợ nói trên; có những người suốt đời sợ cái này đến cái nọ nhưng lại không mắc chứng sợ tổng quát, nguồn gốc của bi quan. Đã có bằng chứng chỉ ra rằng có nhiều chứng sợ như sợ không gian, xe lửa, chỉ xảy đến đối với những người đứng tuổi, còn những chứng khác như sợ bóng tối, giông tố, loài vật có vẻ như đã xảy ra ngay trong những năm đầu tiên của cuộc đời. Những bệnh trên có vẻ trở thành bệnh nặng, còn những chứng dưới thì có tính cách đặc biệt thôi. Khi một người bị những chứng sợ loại sau này, chúng ta có đủ lý lẽ để tin rằng họ còn sợ nhiều sự khác nữa, chúng ta xếp tất cả những chứng sợ này vào loại náo loạn thần kinh lo sợ. Nghĩa là coi chúng như một bệnh rất gần với chứng náo loạn thần kinh hoán chuyển (hystérie de conversion).

Loại thứ ba đặt chúng ta trước một điều bí ẩn vì chúng ta không thể biết được giữa sự lo sợ này và sự hiểm nguy đe doạ người bệnh có những liên quan gì. Trong bệnh náo loạn thần kinh chẳng hạn, sự lo sợ đi liền với những triệu chứng náo loạn khác hay xảy ra trong bất cứ điều kiện kích động nào; thành ra trong khi chờ đợi một sự phát hiện tình cảm, chúng ta ngạc nhiên nhiều khi xuất hiện một sự lo sợ mà chúng ta không chờ đợi. Sau cùng lo sợ có thể xuất hiện mà chẳng cần điều kiện gì cả, y như một cơn sợ đột nhiên xuất hiện chẳng có một nguyên do gì. Trong những cơn sợ xuất hiện tự nhiên này chúng ta thấy chúng có thể bị phân tích ra được. Cả cơn sợ có thể xuất hiện bằng một triệu chứng duy nhất cường độ rất mạnh như run lẩy bẩy, choáng váng, hồi hộp, nghẹn ngào. Chúng ta không thấy trong sự lo sợ này tình cảm chung cho mọi sự lo sợ khác.

Những trạng thái này phải được coi như lo sợ thực sự cả về phương diện chuẩn bị cũng như căn bệnh.

Đến đây có hai câu hỏi đột nhiên xuất hiện. Giữa sự lo sợ trong bệnh thần kinh trong đó sự nguy hiểm không giữ một vai trò nào cả, hay chỉ giữ một vai trò chẳng có nghĩa gì và sự lo sợ thực sự bao giờ cũng là phản ứng đối với một mối nguy thực sự có liên quan gì không? Phải hiểu sự lo sợ thần kinh đó như thế nào? Chúng tôi muốn trước hết không bỏ được nguyên tắc: mỗi khi có sự lo sợ xảy ra tất phải có một điều gì gây ra sự lo sợ đó.

Quan sát trong bệnh viện cho thấy một số yếu tố giúp ta hiểu được bệnh lo sợ thần kinh. Tôi muốn đem vấn đề ra thảo luận với các bạn.

a. Chúng ta không khó gì khi cho rằng sự lo sợ trong chờ đợi hay lo sợ tổng quát lệ thuộc vào một vài hoạt động của đời sống tình dục hay nói cho đúng hơn vào một vài sự áp dụng tính khát dục. Trường hợp giản dị và bổ ích nhất cho sự học hỏi là trường hợp của những người chịu kích động vô bổ, thấy thoả mãn, như những người đàn ông trong thời kỳ đính hôn hay những người đàn bà có chồng bất lực, hay sợ có mang nên thường rút dương vật ra ngoài âm hộ trước khi xuất tinh. Trong những trường hợp này sự kích động khát dục biến mất nhường chỗ cho lo sợ hoặc lo sợ trong chờ đợi hoặc một cơn lo sợ nào đó. Việc ngưng sự giao hợp trước khi xuất tinh vì vợ sợ có mang thường gây bệnh thần kinh lo sợ cho đàn ông và nhất là cho đàn bà và xảy ra nhiều đến nỗi mỗi khi đứng trước một người bệnh các bác sĩ thường bảo nhau nên nghĩ đến căn bệnh đó trước nhất. Làm như thế chúng ta có dịp quan sát rằng bệnh

đó biến mất ngay một khi người chồng thôi không ngưng giao hợp trước khi xuất tinh như thế.

Theo chỗ tôi biết thì chính những bác sĩ ở ngoài môn phân tâm học cũng công nhận liên quan giữa sự ngưng giao hợp và bệnh thần kinh lo sợ. Nhưng có nhiều người sẽ cho rằng sở dĩ có những người ngưng giao hợp như thế là vì họ đã có sẵn mầm mống của sự lo sợ trong người từ lâu rồi. Lý luận này được cải chính ngay tức khắc bằng thái độ của người đàn bà mà hoạt động tình dục có tính cách tiêu cực, nghĩa là chịu theo hướng dẫn của đàn ông. Một người đàn bà càng có nhiều khí chất bao nhiêu càng thích giao hợp bấy nhiêu, càng có khả năng hưởng thụ tình dục bấy nhiêu và càng có phản ứng bằng hiện tượng lo sợ đối với sự bất lực và sự ngưng giao hợp của người đàn ông bấy nhiêu.

Sự tiết dục được nhiều bác sĩ khuyên nên dùng tất nhiên chỉ gây ra trạng thái lo sợ trong trường hợp sự khát dục không được thoả mãn đã tăng lên đến một cường độ nào đó và không bị huỷ bỏ vì những cái dùng để thay thế. Sự phát sinh ra trạng thái bệnh hoạn bao giờ cũng lệ thuộc vào những yếu tố chất lượng. Nhưng ngay cả khi không nói đến chuyện bệnh tật nữa mà chỉ nói đến tính tình thôi, những người tiết dục thường là những người tính nết bất định, hay lo sợ, nghi ngờ, còn những người bạo dạn, luôn luôn không bao giờ làm cái trò ngưng giao hợp bao giờ. Dù đời sống văn minh đã thay đổi những liên quan giữa đời sống tình dục và tính nết con người thế nào chăng nữa thì những liên quan đó cũng vẫn mật thiết hơn bao giờ.

Tôi chưa nói cho các bạn nghe về những quan sát xác định những liên quan này giữa khát dục và sự lo sợ. Chúng ta sẽ phải

nói đến vai trò của một vài giai đoạn trong đời sống như tuổi dậy thì hay tuổi tắt kinh chẳng hạn trong việc phát sinh ra bệnh lo sợ, những giai đoạn này là thường làm tăng sự khát dục lên rất nhiều. Trong nhiều trường hợp khi bị kích động, người ta còn quan sát thấy sự dung hoà giữa khát dục và bệnh lo sợ và sự thay thế tình dục bằng sự lo sợ nữa. Từ những sự kiện này, chúng ta đưa ra hai kết luận: người ta có cảm tưởng rằng đó chỉ là sự tích luỹ của sự khát dục bị ngăn trở không cho hoạt động và tất cả mọi sự diễn biến đã nhận thấy đều có tính cách cơ thể. Người ta không nhìn thấy sự lo sợ đã phát sinh ra như thế nào từ sự khát dục; người ta chỉ nhận thấy rằng khát dục đã vắng mặt và được thay thế bằng lo sợ.

b) Một điểm khác đã được sự phân tích bệnh thần kinh tâm lý nhất là bệnh náo loạn thần kinh cung cấp. Chúng ta đã biết là trong những bệnh này sự lo sợ chỉ xuất hiện cùng với các triệu chứng nhưng cũng có khi có một sự lo sợ không liên quan gì đến triệu chứng cả và xuất hiện dưới hình thức của từng cơn một hay trong một tình trạng thường trực. Người bệnh không biết tại sao họ lại lo sợ như thế và thường gán cho chứng sợ này cho sự lo sợ thông thường nhất: sợ chết, sợ bị điên dại, sợ động kinh. Khi phân tích sự lo sợ hay triệu chứng đi cùng với sự lo sợ người ta thường tìm ra nguyên do chính là vì dòng hoạt động của tinh thần bình thường không lưu thông và đã bị lo sợ thay thế. Hay nói rõ hơn chúng ta coi sự hoạt động của vô thức không chịu một sự dồn ép nào, phát triển bình thường cho tới khi đến ý thức. Sự diễn tiến này thường có một trạng thái tình cảm đi theo và chúng ta ngạc nhiên khi thấy rằng trạng thái tình cảm này trong mọi trường hợp đều bị dồn ép và thay thế bằng sự lo sợ dù đặc tính của trạng thái ấy ra sao mặc lòng. Cho nên

khi đứng trước một trạng thái lo sợ náo loạn thần kinh, chúng ta có quyền cho rằng đồng bạn vô thức đi cùng với nó hoặc là một tình cảm cùng tính chất - như lo sợ, xấu hổ, ngượng ngùng- hoặc là sự kích động khát dục hoặc là một tình cảm đối nghịch, hung hăng như sự giận dữ ghê gớm hay bình thường. Vậy sự lo sợ tức là một món tiền thường được dùng để đổi lấy sự kích động tình cảm của nội dung của chúng đã bị sự phát biểu huỷ diệt và dồn ép.

c) Một cuộc thí nghiệm thứ ba lấy trong những người bị ám ảnh, những người hầu như không bị lo sợ bao giờ. Khi chúng ta ngăn cản không cho những người bị ám ảnh làm những cử chỉ ám ảnh của họ hay khi chính họ tự ý thôi không làm những cử chỉ đó nữa, họ thường bị lo sợ xâm chiếm và nhiều khi phải làm lại những cử chỉ ám ảnh này. Đến đó chúng ta hiểu rằng lo sợ luôn luôn núp đằng sau những cử chỉ ám ảnh và những cử chỉ này được thực hiện chỉ vì người bệnh muốn tránh khỏi lo sợ. Vì thế nên trong bệnh thần kinh ám ảnh sự lo sợ không xuất hiện ra ngoài vì đã được các triệu chứng thay thế; và nếu chúng ta quay trở lại với bệnh náo loạn thần kinh, chúng ta cũng thấy tình trạng tương tự, kết quả của sự dồn ép: hoặc là một lỗi lo sợ thuần tuý, hoặc một sự lo sợ đi kèm các triệu chứng hoặc là toàn thể các triệu chứng đầy đủ không có lo sợ. Như thế chúng ta có thể nói rằng, nếu những triệu chứng xuất hiện thì chỉ là vì chúng muốn ngăn cản không cho lo sợ xuất hiện và nếu không có chúng thì lo sợ thế nào cũng xuất hiện. Quan niệm này làm cho sự lo sợ trở thành trung tâm điểm của sự quan tâm của chúng ta đối với vấn đề có liên quan đến bệnh thần kinh.

Những điều quan sát của chúng ta liên quan đến bệnh lo sợ thần kinh đưa đến kết luận là chính sự di chuyển của khát dục ra ngoài con người thường ngày gây ra sự lo sợ chính là giai đoạn cuối cùng của sự diễn tiến của cơ thể. Phân tích bệnh náo loạn thần kinh và bệnh bị ám ảnh, chúng ta cũng đi đến kết luận như thế vì nó cho ta thấy rõ sự đi sai đường và sự lo sợ đều bắt nguồn ở sự từ chối không chịu can thiệp của các yếu tố tinh thần. Đó là tất cả những điều chúng ta biết về cách phát sinh ra bệnh lo sợ trong bệnh thần kinh; nếu những điều này có thể mơ hồ thì lúc này tôi chưa tìm ra con đường có thể đưa chúng ta đi xa hơn.

Còn một vấn đề khó giải quyết nữa là vấn đề quy định những liên quan về sự lo sợ thần kinh, bắt nguồn từ một sự hoạt động bất bình thường của khát dục và sự lo sợ thực hiện tương ứng với một phản ứng chống lại một mối nguy hiểm. Người ta tưởng rằng đó là những cái gì rời rạc, nhưng thực ra chúng ta không có phương tiện nào để phân biệt được hai loại lo sợ này.

Nhưng dây liên lạc đó hiện ra ngay khi chúng ta xét đến sự trái ngược giữa cái tôi và sự khát dục. Như chúng ta đã biết, lo sợ sở dĩ xuất hiện như một sự phản ứng của cái tôi và là dấu hiệu báo trước sự chạy trốn; trong sự lo ngại bệnh thần kinh chúng ta cũng có thể cho rằng cái tôi tìm cách chạy trốn để thoát khỏi sự đòi hỏi của khát dục, coi sự hiểm nguy bên trong ngày càng khác mối nguy hiểm bên ngoài. Quan niệm này dẫn tới một kết luận: mỗi khi có sự lo sợ là phải có một sự kiện gây ra sự lo sợ đó. Nhưng sự giống nhau giữa hai loại còn đi xa hơn nữa. Cũng như gặp một mối nguy hiểm bên ngoài nào đó lo sợ thường tìm cách chạy trốn. Nhưng chính sự mưu toan chạy trốn

này lại dẫn đến sự dừng chân lại để tìm cách chống cự, sự phát triển của sự lo sợ cũng bị ngưng lại bởi sự xuất hiện của các triệu chứng để rồi sau cùng nhường chỗ cho chúng.

Điều khó hiểu trong các liên quan giữa sự lo sợ và các triệu chứng nằm chỗ khác. Lo sợ có nghĩa là cái tôi chạy trốn trước khát dục, vậy mà chính sự khát dục lại gây ra lo sợ. Sự kiện này tuy không đập vào mắt người ta, vẫn là một sự kiện có thực; vì thế nên chúng ta đừng quên rằng khát dục của người nào đó cũng là một thành phần trong người đó và không thể chống lại người đó như một sự kiện từ bên ngoài vào. Điều chúng ta chưa hiểu rõ là sự sống động chung cho mọi nỗi lo sợ, là vấn đề tự hỏi xem trong khi hoạt động thì những nghị lực tinh thần đem dùng là những nghị lực nào và nghị lực này từ những hệ thống tinh thần nào đến. Tôi không thể hứa trả lời được các câu hỏi nói trên, nhưng chúng ta sẽ xem xét hai dấu vết khác nhau và đòi hỏi không chỉ nghiên cứu và quan sát trực tiếp hiến cho chúng ta một sự khẳng định cần thiết. Chúng ta sẽ xét đến vấn đề phát sinh ra sự lo sợ đối với trẻ con và vấn đề nguồn gốc của sự lo sợ trong bệnh thần kinh liên kết với các chứng sợ.

Trạng thái lo sợ luôn luôn xảy ra đối với trẻ con và thực khó biết, sự lo sợ của trẻ con có phải là một sự lo sợ thực sự hay chỉ là một sự lo sợ do bệnh thần kinh gây ra không. Chính thái độ của trẻ con cải chính sự khác biệt mà chúng ta dành cho hai loại lo sợ này. Một đằng chúng ta thấy có gì lạ lùng khi thấy đứa trẻ con tỏ ra lo sợ khi đứng trước người lạ mặt, trước những tình thế mới và những đối tượng mới. Chúng ta hiểu phản ứng này của chúng vì chúng yếu ớt và không biết nhiều. Vì vậy

chúng ta cho rằng trẻ con lo sợ thực sự và khi ra đời chúng đã mang mầm mống của sự lo sợ này rồi với tính cách di truyền. Trẻ con chỉ lập lại thái độ của người cổ sơ và người mọi rợ, vì không biết rõ và không có cách tự bảo vệ, nên tỏ ra lo sợ trước những cái gì mới, trước những sự việc đối với những con người văn minh thì chẳng có nghĩa lý gì, đã trở thành quen thuộc và không hề làm cho họ lo sợ. Và tất nhiên những chứng sợ của trẻ con cũng có thể được coi như tương tự với những điều chúng ta thường gán cho những giai đoạn cổ sơ trong quá trình phát triển của người đời.

Dù sao chúng ta không nên bỏ qua sự việc là không phải bất cứ đứa trẻ con nào cũng bày tỏ một nỗi lo sợ giống nhau, cùng một cường độ như nhau và đứa trẻ nào tỏ ra lo sợ trước bất cứ vật gì và tình thế gì đều là những đứa sau này sẽ mắc bệnh thần kinh. Vậy mầm mống bệnh thần kinh có sẵn trong người đứa bé cũng phát hiện dưới hình thức của một tính nết dễ dàng, lo sợ thực sự, trạng thái lo sợ xuất hiện như một trạng thái đầu tiên, và người ta kết luận rằng trẻ con cũng như người lớn đều tỏ ra lo sợ trước sức mạnh của khát dục chính là vì họ sợ bất cứ một cái gì. Quan niệm sự việc như thế chẳng khác gì phủ nhận rằng chính sự khát dục đã sinh ra lo sợ, và khi xét những điều kiện của một sự lo sợ thực sự, chúng ta sẽ tự nhiên đi đến kết luận là chính cái ý thức rằng mình bất lực, yếu ớt, không có giá trị gì cả mà trẻ con cũng như người lớn sau này mắc bệnh thần kinh, nói khác đi, chính ý thức này là nguyên nhân đầu tiên gây ra bệnh thần kinh, khi ý thức thay vì phải chấm dứt khi hết tuổi ấu thơ lại cứ tiếp tục tồn tại trong người lớn.

Lối lý luận này có vẻ giản dị và quyến rũ khiến cho chúng ta chú trọng đến. Nhưng nó lại đưa đến hậu quả là di chuyển điều bí mật về tinh thần bất an sang một chỗ khác. Vì ý tưởng rằng mình không có giá trị gì cả cứ tồn tại mãi được coi như một điều có thực đến nỗi chúng ta phải tự hỏi tại sao những người đó có khi lại có một sức khoẻ bình thường. Nhưng trạng thái lo sợ của trẻ con cho ta biết những gì? đứa bé chỉ tỏ ra lo sợ khi đứng trước những người lạ đi kèm, còn những đồ vật mới gây lo sợ cho trẻ chỉ đến sau người và tình thế nói trên. Nhưng đứa trẻ lo sợ trước một người lạ chỉ vì nó cho rằng người này đối với nó có ý xấu, vì nó cảm thấy mình quá yếu đối với người lạ, người này có thể mang lại cho nó một mối hiểm nguy đối với đời sống, an ninh và sự sung sướng của nó. Thực ra không làm gì có những đứa bé lúc nào cũng nghi ngờ, lúc nào cũng lo sợ mình bị tấn công và những sự tấn công này tràn ngập cả nhân loại. Đúng hơn đứa bé sở dĩ lo sợ khi đứng trước mặt người lạ là vì từ xưa tới nay nó chỉ quen nhìn một người mà nó yêu mến: đó là người mẹ. Sự thất vọng và buồn rầu của nó biến thành lo sợ: vậy sự lo sợ đó chính là sự khát dục không còn dùng được nữa và sự khát dục này vì không dùng được nữa nên phải biến thành lo sợ. Và không phải là ngẫu nhiên nếu chúng ta thấy trong sự lo sợ của đứa trẻ hình ảnh của sự lo sợ đầu tiên xảy ra trong lúc mình mới sinh, sự tách bạch đứa trẻ ra khỏi lòng người mẹ.

Chứng sợ đầu tiên nhận thấy ở đứa trẻ con là chứng sợ bóng tối và cô đơn; chứng đầu tiên còn tồn tại mãi trong suốt cuộc đời và cả hai chứng đều có một nguyên nhân chung nhau, đó là sự vắng mặt của người mẹ yêu dấu và chăm sóc nó. Một

đứa bé lo sợ trong bóng tối hét lên nói với người cô ngồi trong phòng bên: "Cô ơi, cô nói cho con nghe đi, con sợ lắm"– "Cô nói lên thì có lợi gì cho con vì con có trông thấy cô đâu" Đứa bé trả lời: " Khi có tiếng người, cháu cảm thấy như trời sáng hơn". Vậy sự buồn rầu cảm thấy trong bóng tối biến thành sự lo sợ bóng tối. Vậy khi chúng ta nói rằng sự lo sợ trong bệnh thần kinh là một hiện tượng phụ thuộc và chỉ là một trường hợp đặc biệt của sự lo sợ thực sự thôi, chúng ta đã nói một điều không đúng: ngoài ra đối với đứa trẻ, trong sự lo sợ thực sự và sự lo sợ thần kinh có một điểm chung nhau: đó là ở cả hai nơi đều có một nguyên nhân: sự khát dục đã không được đem dùng. Còn về nỗi lo sợ thực sự trẻ con có vẻ như chỉ có trong một mức độ không lấy gì làm nặng lắm. Trong tất cả những tình thế sau này có thể trở nên chứng sợ như đứng trên núi cao, đi cầu hẹp trên mặt nước, đi xe lửa hay đi trên tàu biển, trẻ em không tỏ vẻ lo sợ vì nó không biết. Đáng lẽ ra trẻ con phải nhận được bằng di truyền nhiều bản năng tự vệ hơn và như thế nhiệm vụ của những giám thị trông nom cho chúng khỏi bị nguy hiểm sẽ trở nên dễ dàng hơn nhiều. Nhưng trong thực tế, nhiều khi trẻ không có tự lượng sức mình mà làm nhiều điều nguy hiểm, chính vì nó không biết thế nào là nguy hiểm. Nó chạy trên bờ nước, trèo lên cửa sổ, chơi dao kéo, đồ nhọn hay với lửa, nghĩa là tất cả những thứ gì nguy hại cho nó và làm cho mọi người lo sợ. Chính sự giáo dục đã làm cho lo sợ phát sinh bởi vì chúng ta không thể để cho chúng tự học lấy những điều đó bằng kinh nghiệm được.

Nếu có những đứa trẻ chịu ảnh hưởng của sự giáo dục phát sinh ra lo sợ này tới một mức độ làm cho chúng tự mình tìm được những sự nguy hiểm mà người lớn đã nói đến nhưng

không bao giờ biết trước là nguy hiểm, chính là vì trong người chúng có một nhu cầu khát dục mạnh hơn hay vì chúng có thói quen thoả mãn tình dục rất sớm. Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy nhiều đứa trẻ sau này sẽ trở nên những kẻ tinh thần bất an bởi lẽ không có gì làm chó bệnh thần kinh dễ phát ra hơn là việc con người không đủ khả năng chịu đựng trong một thời gian dài hay ngắn của sự dồn ép khát dục. Các bạn hãy nhận thấy rằng, ở đây chúng ta chú trọng đến yếu tố cấu thành mà quan trọng chưa hề bị chúng ta phủ nhận. Chúng ta chỉ chống đối lại cái quan niệm, chỉ chú trọng đến yếu tố cấu thành thôi mà không để ý đến những yếu tố khác, rằng cho yếu tố cấu thành một địa vị quan trọng nhất ngay cả trong trường hợp yếu tố này chỉ giữ một vai trò phụ thuộc thôi hay không có liên can gì cả.

Bây giờ các bạn cho phép tôi tóm tắt những kết quả lượm được trong việc quan sát trạng thái lo sợ trong đứa trẻ: sự lo sợ của đứa trẻ con gần như không có gì chung với sự lo sợ thực sự, trái lại rất gần sự lo sợ bệnh thần kinh của người lớn. Nó bắt nguồn từ một sự khát dục không đem dùng, rồi chỉ vì không tìm được đối tượng để tập trung tình ái vào đã thay thế khát dục bằng một vật bên ngoài hay một tình thế mới.

Và bây giờ các bạn hẳn không bực mình khi nghe tôi nói rằng chúng ta chẳng cần gì học các chứng sợ nữa. Trong các chứng sợ này giống y những sự lo sợ của trẻ con: khát dục không được đem dùng luôn luôn biến thành một sự lo sợ thực sự và do đó bất cứ một sự nguy hiểm nào từ bên ngoài vào đều có thể trở thành một cái gì thay thế cho sự đòi hỏi của khát dục. Sự tương đồng các chứng sợ và sự lo sợ trẻ con chẳng có gì

đáng cho ta ngạc nhiên cả vì những chứng sợ trẻ con không những chỉ điển hình cho những chứng sợ của người lớn mà còn là điều kiện phát sinh trực tiếp của những chứng này nữa. Bất cứ một chứng sợ nào trong bệnh náo loạn thần kinh của người lớn bao giờ cũng bắt nguồn ở một chứng sợ trẻ con và chỉ tiếp tục chứng sợ này ngay cả khi nó có một nội dung khác hẳn và có một tên khác. Hai chứng bệnh nói trên chỉ khác nhau về cách hoạt động thôi. Trong người lớn, muốn cho sự lo sợ trở thành khát dục, sự việc khát dục không được dùng đến trong một khoảng thời gian nào đó chưa đủ. Người lớn từ lâu đã biết tạm xếp khát dục ra một bên và dùng nó một cách khác. Nhưng khi khát dục là thành phần của một sự hoạt động tinh thần đã bị dồn ép thì người ta lại thấy một tình trạng giống như tình trạng của trẻ con khi chúng không phân biệt được giữa vô thức và ý thức, chính nhờ sự thụt lùi về chứng sợ trẻ con này mà khát dục tìm được một phương sách tiện lợi để biến thành lo sợ. Chúng ta đã nói nhiều đến sự dồn ép nhưng bao giờ cũng để ý đến số phận của trạng thái tình cảm đi liền với sự biểu thị của sự dồn ép và mãi đến tận bây giờ mới biết được số phận đầu tiên của trạng thái tình cảm này là phải biến thành lo sợ mặc dầu trong trạng thái bình thường đặc tính của nó ra sao. Sự biến đổi của trạng thái tình cảm này là phần quan trọng nhất của sự hoạt động của sự dồn ép. Nói đến nó không phải dễ dàng gì vì chúng ta không thể khẳng định sự có mặt của những trạng thái tình cảm vô thức như chúng ta đã khẳng định sự có mặt của các sự phát biểu vô thức. Dù vô thức hay hữu thức thì bao giờ sự phát biểu cũng vẫn có những tính chất như nhau và chúng ta rất có thể nói đến cái gì đã tương ứng cho một sự phát biểu vô thức. Nhưng một trạng thái tình cảm bao giờ cũng là một sự hoạt

đông phóng điện và phải được quan niệm khác một sự phát biểu; chưa tìm cách phân tích và vạch rõ những tiền đề liên quan đến những hoạt động tinh thần, chúng ta chưa thể nói trong trạng thái tình cảm sự vô thức tương ứng với cái gì. Vì thế nên chúng ta không làm công việc đó ở đây, nhưng chúng ta muốn giữ nguyên cái cảm tưởng là sự phát triển của lo sợ gắn liền vào hệ thống vô thức.

Tôi đã nói rằng sự biến đổi của khát dục thành lo sợ hay nói cho đúng hơn sự phát hiện của khát dục dưới hình thức lo sợ là số phận đầu tiên dành cho khát dục bị dồn ép. Tôi muốn nói rằng đó không phải là số phận duy nhất và cuối cùng của khát dục. Trong bệnh thần kinh có khi xảy ra sự diễn biến làm ngăn trở sự phát triển của lo sợ và thành công việc này bằng nhiều cách khác nhau. Trong các chứng sợ, chẳng hạn người ta nhận thấy có hai giai đoạn trong sự diễn biến bệnh thần kinh. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn trong đó khát dục bị dồn ép và biến thành lo sợ trong khi lo sợ gắn liền vào một mối hiểm nguy bên ngoài. Trong giai đoạn thứ hai mọi sự đề phòng và bảo đảm được đưa ra để ngăn trở khát dục không cho tiếp xúc với mối nguy hiểm bên ngoài này. Sự dồn ép được coi như một mưu toan của cái tôi chạy trốn trước sự khát dục mà cái tôi coi như một mối nguy hiểm. Chứng sợ có thể coi như một trốn tránh chống với sự nguy hiểm bên ngoài lúc này đang thay vào chỗ của khát dục. Sự yếu kém của hệ thống phòng thủ đem dùng trong chứng sợ là ở chỗ cái thành trì rất mạnh ở bên ngoài lại không mạnh ở bên trong. Khát dục không thành công hoàn toàn trong việc đẩy lùi sự nguy hiểm ra ngoài. Vì thế cho nên trong các bệnh thần kinh khác mới có hệ thống phòng thủ khác

chống lại sự phát triển có thể xảy ra của sự lo sợ. Đó là một chương mới rất hay trong tâm lý bệnh thần kinh, chúng ta không thể đề cập đến vấn đề này ngay được sợ nó sẽ dẫn ta đi rất xa, nhất là muốn hiểu được chúng ta cần có những điều hiểu biết đặc biệt sâu xa. Tôi chỉ cần thêm một vài câu vào những điều vừa nói. Tôi đã nói đến sự phản công của cái tôi để bảo vệ sự dồn ép với mục đích giữ cho sự dồn ép được tồn tại, nghĩa là để chống lại sự phát triển của sự lo sợ thường kèm theo sự dồn ép.

Chúng ta hãy quay trở lại các chứng sợ. Tôi đã trình bày là nếu chỉ tìm cách cắt nghĩa nội dung của các chứng sợ hay chỉ tìm xem đối tượng này hay đối tượng nọ hoặc trạng thái này hay trạng thái nọ sẽ trở thành đối tượng của chứng sợ thôi thì quả là một điều thiếu sót. Đối với chứng sợ thì nội dung của nó chẳng khác gì cái mặt trước của giấc mơ rõ ràng đối với chính giấc mơ. Người ta có thể công nhận rằng trong các nội dung của chứng sợ, có một vài đối tượng, đúng như lời Stanleyfall nói, có thể trở thành đối tượng cho sự lo sợ công việc dự phòng gây ra. Giả thuyết này được xác nhận bằng sự kiện rằng rất nhiều đối tượng lo sợ này chỉ liên quan với sự hiểm nguy một cách tượng trưng thôi.

Như thế chúng ta đã rõ địa vị vô cùng quan trọng của vấn đề lo sợ trong tâm lý của bệnh thần kinh. Chúng ta biết rõ sự liên lạc chặt chẽ của phát triển lo sợ với những sự đổi thay của khát dục và hệ thống vô thức. Quan niệm của chúng ta tuy nhiên vẫn còn một lỗ hổng đó là chúng ta chưa thể xác định xem việc một sự lo sợ thực sự phải được coi như một sự phát biểu của bản năng tự bảo tồn của cái tôi do đâu mà ra.

26. THUYẾT KHÁT DỤC VÀ BỆNH THẦN KINH "NARCISSISME"

(Bệnh của những người mê say chính sắc đẹp của mình)

Đã nhiều lần và ngay mới đây thôi, chúng ta đã phân biệt khuynh hướng của cái tôi và những khuynh hướng tính dục. Sự dồn ép cho thấy là luôn luôn giữ hai khuynh hướng này có sự phản đối nhau và trong cuộc xung đột đó bao giờ những khuynh hướng tình dục cũng thua và phải tìm cách thoả mãn bằng những phương sách thụt lùi khác: trong thực tế người ta không thể chế ngự được những khuynh hướng tình dục, nhưng những khuynh hướng này tìm thấy trong tính cách không thể chế ngự được này một sự đền bù cho sự thất bại của mình. Chúng ta đã thấy hai loại khuynh hướng này có hai thái độ khác nhau đứng trước nhu cầu của đời sống thực tế và do đó chúng theo hai con đường phát triển khác nhau và liên lạc với thực tế bằng hai cách khác nhau. Chúng ta tưởng rằng những khuynh hướng tình dục liên lạc chặt chẽ với trạng thái tình cảm của cái tôi hơn những khuynh hướng của chính cái tôi, nhưng điều này hoàn toàn đầy đủ đối với một vấn đề quan trọng duy nhất. Cho nên để hỗ trợ kết quả này chúng ta phải kể đến sự kiện đáng chú ý là sự không thoả mãn cái đói và cái khát, hai bản năng tự tồn tại sơ đẳng nhất không bao giờ biến những khuynh hướng đó thành những khuynh hướng lo sợ trong khi việc khát dục không được thoả mãn bao giờ cũng biến thành khuynh hướng lo

sợ đã trở thành một hiện tượng luôn luôn xảy ra và được biết đến nhiều nhất.

Vì vậy, chúng ta quả có quyền phân biệt những khuynh hướng tình dục và khuynh hướng của cái tôi và không ai phủ nhận quyền đó được. Chính cái quyền phân biệt đó đã phát sinh ra việc có mặt của bản năng tình dục với tính cách một sự hoạt động của con người. Chỉ có điều cần hỏi là chúng ta gắn cho sự phân biệt đó một tầm quan trọng, một tính cách sâu xa như thế nào? Chúng ta chỉ có thể trả lời câu hỏi đó một khi ấn định rõ ràng sự khác nhau trong khi hoạt động của những khuynh hướng tình dục trong cách phát hiện về phương diện cơ thể và tinh thần và những khuynh hướng khác trái ngược với chúng và nhất là khi chúng ta biết rõ được tầm quan trọng của những hậu quả do sự khác nhau này gây ra. Tất nhiên chúng ta không có lý do gì để nói rằng giữa các khuynh hướng này có sự khác nhau gì về thực chất. Cả hai loại đều chỉ là những nguồn nghị lực và tìm hiểu xem có phải thực ra hai loại này chỉ là một hay không, hay giữa chúng có một sự khác nhau về một thực chất nào hay không và nếu trong thực tế chúng chỉ là một thì khi nào chúng tách bạch nhau ra; vấn đề này phải được thảo luận không dựa trên những khái niệm trừu tượng mà phải dựa trên căn bản những sự kiện do sinh lý học cung cấp. Những sự hiểu biết của chúng ta về vấn đề này còn thiếu sót, nhưng dù không thiếu sót chăng nữa thì vấn đề đó cũng chẳng thuộc phạm vi môn phân tâm học.

Chúng ta sẽ không có lợi gì khi chấp nhận ý kiến của Jung về tính duy nhất, căn bản của mọi bản năng và gán cho những nghị lực được phát hiện ra trong các bản năng đó cái danh từ

"khát dục". Vì không thể nào gạt bỏ được cơ năng tình dục ra ngoài đời sống tinh thần, chúng ta bị bắt buộc phải nói đến một sự khát dục có tính chất tình dục và một sự khát dục không có tính chất tình dục. Chúng ta có lý do khi chỉ dùng danh từ khát dục chỉ những khuynh hướng tình dục thôi và từ trước tới nay chúng ta bao giờ vẫn cũng chỉ dùng danh từ khát dục theo nghĩa đó thôi.

Vì thế nên tôi nghĩ rằng vấn đề nên đi xa tới mức nào trong việc phân biệt những khuynh hướng tình dục và các khuynh hướng tự bảo tồn khác không thành vấn đề, không quan trọng đối với phân tâm học. Phân tâm học không có thẩm quyền giải quyết vấn đề đó. Tuy nhiên sinh lý học cho ta vài điều chỉ dẫn chứng tỏ rằng sự phân cách đó có ý nghĩa sâu xa. Tình dục là cơ năng độc nhất trong cơ thể con người vượt ra khỏi cá nhân và ràng buộc con người với dòng giống con người. Sự hoạt động của cơ năng này không có ích cho cá nhân như các cơ năng khác, trái lại còn gây ra biết bao nhiêu nguy hiểm đe doạ đời sống con người, nhiều khi còn làm mất đời sống này nữa, khi cơ năng đó đạt đến mức khoái lạc cao. Vả lại có thể một phần nào của đời sống cá nhân được truyền lại cho đời sống sau với tính cách di truyền. Sau cùng con người cá nhân thường tự coi như yếu tố cần thiết nhất và coi tình dục như một cách thoả mãn như trăm ngàn cách khác, về phương diện sinh lý chỉ là một giai đoạn trong bao nhiêu thế hệ, một cái bướu trong một nguyên sinh chất bất diệt, một người chiếm lĩnh tạm thời trong một sự giao thác di sản.

Tuy nhiên, sự giải thích bệnh thần kinh về phương diện phân tâm học không cần đến nhận xét có tầm quan trọng quá

cao như thế. Sự khảo sát riêng biệt khuynh hướng tình dục và khuynh hướng của cái tôi đã cung cấp cho ta phương sách tìm hiểu bệnh thần kinh hoán chuyển. Bệnh này chính là kết quả của sự xung đột giữa những khuynh hướng tình dục và những khuynh hướng bản năng tự bảo tồn, hay nói về phương diện sinh lý bằng nhưng danh từ mơ hồ hơn, giữa cái tôi được hiểu như cá nhân con người độc lập, với cái tôi coi như một phần tử của một thế hệ. Chúng ta có đủ lý do tin rằng chỉ loài người mới có sự phân biệt giữa hai cái tôi cá nhân và xã hội này; cho nên trong tất cả giống vật trên mặt đất, con người đã hiến cho chúng ta một môi trường tốt nhất để khảo sát về bệnh thần kinh. Sự phát triển quá mức của khát dục của con người, đời sống tinh thần dồi dào, hậu quả của sự phát triển khát dục có vẻ như đã tạo ra điều kiện gây ra sự xung đột đó. Tất nhiên chính những điều kiện này cũng là điều kiện phát sinh ra những tiến bộ to lớn của loài người, những điều tiến bộ giúp cho loài người bỏ lại đằng sau tất cả những cái gì có chung với loài vật, thành ra tính di truyền làm cho con người dễ mắc bệnh thần kinh chính là mặt trái của chiếc mề đay, nghĩa là của những năng khiếu có tính chất thuần tuý con người. Nhưng thôi chúng ta hãy tạm gác lại những điều lý luận chỉ có tác dụng đưa chúng ta đi xa những vấn đề hiện đại.

Từ trước tới nay chúng ta làm việc trên căn bản định đề là có thể phân biệt được những khuynh hướng của cái tôi và những khuynh hướng tình dục dựa theo sự phát hiện của cả hai. Đối với bệnh thần kinh hoán chuyển thì sự phân biệt như thế chẳng gặp khó khăn gì. Chúng ta đã gọi là khát dục những sự hao phí sinh lực mà cái tôi dành cho những đối tượng của các khuynh hướng tình dục và gọi là "lợi ích" những sự hao phí

sinh lực bắt nguồn trong các bản năng tự bảo tồn; bằng cách theo dõi mọi định cư của khát dục, những sự biến đổi và số phận sau cùng của nó, chúng ta đã có được một khái niệm đầu tiên về sự hoạt động của các động lực tinh thần. Về phương diện này, bệnh thần kinh hoán chuyển đã hiến cho ta vật liệu được việc nhất. Nhưng về chính cái tôi, về những tổ chức của cái tôi, cách cấu tạo và hoạt động của những tổ chức này ta chưa biết gì hết và chúng ta chỉ có thể đồ chừng là biết đâu sự phân tích các bệnh thần kinh khác chẳng giúp cho ta rọi ánh sáng vào những vấn đề đó.

Chúng ta đã mở rộng quan điểm phân tâm học của chúng ta đến những chứng bệnh khác này. Chính vì thế nên năm 1908 sau một cuộc thảo luận với tôi, K.Abraham đã đưa ra đề luận là đặc tính chính của bệnh điên sớm phát nằm trong sự việc *khát dục không định cư trên những đối tượng của căn bệnh này (giữa bệnh náo loạn thần kinh và bệnh điên sớm phát có những sự khác nhau về tâm lý tình dục).* Nhưng một khi khát dục của những người điên không định cư trên những đối tượng thì nó đi đâu? Abraham trả lời là *khát dục quay trở lại với cái tôi và chính sự quay trở lại này, việc khát dục nhẩy vội về với cái tôi chính là nguồn gốc của thói quen kỳ cục thích danh vọng cao sang* trong bệnh điên phát sớm. Thói quen kỳ cục thích danh vọng cao sang có thể so sánh với sự thái quá về giá trị tình dục của đối tượng mà người ta nhận thấy trong đời sống tình ái. Đây là lần đầu tiên chúng ta nhận thấy một đặc điểm của bệnh tâm lý đứng trước một đời sống tình ái bình thường.

Tôi phải nói ngay với các bạn: những quan niệm đầu tiên của Abraham vẫn còn tồn tại trong phân tâm học và trở thành

căn bản trong thái độ của chúng ta đối với bệnh thần kinh. Dần dần người ta quen với ý nghĩ là sự khát dục mà chúng thường thấy định cư trên các đối tượng, sự phát hiện của một khuynh hướng tìm được thoả mãn bằng những đối tượng đó, sự khát dục cũng có thể bỏ rơi các đối tượng đó và thay thế chúng bằng cái tôi. Lúc đó người ta mới tìm cho sự phát hiện này một hình thức hoàn hảo hơn bằng cách đặt những dây liên lạc chặt chẽ hơn giữa những yếu tố cấu thành của nó. Chữ "narcissisme" mà chúng ta để chỉ sự di chuyển nói trên lấy ở một bệnh mà P.Nacke đã mô tả, trong đó người đứng tuổi đối với thân thể mình có một sự mê say âu yếm thường thấy trong một đối tượng tình dục bên ngoài.

Người ta đã tự nhủ là nếu một khi khát dục có thể định cư ngay trên chính thân thể mình thay vì phải định cư trên một đối tượng khác thì sự việc đó không thể được coi là một sự việc đặc biệt và không có ý nghĩa; mà bệnh "narcissisme" chính là trạng thái nói chung và sơ khởi rồi từ đó mới phát sinh ra tình ái đối với một đối tượng và sự phát sinh này không vì thế mà làm mất đi bệnh "narcissisme". Theo những điều chúng ta biết về sự phát triển của khát dục đối với đối tượng, rất nhiều khuynh hướng tình dục lúc đầu đã được sự thoả mãn mà người ta gọi là tự thoả mãn này giải thích tại sao tình dục lại chậm trễ trong việc thích ứng với nguyên lý thực tế do giáo dục mang lại. Như vậy, tức là sự tự thoả mãn là hoạt động tình dục trong giai đoạn "nác sít" của sự định cư khát dục.

Tóm lại chúng ta đã tự tạo ra một hình dung về các liên quan giữa khát dục của cái tôi và khát dục khách quan mà tôi có thể cụ thể hoá bằng một sự so sánh lấy trong động vật học.

Các bạn hẳn biết những sinh vật sơ đẳng gồm có một nguyên sinh chất chỉ hơi khác nhau chút ít. Những sinh vật này phóng ra những chân giả để tiêu thoát sức sống của chúng. Nhưng chúng cũng có thể rút những chân giả đó lại và cuốn tròn mình lại như một viên tròn. Chúng ta ví những chân giả đó với sự vươn mình của khát dục tới những đối tượng trong khi khối chính của nó vẫn nằm trong cái tôi, chúng ta cho rằng trong những trường hợp bình thường khát dục của cái tôi có thể biến thành khát dục khách quan và chính khát dục khách quan cũng có thể quay trở lại với cái tôi được.

Nhờ những hình dung này chúng ta có thể giải thích, hay nói một cách khiêm nhường hơn, mô tả một số lớn trạng thái tinh thần phải được coi như nằm trong đời sống bình thường: thái đôi tinh thần trong tình ái, trong các chứng bệnh cơ thể, trong giấc ngủ. Về trạng thái giấc ngủ, chúng ta đã nói rằng giấc ngủ chính là sự thoát khỏi ảnh hưởng của đời sống bên ngoài phụ thuộc vào ham muốn được ngủ ngon. Chúng ta đã nói rằng mọi hoạt động tinh thần ban đêm trong giấc mơ đều làm việc cho sự ham muốn này, chịu sự quy định và chế ngự của những lý do ích kỷ. Đứng về phương diện khát dục chúng ta cho rằng giấc ngủ là một trạng thái trong đó mọi sinh lực, khát dục hay ích kỷ, gắn liền vào đối tượng, rời khỏi các đối tượng đó để quay vào cái tôi. Các bạn có thấy rằng quan niệm này chỉ rõ cho ta thấy tính chất sự nghỉ ngơi và sự mệt nhọc trong giấc ngủ không? Quang cảnh được thoát khỏi đời sống bên ngoài một cách sung sướng như thế được bổ túc về phương diện tinh thần. Trạng thái phân phối khát dục cổ xưa lại trở lại trong người ngủ: trong đó khát dục là lợi ích của cái tôi sống

chung rất hoà hợp, dính liền vào nhau trong một cái tôi không cần đến bất cứ một yếu tố nào khác.

Ở đây chúng ta cần hai nhận xét. Thứ nhất chúng ta làm thế nào phân biệt được "nác xít" và sự ích kỷ? Theo ý tôi, "nác xít" chính là sự bổ túc có tính cách khát dục cho sự ích kỷ. Nói đến ích kỷ chúng ta chỉ nghĩ đến nhiều điều gì có ích cho cá nhân; nhưng nói đến "nác xít" chúng ta nghĩ đến sự thoả mãn khát dục của cá nhân. Về phương diện thực tế, sự khác biệt giữa ích kỷ và "nác xít" có thể đi xa nữa. Người ta có thể rất ích kỷ nhưng vẫn không thôi gán cho một vài đối tượng rất nhiều sinh lực khát dục trong khi sự thoả mãn này tương ứng với những sự đòi hỏi của cái tôi. Sự ích kỷ sẽ làm sao cho sự theo đuổi những đối tượng đó không làm hại đến cái tôi cả. Người ta có thể vừa ích kỷ mà lại vừa có tính "nác xít" rất trầm trọng nữa. Nghĩa là có thể gạt ra ngoài những đối tượng tình dục một cách dễ dàng hoặc về phương diện của thoả mãn tình dục trực tiếp hoặc về phương diện của những khuynh hướng dẫn xuất từ nhu cầu tình dục mà chúng ta thường đối lập với tình dục thuần tuý, điều này chúng ta gọi là tình ái. Trong tất cả các trạng thái phỏng đoán này sự ích kỷ xuất hiện như một yếu tố đặt trên hết mọi điều phản đối, một yếu tố bất biến, trong khi "nác xít" chỉ là yếu tố luôn luôn thay đổi. Sự trái ngược của ích kỷ, sự vị tha không hề trùng hợp với sự phụ thuộc của các đối tượng vào sự khát dục, khác ích kỷ ở chỗ không theo đuổi sự thoả mãn tình dục. Chỉ trong trạng thái tình ái tuyệt đối, lòng vị tha mới trùng hợp với sự tập trung khát dục vào một đối tượng. Đối tượng tình dục thu hút vào cho mình một phần của "nác xít" do đó chúng ta mới có cái mà chúng ta gọi là "sự thái quá giá trị tình dục của đối

tượng". Nếu thêm vào đó chúng ta có tính vị tha của sự ích kỷ truyền vào đối tượng tình dục thì đối tượng này trở nên mạnh vô cùng: Người ta có thể cho rằng đối tượng đó đã thu hút cả cái tôi.

Sau bài thuyết trình khô khan và khó nhai của khoa học chắc các bạn sẽ khoan khoái khi nghe một bài ca tả sự trái ngược giữa "nác xít" và trạng thái tình yêu. Tôi lấy bài này trong Westostilicher Divan của Goethe:

SULEIKA

Các dân tộc dù là kẻ nô lệ hay kẻ chiến thắng,

Bao giờ cũng đồng ý với nhau ở điểm này:

Hạnh phúc tuyệt đối của trẻ con trong trái đất,

Chỉ thấy trong cá tính con người thôi.

Dù đời sống như thế nào chăng nữa, người ta cũng sống được,

Một khi người ta biết rõ chính mình,

Chả có gì mất đi hết,

Một khi người ta vẫn nguyên như người ta bây giờ,

HATEM

Có thể được lắm. Đó là dư luận thường thường.

Nhưng tôi theo một con đường khác.

Tất cả hạnh phúc trên trái đất này,

Tôi chỉ thấy tập trung hết trong người Suleika thôi.

Chỉ trong trường hợp nàng ban cho tôi những đặc ân.

Nếu nàng không thèm nhìn tôi.

Tôi cho rằng.

Tôi sẽ mất hết.

Sẽ không còn thằng Hatem nữa.

Nhưng tôi biết tôi sẽ làm gì,

Tôi sẽ hoà mình vào trong con người sung sướng.

Được nàng ban cho những cái hôn.

Nhận xét thứ hai của tôi bổ túc cho thuyết về giấc mơ. Chúng ta sẽ không thể cắt nghĩa được sự phát sinh ra giấc mơ nếu chúng ta không công nhận, với tính cách bổ túc, rằng vô thức bị dồn ép trở nên độc lập với cái tôi trong một mức độ nào đó, thành ra nó không chịu sự chế ngự của ham muốn trong giấc ngủ và giữ vững vị trí của nó dù rằng mọi sinh lực khác phụ thuộc vào cái tôi đều bị thu hút để phục vụ giấc ngủ trong mức độ mà chúng gắn liền vào những đối tượng. Đến lúc đó chúng ta mới hiểu tại sao cái vô thức có thể lợi dụng được sự huỷ bỏ hay giảm sút của kiểm duyệt trong đêm để cướp lấy "những cái gì còn sót lại ban ngày" để cùng với các vật liệu do những cái gì còn sót lại cung cấp, hợp thành một ham muốn trong mơ bị cấm đoán. Ngoài ra cũng có thể là "những cái gì còn sót lại ban ngày", do việc nó giao tiếp với cái vô thức bị dồn ép có đủ khả năng chống lại khát dục bị giấc ngủ xâm chiếm hết. Trong sự kiện này có một đặc tính vô cùng quan trọng có tính cách sống động mà chúng ta phải đưa vào trong quan niệm của chúng ta liên can đến sự thành lập giấc mơ.

Một bệnh trong cơ thể, một cái gì làm cho mình đau đớn; một chứng viêm ở cơ quan nào đó đều tạo ra một trạng thái mà

hầu quả là sự tách rời của sự khát dục ra khỏi đối tượng của nó. Khát dục sau khi rời khỏi đối tượng của mình trở vào với cái tôi để bám chặt vào bộ phận đau đớn trong thân thể. Người ta có thể khẳng định rằng trong những điều kiện này sự tách rời của khát dục ra khỏi đối tượng của nó còn mạnh hơn sự tách rời của sự ích kỷ đối với thế giới bên ngoài. Điều này như mở đường cho chúng ta hiểu rõ bệnh uất trong đó, một cơ quan cũng làm cho cái tôi bận tâm rất nhiều nhưng chúng ta không biết rằng cái tôi lúc đó cũng đang bệnh. Nhưng tôi không muốn đi sâu hơn vào con đường này nữa, hay phân tích những trạng thái mà giả thuyết về sự quay trở về trong cái tôi của sự khát dục có thể làm thành dễ hiểu hơn hay cụ thể hơn: lý do là tôi muốn nhanh chóng trả lời hai điểm mà các bạn muốn hỏi. Thứ nhất, các bạn muốn biết tại sao khi nói đến giấc ngủ, đến bệnh tật và các tình trạng khác, tôi lại phân biệt "khát dục" và "lợi ích", "khuynh hướng tình dục" và "khuynh hướng của cái tôi" trong khi người ta có thể phân tích các sự đó bằng cách chỉ nói đến một sinh lực duy nhất, sinh lực này trong khi hoạt động có thể hoặc bám vào đối tượng, hoặc bám vào cái tôi, phục vụ cho khuynh hướng này hay khuynh hướng khác. Thứ hai các bạn ngạc nhiên khi thấy tôi coi sự tách rời khát dục ra khỏi đối tượng như nguồn gốc của một trạng thái bệnh hoạn trong khi sự biến đổi của khát dục khách quan thành khát dục của cái tôi, cũng thuộc thành phần các hoạt động tinh thần bình thường lặp đi lặp lại hàng ngày, hàng đêm.

Tôi trả lời như sau. Lời bài bác thứ nhất của bạn nghe được. Việc xem xét những trạng thái giấc ngủ, bệnh tật và tình ái có lẽ không bao giờ sẽ dẫn tới sự phân biệt giữa khát dục khách quan và khát dục của cái tôi, giữa khát dục và lợi ích.

Nhưng bạn đã quên mất những công trình khảo cứu khởi đầu của chúng ta, những công trình đã rọi ánh sáng vào những trạng thái tinh thần mà chúng ta đã khảo cứu từ trước tới nay. Chỉ vì đã chứng kiến sự xung đột phát sinh ra bệnh thần kinh chuyển hoán mà giữa những bản năng tình dục và bản năng tự bảo tồn. Chúng ta không thể nào bỏ được sự phân biệt đó. Việc khát dục của các đối tượng có thể biến thành khát dục của cái tôi, việc phải xét đến sự có mặt của khát dục của cái tôi là cách giải thích duy nhất có giá trị đối với những điều bí ẩn của bệnh thần kinh mà chúng ta gọi là "nác xít", ví dụ như bị điên sớm phát, đối với những điều giống nhau và khác nhau giữa bệnh này một đằng và bệnh náo loạn thần kinh cùng bệnh ám ảnh đằng khác. Hiện nay chúng ta áp dụng cho giấc ngủ, bệnh tật và trạng thái tình ái những điều mà chúng ta thấy không thể chối cãi được tại nơi khác. Chúng ta cần tiếp tục sự áp dụng đó để xem chúng sẽ đưa chúng ta tới đâu. Đề luận duy nhất không được rút ra một cách trực tiếp từ sự nghiên cứu phân tâm học là như sau: khát dục vẫn là khát dục, dù đem áp dụng cho các đối tượng hay cho cái tôi của đương sự và không bao giờ nó biến thành lợi ích, ích kỷ cả; đối với lợi ích cũng vậy, nó không bao giờ biến thành khát dục cả. Nhưng đề luận này cũng giống như sự phân biệt giữa khuynh hướng tình dục và khuynh hướng của cái tôi, sự phân biệt mà chúng ta phải giữ lại cho tới khi nó bị phủ nhận vì lý do ích lợi của sự phát minh.

Lời bài bác thứ hai của bạn cũng đúng nhưng đi sai đường hướng. Tất nhiên sự quay trở về với cái tôi của khát dục sau khi tách rời khỏi đối tượng không phải là nguyên nhân trực tiếp gây bệnh; chúng ta chẳng đã thấy hiện tượng này xảy ra trước khi bắt đầu giấc ngủ để rồi lại thụt lùi trở lại sau khi thức dậy sao?

Giống vật li ti trong nguyên sinh chất thụt chân giả vào rồi lại thò ra khi gặp cơ hội. Nhưng sự việc xảy ra khác hẳn khi có một sự diễn tiến nào đó rất cương quyết bắt buộc khát dục phải tách rời khỏi đối tượng. Khát dục sau khi trở thành "nác xít" không tìm lại được con đường trở về đối tượng nữa và chính sự giảm sút của tính di động của khát dục mới là nguyên nhân gây bệnh. Người ta có thể nói rằng trong một vài giới hạn nào đó sự tích luỹ của khát dục không chịu đựng được. Nếu khát dục phải bám vào một đối tượng nào đó chính là vì cái tôi gây nên. Nếu chúng ta định đi vào chi tiết của bệnh điên sớm phát, tôi sẽ cho các bạn hay rằng sự diễn tiến làm cho khát dục sau khi tách rời khỏi đối tượng không tìm được quay về với những đối tượng đó nữa- sự diễn tiến đó cũng gần sự dồn ép hay một sự gì giống thế. Nếu tôi nói cho bạn hay rằng những điều kiện của sự dồn ép thì các bạn sẽ có cảm tưởng như đang đi trên một con đường quen thuộc. Sự xung đột có vẻ như chỉ là một, và diễn ra bằng những sức mạnh giống nhau. Nếu kết quả của cuộc xung đột đó có khác nhau như trong bệnh náo loạn thần kinh chẳng hạn thì đó chỉ là do sự khác nhau về bản chất. Trong người bệnh của chúng ta, phần yếu trong quá trình phát triển của khát dục, phần gây ra triệu chứng, lại ở chỗ khác, có lẽ tương ứng với giai đoạn sơ khai của "nác xít" mà bệnh điên sớm phát quay trở lại trong giai đoạn cuối cùng của nó. Điều đáng chú ý là chúng ta bị bắt buộc phải công nhận trong khát dục của tất cả các bệnh thần kinh "nác xít" những điểm định cư tương ứng với những giai đoạn phát triển sớm hơn trong các bệnh náo loạn thần kinh và ám ảnh nhiều. Nhưng các bạn biết rằng những khái niệm chúng ta thu lượm được trong khi khảo sát bệnh thần kinh chuyển hoán cũng giúp cho chúng ta tìm được đường hướng phải theo

trong bệnh thần kinh "nác xít" khó tìm hơn nhiều về phương diện thực tế. Những điểm giống nhau rất nhiều và thực ra chỉ có một hiện tượng thôi. Vì thế cho nên bạn hiểu rõ những sự khó khăn, nếu không nói là không thể được đối với những ai muốn dựa vào thần kinh học để cắt nghĩa những bệnh này mà không biết gì về bệnh thần kinh hoán chuyển phân tâm học.

Bệnh điên sớm phát không phải chỉ có những triệu chứng thoát ra từ sự tách bạch của khát dục khỏi các đối tượng rồi tích lũy lại bên trong cái tôi, với tính chất của một khát dục "nác xít". Người ta phải dành một chỗ lớn cho những hiện tượng khác gắn liền vào những cố gắng của khát dục đối với các đối tượng, nghĩa là tương ứng với một mưu toan trả lại hay khởi bệnh. Những triệu chứng sau này còn ầm ĩ đáng chú ý hơn nữa. Chúng có nhiều điểm giống nhau với triệu chứng của bệnh náo loạn thần kinh, ít điểm giống nhau hơn với bệnh ám ảnh, tuy nhiên vẫn khác cả hai bệnh này về những điểm khác. Có vẻ như trong sự cố gắng quay trở lại với đối tượng trong bệnh thần kinh sớm phát, khát dục đã thành công trong việc bám vào các đối tượng đó nhưng thực sự chỉ bám vào được bóng của các đối tượng đó thôi, nghĩa là vào sự phát biểu thành lời nói của các đối tượng đó. Tôi không thể nói nhiều hơn nữa nhưng cho rằng thái độ của khát dục trong khi cố gắng quay về với các đối tượng đã giúp cho ta hiểu rõ được sự khác biệt thực sự giữa một sự khác biệt hữu thức và một sự phát biểu vô thức.

Tôi đã đưa các bạn vào một vùng đất trong đó môn phân tâm học sẽ đạt nhiều tiến bộ. Kể từ khi chúng ta quen với danh từ "khát dục của cái tôi" chúng ta đã tìm hiểu được bệnh thần kinh nác xít: công việc của chúng ta còn là tìm được cách giải

thích sinh động về các bệnh này và luôn thể bổ túc những điều hiểu biết của chúng ta về đời sống tinh thần bằng cách đào sâu những điều đã biết về cái tôi. Tâm lý của cái tôi mà chúng ta định xây dựng, không thể dựa trên căn bản của những dữ kiện của sự quan sát nội tâm, mà phải dựa trên căn bản của sự phân tích những điều rối loạn và phân tán của cái tôi như trong sự khát dục. Có thể sau khi xong công việc đó thì giá trị của những điều hiểu biết về bệnh thần kinh hoán chuyển và liên quan đến khát dục sẽ giảm đi. Nhưng công việc này chưa tiến được bao nhiêu. Chúng ta không thể dùng hết kỹ thuật của chúng ta trong việc tìm hiểu bệnh thần kinh nác xít như trong bệnh thần kinh hoán chuyển. Tôi nói cho các bạn nghe tại sao. Mỗi khi tiến lên một bước trong bệnh thần kinh nác xít, chúng ta như cảm thấy một bức tường bắt chúng ta dừng lại trong một lúc. Trong các bệnh thần kinh hoán chuyển tuy có gặp những điểm chống đối nhưng chúng ta đã phá bỏ được từng chướng ngại vật một. Trong bệnh thần kinh nác xít, sự đề kháng có vẻ như không thể nào vượt qua được. Chúng ta chỉ có thể kiễng chân nhìn qua bức tường để rình xem đằng sau có gì không. Vì vậy chúng ta phải thay thế kỹ thuật hiện thời bằng kỹ thuật khác, chúng ta chưa biết sẽ thay thế như thế nào. Tất nhiên vật liệu về các bệnh này không hề thiếu. Bệnh phát hiện bằng nhiều cách, dù không phải bằng những cách hợp ý chúng ta và trong lúc này chúng ta đành phải giải thích những phát hiện đó thôi bằng cách dùng những điều đã thu nhận được trong khi nghiên cứu bệnh thần kinh hoán chuyển. Hai loại bệnh này khá giống nhau đủ để gặt hái được những kết quả xác thực trong bước đầu, dù rằng chúng ta không thể nói chắc là kỹ thuật đó có thể đưa chúng ta đi xa hơn.

Còn nhiều khó khăn nữa xuất hiện làm ngăn trở bước tiến của chúng ta. Bệnh thần kinh nác xít và tâm lý chỉ hé mở những bí ẩn của chúng cho những người đã học qua trường phân tâm học về bệnh thần kinh hoán chuyển thôi. Vậy mà những nhà thần kinh học không hề biết đến phân tâm học trong khi những nhà phân tâm học lại không thấy có nhiều trường hợp thần kinh học. Chúng ta cần một thế hệ những nhà thần kinh học qua một trường phân tâm học như một khoa học sửa soạn. Hiện nay ở Mỹ đã có hai cố gắng loại này, trong đó những nhà thần kinh học nổi tiếng dạy sinh viên về phân tâm học và các nhà giám đốc nhà thương điên công hay tư cũng dùng phân tâm học để quan sát bệnh nhân của họ. Chúng ta cũng đã nhìn qua tường thấy một vài điều về bệnh thần kinh nác xít dưới đây.

Hình thức bệnh hoạn cuả bệnh vọng tưởng và bệnh điên kinh niên giữa một địa vị mơ hồ trong việc phân loại của bệnh thần kinh học tối tân. Vậy mà những chứng bệnh này rất gần với chứng bệnh điên sớm phát dưới danh từ "paraphrenie" theo nội dung thì bệnh vọng tưởng có thể được mô tả như thói quen kì cục thích danh vọng cao sang, có cảm tưởng như mình bị hành hạ, cuồng dục, ghen tuông v.v ... Chúng ta không chờ đợi thần kinh học đưa ra những lời giải thích. Tôi lấy một ví dụ (xảy ra từ lâu lắm rồi và có thể mất đi một phần giá trị) đó là sự cố gắng dựa vào một triệu chứng để tìm ra một triệu chứng khác bằng cách dựa vào lý luận tri thức của người bệnh: người bệnh có cảm tưởng rằng mình bị hành hạ chính là vì mình là người quan trọng, do đó mới phát sinh ra chứng bệnh kì cục thích danh vọng cao sang là hậu quả ngay tức khắc của sự tích lũy sắc dục quá nhiều trong cái tôi làm cho cái tôi trở thành quan trọng; đó là bệnh nác xít phụ thuộc, xuất hiện như hậu quả

của bệnh nác xít sơ khai, nghĩa là của những ngày đầu tiên của tuổi thơ ấu. Nhưng một quan sát của tôi trong bệnh bị hành hạ đưa tôi đến một dấu vết khác. Tôi nhận thấy rằng trong phần lớn các trường hợp người ta bị hành hạ cũng như kẻ hành hạ đều cùng thuộc một phái (nam hay nữ). Người ta có thể cắt nghĩa sự kiện này bằng nhiều cách, nhưng trong một vài trường hợp được nghiên cứu kỹ người ta nhận thấy rằng chính người cùng phái mà mình yêu mến nhất trước khi mắc bệnh đã trở thành người hành hạ mình trong khi bị bệnh. Tình trạng có thể phát triển bằng sự thay thế người mình yêu mến bằng một người khác, ví dụ như thay thế người cha bằng người gia sư, hay người cao hơn. Từ những kinh nghiệm đó tôi đưa ra nhận xét rằng bệnh bị hành hạ chỉ là hình thức bệnh hoạn trong đó người bệnh chống lại một khuynh hướng đồng tính luyến ái quá mạnh. Sự biến đổi của lòng yêu thành thù hận, một sự biến đổi có thể trở thành một sự đe doạ cho sự sống của con người vừa được yêu, vừa bị thù ghét, trong những trường hợp này tương ứng với sự biến đổi của những khuynh hướng khát dục thành lo sợ, hậu quả của sự dồn ép. Các bạn hãy nghe điều quan sát mới nhất của tôi về vấn đề đó. Một vị bác sĩ trẻ tuổi bị bắt buộc phải rời bỏ thành phố nơi sinh của mình vì đã đe doạ giết chết con trai một vị giáo sư đại học trong thành phố đó, anh con trai này trước đây là bạn thân của anh ta. Vị bác sĩ này cho rằng người bạn cũ của mình có những ý tưởng thật kinh khủng, một sức mạnh của quỷ sứ, cho rằng chính anh đã gây ra một nỗi khổ sở xảy đến cho gia đình mình trong mấy năm qua, gây ra mọi điều không may về gia đình cũng như xã hội. Nhưng như thế vẫn chưa đủ, anh con trai bạn cũ và cha anh ta, ông giáo sư đại học còn phải chịu trách nhiệm về chiến tranh đã xảy ra vì đã gọi

quân Nga đến xâm lăng tổ quốc của mình. Bệnh nhân của chúng ta cho rằng anh ta đã nhiều lần suýt chết vì ông bạn quý và cho rằng chỉ có cái chết anh này mới làm cho anh ta hết mọi nỗi đau đớn thôi. Vậy mà lòng yêu đối với người bạn cũ còn mạnh đến nỗi một hôm khi có dịp dùng súng lục bắn chết anh này, người bệnh thấy tay mình như tê liệt. Trong cuộc nói chuyện với người bệnh tôi biết là tình bạn giữa hai người khởi đầu từ những năm đầu tiên học trung học. Ít nhất có một lần tình bạn đã vượt quá giới hạn của tình bạn. Một đêm cùng ngủ với nhau một giường họ đã giao cấu với nhau hoàn toàn. Người bệnh không bao giờ cảm thấy một tình cảm đối với đàn bà như những người cùng tuổi và cùng phái. Anh ta đã đính hôn với một cô gái đẹp, nhưng cô này thấy anh chẳng tỏ cảm tình âu yếm gì nên dứt tình luôn. Nhiều năm sau bệnh của anh ta được phát hiện sau khi đã thoả mãn hoàn toàn một người đàn bà. Người này vừa hôn anh xong thì đột nhiên anh thấy đau đớn kỳ lạ, như có người lấy dao bổ óc ra làm đôi. Sau đó anh cho rằng, anh có cảm tưởng như người ta bổ đôi óc anh ra để lòi xương sọ ra như trong phòng giải phẫu hay trong việc mổ sọ; thế rồi vì người bạn thân lại chuyên môn về giải phẫu sọ nên anh cho rằng chính người bạn đã gửi người đàn bà đến cám dỗ anh ta. Đến lúc đó anh mới mở mắt ra và hiểu rằng mọi sự hành hạ khác đều do anh bạn cũ mà ra cả.

Nhưng sự việc sẽ ra sao nếu người bị hành hạ không thuộc cùng một phái với người hành hạ và trường hợp này có vẻ như trái lại với điều giải thích của chúng ta bằng những sự chống đối khát dục đồng tính luyến ái. Tôi đã có dịp quan sát một trường hợp như thế và khẳng định quan niệm của tôi mặc dù bề

ngoài có vẻ mâu thuẫn. Người con gái tưởng tượng rằng mình bị một người đàn ông đã đến chỗ hẹn với nàng hai lần rồi hành hạ, thực ra là nàng đã bắt đầu thù ghét một người đàn bà mà nàng coi là đã thay thế mẹ nàng. Mãi sau khi đến chỗ hẹn lần thứ hai với người đàn ông, nàng mới chuyển sự thù ghét người đàn bà sang người đàn ông. Vậy điều kiện người cùng phái đã được thực hiện trong trường hợp thứ hai này cũng như trong trường hợp thứ nhất. Trong lời phàn nàn của nàng đối với vị luật sư và vị bác sĩ của mình, người bệnh đã không đả động gì đến giai đoạn đầu tiên đó và chính điều này có vẻ như đã cải chính quan niệm của chúng ta về vấn đề người cùng phái.

Trong giai đoạn sơ khai, sự đồng tính luyến ái trong việc chọn lựa đối tượng giống bệnh "nác xít" ở nhiều điểm hơn là giống bệnh luyến ái thường tình. Vì thế cho nên khi muốn tránh một khuynh hướng đồng tính luyến ái quá mạnh, người ta thường quay về bệnh nác xít một cách dễ dàng hơn. Cho tới nay tôi chưa có dịp nói cho các bạn nghe về nền móng của đời sống ái tình nhưng ngay bây giờ tôi cũng chưa thể lấp chỗ trống đó được. Tất cả những điều có thể nói cho các bạn nghe là sự lựa chọn đối tượng, sự tiến bộ trong sự phát triển khát dục sau giai đoạn nác xít có thể tiến hành theo hai giai đoạn khác nhau: hoặc theo loại nác xít, cái tôi của đương sự được thay thế bằng một cái tôi nào đó giống nó nhất; hoặc theo loại mở rộng, những người được chọn làm đối tượng cho khát dục là những người trở nên cần thiết vì giúp vào việc thoả mãn những nhu cầu khác của đời sống. Khi nào khát dục chọn đối tượng theo loại nác xít, tôi cho rằng khát dục thuộc thành phần những kẻ hướng về đồng tính luyến ái nhiều hơn.

Trong một bài học trước đây tôi có nói chuyện cho các bạn nghe về trường hợp của người đàn bà có thói ghen tuông. Bây giờ sắp đến lúc bài học chấm dứt chắc các bạn tò mò muốn biết tôi giải thích một thói quen như thế nào đứng về phương diện phân tâm học. Tôi tiếc là chỉ có thể nói cho các bạn nghe về điểm này ít hơn những điều bạn chờ đợi ở tôi. Sở dĩ chúng ta không thể dùng lý luận và kinh nghiệm để cắt nghĩa những ảnh hưởng tương tự trong bệnh ám ảnh là vì có những liên quan của nó với vô thức mà chính ý tưởng ám ảnh và cái thói quen kỳ cục này lại đại diện cho vô thức và chế ngự nó. Hai bệnh này chỉ khác nhau về mặt ngoài và tính cách sống động thôi.

Cũng như trong bệnh vọng tưởng chúng ta cũng tìm thấy trong bệnh buồn rầu u uất một vết rạn giúp cho ta lời trách móc không thương hại mà những kẻ buồn rầu u uất thường đưa ra để tự gán cho mình thực ra áp dụng cho một người khác, đối tượng tình dục mà họ đã mất hay không còn kính phục như trước nữa. Chúng ta đã đi đến kết luận là nếu người buồn rầu u uất đã đánh rơi đối tượng của khát dục thì đối tượng đó sẽ trở vào trong cái tôi sau một diễn biến mà người ta gọi là một sự đồng nhất hoá có tính cách nác xít. Tôi chỉ có thể hiến cho bạn một hình ảnh của sự đó thôi chứ không thể cho một sự mô tả về bên ngoài cũng như về tính cách sống động. Lúc đó cái tôi được đối xử như một đối tượng bị bỏ rơi, chịu mọi sự tấn công và thù hận mà nó gán cho đối tượng. Dựa vào quan niệm này chúng ta có thể dễ dàng cắt nghĩa mưu toan tự tử thường thấy ở con người u uất vì người bệnh nhất định huỷ bỏ cùng một lúc chính mình và đối tượng vừa yêu vừa ghét. Trong bệnh u uất cũng như các bệnh nác xít khác, thường phát hiện ra một đặc tính của đời

sống tình cảm mà chúng ta gọi là song đường. Đó là sự có mặt của những tình cảm thân thiện và thù nghịch đối với một người khác. Không may là tôi lại không có cơ hội để nói chuyện cho các bạn nghe về sự song đường này.

Cạnh sự đồng nhất nác xít này còn có một sự đồng nhất trong não loạn thần kinh mà chúng ta biết rõ từ lâu. Tôi muốn chỉ rõ cho các bạn xem giữa hai sự đồng nhất này có những khác biệt gì nhờ vào mấy thí dụ được lựa chọn cẩn thận. Về hình thức định kỳ và chu kỳ của bệnh u uất, tôi có thể nói cho các bạn nghe một điều mà chắc bạn rất thích. Nếu có điều kiện thuận lợi chúng ta có thể dùng lối chữa chạy theo phân tâm học trong những thời gian giữa khi nổi cơn ngăn cản không cho tình trạng u uất trở lại dù dưới khía cạnh tình cảm nào. Người ta sẽ nhận ra rằng trong bệnh u uất cũng như trong thói quen kỳ cục đều có cách giải quyết một cuộc xung đột có tính cách đặc biệt mà các yếu tố đều giống y như trong các bệnh thần kinh khác. Các bạn thấy ngay là tâm lý học còn có nhiều dữ kiện phải thu lượm được trong phạm vi này.

Tôi cũng đã nói cho các bạn biết rằng, chúng ta có thể nhờ phân tâm học thu lượm được nhiều điều hiểu biết liên quan đến cái tôi, đến những yếu tố cấu thành của nó. Chúng ta cũng đã bắt đầu nhìn thấy sự cấu thành này, những yếu tố này. Khi phân tích thói quen kỳ cục quan sát, chúng ta tưởng đã có thể kết luận được rằng trong cái tôi quả có một cái gì quan sát chỉ trích, so sánh mãi không biết mệt và chống đối lại những phần khác của cái tôi. Vì thế cho nên tôi cho rằng người bệnh đã nói sự thực- một sự thực mà chúng ta không quan tâm đến một cách xứng đáng- khi phàn nàn rằng mỗi bước đi của anh ta đều

bị quan sát rình mò, mỗi ý nghĩ đều bị vén màn bí mật và chỉ trích. Điều lầm độc nhất của người bệnh là đặt cái động lực khó chịu đó ở bên ngoài. Người bệnh thấy trong mình có một cái gì đang đo lường cái tôi hiện thời của mình và mỗi sự phát biểu của cái tôi đó theo một cái tôi lý tưởng mà anh ta tự tạo ra trong quá trình phát triển. Tôi nghĩ rằng sự tự tạo đó được thực hiện với ý muốn lập lại sự tự bằng lòng mình, một sự tự bằng lòng mình đi liền với tính cách nác xít lúc sơ khai thời thơ ấu đã bị biết đau biết bao nhiêu rối loạn và đau buồn. Cái gì đang rình mò đó, chúng ta biết rõ: đó chính là con người kiểm duyệt của cái tôi: ý thức con người. Chính ý thức này kiểm duyệt các giấc mơ, đó chính là nơi xuất phát của những sự dồn ép các ham muốn không thể chấp nhận được. Chịu ảnh hưởng của thói quen hay quan sát, ý thức bị tan rã và cho ta biết rõ nguồn gốc của nó: đó là những ảnh hưởng của cha mẹ, những nhà giáo dục, bầu không khí giáo dục xung quanh; đồng hoá với một vài người mà người ta chịu ảnh hưởng.

Đó là một vài kết quả thu lượm được nhờ sự áp dụng phân tâm học cho các bệnh thần kinh nác xít. Tôi công nhận những kết quả này không nhiều lắm, không được rõ ràng lắm tuy sự rõ ràng này chỉ có thể có được khi chúng ta quen dần với phạm vi mới này. Sở dĩ đạt được những kết quả đó là nhờ chúng ta đã dùng đến khái niệm về sự khát dục nác xít và chính khái niệm này đã giúp chúng ta mở rộng đến các bệnh nác xít những điều đã khảo sát được trong bệnh thần kinh hoán chuyển. Và bây giờ chắc các bạn tự hỏi không biết chúng ta có thể đạt được một kết quả theo đó thì tất cả mọi sự rối loạn nác xít và các chứng bệnh về tâm lý đều bắt nguồn ở khát dục cả không, và không biết có phải yếu tố khát dục trong đời sống tinh thần chịu trách nhiệm

về sự phát triển sinh ra bệnh thần kinh mà không có một sự thay đổi nào trong sự hoạt động của các bản năng tự bảo tồn không? Tôi cho rằng lúc này chưa cần trả lời câu hỏi đó và nó cũng chưa đủ chín để chúng ta đưa ra . Chúng ta hãy chờ đợi cho khoa học tiến triển thêm nữa. Một ngày kia tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy những khuynh hướng khát dục chiếm độc quyền trong việc phát sinh ra bệnh thần kinh và thấy thuyết về khát dục toàn thắng trong mọi lĩnh vực từ những bệnh thần kinh hiện tại đơn giản nhất cho tới bệnh điên khùng nặng nhất đối với con người. Chúng ta đã chẳng thấy rằng điều biểu thị cho sự khát dục chính là sự từ chối không chịu khuất phục thực tế trong cuộc đời của nó sao? Nhưng tôi có cảm tưởng rằng những khuynh hướng của cái tôi, bị các sự thúc đẩy của khát dục lôi cuốn, cũng cảm thấy những bối rối trong khi hoạt động. Và nếu một ngày kia tôi được tin rằng trong các bệnh tâm lý nặng những khuynh hướng của cái tôi có thể có những công trình khảo cứu của phân tâm học đã đi lạc hướng. Nhưng đó chỉ là vấn đề trong tương lai, ít nhất cũng đối với các bạn. Các bạn hãy cho phép tôi quay trở lại sự lo sợ một chút để rũ bỏ một điểm chưa được rõ ràng. Chúng ta đã nói rằng vì những liên quan rõ ràng giữa sự lo sợ và khát dục, chúng ta không thể chấp nhận được rằng sự lo sợ khi đứng trước một mối hiểm nguy lại là sự phát biểu của những bản năng tự bảo tồn - vậy mà điều đó lại không thể nào chối cãi được. Có thể nào trạng thái tình cảm do sự biểu thị lại không bắt nguồn ở những bản năng ích kỷ của cái tôi mà bắt nguồn ở sự khát dục của cái tôi không? Sự thực là trạng thái lo sợ không hợp lý một chút nào và tính bất hợp lý đó càng xuất hiện càng rõ hơn khi nó đạt tới mức độ cao hơn. Lo sợ lúc đó làm rối loạn hành vi của con người, hành vi chạy trốn

hay hành vi tự bảo vệ, hành vi độc nhất hợp lý để tự bảo tồn. Vì thế cho nên khi chúng ta gán cái phần tình cảm trong sự lo sợ thực sự cho sự khát dục của cái tôi, và gán hành vi phát hiện trong dịp đó cho bản năng tự bảo tồn, chúng ta đã gạt bỏ được những khó khăn về lý thuyết. Các bạn không tin một cách đúng đắn rằng - tôi hi vọng như thế - người ta lo sợ và chạy trốn chỉ vì người ta lo sợ chứ? Không, người ta lo sợ và chạy trốn vì một nguyên cớ: đó là vì người ta thấy mối nguy hiểm hiện ra. Những người đã gặp nhiều sự nguy hiểm ghê gớm kể lại rằng họ không hề lo sợ mà chỉ hành động bằng cách chĩa khí giới về phía con vật. Chẳng hạn, đó quả thực là một phản ứng không gì hợp lý hơn được.

27. SỰ HOÁN CHUYỂN

Vì những bài học này sắp đến thời kỳ chấm dứt nên chắc các bạn đang chờ đợi một sự gì mà nó không được phép trở thành một mối thất vọng. Các bạn sẽ tự nhủ là nếu tôi hướng dẫn các bạn đi vào một chi tiết lớn nhỏ trong phân tâm học, chắc không phải để từ biệt các bạn mà không nói gì đến cách trị liệu làm nền tảng cho mọi hoạt động của phân tâm học. Tôi không thể lẩn tránh vấn đề đó bởi lẽ làm như thế tức là không cho các bạn biết về một sự kiện mới giúp cho các bạn bổ túc những điều đã học.

Tất nhiên các bạn không chờ đợi tôi hiến cho các bạn cách áp dụng kỹ thuật, cách phân tích với mục đích trị liệu. Các bạn chỉ muốn biết một cách tổng quát về phương sách hoạt động của môn tinh thần trị liệu trong phân tâm học thôi và kết quả của nó ra sao. Các bạn có quyền đó, không ai phủ nhận được nhưng tôi không muốn nói cho các bạn biết gì hết, muốn để các bạn tự tìm ra phương sách đó và kết quả của nó bằng phương tiện riêng của các bạn.

Các bạn thử nghĩ xem các bạn biết hết những điều cần biết của chứng bệnh, những yếu tố áp dụng phương sách đối với người bệnh. Có vẻ như một phương pháp trị liệu chẳng cần có mặt làm gì nữa. Trước hết đây là sự di truyền, chúng ta không nói đến sự việc này luôn, người khác đã nói đến một cách

cương quyết rồi và chúng ta không có gì mới để thêm vào những điều họ nói. Các bạn đừng cho rằng tôi phủ nhận tầm quan trọng của nó! Chúng ta sở dĩ biết đến sức mạnh của tính di truyền chính là với tư cách của một người chuyên trị liệu. Chúng ta chẳng thay đổi được gì vào đó cả: bao giờ sự di truyền này đối với chúng ta cũng như một điều đã có sẵn, như một động lực đưa ra những giới hạn cho sự cố gắng của chúng ta. Rồi những ảnh hưởng của những biến cố trong thời thơ ấu đầu tiên mà chúng ta đã quen dành cho một chỗ ngồi tốt nhất cho việc phân tích; chúng thuộc về quá khứ và chúng ta không thể coi như không có chúng được. Sau cùng chúng ta có tất cả những cái gì mà chúng ta gọi chung là "một sự từ bỏ thực sự" mọi sự đau khổ trên đường đời bắt buộc con người phải từ bỏ tình ái, gây ra biết bao điều đau đớn, bao sự bất hoà trong gia đình, bao cuộc hôn nhân không cân xứng đó là chưa nói đến những điều kiện khó khăn trong xã hội và những sự đòi hỏi khắt khe về luân lý mà ai cũng phải chịu áp lực. Tất nhiên đó cũng là con đường mở rộng để đưa lại một sự trị liệu hữu hiệu, nhưng là trị liệu theo lối của hoàng đế Joseph, theo như một huyền thoại ở thành Vienne; một sự can thiệp của một con người có uy quyền cực mạnh bắt mọi người khuất phục trước ý chí của mình và san bằng mọi khó khăn. Nhưng chúng ta là người như thế nào để có thể đưa ra một phương pháp trị liệu như thế? Chúng ta là những người nghèo không có một uy quyền gì trong xã hội, phải hành nghề mà sống, chúng ta không thể không chữa chạy không công cho những người nghèo trong khi những bác sĩ khác theo lối chữa chạy khác lại đủ phương tiện để giúp đỡ người nghèo trong khi chúng ta không làm được. Lối trị liệu của chúng ta là một lối trị liệu lâu dài, phải

làm mất nhiều thì giờ lắm mới có hiệu quả. Có thể khi duyệt lại những yếu tố đã kể các bạn có thể đặc biệt chú trọng đến một yếu tố nào đó và cho rằng yếu tố đó có thể dùng làm địa điểm áp dụng phương pháp trị liệu của chúng ta. Nếu xã hội bắt buộc con người phải ở trước một giới hạn nào đó về luân lý và chính cái giới hạn đó làm cho người bệnh đau khổ, thì tại sao chúng ta lại không chữa chạy bằng cách khuyến khích họ rũ bỏ những sự giới hạn này, tìm cách thoả mãn và lấy lại sức khoẻ mà không thèm để ý gì đến sự theo đuổi một lý tưởng mà xã hội đặt ra trong khi chính xã hội cũng không theo. Điều đó có nghĩa là người bệnh sẽ khỏi bệnh nếu sống hoàn toàn từ đầu đến cuối đời tình dục của mình. Nếu sự chữa chạy phải đi đến chỗ đó thực thì người ta sẽ trách là nó đã đi trái lại con đường luân lý tổng quát của xã hội vì nó đã cho cá nhân con người cái mà nó đã lấy đi của tập thể.

Nhưng các bạn đã lầm. Việc khuyên người ta sống hoàn toàn đầy đủ cuộc đời tình dục của mình không liên can gì hết sự trị liệu trong phân tâm học và dù rằng tôi đã có lần nói rằng trong người bệnh luôn luôn có xung đột giữa khuynh hướng khát dục và sự dồn ép tình dục, giữa khía cạnh tình dục và khía cạnh luân lý của người bệnh. Chúng ta không giải quyết cuộc xung đột bằng cách giúp cho bên nọ thắng bên kia. Đối với những người tinh thần bất an thì là luân lý đã thắng với hậu quả là khuynh hướng tình dục sẽ được đền bù bằng sự xuất hiện triệu chứng bệnh thần kinh. Trái lại, nếu khía cạnh tình dục của con người thắng trận thì khía cạnh luân lý sẽ bị dồn ép và cũng sẽ tìm cách tự đền bù bằng sự xuất hiện của các triệu chứng. Hai giải pháp này đều không thể chấm dứt cuộc xung đột vì thế nào cũng có một bên không thoả mãn. Những trường hợp trong

đó cuộc xung đột yếu đến nỗi chỉ cần có sự can thiệp của bác sĩ là giải quyết được ngay rất hiếm, và nói thực ra những trường hợp như thế thì không cần đến sự chữa chạy của phân tâm học. Những người có thể dễ dàng chịu ảnh hưởng như thế của bác sĩ có thể đạt được kết quả mà không cần đến bác sĩ. Khi một người bị thiếu sót tình dục đi tìm sự thoả mãn bằng đủ mọi cách, họ đâu có cần xin phép ông bác sĩ hay nhà phân tâm học.

Người ta thường không chú trọng đến một điểm quan trọng cần thiết trong vấn đề này, đó là một xung đột gây bệnh thần kinh không thể đem so sánh với sự xung đột thường có giữa các khuynh hướng tinh thần, đối với những người bệnh thần kinh thì sự xung đột xảy ra giữa những động lực trong đó một vài động lực đã tiến đến giai đoạn tiền ý thức và ý thức trong khi những động lực khác chưa ra khỏi giai đoạn vô thức. Chính vì thế nên cuộc xung đột không thể tiếp xúc bằng một giải pháp được. Hai bên đối thủ không dàn mặt nhau như con gấu trắng và con cá voi trong thí dụ mà tất cả các bạn đều biết. Một giải pháp thực sự chỉ có thể đạt được khi cả hai bên đối thủ đều ra mặt trận. Tôi cho rằng phương pháp trị liệu duy nhất là làm sao cho họ dàn mặt ra với nhau để gặp mặt nhau.

Các bạn sẽ lầm nữa nếu tin rằng phân tâm học có thể thành công được bằng cách khuyên bảo và hướng dẫn. Trái lại chúng ta chỉ muốn có một điều là làm sao cho người bệnh tự quyết định lấy. Vì thế cho nên chúng ta khuyên người bệnh hãy chờ đến khi khỏi bệnh hãy quyết định về những vấn đề quan trọng như chọn nghề buôn bán, làm ăn cưới xin hay ly dị. Các bạn phải công nhận rằng các bạn hẳn không nghĩ đến điều đó. Chỉ khi nào người bệnh rất trẻ, không biết tự bảo vệ, chưa chắc

chắn, chúng ta mới đóng vai trò của ông bác sĩ hay nhà giáo dục. Nhưng lúc đó chúng ta vì ý thức được trách nhiệm của mình nên càng phải cẩn trọng hơn nhiều.

Khi thấy tôi, trong việc trị liệu, không muốn thúc đẩy người bệnh sống đầy đủ cuộc đời tình dục của họ, các bạn đừng cho rằng tôi bênh vực luân lý xã hội. Công việc này cũng như công việc trên, chúng ta không hề muốn làm. Thực ra chúng ta không phải là những người muốn cải cách mà chỉ là những người biết quan sát thôi. Nhưng cũng không thể chỉ quan sát mà không phê bình chỉ trích: vì thế nên chúng ta không thể bênh vực nền luân lý của xã hội về tình dục, tán thành phương cách mà xã hội đưa ra để giải quyết vấn đề đời sống tình dục. Điều xã hội gọi là luân lý của xã hội đòi hỏi nhiều sự hy sinh không đưa lại những kết quả cân xứng, xã hội thiếu cả khôn ngoan lẫn thành thực. Chúng ta không ngần ngại gì mà không nói cho người bệnh nghe những điều vừa nói, làm cho họ quen dần với sự suy nghĩ về những sự kiện tình dục mà không có thành kiến cũng như đối với mọi sự kiện khác, để rồi sau khi chữa chạy xong, nếu họ trở lên độc lập và chọn một giải pháp dung hoà giữa một đời sống tình dục buông thả và một đời sống khổ hạnh tuyệt đối thì chúng ta chẳng có gì đáng hổ thẹn trong lương tâm. Kẻ nào, sau khi đã chống lại chính mình, tiến đến sự thực của cuộc đời, kẻ đó sẽ tránh được hết mọi hiểm nguy của mọi sự vô luân và hiến cho mình một bậc thang giá trị về luân lý khác với bậc thang thường áp dụng vai trò của sự kìm hãm tình dục trong việc phát sinh ra bệnh thần kinh. Chỉ trong rất ít trường hợp là chúng ta có thể chấm dứt tình trạng bệnh hoạn do sự thiếu thốn tình dục và tích luỹ khát dục gây nên bằng cách thoả mãn những đòi hỏi tình dục bằng giao cấu.

Vậy các bạn không thể cắt nghĩa tác dụng trị liệu của phân tâm học bằng cách nói rằng phương pháp này cho phép người ta sống hoàn toàn và đầy đủ đời sống tình dục. Các bạn hãy tìm một cách cắt nghĩa khác. Biết đâu khi giải các điều sai lầm của các bạn tôi lại chẳng đã đặt các bạn lên một con đường tốt. Các bạn nghĩ rằng phân tâm học sở dĩ có ích bởi vì đã tìm cách thay thế vô thức bằng hữu thức, diễn tả vô thức bằng hữu thức đúng đắn. Đưa vô thức vào hữu thức chúng ta hủy bỏ được sự dồn ép, bỏ được những điều kiện phát sinh ra triệu chứng, biến cuộc xung đột gây bệnh thành một cuộc xung đột bình thường dù sao cũng có thể giải quyết được bằng cách này hay cách khác. chúng ta không làm gì hơn là làm cho người bệnh có sự thay đổi trong tinh thần mà khi đạt được kết quả đó thì người bệnh sẽ khỏi. Khi không hủy bỏ được sự dồn ép hay những diễn biến tinh thần cùng loại thì phương pháp trị liệu của chúng ta thất bại.

Chúng ta có thể diễn tả mục tiêu của chúng ta dưới nhiều hình thức: chúng ta có thể nói chúng ta muốn làm cho vô thức thành hữu thức, hay hủy bỏ sự dồn ép hay lấp chỗ trống trong bệnh mất trí nhớ, tất cả mọi hình thức này đều có giá trị như nhau. Nhưng lời xác nhận này không làm cho các bạn hài lòng. Các bạn hiểu người bệnh theo một ý khác có bạn muốn nói rằng sau khi khỏi bệnh họ trở thành một người khác hẳn; vậy mà tôi lại bảo rằng họ sở dĩ khỏi bệnh chỉ vì họ có thêm một vài ý thức, mất đi một vài vô thức hơn trước thôi. Các bạn cho rằng thay đổi như thế chẳng có lợi gì. Người bệnh sau khi khỏi bệnh trở thành một người khác, cố nhiên, nhưng thực ra anh ta vẫn như trước, nghĩa là trước khi bị bệnh với những điều kiện khả quan hơn thôi. Thế là nhiều lắm rồi. Các bạn cho rằng thay

đổi chút ít thế thì ăn thua gì nhưng các bạn sẽ không còn nghi ngờ về tầm quan trọng của sự khác nhau chút ít đó trong tinh thần người bệnh một khi thấy chúng ta phải mất bao nhiêu cố gắng, làm biết bao nhiêu chuyện mới đạt được kết quả đó.

Tôi muốn hỏi các bạn có biết gì về một phương pháp mà người ta gọi là trị liệu bằng cách huỷ các nguyên nhân gây bệnh không. Phương pháp này không đánh thẳng vào cách phát sinh của bệnh mà tìm cách huỷ bỏ những nguyên nhân gây ra bệnh. Phương pháp trị liệu trong phân tâm học có tìm cách huỷ bỏ nguyên nhân gây ra bệnh hay không? Câu trả lời không giản đơn tí nào nhưng sẽ giúp chúng ta thấy câu hỏi đó đặt ra thực không đúng lúc. Khi phương pháp trị liệu phân tâm học không đặt cho mình mục tiêu gần nhất là phải huỷ bỏ ngay tức khắc những triệu chứng thì phương pháp này quả có tìm cách huỷ bỏ nguyên nhân gây bệnh nhưng dưới một khía cạnh khác, phương pháp này lại không có tính cách đó. Từ lâu chúng ta đã theo dõi sự liên tục của các nguyên nhân, từ sự dồn ép đến những tính di truyền và bản năng, từ những cường độ tương đối của chúng trong người bệnh đến những đường đi sai lạc của chúng trong quá trình phát triển bình thường. Bây giờ giả dụ như chúng ta có thể dùng một chất hoá học gì can thiệp vào cấu tạo con người, làm tăng lên hay giảm đi chất lượng khát dục trong một lúc nào đó, tăng cường một bản năng này làm yếu đi một bản năng khác: đó chính là một môn trị liệu tận gốc, đi từ các nguyên nhân theo nghĩa đen của những chữ này, một phương pháp mà phân tâm học đã dùng trong giai đoạn tìm hiểu đầu tiên cần thiết. Vậy mà các bạn hẳn biết rằng lúc này không phải là lúc mình tìm cách ảnh hưởng tới sự hoạt động của khát dục; phương pháp của chúng ta đánh vào một vòng nhỏ trong xâu

chuỗi nguyên nhân đó; nếu cái vòng nhỏ này không phải là thành phần của những cội rễ của các hiện tượng mà chúng ta có thể nhìn thấy được, không phải vì thế mà không rất xa vời đối với các triệu chứng và sở dĩ chúng ta biết được chính là nhờ những trường hợp hết sức thuận tiện.

Muốn thay thế vô thức bằng hữu thức trong người bệnh, chúng ta phải làm gì? Có lúc chúng ta tưởng công việc này hết sức đơn giản chúng ta chỉ cần lôi vô thức ra mà đặt trước mắt người bệnh là xong ngay, nhưng bây giờ ta mới biết là trước kia ta đã tưởng lầm. Điều chúng ta biết về vô thức không trùng hợp với điều mà người bệnh biết về vô thức khi ta cho người bệnh biết những điều ta biết, người bệnh không hề thay thế vô thức bằng những điều vừa được cho biết mà chỉ đặt những điều vừa biết cạnh vô thức thôi và như thế là không có thay đổi gì cả. Chúng ta phải gán cho cái vô thức này một hình ảnh cụ thể bên ngoài, tìm vô thức trong những điều nó nhớ lại trong khi nó được thành lập sau khi xảy ra một sự dồn ép. Chúng ta chỉ cần huỷ diệt sự dồn ép là vô thức lập tức được thay thế bằng hữu thức. Nhưng làm thế nào để huỷ diệt được sự dồn ép? Giai đoạn thứ hai trong công việc của chúng ta bắt đầu. Trước hết phải tìm xem có sự dồn ép không, rồi sau đó mới tìm cách huỷ diệt sự đề kháng giúp cho sự dồn ép được tồn tại. Làm thế nào hủy diệt được sự đề kháng? cũng bằng cách vén màn bí mật đặt nó trước mắt người bệnh, nghĩa là sự đề kháng cũng bắt nguồn ở một sự dồn ép hoặc sự dồn ép mà ta đang tìm hoặc một sự dồn ép xuất hiện đột ngột trước đó. Sự đề kháng phát sinh ra một hoạt động phản công có mục đích dồn ép khuynh hướng tục tĩu. Vậy trong lúc này chúng ta lại làm công việc lúc đầu: giải thích, khám phá, cho người bệnh biết rõ những điều khám phá

này, nhưng lần này làm đúng chỗ hơn lần trước. Sự phản công hay sự đề kháng không thuộc vô thức mà thuộc cái tôi, ngay cả khi sự đề kháng không có trong ý thức. Ở đây thực ra hai chữ "vô thức" có hai nghĩa: vô thức như một hiện tượng, và vô thức như một hệ thống. Điều này có vẻ khó hiểu, không rõ ràng, nhưng thực ra nó không phải là hai thứ giống nhau sao? Chúng ta đã chuẩn bị từ lâu rồi. Chúng ta hi vọng rằng ngay khi đặt trước mắt người bệnh sự đề kháng, sự phản công này thì lập tức cả hai phải biến mất ngay. Trong những trường hợp đó chúng ta làm việc với những động lực nào? Chúng ta trông mong vào chỗ chính người bệnh cũng muốn khỏi bệnh và vì muốn thế nên mới nhờ chúng ta chữa; chúng ta trông mong vào trí thông minh của anh ta trong khi chúng ta can thiệp để nâng đỡ trí thông minh đó. Nếu có chúng ta giúp vào tất nhiên trí thông minh của người bệnh sẽ nhận ra ngay sự đề kháng và tìm được xem cái gì đã bị dồn ép. Nếu tôi bảo các bạn: "Hãy nhìn lên trời sẽ thấy một cái phi cơ", tất nhiên bạn sẽ tìm thấy rõ ràng phi cơ đó hơn là nếu tôi chỉ bảo bạn nhìn nên trời không thôi mà không nói rõ phải tìm thấy gì. Người sinh viên lần đầu tiên nhìn vào kính hiển vi sẽ không thấy gì cả nếu không được ông thầy cho biết phải nhìn cái gì.

Rồi chúng ta lại có những sự kiện trong nhiều bệnh như bệnh náo loạn thần kinh, bệnh lo sợ, bệnh bị ám ảnh, những tiền đề của chúng ta đã được chứng nghiệm. Bằng cách khảo cứu về sự dồn ép, khám phá ra sự đề kháng, tìm ra cái gì đã bị dồn ép, chúng ta đã giải quyết được vấn đề, thắng được sự đề kháng, huỷ diệt được sự dồn ép, biến vô thức thành hữu thức, chúng ta thấy rõ ràng mỗi khi cần thắng một đề kháng, trong

tâm hồn người bệnh thường diễn ra một sự tranh đấu ghê gớm, một sự đấu tranh về tinh thần bình thường, trên phương diện tâm lý giữa những động lực trái ngược, một đằng muốn giữ cho sự phản công được tồn tại, một đằng muốn huỷ diệt nó. Những động lực trên là những động lực cũ kỹ gây ra sự dồn ép; những động lực dưới là những động lực đột nhiên xuất hiện mới đây có vẻ như phải quyết định cuộc xung đột theo ý chúng ta muốn vì thế chúng ta đã thành công trong việc đánh thức dậy cuộc xung đột cũ đã gây ra sự dồn ép và xét lại một vấn đề tranh chấp có vẻ như đã giải quyết xong từ lâu. Những sự kiện mới xuất hiện để bênh vực sự xét lại này là chúng ta nhắc cho người bệnh biết rằng trước khi đã có một quyết định nào đó làm cho bệnh phát ra, muốn khỏi bệnh cần có một quyết định khác và từ khi bệnh phát ra cho tới bây giờ, các điều kiện đã thay đổi rất nhiều. Vào thời kỳ bệnh phát ra cái tôi ốm yếu, ấu trĩ và đã có đủ lý do để từ khước những đòi hỏi của khát dục vì sợ xảy ra nguy hiểm. Ngày nay cái tôi khoẻ hơn, có kinh nghiệm hơn và nhất là được bác sĩ hỗ trợ một cách trung thành và tận tâm. Vì thế cho nên chúng ta có quyền chờ đợi cuộc xung đột ngày xưa được đặt lại trên bàn mổ sẽ được giải quyết thoả đáng hơn ngày xưa lúc mới phát sinh và gây ra sự dồn ép, những sự thành công của chúng ta trong lĩnh vực bệnh náo loạn thần kinh, bệnh lo sợ và bệnh bị ám ảnh đã chứng minh sự chờ đợi của chúng ta.

Tuy nhiên có những bệnh tuy cũng có điều kiện giống như bệnh trên mà chúng ta chưa bao giờ thành công cả. Vậy mà trong đó cũng có một sự xung đột sơ khai giữa cái tôi và khát dục, cũng đưa đến một sự dồn ép, mặc dù bề ngoài ra sao chăng nữa; chúng ta cũng tìm thấy trong đời người bệnh những điểm phát khởi sự dồn ép y như trong bệnh khác; chúng ta cũng dùng

phương pháp như nhau, cũng hứa hẹn người bệnh những hứa hẹn đó, cũng giúp đỡ họ như thế, nghĩa là cũng hướng dẫn họ bằng những hình dung chờ đợi, và giữa lúc sự dồn ép phát khởi và lúc này có một thời gian thuận tiện cho việc gạt ra ngoài một sự đề kháng cũng như huỷ diệt được sự dồn ép. Những người bệnh này, hoặc vọng tưởng, hoặc uất, hoặc điên sớm phát đều tỏ ra trơ như đá vững như đồng trước lối chữa chạy của phân tâm học. Lý do tại sao nhỉ? Tất nhiên không phải vì người bệnh kém thông minh. Chúng ta thường cho rằng người bệnh có một trình độ trí thức nào đó và trình độ này không phải là không có trong người bệnh vọng tưởng là những người rất khéo léo trong việc xếp đặt sự việc. Cũng không phải là thiếu một yếu tố nào đó. Trái lại với những người vọng tưởng, bọn người uất thường biết rằng mình bị bệnh và đau đớn rất nhiều, nhưng không phải vì thế mà họ có thể khỏi bệnh bằng phân tâm học được. Chúng ta đứng trước một sự kiện mà chúng ta không hiểu nổi, thành ra nhiều khi chúng ta tự hỏi không biết chúng ta đã biết rõ những điều kiện thành công trong những bệnh khác không?.

Nếu chỉ kể đến những bệnh náo loạn thần kinh và lo sợ thôi, chúng ta cũng thấy hiện ra một sự kiện mới mà chúng ta không hề biết trước để chuẩn bị. Chỉ một ít lâu là chúng ta thấy những người bệnh này có thái độ rất kỳ lạ đối với chúng ta. Chúng ta tưởng đã duyệt lại hết mọi yếu tố cần thiết cho việc chữa chạy, tưởng đã làm cho lập trường của chúng ta đối với người bệnh thực rõ ràng như một con tính; nhưng không ngờ trong con tính đó nó len lỏi vào một yếu tố mà ta không để ý đến. Yếu tố bất ngờ này xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nên tôi chỉ mô tả cho các bạn xem những hình thức dễ hiểu nhất và xảy ra nhiều nhất.

Trước hết người bệnh thường là muốn chóng khỏi bệnh, tất nhiên quan tâm một cách đặc biệt đến ông bác sĩ. Tất cả những điều gì liên quan đến ông này đối với anh ta trở thành quan trọng hơn chính bệnh của anh ta và anh ta không để ý đến bệnh tật nữa. Vì thế nên trong lúc đầu giao thiệp giữa người bệnh và bác sĩ rất dễ chịu; người bệnh luôn luôn tỏ ra biết đón ý bác sĩ, tỏ lòng biết ơn bất cứ lúc nào có cơ hội, đưa ra ánh sáng những điểm tế nhị và những đức tính mà chúng ta không ngờ đến. Rút cục người bệnh làm cho ông bác sĩ có cảm tưởng tốt đối với mình, và ông này cảm ơn sự tình cờ đã đưa đến một cơ hội để giúp đỡ một con người đặc biệt dễ chịu. Rồi bà con của người bệnh sẽ cho ông bác sĩ biết rằng ngươi bệnh mến ông thầy thuốc lắm, luôn luôn nói đến ông ta và càng ngày càng tìm ra những đức tính quý báu khác nơi ông thầy thuốc. "Cháu nó chỉ nghĩ đến ông thôi, tin tưởng nơi ông một cách mù quáng, mỗi lời ông nói nó đều coi như trích trong Thánh kinh. Nó nói đến ông nhiều quá làm chúng tôi nghe mãi chán cả tai."

Người thầy thuốc tất nhiên cũng đủ khiêm tốn để thấy rằng những lời khen ngợi đó chỉ là sự phát biểu sự thoả mãn của người bệnh trước những hy vọng khỏi bệnh mà ông thầy thuốc đã bày ra trước mắt người bệnh. Vì thế nên công việc chữa chạy tiến hành trong những điều kiện đặc biệt tốt đẹp; người bệnh hiểu những điều chỉ dẫn, đào sâu những vấn đề mới xuất hiện, ý tưởng và kỷ niệm hiện ra dồi dào, những lời phán đoán của người bệnh rất chính xác và chắc chắn đến nỗi làm ông thầy thuốc ngạc nhiên, ông này khoan khoái khi thấy người bệnh chấp nhận những điều tâm lý mới lạ thường gặp nhiều chống đối của những người khỏe mạnh bình thường. Kèm theo với

thái độ dễ chịu của người bệnh, người ta cũng cảm nhận thấy có sự tiến bộ khách quan của trạng thái bệnh hoạn.

Những ngày tươi đẹp như thế thường không kéo dài, và đến một ngày nào đó tình thế sẽ xấu đi. Nhiều khó khăn xuất hiện, người bệnh cho rằng mình không nhớ gì nữa hết, không quan tâm đến công việc chữa chạy nữa và không cần để ý gì đến đề nghị phải nói hết những điều gì hiện ra trong đầu, không thèm để ý gì đến những lời khuyên răn hay phê bình. Người bệnh hành động như không hề có bệnh gì phải chữa chạy cả, và chưa từng ký kết gì với ông thầy thuốc hết; rõ ràng là anh ta đang bận tâm về một điều gì mà không muốn nói ra. Đó là một tình thế nguy hiểm cho việc chữa chạy. Có xảy ra một sự đề kháng mạnh mẽ, có sự gì đã xảy ra?.

Nguyên nhân phải tìm trong tấm lòng âu yếm quá mức của người bệnh đối với ông bác sĩ, trong khi không có gì chứng minh được tình cảm đó. Hình thức và mục đích của lòng âu yếm đó tất nhiên phụ thuộc vào sự giao thiệp giữa hai người. Nếu ông bác sĩ là một người còn trẻ và người bệnh là một thiếu nữ thì người bệnh có yêu ông bác sĩ cũng là một sự tự nhiên vì người con gái thương yêu người luôn luôn ở bên cạnh mình, nghe được nỗi lòng mình, lại có vẻ cao quý hơn mình, vì là người cứu mình ra khỏi bệnh tật; người ta quên rằng đối với một người bệnh thần kinh thì một tình cảm như thế hẳn là do một sự rối loạn nào đó của bản năng khát dục. Sự giao tiếp giữa người bệnh và ông thầy thuốc càng đi xa giả thuyết bao nhiêu thì chúng ta càng ngạc nhiên bấy nhiêu khi thấy lần nào cũng vậy, sự việc đó cũng diễn lại đúng tăm tắp. Không nói đến trường hợp một người đàn bà vì đau khổ trong gia đình nên

đâm ra yêu ông thầy thuốc, bà ta tuyên bố sẵn sàng ly dị để lấy ông ta,và nếu có gặp gì trở ngại trong việc thực hiện ý định này thì cũng không ngập ngừng gì mà không trở thành tình nhân của ông ta. Sự việc đó xảy ra mà không cần có sự can thiệp của phân tâm học. Nhưng trong những trường hợp đang nghiên cứu, người đàn bà hay cô thiếu nữ tuyên bố những điều liên can đến cách chữa chạy: họ cho rằng bao giờ họ cũng biết chỉ có ái tình mới chữa khỏi bệnh họ thôi và ngay trong những buổi đầu chữa chạy họ đã biết rằng sự giao tiếp với ông bác sĩ sẽ đưa lại cho họ điều mà cuộc đời luôn luôn từ chối không đưa cho họ. Chính vì hy vọng như thế nên họ tỏ ra cố gắng và vượt qua được những khó khăn trong việc giãi bày tâm sự. Tôi thêm rằng chính vì hy vọng như thế nên họ mới hiểu được dễ dàng những điều mà người khác hiểu một cách khó khăn. Lời thú nhận như thế làm chúng ta chết đứng vì ngạc nhiên và phá bỏ mọi sự tính toán. Có thể nào là chúng ta đã bỏ qua một yếu tố quan trọng nhất không?.

Càng nhiều kinh nghiệm bao nhiêu chúng ta càng thấy khó khăn mà chống lại một nhận xét nhục nhã cho những ý tưởng khoa học của chúng ta. Lúc đầu ai cũng cho rằng đó chỉ là một khó khăn nhất thời không liên can gì đến việc chữa chạy cả. Nhưng khi thấy lần nào sự việc cũng xảy ra đều đều như thế ngay cả khi không có những điều kiện thuận tiện, ngay cả khi sự khác biệt giữa thầy thuốc và người bệnh trở nên kỳ cục, ví dụ như người bệnh là một ông già, và ông thầy thuốc là một người râu tóc bạc phơ, nghĩa là trong những trường hợp không thể có chuyện gì hấp dẫn thì người ta bắt buộc phải gạt bỏ ý kiến cho rằng sự việc xảy ra chỉ vì ngẫu nhiên và phải công

nhận rằng đó là một hiện tượng có liên lạc chặt chẽ với thực chất của trạng thái bệnh hoạn.

Sự kiện mới này chẳng là gì khác hơn là sự hoán chuyển. Đó chỉ là một sự hoán chuyển tình cảm từ người bệnh sang ông thầy thuốc vì chúng ta không tin rằng công việc chữa chạy đã làm tình cảm đó nẩy nở ra. Sự xảy ra nhanh chóng này hẳn phải có một nguyên nhân khác, và phải có sẵn trong người bệnh dưới trạng thái tiềm tàng và đã chuyển qua người thầy thuốc trong lúc chạy chữa. Sự chuyển hoán có thể phát hiện hoặc dưới hình thức của một sự đòi hỏi tình ái ầm ĩ, hoặc dưới những hình thức nhẹ nhàng hơn. Đứng trước ông thầy thuốc có tuổi, người thiếu nữ bị bệnh có thể nảy ra ý muốn không phải trở thành tình nhân của ông ta, nhưng trở thành con gái của ông ta mà ông ta yêu quý hơn và muốn trở thành một tình bạn lâu dài. Có một vài người đàn bà biết gán cho sự hoán chuyển một hình thức khác, nhào nặn làm cho nó trở thành sống được; người khác, trái lại, để cho nó phát hiện dưới hình thức nguyên trạng, phôi thai và không thể chịu nổi. Nhưng cả hai hình thức đều do một hiện tượng cùng một nguồn gốc.

Trước khi chúng ta tự hỏi nên đặt sự kiện mới này vào nơi nào các bạn hãy cho phép tôi hoàn tất sự mô tả. Sự việc xẩy ra như thế nào nếu người bệnh là đàn ông? Người đàn ông có thể thoát khỏi cái tình thế khó chịu bắt nguồn ở sự khác phái của ông thầy thuốc không? Không, họ cũng không thoát. Họ cũng yêu mến ông thầy như thế, cũng có ý tưởng quá đáng về đức tính của ông ta, cũng để ý đến những cái gì dính dáng đến ông ta và cũng ghen với những người đến gần ông ta chẳng khác gì bệnh nhân đàn bà. Những hình thức thay thế sự hoán chuyển

xảy ra luôn luôn những sự đòi hỏi về tình dục trực tiếp ít hơn một khi sự đồng tính luyến ái giữ một vai trò không quan trọng bằng các yếu tố cấu thành bản năng. Trong người bệnh đàn ông, thầy thuốc thường nhận thấy có một sự hoán chuyển mà thoạt nhìn người ta có cảm tưởng *trái ngược* hẳn với tất cả những cái gì đã được mô tả từ trước tới nay: đó là sự hoán chuyển thù nghịch hay *tiêu cực*.

Trước hết chúng ta nghĩ rằng sự hoán chuyển phát hiện ra ngay từ lúc bắt đầu đi vào chữa chạy và trong một thời gian đã thành một đối tượng chắc chắn nhất trong công việc đó. Người ta không thấy nó và không chú trọng một khi công việc chữa chạy trôi chảy đều đều. Nhưng khi nó biến thành một sự đề kháng thì người ta phải chú trọng đến và sự liên quan của nó đối với cách chữa chạy có thể thay đổi ở hai điểm khác nhau trái ngược nhau: thứ nhất lòng âu yếm trở lên mạnh mẽ, sự đòi hỏi tình dục trở nên rõ ràng đến nỗi phát sinh ra một sự đề kháng bên trong; thứ hai, những tình cảm âu yếm có thể biến thành tình cảm thù nghịch. Nói chung thì những tình cảm thù nghịch bao giờ cũng nấp sau tình cảm âu yếm và xuất hiện sau nhiều; sự có mặt của hai loại tình cảm đó cùng một lúc đúng là hình ảnh của sự có mặt của những tình cảm trái ngược như thế trong phần lớn sự giao thiệp của chúng ta với người khác. Cũng như những tình cảm âu yếm, những tình cảm thù nghịch cũng là một dấu hiệu của một tình cảm yêu dấu y như sự thách thức và sự vâng lời cũng diễn tả một tình cảm lệ thuộc dù với dấu hiệu trái nhau. Tình cảm thù nghịch đối với ông thầy thuốc cũng là một "hoán chuyển" vì tình thế do sự chữa chạy gây nên không thể làm nẩy nở được một tình cảm như thế; do đó chúng

ta phải chấp nhận sự có mặt của sự hoán chuyển tiêu cực, điều này chứng tỏ rằng chúng ta đã không lầm khi nói đến sự chuyển hoán tích cực hay những tình cảm yêu dấu.

Sự hoán chuyển từ đâu mà ra? Nó ra đưa cho chúng ta những khó khăn gì? Chúng ta làm sao để vượt qua những khó khăn đó? Chúng ta có lợi gì về những khó khăn đó không? Tất cả những vấn đề này chỉ có thể được nghiên cứu vào chi tiết trong một bài về kỹ thuật phân tâm học. Ở đây tôi nói qua cho các bạn nghe thôi. Tất nhiên chúng ta sẽ không nhượng bộ trước sự đòi hỏi của người bệnh do sự hoán chuyển gây nên; nhưng giận dữ gạt bỏ chúng đi là một điều không hợp lý. Chúng ta vượt qua được sự hoán chuyển bằng cách nói cho người bệnh biết là những tình cảm của anh ta không phải do sự giao thiệp với ông bác sĩ gây ra mà chính là do một tình trạng xảy ra từ lâu nay lại sống lại trong người anh ta thôi. Chúng ta buộc người bệnh phải đi ngược trở lại từ lúc tình cảm này phát sinh ra đến lúc khởi thuỷ còn ghi lại kỷ niệm trong người bệnh. Khi đạt được kết quả này rồi thì sự hoán chuyển, dù âu yếm hay thù nghịch cũng đặt vào tay chúng ta cái chìa khoá để mở được tất cả các cửa thầm kín nhất trong đời sống tinh thần. Tôi muốn nói vài điều để làm tan sự ngạc nhiên của các bạn về hiện tượng bất ngờ này. Các bạn đừng quên rằng căn bệnh đang nghiên cứu này không phải là hiện tượng đã hoàn tất, cứng rắn, mà là hiện tượng luôn luôn phát triển và lớn mạnh như một sinh vật vậy. Lúc đầu việc chữa chạy không chấm dứt được sự phát triển đó, nhưng một khi người bệnh đã được tìm hiểu thì những cứ điểm cấu thành mới của căn bệnh được tập trung lại ở một điểm duy nhất: sự giao thiệp giữa người bệnh và ông thầy

thuốc. Sự hoán chuyển có thể được đem so sánh với những lớp giữa thân cây và vỏ cây, khởi điểm cho sự cấu thành mới của những mô mới làm cho thân cây càng ngày càng dầy hơn. Khi sự hoán chuyển trở nên khá quan trọng rồi thì công việc nghiên cứu các kỷ niệm của người bệnh bị chậm trễ rất nhiều. Người ta có thể nói rằng, người ta không phải đang chữa một căn bệnh xảy ra từ trước mà đang chữa một căn bệnh hoàn toàn mới, biến dạng hẳn, thay thế căn bệnh trước. Lớp mới đến thêm vào lớp cũ này chúng ta đã theo dõi ngay từ lúc đầu, đã trông thấy nó phát sinh ra và phát triển, vì chúng ta đứng ở trung tâm điểm nên chúng ta có thể tìm ra chiều hướng dễ dàng. Tất cả những triệu chứng đều mất hết ý nghĩa lúc sơ khởi, có một ý nghĩa mới có liên quan với sự hoán chuyển. Hay chỉ còn những triệu chứng cũ chịu biến đổi với sự xuất hiện của hoán chuyển là còn lại thôi. Chế ngự được căn bệnh thần kinh nhân tạo này tức là huỷ bỏ được căn bệnh do sự chữa chạy gây nên. Hai kết quả này đi liền với nhau và khi đạt được thì công việc chữa chạy của chúng ta chấm dứt. Con người trong sự giao thiệp với ông thầy thuốc đã trở thành bình thường, thoát khỏi được các khuynh hướng bị dồn ép, cũng sẽ vẫn giữ được mức bình thường đó một khi ông thầy không có mặt nữa.

Chính trong bệnh náo loạn thần kinh, bệnh lo sợ có bệnh ám ảnh mà sự hoán chuyển có tầm quan trọng đặc biệt kỳ lạ đó. Vì thế nên người ta có lý khi gọi những bệnh này là "bệnh thần kinh hoán chuyển". Người nào khảo cứu về phân tâm học đã có một khái niệm khá đúng về thực chất của sự hoán chuyển hẳn biết rõ, không còn gì hồ nghi nữa, rằng những khuynh hướng bị dồn ép và xuất hiện dưới hình thức triệu chứng bệnh thần kinh có đặc tính gì rồi, sẽ không còn đòi hỏi bằng chứng gì nữa về

tính chất khát dục của các khuynh hướng đó. Chúng ta có thể nói rằng lòng tin tưởng của chúng về tầm quan trọng của các triệu chứng bắt nguồn ở sự thoả mãn khát dục bằng cách thay thế chúng bằng cách khác chỉ được khẳng định hoàn toàn sau khi nghiên cứu về sự hoán chuyển này.

Và bây giờ chúng ta có hơn một lý do để hoàn bị hoá quan niệm trước đây của chúng ta về cách chữa khỏi bệnh, làm cho quan niệm này ăn khớp với quan niệm mới. Khi người bệnh bắt đầu chống lại sự đề kháng mà chúng ta đã cho anh ta biết rõ, anh ta cần một sự thúc đẩy thực mạnh mẽ để cho sự quyết định nghiêng về phía chúng ta muốn, nghĩa là về phía khỏi bệnh. Nếu không, sự quyết định có thể nghiêng về phía lập lại tình trạng trước và dồn ép trở lại những cái gì mà chúng ta đã được đến gần ý thức. Điều quyết định trong sự việc này không phải sự thông minh của người bệnh – trí thông minh này không đủ mạnh, không đủ tự do để làm việc đó - mà chính là thái độ của người bệnh đối với ông thầy thuốc. Nếu sự hoán chuyển có tính chất tích cực thì người thầy thuốc trở nên có uy tín thực tốt đẹp, biến đổi sự thông cảm thành lòng tin tưởng. Nếu không có sự hoán chuyển đó, hay sự hoán chuyển chỉ có tính cách tiêu cực thì người bệnh sẽ không thèm để ý gì đến lời thầy thuốc. Lòng tin tưởng trong dịp này lặp lại chính lịch sử phát sinh của mình: nó là con đẻ của tình ái và không cần đến lý lẽ nào khác lúc ban đầu. Chỉ mãi về sau này nó mới gán cho cái lý lẽ một tầm quan trọng đủ để đem ra nghiên cứu khi những lý lẽ đó do các người yêu dấu đưa ra. Những lý lẽ không do những người yêu dấu đưa ra, không có và không bao giờ có một tác dụng gì trong đời sống của phần lớn mọi người. Vì thế cho nên chúng ta chỉ có thể đánh vào khía cạnh trí thức của con người một khi con

người có đủ khả năng tích luỹ được nhiều đối tượng khát dục, chúng ta có nhiều lý do để cho rằng phân tâm học chỉ có ảnh hưởng tới một mức độ nào đó đối với người bệnh và mức độ đó tuỳ thuộc vào mức độ của bệnh nác xít của người bệnh.

Người bình thường nào cũng có khả năng tích luỹ trong người mình một số sinh lực khát dục. Khuynh hướng hoán chuyển nói trên chỉ là sự quá độ kỳ lạ của khả năng tích luỹ này thôi. Có điều kỳ lạ là một đặc tính quan trọng và xảy ra rất nhiều như thế mà không được chú trọng cho đúng giá trị của nó. Vì thế nên nó không lọt qua mắt những nhà quan sát kỹ lưỡng. Vì thế nên Bernheim đã tỏ ra rất sâu sắc khi thành lập thuyết về hiện tượng thôi miên dựa trên đề luận là tất cả mọi người đều có thể " dễ bị ám thị". Tính cách "dễ bị ám thị" này chẳng là gì khác hơn khuynh hướng hoán chuyển, hiểu theo nghĩa hẹp nghĩa là có hoán chuyển tiêu cực. Tuy nhiên Bernheim chứng minh cho chúng ta biết sự ám thị là một sự kiện cơ bản không cần biết rõ nguồn gốc. Ông ta không nhìn rõ dây liên lạc giữa sự "dễ bị ám thị" và tình dục hay sự hoạt động của khát dục. Chúng ta cần biết rằng nếu trong kỹ thuật của chúng ta, chúng ta đã bỏ rơi thôi miên chính là để lại tìm thấy sự ám thị dưới hình thức của sự hoán chuyển.

Nhưng tôi dừng lại ở đây và nhường lời cho các bạn. Tôi chợt thấy rằng các bạn có một lời bài bác mạnh đến nỗi nếu không cho các bạn nói ra các bạn sẽ không thể nào tiếp tục theo dõi bài trình bày của tôi được. Các bạn sẽ nói: "Vậy tức là rút cục giáo sư cũng công nhận rằng giáo sư đã làm việc với sự trợ giúp của sự ám thị chẳng khác gì các nhà thôi miên học. Chúng tôi chờ đợi điều đó từ lâu. Nếu chỉ có sự ám thị mới là yếu tố

duy nhất có hiệu quả thì tất cả những điều đã làm như gợi lại kỷ niệm của dĩ vãng, khám phá ra vô thức, giải thích những sự biến dạng, mất bao nhiêu cố gắng, bao nhiêu công của thời giờ dùng được vào việc gì đây? Tại sao ông lại không trực tiếp hoán vị các triệu chứng cũng như những nhà thôi miên học lương thiện khác. Nếu để bào chữa việc đi loanh quanh mãi, ông cho rằng ông đã khám phá ra nhiều điều về phương diện tâm lý quan trọng thì có cái gì đảm bảo giá trị cũng như sự khám phá đó? Nhưng sự khám phá đó không phải là kết quả của sự ám thị sao, những sự ám thị không có ý? Ông không thể dùng phương pháp của ông bắt buộc người bệnh phải theo những điều ông muốn và cho là đúng sao?.

Điều các bạn nói đó thực hay và cần được trả lời. Nhưng vì không có thì giờ nên tôi không thể trả lời ngay được. Tôi sẽ chỉ chấm dứt những điều đã bắt đầu. Tôi đã hứa với các bạn là cho các bạn biết tại sao chúng ta lại thất bại trong việc chữa chạy bệnh thần kinh nác xít.

Tôi chỉ cần nói vài điều thôi và bạn sẽ thấy là những điều đó thực giản dị và phù hợp với mọi điều khác. Quan sát cho thấy rằng những người bệnh nác xít không có khả năng chuyển hoán hay nếu có thì chỉ có rất ít, chẳng nghĩa lý gì. Họ đẩy ông thầy thuốc ra không phải vì thù nghịch mà là vì lơ là. Vì thế nên chúng ta không ảnh hưởng đến họ được: những điều ông thầy thuốc nói chẳng ăn thua gì với họ cả, họ tỏ vẻ lạnh lùng; vì thế cho nên công việc chữa chạy dựa trên việc làm sống lại sự xung đột gây bệnh, vượt qua được sự đề kháng của sự dồn ép, đã tỏ ra rất hiệu quả trong các bệnh khác lại tỏ ra chẳng ăn thua gì trong bệnh này. Người bệnh vẫn như cũ. Chính họ cũng đã

cố gắng để lấy lại tình thế nhưng những sự cố gắng này chỉ đưa đến hậu quả bệnh hoạn mà thôi. Chúng ta chẳng làm gì để thay đổi tình trạng đó được.

Dựa vào những dữ kiện bệnh lý chúng ta khẳng định rằng đối với người bệnh này khát dục đã tách rời khỏi các đối tượng và biến thành khát dục cuả cái tôi. Chúng ta tưởng có thể dùng đặc tính này để phân biệt bệnh thần kinh này với loại bệnh thần kinh đầu tiên (náo loạn thần kinh, lo sợ, ám ảnh). Vậy mà thái độ của bệnh này trong việc chữa chạy đã xác nhận quan điểm của chúng ta. Vì không có hiện tượng chuyển hoán nên những người bệnh này thoát khỏi ảnh hưởng của chúng ta và không thể khỏi bệnh bằng những phương sách hiện có của chúng ta.

28. PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU PHÂN TÂM HỌC

Các bạn hẳn biết đề tài của cuộc nói chuyện hôm nay là gì. Các bạn đã hỏi tại sao trong trị liệu trong phân tâm học chúng ta lại không dùng lối ám thị trực tiếp một khi chúng ta công nhận rằng ảnh hưởng của chúng ta chỉ dựa trên sự hoán chuyển nghĩa là sự ám thị? Trước sự có mặt của sự ám thị các bạn hồ nghi về giá trị các khám phá của chúng ta về phương diện tâm lý. Tôi đã hứa là sẽ trả lời bạn từng chi tiết một.

Sự ám thị trực tiếp là sự ám thị chĩa mũi dùi vào sự phát hiện triệu chứng, là cuộc đấu tranh giữa uy quyền của các bạn và những lý do của trạng thái bệnh hoạn. Dùng sự ám thị các bạn không để ý đến các lý do này, các bạn chỉ buộc người bệnh không được diễn tả những lý do này ra bằng các triệu chứng. Việc bạn có đặt người bệnh trong trạng thái thôi miên không, không phải là điều quan hệ. Chính Bernheim đã nhận xét rằng sự ám thị là sự kiện cần thiết trong thôi miên, mà thôi miên lại chỉ là hậu quả của sự ám thị trong trạng thái thức vì cho rằng trạng thái thức cũng đưa đến kết quả như trong sự ám thị trong thôi miên.

Vậy trong vấn đề này các bạn chú trọng đến vấn đề nào hơn: những dữ kiện của thí nghiệm hay những nhận xét về lý

thuyết? Chúng ta bắt đầu bằng những dữ kiện của thí nghiệm. Tôi là học trò của Bernheim ở Nancy năm 1899 và đã dịch cuốn sách của ông về sự ám thị ra tiếng Đức. Trong nhiều năm tôi đã dùng thôi miên để chữa bệnh đi kèm với sự ám thị tự bảo vệ, và với sự khảo sát người bệnh theo phương pháp của Bernheim. Vậy tôi có đủ kinh nghiệm để nói về thôi miên hay ám thị. Nếu đúng như một câu phương ngôn về y khoa, phương pháp trị liệu lý tưởng là phương pháp có tác dụng nhanh, đúng và không làm người bệnh khó chịu thì phương pháp của Bernheim ít nhất có được hai trong ba điều kiện này. Phương pháp này có thể đem áp dụng rất nhanh cho người bệnh, nhanh hơn phương pháp phân tâm học nhiều, không làm mệt người bệnh, không đưa lại một sự khó chịu nào. Đối với một ông thầy thuốc mà cứ áp dụng mãi một phương pháp, làm mãi một vài công việc để làm mất đi triệu chứng rất khác nhau mà không hề biết gì về ý nghĩa và tầm quan trọng của những triệu chứng này, quả là một điều chán nản. Đó là công việc của một anh lao công, chả có gì là khoa học, có vẻ như làm phù thuỷ, ảo thuật; tuy vậy người ta vẫn tiếp tục làm công việc đó vì lợi ích của người bệnh. Nhưng phương pháp này thiếu điều kiện thứ ba, nghĩa là không chắc chắn nốt. Chỉ trong ít lâu là bệnh lại tái phát hay được thay thế bằng bệnh khác. Người ta lại dùng thôi miên, nhưng dùng thôi miên mãi đâu có được: theo lời những người có thẩm quyền thì dùng thôi miên mãi, người bị thôi miên sẽ mất hẳn tính độc lập, dần dần quen với thôi miên như quen với thuốc ngủ vậy. Ngay cả trong những trường hợp rất hiếm, người ta thu lượm được một vài kết quả đầy đủ và lâu dài người ta cũng không biết tại sao, theo điều kiện nào kết quả đó được tiếp tục. Có một lần tôi đã thấy một bệnh rất nặng mà tôi đã chữa khỏi sau khi dùng

thôi miên, tái phát đúng vào thời kỳ người bệnh bắt đầu ghét tôi. Tôi lại chữa khỏi, khả năng hơn lần trước và người bệnh lại trở lại có cảm tình với tôi. Nhưng bệnh lại phát lại lần thứ ba khi người bệnh lại ghét tôi. Một nữ bệnh nhân khác được tôi dùng thôi miên chữa khỏi nhiều lần đột nhiên nhảy lên ôm lấy cổ tôi trong khi tôi đang chữa cho nàng đúng vào lúc đang lên cơn thần kinh. Dù muốn dù không, đứng trước sự việc đó, chúng ta cũng phải đặt lại vấn đề về thực chất và nguồn gốc của sự ám thị.

Đó là thí nghiệm. Những cuộc thí nghiệp này cho ta thấy khi bỏ rơi sự ám thị chúng ta không phải đã bỏ rơi một điều gì tối cần thiết. Bây giờ tôi xin phép nói vài điều nữa về vấn đề này. Lối trị liệu bằng thôi miên chỉ đòi hỏi ở người bệnh một cố gắng gần như vô nghĩa lý. Trong y giới lối chữa bệnh này được rất nhiều người bệnh thích. Người thầy thuốc nói với người bệnh: "Bạn không thiếu gì cả. Thực chất của chứng bệnh của bạn là thực chất tinh thần. Tôi có thể dùng vài lời nói và trong vài phút làm cho mọi rắc rối mất đi." Nhưng chúng ta cho rằng, người ta không thể huy động một khối lớn sinh lực trong người bằng cách đánh thẳng vào nó mà không dùng một dụng cụ đặc biệt nào. Kinh nghiệm cho thấy là lối làm việc này không thành công trong bệnh thần kinh cũng như trong cơ khí. Tuy nhiên tôi biết lý luận này không phải là không thể bị bài bác, nghĩa là cũng có sơ hở.

Những điều hiểu biết thu lượm được trong khi nghiên cứu phân tâm học giúp cho ta nhìn thấy rõ ràng những sự khác biệt giữa sự ám thị thôi miên và sự ám thị phân tâm. Phương pháp thôi miên tìm cách bao trùm giấu giếm một cái gì trong đời

sống tinh thần: phương pháp phân tâm trái lại đưa cái đó ra ánh sáng và gạt bỏ ra một bên. Phương pháp trên tác dụng bên ngoài, trong khi phương pháp dưới tác dụng như một cuộc giải phẫu. Phương pháp thôi miên sự ám thị để ngăn chặn triệu chứng không phát ra được, tăng cường sự dồn ép nhưng không động đến những sự hoạt động đưa đến sự phát sinh ra triệu chứng. Trái lại phương pháp phân tâm khi đứng trước những cuộc xung đột phát sinh ra triệu chứng, tìm cách trở về tận nguồn gốc rồi dùng sự ám thị để biến đổi theo ý muốn kết quả của các cuộc xung đọt này. Phương pháp thôi miên làm cho người bệnh thụ động, không thay đổi gì cả và như thế tức là không có phản ứng gì trước một nguyên nhân mới phát sinh ra bệnh mới. Phương pháp phân tâm buộc người bệnh cũng như người thầy thuốc có những cố gắng khó nhọc để chế ngự được những sự đề kháng bên trong. Khi những sự đề kháng đó đã thất bại, đời sống tinh thần của người bệnh sẽ thay đổi lâu dài, được nâng lên một trình độ cao hơn và vẫn được bảo vệ chống lại những căn bệnh mới có thể xảy ra. Công việc chống lại mọi sự đề kháng là công việc chính yếu của phân tâm học và chính người bệnh phải làm công việc này, ông thầy thuốc chỉ dùng sự ám thị để giúp đỡ người bệnh bằng cách giáo dục anh ta thôi. Cho nên người ta có lý khi cho rằng việc chữa bệnh theo phân tâm học chính là một lối giáo dục.

Tôi tưởng đã làm cho các bạn hiểu được sự khác biệt giữa hai phương pháp nói trên trong việc dùng sự ám thị. Dựa vào sự biến đổi từ ám thị sang chuyển hoán, hẳn các bạn đã hiểu tại sao lối chữa chạy theo phương pháp thôi miên lại không chắc chắn trong khi lối phân tâm lại có thể giúp cho ta theo dõi từng kết quả một. Khi áp dụng thôi miên học chúng ta lệ thuộc vào

khả năng hoán chuyển của người bệnh mà không có cách nào tác dụng được đối với khả năng này. Sự hoán chuyển của người bị thôi miên có thể có tính cách tiêu cực hay song dường: người bệnh có thể dùng vài thái độ đặc biệt để tự bảo vệ đối với sự hoán chuyển: chúng ta không biết gì về những điều này. Dùng phân tâm học chúng ta tác dụng trực tiếp đến sự hoán chuyển, gạt bỏ những cái gì chống đối lại nó và chĩa mũi dùi theo chiều hướng ta muốn. Chúng ta có thể lợi dụng sức mạnh của sự ám thị và sự ám thị trở nên dễ bảo hơn trong mức độ nào mà anh ta chịu nhận sự hướng dẫn đó.

Nhưng các bạn sẽ nói là mình muốn gọi cái động lực nói trên là hoán chuyển hay ám thị cũng được không có gì quan hệ. Không phải vì thế mà ảnh hưởng mà người bệnh phải chịu không làm cho chúng ta hồ nghi giá trị khách quan của những điều ta đưa ra. Điều gì có ích cho phương pháp trị liệu lại có hại cho nghiên cứu. Lời bài bác này luôn được đưa ra để chống lại phân tâm học, nhưng dù có sai lầm đi nữa thì người ta cũng không thể gạt bỏ nó được như một điều gì vô nghĩa lý. Nhưng nếu lời bác bỏ này đúng thì tất cả những đề luận của phân tâm học liên can đến những ảnh hưởng của đời sống, sự sống động tinh thần, đến vô thức đều coi như nước lã ra sông hết, chỉ còn lại một phát hiện trị liệu dùng ám thị đặc biệt công hiệu thôi. Những người đối nghịch với chúng ta nghĩ như thế đó. Họ cho rằng những đề luận của chúng ta về đời sống tình dục, về tầm quan trọng của đời sống này chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng lệch lạc của chúng ta và chính chúng ta đã thúc đẩy người bệnh nói những điều họ đã nói. Chúng ta dễ dàng bác những luận điệu này bằng thí nghiệm hơn là bằng lý thuyết. Người nào đã áp dụng phân tâm học sẽ hiểu rằng người ta

không thể nào ám thị người bệnh đến mức đó được. Tất nhiên muốn cho người bệnh theo một lý thuyết nào, tin theo điều sai lầm nào của người thầy thuốc không khỏi là một điều khó. Người bệnh trong trường hợp đó cũng chẳng khác gì người thường, như một người học trò chẳng hạn; chỉ có điều trong một trường hợp này người ta dùng ảnh hưởng tác dụng không phải trên căn bệnh mà là trên trí thông minh của người bệnh. Người ta chỉ có thể giải quyết cuộc xung đột và tiêu hủy sự đề kháng bằng cách gây ra cho người bệnh những biểu tượng đợi chờ trùng hợp với sự thực. Điều gì trong sự ám thị của người thầy thuốc không phù hợp với sự thực phải được gạt bỏ ngay và thay thế bằng những đề luận đúng hơn. Người ta dùng một kỹ thuật thích hợp và chăm chú để ngăn không cho sự ám thị có những hiệu quả nhất thời, nhưng dù sao những hiệu quả này có xuất hiện chăng nữa thì cũng chẳng sao vì không bao giờ chúng ta ngừng lại ở một kết quả đầu tiên. Sự phân tích sẽ không chấm dứt một khi những điểm tối tăm chưa được đưa ra ánh sáng, những lỗ hổng trong trí nhớ chưa được san bằng, mọi trường hợp dồn ép chưa được điều chỉnh lại. Những kết quả quá nhanh chóng sẽ thành những trở lực hơn là những điều kiện thuận tiện cho công việc phân tích và khi người ta huỷ bỏ sự hoán chuyển đi, người ta sẽ huỷ bỏ luôn sự thành công nói trên. Chính đặc điểm này chứng tỏ sự khác biệt với lối chữa chạy thuần túy ám thị, giữa những kết quả do phân tâm học và do sự ám thị thu lượm được. Trong lối chữa bằng sự ám thị khác lối phân tâm học sự hoán chuyển được nâng niu, gượng nhẹ không ai dám động đến: phân tâm học trái lại tìm cách tác động hẳn vào sự hoán chuyển, lột mặt nạ của nó và phân hoá nó mặc dù nó có thể xuất hiện dưới bất cứ hình thức nào. Sau khi chữa

xong bằng phân tâm học, sự hoán chuyển phải bị tiêu diệt, hậu quả sẽ lâu dài, sự thành công không dựa trên sự ám thị giản dị và thuần tuý mà trên các kết quả thu lượm được do sự áp dụng ám thị: huỷ diệt sự đề kháng bên trong, thay đổi các điều kiện nội tâm người bệnh.

Sự ám thị càng theo nhau xuất hiện bao nhiêu chúng ta càng phải chống lại những sự đề kháng luôn luôn đe doạ biến thành hoán chuyển tiêu cực (nghĩa là đối nghịch) bấy nhiêu. Những kết quả do phân tâm học thu lượm được, mà người ta cho là sản phẩm của sự ám thị thực ra bắt nguồn ở một nơi ở trên hết mọi điều nghi ngờ. Những người đảm bảo cho chúng ta chính là những người điên và vọng tưởng: những người này không ai có thể nói là đã chịu ảnh hưởng của sự ám thị được. Điều họ kể ra cho ta nghe phù hợp với kết quả do công trình nghiên cứu về vô thức trong bệnh thần kinh hoán chuyển cung cấp và xác nhận tính đúng đắn và khách quan về các điều giải thích của chúng ta. Các bạn sẽ không sai lầm khi tin tưởng vào phương pháp phân tâm.

Bây giờ chúng ta bổ túc sự trình bày về phương pháp trị liệu về phương diện lý thuyết. Người bệnh thần kinh không có khả năng hưởng thụ và hành động: không hưởng thụ được vì khát dục của anh ta không hướng về một đối tượng nào có thực; không hành động được vì anh ta buộc phải tiêu phí nhiều sinh lực để giữ gìn khát dục trong tình trạng dồn ép và chống đỡ với sự tấn công của khát dục. Bệnh anh ta chỉ khỏi khi không còn xung đột giữa cái tôi và sự khát dục nữa, khi cái tôi đã chế ngự được khát dục. Nhiệm vụ của phương pháp trị liệu là làm cho khát dục thoát khỏi những sự ràng buộc hiện thời không do cái

tôi kiểm soát và đặt khát dục trở lại vị trí phụng sự cái tôi như trước. Khát dục của người bệnh thần kinh nấp ở đâu? Câu trả lời rất dễ: nó bị trói buộc vào những triệu chứng vì chỉ có triệu chứng mới cung cấp cho nó sự thoả mãn thay thế duy nhất. Vậy phải tóm lấy các triệu chứng, tiêu huỷ chúng đi, nghĩa là làm công việc mà người bệnh đòi hỏi.

Muốn tiêu huỷ triệu chứng phải quay trở về nguồn gốc của chúng, làm sống lại sự xung đột gây ra các triệu chứng đó, hướng cuộc xung đột này về một hướng khác, lợi dụng những yếu tố không thuộc quyền sử dụng của người bệnh trong thời kỳ phát sinh ra triệu chứng. Sự xét lại diễn biến của sự dồn ép chỉ có thể làm từng phần bằng cách theo dõi những dấu vết mà nó để lại. Điều tối yếu trong công việc chạy chữa là đi từ thái độ đối với ông thầy thuốc, từ sự hoán chuyển tạo ra một ấn bản mới của những cuộc xung đột cũ làm cho người bệnh giống như thời kỳ phát sinh ra bệnh, nhưng lần này phải huy động động lực tinh thần sẵn sàng có để tìm ra một giải pháp khác. Sự hoán chuyển vì vậy trở nên một bãi chiến trường trong đó mọi động lực đấu tranh với nhau đều phải nhập cuộc.

Tất cả khát dục và sự đề kháng với khát dục đều tập trung trong thái độ người bệnh đối với ông thầy thuốc; vào dịp đó nhất định sẽ có sự tách bạch giữa những triệu chứng và khát dục, những triệu chứng sẽ không còn dấu vết gì của khát dục nữa. Thay thế vào bệnh, chúng ta sẽ còn một sự hoán chuyển do chúng ta tạo ra và nếu bạn thích hơn, có một bệnh về sự hoán chuyển thay vào chỗ của những đối tượng vừa phức tạp vừa không thực của khát dục, chúng ta có một đối tượng duy nhất cũng ly kỳ không kém: đó là ông thầy thuốc. Những sự ám thị

do ông thầy thuốc đưa ra sẽ làm cho sự tranh đấu chung quanh đối tượng này tiến đến giai đoạn tinh thần cao nhất, thành ra chúng ta chỉ còn đứng trước một cuộc xung đột tinh thần bình thường. Chống lại một sự dồn ép mới không cho nó xuất hiện ra, chúng ta chấm dứt sự tách đôi cái tôi và khát dục, tái lập tính cách duy nhất của tinh thần. Khi khát dục rời khỏi đối tượng nhất thời là ông thầy thuốc, nó không thể quay trở lại với các đối tượng ngày xưa nữa; nó sẵn sàng phục vụ cái tôi lại. Những sức mạnh mà người ta phải chống lại trong công việc trị liệu này là: một đằng là sự chống đối lại một vài chiều hướng của khát dục, phát hiện dưới hình thức khuynh hướng dồn ép; một đằng sự dai dẳng bám riết của khát dục vào những đối tượng của nó mà nó không sẵn lòng rời bỏ.

Công cuộc trị liệu vì thế chia làm hai giai đoạn: trong giai đoạn thứ nhất khát dục tách rời khỏi các triệu chứng để định cư trên sự hoán chuyển, trong giai đoạn thứ hai sự tranh đấu diễn tiến chung quanh đối tượng mới để sau cùng làm cho khát dục thoát khỏi đối tượng này. Kết quả thuận lợi này chỉ có thể có được khi trong cuộc xung đột mới này, người ta thành công trong việc ngăn cản sự xuất hiện của một sự dồn ép mới, nếu không khát dục sẽ lấp vào trong vô thức và lại thoát khỏi sự kiểm soát của cái tôi. Nhờ có ảnh hưởng của sự ám thị cái tôi sẽ biến đổi đi và sự biến đổi này sẽ giúp chúng ta đạt được kết quả thuận lợi nói trên. Nhờ phân tâm học biến vô thức thành hữu thức nên cái tôi mới lớn mạnh hơn, nhờ những lời khuyên bảo của thầy thuốc, cái tôi sẽ tỏ ra khoan dung hơn đối với khát dục dành cho khát dục một vài sự thoả mãn và do đó người bệnh sẽ bớt e dè khát dục hơn vì người bệnh có thể thoát khỏi được khát dục nhờ sự hoán chuyển. Sự diễn tiến như trên càng đến

gần tình trạng lý tưởng vừa được mô tả bao nhiêu thì sự thành công trong công việc chữa chạy càng chắc chắn bấy nhiêu. Điều làm cho sự thành công bị hạn chế là một đằng sự khát dục không đủ mềm mỏng để có thể rời khỏi dễ dàng những đối tượng mà nó bám vào; đằng khác là sự cứng rắn của bệnh nác xít chỉ chịu sự hoán chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác trong một giới hạn nào đó thôi. Điều làm cho các bạn hiểu rõ tính cách sống động của lối chữa bệnh, hơn nữa là việc chúng ta có thể nắm trong tay tất cả sự khát dục đang tìm cách thoát khỏi cái tôi bằng cách kéo một phần sự khát dục về với chúng ta bằng sự hoán chuyển.

Sự định cư của khát dục trong lúc chữa chạy và sau khi chữa xong không hề cho ta biết gì về điểm định cư của nó trong thời kỳ bệnh nặng. Giả dụ nhưng trong khi chữa bệnh, chúng ta nhận thấy có sự hoán chuyển khát dục đến người cha và chúng ta đã tách rời được nó ra khỏi người cha để hướng dẫn về ông thầy thuốc chẳng hạn: chúng ta sẽ lầm lớn nếu cho rằng người bệnh đau khổ vì khát dục của mình đã định cư trên người cha một cách vô thức. Sự hoán chuyển của người cha chỉ là bãi chiến trường trên đó chúng ta tóm được khát dục, nhưng không phải khát dục có mặt trên chiến trường ngay từ lúc đầu, nguồn gốc của nó ở chỗ khác. Bãi chiến trường chưa hẳn đã là một vị trí quan trọng của địch quân. Sự bảo vệ kinh đô của địch quân không nhất thiết phải được tổ chức ngay cửa ngõ kinh đô đó chỉ sau khi hủy diệt được sự hoán chuyển cuối cùng, chúng ta mới biết được khát dục đã định cư ở đâu trong thời kỳ chữa bệnh.

Đứng về phương diện lý thuyết của khát dục, chúng ta có thể thêm một vài điều liên quan đến giấc mơ. Giấc mơ của

người bệnh thần kinh cũng như những hành vi sai lạc về những kỷ niệm của họ giúp cho chúng ta biết rõ được ý nghĩa của các triệu chứng và tìm được nơi định cư của khát dục. Dưới hình thức thoả mãn mong muốn vào những đối tượng nào mà khát dục đã bám vào để thoát khỏi sự kiểm soát của cái tôi. Vì thế cho nên sự giải thích giấc mơ giữ một vai trò quan trọng trong phân tâm học và trong nhiều trường hợp trở thành phương sách chính trong việc nghiên cứu. Chúng ta biết rằng giấc ngủ có kết quả là thả lỏng một phần nào cho sự dồn ép. Vì sự kìm hãm nhẹ hơn nên sự ham muốn trong giấc mơ có thể có một hình thức rõ ràng hơn sự ham muốn xuất hiện dưới hình thức triệu chứng trong khi thức. Vì thế cho nên việc nghiên cứu giấc mơ mở đường cho chúng ta hiểu rõ vô thức bị dồn ép mà trong vô thức đó lại có mặt sự khát dục thoát khỏi được sự kiềm chế của cái tôi.

Giấc mơ của những người bệnh thần kinh không khác giấc mơ của người thường một điểm nào cả; không những thế chúng ta khó mà phân biệt được rõ ràng hai loại giấc mơ đó. Chúng ta sẽ vô lý khi việc tìm trong giấc mơ của người bệnh thần kinh một sự giải thích không có giá trị đối với giấc mơ của người thường. Vì thế nên chúng ta phải nói rằng sự khác biệt giữa tình trạng của trạng thái bị bệnh thần kinh và trạng thái bình thường chỉ có trong tình trạng thức của hai trạng thái đó và sự khác biệt này biến mất trong giấc mơ ban đêm. Chúng ta bắt buộc phải áp dụng cho người bình thường một số các dữ kiện dẫn xuất từ những liên quan giữa giấc mơ và triệu chứng của bệnh thần kinh. Chúng ta phải thừa nhận rằng người bình thường trong đời sống tinh thần cũng có một cái gì khiến cho giấc mơ và triệu chứng có thể phát sinh ra được và người bình thường cũng phải

tranh đấu với sự dồn ép, cũng phải đem sinh lực ra để ngăn chặn những dồn ép đó. Hệ thống vô thức của người bình thường cũng chứa đựng những sự ham muốn bị chế ngự *và một phần của sự khát dục cũng thoát khỏi sự kiểm chế của cái tôi*. Vậy người bình thường cũng là người bệnh thần kinh tiềm tiến nhưng hình như chỉ có giấc mơ là triệu chứng duy nhất có thể thành lập được. Nhưng đó chỉ là bề ngoài vì khi đem đời sống trong khi thức của một người bình thường ra nghiên cứu thực kỹ, chúng ta cũng thấy là đời sống mà ta tưởng bình thường này cũng chứa đựng rất nhiều triệu chứng, thực ra không có nghĩa lý gì và không quan trọng gì trong thực tế.

Vậy sự khác biệt giữa sức khoẻ bình thường và bệnh thần kinh chỉ là một sự khác biệt về đời sống thực tế và phụ thuộc vào mức hưởng thụ và hoạt động mà người đó còn làm được. Sự khác biệt này rút lại chỉ là khác biệt giữa những số lượng sinh lực còn được tự do và số lượng sinh lực bị ngưng hoạt động vì sự có mặt của dồn ép. Vậy sự khác biệt không phải về phẩm mà về lượng. Tôi không cần nhắc lại là quan điểm trên đây hiến cho ta một căn bản để tin tưởng bệnh thần kinh có thể chữa khỏi dù chúng có tính di truyền.

Đó là điều mà sự đồng nhất giữa giấc mơ của người bình thường và giấc mơ của người bệnh thần kinh giúp cho ta kết luận về đặc tính của sức khỏe bình thường. Nhưng về phương diện giấc mơ, chúng ta còn rút từ sự đồng nhất này ra một kết luận nữa đó là việc chúng ta không được tách rời giấc mơ ra khỏi những liên quan của nó đối với những triệu chứng bệnh thần kinh, rằng ta không nên tin rằng chúng ta đã mô tả được thực chất của giấc mơ khi nói rằng nó chẳng là gì khác hơn sự

phát biểu sơ khai cổ lỗ của một vài ý tưởng hay tư tưởng, rằng chúng ta phải chấp nhận giấc mơ có thể cho chúng ta biết những nơi toạ lạc và định cư của khát dục có thực.

Tôi sắp chấm dứt những bài học này. Các bạn có lẽ thất vọng khi thấy tôi chỉ nói đến vấn đề về lý thuyết trong chương nói về cách chữa bệnh trong phân tâm học mà không nói gì đến những điều kiện phải có khi bắt đầu dùng phương pháp trị liệu đó và những hiệu quả cần phải đạt được. Tôi chỉ nói đến lý thuyết vì không hề có ý hiến các bạn một kim chỉ nam thực hành phân tâm học, tôi có lý do để không nói đến những cách làm việc và kết quả của phân tâm học. Tôi đã nói ngay trong những buổi đầu là nếu gặp điều kiện thuận tiện chúng ta đã thu lượm thực sự thành công rực rỡ trong công việc chữa chạy không kém gì những sự thành công huy hoàng nhất của môn nội thương trong y học, tôi có thể thêm rằng, những sự thành công mà phân tâm học đã thu lượm được, không một môn nào khác có thể đạt được. Nếu nói nhiều nữa sợ các bạn nghi ngờ là tôi muốn đem quảng cáo ầm ĩ để che lấp những tiếng reo hò của những kẻ thù nghịch phân tâm học. Có nhiều bạn đồng nghiệp đe doạ các nhà phân tâm học trong những buổi họp công cộng là họ sẽ mở mắt cho công chúng xem sự nghèo nàn của lối chữa của chúng ta bằng cách công bố danh sách những thất bại tai hại mà phân tâm học đã phạm phải. Không nói gì đến tính chất bỉ ổi của một hành động như thế, một hành động chỉ có tính chất thù hận, cho dù người ta có công bố thực những điều nói trên chăng nữa thì sự công bố này cũng chẳng giúp gì cho công việc phán đoán đúng đắn về hiệu quả của công việc chữa chạy thay lối phân tâm. Phương pháp trị liệu phân tâm mới ra đời đây thôi, cần có nhiều thời gian mới ổn định được kỹ

thuật mà công việc này lại chỉ làm được trong khi nghiên cứu và nhờ phản ứng đối với kinh nghiệm trực tiếp. Vì gặp nhiều khó khăn trong việc giảng dạy phân tâm học nên người thầy thuốc trẻ tuổi bắt đầu vào nghề phân tâm thường phải tự mình trông cậy vào mình để hoàn bị nghệ thuật, thành ra những kết quả thu lượm được không thể nói là có lợi hay có hại cho công việc chứng tỏ là lối chữa chạy của phân tâm học có hiệu quả hay không.

Nhiều công việc chữa chạy đã thất bại trong buổi đầu của phân tâm học vì đã được thực hiện trong những trường hợp không thuộc phạm vi môn học và hiện nay chúng ta gạt bỏ rất nhiều điều chỉ dẫn của những trường hợp đó. Nhưng chính vì có những cuộc chữa thử đó nên ngày nay chúng ta mới tiến được. Trước kia người ta đâu có biết bệnh điên sớm phát và bệnh vọng tưởng không thể chữa được bằng phân tâm học, vậy mà người ta vẫn có quyền dùng phương pháp đó để chữa nhiều bệnh khác nhau nữa. Tuy nhiên ta phải công bằng mà nói rằng, nếu trong những năm đầu tiên phân tâm học đã gặp nhiều thất bại thì đó không phải do thầy thuốc thiếu kinh nghiệm mà chính vì những điều kiện không thuận tiện. Từ trước đến nay chúng ta chỉ nói đến những sự đề kháng bên trong; những sự đề kháng này do người bệnh đưa ra rất cần thiết và không thể khắc phục được. Nhưng còn những chướng ngại vật bên ngoài, xung quanh người bệnh, do người xung quanh tạo ra, tuy không có lợi ích gì về lý thuyết, nhưng lại rất quan trọng trong thực tế. Phương pháp trị liệu phân tâm học giống như một cuộc giải phẫu, nghĩa là phải được thực hiện trong những điều kiện khiến cho những cơ hội thất bại phải được rút đến mức tối thiểu. Các bạn hẳn biết người giải phẫu phải cẩn trọng như thế nào: có

phòng thích hợp, ánh sáng đầy đủ, người phụ tá có kinh nghiệm nghề nghiệp, cấm người thân bệnh nhân có mặt trong phòng v.v... Có bao nhiêu cuộc giải phẫu thành công được nếu được diễn ra trước mặt đông đủ người thân của bệnh nhân kêu la rên xiết mỗi khi thấy lưỡi dao lướt qua người bệnh. Trong công cuộc chữa chạy của phân tâm học, sự có mặt của người thân người bệnh là một điều nguy hiểm, nhưng làm sao cho họ không có mặt bây giờ? Chúng ta đủ cách để phòng chống lại những sự đề kháng bên trong, chúng ta lại biết rằng những sự đề kháng đó rất cần thiết; nhưng làm sao chống lại những sự đề kháng từ bên ngoài? Không có cách nào thuyết phục người thân bệnh nhân đứng ngoài cuộc chữa chạy; ngoài ra không bao giờ nên tỏ vẻ hoà đồng với người thân bệnh nhân vì người bệnh sẽ không còn tin tưởng ở ông thầy thuốc nữa, vì người bệnh bắt buộc rằng người mà anh ta tin cậy đến độ nói cho nghe hết những điều bí ẩn của lòng mình phải đứng về phía mình trong mọi trường hợp. Người nào quen với những sự cãi cọ trong gia đình thường hiểu rằng nhiều khi một người trong gia đình người bệnh có lợi khi để cho người bệnh cứ tiếp tục bị bệnh mãi chứ không muốn cho người bệnh khỏi. Trong những trường hợp luôn luôn xảy ra khi có bệnh thần kinh chính là hậu quả của quyền lợi tương phản giữa những người trong gia đình thì người thân của bệnh nhân thường không có gì phải chọn lựa giữa quyền lợi của chính mình và sự khỏi bệnh của người bệnh. Cho nên chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy một người chồng không thích cho thầy thuốc biết tội lỗi của mình. Vì thế nên những nhà phân tâm học chúng tôi không ngạc nhiên và chúng tôi không chấp nhận những điều trách móc khi công cuộc chữa chạy thất bại hay phải dừng lưng chừng vì có sự đề kháng của

người chồng đến phụ lực cho sự đề kháng của người bệnh. Chúng ta đã làm một công việc không thể thành công được trong những điều kiện như thế. Tôi chỉ kể cho các bạn nghe trong một trường hợp thôi trong đó tôi trở thành nạn nhân mà không dám nói ra chỉ vì những điều nhận xét thuần túy y học. Cách đây vài năm tôi chữa bệnh cho một thiếu nữ bị bệnh thần kinh lo sợ đến nỗi không dám đi ra ngoài hay ở nhà một mình. Dần dần cô ta cho tôi biết sở dĩ như thế là vì chính mắt cô đã được chứng kiến cuộc giao du tình ái giữa mẹ cô và một người bạn giàu có của gia đình. Cô ta đã vụng về hay quá tế nhị để cho mẹ biết những việc gì đã xảy ra trong những buổi chữa bệnh bằng phân tâm học: để tránh khỏi phải ngồi một mình cô bám chặt lấy mẹ, không cho mẹ đi đâu hết. Người mẹ trước kia cũng bị bệnh thần kinh và đã được chữa khỏi trong một bệnh viện chữa bằng nước. Trong thời kỳ nằm viện, bà ta quen biết một ông sau đó đã giao du thân mật với bà ta và làm cho bà ta rất hài lòng về mọi phương diện. Thấy con đòi hỏi mạnh mẽ như thế, bà đột nhiên hiểu rõ tại sao con gái mình lại lo sợ như thế, rằng con gái mình làm ra vẻ bị bệnh để ngăn cấm không cho mẹ đi ra ngoài và có cơ hội gặp lại người yêu. Bà bất thần chấm dứt mọi sự chữa chạy. Người con gái được đưa vào một bệnh viện thần kinh và trong bao nhiêu năm người ta rêu rao là cô ta là một nạn nhân đáng thương của môn phân tâm học. Người ta đã trách móc tôi nhiều về kết quả thảm hại của việc chữa chạy. Tôi phải giữ im lặng vì bí mật nghề nghiệp. Mãi nhiều năm về sau, một người bạn thường đi lại trong bệnh viện của cô gái cho tôi biết rằng cuộc giao du tình ái giữa bà mẹ và người bạn giàu, với sự đồng lõa của người chồng vỡ lở khiến

cho ai cũng biết. Vậy người ta đã nhân danh điều "bí mật" này để chấm dứt sự chữa chạy bằng phân tâm.

Trong những năm trước khi xảy ra chiến tranh (Đại chiến lần thứ nhất (1914), vì có nhiều người ngoại quốc nên tôi không để ý đến sự hoan nghênh hay không của thành phố quê hương tôi nữa, tôi đã tự đặt cho mình quy tắc là không chữa cho bất cứ người nào nếu người đó không độc lập với người thân. Đó là một quy tắc mà không phải bất cứ một nhà phân tâm học nào cũng theo được. Nhưng vì tôi bảo các bạn nên đề phòng với thân nhân của người bệnh, các bạn sẽ cho rằng những người bệnh được chữa bằng phân tâm học phải sống xa gia đình và người quen biết và lối chữa chạy này chỉ có thể áp dụng cho những người nằm trong bệnh viện thần kinh. Không phải thế đâu: nếu không bị bệnh quá nặng, người bệnh sẽ có lợi vô cùng nếu được chữa chạy trong bầu không khí quen thuộc, trong đó họ có thể giải quyết được những vấn đề của họ. Bà con của họ chỉ cần đừng có thái độ thù nghịch với ông thầy thuốc và can thiệp vào sự chữa chạy của ông ta thôi. Nhưng những điều đó sao mà khó làm thế! Tất nhiên bạn sẽ dễ dàng nhận thấy rằng chữa bệnh có thành công hay không là tuỳ thuộc vào bầu không khí xã hội chung quanh người bệnh và trình độ học thức của gia đình người bệnh.

Tất cả những điều đó không đủ cho ta có một ý niệm cao cả về sự công hiệu của phương pháp trị liệu phân tâm học, dù rằng phần lớn những sự thất bại của chúng ta là do những điều kiện bên ngoài. Nhiều bạn của phân tâm học thúc giục tôi công bố danh sách những sự thành công của môn này để đáp lại danh sách của những sự thất bại. Tôi không chấp nhận lời khuyên

này. Để bênh vực ý kiến này, tôi cho rằng một sự thống kê chẳng có giá trị gì khi những con số đưa ra không giống nhau, mà những bệnh do phân tâm học chữa chạy lại khác nhau rất nhiều và rất xa. Vả lại thời gian chưa đủ để khẳng định rằng người bệnh đã khỏi hoàn toàn, có nhiều trường hợp chưa lấy gì làm chắc chắn. Những trường hợp này là trường hợp của những người giấu không muốn cho người khác biết mình bị bệnh và đã được chữa khỏi. Nhưng trên tất cả các điều khác, điều tôi đưa ra để bênh vực quan điểm của tôi trong vấn đề này là thái độ không hợp lý của mọi người đối với mọi phương pháp trị liệu, không thể dùng những lý lẽ hợp lý dựa vào thí nghiệm cũng như để thuyết phục họ. Một điều mới lạ trong phương pháp trị liệu thường được đón tiếp hoặc bằng một thái độ hoan nghênh ầm ĩ, như độc tố lao đầu tiên của Koch chẳng hạn, hoặc bị nghi ngờ một cách làm nản lòng người như phương pháp phòng ngừa của Jenner chẳng hạn mà cho mãi tận bây giờ vẫn còn nhiều người chỉ trích. Phân tâm học vấp phải một thái độ thiên vị rõ ràng. Khi nói về một sự thành công của phân tâm học, người ta thường nói: "Điều đó chẳng nói lên gì cả, vì giả dụ như không được ông chữa thì ngày nay người bệnh vẫn khỏi như thường". Rồi một khi người bệnh sau bốn chu kỳ buồn rầu và có thói quen kỳ cục, được chữa chạy trong một khoảng thời gian tạm khỏi, ba tuần sau lại thấy bệnh tái phát là mọi người trong gia đình đó có cả một y sĩ thượng thặng kêu la lên rằng sự tái phát này là hậu quả tất nhiên của lối chữa chạy trong phân tâm. Đối với những thành kiến đó, chúng ta chỉ có việc khoanh tay. Cần để cho thời gian qua đi mới xoá nhoà được những thành kiến đó. Một ngày kia những người này sẽ nghĩ lại, khác với những điều họ nghĩ trước kia. Nhưng tại sao hôm trước họ

không nghĩ như hôm nay? Đó là một điều bí mật đối với họ cũng như đối với chúng ta.

Cũng có thể là những thành kiến này đã đi thụt lùi vì ngày nay phân tâm học đã được phổ biến và nhiều y sĩ trẻ tuổi cũng đã dùng phân tâm học để chữa bệnh. Khi còn là một thầy thuốc trẻ tuổi tôi đã được chứng kiến người ta la ó giận dữ ra sao trong giới y học để đón tiếp phương pháp trị liệu bằng thôi miên y như ngày nay người ta la ó trước phương pháp trị liệu bằng phân tâm học. Nhưng về tính chất trị liệu thôi miên học đã không giữ được lời đã hứa trong buổi đầu; những nhà phân tâm học như chúng ta, chúng ta biết đã chịu ơn thôi miên học như thế nào và đã coi mình như những người thừa kế của môn này. Những điều người ta chỉ trích phân tâm học bắt nguồn ở chỗ có những hiện tượng nhất thời gây nên bởi một vài sự áp dụng vụng về và bị ngừng lại bất thần của một vài cuộc chữa chạy. Bây giờ vào lúc các bạn đã biết thái độ của chúng ta đối với người bệnh ra sao rồi thì bạn hẳn biết thái độ đó có gây cho người bệnh điều thiệt hại gì lâu dài hay không. Tất nhiên phân tâm học có thể đưa đến nhiều sự lạm dụng và sự hoán chuyển đặc biệt là một phương sách nguy hiểm trong tay một nhà phân tâm học không tận tâm. Nhưng có phương pháp trị liệu nào mà không bị lạm dụng? Muốn chữa khỏi bệnh, lưỡi dao giải phẫu phải cắt chứ làm sao bây giờ?

Tôi đã chấm dứt những bài học này và tiếc rằng trong những bài học này còn có những thiếu sót và lỗ hổng. Tôi tiếc là đã hứa với các bạn quay trở lại một vài vấn đề nhưng rồi lại chỉ nói phớt qua thôi và đã không thể giữ lời hứa vì chiều hướng của những bài học này. Tôi đã làm công việc mở đường

cho các bạn đi vào một môn học đang phát triển, còn thiếu sót nhiều và vì muốn tóm tắt lại tôi đã đưa ra một bài trình bày còn thiếu sót. Hơn một lần tôi đã tập trung những vật liệu để đưa ra một kết luận mà rồi sau tôi không đưa ra. Tôi không có tham vọng làm cho các bạn trở thành những nhà chuyên môn. Tôi chỉ muốn mở đường cho các bạn và thúc đẩy các bạn thôi.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc : NGUYỄN VĂN THỎA
Tổng biên tập : NGUYỄN THIỆN GIÁP

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN VĂN THẢO
VÂN HÀ

Trình bày bìa: DƯƠNG TẤT THẮNG

PHÂN TÂM HỌC NHẬP MÔN

Mã số: 02.260.ĐH 2001 – 1181.2001

In 1000 cuốn tại Công ty in Thương mại (Bộ Thương mại)

Số xuất bản: 30/1181/CXB. Số trích ngang 08/KH/XB

In xong và nộp lưu chiểu quí I năm 2002

PHÂN TÂM HỌC
nhập môn

Freud đã vẽ bản đồ khoa tâm lý học. Ông là một nhà tiên phong vĩ đại và phần lớn những thành công của ông là nhờ ở cái mới lạ cùng bút pháp của ông. Mặc dù phương pháp này có mặt đáng hoài nghi, nhưng chưa bao giờ có một phương pháp nào lý thú và mới lạ hơn, ngay cả về mặt bút pháp nếu không kể loại thuần túy văn chương, cũng chưa bao giờ có một bút pháp nào quyến rũ hơn của Freud. Ông đã buộc thế giới phải suy tư theo kiểu tâm lý học, đó là một nhu cầu cốt yếu của thời đại chúng ta. Ông cũng đã buộc Con người phải tự đặt cho mình những câu hỏi liên quan đến hạnh phúc của loài người.

NHÀ SÁCH KIẾN THỨC